



XC90

SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi hy vọng bạn sẽ luôn tận hưởng được những trải nghiệm lái xe tuyệt vời trên chiếc Volvo của mình. Xe được thiết kế để mang lại sự an toàn và tiện nghi cho bạn và hành khách trên xe. Volvo luôn nỗ lực tạo ra một trong những chiếc xe an toàn nhất thế giới. Chiếc Volvo của bạn cũng được thiết kế phù hợp với các yêu cầu áp dụng về an toàn và môi trường.

Để có những trải nghiệm tuyệt vời hơn trên chiếc Volvo của mình, chúng tôi khuyến cáo bạn nên đọc các hướng dẫn và thông tin bảo dưỡng trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Sách hướng dẫn sử dụng còn có trên ứng dụng di động (Volvo Manual) và trên trang hỗ trợ Volvo Cars (support.volvocars.com).

Chúng tôi khuyến khích mọi người luôn thắt dây đai an toàn trong chiếc xe của mình và những chiếc xe khác. Vui lòng không lái xe khi bạn đã uống rượu hoặc đang trong quá trình điều trị bằng thuốc do việc này sẽ làm giảm khả năng điều khiển xe một cách an toàn trong một số tình huống.

MỤC LỤC

THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Thông tin về sách hướng dẫn sử dụng	18
Sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm	19
Điều hướng trong sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm	20
Sách Hướng dẫn Sử dụng trên thiết bị di động	22
Trang hỗ trợ Volvo Cars	23
Đọc sách hướng dẫn sử dụng	23
Sách hướng dẫn sử dụng và môi trường	26

CHIẾC XE VOLVO CỦA BẠN

Volvo ID	28
Tạo và đăng ký Volvo ID	28
Drive-E - tận hưởng trải nghiệm lái xe thân thiện với môi trường	30
IntelliSafe - hỗ trợ người lái	33
Sensus - kết nối và giải trí trực tuyến	34
Cập nhật phần mềm	37
Ghi dữ liệu	37
Điều khoản và Điều kiện Sử dụng Dịch vụ	38
Chính sách về Quyền riêng tư của Khách hàng	38
Thông tin quan trọng về phụ kiện và thiết bị phụ trợ	39
Lắp đặt phụ kiện	39
Kết nối thiết bị với ô chẩn đoán của xe	40
Hiển thị số khung của xe	41
Sự xao nhãng của người lái	41

SỰ AN TOÀN

Sự an toàn	44
An toàn cho phụ nữ mang thai	44
Hệ thống Bảo vệ Cổ	45
Dây đai an toàn	46
Thắt và tháo dây đai an toàn	47
Bộ căng dây đai an toàn	48
Cài đặt lại bộ căng dây đai an toàn điện	49
Nhắc nhở đóng cửa và thắt dây đai an toàn	50
Túi khí	51
Túi khí của người lái	52
Túi khí của hành khách	53
Bật và tắt túi khí của hành khách*	54
Túi khí hai bên	56
Túi khí	57
Chế độ an toàn	58
Khởi động và di chuyển xe sau khi bật chế độ an toàn	58
An toàn cho trẻ em	59
Ghế trẻ em	60
Các điểm gắn trên cho ghế trẻ em	61
Các điểm gắn dưới cho ghế trẻ em	61
Các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em	62
Xác định vị trí ghế trẻ em	63

		MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẢNG GIỌNG NÓI	
Gắn ghế trẻ em	64	Bảng táp lô và bảng điều khiển ở xe lái bên tay trái	76
Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe	66	Bảng táp lô và bảng điều khiển ở xe lái bên tay phải	
Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ghế i-Size	68	Màn hình người lái	77
Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ISOFIX	69	Cài đặt màn hình người lái	
Ghế trẻ em tích hợp*	72	Đồng hồ đo nhiên liệu	79
Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* lên	73	Máy tính hành trình	83
Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* xuống	73	Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình người lái	84
		Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình	86
		Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình trung tâm	87
		Cài đặt dữ liệu hành trình	87
		Thời gian và ngày tháng	
		Đồng hồ đo nhiệt độ bên ngoài	88
		Biểu tượng thông báo trong màn hình người lái	89
		Biểu tượng cảnh báo trong màn hình người lái	89
		Thỏa thuận bản quyền màn hình người lái	90
		Menu ứng dụng trong màn hình người lái	92
		Thao tác menu ứng dụng trong màn hình người lái	93
		Thông báo trong màn hình người lái	99
		Quản lý thông báo trong màn hình người lái	100
		Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái	101
		Tổng quan về màn hình trung tâm	102
		Quản lý màn hình trung tâm	103
			105
			108
		Bật và tắt màn hình trung tâm	111
		Điều hướng trong phần màn hình trung tâm	111
		Quản lý các phần phụ trong màn hình trung tâm	115
		Phần chức năng trong màn hình trung tâm	
		Di chuyển ứng dụng và nút trong màn hình trung tâm	118
		Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm	120
		Bàn phím trong màn hình trung tâm	122
		Thay đổi ngôn ngữ bàn phím trong màn hình trung tâm	122
		Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm	125
		Thay đổi hình thức trong màn hình trung tâm	
		Tắt và thay đổi âm lượng của âm thanh hệ thống trong màn hình trung tâm	127
		Thay đổi đơn vị hệ thống	127
		Thay đổi ngôn ngữ hệ thống	128
		Các cài đặt khác trong phần trên cùng của màn hình trung tâm	128
		Mở cài đặt theo bối cảnh trong màn hình trung tâm	129
		Cài đặt lại dữ liệu người dùng để thay đổi quyền sở hữu	130
		Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm	
		Bảng trình bày cài đặt màn hình trung tâm	130
		Hồ sơ người lái	131
			132

Lựa chọn hồ sơ người lái	133	CHIẾU SÁNG		CỬA SỔ, KÍNH VÀ GƯƠNG	
Đổi tên hồ sơ người lái	133	Điều khiển chiếu sáng	148	Cửa sổ, kính và gương	164
Bảo vệ hồ sơ người lái	134	Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm	149	Bảo vệ chống kẹt vào cửa sổ và rèm che nắng	164
Liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái	134	Điều chỉnh độ cân bằng của đèn chiếu sáng	150	Cài đặt lại trình tự bảo vệ chống kẹt cửa	165
Cài đặt lại cài đặt trong hồ sơ người lái	135	Đèn định vị	151	Cửa sổ điện	165
Thông báo trong màn hình trung tâm	136	Đèn chạy ban ngày	152	Vận hành cửa sổ điện	166
Quản lý thông báo trong màn hình trung tâm	136	Đèn cốt	152	Sử dụng rèm che nắng*	167
Xử lý thông báo được lưu từ màn hình trung tâm	137	Sử dụng đèn pha	153	Gương chiếu hậu và gương cửa	167
Màn hình kính chắn gió*		Đèn pha chủ động	154	Điều chỉnh hệ thống chống chói của gương chiếu hậu	168
Bật và tắt màn hình kính chắn gió*	138	Sử dụng xi nhan	155	Điều chỉnh góc của gương cửa	169
Cài đặt cho màn hình kính chắn gió*	139	Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động*	156	Cửa sổ trời*	170
Nhận dạng giọng nói	140	Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc*	157	Vận hành cửa sổ trời*	171
Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói	141	Đèn sương mù phía sau	157	Đóng tự động rèm che nắng của cửa sổ trời*	173
Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói	142	Đèn phanh	158	Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính	174
Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói	143	Đèn phanh khẩn cấp	158	Sử dụng cần gạt nước	174
Cài đặt nhận dạng giọng nói	144	Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm	159	Sử dụng cảm biến mưa	175
		Sử dụng đèn chiếu sáng an toàn	159	Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa	176
		Thời gian sáng của đèn báo chủ xe	160	Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha	177
		Chiếu sáng trong xe	160	Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau	178
		Điều chỉnh chiếu sáng trong xe	162	Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi	179

GHẾ NGỒI VÀ VỎ LĂNG

Ghế ngồi trước chỉnh tay	182
Ghế ngồi trước chỉnh điện*	183
Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện*	183
Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió*	184
Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió*	185
Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước	186
Điều chỉnh cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước	187
Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước	188
Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước	189
Điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước	190
Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái*	191
Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai	192
Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai	194
Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai*	195
Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai	196
Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba*	197

Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba*	198
Các nút điều khiển vỏ lăng và còi	199
Khóa vỏ lăng	199
Điều chỉnh vỏ lăng	200

ĐIỀU HÒA

Điều hòa	202
Các vùng điều hòa	202
Điều khiển điều hòa - cảm biến	203
Nhiệt độ cảm nhận được	203
Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói	204
Chất lượng không khí	205
Làm sạch Không khí*	205
Gói Làm sạch Không khí Trong xe*	206
Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe*	206
Bật và tắt cảm biến chất lượng không khí*	
Bộ lọc khoang hành khách	207
Phân bố không khí	207
Thay đổi phân bố không khí	208
Mở, đóng và điều chỉnh hướng cửa gió	208
Bảng các tùy chọn phân bố không khí	209
Các nút điều khiển điều hòa	210
Bật và tắt sưởi ghế ngồi trước*	213
Bật và tắt tự động khởi động sưởi ghế ngồi trước*	215
Bật và tắt sưởi ghế ngồi sau*	216
Bật và tắt thông gió ghế ngồi trước*	216
	217

Bật và tắt sưởi vô lăng*	218
Bật và tắt tự động khởi động sưởi vô lăng*	218
Bật điều khiển điều hòa tự động	219
Bật và tắt tái lưu thông không khí	219
Bật và tắt cài đặt thời gian tái lưu thông không khí	220
Bật và tắt sấy kính chắn gió ở nhiệt độ cao nhất	220
Bật và tắt sưởi kính chắn gió*	222
Bật và tắt tự động khởi động sưởi kính chắn gió*	223
Bật và tắt sưởi cửa sổ sau và gương cửa	223
Bật và tắt tự động khởi động sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa	224
Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi trước	224
Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi sau*	225
Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế ngồi trước	226
Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế ngồi sau*	226
Đồng bộ nhiệt độ	227
Bật và tắt điều hòa không khí	228
Bật và tắt điều hòa cho hàng ghế ngồi thứ ba*	229

Bật và tắt tự động khởi động điều khiển điều hòa cho hàng ghế ngồi thứ ba*	229
Điều hòa khi đỗ xe*	230
Điều hòa sẵn*	230
Bật và tắt điều hòa sẵn*	231
Cài đặt thời gian điều hòa sẵn*	232
Bổ sung và điều chỉnh cài đặt thời gian để điều hòa sẵn*	232
Bật và tắt cài đặt thời gian để điều hòa sẵn*	233
Loại bỏ cài đặt thời gian để điều hòa sẵn*	234
Tối ưu điều hòa khi đỗ xe*	235
Bật và tắt điều chỉnh điều hòa khi đỗ xe*	235
Biểu tượng và thông báo điều khiển điều hòa khi đỗ xe*	236
Hệ thống sưởi*	237
Hệ thống sưởi khi đỗ xe*	238
Hệ thống sưởi bổ sung*	239
Bật và tắt tự động khởi động hệ thống sưởi phụ	239

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Xác nhận khóa	242
Cài đặt báo khóa	243
Chìa khóa điều khiển từ xa	243
Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa	245
Cài đặt mở khóa điều khiển từ xa và mở khóa từ bên trong xe	247
Mở khóa cốp sau bằng chìa khóa điều khiển từ xa	247
Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa	248
Thay pin trong chìa khóa điều khiển từ xa	249
Đặt thêm chìa khóa điều khiển từ xa	252
Chìa khóa Đò - chìa khóa điều khiển từ xa hạn chế*	252
Cài đặt Chìa khóa Đò*	253
Lưỡi chìa khóa có thể tháo rời	253
Khóa và mở khóa bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời	255
Hệ thống khóa chống trộm	256
Loại hệ thống chìa khóa điều khiển từ xa được chấp nhận	257
Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng*	266
Khóa và mở khóa từ xa*	266
Cài đặt vào xe từ xa*	267
Mở khóa cốp sau điều khiển từ xa*	268
Vị trí ăng ten cho hệ thống khởi động và khóa	268

Khóa và mở khóa từ bên trong xe	270	HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI			
Mở khóa cốp sau từ bên trong xe	271	Hệ thống hỗ trợ lái xe	286	Bật và khởi động Kiểm soát Hành trình	300
Bật và tắt khóa an toàn trẻ em	272	Lực đánh lái phụ thuộc vào tốc độ	286	Quản lý tốc độ cho kiểm soát hành trình	301
Tự động khóa khi lái xe	273	Hệ thống kiểm soát chống lật của hệ thống cân bằng	287	Tắt Kiểm soát Hành trình và cài đặt ở chế độ chờ	302
Mở và đóng cốp sau chạy điện*	273	Kiểm soát cân bằng điện tử	287	Bật lại Kiểm soát Hành trình từ chế độ chờ	303
Lập trình độ mở tối đa cho cốp sau chạy điện*	276	Chế độ lái thể thao để kiểm soát cân bằng điện tử	289	Tắt kiểm soát hành trình	
Mở và đóng cốp sau bằng cách di chuyển chân*	277	Bật/tắt chế độ Lái thể thao trong Kiểm soát Cân bằng Điện tử	289	Cảnh báo Khoảng cách*	303
Khóa riêng tư	279	Hạn chế của chế độ lái thể thao trong Kiểm soát Cân bằng Điện tử	289	Màn hình hiển thị kính chắn gió để Cảnh báo Khoảng cách	304
Bật và tắt khóa riêng tư	279	Biểu tượng và thông báo để kiểm soát cân bằng điện tử	290	Bật/tắt Cảnh báo khoảng cách	305
Báo động*	281	Hệ thống Giới hạn Tốc độ	291	Cài đặt khoảng cách về thời gian để Cảnh báo Khoảng cách	306
Bật và tắt báo động*	282	Bật và khởi động Hệ thống Giới hạn Tốc độ	292	Hạn chế của Cảnh báo Khoảng cách	
Giảm mức báo động*	283	Quản lý tốc độ của hệ thống giới hạn tốc độ	292	Kiểm soát hành trình chủ động*	307
Khóa kép*	284	Tắt hệ thống giới hạn tốc độ và cài đặt ở chế độ chờ	293	Kiểm soát Hành trình Chủ động và Cảnh báo nguy cơ va chạm	308
Tắt tạm thời khóa kép*	284	Bật lại Hệ thống Giới hạn Tốc độ từ chế độ chờ	294	Màn hình hiển thị kính chắn gió để kiểm soát hành trình chủ động nếu có nguy cơ va chạm	311
		Tắt hệ thống giới hạn tốc độ		Bật và khởi động Kiểm soát Hành trình Chủ động	312
		Hạn chế của Hệ thống Giới hạn Tốc độ	294	Quản lý tốc độ bằng Kiểm soát Hành trình Chủ động	313
		Hệ thống giới hạn tốc độ tự động	295	Cài đặt khoảng cách về thời gian để kiểm soát hành trình chủ động	314
		Bật/tắt Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động	295	Tắt/bật lại Kiểm soát Hành trình Chủ động	
		Thay đổi dung sai của hệ thống giới hạn tốc độ tự động	297	Hỗ trợ vượt băng kiểm soát hành trình chủ động	316
		Hạn chế của hệ thống giới hạn tốc độ tự động	298		318
		Kiểm soát hành trình	299		
			299		

Khởi động hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động	318	Hạn chế của Hệ thống Lái Bán Tự động	338	BLIS*	369
Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động	319	Các biểu tượng và thông báo cho Hệ thống Lái Bán Tự động*	339	Bật/tắt BLIS	370
Thay đổi mục tiêu bằng kiểm soát hành trình chủ động	319	Thiết bị radar	341	Hạn chế của BLIS	371
Phanh tự động bằng kiểm soát hành trình chủ động	320	Hạn chế của thiết bị radar	342	Khuyến cáo bảo dưỡng cho BLIS	371
Hạn chế của kiểm soát hành trình chủ động	321	Khuyến cáo bảo dưỡng cho thiết bị radar	345	Thông báo cho BLIS	373
Chuyển đổi giữa Kiểm soát hành trình và kiểm soát hành trình chủ động	322	Loại thiết bị radar được chấp nhận	346	Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang*	374
Các biểu tượng và thông báo để Kiểm soát Hành trình Chủ động	323	Thiết bị camera	350	Bật/tắt Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang	375
Hệ thống Lái Bán Tự động	325	Hạn chế của thiết bị camera	351	Hạn chế của Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang	375
Hệ thống Lái Bán Tự động và Cảnh báo nguy cơ va chạm	328	Khuyến cáo bảo dưỡng cho thiết bị camera	354	Khuyến cáo bảo dưỡng cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang	376
Màn hình hiển thị kính chắn gió cho Hệ thống Lái Bán Tự động nếu có nguy cơ va chạm	329	Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™)	354	Thông báo cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang	377
Bật và khởi động Hệ thống Lái Bán Tự động	330	Thông số và chức năng phụ của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố	355	Thông tin Biển báo Giao thông*	378
Quản lý tốc độ cho Hệ thống Lái Bán Tự động	331	Cài đặt khoảng cách cảnh báo cho Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố	357	Bật/tắt Thông tin Biển báo Giao thông	379
Cài đặt khoảng cách về thời gian cho Hệ thống Lái Bán Tự động	332	Phát hiện chướng ngại vật bằng Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố	358	Màn hình Thông tin Biển báo Giao thông và biển báo	380
Tắt/bật Hệ thống Lái Bán Tự động	333	Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau	360	Thông tin Biển báo Giao thông và Dẫn đường Sensus	382
Hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động	335	Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố khi ngăn chặn rẽ trái	362	Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ	383
Khởi động hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động	336	Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh khi có các xe tiến đến gần	363	Bật/tắt Cảnh báo tốc độ trong Thông tin Biển báo Giao thông	384
Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động	336	Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố	364	Thông tin Camera Tốc độ	385
Thay đổi mục tiêu bằng Hệ thống Lái Bán Tự động	337	Thông báo cho Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố	367	Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông	385
Phanh tự động bằng Hệ thống Lái Bán Tự động	337	Cảnh báo Va chạm Phía sau	368	Kiểm soát Cảnh báo Người lái	385
		Hạn chế của Cảnh báo Va chạm Phía sau	368	Bật/tắt Kiểm soát Cảnh báo Người lái	387

Lựa chọn hướng dẫn dừng nghỉ trong trường hợp có cảnh báo từ Kiểm soát Cảnh báo Người lái	387	Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện	400	Biểu tượng và thông báo cho camera hỗ trợ đỗ xe	420
Hạn chế của Kiểm soát Cảnh báo Người lái	387	Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*	401	Tự động Hỗ trợ Đỗ xe*	421
Hỗ trợ đi đúng làn đường	388	Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm phía sau*	402	Các tình huống đỗ xe áp dụng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	421
Hỗ trợ lái bằng hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường	390	Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau	403	Đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	422
Bật/tắt Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường	390	Biểu tượng và thông báo Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm	404	Ra khỏi vị trí đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	425
Lựa chọn tùy chọn hỗ trợ để hỗ trợ đi đúng làn đường	391	Hỗ trợ Đỗ xe*	405	Hạn chế của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe*	426
Hạn chế của Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường	391	Tự động Hỗ trợ Đỗ xe phía trước, sau và dọc hai bên	406	Khuyến báo bảo dưỡng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	427
Biểu tượng và thông báo của hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường	392	Bật/tắt Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	407	Thông báo của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe*	428
Biểu tượng hỗ trợ đi đúng làn đường trong màn hình người lái	394	Hạn chế của Hệ thống hỗ trợ đỗ xe	408		
Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm	395	Khuyến cáo bảo dưỡng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	409		
Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm	395	Biểu tượng và thông báo cho Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe	410		
Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường	396	Camera hỗ trợ đỗ xe*	411		
Mức độ hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ đi chệch khỏi đường	397	Hình ảnh camera của camera đỗ xe	412		
Bật tắt hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường	397	Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe cho camera đỗ xe	414		
Hạn chế của hệ thống hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường	398	Phạm vi quan sát của cảm biến từ Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe cho camera đỗ xe	416		
Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện	399	Khởi động camera hỗ trợ đỗ xe	417		
Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm với xe tiền đến gần	400	Hạn chế của camera hỗ trợ đỗ xe	418		
		Khuyến cáo bảo dưỡng camera đỗ xe	419		

KHOÍ ĐỘNG VÀ LÁI XE

Khởi động xe	430	Phanh tự động sau va chạm	443	Hỗ trợ đổ đèo*	464
Tắt động cơ xe	431	Hộp số	443	Bật và tắt hỗ trợ đổ đèo* bằng nút chức năng	465
Vị trí đánh lửa	432	Các vị trí số cho hộp số tự động	444		
Lựa chọn chế độ đánh lửa	433	Sang số bằng lẫy trên vô lăng*	445	Lái tiết kiệm	465
Khóa vô lăng khi người lái say rượu*	434	Hệ thống hạn chế sang số	447	Chuẩn bị cho chuyến đi dài	466
Bỏ qua khóa vô lăng khi người lái say rượu*	434	Tắt hệ thống hạn chế sang số tự động	447	Lái xe trong mùa đông	467
Trước khi khởi động động cơ có khóa vô lăng khi người lái say rượu	435	Chức năng thốc ga	448	Lái xe lội nước	468
Chức năng phanh	435	Đèn báo sang số	448	Mở và đóng nắp ống dẫn nhiên liệu	468
Phanh chân	435	Dẫn động bốn bánh toàn thời gian*	449	Bơm nhiên liệu	469
Hỗ trợ phanh	435	Các chế độ lái*	449	Xử lý nhiên liệu	470
Phanh trên đường ướt	436	Thay đổi chế độ lái*	452	Xăng	470
Phanh trên đường đá	437	Chế độ lái tiết kiệm	452	Bộ lọc hạt xăng	471
Bảo dưỡng hệ thống phanh	437	Bật và tắt chế độ lái tiết kiệm bằng nút chức năng	455	Dầu diesel	472
Phanh tay	437	Chức năng Khởi động/Dừng	455	Bình nhiên liệu cạn và động cơ diesel	473
Bật và tắt phanh tay	438	Lái bằng chức năng khởi động/dừng	455	Bộ lọc hạt dầu diesel	474
Cài đặt bật phanh tay tự động	438	Tắt tạm thời chức năng Khởi động/Dừng	457	Kiểm soát phát thải bằng AdBlue®	474
Đỗ xe trên đường đồi dốc	440	Điều kiện của chức năng Khởi động/Dừng	457	Xử lý AdBlue®	475
Trong trường hợp xảy ra lỗi phanh tay	440	Kiểm soát cân bằng* và giảm chấn	459	Kiểm tra và nạp AdBlue®	476
Phanh tự động khi xe đứng yên	441	Cài đặt kiểm soát cân bằng*	462	Biểu tượng và thông báo của AdBlue®	478
Bật và tắt phanh tự động khi xe đứng yên	442	Kiểm soát lái ở tốc độ thấp*	462	Quá nhiệt trong động cơ và hệ thống dẫn động	480
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc	442	Bật và tắt lái ở tốc độ thấp* bằng nút chức năng	463	Quá tải ác quy bộ khởi động	481
				Kích nổ bằng một ác quy khác	481
				Móc kéo*	482
				Thông số kỹ thuật của móc kéo*	483

ÂM THANH, PHƯƠNG TIỆN GIẢI TRÍ VÀ INTERNET			
Móc kéo có thể kéo dài và rút ngắn*	484	Âm thanh, phương tiện giải trí và Internet	500
Lái xe kéo toa móc	486	Cài đặt âm thanh	500
Hỗ trợ cân bằng toa móc*	487	Trải nghiệm âm thanh*	501
Kiểm tra đèn toa móc	488	Ứng dụng	502
Giá chở xe đạp gắn toa móc*	489	Tải xuống ứng dụng	503
Kéo xe	490	Cập nhật ứng dụng	504
Lắp và tháo mắt kéo	491	Xóa ứng dụng	504
Cứu hộ	493	Đài	505
HomeLink®*	493	Khởi động đài	505
Lập trình HomeLink®*	494	Thay đổi đài tần vô tuyến và đài phát thanh	506
Sử dụng HomeLink®*	496	Tìm kiếm đài phát thanh	507
Loại HomeLink®* được chấp nhận	497	Cài đặt kênh phát thanh yêu thích	507
La bàn*	497	Cài đặt đài	508
Bật và tắt la bàn*	497	Đài RDS	509
Căn chỉnh la bàn*	498	Đài kỹ thuật số*	510
		Liên kết giữa đài FM và đài kỹ thuật số*	511
		Trình phát phương tiện giải trí	511
		Phát lại phương tiện giải trí	512
		Điều khiển và thay đổi phương tiện giải trí	513
		Tìm kiếm phương tiện giải trí	514
		Gracenote®	515
		Đầu đĩa CD*	515
		Video	516
		Phát video	516
		Phát lại DivX®	516
		Cài đặt video	517
		Phương tiện giải trí thông qua Bluetooth®	517
		Kết nối thiết bị thông qua Bluetooth®	517
		Phương tiện giải trí thông qua cổng USB	518
		Kết nối thiết bị thông qua cổng USB	518
		Thông số kỹ thuật của thiết bị USB	519
		Định dạng phương tiện giải trí tương thích TV*	519
		Sử dụng TV*	521
		Cài đặt TV*	521
		Apple® CarPlay®*	522
		Sử dụng Apple® CarPlay®*	522
		Cài đặt của Apple® CarPlay®*	524
		Bí quyết sử dụng Apple® CarPlay®*	524
		Android Auto*	525
		Sử dụng Android Auto*	526
		Cài đặt Android Auto*	526
		Bí quyết sử dụng Android Auto*	527
		Điện thoại	527
		Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên	528
		Kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth	530

Kết nối thủ công điện thoại với xe thông qua Bluetooth	531	Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu	542	ECALL	
Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth	531	Bật và tắt chia sẻ dữ liệu	542	eCall	556
Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth	531	Dung lượng lưu trữ trên đĩa cứng	543	Bảo động va chạm tự động bằng eCall	556
Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth	532	Thỏa thuận bản quyền âm thanh và phương tiện giải trí	544	Hỗ trợ khẩn cấp bằng eCall	556
Quản lý cuộc gọi điện thoại	532			Hỗ trợ Dọc đường	557
Quản lý tin nhắn văn bản	533				
Cài đặt tin nhắn văn bản	534				
Quản lý danh bạ điện thoại	534				
Cài đặt điện thoại	535				
Cài đặt thiết bị Bluetooth	536				
Xe được kết nối Internet*	536				
Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth	537				
Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại (Wi-Fi)	538				
Kết nối xe với Internet thông qua một modem xe (thẻ SIM)	538				
Cài đặt modem xe	539				
Chia sẻ truy cập Internet từ xe thông qua một điểm phát sóng Wi-Fi	540				
Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém	541				
Gỡ mạng Wi-Fi	541				
Công nghệ và bảo mật của Wi-Fi	542				

BÁNH XE VÀ LỚP XE

Lốp xe	560
Ký hiệu kích thước lốp xe	561
Ký hiệu kích thước mâm xe	562
Hướng quay của lốp xe	563
Dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp trên lốp	563
Kiểm tra áp suất lốp xe	564
Điều chỉnh áp suất lốp xe	564
Áp suất lốp xe được khuyến cáo	565
Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe*	566
Cần chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp xe*	567
Xem trạng thái áp suất lốp xe trong màn hình trung tâm*	569
Cách xử lý trong trường hợp có cảnh báo áp suất lốp xe thấp	570
Khi thay bánh xe	571
Bộ dụng cụ	571
Kích*	571
Bu lông bánh xe	572
Tháo bánh xe	573
Lắp bánh xe	575
Bánh xe dự phòng*	576
Lấy bánh xe dự phòng ra	577
Bánh xe đi trong mùa đông	577
Xích đi trên tuyết	578

Bộ vá lốp khẩn cấp	579
Sử dụng bộ vá lốp xe	580
Bơm lốp xe bằng máy nén từ bộ vá lốp xe	583

CHỖ HÀNH LÝ, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Nội thất khoang hành khách	586
Bảng điều khiển bên dưới	587
Ổ cắm điện	588
Sử dụng ổ cắm điện	590
Sử dụng hộp đựng găng tay	591
Tấm che nắng	592
Khoang hành lý	592
Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe	593
Tải trọng nóc xe và xếp hành lý trên giá chở hành lý	594
Móc cố định	595
Lỗ luồn dây buộc hành lý	596
Lắp và tháo nắp khoang hành lý*	596
Vận hành nắp khoang hành lý*	597
Lắp và tháo lưới mắt to an toàn*	599
Lắp và tháo lưới mắt nhỏ an toàn*	600
Bộ dụng cụ sơ cứu*	602
Biển tam giác cảnh báo nguy hiểm	602

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Chương trình bảo trì Volvo	606	Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước	624	Rửa xe thủ công	649
Truyền dữ liệu giữa xe và gara thông qua Wi-Fi	606	Thay bóng đèn xi nhan phía trước	624	Rửa xe tự động	650
Trung tâm Tải xuống	607	Thông số kỹ thuật bóng đèn	625	Rửa xe bằng áp suất cao	651
Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống	607	Ắc quy bộ khởi động	626	Vệ sinh lưới gạt nước	651
Trạng thái của xe	608	Ắc quy hỗ trợ	629	Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài	652
Đặt lịch bảo trì và sửa chữa	609	Biểu tượng trên ắc quy	630	Vệ sinh mâm xe	653
Gửi thông tin xe đến gara	610	Cầu chì và thiết bị điện trung tâm	631	Chống gỉ	653
Nâng xe	611	Thay cầu chì	632	Lớp sơn của xe	654
Mở và đóng nắp ca pô	613	Cầu chì trong khoang động cơ	633	Sơn lại lớp sơn nhỏ bị hỏng	654
Bảo trì hệ thống điều khiển điều hòa	614	Cầu chì dưới hộp đựng găng tay	636	Mã màu	655
Màn hình kính chắn gió khi thay thế kính chắn gió*	615	Cầu chì trong khoang hành lý	639	Thay cần lưới gạt nước, cửa sổ phía sau	656
Tổng quan về khoang động cơ	615	Vệ sinh nội thất	643	Thay lưới gạt nước	657
Dầu động cơ	616	Vệ sinh màn hình trung tâm	643	Cần gạt nước ở vị trí bảo trì	658
Kiểm tra và đổ dầu động cơ	617	Vệ sinh màn hình kính chắn gió*	644	Đồ dung dịch nước rửa kính	659
Đổ thêm nước làm mát	618	Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe	645		
Thay bóng đèn	619	Vệ sinh dây đai an toàn	645		
Tháo nắp nhựa để thay bóng đèn	620	Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu	645		
Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha	621	Vệ sinh da bọc	646		
Các vị trí đèn bên ngoài	622	Vệ sinh vô lăng bọc da	647		
Thay bóng đèn cốt	622	Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe	647		
Thay bóng đèn pha	623	Vệ sinh bên ngoài	648		
		Đánh bóng và bôi sáp	648		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu về chủng loại xe	662
Kích thước	665
Trọng lượng	667
Công suất kéo và tải trọng móc kéo	668
Thông số kỹ thuật động cơ	670
Dầu động cơ, thông số kỹ thuật	671
Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ	672
Nước làm mát, thông số kỹ thuật	673
Dầu hộp số, thông số kỹ thuật	673
Dầu phanh, thông số kỹ thuật	673
Bình nhiên liệu, thể tích	674
Dung tích bình chứa AdBlue®	674
Điều hòa không khí, thông số kỹ thuật	674
Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO ₂	
Loại bánh xe và lốp xe được chấp nhận	676
Chỉ số tải trọng lốp cho phép thấp nhất và định mức tốc độ của lốp xe	678
Áp suất lốp được chấp nhận	679
	680

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

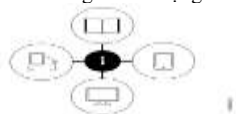
Chỉ mục theo thứ tự bảng chữ cái	681
----------------------------------	-----

THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Thông tin về sách hướng dẫn sử dụng

Thông tin về sách hướng dẫn sử dụng có sẵn ở nhiều định dạng khác nhau, cả bản điện tử lẫn bản in. Sách hướng dẫn sử dụng có sẵn trên màn hình trung tâm của xe hoặc dưới dạng ứng dụng di động và trên trang hỗ trợ Volvo Cars. Sách hướng dẫn nhanh và phụ lục cho sách hướng dẫn sử dụng nằm trong hộp đựng ghế tay, chứa các thông tin về cầu chì và các thông số kỹ thuật cùng với nhiều thông tin khác. Bạn cũng có thể đặt bản in của sách hướng dẫn sử dụng.



Màn hình trung tâm của xe¹



Trên màn hình trung tâm, kéo phần trên cùng xuống và chạm nhẹ vào **Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng)**. Tại đây có các tùy chọn điều hướng trực quan với hình ảnh nội thất và ngoại thất của xe. Tất cả các thông tin đều có thể được tìm kiếm và cũng được phân chia theo các danh mục khác nhau.

Ứng dụng di động



Trong App Store hoặc Google Play, tìm “Volvo Manual”, tải ứng dụng về điện thoại di động hoặc máy tính bảng và chọn xe. Ứng dụng này có các video hướng dẫn và các tùy chọn điều hướng trực quan với hình ảnh nội thất và ngoại thất của xe. Rất dễ dàng để điều hướng giữa các mục khác nhau trong hướng dẫn và có thể tìm kiếm các nội dung khác nhau.

Trang hỗ trợ của Volvo Cars



Truy cập support.volvocars.com và chọn quốc gia nơi bạn sống. Tại đây, bạn có thể tìm thấy hướng dẫn sử dụng ở cả định dạng trực tuyến và PDF. Trên trang hỗ trợ của Volvo Cars cũng có video hướng dẫn, thông tin bổ sung và hỗ trợ liên quan đến chiếc Volvo của bạn và quyền sở hữu xe. Trang này có ở hầu hết các thị trường.

Thông tin dạng bản in



Phụ lục cho sách hướng dẫn sử dụng¹ nằm trong hộp đựng ghế tay, chứa các thông tin về cầu chì và các thông

số kỹ thuật cũng như thông tin tóm tắt các thông tin quan trọng và thiết thực.

Ngoài ra còn có một Sách hướng dẫn nhanh dạng bản in, giúp bạn làm quen với những tính năng thường được sử dụng nhất trong xe.

Tùy thuộc vào cấu hình trang bị được chọn và thị trường v.v..., phần thông tin bổ sung về sách hướng dẫn sử dụng cũng có thể được cung cấp dưới dạng bản in ở trong xe. Bạn có thể đặt sách hướng dẫn sử dụng và phụ lục đi kèm ở dạng bản in. Liên hệ đại lý Volvo để đặt hàng.

① QUAN TRỌNG

Người lái luôn có trách nhiệm lái xe một cách an toàn khi tham gia giao thông, tuân thủ luật pháp và quy định hiện hành. Việc bảo dưỡng và sử dụng chiếc xe theo đúng khuyến cáo của Volvo trong sách hướng dẫn sử dụng là vô cùng quan trọng.

Nếu có sự khác biệt giữa thông tin trên màn hình trung tâm và các thông tin trong bản in, thông tin dạng bản in sẽ luôn được ưu tiên áp dụng.

¹ Sách hướng dẫn sử dụng bản in đầy đủ được cung cấp kèm theo xe cho các thị trường không có sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm.

① LƯU Ý

Việc thay đổi ngôn ngữ trên màn hình trung tâm đồng nghĩa với việc một số thông tin của sách hướng dẫn sử dụng có thể không tương ứng với luật pháp và quy định của quốc gia hoặc địa phương. Không nên thay đổi sang một ngôn ngữ khó hiểu do điều này sẽ khiến bạn gặp khó khăn để tìm cách quay trở về bố cục cũ trên màn hình.

Thông tin liên quan

- Sách hướng dẫn sử dụng trên màn hình trung tâm (trang 19)
- Sách hướng dẫn sử dụng trên thiết bị di động (trang 22)
- Trang hỗ trợ Volvo Cars (trang 23)
- Đọc sách hướng dẫn sử dụng (trang 23).

Sách hướng dẫn sử dụng trên màn hình trung tâm

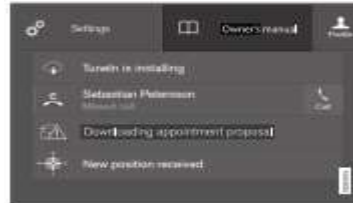
Phiên bản kỹ thuật số² của sách hướng dẫn sử dụng được hiển thị trên màn hình trung tâm của xe.

Có thể truy cập sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số từ phần trên cùng và trong một số trường hợp, cũng có thể truy cập sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số tương ứng với từng bối cảnh từ phần trên cùng của màn hình.

① LƯU Ý

Không có sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số khi đang lái xe.

Sách hướng dẫn sử dụng



Phần trên cùng có nút mở sách hướng dẫn sử dụng.

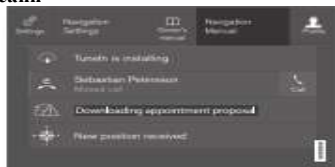
Để mở sách hướng dẫn sử dụng, kéo phần trên cùng trong màn hình trung tâm xuống và chạm nhẹ vào **Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng)**.

Có thể truy cập trực tiếp thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng thông qua trang chủ của sách hướng dẫn sử dụng hoặc menu trên cùng.

² Có ở hầu hết các thị trường.

THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

❖ Sách hướng dẫn sử dụng tương ứng với từng bối cảnh



Phần trên cùng có nút mở sách hướng dẫn sử dụng tương ứng với từng bối cảnh.

Sách hướng dẫn sử dụng tương ứng với từng bối cảnh là một lối tắt đến một bài viết trong sách hướng dẫn sử dụng, mô tả chức năng đang hoạt động được hiển thị trên màn hình. Khi có sách hướng dẫn sử dụng tương ứng với từng bối cảnh, nó được hiển thị bên tay phải của **Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng)** trong phần trên cùng. Chạm nhẹ vào sách hướng dẫn sử dụng tương ứng với từng bối cảnh để mở một bài viết trong sách hướng dẫn sử dụng có liên quan đến nội dung được hiển thị trên màn hình, ví dụ, chạm nhẹ vào **Navigation Manual (Hướng dẫn Điều hướng)**, một bài viết liên quan đến mở điều hướng.

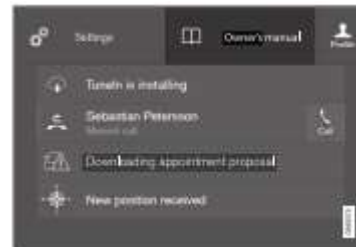
Điều này chỉ áp dụng với một số ứng dụng trong xe. Với ứng dụng được tải xuống của bên thứ ba, không thể truy cập bài viết riêng của ứng dụng đó.

Thông tin liên quan

- Điều hướng trong sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm (trang 20)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)

Điều hướng trong sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm

Có thể truy cập sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số từ màn hình trung tâm của xe. Có thể tìm kiếm nội dung và dễ dàng điều hướng giữa các mục khác nhau.



Sách hướng dẫn sử dụng được truy cập từ phần trên cùng.

- Để mở sách hướng dẫn sử dụng, kéo phần trên cùng xuống và chạm nhẹ vào **Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng)**.

Có nhiều tùy chọn khác nhau để tìm kiếm thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng. Có thể truy cập các tùy chọn này từ trang chủ của sách hướng dẫn sử dụng hoặc menu trên cùng.

Mở menu trong menu trên cùng

- Ấn  trong danh sách trên trong sách hướng dẫn sử dụng.
- > Một menu có nhiều tùy chọn khác nhau để tìm kiếm thông tin được mở ra.

Trang chủ



Chạm nhẹ biểu tượng này để quay lại trang đầu tiên của sách hướng dẫn sử dụng.

Danh mục



Các bài viết trong sách hướng dẫn sử dụng được sắp xếp theo các danh mục chính và danh mục phụ. Bài viết tương tự có thể xuất hiện trong nhiều danh mục phù hợp để tìm kiếm dễ dàng hơn.

1. Ấn **Categories (Danh mục)**.
 - > Danh mục chính được hiển thị dưới dạng danh sách.
 2. Chạm vào một danh mục chính ()
 - > Danh sách các danh mục phụ () và các bài viết () được hiển thị.
 3. Chạm vào một bài viết để mở ra.
- Để quay lại, chạm vào mũi tên quay lại.

Sách hướng dẫn nhanh



Ấn biểu tượng này để truy cập trang chứa các liên kết để đọc các bài viết đặc biệt hữu ích và hiểu rõ các chức năng thông dụng nhất của xe. Cũng có thể truy cập các bài viết thông qua các danh mục nhưng các bài viết được tập hợp ở đây để truy cập nhanh. Chạm nhẹ vào một bài viết để đọc toàn bộ.

Điểm phát sóng nội thất và ngoại thất xe



Hình ảnh tổng quan ngoại thất và nội thất của xe. Các bộ phận khác nhau được xác định bằng những điểm phát sóng đến các bài viết về các bộ phận này của xe.

1. Ấn **Exterior (Ngoại thất)** hoặc **Interior (Nội thất)**
 - > Các hình ảnh ngoại thất hoặc nội thất được hiển thị với các điểm phát sóng. Điểm phát sóng đến các bài viết về bộ phận tương ứng của xe. Vuốt ngang màn hình để duyệt các hình ảnh.
 2. Chạm nhẹ một điểm phát sóng
 - > Tiêu đề của bài viết về bộ phận được hiển thị.
 3. Chạm vào tiêu đề để mở bài viết.
- Để quay lại, chạm vào mũi tên quay lại.

Mục Yêu thích



Ấn biểu tượng này để truy cập các bài viết được lưu làm mục yêu thích. Chạm nhẹ vào một bài viết để đọc toàn bộ nội dung.

Lưu hoặc xóa các bài viết là mục yêu thích

Lưu một bài viết là mục yêu thích bằng cách ấn  ở phía trên cùng bên phải khi bài viết đang mở. Khi bài viết đã được lưu là mục yêu thích,

hình ngôi sao sẽ được bôi màu thành .

Để xóa một bài viết ra khỏi mục yêu thích, ấn lại biểu tượng ngôi sao trong bài viết đang mở.

Video



Ấn biểu tượng này để xem video hướng dẫn ngắn cho các chức năng khác nhau trong xe.



THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Thông tin



Chạm nhẹ vào biểu tượng này để đọc thông tin về phiên bản sách hướng dẫn sử dụng có sẵn trong xe và các thông tin hữu ích khác.

Sử dụng chức năng tìm kiếm trong menu trên cùng

1. Chạm nhẹ  trong menu trên cùng của sách hướng dẫn sử dụng. Một bàn phím sẽ xuất hiện ở phần dưới của màn hình.
2. Gõ từ khóa, ví dụ “seatbelt” (dây đai an toàn).
 - > Gọi ý về các bài viết và danh mục được hiển thị khi nhập từ khóa.
3. Chạm nhẹ vào một bài viết hoặc danh mục đề truy cập.

Thông tin liên quan

- Sách hướng dẫn sử dụng trên màn hình trung tâm (trang 19)
- Bàn phím trong màn hình trung tâm (trang 122)
- Đọc sách hướng dẫn sử dụng (trang 23)

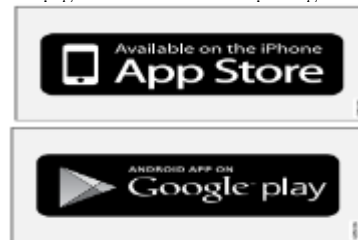
Sách Hướng dẫn Sử dụng trên thiết bị di động

Sách hướng dẫn sử dụng còn có sẵn dưới dạng ứng dụng di động³ từ cả App Store và Google Play. Ứng dụng này tương thích với điện thoại di động và máy tính bảng.



Có thể tải xuống sách hướng dẫn sử dụng dưới dạng ứng dụng di động từ App Store hoặc Google Play. Mã QR này sẽ đưa bạn trực tiếp đến ứng dụng hoặc bạn có thể tìm kiếm “Volvo manual” trong App Store hoặc Google Play.

Ứng dụng này bao gồm một video cùng với các hình ảnh ngoại thất và nội thất xe, tại đây các bộ phận khác nhau của xe được xác định bằng các điểm phát sáng đến các bài viết về lĩnh vực cần quan tâm. Bạn có thể dễ dàng điều hướng giữa các mục khác nhau trong sách hướng dẫn sử dụng và có thể tìm kiếm nội dung liên quan.



Ứng dụng di động có sẵn trên cả App Store và Google Play.

Thông tin liên quan

- Đọc sách hướng dẫn sử dụng (trang 23)

³ Cho một số thiết bị di động.

Trang hỗ trợ Volvo Cars

Để biết thêm thông tin về xe của bạn, truy cập trang web và trang thông tin hỗ trợ Volvo Cars.

Hỗ trợ trên Internet

Truy cập support.volvocars.com để đến trang hỗ trợ. Trang hỗ trợ có sẵn cho hầu hết các thị trường.

Trang này chứa thông tin hỗ trợ cho các chức năng như các dịch vụ và chức năng chạy trên nền web, Volvo On Call*, hệ thống điều hướng* và các ứng dụng. Các video và hướng dẫn theo từng bước giải thích các quy trình khác nhau, ví dụ như cách kết nối xe với Internet thông qua điện thoại di động.

Các thông tin có thể tải xuống

Bản đồ

Đối với những xe trang bị Dẫn đường Sensus, bạn có thể tải bản đồ xuống từ trang hỗ trợ.

Sách hướng dẫn sử dụng bản PDF

Sách hướng dẫn sử dụng cũng có thể được tải xuống dưới dạng PDF. Lựa chọn mẫu xe và năm sản xuất để tải xuống sách hướng dẫn sử dụng theo yêu cầu.

Liên hệ

Trang hỗ trợ chứa chi tiết liên hệ đến trung tâm hỗ trợ khách hàng và đại lý Volvo gần nhất.

Đăng nhập vào trang web Volvo Cars

Tạo một Volvo ID cá nhân và đăng nhập vào www.volvocars.com. Khi bạn đã đăng nhập vào trang web, bạn có thể đọc tất cả thông tin về

dịch vụ, hợp đồng và bảo hành cùng với các thông tin khác. Trang này cũng có các thông tin về các phụ kiện và phần mềm tương thích với mẫu xe của bạn.

Thông tin liên quan

- Volvo ID (trang 28)

Đọc sách hướng dẫn sử dụng

Để dễ dàng hiểu rõ về chiếc xe mới của mình, bạn cần đọc sách hướng dẫn sử dụng, lý tưởng nhất là khi bắt đầu lái lần đầu.

Khi đọc sách hướng dẫn sử dụng, bạn sẽ dễ dàng làm quen với các chức năng mới và hiểu cách xử lý tốt nhất trong các tình huống khác nhau và học cách sử dụng tất cả các tính năng của xe một cách hiệu quả nhất. Vui lòng chú ý đến các hướng dẫn về an toàn có trong sách hướng dẫn sử dụng.

Mục đích của thông tin hướng dẫn sử dụng này là giải thích tất cả các tính năng, chức năng và tùy chọn có thể có trong một chiếc xe Volvo. Đây không phải là cam kết hoặc đảm bảo về việc tất cả các tính năng, chức năng và tùy chọn này đều có trong mọi chiếc xe. Một số thuật ngữ được sử dụng có thể không hoàn toàn chính xác với thuật ngữ được sử dụng trong tài liệu bán hàng, tiếp thị và quảng cáo.

Chúng tôi vẫn không ngừng phát triển và cải tiến sản phẩm của mình. Các bản chỉnh sửa sách hướng dẫn sử dụng có thể dẫn đến việc thay đổi thông tin, mô tả và hình ảnh trong sách hướng dẫn sử dụng khác với thiết bị trong xe. Chúng tôi có quyền thực hiện chỉnh sửa sách hướng dẫn sử dụng mà không cần thông báo trước.

Không bỏ sách hướng dẫn sử dụng này khỏi xe vì nếu phát sinh vấn đề, bạn sẽ không thể tìm được các thông tin cần thiết về nơi và cách cung cấp dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp.

® Tập đoàn Volvo Car



THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

“ Tùy chọn/phụ kiện

Ngoài các thiết bị tiêu chuẩn, sách hướng dẫn sử dụng còn mô tả các tùy chọn (thiết bị được nhà sản xuất lắp ráp) và một số phụ kiện (thiết bị bổ sung).

Tất cả các loại tùy chọn/phụ kiện đều được đánh dấu hoa thị:*

Các thiết bị được mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này không có sẵn trong tất cả các xe, chúng được trang bị khác nhau tùy vào nhu cầu của các thị trường khác nhau và luật pháp cũng như quy định quốc gia hoặc địa phương.

Trong trường hợp không rõ thiết bị nào là tiêu chuẩn và thiết bị nào là tùy chọn/phụ kiện, vui lòng liên hệ đại lý Volvo.



CẢNH BÁO

Thông tin cảnh báo xuất hiện nếu có nguy cơ thương tích.



QUAN TRỌNG

Thông tin “quan trọng” xuất hiện nếu có nguy cơ hư hỏng.



LƯU Ý

Thông tin LƯU Ý đưa ra lời khuyên hoặc hướng dẫn hỗ trợ việc sử dụng các tính năng và chức năng.

Chú thích cuối trang

Sách hướng dẫn sử dụng chứa thông tin ở một số vị trí nhất định dưới dạng chú thích cuối trang hoặc cuối bảng. Đây là phần thông tin bổ sung cho nội dung được đánh số. Nếu chú thích cuối trang liên quan đến nội dung trong bảng, chữ cái sẽ được sử dụng để tham chiếu thay cho đánh số.

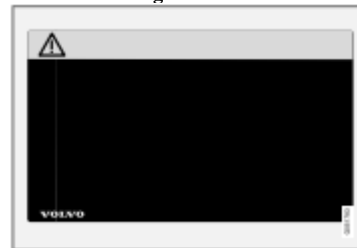
Thông báo

Các thông tin hiển thị trên màn hình của xe bao gồm các menu và thông báo. Trong sách hướng dẫn sử dụng, kiểu chữ của các thông báo này khác với kiểu chữ thông thường. Ví dụ về nội dung menu và nội dung thông báo: **Phone (Điện thoại), New message (Tin nhắn mới).**

Tem dán

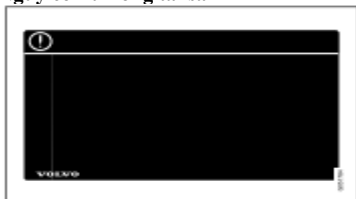
Trên xe có nhiều loại tem dán khác nhau được thiết kế để truyền tải những thông tin quan trọng một cách đơn giản và rõ ràng. Các tem dán trong xe có mức độ quan trọng giảm dần về cảnh báo/thông tin như sau.

Cảnh báo thương tích cá nhân



Biểu tượng ISO màu đen trên nền cảnh báo màu vàng, chữ/hình ảnh màu trắng trên nền thông báo màu đen. Được sử dụng để cảnh báo nguy hiểm mà nếu bỏ qua cảnh báo có thể gây thương tích cá nhân nghiêm trọng hoặc tử vong.

Nguy cơ hư hỏng tài sản



Biểu tượng ISO màu trắng và chữ/hình ảnh màu trắng trên nền cảnh báo và nền thông báo màu đen hoặc màu xanh da trời. Được sử dụng để cảnh báo nguy hiểm mà nếu bỏ qua cảnh báo có thể gây hư hỏng tài sản.

Thông tin



Biểu tượng ISO màu trắng và chữ/hình ảnh màu trắng trên nền thông báo màu đen.

LUU Ý

Các tem dán được minh họa trong sách hướng dẫn sử dụng không giống hoàn toàn tem dán thực tế trên xe. Hình thức và vị trí của các tem dán trong sách hướng dẫn sử dụng chỉ mang tính tương đối. Các thông tin áp dụng riêng cho chiếc xe của bạn có trên các tem dán tương ứng trên xe.

Đánh số quy trình

Các quy trình thực hiện hành động theo một thứ tự nhất định được đánh số trong sách hướng dẫn sử dụng:

1 Khi có một chuỗi hình ảnh minh họa cho các hướng dẫn từng bước, mỗi bước được đánh số tương ứng với số trên hình ảnh.

A Liệt kê chữ cái xuất hiện cạnh chuỗi hình ảnh minh họa, trong đó thứ tự hướng dẫn là không quan trọng.

1) Các mũi tên xuất hiện dưới dạng được đánh số hoặc không đánh số và được sử dụng để minh họa một chuyển động.

1A) Các mũi tên kèm theo chữ cái được sử dụng để làm rõ một chuyển động khi thứ tự liên quan là không quan trọng.

Nếu không có chuỗi hình ảnh minh họa cho hướng dẫn từng bước, các bước khác nhau sẽ được đánh số thứ tự.

Đánh số vị trí

1 Hình tròn màu đỏ chứa số thứ tự được sử dụng trong các hình ảnh tổng quan để chỉ các bộ phận khác nhau. Con số nằm trong đánh số vị trí liên quan đi kèm với hình ảnh để mô tả bộ phận liên quan.

Đánh dấu đầu dòng

Đánh dấu đầu dòng được sử dụng khi có một loạt các thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng.

Ví dụ:

- Nước làm mát
- Dầu động cơ

Thông tin liên quan

Thông tin liên quan là các bài viết khác chứa thông tin liên quan mật thiết.

Hình ảnh minh họa và video clip

Hình ảnh và video clip được sử dụng trong sách hướng dẫn sử dụng đôi lúc là hình ảnh đồ họa và nhằm mục đích cung cấp hình ảnh tổng quan hoặc một chức năng nhất định. Chúng có thể khác với hình thức của xe, tùy thuộc vào thiết bị và thị trường.

Còn tiếp

» Biểu tượng này được đặt ở vị trí dưới cùng bên phải cho biết nội dung của bài viết đó tiếp tục được trình bày ở trang tiếp theo.



THÔNG TIN VỀ SÁCH HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

“ Tiếp tục từ trang trước

“ Biểu tượng này được đặt ở vị trí trên cùng bên trái cho biết nội dung của bài viết này được tiếp tục từ trang trước.

Thông tin liên quan

- Sách hướng dẫn sử dụng trên màn hình trung tâm (trang 19)
- Sách hướng dẫn sử dụng trên thiết bị di động (trang 22)
- Trang hỗ trợ Volvo Cars (trang 23)

Sách hướng dẫn sử dụng và môi trường

Sách hướng dẫn sử dụng được in trên giấy được sản xuất từ những cánh rừng được bảo vệ tốt.

Biểu tượng Hội đồng Quản lý Rừng (FSC)[®] thể hiện việc bột giấy được dùng trong bản in sách hướng dẫn sử dụng có nguồn gốc từ các khu rừng được FSC[®] chứng nhận hoặc các nguồn được bảo vệ khác.



Thông tin liên quan

- Drive-E - tận hưởng trải nghiệm lái xe thân thiện với môi trường (trang 30)

CHIẾC XE VOLVO CỦA BẠN

Volvo ID

Volvo ID là một mã ID cá nhân để truy cập nhiều dịch vụ khác nhau thông qua một tên người dùng và mật khẩu duy nhất.

Ví dụ về các dịch vụ:

- Ứng dụng Volvo On Call* - kiểm tra xe bằng điện thoại của bạn, ví dụ, bạn có thể kiểm tra mức nhiên liệu, hiển thị trạm xăng gần nhất và khóa xe từ xa.
- Send to Car - gửi địa chỉ từ dịch vụ bản đồ trên trang web trực tiếp đến xe.
- Đặt lịch bảo trì và bảo dưỡng - đăng ký gara/dại lý yêu thích của bạn trên volvocars.com và đặt lịch bảo trì trực tiếp từ xe.

❗ LƯU Ý

Nếu thay đổi tên người dùng/mật khẩu sử dụng dịch vụ (ví dụ, Volvo On Call), tên người dùng/mật khẩu sử dụng các dịch vụ khác cũng được thay đổi tự động.

Volvo ID được tạo từ xe, volvocars.com hoặc ứng dụng Volvo On Call⁴.

Khi đăng ký Volvo ID trong xe, một số dịch vụ sẽ được cung cấp.

Thông tin liên quan

- Tạo và đăng ký Volvo ID (trang 28)
- Đặt lịch bảo trì và sửa chữa (trang 609)

Tạo và đăng ký Volvo ID

Có thể tạo Volvo ID theo nhiều hình thức khác nhau. Nếu Volvo ID được tạo trên volvocars.com hoặc bằng ứng dụng Volvo On Call⁵ ở một số thị trường, Volvo ID cũng phải được đăng ký vào xe để sử dụng các dịch vụ khác nhau của Volvo ID.

Tạo Volvo ID bằng ứng dụng Volvo ID

1. Tải xuống ứng dụng Volvo ID từ **Trung tâm Tải xuống** trong phần ứng dụng của màn hình trung tâm.
2. Khởi động ứng dụng và đăng ký địa chỉ email cá nhân.
3. Tuân thủ hướng dẫn được gửi tự động đến địa chỉ email cụ thể.
 - > Volvo ID đã được tạo và tự động được đăng ký vào xe. Bạn hiện có thể sử dụng các dịch vụ của Volvo ID.

Tạo Volvo ID trên trang web Volvo Cars

1. Truy cập www.volvocars.com và đăng nhập⁶ bằng biểu tượng ở phía trên bên phải. Lựa chọn Create Volvo ID (Tạo Volvo ID).
2. Nhập địa chỉ email cá nhân
3. Tuân thủ hướng dẫn được gửi tự động đến địa chỉ email cụ thể.
 - > Volvo ID đã được tạo. Đọc phần dưới để học cách đăng ký ID vào xe.

Tạo Volvo ID bằng ứng dụng Volvo On Call⁷

1. Tải xuống phiên bản mới nhất của ứng dụng Volvo On Call từ điện thoại thông minh, ví dụ, thông qua App Store, Windows Phone hoặc Google Play.
2. Lựa chọn tạo Volvo ID từ trang đầu tiên của ứng dụng và nhập địa chỉ email cá nhân.
3. Tuân thủ hướng dẫn được gửi tự động đến địa chỉ email cụ thể.
 - > Volvo ID đã được tạo. Đọc phần dưới để học cách đăng ký ID vào xe.

Đăng ký Volvo ID của bạn vào xe

Nếu bạn tạo Volvo ID của mình qua trang web hoặc ứng dụng Volvo On Call, đăng ký nó vào xe như sau:

1. Nếu chưa từng thực hiện, tải xuống ứng dụng Volvo ID từ **Trung tâm Tải xuống** trong phần ứng dụng của màn hình trung tâm.

❗ LƯU Ý

Để tải xuống ứng dụng, xe phải được kết nối Internet.

2. Khởi động ứng dụng và nhập Volvo ID của bạn/địa chỉ email của bạn.

⁴ Nếu bạn có Volvo On Call*

⁵ Áp dụng với một số thị trường.

⁶ Chỉ có ở một số thị trường.

⁷ Xe có Volvo On Call*

3. Tuân thủ hướng dẫn được gửi tự động đến địa chỉ email cụ thể.
 - > Volvo ID của bạn đã được tạo và tự động được đăng ký vào xe. Bạn hiện có thể sử dụng các dịch vụ của Volvo ID.

Thông tin liên quan

- Volvo ID (trang 28)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)
- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Drive-E - tận hưởng trải nghiệm lái xe thân thiện với môi trường

Tập đoàn Volvo Car không ngừng phát triển các sản phẩm và giải pháp an toàn và hiệu

quả hơn để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.



Bảo vệ môi trường là một trong những giá trị cốt lõi của Volvo Cars và ảnh hưởng tới mọi hoạt động của Tập đoàn. Công tác bảo vệ môi trường được dựa trên toàn bộ vòng đời của xe và xem xét các tác động môi trường từ khâu thiết kế tới quá trình tiêu hủy và tái chế. Nguyên tắc cơ bản của Volvo Cars là mọi sản phẩm mới được phát triển đều phải có ít tác động tới môi trường hơn sản phẩm mà nó thay thế.

Công tác quản lý môi trường của Volvo đã tạo ra hệ thống dẫn động Drive-E hiệu quả hơn và ít ô nhiễm hơn. Môi trường cá nhân cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Volvo, ví dụ, không khí bên trong xe Volvo sẽ sạch hơn không khí bên ngoài

nhờ hệ thống điều hòa không khí.

Chiếc xe Volvo của bạn tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt về môi trường. Mọi đơn vị sản xuất của Volvo đều đạt chứng nhận ISO 14001 và điều này hỗ trợ việc giải quyết triệt để các vấn đề môi trường trong quá trình vận hành xe, nhờ đó mang lại sự cải tiến không ngừng với mức tác động môi trường tối thiểu. Đạt được chứng nhận ISO đồng nghĩa với việc tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường hiện hành. Volvo cũng yêu cầu các đối tác của mình phải đáp ứng các yêu cầu này.

Tiêu thụ nhiên liệu

Do phần lớn tác động của xe đến môi trường đều bắt nguồn từ quá trình sử dụng xe, công tác bảo vệ môi trường của Volvo tập trung vào giảm thiểu mức tiêu thụ nhiên liệu, mức phát thải cacbon dioxit và các chất gây ô nhiễm không khí khác. Xe Volvo có mức tiêu thụ nhiên liệu cạnh tranh với mỗi dòng xe tương ứng. Mức tiêu thụ nhiên liệu ít hơn đồng nghĩa với mức phát thải khí nhà kính và cacbon dioxit thấp hơn.

Góp phần tạo ra một môi trường tốt đẹp hơn

Một chiếc xe tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu không những góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường, mà còn làm giảm chi phí của chủ sở hữu xe. Với vai trò là người lái, bạn có thể dễ dàng giảm mức tiêu thụ nhiên liệu và nhờ đó tiết kiệm chi phí và góp phần tạo ra một môi trường tốt đẹp hơn, sau đây là một số lời khuyên dành cho bạn:

- Dự tính tốc độ trung bình thiết thực. Các tốc độ trên xấp xỉ 80 km/giờ (xấp xỉ 50 dặm/giờ) và dưới 50 km/giờ (xấp xỉ 30 dặm/giờ) làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.
- Tuân thủ lịch bảo trì và bảo dưỡng xe được khuyến cáo trong Sổ tay Hướng dẫn Bảo trì và Bảo hành.
- Tránh để động cơ chạy âm ỉ - tắt động cơ khi xe đứng yên trong thời gian dài. Chú ý các quy định địa phương.
- Dự tính cho chuyến đi - việc nhiều lần dừng lại không cần thiết hoặc tốc độ không ổn định sẽ làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.
- Sử dụng chức năng điều hòa sẵn trước khi khởi động trong điều kiện thời tiết lạnh - việc này giúp cải thiện hiệu suất khởi động và giảm thiểu ăn mòn trong thời tiết lạnh. Động cơ đạt nhiệt độ vận hành bình thường một cách nhanh hơn, giảm mức tiêu thụ và giảm mức phát thải.

Ngoài ra, cần nhớ rằng phải luôn tiêu hủy chất thải độc hại với môi trường, chẳng hạn như ắc quy và dầu, một cách an toàn với môi trường. Liên hệ gara trong trường hợp không chắc chắn về cách tiêu hủy loại chất thải này, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Kiểm soát phát thải hiệu quả

Chiếc xe Volvo của bạn được sản xuất theo ý tưởng "sạch từ trong ra ngoài" - ý tưởng này nhằm tạo ra một môi trường sạch sẽ bên trong xe và kiểm soát phát thải với hiệu quả cao. Trong nhiều trường hợp, mức phát thải khí thải đều thấp hơn giới hạn được quy định trong tiêu chuẩn áp dụng.

Lọc sạch không khí trong khoang hành khách

Một bộ lọc trong khoang hành khách giúp ngăn bụi và phần hoa xâm nhập vào khoang hành khách thông qua cửa gió.

Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe (IAQS)* đảm bảo không khí đi vào bên trong sẽ sạch hơn so với không khí bên ngoài.

Hệ thống làm sạch không khí trong khoang hành khách, loại bỏ các chất gây ô nhiễm như các hạt, hydrocacbon, loại oxit nitơ và ozone tầng thấp. Nếu không khí bên ngoài bị nhiễm bẩn, cửa gió sẽ được đóng kín và không khí được tái lưu thông. Tình huống này có thể phát sinh trong điều kiện giao thông đông đúc, các xe nối đuôi nhau và đi trong đường hầm.

IAQS là một phần của Gói Làm sạch Không khí Trong xe (CZIP)* và cũng bao gồm chức năng cho phép khởi động quạt khi xe được mở khóa bằng chìa khóa điện khiển từ xa.

Nội thất

Vật liệu sử dụng trong nội thất xe Volvo được lựa chọn tỉ mỉ và đã được thử nghiệm để đem đến tiện nghi và thoải mái cho hành khách. Một số chi tiết được làm thủ công, chẳng hạn như các đường chỉ trên vô lăng được khâu bằng tay. Hệ thống nội thất được theo dõi để không gây mùi khó chịu hoặc các chất gây cảm giác khó chịu trong trường hợp nhiệt độ cao và ánh sáng mạnh.

Gara Volvo và môi trường

Bảo dưỡng thường xuyên giúp tăng tuổi thọ và giảm thiểu mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Bằng cách này bạn cũng góp phần làm cho môi trường sạch hơn. Khi các gara của Volvo được giao thực hiện công việc bảo dưỡng và bảo trì xe của bạn, công việc này sẽ trở thành một phần hệ thống của Volvo. Volvo có yêu cầu rõ ràng về phương thức thiết kế các gara để ngăn chặn sự cố tràn đổ và xả thải ra môi trường. Nhân viên trong gara được trang bị kiến thức và các dụng cụ cần thiết để đảm bảo môi trường được bảo vệ hiệu quả.

Tái chế

Do Volvo hoạt động dựa trên triết lý vòng đời sản phẩm, việc chiếc xe được tái chế một cách bền vững với môi trường cũng rất quan trọng. Hầu hết tất cả các xe đều có thể tái chế được. Do đó, chủ sở hữu cuối cùng của xe được yêu cầu liên hệ với một đại lý để được giới thiệu đến cơ sở tái chế được chứng nhận/cấp phép.





Thông tin liên quan

- Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂ (trang 676)
- Lái tiết kiệm (trang 465)
- Bật và tắt điều hòa sẵn* (trang 231)
- Sách hướng dẫn sử dụng và môi trường (trang 26)
- Chất lượng không khí (trang 205)

IntelliSafe - hỗ trợ người lái

IntelliSafe là một ý tưởng về an toàn cho xe của Volvo Cars. IntelliSafe bao gồm nhiều hệ thống tiêu chuẩn và tùy chọn, nhằm mục đích đem đến một hành trình an toàn, ngăn chặn thương tích và bảo vệ hành khách và những người tham gia giao thông khác.

Hỗ trợ

IntelliSafe bao gồm các chức năng hỗ trợ người lái như Kiểm soát hành trình chủ động*, giúp người lái duy trì tốc độ ổn định kết hợp với khoảng cách về thời gian được lựa chọn sẵn đến xe phía trước.

Hệ thống Lái Bán Tự động⁸ giúp người lái điều khiển xe giữa các vạch kẻ trên mặt đường bằng hình thức hỗ trợ lái và duy trì tốc độ ổn định kết hợp với khoảng cách về thời gian được lựa chọn sẵn đến xe phía trước. Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* giúp người lái vào hoặc ra khỏi vị trí đỗ xe.

Ví dụ khác về các hệ thống có thể giúp đỡ người lái là hệ thống Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (CTA)* và Thông tin Cảnh báo Điểm mù (BLIS)*.

Ngăn chặn

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety) là một chức năng có thể góp phần ngăn chặn xảy ra tai nạn.

Chức năng này có thể ngăn chặn hoặc giảm nhẹ va chạm với người đi bộ, người đi xe đạp, các con vật lớn hoặc các phương tiện khác. Cảnh báo bằng hình ảnh, âm thanh và gạt phanh xuất hiện trong trường hợp có nguy cơ va chạm để giúp người lái xử lý kịp thời. Nếu người lái không phản ứng với cảnh báo và nguy cơ va chạm được đánh giá là sắp xảy ra, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể phanh xe tự động.

Chức năng hỗ trợ đi đúng làn đường (LKA) là một ví dụ khác của một chức năng có thể giúp ngăn chặn xảy ra tai nạn bằng cách giúp người lái giảm thiểu nguy cơ xe vô tình ra khỏi làn đường của mình trên đường cao tốc và các con đường lớn tương tự.

Chức năng **Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm cao** có thể giúp người lái giảm thiểu nguy cơ xe vô tình ra khỏi làn đường của mình và/hoặc va chạm với một xe hoặc chướng ngại vật khác bằng cách chủ động lái lại xe vào làn đường của mình và/hoặc đổi hướng.

Bảo vệ

Với mục đích bảo vệ người lái và hành khách, xe được trang bị bộ căng dây đai an toàn để có thể kéo căng dây đai an toàn trong các tình huống nghiêm trọng và khi xảy ra va chạm. Xe cũng có túi khí và rèm bơm khí cũng như Hệ thống Bảo vệ Cổ (WHIPS) để bảo vệ người lái và hành khách khỏi các chấn thương cổ.

Thông tin liên quan

Hệ thống hỗ trợ lái xe (trang 286)

Đền pha chủ động (trang 154)

Sự an toàn (trang 44)

Dây đai an toàn (trang 46)

Túi khí (trang 51)

Hệ thống Bảo vệ Cổ (trang 45)

⁸ Chức năng này có thể là chức năng tiêu chuẩn hoặc tùy chọn, tùy thuộc vào thị trường.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Sensus - kết nối và giải trí trực tuyến

Sensus giúp bạn truy cập Internet, sử dụng các loại ứng dụng khác nhau và biến chiếc xe trở thành một điểm phát sóng Wi-Fi.

Đây là Sensus



Sensus là một giao diện thông minh và kết nối trực tuyến với thế giới số. Với cấu trúc dẫn đường bắt mắt, nó có thể tiếp nhận hỗ trợ, thông tin và hệ thống giải trí liên quan, khi cần thiết, mà không làm xao nhãng người lái.

Sensus tích hợp tất cả các giải pháp trong một chiếc xe được kết nối với hệ thống giải trí, kết nối trực tuyến, dẫn đường* và giao diện người dùng giữa người lái và chiếc xe. Sensus thực hiện công việc giao tiếp giữa bạn, chiếc xe và thế giới bên ngoài.

Thông tin mọi lúc mọi nơi.

Các màn hình khác nhau trong xe cung cấp thông tin đúng thời điểm. Thông tin được hiển thị ở các vị trí khác nhau dựa trên cách người lái ưu tiên cho các thông tin đó.



Các loại thông tin khác nhau được hiển thị trên các màn hình khác nhau, tùy thuộc vào cách thông tin được ưu tiên.

Màn hình kính chắn gió*



Màn hình kính chắn gió hiển thị các thông tin chọn lọc mà người lái cần xử lý sớm nhất có thể, ví dụ, các thông tin đó có thể bao gồm các cảnh báo giao thông, thông tin về tốc độ và thông tin dẫn đường*.

Thông tin Biển báo Giao thông và cuộc gọi đến cũng được hiển thị trên màn hình kính chắn gió. Màn hình được vận hành thông qua bàn phím ở vô lăng bên phải và thông qua màn hình trung tâm.

Màn hình người lái



Màn hình người lái 12 inch*.



Màn hình người lái 8 inch

Màn hình người lái hiển thị thông tin về tốc độ và, ví dụ, cuộc gọi đến hoặc các bản nhạc đang được phát. Màn hình được vận hành thông qua hai bàn phím vô lăng.

Màn hình trung tâm



Hầu hết các chức năng chính của xe được điều khiển từ màn hình trung tâm, một màn hình cảm ứng có độ phản ứng cao khi được chạm. Vì lý do đó, số lượng các phím và nút điều khiển vật lý ở mức tối thiểu. Màn hình thậm chí còn có thể được vận hành khi người lái đang đeo găng tay.

Ví dụ, từ đây, bạn có thể điều khiển hệ thống điều khiển điều hòa, hệ thống giải trí và vị trí ghế ngồi. Thông tin được hiển thị trên màn hình trung tâm có thể được xử lý bởi người lái hoặc một người nào đó trong xe khi có nhu cầu.

Hệ thống nhận dạng giọng nói



Hệ thống nhận dạng giọng nói có thể được sử dụng mà không cần người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hệ thống này có thể hiểu được các giọng nói tự nhiên, ví dụ, sử dụng nhận dạng giọng nói để phát lại một bài hát, gọi điện cho ai đó, tăng nhiệt độ hoặc đọc một thông báo.

Thông tin liên quan

- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)
- Màn hình người lái (trang 79)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)

- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Chia sẻ truy cập Internet từ xe thông qua một điểm phát sóng Wi-Fi (trang 540)

Cập nhật phần mềm

Đề bạn có những trải nghiệm tốt nhất trên chiếc xe của mình với tư cách là một khách hàng của Volvo, Volvo liên tục phát triển các hệ thống trong xe và các dịch vụ được cung cấp cho bạn.

Bạn có thể cập nhật phần mềm trong chiếc xe Volvo của mình theo phiên bản mới nhất khi xe của bạn được bảo trì trong đại lý được Volvo ủy quyền. Bản cập nhật phần mềm mới nhất giúp bạn tiếp cận các chức năng và cải tiến mới cũng như các cải tiến trước đây đi kèm với các bản cập nhật phần mềm trước đây.

Để biết thêm thông tin về các bản cập nhật đã phát hành và câu trả lời cho các câu hỏi thường gặp, vui lòng truy cập support.volvocars.com.

ⓘ LƯU Ý

Các chức năng sau khi cập nhật có thể thay đổi, tùy thuộc vào thị trường, mẫu xe, năm sản xuất và tùy chọn.

Thông tin liên quan

- Sensus - kết nối và giải trí trực tuyến (trang 34)
- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tài xế (trang 607)

Ghi dữ liệu

Nằm trong nỗ lực đảm bảo an toàn và chất lượng của Volvo, một số thông tin về hoạt động, chức năng và các sự cố của xe được ghi lại trên xe.

Xe được trang bị “Bộ ghi Dữ liệu Hoạt động” (EDR). Mục đích chính của thiết bị này là ghi nhận và ghi lại các dữ liệu liên quan đến tai nạn giao thông hoặc các tình huống giống như va chạm, ví dụ, những lần bung túi khí hoặc xe va vào chướng ngại vật trên đường. Dữ liệu được ghi lại để giúp người lái hiểu rõ cách mà các hệ thống của xe phản ứng với các loại tình huống này. EDR được thiết kế để ghi lại các dữ liệu liên quan đến chuyển động và hệ thống an toàn của xe trong thời gian ngắn, thường là từ 30 giây trở xuống.

EDR trong xe này được thiết kế để ghi lại các dữ liệu liên quan đến các thông tin sau trong trường hợp xảy ra tai nạn giao thông hoặc các tình huống giống như va chạm:

- Các hệ thống khác nhau trên xe hoạt động như thế nào
- Dây đai an toàn của người lái và hành khách đã được thắt chặt/kéo căng hay chưa
- Cách người lái xe sử dụng chân ga và chân phanh
- Tốc độ di chuyển của xe

Những thông tin này có thể giúp chúng ta hiểu hơn về các trường hợp xảy ra tai nạn giao thông, thương tích và hư hỏng. EDR chỉ ghi lại dữ liệu khi xảy ra tình huống va chạm nghiêm trọng. EDR không ghi lại bất cứ dữ liệu nào trong điều kiện lái xe bình thường.

Bên cạnh đó, hệ thống tuyệt đối không ghi lại người đang lái xe hoặc vị trí địa lý nơi xảy ra tai nạn hoặc các tình huống suýt gây ra tai nạn. Tuy nhiên, các bên khác như cảnh sát, có thể sử dụng dữ liệu ghi được cùng với các thông tin nhận dạng cá nhân được thu thập sau mỗi tai nạn giao thông. Cần phải có thiết bị chuyên dụng và quyền truy cập vào xe hoặc EDR để có thể giải mã dữ liệu đã ghi được.

Ngoài EDR, xe còn được trang bị nhiều máy tính được thiết kế để liên tục kiểm tra và theo dõi chức năng của xe. Các máy tính này có thể ghi lại dữ liệu trong điều kiện lái xe bình thường nhưng cũng có thể ghi lại các lỗi ảnh hưởng đến hoạt động và chức năng của xe hoặc sau khi kích hoạt chức năng hỗ trợ người lái của xe (ví dụ, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố và chức năng phanh tự động).

Các kỹ thuật viên bảo trì và bảo dưỡng có thể cần một số dữ liệu ghi được để chẩn đoán và đưa ra biện pháp khắc phục lỗi xảy ra trên xe. Volvo cũng cần những thông tin ghi được để đáp ứng các yêu cầu pháp lý của các cơ quan chính phủ. Các thông tin ghi được trên xe được lưu trữ trong máy tính cho đến khi xe được bảo trì hoặc sửa chữa.

Ngoài chức năng trên, các thông tin ghi được còn được sử dụng kết hợp vào mục đích nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm liên tục cải tiến độ an toàn và chất lượng của những chiếc xe Volvo.



Volvo sẽ không tiết lộ những thông tin được mô tả ở trên cho bên thứ ba khi chưa có sự cho phép của chủ xe. Để tuân thủ luật pháp và quy định của quốc gia, Volvo có thể bắt buộc phải cung cấp những thông tin này cho cảnh sát hoặc các cơ quan khác, những người có thẩm quyền tiếp cận các thông tin này một cách hợp pháp. Để có thể đọc và giải mã các dữ liệu ghi được, cần phải có thiết bị kỹ thuật chuyên dụng cấp quyền truy cập của Volvo và các gara đã ký hợp đồng với Volvo. Volvo có trách nhiệm đảm bảo rằng các thông tin được chuyển đến Volvo trong quá trình bảo trì và bảo dưỡng đều được lưu trữ và quản lý một cách an toàn và việc quản lý thông tin tuân thủ các yêu cầu pháp lý liên quan. Để biết thêm thông tin, liên hệ đại lý Volvo.

Điều khoản và Điều kiện Sử dụng Dịch vụ

Volvo cung cấp các dịch vụ để bạn có thể lái chiếc xe Volvo của mình một cách an toàn và thoải mái nhất có thể.

Các dịch vụ này bao gồm tất cả dịch vụ từ hỗ trợ khẩn cấp đến dẫn đường và nhiều dịch vụ bảo dưỡng khác nhau.

Trước khi sử dụng dịch vụ, bạn cần đọc Điều khoản và Điều kiện Sử dụng Dịch vụ tại support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- Chính sách về Quyền riêng tư của Khách hàng (trang 38)

Chính sách về Quyền riêng tư của Khách hàng

Volvo tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân của tất cả mọi người truy cập trang web của chúng tôi.

Chính sách này liên quan đến việc xử lý dữ liệu khách hàng và thông tin cá nhân. Mục đích của chính sách này là giúp khách hàng hiện tại, trước đây và tiềm năng hiểu được:

- Các trường hợp chúng tôi thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của bạn.
- Các loại dữ liệu cá nhân được chúng tôi thu thập.
- Lý do chúng tôi thu thập dữ liệu cá nhân của bạn.
- Cách chúng tôi xử lý dữ liệu cá nhân của bạn.

Chính sách này được trình bày toàn bộ tại support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu (trang 542)
- Chính sách về Quyền riêng tư của Khách hàng (trang 38)
- Ghi dữ liệu (trang 37)

Thông tin quan trọng về phụ kiện và thiết bị phụ trợ

Việc kết nối và lắp đặt không chính xác phụ kiện và thiết bị bổ sung có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống điện tử của xe.

Chúng tôi đặc biệt khuyến cáo rằng Volvo chỉ lắp đặt phụ kiện chính hãng của Volvo và chỉ kỹ thuật viên bảo trì đã được đào tạo và có trình độ của Volvo được thực hiện lắp đặt phụ kiện. Một số phụ kiện chỉ hoạt động khi lắp đặt phần mềm liên quan trong hệ thống máy tính của xe.

Thiết bị được mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng không có ở tất cả các xe, chúng đều có các thiết bị khác nhau, tùy thuộc vào việc đáp ứng nhu cầu của các thị trường khác nhau và luật pháp và quy định của quốc gia hoặc địa phương.

Tùy chọn và phụ kiện được mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được đánh dấu hoa thị. Trong trường hợp không chắc chắn về việc thiết bị nào là tiêu chuẩn hoặc thiết bị nào là tùy chọn/phụ kiện, liên hệ đại lý của Volvo.



CẢNH BÁO

Người lái luôn chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc sử dụng xe an toàn và tuân thủ luật pháp và quy định có hiệu lực.

Xe phải được bảo dưỡng và bảo trì theo khuyến cáo của Volvo, thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng và sách hướng dẫn bảo trì và bảo hành.

Nếu thông tin thực tế khác với thông tin bên sách hướng dẫn sử dụng bản in, thông tin trên sách hướng dẫn sử dụng bản in sẽ luôn được ưu tiên áp dụng.

Thông tin liên quan

- Lắp đặt phụ kiện (trang 39)
- Kết nối thiết bị với ổ chẩn đoán của xe (trang 40)
- Đọc sách hướng dẫn sử dụng (trang 23)

Lắp đặt phụ kiện

Chúng tôi đặc biệt khuyến cáo rằng Volvo chỉ lắp đặt phụ kiện chính hãng của Volvo và chỉ kỹ thuật viên bảo trì đã được đào tạo và có trình độ của Volvo được thực hiện lắp đặt phụ kiện. Một số phụ kiện chỉ hoạt động khi lắp đặt phần mềm liên quan trong hệ thống máy tính của xe.

- Phụ kiện chính hãng của Volvo đã được kiểm tra hiệu quả hoạt động, sự an toàn và mức kiểm soát phát thải để đảm bảo chúng hoạt động với các hệ thống của xe. Thêm vào đó, một kỹ thuật viên bảo trì đã được đào tạo và có trình độ của Volvo biết nơi có thể lắp đặt an toàn hoặc không an toàn phụ kiện trong chiếc xe Volvo của bạn. Luôn tham khảo ý kiến của kỹ thuật viên bảo trì đã được đào tạo và có trình độ của Volvo trước khi lắp đặt bất cứ phụ kiện nào trong hoặc trên chiếc xe của bạn.
- Các phụ kiện không được Volvo chấp nhận có thể chưa được kiểm tra cụ thể về chức năng sử dụng với chiếc xe của bạn.
- Một số hệ thống vận hành hoặc an toàn của xe có thể bị ảnh hưởng tiêu cực nếu bạn lắp đặt phụ kiện chưa được Volvo kiểm tra hoặc nếu bạn cho phép người không có kinh nghiệm về chiếc xe lắp đặt phụ kiện.
- Hư hỏng do lắp đặt phụ kiện trái phép hoặc sai quy cách sẽ không được bảo hành theo chế độ bảo hành xe mới. Có thể đọc thêm thông tin bảo hành trong sách hướng dẫn bảo trì và bảo hành. Volvo không chịu bất cứ trách nhiệm nào về thương vong hoặc chi phí phát sinh do lắp đặt phụ kiện không chính hãng.



Thông tin liên quan

- Thông tin quan trọng về phụ kiện và thiết bị phụ trợ (trang 39)

Kết nối thiết bị với ổ chẩn đoán của xe

Việc kết nối và lắp đặt không chính xác phần mềm hoặc công cụ chẩn đoán có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống điện tử của xe. Chúng tôi đặc biệt khuyến cáo rằng Volvo chỉ lắp đặt phụ kiện chính hãng của Volvo và chỉ kỹ thuật viên bảo trì đã được đào tạo và có trình độ của Volvo được thực hiện lắp đặt phụ kiện. Một số phụ kiện chỉ hoạt động khi lắp đặt phần mềm liên quan trong hệ thống máy tính của xe.



Đầu nối liên kết dữ liệu (Chẩn đoán Sự cố, OBDII) nằm dưới bảng táp lô trên phía người lái.

ⓘ LƯU Ý

Volvo Cars không chịu trách nhiệm về hậu quả nếu kết nối thiết bị trái phép với ổ Chẩn đoán Lỗi (OBDII). Ổ này chỉ được kỹ thuật viên bảo trì đã được đào tạo và có trình độ của Volvo sử dụng.

Thông tin liên quan

- Thông tin quan trọng về phụ kiện và thiết bị phụ trợ (trang 39)

Hiện thị số khung của xe

Khi liên hệ đại lý của Volvo, ví dụ, liên quan đến việc đăng ký Volvo On Call, bạn sẽ cần số khung của xe (VIN⁹).

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** ở phần trên cùng trong màn hình trung tâm.
2. Tiếp tục đến **System (Hệ thống) → System Information (Thông tin Hệ thống) → Vehicle Identification Number (Số Khung của Xe)**.
 > Số khung của xe được hiển thị.

Sự xao nhãng của người lái

Người lái chịu trách nhiệm làm tất cả mọi thứ có thể để đảm bảo sự an toàn của chính mình, hành khách và những người tham gia giao thông khác. Một phần của trách nhiệm này là tránh sự xao nhãng như thực hiện một hoạt động không liên quan đến việc lái xe trong môi trường lái xe.

Chiếc xe Volvo mới của bạn đang hoặc có thể được trang bị hệ thống giải trí và giao tiếp có nhiều nội dung khác nhau. Hệ thống này có thể bao gồm điện thoại di động rảnh tay, hệ thống dẫn đường và hệ thống âm thanh có nhiều chức năng. Bạn cũng có thể có các thiết bị điện tử cầm tay để thuận tiện trong quá trình sử dụng. Khi được sử dụng chính xác và an toàn, hệ thống này có thể đem đến trải nghiệm lái xe tốt hơn. Nếu được sử dụng sai quy cách, hệ thống này có thể làm bạn xao nhãng.

Chúng tôi mong muốn đưa ra các cảnh báo sau liên quan đến hệ thống đó để thể hiện mối quan tâm của Volvo đến sự an toàn của bạn. Tuyệt đối không sử dụng một thiết bị hoặc chức năng trong xe mà sẽ làm bạn xao nhãng khỏi nhiệm vụ lái xe an toàn. Trừ những cảnh báo chung này, chúng tôi đưa ra các lời khuyên dưới đây liên quan đến các chức năng mới có thể có trong xe:

CẢNH BÁO

- Tuyệt đối không sử dụng điện thoại di động cầm tay khi lái xe. Trong một số khu vực, người lái bị cấm sử dụng điện thoại di động khi xe đang di chuyển.
- Nếu xe được trang bị hệ thống dẫn đường, bạn chỉ được cài đặt và thay đổi lộ trình khi xe đã được đỗ.
- Tuyệt đối không lập trình hệ thống âm thanh khi xe đang di chuyển. Lập trình hệ thống cài đặt sẵn cho đài khi xe đã được đỗ và sau đó sử dụng hệ thống cài đặt sẵn đã lập trình để sử dụng đài nhanh hơn và đơn giản hơn.
- Tuyệt đối không sử dụng máy tính xách tay hoặc máy tính cầm tay khi xe đang di chuyển.

Thông tin liên quan

- Âm thanh, phương tiện giải trí và Internet (trang 500)

⁹ Số Khung của Xe

CHIẾC XE VOLVO CỦA BẠN

SỰ AN TOÀN

Sự an toàn

Xe được trang bị một số hệ thống an toàn hoạt động với nhau để bảo vệ người lái và hành khách trên xe trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Xe được trang bị nhiều cảm biến phản ứng trong trường hợp xảy ra tai nạn và bật các hệ thống an toàn khác nhau như các loại túi khí và bộ căng dây đai an toàn khác nhau. Tùy thuộc vào tình huống tai nạn cụ thể như va chạm ở các góc khác nhau, lật xe hoặc lái chệch ra khỏi đường, hệ thống sẽ phản ứng theo các hình thức khác nhau để bảo vệ người lái và hành khách một cách tốt nhất.

Cũng có các hệ thống an toàn cơ học như Hệ thống Bảo vệ Cổ. Xe cũng được thiết kế để phân lớn lực va chạm được phân bổ đến đèn, trụ đỡ, sàn, nóc và các bộ phận khác của thân xe.

Chế độ an toàn này của xe có thể được bật sau khi xảy ra va chạm nếu một chức năng quan trọng trong xe đã bị hỏng.

Biểu tượng cảnh báo trong màn hình người lái



Biểu tượng cảnh báo sáng trong màn hình người lái khi hệ thống điện của xe được cài đặt ở vị trí đánh lửa II. Biểu tượng tắt sau xấp xỉ 6 giây nếu hệ thống an toàn của xe không bị lỗi.

CẢNH BÁO

Nếu biểu tượng cảnh báo vẫn sáng hoặc được bật trong quá trình lái hoặc thông báo **SRS airbag Service urgent Drive to workshop (Túi khí SRS Cần bảo trì khẩn cấp Lái đến gara)** được hiển thị trong màn hình người lái, nó có nghĩa là bộ phận của một trong các hệ thống an toàn không hoạt động hiệu quả. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền sớm nhất có thể.

CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tự điều chỉnh hoặc sửa chữa các hệ thống an toàn khác nhau của xe. Một trong các hệ thống hoạt động lỗi có thể gây hư hỏng và dẫn đến thương tích cá nhân nghiêm trọng. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.



Nếu biểu tượng cảnh báo cụ thể bị vỡ, biểu tượng cảnh báo chung sẽ sáng và màn hình người lái hiển thị thông báo tương tự.

Thông tin liên quan

- An toàn cho phụ nữ mang thai (trang 44)
- Dây đai an toàn (trang 46)
- Túi khí (trang 51)
- Hệ thống Bảo vệ Cổ (trang 45)
- Chế độ an toàn (trang 58)
- An toàn cho trẻ em (trang 59)

An toàn cho phụ nữ mang thai

Việc sử dụng dây đai an toàn đúng cách trong thời gian mang thai và người lái là phụ nữ mang thai điều chỉnh vị trí ngồi phù hợp là rất quan trọng.

Dây đai an toàn



Đai chéo phải khoác qua vai sau đó kéo tới giữa ngực và phần bên bụng.

Đai ngang phải nằm phẳng trên đùi và cẳng thấp cẳng tốt bên dưới bụng. Tuyệt đối không kéo hướng lên. Tháo lỏng dây đai an toàn và đảm bảo rằng nó càng gần sát với cơ thể càng tốt. Ngoài ra, kiểm tra để đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn.

Vị trí ngồi

Khi bụng lớn dần, người lái là phụ nữ mang thai phải điều chỉnh ghế và vô lăng sao cho có thể dễ dàng điều khiển xe (có nghĩa là người lái phải dễ dàng vận hành phanh chân và vô lăng). Mục đích là để xác định chỗ ngồi với khoảng cách giữa bụng và tay lái càng lớn càng tốt.

Thông tin liên quan

- Sự an toàn (trang 44)
- Dây đai an toàn (trang 46)
- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)

Hệ thống Bảo vệ Cổ

Hệ thống Bảo vệ Cổ (WHIPS) làm giảm nguy cơ chấn thương cổ. Hệ thống này bao gồm đệm ngả lưng hấp thụ năng lượng và đệm ghế cũng như gối tựa đầu được thiết kế chuyên dụng ở ghế trước.

WHIPS hoạt động trong trường hợp có va chạm từ phía sau nếu góc và tốc độ của va chạm và bản chất của xe va chạm đều có ảnh hưởng.

Khi WHIPS hoạt động, đệm ngả lưng của ghế trước được hạ thấp về phía sau và đệm ghế được di chuyển xuống dưới để thay đổi vị trí ngồi của người lái và hành khách ở ghế trước. Sự di chuyển của nó giúp hấp thụ nhiều lực có thể phát sinh và gây chấn thương cổ.



CẢNH BÁO

WHIPS chỉ bổ sung cho dây đai an toàn. Luôn thắt dây đai an toàn



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tự điều chỉnh hoặc sửa chữa ghế ngồi hoặc WHIPS. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

Nếu ghế trước đã chịu tải trọng lớn như sau khi va chạm, ghế phải được thay thế. Một số đặc tính bảo vệ của ghế có thể mất đi kể cả khi chúng không có dấu hiệu hư hỏng.



Không đặt bất cứ thứ gì trên sàn phía sau hoặc ở dưới ghế phía trước hoặc ở ghế phía sau mà có thể ngăn chặn hoạt động của WHIPS.





CẢNH BÁO

Không đặt các đồ vật cứng vào giữa đệm ghế sau và đệm ngả lưng của ghế trước. Nếu đệm ngả lưng ở ghế sau bị hạ thấp, phải cố định tải trọng để ngăn nó trượt lên đệm ngả lưng của ghế trước trong trường hợp xảy ra va chạm.



CẢNH BÁO

Nếu đệm ngả lưng của ghế sau bị hạ thấp hoặc ghế ngồi trẻ em hướng về phía sau được sử dụng ở ghế sau, ghế trước tương ứng phải được di chuyển lên phía trước để nó không tiếp xúc với đệm ngả lưng hoặc ghế trẻ em hạ thấp.

Vị trí ngồi

Đề WHIPS bảo vệ tối ưu, người lái và hành khách phải có vị trí ngồi chính xác và đảm bảo chức năng của hệ thống không bị cản trở.

Cài đặt vị trí ngồi chính xác ở ghế trước, trước khi bắt đầu lái xe.

Người lái và hành khách ở ghế trước cần ngồi ở giữa ghế với không gian càng nhỏ càng tốt giữa đầu và gối tựa đầu.

WHIPS và ghế trẻ em

WHIPS không làm giảm mức độ bảo vệ của xe đối với trẻ em ngồi ở ghế trẻ em hoặc đệm nâng.

Thông tin liên quan

- ự an toàn (trang 44)
- hế ngồi trước chính tay (trang 182)
- hế ngồi trước chính điện* (trang 183)
- ảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)

Dây đai an toàn

Phanh gấp có thể gây hậu quả nghiêm trọng nếu không sử dụng dây đai an toàn.

Dây đai an toàn phải ôm sát cơ thể để có thể bảo vệ tối đa người lái và hành khách. Không dựa vào đệm tựa lưng quá xa về phía sau. Các dây đai an toàn được thiết kế để bảo vệ ở tư thế ngồi bình thường



CẢNH BÁO

Không được kẹp hoặc móc dây đai an toàn vào móc hoặc phụ kiện nội thất khác vì việc này khiến dây đai an toàn được thắt không đúng cách.



CẢNH BÁO

Các dây đai an toàn và túi khí có tác dụng tương hỗ. Nếu dây đai an toàn không được sử dụng hoặc sử dụng không đúng cách, điều này có thể làm giảm khả năng bảo vệ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

*Tùy chọn/phụ kiện.

⚠ CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tự điều chỉnh hoặc sửa chữa dây đai an toàn. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

Nếu dây đai an toàn đã chịu tải trọng lớn như sau khi va chạm, phải thay toàn bộ dây đai an toàn. Một số đặc tính bảo vệ của dây đai an toàn có thể mất đi kể cả khi chúng không có dấu hiệu hư hỏng. Dây đai an toàn cũng cần được thay thế khi có dấu hiệu ăn mòn hoặc hư hỏng. Dây đai an toàn mới phải là loại được chấp thuận và được thiết kế để lắp đặt tại vị trí tương tự làm dây đai an toàn thay thế.

Thông tin liên quan

- Sự an toàn (trang 44)
- Bộ căng dây đai an toàn (trang 48)
- Thất và tháo dây đai an toàn (trang 47)
- Nhắc nhở đóng cửa và thất dây đai an toàn (trang 50)

Thất và tháo dây đai an toàn

Đảm bảo tất cả hành khách đã thất dây đai an toàn trước khi bắt đầu lái xe.

Thất dây đai an toàn

1. Từ từ kéo dây đai an toàn và đảm bảo rằng dây không bị xoắn hoặc hư hỏng.
Đảm bảo dây đai an toàn nằm chính xác trong thanh dẫn hướng dây đai có ở ghế giữa của hàng ghế thứ hai.

ⓘ LƯU Ý

Dây đai an toàn khóa và không thể thu lại:

- nếu nó được kéo ra quá nhanh
- khi phanh và tăng tốc
- nếu xe nghiêng quá nhiều.

2. Khóa dây đai bằng cách chèn lưỡi khóa vào khóa.
> Một tiếng "tách" thể hiện các dây đai an toàn đã khóa.

⚠ CẢNH BÁO

Luôn đưa lưỡi khóa của dây đai an toàn vào khóa ở đúng hướng, nếu không, dây đai an toàn và khóa sẽ không hoạt động như dự kiến trong trường hợp xảy ra va chạm. Có nguy cơ xảy ra thương tích nghiêm trọng.

3. Dây đai an toàn ở các ghế trước và ở ghế bên ngoài trong hàng ghế thứ hai có thể điều chỉnh độ cao.



Ấn phần giá lắp và đồng thời di chuyển dây đai an toàn lên hoặc xuống.

Đề dây đai an toàn càng cao càng tốt mà không chèn vào cổ họng.



Dây đai an toàn phải vắt chéo qua vai (không đặt xuống dưới cánh tay).

4. Kéo căng đai ngang qua bụng bằng cách kéo đai chéo hướng về phía vai.



Đai ngang phải được thắt thấp phía dưới (không cao quá bụng).

⚠ CẢNH BÁO

Mỗi dây đai an toàn được thiết kế để sử dụng chỉ cho một người.

⚠ CẢNH BÁO

Không kẹp hoặc móc dây đai an toàn vào móc hoặc phụ kiện nội thất khác vì việc này khiến dây đai an toàn được thắt không đúng cách.

⚠ CẢNH BÁO

Không làm hư hỏng dây đai an toàn hoặc để dị vật lọt vào khóa, nếu không dây đai an toàn và khóa sẽ không hoạt động như dự kiến trong trường hợp xảy ra va chạm. Có nguy cơ xảy ra thương tích nghiêm trọng.

Tháo dây đai an toàn

1. Nhấn nút màu đỏ trên khóa sau đó để dây đai tự cạ lại.
2. Nếu dây đai an toàn không co lại hết, dùng tay đẩy nó vào vị trí sao cho dây đai không bị treo lỏng.
Đảm bảo dây đai an toàn nằm chính xác trong thanh dẫn hướng dây đai có ở ghế giữa của hàng ghế thứ hai.

Thông tin liên quan

- Dây đai an toàn (trang 46)
- Bộ căng dây đai an toàn (trang 48)
- Nhắc nhở đóng cửa và thắt dây đai an toàn (trang 50)

Bộ căng dây đai an toàn

Xe được trang bị bộ căng dây đai an toàn tiêu chuẩn và bộ căng dây đai an toàn điện, có thể kéo căng dây đai an toàn trong các tình huống nghiêm trọng và va chạm

Bộ căng dây đai an toàn tiêu chuẩn

Tất cả dây đai an toàn đều được trang bị bộ căng dây đai an toàn tiêu chuẩn.

Bộ căng dây đai an toàn kéo căng dây đai an toàn trong trường hợp xảy ra va chạm với một lực đủ lớn để cố định người ngồi trên xe hiệu quả hơn.

Bộ căng dây đai an toàn điện

Dây đai an toàn cho người lái và hành khách ngồi phía trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn điện.

Các bộ căng dây đai an toàn làm việc cùng với nhau và có thể được bật cùng với hệ thống hỗ trợ người lái bao gồm Lái xe An toàn trong Thành phố và Cảnh báo Va chạm Phía sau. Trong các tình huống nghiêm trọng như phanh gấp, lái chệch ra khỏi đường (ví dụ, xe lao xuống mương, bay khỏi mặt đất hoặc đâm vào thứ khác khi đi trên địa hình xấu), trượt hoặc có nguy cơ va chạm, dây đai an toàn có thể được kéo căng bằng động cơ điện của bộ căng dây đai an toàn. Bộ căng dây đai an toàn điện giúp điều chỉnh vị trí tốt hơn cho người ngồi trên xe, giảm thiểu nguy cơ của việc người ngồi trong xe va vào nội thất của xe và cải thiện hiệu quả của hệ thống an toàn như túi khí của xe.

SỰ AN TOÀN

Khi tình huống nghiêm trọng kết thúc, dây đai an toàn và bộ căng trước dây đai an toàn điện đều được tự động thu lại hoặc chúng cũng có thể được thu lại bằng tay.

LƯU Ý

Nếu túi khí của hành khách bị tắt, bộ căng dây đai an toàn điện trên phía hành khách cũng bị tắt.



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tự điều chỉnh hoặc sửa chữa dây đai an toàn. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

Nếu dây đai an toàn đã chịu tải trọng lớn như sau khi va chạm, phải thay toàn bộ dây đai an toàn. Một số đặc tính bảo vệ của dây đai an toàn có thể mất đi kể cả khi chúng không có dấu hiệu hư hỏng. Dây đai an toàn cũng cần được thay thế khi có dấu hiệu ăn mòn hoặc hư hỏng. Dây đai an toàn mới phải là loại được chấp thuận và được thiết kế để lắp đặt tại vị trí tương tự làm dây đai an toàn thay thế.

Thông tin liên quan

- Dây đai an toàn (trang 46)
- Thắt và tháo dây đai an toàn (trang 47)

- Cài đặt lại bộ căng dây đai an toàn điện (trang 49)
- Bật và tắt túi khí của hành khách* (trang 54)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)

Cài đặt lại bộ căng dây đai an toàn điện

Bộ căng dây đai an toàn điện được thiết kế để được cài đặt lại tự động nhưng bộ căng dây đai an toàn có thể được cài đặt lại thủ công nếu dây đai vẫn còn được kéo căng.

1. Dừng xe ở nơi an toàn.
2. Tháo dây đai an toàn và sau đó siết chặt lại.
 - > Dây đai an toàn và bộ căng dây đai an toàn điện được cài đặt lại.



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tự điều chỉnh hoặc sửa chữa dây đai an toàn. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

Nếu dây đai an toàn đã chịu tải trọng lớn như sau khi va chạm, phải thay toàn bộ dây đai an toàn. Một số đặc tính bảo vệ của dây đai an toàn có thể mất đi kể cả khi chúng không có dấu hiệu hư hỏng. Dây đai an toàn cũng cần được thay thế khi có dấu hiệu ăn mòn hoặc hư hỏng. Dây đai an toàn mới phải là loại được chấp thuận và được thiết kế để lắp đặt tại vị trí tương tự làm dây đai an toàn thay thế.

Thông tin liên quan

- Bộ căng dây đai an toàn (trang 48)
- Dây đai an toàn (trang 46)

Nhắc nhở đóng cửa và thắt dây đai an toàn

Hệ thống này nhắc nhở người ngồi trên xe chưa thắt dây đai an toàn phải thắt dây đai an toàn và cũng cảnh báo về cửa, ca pô hoặc nắp ca pô mở.

Hình ảnh đồ họa trên màn hình người lái



Hình ảnh đồ họa trong màn hình người lái có các loại cảnh báo khác nhau. Màu cảnh báo trên cửa và cốp sau phụ thuộc vào tốc độ xe.

Hình ảnh đồ họa của màn hình người lái thể hiện người ngồi trong xe chưa thắt dây đai an toàn và đã thắt dây đai an toàn ngồi ở ghế nào.

Hình ảnh đồ họa tương tự cũng thể xuất hiện nếu ca pô, cốp sau hoặc bất cứ cửa nào bị mở.

Có thể tắt hình ảnh đồ họa bằng cách ấn nút **O** trên bàn phím vô lăng bên tay phải.

Nhắc nhở thắt dây đai an toàn



Nhắc nhở bằng hình ảnh trên bảng điều khiển ở nóc xe.

Có nhắc nhở bằng hình ảnh trên bảng điều khiển ở nóc xe và các biểu tượng cảnh báo trong màn hình người lái.

Nhắc nhở bằng âm thanh phụ thuộc vào tốc độ, thời gian lái xe và khoảng cách.

Trạng thái dây đai của người lái và hành khách được hiển thị trong hình ảnh đồ họa trong màn hình người lái khi dây đai được khóa hoặc mở khóa.

Ghế trẻ em không sử dụng hệ thống nhắc nhở thắt dây đai an toàn.

Ghế trước

Nhắc nhở bằng hình ảnh và âm thanh để nhắc nhở người lái và hành khách ngồi ở ghế trước sử dụng dây đai an toàn nếu một trong số họ không thắt dây đai an toàn.

Ghế sau

Nhắc nhở thắt dây đai an toàn ở ghế sau có hai chức năng phụ:

- Cung cấp thông tin về loại dây đai an toàn đang được sử dụng ở ghế sau. Hình ảnh đồ họa được hiển thị trên màn hình người lái khi đang sử dụng dây đai an toàn.
- Nhắc nhở việc một dây đai an toàn ở ghế sau đang không được thắt trong chuyến đi bằng nhiều nhắc nhở bằng hình ảnh và âm thanh. Nhắc nhở sẽ dừng sau khi dây đai an toàn đã được thắt lại.

Nhắc nhở cho cửa, ca pô, cốp sau và nắp ống dẫn nhiên liệu

Nếu ca pô, cốp sau, nắp ống dẫn nhiên liệu hoặc cửa không được đóng đúng quy cách, hình ảnh đồ họa trên màn hình người lái sẽ hiển thị thiết bị nào đang bị mở. Dừng xe ở nơi an toàn sớm nhất có thể và đóng thiết bị đang bị mở.



Nếu xe đang chạy ở tốc độ thấp hơn xấp xỉ 10 km/giờ (6 dặm/giờ), biểu tượng thông tin trên màn hình người lái sẽ sáng. Nếu xe đang chạy ở tốc độ cao hơn xấp xỉ 10 km/giờ (6 dặm/giờ), biểu tượng cảnh báo trên màn hình người lái sẽ sáng.

SỰ AN TOÀN

Thông tin liên quan

- Dây đai an toàn (trang 46)
- Thắt và tháo dây đai an toàn (trang 47)

Túi khí

Xe được trang bị túi khí và rèm bom khí cho người lái và hành khách.

LƯU Ý

Các hệ thống phát hiện sẽ phản ứng khác nhau tùy thuộc vào bản chất của va chạm và có thể trong tình trạng có hoặc không thắt dây đai an toàn. Áp dụng với tất cả vị trí dây đai.

Do đó, có thể chỉ có một (hoặc không có) trong các túi khí bung ra trong một va chạm. Các hệ thống phát hiện cảm nhận được lực va chạm lên xe để có hành động phù hợp, bao gồm không, một hoặc nhiều túi khí được bung.

CẢNH BÁO

Bảng điều khiển của hệ thống túi khí được đặt trong bảng điều khiển trung tâm. Nếu bảng điều khiển trung tâm bị dính nước hoặc chất lỏng khác, tháo cáp nối ắc quy bộ khởi động. Không cố khởi động xe do túi khí có thể bung ra. Trùm xe lại. Volvo khuyến cáo đưa xe đến gara được Volvo ủy quyền.

Túi khí bung ra

Nếu có bất cứ túi khí nào bung ra, khuyến cáo thực hiện các bước sau:

- Trùm xe lại. Volvo khuyến cáo đưa xe đến gara được Volvo ủy quyền. Không lái xe khi túi khí đã bung.
- Volvo khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền để xử lý việc thay thế các bộ phận trong hệ thống an toàn của xe.
- Luôn liên hệ với bác sĩ.

CẢNH BÁO

Tuyệt đối không lái xe khi túi khí đã bung ra. Chúng có thể gây khó khăn cho việc lái xe. Các hệ thống an toàn khác cũng có thể bị hư hỏng. Khói và bụi được tạo thành khi túi khí bị bung ra có thể gây kích ứng/tổn thương da/mắt sau khi tiếp xúc lâu. Trong trường hợp kích ứng, rửa sạch bằng nước lạnh. Việc túi khí bung ra nhanh và vài túi khí có thể gây cọ xát và bỏng da.

Thông tin liên quan

- Sự an toàn (trang 44)
- Túi khí của người lái (trang 52)
- Túi khí của hành khách (trang 53)
- Túi khí hai bên (trang 56)
- Túi khí (trang 57)

Túi khí của người lái

Để bổ sung cho dây đai an toàn, xe được trang bị túi khí vô lăng và túi khí đầu gối ở phía người lái.



Túi khí vô lăng và túi khí đầu gối ở phía người lái trên ghế trước.

Trong trường hợp xảy ra va chạm từ trực diện, túi khí giúp bảo vệ đầu, cổ, mặt và ngực của người lái cũng như đầu gối và chân.

Một vụ va chạm đủ mạnh sẽ tác động vào các cảm biến và túi khí/các túi khí được bơm căng. Túi khí sẽ đỡ tác động va chạm ban đầu cho người ngồi trên xe. Túi khí xả hơi khi bị nén do va chạm, khi đó, khí sẽ thoát ra xe. Điều này hoàn toàn bình thường. Toàn bộ quá trình, bao gồm bơm căng và xả hơi của túi khí, xảy ra trong khoảng một phần mười giây.



CẢNH BÁO

Các dây đai an toàn và túi khí có tác dụng tương hỗ. Nếu dây đai an toàn không được sử dụng hoặc sử dụng không đúng cách, điều này có thể làm giảm khả năng bảo vệ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

Để giảm thiểu nguy cơ chấn thương khi bung túi khí, hành khách phải ngồi ở tư thế thẳng đứng với hai chân đặt trên sàn và lưng tựa vào đệm tựa lưng.



CẢNH BÁO

Volvo khuyến cáo bạn liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để sửa chữa. Tình trạng hoạt động lỗi của hệ thống túi khí có thể gây ra sự cố và gây thương tích cá nhân nghiêm trọng.

Vị trí của túi khí vô lăng

Túi khí này được lắp ở giữa vô lăng. Vô lăng được đánh dấu **AIRBAG (TÚI KHÍ)**.

Vị trí túi khí đầu gối

Túi khí được gập lên vào phần dưới của bảng táp lô ở phía người lái. Phần vỏ túi khí đầu gối được đánh dấu **AIRBAG (TÚI KHÍ)**.



CẢNH BÁO

Không đặt hoặc gắn đồ vật vào phía trên hoặc phía trước bảng táp lô nơi chứa túi khí đầu gối.

Thông tin liên quan

- Túi khí (trang 51)
- Túi khí của hành khách (trang 53)

Túi khí của hành khách

Để bổ sung cho dây đai an toàn, xe được trang bị túi khí ở phía hành khách trên ghế trước.



Túi khí của hành khách phía trước ở ghế trước

Trong trường hợp xảy ra va chạm từ trực diện, túi khí giúp bảo vệ đầu, cổ, mặt và ngực của hành khách cũng như đầu gối và chân.

Một vụ va chạm đủ mạnh sẽ tác động vào các cảm biến và túi khí/các túi khí được bơm căng. Túi khí sẽ đỡ tác động va chạm ban đầu cho người ngồi trên xe. Túi khí xả hơi khi bị nén do va chạm, khi đó, khí sẽ thoát ra xe. Điều này hoàn toàn bình thường. Toàn bộ quá trình, bao gồm bơm căng và xả hơi của túi khí, xảy ra trong khoảng một phần mười giây.

CẢNH BÁO

Các dây đai an toàn và túi khí có tác dụng tương hỗ. Nếu dây đai an toàn không được sử dụng hoặc sử dụng không đúng cách, điều này có thể làm giảm khả năng bảo vệ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

Để giảm thiểu nguy cơ chấn thương khi bung túi khí, hành khách phải ngồi ở tư thế thẳng đứng với hai chân đặt trên sàn và lưng tựa vào đệm tựa lưng.

CẢNH BÁO

Volvo khuyến cáo bạn liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để sửa chữa. Tình trạng hoạt động lỗi của hệ thống túi khí có thể gây ra sự cố và gây thương tích cá nhân nghiêm trọng.

Vị trí túi khí của hành khách

Túi khí được gấp lên vào ngăn trên hộp đựng găng tay. Phần vỏ túi khí của hành khách được đánh dấu AIRBAG (TÚI KHÍ).

CẢNH BÁO

Không đặt hoặc gắn đồ vật vào phía trước hoặc phía trên tập lò nơi đặt túi khí của hành khách.

Nhãn túi khí của hành khách



Nhãn trên tấm che nắng phía hành khách.

Nhãn cảnh báo cho túi khí của hành khách được đặt ở vị trí trên.

CẢNH BÁO

Nếu xe không được trang bị công tắc để bật/tắt túi khí của hành khách, túi khí sẽ luôn được bật.

CẢNH BÁO

Tuyệt đối không cho phép bất kỳ ai đứng hoặc ngồi trước ghế hành khách phía trước.

Tuyệt đối không sử dụng ghế trẻ em hướng về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi bật túi khí.

Hành khách ngồi hướng về phía trước (trẻ em và người lớn) tuyệt đối không được ngồi trên ghế hành khách phía trước nếu túi khí hành khách bị tắt.

Việc không tuân thủ khuyến cáo ở trên có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc thương tích cá nhân nghiêm trọng.

Thông tin liên quan

- Túi khí (trang 51)
- Túi khí của người lái (trang 52)
- Bật và tắt túi khí của hành khách* (trang 54)

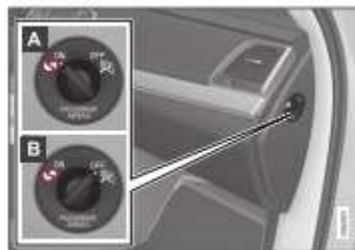
Bật và tắt túi khí của hành khách*

Túi khí của hành khách có thể được tắt nếu xe được trang bị công tắc, Công tắc Tắt Túi khí của Hành khách (PACOS).

Công tắc

Công tắc cho túi khí của hành khách được đặt trên đầu phía hành khách của bảng táp lô và có thể chạm vào khi cửa hành khách được mở.

Kiểm tra xem công tắc có ở vị trí yêu cầu không.



A ON - túi khí được bật và tất cả hành khách hướng về phía trước (trẻ em và người lớn) có thể ngồi một cách an toàn trên ghế hành khách.

B OFF - túi khí được tắt và trẻ em ở ghế trẻ em hướng về phía sau có thể ngồi một cách an toàn trên ghế hành khách.

CẢNH BÁO

Nếu xe không được trang bị công tắc để bật/tắt túi khí của hành khách, túi khí sẽ luôn được bật.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Bật túi khí của hành khách



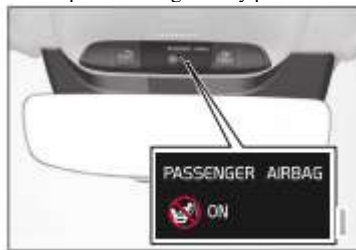
- 1 Kéo công tắc ra và vận từ **OFF (B)** thành **ON (A)**.

> Màn hình người lái hiển thị thông báo **Passenger airbag on Please acknowledge (Bật túi khí của hành khách, vui lòng ghi nhớ)**.

ⓘ LƯU Ý

Nếu túi khí của hành khách đã được bật/tắt khi xe ở vị trí đánh lửa I hoặc thấp hơn, thông báo được hiển thị trong màn hình người lái và đèn báo sau trong bảng điều khiển trên nóc xe xấp xỉ 6 giây sau khi hệ thống điện của xe được cài đặt ở vị trí II.

2. Xác nhận thông báo bằng cách ấn phím **O** trên bàn phím vô lăng bên tay phải.



> Thông báo và biểu tượng cảnh báo ở bảng điều khiển trên nóc xe thể hiện túi khí cho ghế hành khách phía trước đã được bật.

⚠ CẢNH BÁO

Tuyệt đối không sử dụng ghế trẻ em hướng về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi bật túi khí. Túi khí của hành khách phải luôn được bật khi hành khách ngồi hướng về phía trước (trẻ em và người lớn) đang ngồi ở ghế hành khách phía trước. Việc không tuân thủ khuyến cáo ở trên có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc thương tích cá nhân nghiêm trọng.

Tắt túi khí của hành khách



- 1 Kéo công tắc ra và vận từ **ON (A)** thành **OFF (B)**.
- > Màn hình người lái hiển thị thông báo **Passenger airbag off Please acknowledge (Tắt túi khí của hành khách, vui lòng ghi nhớ)**.

ⓘ LƯU Ý

Nếu túi khí của hành khách đã được bật/tắt khi xe ở vị trí đánh lửa I hoặc thấp hơn, thông báo được hiển thị trong màn hình người lái và đèn báo sau trong bảng điều khiển trên nóc xe xấp xỉ 6 giây sau khi hệ thống điện của xe được cài đặt ở vị trí II.

2. Xác nhận thông báo bằng cách ấn phím **O** trên bàn phím vô lăng bên tay phải.



- > Thông báo và biểu tượng cảnh báo ở bảng điều khiển trên nóc xe thể hiện túi khí cho ghế hành khách phía trước đã được tắt.

⚠ CẢNH BÁO

Hành khách ngồi hướng về phía trước (trẻ em và người lớn) tuyệt đối không được ngồi trên ghế hành khách phía trước nếu túi khí hành khách bị tắt.

Việc không tuân thủ khuyến cáo ở trên có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc thương tích cá nhân nghiêm trọng.

❗ QUAN TRỌNG

Nếu túi khí của hành khách bị tắt, bộ căng dây đai an toàn điện trên phía hành khách cũng sẽ bị tắt.

Thông tin liên quan

- Bộ căng dây đai an toàn (trang 48)
- Ghế trẻ em (trang 60)

Túi khí hai bên

Túi khí hai bên trên ghế người lái và hành khách hoạt động để bảo vệ ngực và hông trong trường hợp xảy ra va chạm.



Túi khí hai bên được lắp trong khung đệm tựa lưng ngoài cùng của ghế phía trước và giúp bảo vệ người lái và hành khách ở ghế trước.

Một vụ va chạm đủ mạnh sẽ tác động vào các cảm biến và túi khí hai bên được bơm căng. Túi khí bơm căng giữa người ngồi trên xe và tấm cửa và đỡ tác động ban đầu. Túi khí xả hơi khi bị nén do va chạm. Túi khí hai bên thường chỉ bung ra ở phía va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

Volvo khuyến cáo bạn liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để sửa chữa. Tình trạng hoạt động lỗi của hệ thống túi khí hai bên có thể gây ra sự cố và gây thương tích cá nhân nghiêm trọng.

⚠ CẢNH BÁO

Không đặt đồ vật trong khu vực giữa phía ngoài của ghế và tấm cửa do khu vực này dành cho túi khí hai bên.

Volvo khuyến cáo chỉ sử dụng bọc ghế xe được Volvo chấp nhận. Các loại bọc ghế khác có thể gây cản trở cho hoạt động của túi khí hai bên.

⚠ CẢNH BÁO

Túi khí hai bên bổ sung cho dây đai an toàn. Luôn sử dụng dây đai an toàn.

Túi khí hai bên và ghế trẻ em

Túi khí hai bên không làm giảm mức độ bảo vệ của xe đối với trẻ em ngồi ở ghế trẻ em hoặc đệm nâng.

Thông tin liên quan

- Túi khí (trang 51)

Túi khí

Rèm bơm khí, Rèm Bơm khí (IC), giúp ngăn chặn việc đầu người lái và hành khách đập vào phía bên trong của xe trong va chạm.



Rèm bơm khí được gắn dọc hai bên của đệm lót sàn và giúp bảo vệ người lái và hành khách ở ghế ngoài cùng của xe. Các tấm rèm được dán nhãn **IC AIRBAG (TÚI KHÍ IC)**.

Một vụ va chạm đủ mạnh sẽ bật cảm biến và bơm căng rèm bơm khí.

⚠ CẢNH BÁO

Volvo khuyến cáo bạn liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để sửa chữa. Tình trạng hoạt động lỗi của hệ thống rèm bơm khí hai bên có thể gây ra sự cố và gây thương tích cá nhân nghiêm trọng.

⚠ CẢNH BÁO

Tuyệt đối không treo hoặc gắn đồ vật nặng vào tay cầm trên nóc xe. Móc chỉ được thiết kế để treo áo mỏng và áo khoác nhẹ (không dành cho đồ vật cứng như ô).

Không bắt vít hoặc lắp đặt bất cứ thứ gì lên đệm lót sàn của xe, trụ đỡ cửa hoặc nắp lô hai bên. Điều này có thể ảnh hưởng đến chức năng bảo vệ. Volvo khuyến cáo chỉ sử dụng phụ tùng chính hãng của Volvo và phụ tùng được chấp nhận để lắp đặt trong các khu vực này.

⚠ CẢNH BÁO

Đề lại 10 cm (4 inch) không gian giữa tài trọng và cửa sổ hai bên nếu xe được chất đồ ở trên mốp trên cùng của cửa sổ, nếu không, chức năng bảo vệ của rèm bơm khí trong đệm lót sàn có thể bị ảnh hưởng.

⚠ CẢNH BÁO

Rèm bơm khí bổ sung cho dây đai an toàn. Luôn sử dụng dây đai an toàn.

Thông tin liên quan

- Túi khí (trang 51)

Chế độ an toàn

Chế độ an toàn là một trạng thái bảo vệ được bật khi va chạm có thể làm hư hỏng bất cứ chức năng quan trọng nào của xe như đường ống nhiên liệu, cảm biến cho hệ thống an toàn hoặc hệ thống phanh.

Nếu xe đang bị va chạm, thông báo **Safety mode See Owner's manual (Chế độ an toàn Xem Sách hướng dẫn sử dụng)** có thể được hiển thị trên màn hình người lái với biểu tượng cảnh báo, miễn là màn hình không bị hư hỏng và hệ thống điện của xe vẫn hoạt động. Thông báo này có nghĩa là xe đã hoạt động kém hiệu quả.

** CẢNH BÁO**

Trong bất cứ trường hợp nào, tuyệt đối không cố khởi động lại xe nếu thông báo **Safety mode See Owner's manual (Chế độ an toàn Xem Sách hướng dẫn sử dụng)** được hiển thị trên màn hình người lái. Để xe đứng yên ngay lập tức.

Nếu xe ở chế độ an toàn, có thể thử cài đặt lại hệ thống để khởi động và di chuyển xe một đoạn ngắn, ví dụ, nếu tình huống giao thông nguy hiểm.

** CẢNH BÁO**

Tuyệt đối không cố tự sửa chữa xe của bạn hoặc cài đặt lại hệ thống điện từ nếu xe đã ở chế độ an toàn. Điều này có thể dẫn đến thương tích cá nhân hoặc làm xe hoạt động không bình thường. Volvo khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền để kiểm tra và khôi phục xe về trạng thái bình thường sau khi **Safety mode See Owner's manual (Chế độ an toàn Xem Sách hướng dẫn sử dụng)** được hiển thị.

** CẢNH BÁO**

Không được kéo xe đi nếu xe ở chế độ an toàn. Xe phải được vận chuyển từ vị trí của mình. Volvo khuyến cáo vận chuyển xe đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Sự an toàn (trang 44)
- Khởi động và di chuyển xe sau khi bật chế độ an toàn (trang 58)
- Cứu hộ (trang 493)

Khởi động và di chuyển xe sau khi bật chế độ an toàn

Nếu xe ở chế độ an toàn, có thể thử cài đặt lại hệ thống để khởi động và di chuyển xe một đoạn ngắn, ví dụ, nếu tình huống giao thông nguy hiểm.

Khởi động xe sau khi bật chế độ an toàn

1. Kiểm tra tình hình hư hỏng chung của xe và kiểm tra xem nhiên liệu có rò rỉ không. Không được có mùi nhiên liệu.

Nếu chỉ có hư hỏng nhỏ và không phát hiện rò rỉ nhiên liệu sau khi kiểm tra, có thể thử khởi động xe.

** CẢNH BÁO**

Trong bất cứ trường hợp nào, tuyệt đối không cố khởi động lại xe nếu thông báo **Safety mode See Owner's manual (Chế độ an toàn Xem Sách hướng dẫn sử dụng)** được hiển thị trên màn hình người lái. Để xe đứng yên ngay lập tức.

2. Tắt động cơ xe.

3. Tiếp theo, thử khởi động xe.
 - > Hệ thống điện tử của xe thực hiện kiểm tra hệ thống và tiếp theo, thử tiếp tục trạng thái thông thường.

❗ QUAN TRỌNG

Nếu thông báo **Safety mode See Owner's manual (Chế độ an toàn Xem Sách hướng dẫn sử dụng)** vẫn được hiển thị trên màn hình, không được lái hoặc kéo xe mà phải sử dụng dịch vụ cứu hộ xe. Kể cả khi xe được xem là có thể lái được, hư hỏng bị che khuất có thể làm người lái không thể điều khiển được xe sau khi đi chuyển.

Di chuyển xe sau khi bật chế độ an toàn

1. Nếu màn hình người lái hiển thị thông báo **Normal mode The car is now in normal mode (Chế độ bình thường Xe hiện ở chế độ bình thường)** sau khi thử khởi động, có thể di chuyển xe cẩn thận nếu đang đứng ở vị trí nguy hiểm.
2. Không đi chuyển xa hơn mức cần thiết.

⚠ CẢNH BÁO

Không được kéo xe đi nếu xe ở chế độ an toàn. Xe phải được vận chuyển từ vị trí của mình. Volvo khuyến cáo vận chuyển xe đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Sự an toàn (trang 44)
- Khởi động xe (trang 430)
- Cứu hộ (trang 493)

An toàn cho trẻ em

Trẻ em phải luôn ngồi cố định khi ngồi trong xe.

Volvo có thiết bị an toàn cho trẻ em (ghế trẻ em, đệm nâng và các thiết bị kèm theo) được thiết kế phù hợp để lắp đặt trên chiếc xe cụ thể này. Khi sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em của Volvo, trẻ em sẽ được tạo điều kiện tối ưu để di chuyển một cách an toàn trên xe. Ngoài ra, các thiết bị an toàn cho trẻ em rất tiện lợi và dễ sử dụng.

Thiết bị cần được sử dụng đều được lựa chọn theo trọng lượng và đáng người của trẻ.

Volvo khuyến cáo trẻ em nên ngồi trên ghế trẻ em hướng về phía sau trong quá trình di chuyển trên xe cho đến khi trẻ em ít nhất đủ 3-4 tuổi, trẻ em ở độ tuổi lớn hơn ngồi trên đệm nâng/ghế trẻ em hướng về phía trước cho đến khi trẻ đạt chiều cao 140 cm (4 feet, 7 inch).

❗ LƯU Ý

Cần tuân thủ các quy định pháp luật về loại ghế trẻ em sử dụng cho trẻ có độ tuổi và chiều cao khác nhau theo từng quốc gia. Kiểm tra quy định nào áp dụng với nơi bạn sống.



“

ⓘ LƯU Ý

Khi sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em, phải đọc hướng dẫn lắp đặt đi kèm.

Trong trường hợp có thắc mắc khi lắp thiết bị an toàn cho trẻ em, liên hệ nhà sản xuất để được hướng dẫn thêm.

Trẻ em ở tất cả các độ tuổi và dáng người khác nhau đều phải ngồi cố định đúng quy cách trong xe. Tuyệt đối không để trẻ ngồi trên đầu gối hành khách.

Thông tin liên quan

- Sự an toàn (trang 44)
- Ghế trẻ em (trang 60)
- Bật và tắt khóa an toàn trẻ em (trang 272)

Ghế trẻ em

Phải luôn sử dụng ghế trẻ em phù hợp khi trẻ em đang ngồi trong xe.

Trẻ em cần ngồi một cách thoải mái và an toàn. Đảm bảo rằng ghế trẻ em được đặt đúng vị trí, được gắn và sử dụng chính xác.

Xem hướng dẫn lắp đặt ghế trẻ em để lắp đặt chính xác.

ⓘ LƯU Ý

Khi sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em, phải đọc hướng dẫn lắp đặt đi kèm.

Trong trường hợp có thắc mắc khi lắp thiết bị an toàn cho trẻ em, liên hệ nhà sản xuất để được hướng dẫn thêm.

ⓘ LƯU Ý

Tuyệt đối không nói lỏng ghế trẻ em trong xe. Luôn cố định nó theo hướng dẫn về ghế trẻ em, kể cả khi không sử dụng.

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Ghế trẻ em tích hợp* (trang 72)
- Các điểm gắn trên cho ghế trẻ em (trang 61)

- Các điểm gắn dưới cho ghế trẻ em (trang 61)
- Các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em (trang 62)
- Xác định vị trí ghế trẻ em (trang 63)
- Bật và tắt túi khí của hành khách* (trang 54)

Các điểm gắn trên cho ghế trẻ em

Xe được trang bị các điểm gắn trên cho ghế trẻ em trên hàng ghế thứ hai ngoài cùng.

Các điểm gắn trên chủ yếu được sử dụng cùng với ghế trẻ em hướng về phía trước.

Luôn tuân thủ hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất khi lắp ghế trẻ em vào điểm gắn trên.

Vị trí của các điểm gắn



Vị trí các điểm gắn được đánh dấu bằng những biểu tượng trên phía sau của đệm tựa lưng.

Các điểm gắn được đặt trên phía sau của hàng ghế thứ hai ngoài cùng.

CẢNH BÁO

Các dây đai trên của ghế trẻ em phải được luôn qua lỗ ở gối tựa đầu trước khi được kéo căng ở điểm gắn. Nếu không thể thực hiện điều này, tuân thủ khuyến cáo từ nhà sản xuất ghế trẻ em.

LƯU Ý

Gập gối tựa đầu để có thể dễ dàng lắp loại ghế trẻ em này trên xe bằng cách gập gối tựa đầu trên ghế ngoài cùng.

LƯU Ý

Trong xe có nắp khoang chứa đồ trên khoang hành lý, nắp khoang chứa đồ phải được tháo trước khi ghế trẻ em có thể được gắn vào điểm cố định.

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Các điểm gắn dưới cho ghế trẻ em (trang 61)
- Các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em (trang 62)
- Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe (trang 66)

Các điểm gắn dưới cho ghế trẻ em

Xe được trang bị các điểm gắn dưới cho ghế trẻ em ở ghế trước* và hàng ghế thứ hai.

Các điểm gắn dưới chủ yếu được thiết kế để sử dụng cùng với một số ghế trẻ em hướng về sau.

Luôn tuân thủ hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất khi lắp ghế trẻ em vào điểm gắn dưới.

Vị trí của các điểm gắn



Vị trí các điểm gắn ở ghế trước.

Các điểm gắn ở ghế sau được đặt trên phía chỗ để chân của ghế hành khách.

- ☞ Các điểm gắn ở ghế trước chỉ được gắn nếu xe được trang bị công tắc để bật/tắt túi khí của hành khách.



Các vị trí điểm gắn ở hàng ghế thứ hai.
Các điểm gắn ở hàng ghế thứ hai được đặt trên phần sau của rãnh sàn của ghế trước.

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Các điểm gắn trên cho ghế trẻ em (trang 61)
- Các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em (trang 62)
- Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe (trang 66)

Các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em

Xe được trang bị các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX¹⁰ cho ghế trẻ em ở hàng ghế thứ hai.

ghế i-Size/ISOFIX là hệ thống thiết bị dành cho ghế trẻ em theo tiêu chuẩn quốc tế.

Luôn tuân thủ hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất khi lắp ghế trẻ em vào các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX.

Vị trí của các điểm gắn



Các vị trí điểm gắn được đánh dấu bằng biểu tượng¹⁰ trên vải bọc của đệm ngả lưng.

Các điểm gắn cho ghế i-Size/ISOFIX nằm phía sau phần dưới của đệm ngả lưng hàng ghế thứ hai trong ghế ngoài cùng.

Ấn đệm ghế xuống để thấy các điểm gắn này.

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Các điểm gắn trên cho ghế trẻ em (trang 61)
- Các điểm gắn dưới cho ghế trẻ em (trang 61)
- Các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em (trang 62)
- Bảng xác định ghế trẻ em ISOFIX (trang 69)

¹⁰ Tên và biểu tượng thay đổi tùy thuộc vào thị trường.

Xác định vị trí ghế trẻ em

Phải xác định vị trí ghế trẻ em ở nơi phù hợp trong xe và điều này phụ thuộc vào loại ghế trẻ em và túi khí có được bật hay không, cùng với các yếu tố khác.



Ghế trẻ em hướng về phía sau và túi khí không tương thích.

Luôn đặt ghế trẻ em hướng về phía sau ở hàng ghế thứ hai hoặc thứ ba* nếu túi khí của hành khách được kích hoạt. Nếu trẻ đang ngồi ở ghế hành khách phía trước, trẻ có thể bị chấn thương nghiêm trọng nếu túi khí bung ra.

Nếu túi khí của hành khách bị tắt, có thể lắp ghế trẻ em hướng về phía sau trên ghế hành khách phía trước.

LƯU Ý

Các quy định liên quan đến việc thay ghế trẻ em trên xe sẽ khác nhau tùy theo từng quốc gia. Kiểm tra xem quy định nào áp dụng ở nơi bạn sống.

CẢNH BÁO

Tuyệt đối không cho phép bất kỳ ai đứng hoặc ngồi trước ghế hành khách phía trước.

Tuyệt đối không sử dụng ghế trẻ em hướng về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi bật túi khí.

Hành khách ngồi hướng về phía trước (trẻ em và người lớn) tuyệt đối không được ngồi trên ghế hành khách phía trước nếu túi khí hành khách bị tắt.

Việc không tuân thủ khuyến cáo ở trên có thể gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc thương tích cá nhân nghiêm trọng.

Nhãn túi khí của hành khách



Nhãn trên tấm che nắng phía hành khách.

Nhãn cảnh báo cho túi khí của hành khách được đặt ở vị trí trên.

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Gắn ghế trẻ em (trang 64)
- Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe (trang 66)
- Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ghế i-Size (trang 68)
- Bảng xác định ghế trẻ em ISOFIX (trang 69)

Gắn ghế trẻ em

Phải nhớ nhiều điều khi gắn và sử dụng ghế trẻ em, điều này tùy thuộc vào vị trí gắn ghế trẻ em.

**CẢNH BÁO**

Không được sử dụng đệm nâng/ghế trẻ em có khung thép hoặc một số thiết kế khác có thể chèn vào nút mở khóa dây đai an toàn vì chúng có thể khiến khóa dây đai an toàn mở ra bất ngờ.

Không buộc dây đai ghế trẻ em vào thanh điều chỉnh độ ngả lưng ghế hoặc buộc vào lò xo, ray và dầm dưới ghế. Cạnh sắc nhọn có thể làm hỏng dây đai.

Không để phần trên của ghế trẻ em dựa vào kính chắn gió.

LIU Ý

Khi sử dụng thiết bị an toàn cho trẻ em, phải đọc hướng dẫn lắp đặt đi kèm. Trong trường hợp có thắc mắc khi lắp thiết bị an toàn cho trẻ em, liên hệ nhà sản xuất để được hướng dẫn thêm.

LIU Ý

Tuyệt đối không nói lòng ghế trẻ em trong xe. Luôn cố định nó theo hướng dẫn về ghế trẻ em, kể cả khi không sử dụng.

Lắp đặt vào ghế phía trước

- Khi gắn ghế trẻ em hướng về phía sau, kiểm tra xem túi khí của hành khách đã được tắt hay chưa.
- Khi gắn ghế trẻ em hướng về phía trước, kiểm tra xem túi khí của hành khách đã được bật hay chưa.
- Chỉ sử dụng ghế trẻ em được Volvo khuyến cáo, được chấp nhận rộng rãi hoặc phổ biến và xe có trong danh sách xe sử dụng ghế trẻ em của nhà sản xuất.
- Chỉ có thể gắn ghế trẻ em ISOFIX trên xe có trang bị phụ kiện giá lắp ISOFIX¹¹.
- Nếu ghế trẻ em được trang bị các dây đai thấp, Volvo khuyến cáo sử dụng các điểm gắn thấp kèm theo các dây đai¹² này.
- Có thể sử dụng móc ghế ISOFIX để lắp đặt ghế trẻ em dễ dàng hơn.

Lắp đặt vào hàng ghế thứ hai

- Chỉ sử dụng ghế trẻ em được Volvo khuyến cáo, được chấp nhận rộng rãi hoặc phổ biến và xe có trong danh sách xe sử dụng ghế trẻ em của nhà sản xuất.

- Không gắn ghế trẻ em có chân chống vào ghế giữa.
- Các ghế ngoài cùng được trang bị hệ thống thiết bị ISOFIX và được chấp nhận đối với ghế i-Size¹³.
- Các ghế ngoài cùng được trang bị các điểm gắn trên. Volvo khuyến cáo kéo các dây đai trên của ghế trẻ em qua lỗ ở gối tựa đầu trước khi kéo căng tại điểm gắn. Nếu không thể thực hiện điều đó, tuân thủ khuyến cáo từ nhà sản xuất ghế trẻ em.
- Ở xe có hàng ghế thứ ba*, hàng ghế thứ hai phải được điều chỉnh về vị trí sau cùng. Nếu ghế trẻ em cũng được sử dụng trong hàng ghế thứ ba, có thể có ngoại lệ. Trong trường hợp này, luôn kiểm tra xem ghế trẻ em có còn được gắn theo hướng dẫn của nhà sản xuất không.
- Nếu ghế trẻ em được trang bị dây đai thấp, tuyệt đối không điều chỉnh vị trí ghế phía trước sau khi đã gắn dây đai tại các điểm gắn thấp. Luôn nhớ tháo bỏ các dây đai thấp khi không lắp đặt ghế trẻ em.

¹¹ Các loại phụ kiện khác nhau tùy thuộc vào thị trường.

¹² Không áp dụng với ghế giữa.

¹³ Khác nhau tùy thuộc vào thị trường.

- Không sử dụng móc ghế ISOFIX khi gắn ghế trẻ em.

Lắp đặt vào hàng ghế thứ ba*

- Chỉ sử dụng ghế trẻ em được Volvo khuyến cáo, được chấp nhận rộng rãi hoặc phổ biến và xe có trong danh sách xe sử dụng ghế trẻ em của nhà sản xuất.
- Không gắn ghế trẻ em có chân chống vào hàng ghế thứ ba.
- Nếu cần, điều chỉnh hàng ghế thứ hai lên phía trước để có đủ không gian. Nếu ghế trẻ em cũng được gắn trên hàng ghế thứ hai, kiểm tra xem ghế trẻ em có còn được gắn theo hướng dẫn của nhà sản xuất không.

Thông tin liên quan

- Xác định vị trí ghế trẻ em (trang 63)
- Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe (trang 66)
- Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ghế i-Size (trang 68)
- Bảng xác định ghế trẻ em ISOFIX (trang 69)

Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe

Bảng này trình bày khuyến cáo về vị trí phù hợp để gắn ghế trẻ em và cân nặng của trẻ sử dụng ghế trẻ em.

ⓘ LƯU Ý

Luôn đọc phần lắp đặt ghế trẻ em trong sách hướng dẫn sử dụng trước khi lắp đặt ghế trẻ em trong xe.

Trọng lượng	Ghế trước (không bật túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía sau)	Ghế trước (bật túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía trước)	Hàng ghế thứ hai, ghế ngoài cùng	Hàng ghế thứ hai, ghế giữa	Hàng ghế thứ ba*
Nhóm 0 tối đa 10 kg	U ^{A, B}	X	U ^B	L ^B	U
Nhóm 0+ tối đa 13 kg	U ^{A, B}	X	U ^B	L ^B	U
Nhóm 1 9 - 18 kg	L ^C	UF ^{A, D}	U, L ^C	L	U
Nhóm 2 15 - 25 kg	L ^C	UF ^{A, E}	U ^E , L ^C	B ^{*, F} , L ^E	U ^E
Nhóm 3 22 - 36 kg	X	UF ^{A, G}	U ^G	B ^{*, F} , L ^G	U ^G

U: Phù hợp với ghế cố định trẻ em được chấp nhận sử dụng ở nhóm trọng lượng này.

UF: Phù hợp với ghế trẻ em hướng về phía trước được chấp nhận rộng rãi.

L: Phù hợp với ghế cố định trẻ em riêng. Các loại ghế cố định trẻ em này có thể được sử dụng trong mẫu xe chuyên dụng, giới hạn hoặc phổ biến.

B: Ghế trẻ em tích hợp được chấp nhận ở nhóm trọng lượng này.

X: Ghế không phù hợp cho trẻ em ở nhóm trọng lượng này.

A Điều chỉnh đệm tựa lưng về vị trí thẳng đứng hơn.

B Volvo khuyến cáo: Ghế dành cho Trẻ sơ sinh của Volvo (loại được chấp nhận: E1 04301146).

*Tùy chọn/phụ kiện.

SỰ AN TOÀN

C Volvo khuyến cáo: Ghế có thể quay ngược về phía sau của Volvo (loại được chấp nhận: E5 04192); ghế hướng về phía sau của Volvo (loại được chấp nhận: E5 04212).

D Volvo khuyến cáo ghế trẻ em hướng về phía sau ở nhóm trọng lượng này.

E Volvo khuyến cáo: Ghế có thể quay ngược về phía sau của Volvo (loại được chấp nhận: E5 04192); đệm nâng có và không có đệm tựa lưng (loại được chấp nhận: E5 04216); đệm nâng có đệm tựa lưng của Volvo (loại được chấp nhận: E1 04301169); ghế nâng của Volvo (loại được chấp nhận: E1 04301312).

F Volvo khuyến cáo: Ghế trẻ em tích hợp (loại được chấp nhận: E5 04218).

G Volvo khuyến cáo: Đệm nâng có và không có đệm tựa lưng (loại được chấp nhận: E5 04216); đệm nâng có đệm tựa lưng của Volvo (loại được chấp nhận: E1 04301169); ghế nâng của Volvo (loại được chấp nhận: E1 04301312).



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không sử dụng ghế trẻ em hướng về phía sau trên ghế hành khách phía trước nếu túi khí của hành khách được bật.

- Dây đai an toàn (trang 46)

Thông tin liên quan

- Xác định vị trí ghế trẻ em (trang 63)
- Gắn ghế trẻ em (trang 64)
- Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ghế i-Size (trang 68)
- Bảng xác định ghế trẻ em ISOFIX (trang 69)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em i-Size
Bảng này trình bày khuyến cáo về vị trí phù hợp để gắn ghế trẻ em i-Size và cân nặng của trẻ sử dụng ghế trẻ em.

Ghế trẻ em phải được chấp nhận theo Đăng ký UN R129.

ⓘ LƯU Ý
Luôn đọc phần lắp đặt ghế trẻ em trong sách hướng dẫn sử dụng trước khi lắp đặt ghế trẻ em trong xe.

Trọng lượng	Ghế trước (không bắt túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía sau)	Ghế trước (bắt túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía trước)	Hàng ghế thứ hai, ghế ngoài cùng	Hàng ghế thứ hai, ghế giữa	Hàng ghế thứ ba*
Ghế trẻ em i-Size	X	X	i-U ^A	X	X
i-U: Phù hợp với ghế trẻ em “phổ biến” i-Size, hướng về phía trước và hướng về phía sau. X: Không phù hợp với ghế trẻ em được chấp nhận rộng rãi.					

A Volvo khuyến cáo ghế trẻ em hướng về phía sau cho nhóm này.

Thông tin liên quan

- Xác định vị trí ghế trẻ em (trang 63)
- Gắn ghế trẻ em (trang 64)
- Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe (trang 66)
- Bảng xác định ghế trẻ em ISOFIX (trang 69)
- Các điểm gắn i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em (trang 62)

Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ISOFIX

Bảng này trình bày khuyến cáo về vị trí phù hợp để gắn ghế trẻ em ISOFIX và cân nặng của trẻ sử dụng ghế trẻ em.

Ghế trẻ em phải được chấp nhận theo Đăng ký UN R44 và mẫu xe phải có trong danh sách xe của nhà sản xuất.

① LƯU Ý
Luôn đọc phần lắp đặt ghế trẻ em trong sách hướng dẫn sử dụng trước khi lắp đặt ghế trẻ em trong xe.

Trọng lượng	Loại kích cỡ ^A	Loại ghế trẻ em	Ghế trước (không bật túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía sau) ^B	Ghế trước (bật túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía trước) ^B	Hàng ghế thứ hai, ghế ngoài cùng	Hàng ghế thứ hai, ghế giữa	Hàng ghế thứ ba*
Nhóm 0 tối đa 10 kg	E	Ghế trẻ sơ sinh hướng về phía sau	IL ^{B,C} , X ^D	X	IL ^C	X	X
Nhóm 0+ tối đa 13 kg	E	Ghế trẻ sơ sinh hướng về phía sau	IL ^{B,C} , X ^D	X	IL ^C	X	X
	C	Ghế trẻ em hướng về phía sau					
	D	Ghế trẻ em hướng về phía sau					
Nhóm 1 9 - 18 kg	A	Ghế trẻ em hướng về phía trước	X	IL ^{B,E} , X ^D	IL ^E , IUF ^E	X	X
	B	Ghế trẻ em hướng về phía trước					
	B1	Ghế trẻ em hướng về phía trước					

- *Tùy chọn/phụ kiện.

Trọng lượng	Loại kích cỡ ^A	Loại ghế trẻ em	Ghế trước (không bật túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía sau) ^B	Ghế trước (bật túi khí, chỉ có ghế trẻ em hướng về phía trước) ^B	Hàng ghế thứ hai, ghế ngoài cùng	Hàng ghế thứ hai, ghế giữa	Hàng ghế thứ ba*
	C	Ghế trẻ em hướng về phía sau	IL ^B , X ^D	X	IL ^F	X	X
	D	Ghế trẻ em hướng về phía sau					

IL: Phù hợp với ghế cố định trẻ em riêng ISOFIX. Các loại ghế cố định trẻ em này có thể được sử dụng trong mẫu xe chuyên dụng, giới hạn hoặc phổ biến.

IUF: Phù hợp với ghế cố định trẻ em phía trước ISOFIX của loại được chấp nhận rộng rãi để sử dụng ở nhóm trọng lượng này.

X: Không phù hợp với hệ thống ghế cố định trẻ em ISOFIX.

A Với ghế trẻ em có hệ thống thiết bị ISOFIX, có phân loại kích cỡ để giúp người dùng lựa chọn đúng loại ghế trẻ em. Cấp kích cỡ này có thể được đọc trên nhãn ghế trẻ em.

B Lắp đặt ghế trẻ em ISOFIX được chấp nhận phổ biến (IL) nếu xe được trang bị phụ kiện giá lắp ISOFIX (các loại phụ kiện khác nhau tùy thuộc vào thị trường). Không có các điểm gắn trên cho ghế trẻ em ở đây.

C Volvo khuyến cáo: Ghế trẻ sơ sinh của Volvo được cố định bằng hệ thống thiết bị ISOFIX (loại được chấp nhận: E1 04301146).

D Áp dụng nếu xe không được gắn giá ISOFIX.

E Volvo khuyến cáo: Ghế trẻ em hướng về phía sau cho trẻ em ở nhóm trọng lượng này.

F Volvo khuyến cáo: BeSafe Izi Kid X3 ISOfix (loại được chấp nhận: E 5 04200).



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không sử dụng ghế trẻ em hướng về phía sau trên ghế hành khách phía trước nếu túi khí của hành khách được bật.

ⓘ LƯU Ý

Nếu ghế trẻ em i-Size/ISOFIX không có phân loại kích cỡ, mẫu xe phải có trong danh sách xe sử dụng ghế trẻ em.

ⓘ LƯU Ý

Volvo khuyến cáo liên hệ với đại lý được Volvo ủy quyền để biết thông tin về ghế trẻ em i-Size/ISOFIX được Volvo khuyến cáo.

Thông tin liên quan

- Xác định vị trí ghế trẻ em (trang 63)
- Gắn ghế trẻ em (trang 64)
- Bảng xác định vị trí ghế trẻ em bằng dây đai an toàn của xe (trang 66)
- Bảng xác định vị trí của ghế trẻ em ghế i-Size (trang 68)
- Các điểm gắn i-Size/ISOFIX cho ghế trẻ em (trang 62)

Ghế trẻ em tích hợp*

Ghế trẻ em tích hợp trên ghế giữa ở hàng ghế thứ hai cho phép trẻ ngồi một cách thoải mái và an toàn.

Ghế trẻ em được thiết kế chuyên dụng để bảo vệ tốt sự an toàn cho trẻ em cùng với dây đai an toàn của xe.

Ghế trẻ em được chấp nhận sử dụng cho trẻ em nặng 15 - 36 kg (33 - 80 lb) và cao ít nhất 97 cm (38 inch).



Vị trí chính xác, dây đai an toàn cần được đeo qua vai.

Kiểm tra trước khi lái để đảm bảo:

- đệm ghế được khóa vào vị trí
- gối tựa đầu được điều chỉnh cùng chiều cao với đầu của trẻ, nếu có thể, để gối tựa đầu trùm toàn bộ phía sau của đầu.

- dây đai an toàn tiếp xúc với thân của trẻ và không bị chùng hoặc xoắn.
- dây đai an toàn không vắt qua cổ họng của trẻ hoặc ở dưới vai.
- phần vạt của dây đai an toàn được đặt thấp hơn so với xương chậu để bảo vệ một cách tối ưu.



CẢNH BÁO

Volvo khuyến cáo rằng chỉ gara được Volvo ủy quyền được thực hiện sửa chữa hoặc thay thế ghế trẻ em tích hợp. Không tự điều chỉnh hoặc bổ sung ghế trẻ em. Nếu ghế trẻ em tích hợp đã chịu tải trọng lớn như sau khi va chạm, phải thay đệm ghế, dây đai an toàn và đệm tựa lưng hoặc có thể là toàn bộ ghế. Kể cả khi ghế trẻ em không có dấu hiệu hư hỏng, nó có thể không đủ khả năng bảo vệ như ban đầu. Điều này cũng áp dụng nếu đệm ghế ở vị trí thấp khi xảy ra va chạm hoặc tình huống tương tự. Đệm ghế cũng phải được thay nếu bị ăn mòn đáng kể.



CẢNH BÁO

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* lên (trang 73)
- Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* xuống (trang 73)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Nếu không tuân thủ hướng dẫn về ghế trẻ em tích hợp, trẻ có thể chịu thương tích nghiêm trọng trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* lên

Đệm ghế cần luôn được gập lên khi sử dụng ghế trẻ em tích hợp.



- 1 Kéo tay cầm về phía trước và lên trên để thả đệm ghế.



- 2 Ấn đệm ghế về phía sau để khóa.



CẢNH BÁO

Nếu không tuân thủ hướng dẫn về ghế trẻ em tích hợp, trẻ có thể chịu thương tích nghiêm trọng trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Thông tin liên quan

Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* xuống

Đệm ghế cần được gập xuống vào ghế sau, khi không sử dụng ghế trẻ em tích hợp.



- 1 Kéo tay cầm về phía trước để thả đệm ghế.

- Ghế trẻ em (trang 60)
- Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* xuống (trang 73)



2 Ấn xuống phần giữa của đệm ghế bằng tay để khóa nó.

❶ QUAN TRỌNG

*Tùy chọn/phụ kiện.

SỰ AN TOÀN

Kiểm tra để đảm bảo không còn đồ vật rơi (như đồ chơi) phía sau không gian ở dưới đệm ghế của ghế trẻ em trước khi hạ thấp.

LƯU Ý

Trước khi hạ thấp đệm tựa lưng phía sau, đệm ghế của ghế trẻ em phải được hạ thấp trước.

Thông tin liên quan

- Ghế trẻ em tích hợp* (trang 72)
- Gập đệm ghế trong ghế trẻ em tích hợp* lên (trang 73)

*Tùy chọn/phụ kiện.

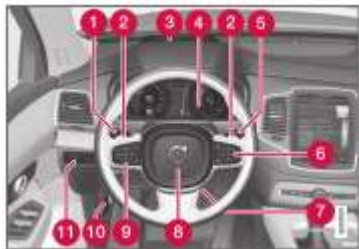
MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Bảng táp lô và bảng điều khiển ở xe lái bên tay trái

Hình ảnh tổng quan thể hiện vị trí của các màn hình và bảng điều khiển gần người lái.

Vô lăng và bảng táp lô



- ❶ Đèn định vị, đèn chạy ban ngày, đèn cốt, đèn pha, xi nhan, đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc*, đèn sương mù phía sau, cài đặt lại đồng hồ đo hành trình.
- ❷ Cần vô lăng để chuyển số bằng tay ở hộp số tự động*
- ❸ Màn hình kính chắn gió*
- ❹ Màn hình người lái
- ❺ Cần gạt nước và gạt mưa, cảm biến mưa*
- ❻ Bàn phím vô lăng bên tay phải

❼ Điều chỉnh vô lăng

❸ Còi

❾ Bàn phím vô lăng bên tay trái

❿ Mở ca pô

⓫ Đèn màn hình, mở khóa/mở*/đóng cốp sau, điều chỉnh đèn pha halogen

Bảng điều khiển trên nóc xe



- ❶ Đèn báo phía trước và đèn chiếu sáng trong xe
- ❷ Cửa sổ trời*
- ❸ Màn hình trong bảng điều khiển trên nóc xe, nút ON CALL*
- ❹ Gương chiếu hậu chống chói chỉnh tay trong xe

Bảng điều khiển trung tâm và bên dưới



❶ Màn hình trung tâm

❷ Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm, sấy kính chắn gió, phương tiện giải trí, mở hộp đựng găng tay

❸ Cần số

❹ Nút khởi động

❺ Điều khiển chế độ lái*

❻ Phanh tay

❼ Phanh tự động khi xe đứng yên

Cửa phía người lái



- ❶ Bộ nhớ cho ghế phía trước chỉnh điện*, gương cửa và cài đặt màn hình kính chắn gió*
- ❷ Khóa trung tâm
- ❸ Cửa sổ chỉnh điện, gương cửa, khóa điện an toàn trẻ em*
- ❹ Điều chỉnh ghế phía trước

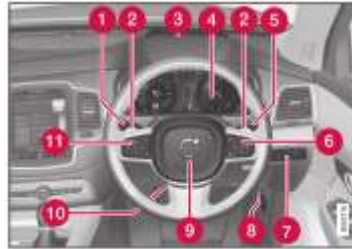
Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)
- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Khởi động xe (trang 430)
- Màn hình người lái (trang 79)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Hộp số (trang 443)

Thiết bị và hệ thống điều khiển ở xe lái bên tay phải

Hình ảnh tổng quan thể hiện vị trí của các màn hình và bảng điều khiển gần người lái.

Vô lăng và bảng táp lô



- ❶ Đèn định vị, đèn chạy ban ngày, đèn cốt, đèn pha, xi nhan, đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc*, đèn sương mù phía sau, cài đặt lại đồng hồ đo hành trình.
- ❷ Cần vô lăng để chuyển số bằng tay ở hộp số tự động*
- ❸ Màn hình kính chắn gió*
- ❹ Màn hình người lái
- ❺ Cần gạt nước và gạt mưa, cảm biến mưa*
- ❻ Bàn phím vô lăng bên tay phải

- ❼ Đèn màn hình, mở khóa/mở*/đóng cốp sau, điều chỉnh đèn pha halogen
- ❽ Mở ca pô
- ❾ Còi
- ❿ Điều chỉnh vô lăng

- ⓫ Bàn phím vô lăng bên tay trái

Bảng điều khiển trên nóc xe



- ❶ Đèn báo phía trước và đèn chiếu sáng trong xe
- ❷ Cửa sổ trời*
- ❸ Màn hình trong bảng điều khiển trên nóc xe, nút ON CALL*
- ❹ Gương chiếu hậu chống chói chỉnh tay trong xe

Bảng điều khiển trung tâm và bên dưới



MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI



- ❶ Màn hình trung tâm
- ❷ Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm, sấy kính chắn gió, phương tiện giải trí, mở hộp đựng găng tay
- ❸ Cần số
- ❹ Nút khởi động
- ❺ Điều khiển chế độ lái*
- ❻ Phanh tay
- ❼ Phanh tự động khi xe đứng yên

Cửa phía người lái



- ❶ Bộ nhớ cho ghế phía trước chỉnh điện*, gương cửa và cài đặt màn hình kính chắn gió*
- ❷ Khóa trung tâm
- ❸ Cửa sổ chỉnh điện, gương cửa, khóa điện an toàn trẻ em*
- ❹ Điều chỉnh ghế phía trước

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)
- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Khởi động xe (trang 430)
- Màn hình người lái (trang 79)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Hộp số (trang 443)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Màn hình người lái

Màn hình người lái hiển thị thông tin về xe và hoạt động lái xe.

Màn hình người lái chứa các đồng hồ, đèn báo và biểu tượng thông báo và cảnh báo. Nội dung của màn hình người lái phụ thuộc vào thiết bị, cài đặt của xe và chức năng đang hoạt động tại thời điểm đó.

Màn hình người lái được bật ngay khi cửa mở, ví dụ, vị trí công tắc 0. Màn hình người lái tắt sau khi không sử dụng trong một lúc. Để bật lại, thực hiện theo một trong các quy trình sau:

- Đạp chân phanh.
- Bật vị trí công tắc I.
- Mở một trong các cửa.

Màn hình người lái có hai phiên bản, 12 inch* và 8 inch.

CẢNH BÁO

Nếu màn hình người lái tắt, không sáng khi bật/khởi động hoặc toàn bộ hoặc một phần màn hình người lái khó đọc, không được sử dụng xe. Bạn cần đến gara ngay lập tức. Volvo khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

CẢNH BÁO

Trong trường hợp màn hình người lái gặp lỗi, thông tin về, ví dụ, phanh, túi khí hoặc các hệ thống an toàn khác, có thể không được hiển thị, trong trường hợp này, người lái không thể kiểm tra trạng thái các hệ thống của xe hoặc nhận cảnh báo và thông tin tức thời.

Màn hình người lái, 12 inch*



Vị trí trong màn hình người lái:

Ở bên trái	Ở giữa	Ở bên phải
Công tơ mét	Biểu tượng thông báo và cảnh báo	Đồng hồ đo tốc độ vòng quay của động cơ/đồng hồ ECO ^A
Đồng hồ đo hành trình	Đồng hồ đo nhiệt độ bên ngoài	Đèn báo sang số
Đồng hồ đo tổng quãng đường đã đi được ^B	Đồng hồ	Chế độ lái
Thông tin kiểm soát hành trình và hệ thống giới hạn tốc độ	Thông báo, trong một số trường hợp có hình ảnh đồ họa	Đồng hồ đo nhiên liệu
Thông tin Biển báo Giao thông*	Thông tin cửa và dây đai an toàn	Trạng thái của chức năng Khởi động/Tắt

*Tùy chọn/phụ kiện.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Ở bên trái	Ở giữa	Ở bên phải
-	Trình phát phương tiện giải trí	Quãng đường đi được cho đến khi hết nhiên liệu »»
-	Bản đồ dẫn đường	Tiêu thụ nhiên liệu tức thời
-	Điện thoại	Menu ứng dụng (được bật qua bàn phím vô lăng)
-	Nhận dạng bằng giọng nói	-
-	La bàn ^A	-

A Tùy thuộc vào chế độ lái được chọn.

B Tổng số khoảng cách đã đi được.

Màn hình người lái, 8 inch



Vị trí trong màn hình người lái:

Ở bên trái	Ở giữa	Ở bên phải
Đồng hồ đo nhiên liệu	Công tơ mét	Trình phát phương tiện giải trí
Chế độ lái	Thông tin Biển báo Giao thông*	Điện thoại
Đèn báo sang số	Thông tin kiểm soát hành trình và hệ thống giới hạn tốc độ	Thông tin dẫn đường*
Đồng hồ đo tốc độ vòng quay của động cơ/đồng hồ ECO ^A	Thông tin cửa và dây đai an toàn	Đồng hồ

Ở bên trái	Ở giữa	Ở bên phải
Quãng đường đi được cho đến khi hết nhiên liệu	Trạng thái của chức năng Khởi động/Tắt	Menu ứng dụng (được bật qua bàn phím vô lăng)
Đồng hồ đo nhiệt độ bên ngoài	-	Tiêu thụ nhiên liệu tức thời
Biểu tượng đèn báo và cảnh báo	-	Đồng hồ đo tổng quãng đường đã đi được ^B
-	-	Đồng hồ đo hành trình
-	-	Biểu tượng thông báo và cảnh báo
-	-	Nhận dạng bằng giọng nói
-	-	Đồng hồ đo nhiệt độ động cơ
-	-	Thông báo, trong một số trường hợp có hình ảnh đồ họa
-	-	La bàn ^A

A Tùy thuộc vào chế độ lái được chọn.

B Tổng số khoảng cách đã đi được.

Biểu tượng động



Biểu tượng động dạng cơ bản.

Dầu màu hồ phách hoặc màu đỏ xung quanh biểu tượng thể hiện mức độ nghiêm trọng của thông báo điều khiển hoặc cảnh báo. Khi có hình động, hình dạng cơ bản có thể được chuyển thành một hình ảnh lớn hơn để thể hiện nơi xuất hiện vấn đề hoặc làm rõ thông tin.

Giữa màn hình người lái có một biểu tượng động, thay đổi hình thức theo các loại thông báo khác nhau.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

44



Ví dụ về biểu tượng thông báo.

Thông tin liên quan

- Cài đặt màn hình người lái (trang 83)
- Biểu tượng cảnh báo trong màn hình người lái (trang 92)
- Biểu tượng thông báo trong màn hình người lái (trang 90)
- Máy tính hành trình (trang 84)
- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)
- Thao tác menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 100)

Cài đặt màn hình người lái

Có thể thực hiện cài đặt tùy chọn màn hình của màn hình người lái thông qua menu ứng dụng của màn hình người lái và thông qua menu cài đặt của màn hình người lái.

Cài đặt thông qua menu ứng dụng của màn hình người lái



Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bố cục có thể thay đổi.

Menu ứng dụng được mở và điều khiển bằng bàn phím bên tay phải trên vô lăng.

Trong menu ứng dụng, bạn có thể lựa chọn thông tin nào được hiển thị trên màn hình người lái từ:

- Máy tính hành trình
- Trình phát phương tiện giải trí
- Điện thoại
- Hệ thống dẫn đường

Cài đặt thông qua màn hình trung tâm

Lựa chọn loại thông tin

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** → **Displays (Màn hình)** → **Driver Display Information (Thông tin Màn hình Người lái)**
3. Lựa chọn mục cần hiển thị ở phần nền:
 - **Show no information in background (Không hiển thị thông tin ở phần nền)**
 - **Show information for current playing media (Hiển thị thông tin về phương tiện giải trí đang phát)**
 - **Show navigation even if no route is set (Hiển thị dẫn đường kể cả khi không cài đặt lộ trình)¹⁴.**

Lựa chọn chủ đề

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm
2. Chạm nhẹ vào **My Car (Xe của Tôi)** → **Displays (Màn hình)** → **Display Themes (Chủ đề Màn hình)**
3. Lựa chọn một chủ đề (hình thức) cho màn hình người lái:
 - **Glass (Thủy tinh)**
 - **Minimalistic (Tối giản)**
 - **Performance (Hiệu năng)**
 - **Chrome Rings (Vòng Chrome)**

Cài đặt ngôn ngữ

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Chạm nhẹ vào **My Car (Xe của Tôi)** → **System Languages and Units (Ngôn ngữ và Đơn vị Hệ thống)** → **System Language (Ngôn ngữ Hệ thống)** để lựa chọn ngôn ngữ.
 - > Thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến ngôn ngữ trong tất cả các màn hình.

Các cài đặt này mang tính cá nhân và được lưu tự động vào hồ sơ người lái đang sử dụng.

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)
- Thao tác menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 100)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)

¹⁴ Bản đồ chỉ được hiển thị bằng màn hình người lái 12 inch. Màn hình người lái 8 inch chỉ hiển thị hướng dẫn.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Đồng hồ đo nhiên liệu

Đồng hồ đo nhiên liệu trong màn hình người lái hiển thị mức nhiên liệu trong bình nhiên liệu.



Đồng hồ đo nhiên liệu trong màn hình người lái 12 inch:

Vùng màu sáng trong đồng hồ đo nhiên liệu chỉ lượng nhiên liệu trong bình nhiên liệu.

Khi mức nhiên liệu thấp và cần bơm nhiên liệu sớm, biểu tượng đồng hồ bơm nhiên liệu sáng và thay đổi thành màu hồ phách. Máy tính hành trình cũng chỉ quãng đường đi được cho đến khi hết nhiên liệu.



Đồng hồ đo nhiên liệu trong màn hình người lái 8 inch:

Các vạch trong đồng hồ đo nhiên liệu chỉ lượng nhiên liệu trong bình nhiên liệu.

Khi mức nhiên liệu thấp và cần bơm nhiên liệu sớm, biểu tượng đồng hồ bơm nhiên liệu sáng và thay đổi thành màu hồ phách. Máy tính hành trình cũng chỉ quãng đường đi được cho đến khi hết nhiên liệu. Chỉ còn lại vạch màu hồ phách khi mức nhiên liệu rất thấp. Bơm nhiên liệu cho xe sớm nhất có thể.

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)
- Bơm nhiên liệu (trang 469)
- Bình nhiên liệu, thể tích (trang 674)

Máy tính hành trình

Máy tính hành trình của xe ghi các giá trị như khoảng cách, mức tiêu thụ nhiên liệu và tốc độ trung bình khi lái xe.

Để tạo điều kiện lái xe tiết kiệm nhiên liệu, thông tin được ghi theo mức tiêu thụ nhiên liệu tức thời và trung bình. Thông tin từ máy tính hành trình có thể được hiển thị trong màn hình người lái.



Màn hình người lái 12 inch*.



Màn hình người lái 8 inch.

Các đồng hồ sau được đưa vào máy tính hành trình:

- Đồng hồ đo hành trình
- Đồng hồ đo quãng đường đã đi được
- Mức tiêu thụ nhiên liệu tức thời

- Quãng đường đi được đến khi hết nhiên liệu
 - Công tơ mét thay thế với đơn vị đo khác
- Đơn vị khoảng cách, tốc độ v.v... có thể được thay đổi thông qua cài đặt hệ thống trong màn hình trung tâm.

Đồng hồ đo hành trình

Có hai đồng hồ đo hành trình, TM và TA.

TM có thể được cài đặt lại thủ công và TA được cài đặt lại tự động nếu xe không được sử dụng trong ít nhất bốn giờ.

Thông tin dưới đây được ghi nhận khi lái xe:

- Quãng đường đã đi được
- Thời gian lái
- Tốc độ trung bình
- Mức tiêu thụ nhiên liệu.

Các giá trị áp dụng từ lần cài đặt lại gần nhất của đồng hồ đo hành trình.

Đồng hồ đo quãng đường đã đi được

Đồng hồ đo quãng đường đã đi được ghi tổng quãng đường đã đi được của xe. Không thể cài đặt lại giá trị này về không.

Mức tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Đồng hồ này hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu mà xe có ở thời điểm hiện tại. Giá trị này được cập nhật xấp xỉ mỗi giây một lần.

Quãng đường đi được cho đến khi hết nhiên liệu

Máy tính hành trình tính toán quãng đường đi được theo mức nhiên liệu có trong bình nhiên liệu.

Tính toán dựa trên mức tiêu thụ nhiên liệu trong 30 km (20 dặm) gần nhất và lượng nhiên liệu còn lại có thể đi được.

Khi đồng hồ hiển thị "----", không còn đủ nhiên liệu để có thể tính toán quãng đường còn lại có thể đi được. Bơm nhiên liệu sớm nhất có thể.

CHÚ Ý
Có thể có sự chênh lệch nhỏ nếu thay đổi cách lái xe.

Cách lái xe tiết kiệm thường sẽ lái được quãng đường xa hơn.

Công tơ mét thay thế với đơn vị đo khác

Công tơ mét kỹ thuật số thay thế giúp việc lái xe ở các quốc gia có biển báo giới hạn tốc độ theo đơn vị khác với đơn vị hiển thị trong bảng táp lô của xe trở nên dễ dàng hơn.

Tốc độ kỹ thuật số được hiển thị theo đơn vị đối diện với đơn vị được hiển thị trong công tơ mét cơ học. Nếu công tơ mét cơ học có đơn vị là **dặm/giờ**, công tơ mét kỹ thuật số hiển thị tốc độ tương ứng theo **km/giờ** và ngược lại.

Thông tin liên quan

- Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình người lái (trang 86)
- Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình (trang 87) **

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

- Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình trung tâm (trang 87)
- Màn hình người lái (trang 79)
- Thay đổi đơn vị hệ thống (trang 128)

Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình người lái

Giá trị được ghi lại và tính toán của máy tính hành trình có thể được hiển thị trong màn hình người lái.

Các giá trị được lưu trong ứng dụng máy tính hành trình thông qua menu ứng dụng, bạn có thể lựa chọn thông tin nào được hiển thị trong màn hình người lái.



Mở và điều hướng trong menu ứng dụng¹⁵ bằng bàn phím vô lăng bên tay phải.

- ❶ Menu ứng dụng
- ❷ Trái/phải
- ❸ Lên/xuống
- ❹ Xác nhận

1. Mở menu ứng dụng trong màn hình người lái bằng cách ấn (1).
(Không thể mở menu ứng dụng khi có một thông báo chưa đọc trong màn hình người lái. Thông báo phải được đọc đầu tiên trước khi có thể mở menu ứng dụng).
2. Điều hướng đến ứng dụng máy tính hành trình sang bên trái hoặc bên phải bằng (2).
 - > Bốn dòng menu trên cùng hiển thị giá trị được đo cho đồng hồ đo hành trình TM. Bốn dòng menu tiếp theo hiển thị giá trị được đo cho đồng hồ đo hành trình TA. Cuộn lên hoặc xuống trong danh sách bằng (3).
3. Cuộn xuống đến nút tùy chọn để lựa chọn thông tin cần hiển thị trong màn hình người lái:
 - Quảng đường đi được đến khi hết nhiên liệu
 - Đồng hồ đo quãng đường đã đi được
 - Quãng đường đã đi được cho đồng hồ đo hành trình TM, TA hoặc không hiển thị quãng đường đã đi được
 - Mức tiêu thụ nhiên liệu tức thời, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cho TM hoặc TA hoặc không hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu.
 - Công tơ mét thay thế với đơn vị đo khác.Lựa chọn hoặc bỏ chọn tùy chọn bằng nút O (4). Thay đổi được thực hiện ngay lập tức.

¹⁵ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Thông tin liên quan

- Máy tính hành trình (trang 84)
- Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình (trang 87)

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình bằng công tắc điều khiển bên tay trái.



- Cài đặt lại tất cả thông tin trong đồng hồ đo hành trình TM (ví dụ, quãng đường đã đi được, mức tiêu thụ trung bình, tốc độ trung bình và thời gian lái) bằng cách ấn giữ nút **RESET (CÀI ĐẶT LẠI)** trên công tắc điều khiển bên tay trái.

Ấn nhẹ nút **RESET (CÀI ĐẶT LẠI)** để chỉ cài đặt lại quãng đường đã đi được.

Đồng hồ đo hành trình TA chỉ có thể được cài đặt lại tự động khi xe chưa được sử dụng trong bốn giờ trở lên.

Thông tin liên quan

- Máy tính hành trình (trang 84)

Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình trung tâm

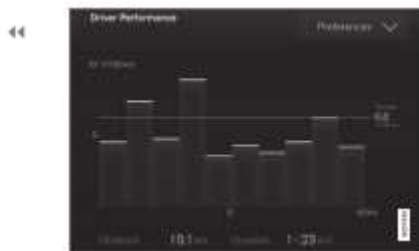
Dữ liệu hành trình từ máy tính hành trình được hiển thị bằng đồ họa trong màn hình trung tâm và tạo điều kiện để lái xe tiết kiệm nhiên liệu hơn.



Mở ứng dụng **Driver performance** trong phần ứng dụng để hiển thị dữ liệu hành trình.

Mỗi vạch trong sơ đồ là khoảng cách 1, 10 hoặc 100 km hoặc dặm. Các vạch chạy từ bên phải khi thực hiện lái xe. Vạch ở ngoài cùng bên phải thể hiện giá trị khoảng cách hiện nay.

Mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình và tổng thời gian lái được tính toán từ lần gần nhất dữ liệu hành trình được cài đặt lại.



Dữ liệu hành trình từ máy tính hành trình¹⁶.

Thông tin liên quan

- Cài đặt dữ liệu hành trình (trang 88)
- Máy tính hành trình (trang 84)

Cài đặt dữ liệu hành trình

Cài đặt lại hoặc điều chỉnh cài đặt cho dữ liệu hành trình.

1. Mở ứng dụng **Driver performance** trong phần ứng dụng để hiển thị dữ liệu hành trình.



2. Ấn **Preferences (Ưu tiên)** để

- thay đổi thang biểu đồ. Lựa chọn thang 1, 10 hoặc 100 km/dặm cho vạch.
- cài đặt lại dữ liệu sau từng hành trình. Được thực hiện khi xe đã đứng yên trong hơn 4 giờ.
- cài đặt lại dữ liệu cho hành trình hiện tại.

Dữ liệu hành trình, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được tính toán và tổng thời gian lái luôn được cài đặt lại đồng thời.

Đơn vị khoảng cách, tốc độ v.v... có thể được thay đổi thông qua cài đặt hệ thống trong màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Hiển thị dữ liệu hành trình trong màn hình trung tâm (trang 87)
- Máy tính hành trình (trang 84)

- Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình (trang 87)

¹⁶ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Thời gian và ngày tháng

Đồng hồ được hiển thị trong màn hình người lái và màn hình trung tâm.

Vị trí đồng hồ



Vị trí đồng hồ trong màn hình người lái 12 inch và 8 inch.

Trong màn hình trung tâm, đồng hồ được đặt ở trên cùng bên phải của thanh trạng thái.

Trong một số tình huống, thông báo và thông tin có thể bao gồm đồng hồ trong màn hình người lái.

Cài đặt thời gian và ngày tháng

- Lựa chọn **Settings (Cài đặt)** → **System (Hệ thống)** → **Date and Time (Ngày tháng và Thời gian)** ở phần trên cùng của màn hình trung tâm để thay đổi cài đặt định dạng thời gian và ngày tháng. Điều chỉnh thời gian và ngày tháng bằng cách ấn mũi tên lên hoặc xuống trên màn hình cảm ứng.

Thời gian tự động cho xe có GPS

Khi xe được trang bị hệ thống dẫn đường, có thể lựa chọn **Auto Time (Thời gian Tự động)**. Múi giờ được điều chỉnh tự động dựa trên vị trí của xe. Với một số loại hệ thống dẫn đường, vị trí (quốc gia) hiện tại cũng phải được cài đặt để có múi giờ đúng. Nếu không lựa chọn **Auto Time (Thời gian Tự động)**, thời gian và dữ liệu được điều chỉnh bằng mũi tên lên hoặc mũi tên xuống trên màn hình cảm ứng.

Thời gian mùa hè

Ở một số quốc gia, có thể lựa chọn cài đặt tự động thời gian mùa hè bằng **Auto (Tự động)**. Với các quốc gia khác, có thể cài đặt thời gian mùa hè bằng **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)

Đồng hồ đo nhiệt độ bên ngoài

Nhiệt độ bên ngoài được hiển thị trong màn hình người lái.

Một cảm biến phát hiện nhiệt độ bên ngoài xe.



Vị trí đồng hồ đo nhiệt độ bên ngoài trong màn hình người lái 12 inch và 8 inch.

Nếu xe đã đứng yên, đồng hồ đo có thể hiển thị giá trị nhiệt độ quá cao



Khi nhiệt độ bên ngoài là trong phạm vi -5°C đến +2°C (23°F đến 36°F), biểu tượng bông tuyết cũng được hiển thị trong màn hình người lái làm cảnh báo cho điều kiện trơn trượt có thể xảy ra.

Biểu tượng bông tuyết cũng lóe sáng trong màn hình kính chắn gió nếu xe được trang bị màn hình kính chắn gió.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Thay đổi đơn vị của đồng hồ đo nhiệt độ, ví dụ, thông qua cài đặt hệ thống trong phần trên của màn hình người lái.

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)
- Thay đổi đơn vị hệ thống (trang 128)

Biểu tượng thông báo trong màn hình người lái
Biểu tượng thông báo cảnh báo người lái về việc chức năng được bật, hệ thống đang hoạt động hoặc xảy ra lỗi hoặc điều kiện bất thường.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Thông tin, đọc chữ trên màn hình Khi một trong các hệ thống của xe không hoạt động như dự kiến, biểu tượng thông báo này sáng và chữ xuất hiện trên màn hình người lái. Biểu tượng thông tin này cũng có thể sáng cùng với các biểu tượng khác.
	Lỗi hệ thống phanh Biểu tượng này sáng khi hệ thống phanh gặp lỗi.
	Lỗi ABS Nếu biểu tượng này sáng, hệ thống này không làm việc. Hệ thống phanh thông thường của xe tiếp tục làm việc mà không có chức năng ABS.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Bật phanh tự động Biểu tượng này sáng khi chức năng này được bật và phanh chân hoặc phanh tay đang hoạt động. Phanh giữ xe đứng yên khi xe đã dừng.
	Hệ thống áp suất lốp Biểu tượng này sáng khi áp suất lốp quá thấp. Nếu hệ thống áp suất lốp gặp lỗi, biểu tượng này sẽ nhấp nháy trong xấp xỉ 1 phút và sau đó sáng liên tục. Điều này có thể do hệ thống không thể phát hiện hoặc cảnh báo áp suất lốp thấp như dự kiến.
	Hệ thống phát thải Nếu biểu tượng này sáng sau khi động cơ được khởi động, điều này có thể là do lỗi trong hệ thống phát thải của xe. Lái đến gara để kiểm tra. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Xi nhan bên tay trái và bên tay phải
	Biểu tượng này nhấp nháy khi sử dụng xi nhan
	Đèn định vị Biểu tượng này sáng khi bật đèn định vị
	Lỗi hệ thống đèn chiếu sáng Biểu tượng này sáng nếu xảy ra lỗi trong chức năng ABL (Đèn Điều chỉnh Góc chiếu Chủ động) hoặc nếu xảy ra một lỗi khác trong hệ thống đèn chiếu sáng.
	Bật đèn pha chủ động Biểu tượng này sáng màu xanh da trời khi bật đèn pha tự động.
	Tắt đèn pha chủ động Biểu tượng này sáng màu trắng da trời khi tắt đèn pha tự động.

Biểu tượng	Ý nghĩa	Biểu tượng	Ý nghĩa
	Bật đèn pha Biểu tượng này sáng khi bật đèn pha và đèn pha nhấp nháy.		Bật cảm biến mưa Biểu tượng này sáng khi bật cảm biến mưa.
	Bật đèn pha chủ động Biểu tượng này sáng màu xanh da trời khi bật đèn pha chủ động. Bật đèn định vị		Bật điều hòa sẵn Biểu tượng này sáng khi khối động cơ và hệ thống sưởi/điều hòa không khí của khoang hành khách đang điều hòa sẵn trong xe.
	Tắt đèn pha chủ động Biểu tượng này sáng màu trắng khi tắt đèn pha chủ động. Tắt đèn định vị		Hệ thống cân bằng Biểu tượng nhấp nháy thể hiện việc hệ thống cân bằng đang hoạt động. Nếu biểu tượng này sáng liên tục, xảy ra lỗi trong hệ thống này.
	Bật đèn pha Biểu tượng này sáng khi btaj đèn pha và đèn định vị		Hệ thống cân bằng, chế độ lái thể thao Biểu tượng này nhấp nháy khi bật chế độ lái thể thao. Chế độ lái thể thao đem đến trải nghiệm lái chủ động hơn. Hệ thống này sau đó phát hiện xem sự di chuyển của chân ga, vô lăng và đánh lái có chủ động hơn chế độ lái thông thường không và cho phép trượt phần phía sau một cách có kiểm soát đến một mức nhất định trước khi nó can thiệp và cân bằng xe.
	Bật đèn sương mù phía trước Biểu tượng này sáng khi bật đèn sương mù phía trước.		
	Bật đèn sương mù phía sau Biểu tượng này sáng khi bật đèn sương mù phía sau.		

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Hỗ trợ đi đúng làn đường Biểu tượng màu trắng: Bật hỗ trợ đi đúng làn đường và phát hiện vạch kẻ đường. Biểu tượng màu xám: Bật hỗ trợ đi đúng làn đường nhưng không phát hiện vạch kẻ đường. Biểu tượng màu đỏ phách: Chức năng hỗ trợ đi đúng làn đường cảnh báo/can thiệp.
	Hỗ trợ đi đúng làn đường và cảm biến mưa Biểu tượng màu trắng: Bật hỗ trợ đi đúng làn đường và phát hiện vạch kẻ đường. Bật cảm biến mưa. Biểu tượng màu xám: Bật hỗ trợ đi đúng làn đường nhưng không phát hiện vạch kẻ đường. Bật cảm biến mưa.
	Hệ thống AdBlue Biểu tượng này sáng khi mức AdBlue thấp hoặc trong trường hợp xảy ra sự cố trong hệ thống AdBlue.

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)
- Biểu tượng cảnh báo trong màn hình người lái (trang 92)

Biểu tượng cảnh báo trong màn hình người lái

Biểu tượng cảnh báo sẽ cảnh báo người lái về việc chức năng quan trọng được bật hoặc xảy ra lỗi hoặc điều kiện nghiêm trọng.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Cảnh báo Biểu tượng cảnh báo màu đỏ sáng khi phát hiện lỗi có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và/hoặc khả năng lái xe. Nội dung giải thích được hiển thị trên màn hình người lái cùng thời điểm. Biểu tượng cảnh báo cũng có thể sáng cùng với các biểu tượng khác.
	Nhắc nhở về dây đai an toàn Biểu tượng này sáng hoặc nhấp nháy nếu người nào ở ghế trước chưa thắt dây đai an toàn của mình hoặc người nào ở ghế sau chưa thắt dây đai an toàn của mình.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Túi khí Nếu biểu tượng này còn sáng hoặc sáng khi lái, đã phát hiện lỗi trong một trong các hệ thống an toàn của xe. Đọc thông báo trong màn hình người lái. Volvo khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.
	Lỗi trong hệ thống phanh Nếu biểu tượng này sáng, mức dầu phanh có thể quá thấp. Đến gara được ủy quyền gần nhất để kiểm tra và căn chỉnh mức dầu phanh.
	Đã kéo phanh tay Biểu tượng này sáng liên tục khi kéo phanh tay. Biểu tượng nhấp nháy có nghĩa là đã phát sinh lỗi. Đọc thông báo trong màn hình người lái.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Áp suất dầu thấp Nếu biểu tượng này sáng trong quá trình lái, mức dầu động cơ quá thấp. Tắt ngay động cơ và kiểm tra mức dầu động cơ, đổ dầu nếu cần. Nếu biểu tượng này sáng và mức dầu bình thường, liên hệ gara. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.
	Máy phát điện không cấp điện Biểu tượng này sáng trong quá trình lái nếu xảy ra lỗi trong hệ thống điện. Đến gara. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.
	Nguy cơ va chạm Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố cảnh báo nguy cơ va chạm với các xe khác, người đi bộ, người đi xe đạp hoặc các con vật lớn

Thỏa thuận bản quyền màn hình người lái

Thỏa thuận bản quyền là một thỏa thuận về quyền thực hiện một số hoạt động hoặc quyền sử dụng quyền lợi của một số người theo các điều khoản và điều kiện trong thỏa thuận. Nội dung dưới đây là thỏa thuận của Volvo với nhà sản xuất hoặc nhà phát triển.

Bản quyền Phần mềm Boost 1.0

Thỏa thuận bản quyền này cấp phép miễn phí cho bất cứ người hoặc tổ chức nào có bản sao của bản quyền này và tài liệu đính kèm có trong thỏa thuận bản quyền này ("Phần mềm") sử dụng, sao chép, trưng bày, phân phối, thực hiện và truyền tải Phần mềm và chuẩn bị tác phẩm phái sinh của Phần mềm và cho phép bên thứ ba được cung cấp Phần mềm thực hiện các quyền đó. Tất cả các quyền đó đều phải tuân thủ việc thông báo bản quyền trong Phần mềm và toàn bộ thỏa thuận này, bao gồm bản quyền được cấp ở trên, hạn chế này và miễn trừ trách nhiệm dưới đây, đều phải được đưa toàn bộ hoặc một phần vào tất cả bản sao của Phần mềm và tất cả tác phẩm phái sinh của Phần mềm, trừ khi bản sao hoặc tác phẩm phái sinh đó chỉ có ở dạng mã đối tượng có thể thực thi trên máy được tạo ra bằng hệ thống xử lý ngôn ngữ nguồn.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO DƯỚI BẤT CỨ HÌNH THỨC THỨC NÀO, TRỰC TIẾP HAY

GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, QUYỀN SỞ HỮU VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, NGƯỜI NÀM GIỮ BẢN QUYỀN HOẶC BẤT CỨ NGƯỜI NÀO PHÂN PHỐI PHẦN MỀM ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI HOẶC NGHĨA VỤ NÀO KHÁC, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC TÀI LIỆU KHÁC, PHÁT SINH TỪ, TRONG HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN PHẦN MỀM HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC VỀ PHẦN MỀM.

»

Khoản BSD 4 của Thỏa thuận Bản quyền "Gốc" hoặc "Cũ"

Bản quyền (c) 1982, 1986, 1990, 1991, 1993. Hội đồng Quản trị Đại học California. Mọi quyền lợi đều được bảo lưu.

Cho phép tái phân phối và sử dụng dưới dạng nguồn và nhị phân, có hoặc không có chỉnh sửa, miễn là đáp ứng các điều kiện sau:

1. Việc tái phân phối mã nguồn phải có thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới.
2. Việc tái phân phối dưới dạng nhị phân phải sao chép thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới trong văn bản và/hoặc tài liệu được cung cấp khi phân phối.
3. Tất cả tài liệu quảng cáo trình bày tính năng hoặc cách sử dụng phần mềm này phải có thông báo sau: Sản phẩm này bao gồm phần mềm được Đại học California, Berkeley và cộng tác viên phát triển.
4. Tên của Đại học này và tên của công tác viên đều không thể được sử dụng để xác nhận hoặc quảng bá sản phẩm có nguồn gốc từ phần mềm này khi chưa có sự cho phép cụ thể bằng văn bản.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỘNG TÁC VIÊN CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO

MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CỘNG TÁC VIÊN ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, VÔ Ý, ĐẶC BIỆT, NGOẠI LỆ HOẶC HỀ QUẢ (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN VỚI VIỆC MUA HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) GÂY RA BỞI VÀ TỬ NGHĨA VỤ, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC CAM KẾT (BAO GỒM THIỂU SÓT HOẶC VI PHẠM KHÁC) PHÁT SINH TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, KỂ CẢ KHI ĐÃ BIẾT VỀ KHẢ NĂNG XÂY RA THIẾT HẠI ĐÓ.

Khoản BSD-3 của Thỏa thuận Bản quyền "Mới" hoặc "Đã chỉnh sửa"

Bản quyền (c) 2011 - 2014, Yann Collet.

Cho phép tái phân phối và sử dụng dưới dạng nguồn và nhị phân, có hoặc không có chỉnh sửa, miễn là đáp ứng các điều kiện sau:

1. Việc tái phân phối mã nguồn phải có thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới.

2. Việc tái phân phối dưới dạng nhị phân phải sao chép thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới trong văn bản và/hoặc tài liệu được cung cấp khi phân phối.

3. Tên của tổ chức này và tên của công tác viên đều không thể được sử dụng để xác nhận hoặc quảng bá sản phẩm có nguồn gốc từ phần mềm này khi chưa có sự cho phép cụ thể bằng văn bản.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC NGƯỜI NÂM GIỮ BẢN QUYỀN VÀ CỘNG TÁC VIÊN CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, NGƯỜI NÂM GIỮ BẢN QUYỀN HOẶC CỘNG TÁC VIÊN ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, VÔ Ý, ĐẶC BIỆT, NGOẠI LỆ HOẶC HỀ QUẢ (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN VỚI VIỆC MUA HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) GÂY RA BỞI VÀ TỬ NGHĨA VỤ, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC CAM KẾT (BAO GỒM THIỂU SÓT HOẶC VI PHẠM KHÁC) PHÁT SINH TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, KỂ CẢ KHI ĐÃ BIẾT VỀ KHẢ NĂNG XÂY RA THIẾT HẠI ĐÓ.

Khoản BSD 2 của Thỏa thuận Bản quyền "Rút gọn"

Bản quyền (c) <NĂM>, <CHỦ SỞ HỮU> Mọi quyền lưu đều được bảo lưu.

Cho phép tái phân phối và sử dụng dưới dạng nguồn và nhị phân, có hoặc không có chỉnh sửa, miễn là đáp ứng các điều kiện sau:

1. Việc tái phân phối mã nguồn phải có thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới.
2. Việc tái phân phối dưới dạng nhị phân phải sao chép thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới trong văn bản và/hoặc tài liệu được cung cấp khi phân phối.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC NGƯỜI NẤM GIỮ BẢN QUYỀN VÀ CỘNG TÁC VIÊN CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐAM BẢO TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG GIỚI HẠN ĐAM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ VÀ SỬ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, NGƯỜI NẤM GIỮ BẢN QUYỀN HOẶC CỘNG TÁC VIÊN ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, VÔ Ý, ĐẶC BIỆT, NGOẠI LỆ HOẶC HỆ QUẢ (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN VỚI VIỆC MUA HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ

DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) GÂY RA BỞI VÀ TỬ NGHĨA VỤ, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC CAM KẾT (BAO GỒM THIẾU SÓT HOẶC VI PHẠM KHÁC) PHÁT SINH TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, KỂ CẢ KHI ĐÃ BIẾT VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA THIẾT HẠI ĐÓ.

Quan điểm và kết luận có trong phần mềm và văn bản này là của tác giả và không được diễn giải là đại diện cho các chính sách chính thức của Dự án FreeBSD, bất kể trực tiếp hay gián tiếp.

Thỏa thuận Bản quyền FreeType Project

1. 1 Bản quyền 1996 - 1999 của David Turner,

Robert Wilhelm và Werner Lemberg

Giới thiệu Dự án FreeType được phân phối trong một số gói lưu trữ, một số gói trong đó có thể chứa các công cụ và đóng góp khác nhau mà dựa vào hoặc liên quan đến Dự án FreeType, cùng với hệ thống phòng FreeType. Thỏa thuận bản quyền này áp dụng với tất cả tập tin được phát hiện trong các gói đó và không thuộc thỏa thuận bản quyền của chúng tôi. Thỏa thuận bản quyền này ít nhất ảnh hưởng đến hệ thống phòng FreeType, chương trình thử nghiệm, văn bản và makefile. Thỏa thuận bản quyền này được truyền cảm hứng bởi thỏa thuận bản quyền của BSD, Artistic và IJG (Tập đoàn JPEG Độc lập), tất cả đều khuyến khích việc đưa vào và sử dụng phần mềm miễn phí trong các sản phẩm thương mại và phần mềm miễn phí tương tự. Vì lý do đó, nội dung chính của thỏa thuận bản quyền này là phần mềm này hoạt động. Tuy nhiên, chúng tôi mong muốn nhận được các báo cáo bug (phân phối "theo bản chất của nó").

Bạn có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ phần mềm này cho bất cứ mục đích nào bạn muốn mà không cần thanh toán cho chúng tôi (sử dụng "không tính phí bản quyền"). Bạn không được yêu cầu viết phần mềm này. Nếu bạn sử dụng hoặc chỉ một phần của phần mềm này trong một chương trình, bạn phải trình bày nội dung việc bạn đã sử dụng mã FreeType trong văn bản của mình ("thông báo"). Chúng tôi cho phép và khuyến khích việc đưa phần mềm này, có hoặc không có chỉnh sửa, vào các sản phẩm thương mại, miễn là tất cả các yêu cầu về bảo hành hoặc trách nhiệm đều thuộc về nhà cung cấp sản phẩm.

Các Điều khoản Pháp lý
Định nghĩa. Trong thỏa thuận cấp phép này, thuật ngữ "gói", "Dự án FreeType" và "lưu trữ FreeType" là bộ tập tin được tác giả (David Turner, Robert Wilhelm và Werner Lemberg) phân phối ban đầu dưới dạng "dự án FreeType", có tên là bản alpha, beta hoặc chính thức. "Bạn" là bên được cấp phép hoặc người sử dụng dự án, trong đó, "sử dụng" là một thuật ngữ chung bao gồm việc lập mã nguồn dự án và liên kết để tạo thành một "chương trình" hoặc "có thể thực thi". Chương trình này là "một hệ thống sử dụng hệ thống FreeType". Thỏa thuận bản quyền này áp dụng với tất cả tập tin được phân phối dưới dạng lưu trữ FreeType gốc, bao gồm tất cả mã nguồn, nhị phân và văn bản, trừ khi được trình bày khác trong tập tin dạng gốc, chưa được chỉnh sửa khi được phân phối trong bản lưu gốc. Nếu bạn không chắc chắn về việc thỏa thuận bản quyền này có bao gồm một tập tin cụ thể không, bạn phải liên hệ với chúng tôi để kiểm tra điều này. Dự án FreeType có bản quyền (C) 1996

- 1999 của David Turner, Robert Wilhelm và Werner Lemberg. Mọi quyền lợi đều được bảo lưu, trừ các nội dung được trình bày ở dưới.



MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

“

1. Không đảm bảo BẢN LƯU FREETYPE ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BÀN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO DƯỚI BẤT CỨ HÌNH THỨC THỨC NÀO, TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, TÁC GIẢ HOẶC NGƯỜI NÂM GIỮ BẢN QUYỀN ĐỀU KHÔNG CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO GÂY RA BỞI VIỆC SỬ DỤNG HOẶC KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG DỰ ÁN FREETYPE. Khi bạn chưa ký thỏa thuận bản quyền này, bạn không được yêu cầu chấp nhận thỏa thuận bản quyền này. Tuy nhiên, do dự án FreeType là tài liệu có bản quyền, chỉ thỏa thuận bản quyền này hoặc một thỏa thuận khác được ký với tác giả cho bạn quyền sử dụng, phân phối và chỉnh sửa nó. Bằng cách sử dụng, phân phối hoặc chỉnh sửa dự án FreeType, bạn xác nhận rằng bạn hiểu và chấp nhận tất cả điều khoản của thỏa thuận bản quyền này.
2. Tái phân phối Cho phép tái phân phối và sử dụng dưới dạng nguồn và nhị phân, có hoặc không có chỉnh sửa, miễn là đáp ứng các điều kiện sau: Việc tái phân phối mã nguồn phải có thỏa thuận bản quyền này, tập tin ("licence.txt") chưa được thay thế, tất cả bổ sung, tẩy xóa hoặc thay đổi tập tin gốc đều phải được trình bày rõ ràng trong tài liệu đính kèm. Thông báo bản quyền của tập tin gốc chưa được thay thế đều phải được giữ trong tất cả bản sao của tập tin nguồn.

Việc tái phân bố dưới dạng nhị phân phải quy định miễn trừ trách nhiệm rằng phần mềm dựa trên một phần công việc của Nhóm FreeType trong văn bản phân phối. Chúng tôi cũng khuyến khích bạn đưa URL đến trang web FreeType trong tài liệu của mình cho dù điều này là không bắt buộc. Các điều kiện này áp dụng với bất cứ phần mềm nào có nguồn gốc từ hoặc dựa trên mã FreeType, không chỉ là các tập tin chưa chỉnh sửa. Nếu bạn sử dụng công trình của chúng tôi, bạn phải thông báo cho chúng tôi. Tuy nhiên, không cần thanh toán phí cho chúng tôi.

3. Quảng cáo Tên của tác giả và cộng tác viên của FreeType không được sử dụng để xác nhận hoặc quảng bá sản phẩm có nguồn gốc từ phần mềm này khi chưa có sự cho phép cụ thể bằng văn bản. Chúng tôi đề nghị nhưng không yêu cầu bạn sử dụng một hoặc nhiều các cụm từ sau để dẫn chiếu đến phần mềm này trong tài liệu của bạn hoặc tài liệu quảng cáo: "Dự án FreeType", "Hệ thống FreeType", "Thư viện FreeType" hoặc "Phân phối FreeType".
4. Liên hệ Có hai danh sách địa chỉ gửi thư liên quan đến FreeType: freetype@freetype.org Thảo luận về cách sử dụng và ứng dụng chung FreeType cũng như việc bổ sung theo mong muốn trong

tương lai vào thư viện và phân phối. Nếu bạn cần hỗ trợ, tìm trong danh sách này nếu bạn chưa tìm được bất cứ thứ gì có thể giúp đỡ bạn trong tài liệu của mình, devel@freetype.org Thảo luận về bug và bộ phận trong hệ thống, vấn đề thiết kế, thỏa thuận bản quyền cụ thể, công v.v..., <http://www.freetype.org> trang web hiện tại của FreeType, cho phép bạn tải xuống bản phát triển mới nhất của chúng tôi và đọc tài liệu trực tuyến. Bạn cũng có thể liên hệ với từng cá nhân chúng tôi tại: David Turner <david.turner@freetype.org> Robert Wilhelm <robert.wilhelm@freetype.org> Werner Lemberg <werner.lemberg@freetype.org>

Thỏa thuận Bản quyền Libpng

Bản sao này của thông báo libpng được cung cấp để bạn tiện theo dõi. Trong trường hợp có bất cứ mâu thuẫn nào giữa bản sao này và thông báo trong tập tin png.h được đưa vào phân phối libpng, thông báo trong tập tin sẽ được ưu tiên sử dụng.

THÔNG BÁO BẢN QUYỀN, MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM và THỎA THUẬN BẢN QUYỀN:

Nếu bạn chỉnh sửa libpng, bạn có thể chèn thông báo bổ sung ngay sau câu này.

Phiên bản libpng 1.0.7, ngày 01 tháng 07 năm 2000 đến 1.0.13, ngày 15 tháng 04 năm 2002, là Bản quyền (c) 2000 - 2002, Glenn Randers-Pehrson và được phân phối theo miễn trừ trách nhiệm và thỏa thuận bản quyền tương tự với libpng 1.0.6 có các cá nhân sau được thêm vào danh sách Tác giả Đóng góp.

Simon-Pierre Cadieux

Eric S. Raymond

Gilles Vollant

và với các bổ sung sau vào miễn trừ trách nhiệm:

Không có đảm bảo về việc công trình của bạn hoặc thư viện sẽ bị ảnh hưởng hoặc vi phạm. Không có đảm bảo về việc nỗ lực của chúng tôi hoặc thư viện sẽ đáp ứng bất cứ mục đích hoặc nhu cầu nào của bạn. Thư viện này được cung cấp mà người sử dụng chịu tất cả lỗi và toàn bộ nguy cơ của việc chất lượng, hiệu năng, độ chính xác và nỗ lực không đáp ứng yêu cầu.

Phiên bản libpng 0.97, tháng 01, 1998 đến 1.0.6, ngày 20 tháng 03 năm 2000, là Bản quyền (c) 1998, 1999 Glenn Randers-Pehrson và được phân phối theo miễn trừ trách nhiệm và thỏa thuận bản quyền tương tự với libpng 0.96 có các cá nhân sau được thêm vào danh sách Tác giả Đóng góp:

Tom Lane

Glenn Randers-Pehrson

Wilem van Schaik

Phiên bản libpng 0.89, tháng 06, 1996 đến 0.96, tháng 05, 1997, là Bản quyền (c) 1996, 1997 Andreas Dilger Được phân phối theo miễn trừ trách nhiệm và thỏa thuận bản quyền tương tự với libpng 0.88 có các cá nhân sau được thêm vào danh sách Tác giả Đóng góp:

John Bowler

Kevin Bracey

Sam Bushell

Magnus Holmgren

Greg Roelofs

Tom Tanner

Phiên bản libpng 0.5, tháng 05, 1995 đến 0.88, tháng 01, 1996, là Bản quyền (c) 1995, 1996 Guy Eric Schlnat, Group 42, Inc.

Theo mục đích của bản quyền và thỏa thuận bản quyền này, "Tác Giả Đóng góp" được định nghĩa là những cá nhân sau:

Andreas Dilger

Dave Martindale

Guy Eric Schlnat

Paul Schmidt

Tim Wegner

Thư viện Tham khảo PNG được cung cấp "THEO BẢN CHẤT CỦA NÓ". Tác giả Đóng góp và Group 42, Inc. miễn trừ tất cả đảm bảo, trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm không giới hạn, đảm bảo về khả năng tiêu thụ và sự phù hợp cho bất cứ mục đích nào. Tác giả Đóng góp và Group 42, Inc. không chịu trách nhiệm về thiệt hại mang tính trực tiếp, gián tiếp, vô ý, đặc biệt, ngoại lệ hoặc hệ quả có thể phát sinh từ việc sử dụng Thư viện Tham khảo PNG, kể cả khi đã biết về khả năng xảy ra thiệt hại đó.

Thỏa thuận bản quyền này cấp phép sử dụng, sao chép, chỉnh sửa và phân phối miễn phí mã nguồn này hoặc một phần mã nguồn này cho bất cứ mục đích nào theo các hạn chế sau:

»

“

1. Không được viết sai nguồn gốc của mã nguồn này.
2. Phiên bản thay thế phải được đánh dấu rõ ràng và không được viết sai thành mã gốc.
3. Thông báo Bản quyền này không được loại bỏ hoặc thay thế khỏi bất cứ nguồn hoặc nguồn thay thế phân phối nào.

Tác giả Đóng góp và Group 42, Inc. cho phép miễn phí và khuyến khích sử dụng mã nguồn này làm bộ phận để hỗ trợ định dạng tập tin PNG trong sản phẩm thương mại. Nếu bạn sử dụng mã nguồn này trong một sản phẩm, không cần thông báo nhưng việc thông báo sẽ được đánh giá cao.

Có chức năng "png_get_copyright" để tiện sử dụng trong các ô "về" và ô tương tự:

```
printf("%s",png_get_copyright(NULL));
```

Logo PNG (định dạng PNG) được cung cấp trong tập tin "pngbar.png" và "pngbar.jpg (88x31)" và "pngnow.png" (98x31).

Libpng là Phần mềm Nguồn Mở được Chứng nhận OSI. Nguồn Mở được Chứng nhận OSI là một nhãn chứng nhận của Sáng kiến Nguồn Mở.

Glenn Randers-Pehrson randeg@alum.rpi.edu ngày 15 tháng 04 năm 2002

Thỏa thuận Bản quyền MIT

Bản quyền (c) <năm> <người nắm giữ bản quyền>

Thỏa thuận bản quyền này cấp phép miễn phí cho bất cứ người nào có bản sao của bản quyền này và tập tin tài liệu liên quan ("Phần mềm") để giao dịch Phần mềm, không giới hạn với việc sử dụng, sao chép, điều chỉnh, sắp nhập, công bố, phân phối, cấp phép lại và/hoặc bán bản sao của Phần mềm và cho phép người được cung cấp Phần mềm thực hiện những quyền đó theo các điều kiện sau:

Thông báo bản quyền trên và thông báo cấp phép này sẽ phải được đưa vào tất cả bản sao hoặc các phần quan trọng của phần mềm.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO DƯỚI BẤT CỨ HÌNH THỨC THỨC NÀO, TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, TÁC GIẢ HOẶC NGƯỜI NẤM GIỮ BẢN QUYỀN ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG, THIẾT HẠI HOẶC NGHĨA VỤ NÀO KHÁC, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC TÀI LIỆU KHÁC, PHÁT SINH TỪ, TRONG HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN PHẦN MỀM HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC VỀ

PHẦN MỀM.

Thỏa thuận Bản quyền zlib

Thỏa thuận Bản quyền zlib/libpng Bản quyền (c) <năm> <người nắm giữ bản quyền>

Phần mềm này được cung cấp "theo đúng bản chất của nó" mà không được đảm bảo trực tiếp hay gián tiếp. Trong mọi trường hợp, tác giả đều không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào phát sinh từ việc sử dụng phần mềm này. Thỏa thuận Bản quyền này cấp phép cho bất cứ người nào sử dụng phần mềm này cho bất cứ mục đích gì và thay thế và tái phân phối phần mềm này miễn phí theo các hạn chế sau:

1. Không được viết sai nguồn gốc của phần mềm này, bạn không được yêu cầu viết phần mềm này. Nếu bạn sử dụng phần mềm này trong một sản phẩm, việc trích dẫn nguồn trong tài liệu sản phẩm được đánh giá cao nhưng không được yêu cầu.
2. Phiên bản nguồn thay thế phải được đánh dấu như vậy và không được viết sai là phần mềm gốc.
3. Không được loại bỏ hoặc thay thế thông báo này ra khỏi bất cứ quá trình phân phối nguồn nào.

Phần mềm Miễn phí SGI Thỏa thuận Bản quyền Phiên bản 2.0.

PHẦN MỀM MIỄN PHÍ SGI THỎA THUẬN BẢN QUYỀN B (Phiên bản 2.0, ngày 18 tháng 09 năm 2008)

Bản quyền (C) [ngày phát hành] Silicon Graphics, Inc. Thỏa thuận bản quyền này cấp phép miễn phí cho bất cứ người nào có bản sao của bản quyền này và tập tin tài liệu liên quan ("Phần mềm") để giao dịch Phần mềm, không giới hạn với việc sử dụng, sao chép, điều chỉnh, sắp nhập, công bố, phân phối, cấp phép lại và/hoặc bán bản sao của Phần mềm và cho phép người được cung cấp Phần mềm thực hiện những quyền đó theo các điều kiện sau: Thông báo bản quyền trên bao gồm ngày phát hành lần đầu và thông báo cấp phép này hoặc dẫn chiếu đến <http://oss.sgi.com/projects/FreeB/> sẽ phải được đưa vào tất cả bản sao hoặc các phần quan trọng của Phần mềm.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO DƯỚI BẤT CỨ HÌNH THỨC THỨC NÀO, TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, SILICON GRAPHICS, INC. ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG, THIẾT HẠI HOẶC NGHĨA VỤ NÀO KHÁC,

BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC TÀI LIỆU KHÁC, PHÁT SINH TỪ, TRONG HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN PHẦN MỀM HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC VỀ PHẦN MỀM.

Trừ khi được quy định khác trong thông báo này, tên của Silicon Graphics, Inc. sẽ không được sử dụng trong quảng cáo hoặc quảng bá việc bán, sử dụng hoặc giao dịch khác về Phần mềm này khi chưa được sự ủy quyền từ trước bằng văn bản của Silicon Graphics, Inc.

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)

Menu ứng dụng trong màn hình người lái

Menu ứng dụng (menu ứng dụng) trong màn hình người lái để người lái truy cập nhanh các chức năng thường sử dụng cho một số ứng dụng.



Menu ứng dụng trong màn hình người lái có thể được sử dụng thay cho màn hình trung tâm. Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bố cục có thể thay đổi.

Menu ứng dụng được hiển thị trong màn hình người lái và được điều khiển bằng bàn phím vô lăng bên phải. Menu ứng dụng giúp việc chuyển đổi giữa các ứng dụng hoặc chức năng khác nhau trong ứng dụng trở nên dễ dàng hơn mà không cần chạm vào vô lăng.

Chức năng của menu ứng dụng

Các ứng dụng khác nhau để người lái truy cập các loại chức năng khác nhau. Các ứng dụng và chức năng liên quan dưới đây có thể được điều khiển từ menu ứng dụng:



Ứng dụng	Chức năng
Máy tính hành trình	Lựa chọn đồng hồ đo hành trình, lựa chọn thông tin cần hiển thị trong màn hình người lái v.v...
Trình phát phương tiện giải trí	Lựa chọn nguồn phát phương tiện giải trí.
Điện thoại	Gọi một người từ danh bạ.
Dẫn đường	Dẫn đường đến điểm đến v.v...

Thông tin liên quan

- Màn hình người lái (trang 79)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái (trang 100)

Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái

Menu ứng dụng (menu ứng dụng) trong màn hình người lái được vận hành bằng bàn phím bên phải của vô lăng.



Menu ứng dụng và bàn phím bên phải của vô lăng.

- ❶ Mở/đóng
- ❷ Trái/phải
- ❸ Lên/xuống
- ❹ Xác nhận

Mở/đóng menu ứng dụng

- Ấn mở/đóng (1).
(Không thể mở menu ứng dụng khi có một thông báo chưa đọc trong màn hình người lái. Thông báo phải được đọc đầu tiên trước khi có thể mở menu ứng dụng).
- > Menu ứng dụng mở/đóng.

Menu ứng dụng đóng tự động sau một khoảng thời gian không hoạt động hoặc sau khi lựa chọn một số tùy chọn.

- Điều hướng giữa các ứng dụng khác nhau có sẵn bằng cách chạm nhẹ vào bên trái hoặc bên phải (2).
> Các chức năng cho ứng dụng trước đây/tiếp theo được hiển thị trong menu ứng dụng.
- Duyệt qua các chức năng cho ứng dụng được lựa chọn bằng cách chạm nhẹ vào lên hoặc xuống (3).
- Xác nhận hoặc bồi đắp một tùy chọn cho chức năng bằng cách ấn xác nhận (4).
> Chức năng được bật và với một số tùy chọn, ứng dụng menu đóng sau đó.

Nếu mở lại menu ứng dụng, chức năng của ứng dụng được lựa chọn gần nhất được hiển thị trước.

Thông tin liên quan

- Menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 99)
- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)

Thông báo trong màn hình người lái

Màn hình người lái có thể hiển thị thông báo để báo hoặc hỗ trợ người lái trong trường hợp có các tình huống khác nhau.



Thông báo trong màn hình người lái¹⁷.



Thông báo trong màn hình người lái¹⁸.

Màn hình người lái hiển thị thông báo có độ ưu tiên cao cho người lái.

Thông báo có thể được hiển thị trong các phần khác nhau của màn hình người lái, tùy thuộc vào thông tin nào khác đang được hiển thị. Sau một lúc hoặc khi thông báo đã được đọc/đã thực hiện hành động, nếu yêu cầu, thông báo sẽ biến mất khỏi màn hình người lái. Nếu thông báo cần được lưu, nó được đặt trong ứng dụng **Car Status**, được mở từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm.

Thành phần thông báo có thể thay đổi và chúng có thể được hiển thị cùng với hình ảnh đồ họa, biểu tượng hoặc nút, ví dụ, để đọc thông báo hoặc chấp nhận yêu cầu.

Thông báo bảo trì

Được trình bày ở dưới là các thông báo bảo trì quan trọng và ý nghĩa của chúng.

Thông báo	Ý nghĩa
Stop safely ^A	Dừng và tắt động cơ. Nguy cơ hư hỏng nghiêm trọng, tham khảo ý kiến của gara ^B .
Turn off engine ^A	Dừng và tắt động cơ. Nguy cơ hư hỏng nghiêm trọng, tham khảo ý kiến của gara ^B .
Service urgent Drive to work -shop ^A	Liên hệ gara ^B để kiểm tra xe ngay lập tức.
Service required ^A	Liên hệ gara ^B để kiểm tra xe sớm nhất có thể.
Regular maintenance Book time for maintenance	Thời điểm bảo trì thường xuyên, liên hệ gara ^B . Được hiển thị trước ngày bảo trì tiếp theo.
Regular maintenance	Thời điểm bảo trì thường xuyên, liên hệ gara ^B .

¹⁷ Với màn hình người lái 8 inch.

¹⁸ Với màn hình người lái 12 inch.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Thông báo	Ý nghĩa
Time for main-tenance	Được hiển thị vào trước ngày bảo trì tiếp theo.
Regular main-tenance Maintenace overdue	Thời điểm bảo trì thường xuyên, liên hệ gara ^B . Được hiển thị khi đã qua ngày bảo trì.
Temporarily off ^A	Chức năng đã bị tắt tạm thời và được cài đặt lại tự động khi lái xe hoặc sau khi khởi động lại.

A Phần thông báo được hiển thị cùng với thông tin khi phát sinh vấn đề.

B Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Quản lý trong màn hình người lái (trang 102)
- Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái (trang 103)
- Thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)

Quản lý thông báo trong màn hình người lái
Thông báo trong màn hình người lái được thao tác bằng bàn phím bên phải của vô lăng.



MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Thông báo trong màn hình người lái¹⁹ và bàn phím bên phải của vô lăng.

Thông báo trong màn hình người lái²⁰ và bàn phím bên phải của vô lăng.

❶ Trái/phải

❷ Xác nhận

Một số thông báo trong màn hình người lái chứa một hoặc nhiều nút, ví dụ, để đọc thông báo hoặc chấp nhận yêu cầu.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

¹⁹ Với màn hình người lái 8 inch.

²⁰ Với màn hình người lái 12 inch.

Quản lý một thông báo

Với thông báo có nút:

1. Điều hướng giữa các nút khác nhau có sẵn bằng cách chạm nhẹ vào bên trái hoặc bên phải (1).
2. Xác nhận lựa chọn bằng cách ấn xác nhận (2).
 - > Thông báo biến mất khỏi màn hình người lái.

Với thông báo không có nút:

- Đóng thông báo bằng cách ấn xác nhận (2) hoặc cho phép đóng thông báo tự động sau một lúc.
 - > Thông báo biến mất khỏi màn hình người lái.

Nếu thông báo cần được lưu, nó được đặt trong ứng dụng **Car Status**, được mở từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm. Thông báo **Car message stored in Car Status application (Thông báo xe được lưu trong ứng dụng Car Status)** được hiển thị trong màn hình trung tâm cùng với thông báo này.

Thông tin liên quan

- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)
- Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái (trang 103)
- Thông báo được lưu trong màn hình trung tâm (trang 136)

Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái

Bất kể được lưu từ màn hình người lái hay màn hình trung tâm, thông báo đều được quản lý trong màn hình trung tâm.



Thông báo đã lưu có thể được nhìn thấy trong ứng dụng **Car Status**.



Thông báo được hiển thị trong màn hình người lái và cần được lưu được bổ sung vào ứng dụng **Car Status** trong màn hình trung tâm. Thông báo **Car message stored in Car Status application (Thông báo xe được lưu trong ứng dụng Car Status)** được hiển thị trong màn hình trung tâm cùng với thông báo này.

Đọc thông báo đã lưu

Để đọc ngay lập tức thông báo đã lưu:

- Ấn nút ở bên phải của thông báo **Car message stored in Car Status application (Thông báo xe được lưu trong ứng dụng Car Status)** trong màn hình trung tâm.
 - > Thông báo đã lưu được hiển thị trong ứng dụng **Car Status**.

Để đọc thông báo đã lưu sau đó:

1. Mở ứng dụng **Car Status** từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm.
 - > Ứng dụng được mở ở phần dưới của phần trang chủ.
2. Lựa chọn tab **Messages (Thông báo)** trong ứng dụng.
 - > Một danh sách các thông báo đã lưu được hiển thị.
3. Chạm nhẹ vào thông báo để phóng to/thu nhỏ.
 - > Nhiều thông tin hơn về thông báo được hiển thị trong danh sách này và hình ảnh phía tay trái trong ứng dụng hiển thị thông tin bằng đồ họa về thông báo.





Quản lý thông báo đã lưu

Trong chế độ phóng to, một số thông báo có sẵn hai nút để đặt lịch báo tri hoặc đọc sách hướng dẫn sử dụng.

Để đặt lịch báo tri cho thông báo đã lưu:

Thông tin liên quan

- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)
- Quản lý trong màn hình người lái (trang 102)
- Thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)

- Trong chế độ phóng to cho thông báo, ấn **Request appoint. Call to make Appointment²¹** (**Yêu cầu đặt lịch. Gọi để thực hiện Đặt lịch**) để được hỗ trợ trong quá trình đặt lịch bảo trì.
 - > Với **Request appoint (Yêu cầu đặt lịch)**: Tab **Appointments (Đặt lịch)** mở trong ứng dụng và tạo yêu cầu đặt lịch thực hiện công việc bảo trì và sửa chữa.
Với **Call to make Appointment (Gọi để thực hiện Đặt lịch)**: Ứng dụng điện thoại được khởi tạo và gọi đến trung tâm bảo trì để đặt lịch thực hiện công việc bảo trì và sửa chữa.
- Để đọc sách hướng dẫn sử dụng cho thông báo đã lưu:
 - Trong chế độ phóng to cho thông báo, ấn **Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng)** để đọc về thông báo trong sách hướng dẫn sử dụng.
 - > Sách hướng dẫn sử dụng mở trong màn hình trung tâm và hiển thị thông tin có liên kết với thông báo.

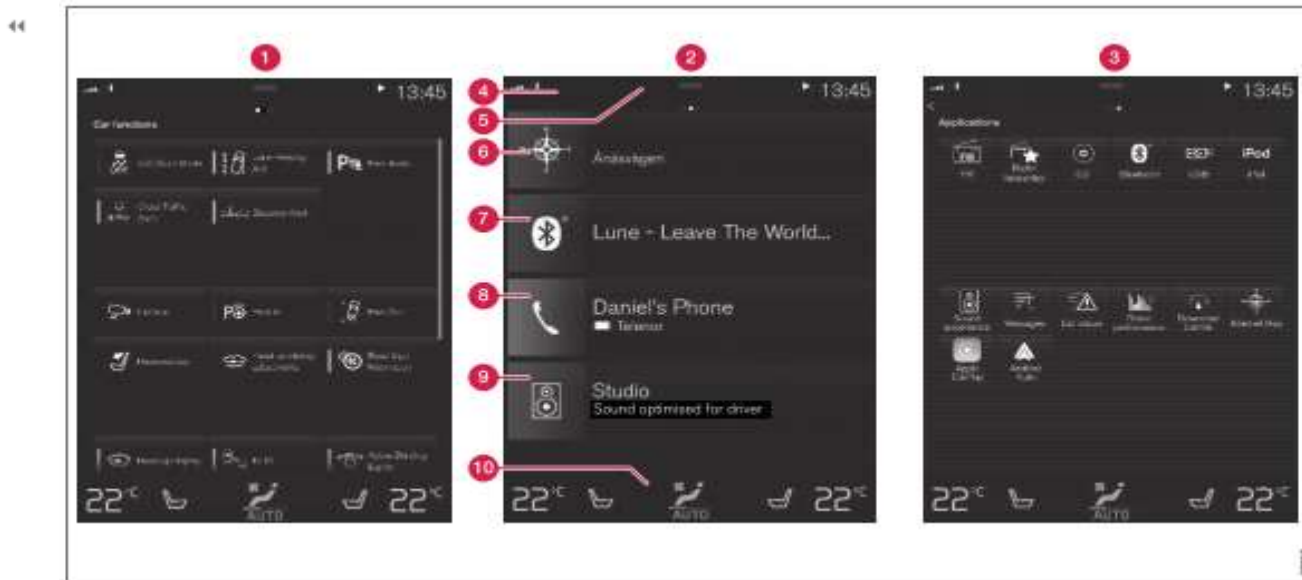
Thông báo đã lưu trong ứng dụng bị xóa tự động mỗi lần động cơ được khởi động.

²¹ Tùy thuộc vào thị trường, Volvo ID và gara đã chọn cũng cần được đăng ký.

Tổng quan về màn hình trung tâm

Một số chức năng của xe được điều khiển từ màn hình trung tâm. Được trình bày ở đây là màn hình trung tâm và các tùy chọn của nó.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI



Ba phần cơ bản của màn hình trung tâm. Trượt sang phải hoặc trái để lần lượt truy cập phần chức năng hoặc ứng dụng²².

²² Các phần được đảo ngược với xe lái bên tay phải.

*Tùy chọn/phụ kiện.

- ❶ Phần chức năng - các chức năng của xe được bật hoặc tắt bằng một lần ấn. Một số chức năng cũng được thực hiện từ phần chức năng nhưng việc điều chỉnh được thực hiện bằng bàn phím bên phải của vô lăng.
- ❷ Phần trang chủ - phần đầu tiên được hiển thị khi màn hình được khởi động.
- ❸ Phần ứng dụng (phần ứng dụng) - các ứng dụng đã được tải xuống (ứng dụng bên thứ ba) và ứng dụng cho chức năng được tích hợp như đài FM. Chạm nhẹ vào biểu tượng ứng dụng để mở ứng dụng.
- ❹ Thanh trạng thái - các hoạt động trong xe được hiển thị ở trên cùng bên phải của màn hình. Thông tin về mạng và kết nối được hiển thị ở phía tay trái của thanh trạng thái trong khi thông tin liên quan đến phương tiện giải trí, đồng hồ và thông báo về hoạt động nền đang diễn ra được hiển thị ở bên phải.
- ❺ Phần trên cùng - kéo tab xuống để truy cập phần trên cùng. **Settings (Cài đặt), Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng), Profile (Hồ sơ)** và thông báo đã lưu của xe được truy cập từ đây. Trong một số trường hợp, cài đặt theo bối cảnh (ví dụ, **Navigation Settings (Cài đặt Dẫn đường)**) và sách hướng dẫn sử dụng theo bối cảnh (ví dụ, **Navigation Manual (Hướng dẫn về Dẫn đường)**) cũng có thể được truy cập từ phần trên cùng.
- ❻ Dẫn đường - dẫn đường bằng bản đồ có, ví dụ, Dẫn đường Sensus*. Chạm nhẹ vào phần phụ để phóng to.

- ❼ Phương tiện giải trí - các ứng dụng đã dùng gần đây liên quan đến phương tiện giải trí. Chạm nhẹ vào phần phụ để phóng to.
- ❽ Điện thoại - có thể sử dụng chức năng điện thoại từ đây. Chạm nhẹ vào phần phụ để phóng to.
- ❾ Phần phụ bổ sung - các ứng dụng đã dùng gần đây hoặc các chức năng của xe mà không thuộc bất cứ phần phụ nào khác. Chạm nhẹ vào phần phụ để phóng to.
- ❿ Đồng điều hòa - thông tin và tương tác trực tiếp, ví dụ*, để cài đặt nhiệt độ và sưởi ghế. Chạm nhẹ vào biểu tượng ở giữa dòng điều hòa để mở phần điều hòa có nhiều tùy chọn cài đặt hơn.

Thông tin liên quan

- Quản lý màn hình trung tâm (trang 108)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Phần chức năng trong màn hình trung tâm (trang 118)
- Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm (trang 120)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm (trang 19)
- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Điện thoại (trang 527)

- Điều khiển điều hòa (trang 213)
- Tắt và thay đổi âm lượng của âm thanh hệ thống trong màn hình trung tâm (trang 127)
- Thay đổi hình thức trong màn hình trung tâm (trang 127)
- Thay đổi ngôn ngữ hệ thống (trang 128)
- Thay đổi đơn vị hệ thống (trang 128)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Quản lý màn hình trung tâm

Một số chức năng của xe được điều khiển và điều chỉnh từ màn hình trung tâm. Màn hình trung tâm là màn hình cảm ứng và phản ứng lại thao tác chạm.

Sử dụng chức năng màn hình cảm ứng trên màn hình trung tâm

Màn hình sẽ đưa ra các phản ứng khác nhau tùy thuộc vào việc bạn chạm vào, kéo hay vuốt. Các hoạt động như duyệt giữa các phần, đánh dấu đối tượng, cuộn trong danh sách và di chuyển các ứng

dụng có thể được thực hiện bằng cách chạm vào màn hình theo nhiều cách khác nhau.

Phím hồng ngoại cho phép màn hình phát hiện ngón tay ở phía trước màn hình. Công nghệ này giúp người lái có thể sử dụng màn hình ngay cả khi đeo găng tay.

Hai người có thể tương tác với màn hình cùng một lúc, ví dụ, để lần lượt điều chỉnh điều hòa phía người lái và hành khách.



QUAN TRỌNG

Không sử dụng đồ sắc nhọn trên màn hình để tránh làm xước màn hình.

Bảng dưới trình bày các thao tác khác nhau trên màn hình:

Thao tác	Hành động	Kết quả
	Ấn một lần.	Tô sáng một đối tượng, xác nhận lựa chọn hoặc bật một chức năng.
	Ấn hai lần liên nhau.	Phóng to đối tượng kỹ thuật số như bản đồ.
	Ấn và giữ.	Kéo thả đối tượng. Có thể được sử dụng để di chuyển ứng dụng hoặc vị trí bản đồ trên bản đồ. Ấn và giữ tay trên màn hình đồng thời kéo đối tượng đến vị trí mong muốn.
	Ấn một lần bằng hai ngón tay.	Phóng to đối tượng kỹ thuật số như bản đồ.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Thao tác	Hành động	Kết quả
	Kéo	Thay đổi giữa các phần khác nhau, cuộn một danh sách, văn bản hoặc phần. Giữ liên tục và kéo để di chuyển ứng dụng hoặc vị trí bàn đồ trên bản đồ. Kéo ngang hoặc dọc màn hình.
	Vuốt/kéo nhanh	Thay đổi giữa các phần khác nhau, cuộn một danh sách, văn bản hoặc phần. Kéo ngang hoặc dọc màn hình.
	Kéo tách ra hai bên	Phóng to.
	Kéo chụm vào một điểm	Thu nhỏ.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

“

Trở về phần trang chủ từ một phần khác

1. Ấn nhanh nút trang chủ ở dưới màn hình trung tâm.
 - > Vị trí cuối cùng của phần trang chủ được hiển thị.
2. Ấn nhanh lại.
 - > Tất cả phần phụ của phần trang chủ đều được cài đặt thành chế độ mặc định.

ⓘ LƯU Ý

Trong chế độ tiêu chuẩn của phần trang chủ, ấn nhanh nút trang chủ. Hình động mô tả truy cập các phần khác nhau được hiển thị trên màn hình.

Cuộn một danh sách, bài viết hoặc phần

Khi thanh báo cuộn hiển thị trên màn hình, có thể cuộn xuống hoặc lên trong phần đó. Vuốt xuống/lên ở bất cứ vị trí nào trong phần đó.



Thanh báo cuộn xuất hiện trên màn hình trung tâm khi đó có thể cuộn trong phần này.

Sử dụng các nút điều khiển trong màn hình trung tâm



Điều khiển nhiệt độ.

Nút điều khiển được sử dụng cho nhiều chức năng của xe, ví dụ, điều chỉnh nhiệt độ bằng một trong những hình thức sau:

- kéo nút điều khiển đến nhiệt độ mong muốn,
- chạm nhẹ vào +/- để tăng/giảm dần nhiệt độ, hoặc
- chạm nhẹ vào nhiệt độ mong muốn trên nút điều khiển.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt màn hình trung tâm (trang 111)
- Di chuyển ứng dụng và nút trong màn hình trung tâm (trang 120)
- Bàn phím trong màn hình trung tâm (trang 122)

Bật và tắt màn hình trung tâm

Màn hình trung tâm có thể mờ dần và được bật lại bằng nút trang chủ ở dưới màn hình.



Nút trang chủ trên màn hình trung tâm.

Tác dụng của việc sử dụng nút trang chủ là màn hình mờ dần và màn hình cảm ứng không còn phản ứng với thao tác chạm. Dòng điều hòa sẽ vẫn được hiển thị. Tất cả chức năng được kết nối đến màn hình vẫn đang chạy như điều hòa, âm thanh, chỉ đường* và ứng dụng. Khi màn hình trung tâm mờ dần, cần vệ sinh màn hình. Chức năng mờ dần cũng được sử dụng để làm mờ màn hình và không gây xao nhãng khi lái.

1. Ấn lâu lên nút trang chủ vật lý ở dưới màn hình.
 - > Màn hình sẽ tối đi, trừ dòng điều hòa tiếp tục được hiển thị. Tất cả chức năng vẫn đang chạy.
2. Bật lại màn hình, chạm nhanh vào nút trang chủ.
 - > Phần hiển thị trước khi tắt màn hình sẽ được hiển thị trở lại.

ⓘ LƯU Ý

Không thể tắt màn hình khi lời nhắc thực hiện hành động vẫn còn hiển thị.

ⓘ LƯU Ý

Màn hình trung tâm tự động tắt khi tắt động cơ và khi mở cửa phía người lái.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Thay đổi hình thức trong màn hình trung tâm (trang 127)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)

Điều hướng trong phần màn hình trung tâm

Có năm phần cơ bản trên màn hình trung tâm: phần trang chủ, phần trên cùng, phần điều hòa, phần ứng dụng (phần ứng dụng) và phần chức năng. Màn hình tự động khởi động khi cửa phía người lái được mở.

Phần trang chủ

Phần trang chủ là phần được hiển thị khi màn hình bật. Phần này bao gồm bốn phần con: **Navigation (Dẫn đường)**, **Media (Phương tiện giải trí)**, **Phone (Điện thoại)** và phần con bổ sung.

Một ứng dụng hoặc chức năng của xe được chọn từ phần ứng dụng/chức năng sẽ khởi động ở phần con tương ứng trong phần trang chủ, ví dụ **FM radio (đài FM)** sẽ khởi động ở cửa sổ **Media (Phương tiện giải trí)**.

Phần con bổ sung bao gồm ứng dụng hoặc chức năng của xe được sử dụng gần nhất và không liên quan đến một trong ba phần còn lại.

Các phần con hiển thị thông tin ngắn gọn về mỗi ứng dụng khác nhau.

ⓘ LƯU Ý

Khi xe được khởi động, các phần con khác nhau của phần trang chủ hiển thị thông tin về hiện trạng của ứng dụng.

«

❗ LƯU Ý

Trong chế độ tiêu chuẩn của phần trang chủ, ấn nhanh nút trang chủ. Hình động mô tả truy cập các phần khác nhau được hiển thị trên màn hình.

Thanh trạng thái

Các hoạt động trong xe được hiển thị ở trên cùng bên phải của màn hình. Thông tin về mạng và kết nối được hiển thị ở phía tay trái của thanh trạng thái trong khi thông tin liên quan đến phương tiện giải trí, đồng hồ và thông báo về hoạt động nền đang diễn ra được hiển thị ở bên phải.

Phần trên cùng



Kéo xuống từ phần trên cùng.

Một tab được đặt ở giữa thanh trạng thái ở phía trên cùng màn hình. Mở phần trên cùng bằng cách ấn thê

hoặc kéo/trượt từ phần trên cùng xuống dưới trong màn hình.

Trong phần trên cùng, luôn có thể truy cập:

- **Settings (Cài đặt)**
 - **Owner's manual (Sách hướng dẫn sử dụng)**
 - **Profile (Hồ sơ)**
 - Thông báo đã lưu của xe.
- Trong một số trường hợp, truy cập được các thông tin sau trong phần trên cùng:
- Cài đặt theo bối cảnh (ví dụ, **Navigation Settings (Cài đặt Dẫn đường)**). Thay đổi cài đặt trực tiếp trong phần trên cùng khi ứng dụng (ví dụ, dẫn đường) đang chạy.
 - Sách hướng dẫn sử dụng theo bối cảnh (ví dụ, **Navigation Manual (Hướng dẫn về Dẫn đường)**). Trực tiếp truy cập trong phần trên cùng đến các bài viết trong sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số liên quan đến nội dung được hiển thị trên màn hình.

Để thoát phần trên cùng - ấn phía bên ngoài phần trên cùng hoặc bấm phía dưới phần trên cùng và kéo lên. Phần phía dưới sẽ được hiển thị và có thể được sử dụng.

❗ LƯU Ý

Không có phần trên cùng trong khi khởi động/tắt máy hoặc khi có thông báo được hiển thị trên màn hình và cũng không có khi phần điều hòa được hiển thị.

Phần điều hòa

Dòng điều hòa luôn được hiển thị ở dưới màn hình. Các cài đặt điều hòa cơ bản nhất có thể được thực hiện trực tiếp tại đó, ví dụ, cài đặt nhiệt độ và sưởi ghế*.



Ấn biểu tượng này ở dòng điều hòa để mở phần điều hòa và truy cập nhiều cài đặt điều hòa hơn.



Ấn biểu tượng này để đóng phần điều hòa và trở về phần trước.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Phần ứng dụng



Phần ứng dụng với các ứng dụng của xe.

Chạm nhẹ một ứng dụng để mở, ứng dụng sẽ mở trong phần con chứa nó như **Media (Phương tiện giải trí)**.

Bạn có thể cuộn xuống trong phần ứng dụng bằng cách trượt/kéo từ dưới lên trên, tùy thuộc vào số lượng ứng dụng.

Trở về lại phần trang chủ bằng cách trượt từ trái sang phải²³ trên màn hình hoặc bằng cách ấn nút trang chủ.

Phần chức năng



Phần chức năng với các nút dành cho các chức năng khác nhau của xe.

Trượt từ trái sang phải²³ màn hình để truy cập phần chức năng từ phần trang chủ. từ đây bạn có thể bật hoặc tắt nhiều chức năng khác nhau của xe, ví dụ, **BLIS***, **Hỗ trợ Đi đúng Làn đường*** và **Hỗ trợ Đỗ xe***.



MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Trượt từ phải sang trái²³ màn hình để truy cập phần ứng dụng (phần ứng dụng) từ phần trang chủ. Các ứng dụng được tải về (các ứng dụng của bên thứ ba) và các ứng dụng dành cho chức năng được tích hợp như **FM radio (đài FM)** có ở giao diện này. Một số ứng dụng trực tiếp hiển thị thông tin ngắn gọn trong màn hình ứng dụng như số tin nhắn văn bản chưa đọc dành cho mục **Messages (Tin nhắn)**.

« Bạn có thể cuộn xuống trong phần ứng dụng bằng cách trượt/kéo từ dưới lên trên, tùy thuộc vào số lượng chức năng.

Khác với phần ứng dụng, nơi bạn có thể mở ứng dụng bằng một lần ấn, chức năng được bật hoặc tắt bằng cách ấn nút chức năng tương ứng. Một số chức năng (chức năng kích hoạt nhanh) sẽ mở một cửa sổ mới khi được ấn.

²³ Áp dụng với xe lái bên trái. Với xe lái bên phải, trượt theo hướng ngược lại.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Trở về lại phần trang chủ bằng cách trượt từ phải sang trái²⁴ trên màn hình hoặc bằng cách ấn nút trang chủ.

Thông tin liên quan

- Quản lý các phần phụ trong màn hình trung tâm (trang 115)
- Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm (trang 120)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Mở cài đặt bối cảnh trong màn hình trung tâm (trang 129)
- Sách hướng dẫn sử dụng trong màn hình trung tâm (trang 19)
- Hồ sơ người lái (trang 132)
- Điều khiển điều hòa (trang 213)
- Ứng dụng (trang 502)
- Phần chức năng trong màn hình trung tâm (trang 118)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)

²⁴ Áp dụng với xe lái bên trái. Với xe lái bên phải, trượt theo hướng ngược lại.

Quản lý các phần phụ trong màn hình trung tâm

Phần trang chủ bao gồm bốn phần con: **Navigation (Dẫn đường)**, **Media (Phương tiện)**, **Phone (Điện thoại)** và phần con bổ sung. Các phần này có thể được phóng to.

☐ **Phóng to phần con từ chế độ mặc định**



Chế độ tiêu chuẩn và chế độ phóng to của phần con trong màn hình trung tâm.

Phóng to phần con:

- Với tiêu đề **Navigation (Dẫn đường)**, **Media (Phương tiện)**, **Phone (Điện thoại)**: Ấn vào vị trí bất kì trong phần con. Khi tiêu đề được phóng to, tiêu đề bổ sung trong phần trang chủ tạm thời biến mất. Hai tiêu đề còn lại sẽ bị giảm tối đa kích thước và chỉ một thông tin nhất định được hiển thị. Khi chạm nhẹ vào tiêu đề bổ sung, ba tiêu đề còn lại sẽ bị giảm tối đa kích thước và chỉ một thông tin nhất định được hiển thị.

Phần được phóng to để người lái truy cập vào các chức năng cơ bản của ứng dụng.

Đóng phần con phóng to:

Phần con có thể được đóng theo ba hình thức khác nhau:

- Chạm nhẹ vào phần trên của phần con được phóng to.
- Chạm nhẹ vào một tiêu đề khác (tiêu đề này sẽ được mở trong chế độ phóng to).
- Ấn nhanh nút trang chủ vật lý ở dưới. màn hình trung tâm.

Mở hoặc đóng một phần con ở chế độ toàn màn hình

Khi một cửa sổ con mới được mở ở chế độ xem toàn màn hình, thông tin từ các cửa sổ khác sẽ không được hiển thị.



Ở chế độ phóng to, mở ứng dụng toàn màn hình - bấm vào biểu tượng này.

Ấn biểu tượng này để quay về chế độ phóng to hoặc ấn vào nút trang chủ ở dưới màn hình.



Nút trang chủ cho màn hình trung tâm.

Người lái luôn có thể quay lại phần trang chủ bằng cách bấm nút trang chủ. Để quay lại phần tiêu chuẩn của phần trang chủ từ chế độ xem toàn màn hình - ấn nút trang chủ hai lần.

Thông tin liên quan

- Quản lý màn hình trung tâm (trang 108)
- Bật và tắt màn hình trung tâm (trang 111)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Tiêu đề bổ sung²⁵ và tiêu đề **Naviagation (Dẫn đường)** có thể được mở ở chế độ xem toàn màn hình với thậm chí nhiều thông tin và nhiều tùy chọn cài đặt hơn.

Phần chức năng trong màn hình trung tâm

Tất cả các nút cho chức năng của xe được đặt trong phần chức năng, một trong các phần cơ bản của màn hình trung tâm. Điều hướng đến phần chức năng từ phần trang

chủ bằng cách trượt từ trái sang phải trên màn hình²⁶.

Các loại nút khác nhau

Có ba loại nút khác nhau cho chức năng của xe, xem ở dưới:

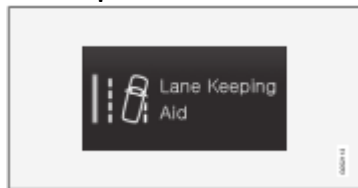
Loại nút	Tính năng	Ảnh hưởng đến chức năng của xe
Nút chức năng	Có vị trí bật/tắt. Khi một chức năng đang chạy, một đèn báo LED sáng ở bên trái của biểu tượng cho nút này. Ấn nút này để bật/tắt một chức năng.	Hầu hết các nút trong phần chức năng đều là nút chức năng.
Nút kích hoạt nhanh	Không có vị trí bật/tắt Khi ấn nút kích hoạt nhanh, một cửa sổ cho chức năng này được mở, ví dụ, nó có thể là một cửa sổ để thay đổi vị trí ghế.	• Camera • Headrest Fold (Gập Gối tựa đầu) • Head-up Display Adjustments (Điều chỉnh Màn hình Kính chắn gió)
Nút đỗ xe	Có chế độ bật, tắt và quét Tương tự với nút chức năng nhưng có vị trí bổ sung để quét đỗ xe.	• Park In (Vào Vị trí Đỗ xe) • Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)

²⁵ Không áp dụng với tất cả ứng dụng hoặc chức năng của xe thông qua tiêu đề bổ sung.

²⁶ Áp dụng với xe lái bên trái. Với xe lái bên phải, trượt theo hướng ngược lại.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Các chế độ khác nhau của nút



Khi đèn báo LED sáng màu xanh lá cây trên một nút chức năng hoặc đỗ xe, chức năng được bật. Khi chức năng được bật, nội dung bổ sung cùng với giải thích cho một số chức năng được hiển thị. Nội dung được hiển thị trong một vài giây và tiếp theo, nút được hiển thị có đèn báo LED sáng.

Với chức năng **Hỗ trợ Đi đúng Làn đường**, nội dung **Works only at certain speeds (Chỉ làm việc ở một số tốc độ)** được hiển thị, ví dụ, khi ấn nút.

Ấn nút nhanh một lần để bật hoặc tắt chức năng này.



Chức năng được tắt khi đèn báo LED bị tắt.



Khi tam giác cảnh báo được hiển thị trong phần bên phải của nút này, có thứ gì đó không làm việc như dự kiến.

Thông tin liên quan

- Quản lý màn hình trung tâm (trang 108)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)

Di chuyển ứng dụng và nút trong màn hình trung tâm

Các ứng dụng và các nút chức năng của xe trong lần lượt phản ứng dụng và chức năng có thể được di chuyển và tổ chức như mong muốn.

1. Trượt từ phải sang trái²⁷ để truy cập phản ứng dụng hoặc trượt từ trái sang phải²⁷ để truy cập phần chức năng.
2. Chạm nhẹ vào ứng dụng hoặc nút và ấn giữ.
 - > Ứng dụng hoặc nút đó sẽ thay đổi kích thước và hơi trong suốt. Khi đó, có thể di chuyển ứng dụng.
3. Kéo ứng dụng hoặc nút đến một không gian trống trên màn hình.

Số lượng dòng có sẵn tối đa để đặt các ứng dụng hoặc nút là 48. Để di chuyển một ứng dụng hoặc nút ra ngoài phần có thể nhìn thấy, kéo xuống dưới phần đó. Khi đó, thêm các dòng mới, nơi có thể đặt các ứng dụng hoặc nút.

Vì lý do đó, một ứng dụng hoặc /nút có thể tiếp tục được đặt ở dưới và sau đó sẽ không thể nhìn thấy ở chế độ thông thường.

ⓘ LƯU Ý

Ấn những ứng dụng mà bạn hiếm khi hoặc không bao giờ sử dụng bằng cách di chuyển chúng xuống phía dưới, ra khỏi phần có thể nhìn thấy của màn hình. Điều này sẽ khiến việc tìm các ứng dụng thường xuyên sử dụng trở nên dễ dàng hơn.

ⓘ LƯU Ý

Các ứng dụng và nút chức năng của xe không thể được bổ sung vào các vị trí đã sử dụng.

Thông tin liên quan

- Phần chức năng trong màn hình trung tâm (trang 118)
- Ứng dụng (trang 502)
- Quản lý màn hình trung tâm (trang 108)

Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm

Tổng quan về các biểu tượng có thể được hiển thị trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm.

Thanh trạng thái hiển thị các hoạt động đang diễn ra và trong một số trường hợp, là trạng thái của chúng. Không phải tất cả các biểu tượng đều luôn được hiển thị do hạn chế về không gian trong thanh trạng thái.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Kết nối Internet.
	Lỗi kết nối Internet.
	Bật chuyển vùng.
	Độ mạnh tín hiệu trong mạng điện thoại di động.
	Thiết bị Bluetooth được kết nối.
	Bật Bluetooth nhưng không có thiết bị được kết nối
	Thông tin được gửi đến và từ GPS.
	Kết nối với mạng Wi-Fi.

²⁷ Áp dụng với xe lái bên trái. Với xe lái bên phải, trượt theo hướng ngược lại.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Trượt màn hình để cuộn lên hoặc xuống phần đó.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Bật chia sẻ kết nối (điểm phát sóng Wi-Fi). Xe sau đó chia sẻ kết nối có sẵn.
	Bật modem xe.
	Đang chia sẻ USB.
	Quy trình đang thực hiện
	Bộ hẹn giờ điều hòa sẵn sàng hoạt động
	Nguồn âm thanh đang được phát lại
	Nguồn âm thanh đã dừng phát.
	Đang gọi điện.
	Đã tắt tiếng nguồn âm thanh.
	Tin tức nhận được từ kênh vô tuyến.
	Thông tin giao thông nhận được.
	Đồng hồ.

Thông tin liên quan

- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Kết nối thiết bị thông qua cổng USB (trang 518)
- Điện thoại (trang 527)
- Thời gian và ngày tháng (trang 89)

Bàn phím trong màn hình trung tâm

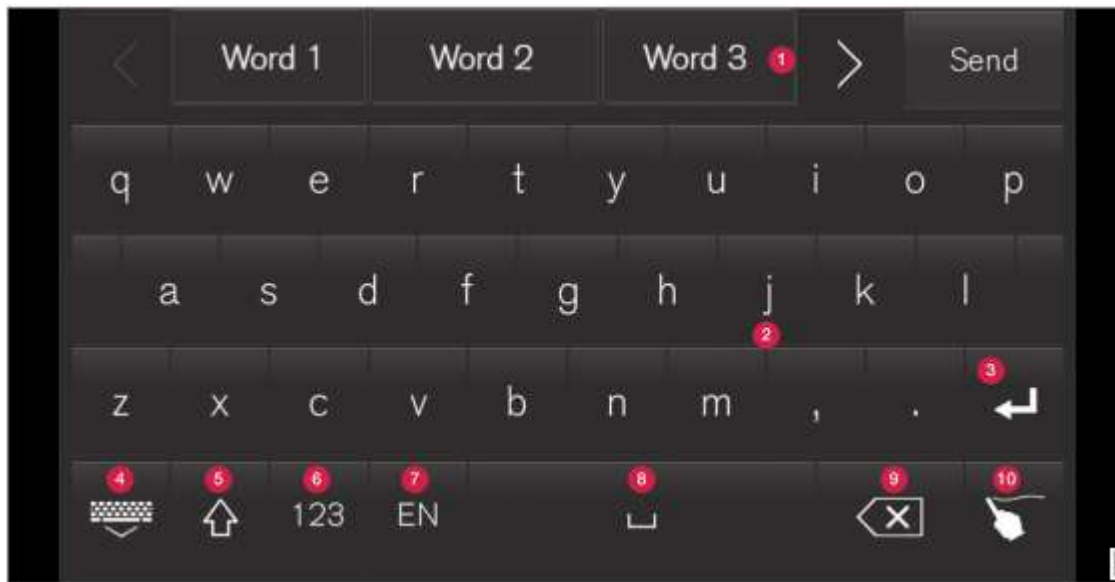
Bàn phím của màn hình trung tâm để người lái nhập liệu bằng phím. Cũng có thể "vẽ" chữ cái và ký tự trên màn hình bằng tay.

Bàn phím này có thể được sử dụng để nhập ký tự, chữ cái và số, ví dụ, để viết tin nhắn văn bản từ xe, nhập mật khẩu hoặc tìm kiếm bài viết trong sách hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số.

Bàn phím chỉ được hiển thị khi có thể nhập liệu trên màn hình.

*Tùy chọn/phụ kiện.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI



Hình ảnh thể hiện tổng quan về một số nút có thể được hiển thị trong bàn phím. Hình thức khác nhau tùy thuộc vào cài đặt ngôn ngữ và bối cảnh mà bàn phím đang được sử dụng.

- “ ❶ Dòng của chữ hoặc ký tự được gọi ý²⁸. Chữ được gọi ý được điều chỉnh như các chữ cái mới đang được nhập. Duyệt giữa các gọi ý bằng cách ấn mũi tên bên phải và bên trái. Chạm nhẹ vào một gọi ý để lựa chọn. Lưu ý, chức năng này không được hỗ trợ trong tất cả các ngôn ngữ. Nếu không có, dòng sẽ không được hiển thị trên bàn phím.
- ❷ Các ký tự có sẵn trên bàn phím phụ thuộc vào ngôn ngữ được lựa chọn (xem mục 7). Chạm nhẹ vào một ký tự để nhập.
- ❸ Các nút hoạt động theo các hình thức khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh sử dụng bàn phím, nhập @ (khi nhập địa chỉ email) hoặc **tạo một dòng mới** (để nhập văn bản thông thường).
- ❹ Ấn bàn phím. Nếu không thể thực hiện điều này, nút không được hiển thị.
- ❺ Được sử dụng để nhập các chữ cái viết hoa. Ấn lại để nhập một chữ cái viết hoa và tiếp tục bằng chữ cái thường. Một lần ấn khác để viết hoa tất cả chữ cái. Ấn thêm một lần để đưa bàn phím về chữ cái thường. Ở chế độ này, chữ cái đầu tiên sau dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu hỏi được viết hoa. Chữ cái đầu tiên trong trường văn bản cũng được viết hoa. Trong trường văn bản có tên và địa chỉ, mỗi chữ đầu đều tự động được viết hoa. Trong trường văn bản để nhập mật khẩu, địa chỉ trang web hoặc địa chỉ email, tất cả chữ cái đều tự động được viết thường, trừ khi được cài đặt khác bằng nút.

- ❻ Nhập số. Bàn phím (2) được hiển thị bằng số. Ấn ABC ở chế độ số thay cho 123 để trở về bàn phím chữ hoặc #- để mở bàn phím có ký tự đặc biệt.
- ❼ Thay đổi ngôn ngữ nhập văn bản, ví dụ, EN. Các gọi ý ký tự và chữ có sẵn (1) thay đổi tùy thuộc vào ngôn ngữ được chọn. Để có thể thay đổi ngôn ngữ cho bàn phím, ngôn ngữ phải được bổ sung trước trong Cài đặt.
- ❽ Dấu cách.
- ❾ Hoàn tác văn bản đã nhập. Ấn nhanh để xóa một ký tự một lúc. Ấn giữ nút này để xóa ký tự nhanh hơn.
- ❿ Thay đổi chế độ bàn phím để viết chữ và ký tự bằng tay.

Ấn nút xác nhận ở trên bàn phím (không thể nhìn thấy trong hình ảnh mô tả) để xác nhận văn bản đã nhập. Hình thức của nút khác nhau tùy thuộc vào văn bản.

Biến thể của chữ cái hoặc ký tự



Biến thể của chữ cái hoặc ký tự, ví dụ, é hoặc è, có thể được nhập bằng cách ấn giữ chữ cái hoặc ký tự. Một ô được hiển thị về các biến thể có thể có của chữ cái hoặc ký tự. Ấn biến thể cần sử dụng. Nếu không lựa chọn biến thể, chữ cái/ký tự gốc được nhập.

Thông tin liên quan

- Thay đổi ngôn ngữ bàn phím trong màn hình trung tâm (trang 125)
- Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm (trang 125)
- Quản lý màn hình trung tâm (trang 108)
- Quản lý tin nhắn văn bản (trang 533)

²⁸ Áp dụng với ngôn ngữ châu Á.

Thay đổi ngôn ngữ bàn phím trong màn hình trung tâm

Để có thể chuyển đổi giữa các ngôn ngữ khác nhau cho bàn phím, ngôn ngữ phải được thêm trước vào **Cài đặt**.

Thêm hoặc xóa ngôn ngữ trong cài đặt

Bàn phím được cài đặt tự động thành cùng ngôn ngữ với ngôn ngữ hệ thống. Ngôn ngữ bàn phím có thể được điều chỉnh bằng tay mà không ảnh hưởng đến ngôn ngữ hệ thống.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **System (Hệ thống)** → **System Languages and Units (Ngôn ngữ và Đơn vị Hệ thống)** → **Keyboard Layouts (Bố cục Bàn phím)**.
3. Lựa chọn một hoặc nhiều ngôn ngữ từ danh sách.
 - > Hiện có thể chuyển đổi giữa các ngôn ngữ đã chọn trực tiếp từ bàn phím để nhập văn bản.

Nếu không có ngôn ngữ nào được chủ động lựa chọn trong **Cài đặt**, bàn phím

Chuyển đổi giữa các ngôn ngữ khác nhau trong bàn phím



Khi đã chọn nhiều ngôn ngữ trong **Cài đặt**, nút này trong bàn phím được sử dụng để chuyển đổi giữa các ngôn ngữ khác nhau.

Để thay đổi ngôn ngữ bàn phím bằng danh sách:

1. Ấn mạnh nút này.
 - > Một danh sách mở ra.
2. Lựa chọn ngôn ngữ cần thiết. Nếu đã chọn nhiều hơn bốn ngôn ngữ trong **Cài đặt**, có thể cuộn trong danh sách từ bàn phím.
 - > Bàn phím được điều chỉnh theo ngôn ngữ đã chọn và các gọi ý khác về chữ cái được đưa ra.

Để thay đổi ngôn ngữ bàn phím mà không hiển thị danh sách:

- Một lần ấn nhẹ nút này.
 - > Bàn phím được điều chỉnh theo ngôn ngữ tiếp theo trong danh sách mà không hiển thị danh sách.

Thông tin liên quan

- Thay đổi ngôn ngữ hệ thống (trang 128)
- Bàn phím trong màn hình trung tâm (trang 122)

Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm

Bàn phím màn hình trung tâm cho phép bạn nhập ký tự, chữ cái và chữ trên màn hình bằng cách "vẽ" tay.



Ấn nút này trên bàn phím để thay đổi từ việc gõ bằng phím thành nhập chữ cái và ký tự bằng tay.



1. Phần viết ký tự/chữ cái/chữ/phần chữ.
2. Trường văn bản mà gọi ý²⁹ ký tự hoặc chữ cái xuất hiện khi được viết trên màn hình (1).

²⁹ Áp dụng với một số ngôn ngữ hệ thống.

- ❸ Gọi ý ký tự/chữ cái/chữ/phần chữ. Có thể cuộn trong danh sách.
- ❹ Dấu cách. Dấu cách cũng có thể được tạo bằng cách nhập dấu gạch ngang (-) ở phần chữ viết tay (1). Xem tiêu đề "Nhập dấu cách trong trường không có văn bản bằng nhận dạng chữ viết tay" ở dưới.
- ❺ Hoàn tác văn bản đã nhập. Ấn nhanh để xóa một ký tự/một chữ cái một lúc. Đợi một lúc trước khi ấn lại để xóa ký tự/chữ cái tiếp theo v.v...
- ❻ Trở về bàn phím nhập ký tự thường.
- ❼ Tắt/bật âm thanh khi nhập.
- ❽ Ấn bàn phím. Nếu không thể thực hiện điều này, nút này không được hiển thị.
- ❾ Thay đổi ngôn ngữ nhập văn bản.

Viết ký tự/chữ cái/chữ bằng tay

1. Viết ký tự, chữ cái hoặc chữ hoặc phần chữ trong phần chữ cái viết tay (1). Viết chữ hoặc phần chữ ở trên với nhau hoặc trên một dòng.
 - > Nhiều ký tự, chữ cái hoặc chữ được gợi ý được hiển thị (3). Các lựa chọn có khả năng chính xác nhất được hiển thị ở trên cùng của danh sách.

❶ QUAN TRỌNG

Không sử dụng đồ sắc nhọn trên màn hình để tránh làm xước màn hình.

2. Nhập ký tự/chữ cái/chữ sau khi đợi một lúc.
 - > Ký tự/chữ cái/chữ ở trên cùng của danh sách được nhập. Cũng có thể lựa chọn một ký tự khác bằng cách ấn ký tự, chữ cái hoặc chữ cần thiết trong danh sách.

Xóa/thay đổi ký tự/chữ cái được viết bằng tay



Xóa tất cả ký tự trong trường văn bản (2) bằng cách trượt qua trường viết tay (1).

- Có một số tùy chọn để xóa/thay đổi ký tự/chữ cái:
 - Ấn chữ cái hoặc chữ dự kiến trong danh sách (3).
 - Ấn nút hoàn tác văn bản (5) để xóa chữ cái và bắt đầu lại.
 - Trượt ngang từ phải sang trái³⁰ qua phần chữ cái đã viết tay (1). Xóa nhiều chữ cái bằng cách trượt qua phần đó một vài lần.
 - Ấn X trong trường văn bản (2) để xóa tất cả văn bản đã nhập.

³⁰ Với bàn phím Tiếng Ả Rập, trượt theo hướng đối diện. Trượt từ phải sang trái để tạo dấu cách.

Thay đổi dòng trong trường không có văn bản bằng viết tay



Thay đổi dòng bằng tay bằng cách vẽ ký tự trên trường viết tay³¹.

Nhập dấu cách trong trường không có văn bản bằng nhận dạng chữ viết tay



Thay đổi hình thức trong màn hình trung tâm

Hình thức của màn hình trong màn hình trung tâm có thể được thay đổi bằng cách lựa chọn một chủ đề.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Displays (Màn hình) → Display Theme (Chủ đề Màn hình)**.
3. Tiếp theo, lựa chọn một chủ đề, ví dụ, **Minimalistic (Tối giản)** hoặc **Chrome Rings (Nhấn Chrome)**.

Để bổ sung cho các hình thức này, có thể lựa chọn giữa **Normal (Bình thường)** và **Bright (Sáng)**. Với **Normal (Bình thường)**, nền màn hình màu tối và chữ màu sáng. Hình thức này là mặc định cho tất cả chủ đề. Một biến thể màu sáng cũng có thể được lựa chọn, trong đó, nền màu sáng và chữ màu tối. Hình thức này có thể hữu ích trong, ví dụ, ánh sáng mạnh ban ngày.

Hình thức này luôn có sẵn cho người sử dụng và không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng xung quanh.

Thông tin liên quan

- Các cài đặt khác trong phần trên cùng của màn hình trung tâm (trang 128)
- Bật và tắt màn hình trung tâm (trang 111)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)

Tắt và thay đổi âm lượng của âm thanh hệ thống trong màn hình trung tâm

Màn hình trung tâm có thể được sử dụng để thay đổi âm lượng của âm thanh hệ thống và tắt âm thanh hệ thống cùng nhau.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **Sound (Âm thanh) → System Volumes (Âm thanh Hệ thống)**.
3. Dưới **Touch Sounds (Âm thanh Cảm ứng)**, kéo nút điều khiển để thay đổi âm lượng/tắt âm thanh cảm ứng của màn hình. Kéo nút điều khiển xuống âm lượng mong muốn.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Cài đặt âm thanh (trang 500)

³¹ Với bàn phím Tiếng Ả Rập, vẽ ký tự tương tự nhưng theo hướng ngược lại.

Nhập dấu cách bằng cách vẽ dấu gạch ngang từ trái sang phải³².

Thông tin liên quan

- Bàn phím trong màn hình trung tâm (trang 122)

³² Với bàn phím Tiếng Ả Rập, vẽ dấu gạch ngang từ phải sang trái.

Thay đổi đơn vị hệ thống

Cài đặt đơn vị được xác định trong menu **Settings (Cài đặt)** của màn hình trung tâm.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **System (Hệ thống) → System Languages and Units (Ngôn ngữ và Đơn vị Hệ thống) → Units of Measurement (Đơn vị Đo)**.
3. Lựa chọn một tiêu chuẩn đơn vị:
 - **Metric (Mét)** - kilomet, lít và độ C.
 - **Imperial (Hệ thống đo lường của Anh)** - dặm, gallon và độ F.
 - **US (Hệ thống đo lường của Hoa Kỳ)** - dặm, gallon và độ F.> Các đơn vị trong màn hình người lái, màn hình trung tâm và màn hình kính chắn gió được thay đổi.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Thay đổi ngôn ngữ hệ thống (trang 128)

Thay đổi ngôn ngữ hệ thống

Cài đặt ngôn ngữ được xác định trong menu **Settings (Cài đặt)** của màn hình trung tâm.

ⓘ LƯU Ý

Việc thay đổi ngôn ngữ trong màn hình trung tâm có thể có nghĩa là một số thông tin của sách hướng dẫn sử dụng không tuân thủ luật pháp và quy định của quốc gia hoặc địa phương. Không chuyển đổi sang ngôn ngữ khó hiểu do điều này có thể làm bạn khó quay trở về cấu trúc trên màn hình.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Tiếp tục đến **System (Hệ thống) → System Languages and Units (Ngôn ngữ và Đơn vị Hệ thống)**.
3. Lựa chọn **System Language (Ngôn ngữ Hệ thống)**. Các ngôn ngữ hỗ trợ bằng nhận dạng giọng nói có biểu tượng nhận dạng giọng nói.
 - > Ngôn ngữ trong màn hình người lái, màn hình trung tâm và màn hình kính chắn gió được thay đổi.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Thay đổi đơn vị hệ thống (trang 128)

Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm

Bạn có thể thay đổi cài đặt và thông tin cho nhiều chức năng của xe thông qua màn hình trung tâm.

1. Mở phần trên cùng bằng cách ấn trên tab ở phần trên cùng hoặc bằng cách kéo/trượt từ phần trên cùng xuống dưới qua màn hình.
2. Ấn **Settings (Cài đặt)** để mở menu cài đặt.



Phần trên cùng có nút dễ **Cài đặt**.

3. Ấn một trong các danh mục và danh mục con để điều hướng đến cài đặt mong muốn.
4. Thay đổi một hoặc nhiều cài đặt. Các loại cài đặt khác nhau được thay đổi theo các hình thức khác nhau.
 - > Thay đổi được lưu tự động.



Một danh mục con trong menu cài đặt với các loại cài đặt khác nhau (ở đây là nút đa lựa chọn và nút dải).

Thông tin liên quan

- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)
- Bảng trình bày cài đặt màn hình trung tâm (trang 131)

Mở cài đặt theo bối cảnh trong màn hình trung tâm

Có thể sử dụng cài đặt theo bối cảnh cho hầu hết các ứng dụng cơ bản của xe để bạn có thể thay đổi cài đặt trực tiếp trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.



Phần trên cùng có nút để cài đặt theo ngữ cảnh.

Cài đặt bối cảnh là một lối tắt để truy cập một cài đặt cụ thể liên quan đến chức năng đang hoạt động được hiển thị trên màn hình. Ứng dụng được cài đặt trong xe từ ban đầu, ví dụ **dài FM** và **USB**, là một phần của Sensus và là một phần của chức năng được tích hợp của xe. Cài đặt cho các ứng dụng này có thể được thay đổi trực tiếp thông qua cài đặt theo bối cảnh trong phần trên cùng.

Khi có cài đặt theo bối cảnh:

1. Kéo phần trên cùng xuống khi một ứng dụng ở chế độ phóng to, ví dụ, **Dẫn đường**.

2. Ấn **Navigation Settings** (Cài đặt Dẫn đường).

> Một trang cài đặt dẫn đường mở ra.

3. Thay đổi cài đặt theo mong muốn và xác nhận lựa chọn.

Ấn **Close** (**Đóng**) hoặc nút trang chủ vật lý ở dưới màn hình trung tâm để đóng phần cài đặt. Hầu hết các ứng dụng cơ bản của xe đều có tùy chọn cài đặt theo bối cảnh này nhưng không phải tất cả.

Ứng dụng của bên thứ ba

Ứng dụng của bên thứ ba không được đưa vào hệ thống của xe từ ban đầu nhưng là loại có thể được tải xuống, ví dụ, **Volvo ID**. Các cài đặt ở đây luôn được thực hiện bên trong ứng dụng và không từ phần trên cùng.

Thông tin liên quan

- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)

Cài đặt lại dữ liệu người dùng để thay đổi quyền sở hữu

Trong trường hợp thay đổi quyền sở hữu, dữ liệu người dùng và cài đặt hệ thống cần được khôi phục về cài đặt gốc.

Các cài đặt trong xe có thể được cài đặt lại ở các mức độ khác nhau. Khôi phục tất cả dữ liệu người dùng và cài đặt hệ thống về cài đặt gốc trong trường hợp thay đổi quyền sở hữu. Trong trường hợp thay đổi quyền sở hữu, cũng cần thay đổi chủ sở hữu dịch vụ Volvo On Call*.

Thông tin liên quan

- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)
- Cài đặt lại cài đặt trong hồ sơ người lái (trang 135)

Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm

Có thể cài đặt lại mặc định cho tất cả cài đặt được xác định trong menu cài đặt màn hình trung tâm.

Hai loại cài đặt lại

Có hai loại cài đặt lại khác nhau để cài đặt menu cài đặt:

- **Cài đặt lại về cài đặt gốc** - xóa tất cả dữ liệu và tập tin và cài đặt lại tất cả cài đặt về giá trị mặc định của chúng.
- **Cài đặt lại Cài đặt Cá nhân** - xóa tất cả dữ liệu cá nhân và cài đặt lại cài đặt cá nhân về giá trị mặc định của chúng.

Cài đặt lại cài đặt

Tuân thủ các hướng dẫn này để cài đặt lại cài đặt của bạn.

ⓘ LƯU Ý

Cài đặt lại về cài đặt gốc chỉ có thể thực hiện khi xe đang đứng yên.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Tiếp tục đến **System (Hệ thống)** ➔ **Factory reset (Cài đặt lại về cài đặt gốc)**.
3. Lựa chọn loại cài đặt lại yêu cầu.
 - > Một cửa sổ popup được hiển thị.

4. Ấn OK để xác nhận cài đặt lại.

Với **Cài đặt lại Cài đặt Cá nhân**, phải xác nhận cài đặt lại bằng cách ấn **Reset for the active profile (Cài đặt lại hồ sơ đang hoạt động)** hoặc **Reset for all profiles (Cài đặt lại cho tất cả hồ sơ)**.

> Cài đặt đã lựa chọn được cài đặt lại.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Bảng trình bày cài đặt màn hình trung tâm (trang 131)

Bảng trình bày cài đặt màn hình trung tâm

Menu cài đặt trong màn hình trung tâm có nhiều danh mục chính và danh mục con gồm các cài đặt và thông tin cho nhiều chức năng của xe.

Có năm danh mục chính: **My Car (Xe của Tôi)**, **Sound (Âm thanh)**, **Navigation (Dẫn đường)**, **Media (Phương tiện giải trí)**, **Communication (Giao tiếp)**, **Climate (Điều hòa)** và **System (Hệ thống)**.

Mỗi danh mục chứa nhiều danh mục con và tùy chọn cài đặt. Bảng dưới trình bày mức danh mục con đầu tiên. Tùy chọn cài đặt cho một chức năng hoặc khu vực được mô tả chi tiết hơn trong mục tương ứng của sách hướng dẫn sử dụng.

Một số cài đặt mang tính cá nhân, có nghĩa là chúng có thể được lưu vào **Hồ sơ Người lái**. Các cài đặt khác mang tính toàn diện, có nghĩa là chúng không được liên kết đến hồ sơ người lái.

My Car (Xe của Tôi)

Danh mục con
Màn hình
IntelliSafe
Ưu tiên Lái xe/Chế độ Lái Cá nhân*
Đèn và Chiếu sáng
Gương và Tiện ích

Danh mục con
Khóa
Phanh Tay và Giảm xóc
Cần gạt nước

Sound (Âm thanh)

Danh mục con
Nhịp điệu
Cân bằng
Âm lượng Hệ thống

Navigation (Dẫn đường)

Danh mục con
Bản đồ
Tuyến đường và Chỉ đường
Giao thông

Media (Phương tiện giải trí)

Danh mục con
Đài AM/FM
DAB*
Gracenote*

Danh mục con
TV*
Video

Communication (Giao tiếp)

Danh mục con
Điện thoại
Tin nhắn Văn bản
Android Auto*
Apple CarPlay*
Thiết bị Bluetooth
Wi-Fi
Điểm phát sóng Wi-Fi của Xe
Internet Modem của Xe*
Volvo On Call*
Mạng lưới Dịch vụ Volvo

Điều hòa

Danh mục chính **Climate (Điều hòa)** không có danh mục con.



*Tùy chọn/phụ kiện.

“

System (Hệ thống)

Danh mục con
Drive Profile/Hồ sơ Người lái
Date and Time/Ngày tháng và Thời gian
System Language and Units/Ngôn ngữ và Đơn vị Hệ thống
Privacy and Data/ Quyền riêng tư và Dữ liệu
Keyboard layouts/Bố cục Bàn phím
Voice control/Điều khiển bằng Giọng nói*
Factory Reset/Cài đặt theo cài đặt gốc
System Information/Thông tin Hệ thống

Thông tin liên quan

- Tổng quan về màn hình trung tâm (trang 105)
- Các cài đặt khác trong phần trên của màn hình trung tâm (trang 128)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)

Hồ sơ người lái

Nhiều cài đặt được thực hiện trong xe có thể được điều chỉnh theo sở thích cá nhân của người lái và có thể được lưu vào một hoặc nhiều hồ sơ người lái.

Cài đặt cá nhân được tự động lưu trong hồ sơ người lái đang hoạt động. Mỗi chìa khóa có thể được liên kết đến một hồ sơ người lái. Khi chia khóa được liên kết được sử dụng, xe được điều chỉnh theo cài đặt của hồ sơ người lái cụ thể đó.

Cài đặt nào được lưu trong hồ sơ người lái?

Nhiều cài đặt được xác định trong xe sẽ được tự động lưu trong hồ sơ người lái đang hoạt động, trừ khi hồ sơ được bảo vệ. Trong xe, cài đặt được xác định là cá nhân hoặc chung. Chỉ cài đặt cá nhân được lưu trong hồ sơ người lái.

Các cài đặt có thể được lưu trong hồ sơ người lái bao gồm màn hình, gương, ghế trước, dẫn đường*, hệ thống âm thanh và phương tiện giải trí, ngôn ngữ và điều khiển bằng giọng nói và các cài đặt khác.

Một số cài đặt là cài đặt chung có thể được thay đổi nhưng không được lưu vào hồ sơ người lái cụ thể. Việc thay đổi cài đặt chung ảnh hưởng đến tất cả hồ sơ.

Cài đặt chung

Cài đặt và thông số chung không được thay đổi khi thay đổi giữa các hồ sơ người lái.

Chúng được giữ nguyên bất kể hồ sơ người lái có hoạt động hay không.

Cài đặt bố cục bàn phím là một ví dụ về cài đặt chung. Nếu hồ sơ người lái X được sử dụng để thêm ngôn ngữ bổ sung vào bàn phím, các ngôn ngữ này vẫn có thể sử dụng kể cả khi hồ sơ người lái Y được sử dụng. Cài đặt bố cục bàn phím không được lưu vào hồ sơ người lái cụ thể, cài đặt là cài đặt chung.

Sở thích cá nhân

Nếu hồ sơ người lái X được sử dụng để cài đặt độ sáng màn hình trung tâm, hồ sơ người lái Y không bị ảnh hưởng bởi cài đặt này. Nó đã được lưu vào hồ sơ người lái X, cài đặt độ sáng là cài đặt cá nhân.

Thông tin liên quan

- Lựa chọn hồ sơ người lái (trang 133)
- Đổi tên hồ sơ người lái (trang 133)
- Liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái (trang 134)
- Bảo vệ hồ sơ người lái (trang 134)
- Cài đặt lại cài đặt trong hồ sơ người lái (trang 135)
- Bảng hiển thị cài đặt màn hình trung tâm (trang 131)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Lựa chọn Driver Profile/Hồ sơ người lái

Khi màn hình trung tâm đã được khởi động, hồ sơ người lái đã lựa chọn được hiển thị ở trên cùng của màn hình. Hồ sơ người lái được sử dụng gần nhất sẽ hoạt động khi xe được mở khóa lần tới. Có thể thay đổi thành một hồ sơ người lái khác sau khi xe đã được mở khóa. Tuy nhiên, nếu chìa khóa điều khiển từ xa đã liên kết với một hồ sơ người lái, hồ sơ người lái này là hồ sơ người lái được chọn khi xe được khởi động.

Có hai tùy chọn để thay đổi thành một hồ sơ người lái khác.

Tùy chọn 1:

1. Chạm nhẹ vào tên của hồ sơ người lái được hiển thị ở phần trên cùng của màn hình trung tâm khi màn hình đã được khởi động.
 - > Một danh sách các hồ sơ người lái có thể lựa chọn được hiển thị.
2. Lựa chọn hồ sơ người lái được yêu cầu.
3. Ấn **Confirm (Xác nhận)**.
 - > Hồ sơ người lái được lựa chọn và hệ thống tải cài đặt cho hồ sơ người lái mới.

Tùy chọn 2:

1. Kéo phần trên cùng trong màn hình người lái xuống.
2. Ấn **Profile (Hồ sơ)**
 - > Một danh sách như Tùy chọn 1 được hiển thị.
3. Lựa chọn hồ sơ người lái được yêu cầu.

4. Ấn Confirm (Xác nhận).

Hồ sơ người lái được lựa chọn và hệ thống tải cài đặt cho hồ sơ người lái mới.

Thông tin liên quan

- Hồ sơ người lái (trang 132)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Đổi tên hồ sơ người lái (trang 133)
- Liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái (trang 134)

Đổi tên hồ sơ người lái

Có thể đổi tên của các hồ sơ người lái khác nhau được sử dụng trong xe.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **System (Hệ thống)** ➔ **Driver Profiles (Hồ sơ Người lái)**.
3. Lựa chọn **Edit Profile (Chỉnh sửa Hồ sơ)**.
 - > Một menu mở ra, nơi hồ sơ có thể được chỉnh sửa.
4. Chạm nhẹ vào ô **Profile Name (Tên Hồ sơ)**.
 - > Một bàn phím xuất hiện và có thể thay đổi tên. Chạm nhẹ vào  để đóng bàn phím.
5. Lưu thay đổi tên bằng cách ấn **Back (Trở về)** hoặc **Close (Đóng)**.
 - > Tên hiện đã được thay đổi.

ⓘ LƯU Ý

Tên hồ sơ không được bắt đầu bằng dấu cách do tên hồ sơ sẽ không lưu được.

Thông tin liên quan

- Lựa chọn hồ sơ người lái (trang 133)
- Bàn phím trong màn hình trung tâm (trang 122)

Bảo vệ hồ sơ người lái

Trong một số trường hợp, không cần lưu nhiều cài đặt khác nhau được xác định trong xe vào hồ sơ người lái đang hoạt động. Trong trường hợp này, có thể bảo vệ hồ sơ người lái.

① LƯU Ý

Chỉ có thể bảo vệ hồ sơ người lái khi xe đang đứng yên.

Để bảo vệ hồ sơ người lái:

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **System (Hệ thống)** ➔ **Driver Profiles (Hồ sơ Người lái)**.
3. Lựa chọn **Edit Profile (Chỉnh sửa Hồ sơ)**.
 - > Một menu mở ra, nơi hồ sơ có thể được chỉnh sửa.
4. Lựa chọn **Protect Profile (Bảo vệ Hồ sơ)** để bảo vệ hồ sơ.
5. Lưu tùy chọn bảo vệ hồ sơ của bạn bằng cách ấn **Back (Trở về)/Close (Đóng)**.
 - > Khi hồ sơ được bảo vệ, cài đặt được xác định trong xe sẽ không được tự động lưu vào hồ sơ. Thay đổi của bạn phải được lưu thủ công bằng cách ấn **Save current settings to the profile (Lưu cài đặt hiện tại vào hồ sơ)**. Mặt khác, khi hồ sơ không được bảo vệ, cài đặt của bạn sẽ được lưu tự động vào hồ sơ.

Thông tin liên quan

- Hồ sơ người lái (trang 132)

Liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái

Có thể liên kết chìa khóa của bạn với hồ sơ người lái. Hồ sơ người lái cùng với tất cả cài đặt của hồ sơ người lái sau đó sẽ được tự động lựa chọn mỗi lần xe được sử dụng bằng chìa khóa điều khiển từ xa cụ thể đó.

Khi sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa lần đầu, chìa khóa điều khiển từ xa không được liên kết với bất cứ hồ sơ người lái cụ thể nào. Khi xe được khởi động, hồ sơ **Khách** sẽ được tự động bật.

Một hồ sơ người lái có thể được lựa chọn thủ công mà không cần liên kết với chìa khóa. Khi xe được mở khóa, hồ sơ người lái hoạt động gần nhất được bật. Sau khi chìa khóa đã được liên kết với hồ sơ người lái, hồ sơ người lái không cần được lựa chọn khi chìa khóa cụ thể đó được sử dụng.

Liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái

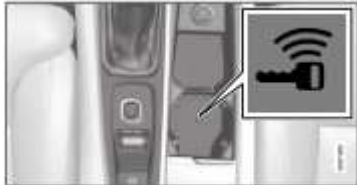
① LƯU Ý

Chỉ có thể liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái khi xe đang đứng yên.

Lựa chọn trước hồ sơ cần được liên kết với chìa khóa nếu hồ sơ cần được liên kết chưa hoạt động. Hồ sơ đang hoạt động sau đó có thể được liên kết với chìa khóa.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.

2. Ấn **System (Hệ thống)** → **Driver Profiles (Hồ sơ Người lái)**.
3. Lựa chọn hồ sơ mong muốn. Màn hình trở về phần trang chủ. Hồ sơ **Khách** không thể được liên kết với chìa khóa.
4. Kéo lại phần trên cùng xuống và chạm nhẹ vào **System (Hệ thống)** → **Driver Profiles (Hồ sơ Người lái)** → **Edit Profile (Chỉnh sửa Hồ sơ)**.
5. Lựa chọn **Connect key (Kết nối chìa khóa)** để liên kết hồ sơ với chìa khóa. Không thể liên kết hồ sơ người lái với một chìa khóa ngoài chìa khóa đang được sử dụng trong xe. Nếu có nhiều chìa khóa trong xe, thông báo **More than one key is found, put the key you want to connect on backup reader (Tìm thấy nhiều hơn một chìa khóa, đặt chìa khóa bạn muốn liên kết lên đầu đọc dự phòng)** sẽ được hiển thị.



Vị trí đầu đọc dự phòng trong hệ thống điều khiển bên dưới.

- > Khi thông báo **Profile connected to key (Hồ sơ đã liên kết với chìa khóa)** được hiển thị, chìa khóa và hồ sơ người lái được liên kết.

6. Ấn **OK**.

- > Chìa khóa này hiện đang được liên kết với hồ sơ người lái và sẽ vẫn được liên kết, miễn là không bỏ đánh dấu ô **Connect key (Liên kết chìa khóa)**.

Thông tin liên quan

- Hồ sơ người lái (trang 132)
- Đổi tên hồ sơ người lái (trang 133)
- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

Cài đặt lại cài đặt trong hồ sơ người lái

Các cài đặt đã được lưu vào một hoặc nhiều hồ sơ người lái có thể được cài đặt lại nếu xe đang đứng yên.

ⓘ LƯU Ý

Cài đặt lại về cài đặt gốc chỉ có thể thực hiện khi xe đang đứng yên.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **System (Hệ thống)** → **Factory reset (Cài đặt lại về cài đặt gốc)** → **Reset Personal Settings (Cài đặt lại Cài đặt Cá nhân)**.
3. Lựa chọn một trong các tùy chọn **Reset for active profile (Cài đặt lại cho hồ sơ đang hoạt động)**, **Reset for all profiles (Cài đặt lại cho tất cả hồ sơ)** hoặc **Cancel (Hủy bỏ)**.

Thông tin liên quan

- Hồ sơ người lái (trang 132)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Thông báo trong màn hình trung tâm

Màn hình trung tâm có thể hiển thị thông báo để báo hoặc hỗ trợ người lái trong trường hợp có các tình huống khác nhau.



Thông báo trong phần trên của màn hình trung tâm. Màn hình trung tâm hiển thị thông báo có độ ưu tiên thấp cho người lái.

Hầu hết thông báo được hiển thị ở trên thanh trạng thái của màn hình trung tâm. Sau một lúc hoặc khi đã thực hiện hành động, nếu yêu cầu, thông báo sẽ biến mất khỏi màn hình trung tâm. Nếu thông báo cần được lưu, nó được đặt trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.

Thành phần thông báo có thể thay đổi và chúng có thể được hiển thị cùng với hình ảnh đồ họa, biểu tượng hoặc nút để bật/tắt một chức năng liên quan đến thông báo.

Thông báo popup

Trong một số trường hợp, thông báo được hiển thị dưới dạng cửa sổ popup. Thông báo popup có độ ưu tiên cao hơn thông báo được hiển thị trong thanh trạng thái và cần đọc/thực hiện hành động trước khi chúng biến mất. Thông báo cần được lưu được đặt trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Quản lý thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)
- Xử lý thông báo được lưu từ màn hình trung tâm (trang 137)
- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)

Quản lý thông báo trong màn hình trung tâm

Thông báo trong màn hình trung tâm được thao tác trong phần màn hình trung tâm.



Thông báo trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.

Một số thông báo trong màn hình trung tâm có nút (hoặc một số nút trong thông báo popup) để, ví dụ, bật/tắt một chức năng liên quan đến thông báo.

Quản lý một thông báo mới

Với thông báo có nút:

- Ấn nút để thực hiện hành động hoặc cho phép thông báo đóng tự động sau một lúc.
 - > Thông báo biến mất khỏi thanh trạng thái.

Với thông báo không có nút:

- Đóng thông báo bằng cách chạm nhẹ vào nó hoặc cho phép đóng thông báo tự động sau một lúc.
 - > Thông báo biến mất khỏi thanh trạng thái.

Nếu thông báo cần được lưu, nó được đặt trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)
- Xử lý thông báo được lưu từ màn hình trung tâm (trang 137)
- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)

Xử lý thông báo được lưu từ màn hình trung tâm

Bất kể được lưu từ màn hình người lái hay màn hình trung tâm, thông báo đều được quản lý trong màn hình trung tâm.



Thông báo đã lưu và các tùy chọn có thể có trong phần trên cùng.

Thông báo được hiển thị trong màn hình trung tâm cần được lưu được bổ sung vào phần trên cùng của màn hình trung tâm.

Đọc thông báo đã lưu

Đề đọc ngay lập tức thông báo đã lưu:

1. Mở phần trên cùng trong màn hình trung tâm.
 - > Một danh sách các thông báo đã lưu được hiển thị. Thông báo có mũi tên sang bên phải có thể được phóng to.

2. Chạm nhẹ vào thông báo để phóng to/thu nhỏ.
 - > Nhiều thông tin hơn về thông báo được hiển thị trong danh sách này và hình ảnh phía tay trái trong ứng dụng hiển thị thông tin bằng đồ họa về thông báo..

Quản lý thông báo đã lưu

Một số thông báo có một nút để, ví dụ, bật/tắt chức năng liên quan đến thông báo.

- Ấn nút để thực hiện hành động.

Thông báo đã lưu trong phần trên cùng bị xóa tự động khi xe dừng hoạt động.

Thông tin liên quan

- Thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)
- Quản lý thông báo trong màn hình trung tâm (trang 136)
- Thông báo trong màn hình người lái (trang 101)

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Màn hình kính chắn gió*

Màn hình kính chắn gió bổ sung cho màn hình người lái và hiển thị thông tin từ màn hình người lái lên kính chắn gió. Hình ảnh được hiển thị chỉ có thể được nhìn thấy từ vị trí người lái.



Cuộc gọi đến.

Màn hình kính chắn gió hiển thị cảnh báo và thông tin liên quan đến tốc độ, chức năng kiểm soát hành trình, dẫn đường v.v... trong phạm vi quan sát của người lái. Thông tin Biển báo Giao thông và cuộc gọi đến cũng có thể được hiển thị trên màn hình kính chắn gió.

① LƯU Ý

Khả năng nhìn thấy thông tin trên màn hình kính chắn gió của người lái bị giảm do các điều kiện sau:

- sử dụng kính râm phân cực
- vị trí lái mà người lái không ngồi ở giữa ghế
- có vật che khuất kính bọc màn hình
- điều kiện ánh sáng bất lợi.

① QUAN TRỌNG

Màn hình mà thông tin được hiển thị được đặt trong bảng táp lô. Để tránh gây hư hỏng kính bọc màn hình, không đặt bất cứ vật nào lên kính bọc và đảm bảo không có vật nào rơi xuống kính.



Ví dụ về thông tin có thể được hiển thị trong màn hình.

- ① Tốc độ
- ② Kiểm soát hành trình
- ③ Dẫn đường
- ④ Biển báo giao thông

Nhiều biểu tượng có thể được hiển thị tạm thời trên màn hình kính chắn gió, ví dụ:



Nếu biểu tượng cảnh báo sáng, đọc thông báo cảnh báo trong màn hình người lái.



Nếu biểu tượng thông tin sáng, đọc thông báo trong màn hình người lái.



Biểu tượng bông tuyết sáng trong trường hợp có khả năng tuyết rơi.

ⓘ LƯU Ý

Một số hình ảnh bị méo có thể gây đau đầu và cảm giác căng thẳng trong quá trình sử dụng màn hình kính chắn gió.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố trong màn hình kính chắn gió

Trong trường hợp cảnh báo va chạm, thông tin trong màn hình kính chắn gió được thay thế bằng hình ảnh đồ họa của chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố. Hình ảnh đồ họa sáng kể cả khi màn hình kính chắn gió bị tắt.



Hình ảnh đồ họa của chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố nhấp nháy để thu hút sự chú ý của người lái.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt màn hình kính chắn gió* (trang 139)
- Vệ sinh màn hình kính chắn gió* (trang 644)
- Màn hình kính chắn gió khi thay thế kính chắn gió* (trang 615)

Bật và tắt màn hình kính chắn gió*

Màn hình kính chắn gió có thể được bật và tắt khi xe được khởi động.



Ấn nút **Head-up Display (Màn hình Kính chắn gió)** trong phần chức năng của màn hình trung tâm. Đèn báo trong nút sáng khi chức năng được bật.

Thông tin liên quan

- Cài đặt cho màn hình kính chắn gió* (trang 140)
- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Cài đặt cho màn hình kính chắn gió*

Điều chỉnh cài đặt cho hiển thị của màn hình kính chắn gió trên kính chắn gió.

Cài đặt có thể được xác định khi xe đã được khởi động và hình ảnh được hiển thị trên kính chắn gió.

Lựa chọn tùy chọn màn hình

Lựa chọn chức năng cần được hiển thị trong màn hình kính chắn gió.

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Displays (Màn hình) → Head-Up Display Options (Tùy chọn Màn hình Kính chắn gió)**.
3. Lựa chọn một trong các chức năng sau:
 - **Show Navigation (Hiển thị Dẫn đường)**
 - **Show Road Sign Information (Hiển thị Thông tin Biển báo Giao thông)**
 - **Show Driver Support (Hiển thị Hỗ trợ Người lái)**
 - **Show Phone (Hiển thị Điện thoại)**

Cài đặt được lưu như cài đặt cá nhân trong hồ sơ người lái.

Điều chỉnh độ sáng và vị trí thẳng đứng



1. Ấn nút **Head-up Display Adjustments (Điều chỉnh Màn hình Kính chắn gió)** trong phần chức năng của màn hình trung tâm.
2. Điều chỉnh độ sáng và vị trí thẳng đứng của hình ảnh được hiển thị trong phạm vi quan sát của người lái bằng bàn phím bên phải của vô lăng.



- 1 Giảm độ sáng
- 2 Tăng độ sáng
- 3 Nâng vị trí

4 Hạ vị trí

5 Xác nhận

Độ sáng của hình ảnh đồ họa được tự động điều chỉnh theo điều kiện ánh sáng nền. Độ sáng cũng bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh độ sáng trong các màn hình khác của xe.

Vị trí độ cao có thể được lưu trong chức năng bộ nhớ của ghế trước chỉnh điện* bằng bàn phím trong cửa người lái.

Điều chỉnh vị trí nằm ngang

Vị trí nằm ngang của màn hình kính chắn gió có thể cần được căn chỉnh nếu kính chắn gió hoặc màn hình bị thay thế. Căn chỉnh nghĩa là hình ảnh được hiển thị được xoay theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ.

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn **My Car (Xe của Tôi)** ➔ **Displays (Màn hình)** ➔ **Head-Up Display Options (Tùy chọn Màn hình Kính chắn gió)** ➔ **Head-Up Display Calibration (Căn chỉnh Màn hình Kính chắn gió)**.
3. Căn chỉnh vị trí nằm ngang của hình ảnh bằng bàn phím bên phải của vô lăng.



- ➊ Xoay ngược chiều kim đồng hồ
- ➋ Xoay theo chiều kim đồng hồ
- ➌ Xác nhận

Thông tin liên quan

- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)
- Bật và tắt màn hình kính chắn gió* (trang 139)
- Hồ sơ người lái (trang 132)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)

Nhận dạng giọng nói³³

Người lái có thể sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói để điều khiển một số chức năng trong trình phát phương tiện giải trí, điện thoại kết nối Bluetooth, hệ thống điều hòa và hệ thống dẫn đường của Volvo*.

Khẩu lệnh bằng giọng nói tạo sự thuận tiện và hỗ trợ cho người lái không bị xao nhãng để có thể tập trung vào hoạt động lái xe, đường đi và tình hình giao thông.

CẢNH BÁO

Người lái luôn chịu hoàn toàn trách nhiệm lái xe một cách an toàn và tuân thủ tất cả quy tắc giao thông đường bộ áp dụng.



Micro của hệ thống điều khiển bằng giọng nói.

Thực hiện điều khiển bằng giọng nói khi nói khẩu lệnh và nhận được hồi đáp bằng giọng nói từ hệ thống. Hệ thống nhận dạng giọng nói sử dụng cùng micro như thiết bị kết nối Bluetooth và hồi đáp của hệ thống nhận.



³³ Áp dụng với một số thị trường.

“ dạng giọng nói được đưa ra thông qua loa của xe. Trong một số trường hợp, tin nhắn văn bản cũng được hiển thị trong màn hình người lái. Các chức năng được điều khiển từ bàn phím vô lăng bên phải. Cài đặt được thực hiện thông qua màn hình trung tâm.

Cập nhật hệ thống

Hệ thống nhận dạng giọng nói được cải tiến liên tục. Tài xuống cập nhật để hệ thống nhận dạng giọng nói vận hành tối ưu từ support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 142)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 204)
- Cài đặt nhận dạng giọng nói (trang 144)

Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói³⁴



Ấn nút vô lăng để nhận dạng giọng nói để bật hệ thống và bắt đầu đàm thoại bằng khẩu lệnh giọng nói.

Nhớ những thông tin sau:

- Nói với giọng điệu, giọng nói thông thường và nhịp độ thông thường.
- Không nói khi hệ thống đang trả lời (hệ thống không thể hiểu khẩu lệnh trong thời gian này).
- Tránh tiếng ồn xung quanh trong khoang hành khách bằng cách đóng cửa, cửa sổ và cửa sổ trời*.

Có thể tắt nhận dạng giọng nói như sau:

- bằng cách nói **"Cancel" (Hủy bỏ)**.
- ấn giữ nút nhận dạng giọng nói trên vô lăng

Để đẩy nhanh tốc độ giao tiếp và bỏ qua hướng dẫn từ hệ thống, ấn nút vô lăng để nhận dạng giọng nói

khi giọng nói của hệ thống đang nói và nói khẩu lệnh tiếp theo.

Ví dụ về điều khiển bằng nhận dạng giọng nói

Ấn , nói **"Gọi [Tên] [Họ] [số điện thoại]"**, hệ thống sẽ bấm số người đã được lựa chọn từ danh bạ. Nếu người đó có nhiều số điện thoại (ví dụ, số điện thoại ở nhà, số điện thoại di động, số điện thoại ở nơi làm việc), phải nói đúng loại số điện thoại.

Ấn và nói **"Call Robin Smith Mobile" (Gọi Số điện thoại Di động của Robin Smith)**.

Khẩu lệnh/Cụm từ

Các câu lệnh dưới đây luôn có sẵn để sử dụng:

- **"Repeat" (Nhắc lại)** - nhắc lại hướng dẫn gần nhất bằng giọng nói trong câu thoại đang nói.
- **"Cancel" (Hủy bỏ)** - dừng hội thoại.
- **"Help" (Trợ giúp)** - bắt đầu hội thoại trợ giúp. Hệ thống trả lời bằng câu lệnh có sẵn trong tình huống hiện tại, ví dụ, một hướng dẫn.

Câu lệnh cho các chức năng cụ thể như điện thoại và đài được mô tả trong các mục cụ thể.

³⁴ Áp dụng với một số thị trường.

Chữ số

Khẩu lệnh số được nói khác nhau, tùy thuộc vào chức năng cần điều khiển.

- **Số điện thoại và mã bưu chính** phải được nói riêng từng số, ví dụ, không ba một hai hai bốn bốn ba (03122443).
- **Số nhà** có thể được nói riêng hoặc theo nhóm, ví dụ, hai hai hoặc hai mươi hai (22). Với Tiếng Anh và Tiếng Hà Lan, có thể nói theo nhóm theo trình tự, ví dụ, hai mươi hai hai mươi hai (22 22). Với Tiếng Anh, có thể sử dụng đôi hoặc ba, ví dụ, đôi không (00). Số có thể được sử dụng trong phạm vi 0 - 2300.
- **Tần số** có thể được nói là chín mươi tám phẩy tám (8,8), một trăm linh bốn phẩy hoặc trăm linh bốn phẩy hai (104,2).

Thông tin liên quan

- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 204)
- Cài đặt nhận dạng giọng nói (trang 144)

Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói³⁵

Gọi điện cho người khác, đọc to tin nhắn hoặc soạn tin nhắn ngắn bằng khẩu lệnh điều khiển bằng giọng nói đến điện thoại kết nối Bluetooth.

Để chỉ định một người trong danh bạ, khẩu lệnh nhận dạng giọng nói phải bao gồm thông tin liên lạc được nhập trong danh bạ. Nếu một người, ví dụ, **Robyn Smith**, có nhiều số điện thoại, cũng có thể nói loại số điện thoại, ví dụ **Home (Số điện thoại ở nhà)** hoặc **Mobile (Số điện thoại di động)**: **"Call Robin Smith Mobile" (Gọi Số điện thoại di động của Robin Smith).**

Ấn  và nói một trong các khẩu lệnh sau:

- **"Gọi [người]"** - bấm số người được chọn từ danh bạ.
- **"Gọi [số điện thoại]"** - bấm số điện thoại.
- **"Cuộc gọi gần đây"** - hiển thị danh sách cuộc gọi.
- **"Đọc tin nhắn"** - tin nhắn được đọc to. Nếu có nhiều tin nhắn, lựa chọn tin nhắn nào cần đọc to.

- **"Gửi tin nhắn đến [người]"**, người dùng được yêu cầu nói một tin nhắn ngắn. Tin nhắn được đọc to lại và người dùng có thể lựa chọn gửi³⁶ hoặc chỉnh sửa tin nhắn. Để chức năng này hoạt động, xe phải được kết nối Internet.

Thông tin liên quan

- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 142)
- Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 204)
- Cài đặt nhận dạng giọng nói (trang 144)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

³⁵ Áp dụng với một số thị trường.

³⁶ Chỉ áp dụng với một số điện thoại có thể gửi tin nhắn từ xe. Để biết về sự tương thích, truy cập support.volvocars.com.

MÀN HÌNH VÀ ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói³⁷

Khẩu lệnh để điều khiển đài và thiết bị phát phương tiện giải trí được hiển thị ở dưới.

Chạm nhẹ vào  và nói một trong các câu lệnh sau:

- **"Phương tiện giải trí"** - bật đàm thoại để điều khiển phương tiện giải trí và đài và hiển thị ví dụ về câu lệnh.
- **"Phát [nghệ sĩ]"** - phát lại nhạc theo nghệ sĩ được chọn.
- **"Phát [tiêu đề bài hát]"** - phát lại bài hát được chọn.
- **"Phát [tiêu đề bài hát] từ [album]"** - phát lại bài hát được chọn từ album được chọn.
- **"Phát [tên kênh TV]"** - bật kênh TV được chọn³⁸.
- **"Phát [đài phát thanh]"** - bật phát lại kênh vô tuyến được chọn.
- **"Điều chỉnh theo [tần số]"** - bật tần số vô tuyến được chọn trong dải tần số hiện nay. Nếu không có nguồn vô tuyến đang hoạt động, đài FM được bật theo mặc định.
- **"Điều chỉnh theo [tần số] [bước sóng]"** - bật tần số vô tuyến được chọn trong dải tần số được chọn.

- **"Đài"** - khởi động đài FM.
- **"Đài FM"** - khởi động đài FM.
- **"Đài AM"** - khởi động đài AM.
- **"DAB"** - khởi động đài DAB*.
- **"TV"** - bật phát lại từ TV³⁸.
- **"CD"** - bật phát lại từ CD*.
- **"USB"** - bật phát lại từ USB.
- **"iPod"** - bật phát lại từ iPod.
- **"Bluetooth"** - bật phát lại từ nguồn phương tiện giải trí kết nối Bluetooth.
- **"Bản nhạc tương tự"** - phát lại bản nhạc tương tự với bản nhạc đang phát lại từ thiết bị USB.

Thông tin liên quan

- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 142)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 204)
- Cài đặt nhận dạng giọng nói (trang 144)

Cài đặt nhận dạng giọng nói³⁹

Cài đặt hệ thống điều khiển bằng giọng nói được lựa chọn ở đây.

Settings (Cài đặt) → System (Hệ thống) → Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)

Có thể thực hiện cài đặt trong các lĩnh vực sau:

- **Repeat Voice Command (Nhắc lại Khẩu lệnh bằng Giọng nói)**
- **Gender (Giới tính)**
- **Speech Rate (Tốc độ Nói)**

Cài đặt âm thanh

Lựa chọn cài đặt âm thanh theo:

Settings (Cài đặt) → Sound (Âm thanh) → System Volumes (Âm lượng Hệ thống) → Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)

Cài đặt ngôn ngữ

Không thể nhận dạng giọng nói cho tất cả các ngôn ngữ. Ngôn ngữ có sẵn để nhận dạng giọng nói được đánh dấu bằng biểu

tượng trong danh sách ngôn ngữ .

Việc thay đổi ngôn ngữ cũng ảnh hưởng đến menu, thông báo và nội dung trợ giúp.

Settings (Cài đặt) → System (Hệ thống) → System Languages and Units (Ngôn ngữ và Đơn vị Hệ thống) → System Language (Ngôn ngữ Hệ thống)

³⁷ Áp dụng với một số thị trường.

³⁸ Áp dụng với một số thị trường.

³⁹ Áp dụng với một số thị trường.

Thông tin liên quan

- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 142)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 204)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Cài đặt âm thanh (trang 500)
- Thay đổi ngôn ngữ hệ thống (trang 128)

CHIỀU SÁNG

CHIẾU SÁNG

Điều khiển chiếu sáng

Các nút điều khiển chiếu sáng khác nhau được sử dụng để điều khiển chiếu sáng bên ngoài và bên trong xe. Công tắc phía tay trái bật và điều chỉnh chiếu sáng bên ngoài xe. Độ sáng bên trong xe được điều chỉnh bằng nút vặn trên bảng táp lô. Độ cân bằng của đèn chiếu sáng⁴⁰ cũng được điều chỉnh bằng nút vặn trên bảng táp lô.



Xoay vòng ở công tắc phía bên trái.
Khi hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa II, các chức năng sau có sẵn để sử dụng theo các vị trí khác nhau của vòng xoay:

Vị trí	Ý nghĩa
0	Đèn chạy ban ngày. Có thể sử dụng đèn pha nhấp nháy.
Đèn chiếu sáng ban ngày và đèn định vị.	Đèn chạy ban ngày và đèn định vị. Đèn định vị khi đỗ xe ^A . Có thể sử dụng đèn pha nhấp nháy.
Đèn cốt và đèn định vị.	Đèn cốt và đèn định vị. Có thể bật đèn pha. Có thể sử dụng đèn pha nhấp nháy.

Vị trí	Ý nghĩa
AUTO	Đèn chạy ban ngày và đèn định vị trong điều kiện ánh sáng ban ngày. Đèn cốt và đèn định vị trong điều kiện ánh sáng ban ngày yếu hoặc tối hoặc khi đèn sương mù phía trước* và/hoặc đèn sương mù phía sau được bật. Có thể bật chức năng đèn pha chủ động. Có thể bật đèn pha khi đèn cốt được bật. Có thể sử dụng đèn pha nhấp nháy.
Đèn pha chủ động.	Bật/tắt đèn pha chủ động.

A Nếu xe đứng yên nhưng đang chạy, vòng xoay có thể được di chuyển đến vị trí **Đèn chiếu sáng ban ngày và đèn định vị.** từ một vị trí khác để chỉ bật đèn định vị thay vì hệ thống chiếu sáng khác. Volvo khuyến cáo sử dụng chế độ AUTO (TỰ ĐỘNG) khi xe được lái.

⁴⁰ Áp dụng với xe có đèn chiếu sáng halogen

*Tùy chọn/phụ kiện.

CẢNH BÁO

Hệ thống âm thanh của xe không thể xác định xem ánh sáng ban ngày quá yếu hay đủ mạnh, ví dụ, trong điều kiện sương mù và mưa, trong tất cả các tình huống.

Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng xe được lái với chùm tia sáng phù hợp với tình hình giao thông và theo quy tắc giao thông áp dụng.

Núm vặn trong bảng táp lô



Một xe có đèn chiếu sáng* LED⁴¹ có chức năng cân bằng đèn chiếu sáng tự động và không có núm vặn để điều chỉnh độ cân bằng của đèn chiếu sáng.

① Núm vặn để điều chỉnh độ sáng bên trong xe

② Núm vặn để cân bằng đèn chiếu sáng⁴²

Thông tin liên quan

- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (trang 149)
- Chiếu sáng trong xe (trang 160)
- Đèn định vị (trang 151)
- Sử dụng xi nhan (trang 155)
- Sử dụng đèn pha (trang 153)
- Đèn cốt (trang 152)
- Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc* (trang 157)
- Đèn sương mù phía sau (trang 157)
- Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc* (trang 157)
- Đèn sương mù phía sau (trang 157)
- Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động* (trang 156)
- Đèn phanh (trang 158)
- Đèn phanh khẩn cấp (trang 158)
- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm (trang 159)

Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm

Một số chức năng chiếu sáng có thể được điều chỉnh và bật thông qua màn hình trung tâm, ví dụ, đèn pha chủ động, chiếu sáng an toàn và đèn báo chủ xe.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** → **Lights and Lighting (Đèn và Chiếu sáng)**.
3. Lựa chọn **Exterior Lights (Đèn Bên ngoài)** hoặc **Interior Lighting (Chiếu sáng Bên trong)** và chức năng cần được điều chỉnh.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Đèn pha chủ động (trang 154)
- Sử dụng đèn chiếu sáng an toàn (trang 159)
- Thời gian sáng của đèn báo chủ xe (trang 160)
- Sử dụng xi nhan (trang 155)
- Các cài đặt khác trong phần trên cùng của màn hình trung tâm (trang 128)
- Phần chức năng trong màn hình trung tâm (trang 118)

⁴¹ LED (Điốt Phát Quang)

⁴² Áp dụng với đèn chiếu sáng halogen.

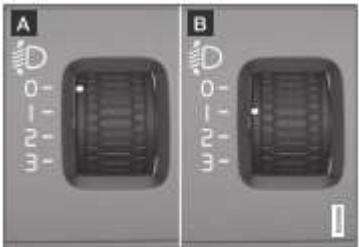
Điều chỉnh độ cân bằng của đèn chiếu sáng

Độ cân bằng của đèn chiếu sáng⁴³ được điều chỉnh bằng một trong các núm vặn trong bảng táp lô.

Tải trọng trong xe làm thay đổi sự thẳng hàng theo chiều dọc của chùm tia sáng đèn chiếu sáng, có thể làm chói mắt người lái của các xe tiến đến gần. Hạ thấp chùm tia sáng nếu xe chở nặng.

- 1. Giữ động cơ chạy hoặc hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa I.
- 2. Xoay núm vặn lên/xuống để nâng/hạ độ cân bằng của đèn chiếu sáng.

Vị trí mà núm vặn cần được cài đặt cho nhiều trường hợp tải trọng được trình bày ở dưới.



Ví dụ về vị trí núm vặn.

A Núm vặn ở vị trí 0

B Núm vặn ở vị trí 1

Trường hợp tải trọng	Vị trí núm vặn
Chỉ có người lái.	0
Người lái và hành khách ở ghế hành khách phía trước.	0
Người lái và hành khách ở ghế hành khách phía trước. Ba hành khách ở hàng ghế thứ hai.	1

Trường hợp tải trọng	Vị trí núm xe
Người lái và hành khách ở ghế hành khách phía trước. Ba hành khách ở hàng ghế thứ hai. 220 kg tải trọng trong khoang hành lý.	1
Người lái và tải trọng tối đa trong khoang hành lý	2
Người lái và hành khách ở ghế hành khách phía trước. Ba hành khách ở hàng ghế thứ hai. Hai hành khách ở hàng ghế thứ ba*.	1

⁴³ Áp dụng với xe có đèn chiếu sáng halogen

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHIẾU SÁNG

Trường hợp tải trọng	Vị trí nút vận
Người lái và hành khách ở ghế hành khách phía trước. Hai hành khách ở hàng ghế thứ ba*.	0
Người lái và hành khách ở ghế hành khách phía trước. Ba hành khách ở hàng ghế thứ hai. Hai hành khách ở hàng ghế thứ ba*. 70 kg tải trọng trong khoang hành lý.	1

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)

Đèn Vị trí

Đèn Vị trí có thể được sử dụng để những người tham gia giao thông khác có thể nhìn thấy chiếc xe nếu xe dừng hoặc đỗ. Đèn Vị trí được bật bằng vòng xoay trên công tắc.



Vòng xoay của công tắc ở vị trí đèn Vị trí

Xoay vòng xoay về vị trí **ĐD** - đèn Vị trí được bật (đèn biển số được bật đồng thời). Nếu hệ thống điện của xe ở vị trí công tắc II, đèn chạy ban ngày được bật thay cho đèn định vị phía trước. Khi vòng xoay ở vị trí này, đèn Vị trí được bật, bất kể vị trí công tắc của hệ thống điện của xe. Nếu xe đứng yên nhưng chạy, vòng xoay có thể được di chuyển đến vị trí đèn Vị trí **ĐD** từ một vị trí khác để chỉ bật đèn Vị trí thay cho đèn chiếu sáng khác.

Khi lái xe trong hơn 30 giây ở tốc độ tối đa là 10 km/giờ (xấp xỉ 6 dặm/giờ) hoặc nếu tốc độ tối đa lớn hơn 10 km/giờ (xấp xỉ 6 dặm/giờ), đèn chạy ban ngày được bật. Người lái cần xoay đến vị trí ngoài **ĐD**.

Nếu cốp sau được mở khi trời đã tối, đèn Vị trí phía sau sáng (nếu đã được bật) để cảnh báo những người tham gia giao thông khác tiến đến gần từ phía sau. Điều này diễn ra, bất kể vị trí của vòng xoay hoặc vị trí công tắc của hệ thống điện.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Vị trí công tắc (trang 432)
- Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước (trang 624)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Đèn chạy ban ngày

Xe có cảm biến phát hiện điều kiện chiếu sáng xung quanh. Đèn chạy ban ngày được bật khi vòng xoay trên công tắc ở vị trí 0,

hoặc AUTO (TỰ ĐỘNG) và khi hệ thống điện của xe ở vị trí công tắc III. Ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG), đèn chiếu sáng tự động thay đổi thành đèn cốt trong điều kiện ánh sáng ban ngày yếu hoặc tối.



Vòng xoay của công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG)

Nếu vòng xoay của công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG), đèn chạy ban ngày (DRL⁴⁴) được bật khi xe được lái ban ngày. Xe tự động thay đổi từ đèn chạy ban ngày thành đèn cốt trong điều kiện ánh sáng ban ngày yếu hoặc tối. Việc thay đổi thành đèn cốt cũng diễn ra nếu đèn sương mù phía trước* và/hoặc đèn sương mù phía sau được bật.



CẢNH BÁO

Hệ thống này giúp tiết kiệm năng lượng, nó không thể xác định tất cả tình huống khi ánh sáng ban ngày quá yếu hoặc đủ mạnh, ví dụ, trong sương và mưa.

Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng xe được lái với chùm tia sáng phù hợp với tình hình giao thông và theo quy tắc giao thông áp dụng.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Đèn cốt (trang 152)
- Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước (trang 624)

Đèn cốt

Khi lái xe có vòng xoay của công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG), đèn cốt được bật tự động trong điều kiện ánh sáng ban ngày yếu hoặc tối hoặc khi hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa II.



Vòng xoay của công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG).

Khi vòng xoay của công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG), đèn cốt cũng được bật tự động nếu:

- đèn sương mù phía trước được bật
- đèn sương mù phía sau được bật
- đèn sương mù phía trước và phía sau được bật

Khi vòng xoay của công tắc ở vị trí , đèn cốt luôn được bật khi hệ thống điện ở vị trí đánh lửa II.

⁴⁴ Đèn Chạy Ban ngày

CHIẾU SÁNG

Phát hiện đường hầm

Xe phát hiện khi nào đi vào đường hầm và chuyển từ đèn chạy ban ngày thành đèn cốt. Lưu ý, vòng xoay trong công tắc phía tay trái phải ở chế độ AUTO (TỰ ĐỘNG) để chức năng phát hiện đường hầm hoạt động.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Đèn cốt (trang 152)
- Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước (trang 624)

Sử dụng đèn pha

Đèn pha được vận hành bằng công tắc phía tay trái. Đèn pha là đèn chiếu sáng nhất của xe và cần được sử dụng khi lái lúc trời tối để tăng tầm nhìn, miễn là không làm chói mắt những người tham gia giao thông khác.



Công tắc của vô lăng có vòng xoay.

Đèn pha nhấp nháy

Di chuyển công tắc nhẹ về phía sau đến vị trí đèn pha nhấp nháy. Đèn pha sáng cho đến khi nhả công tắc.

Đèn pha

Đèn pha có thể được bật khi vòng xoay của công tắc vô lăng ở vị trí AUTO⁴⁵ (TỰ ĐỘNG) hoặc . Bật đèn pha bằng cách di chuyển công tắc về phía trước. Tắt bằng cách di chuyển công tắc về phía sau.

Khi đèn pha đã được bật, biểu tượng  sáng trong màn hình người lái.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Đèn pha chủ động (trang 154)
- Thay bóng đèn pha (trang 623)

⁴⁵ Khi bật đèn cốt.

Đèn pha chủ động

Đèn pha chủ động là một chức năng sử dụng cảm biến camera ở mép trên cùng của kính chắn gió để phát hiện chùm tia sáng của đèn chiếu sáng từ xe đang tiến đến gần hoặc đèn phía sau của xe phía trước và chuyển từ đèn pha thành đèn cốt.



Đèn pha chủ động được bật bằng vòng xoay trên công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG). Chức năng này cũng có thể nhận dạng đèn đường. Đèn pha được bật lại khi cảm biến camera không còn nhìn thấy bất cứ xe nào tiến đến gần hoặc xe ở phía trước. Chức năng này có thể khởi động khi đang lái xe lúc trời tối khi tốc độ của xe xấp xỉ 20 km/giờ (xấp xỉ 12 dặm/giờ) trở lên.

Nếu đèn pha chủ động được tắt khi đèn pha đang bật, đèn ngay lập tức được cài đặt lại thành đèn cốt.

Khi đèn pha chủ động được bật, biểu tượng  sáng trắng liên tục trong màn hình người lái.

Khi đèn pha được bật, biểu tượng này sáng màu xanh da trời. Điều này cũng áp dụng với đèn chiếu sáng LED nếu đèn pha bị mờ một phần, ví dụ, nếu chùm tia sáng hơn một ít so với đèn cốt.

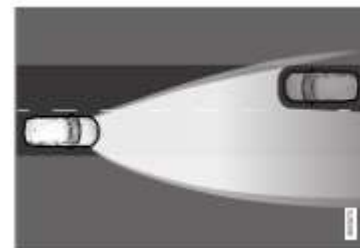
Xe có đèn chiếu sáng halogen

Đèn trở về đèn pha khoảng một giây sau khi cảm biến camera không còn phát hiện chùm tia sáng của đèn chiếu sáng từ xe đang tiến đến gần hoặc đèn phía sau của xe phía trước.

Xe có đèn chiếu sáng LED⁴⁶

Nếu đèn pha chủ động có chức năng⁴⁷ bật/tắt, đèn trở về đèn pha khoảng một giây sau khi cảm biến camera không còn phát hiện chùm tia sáng của đèn chiếu sáng từ xe đang tiến đến gần hoặc đèn phía sau của xe phía trước.

Nếu đèn pha chủ động có chức năng⁴⁷ chủ động, không giống với đèn cốt thông thường, đèn pha tiếp tục sáng ở hai bên của xe đang tiến đến gần hoặc xe phía trước, chỉ phần chùm tia sáng chiếu trực tiếp vào xe được mờ đi.



Chức năng chủ động. Đèn cốt chiếu trực tiếp vào xe tiến đến gần nhưng tiếp tục chiếu đèn pha vào hai bên của xe.

Đèn trở về đèn pha đầy đủ khoảng một giây sau khi cảm biến camera không còn phát hiện chùm tia sáng của đèn chiếu sáng từ xe đang tiến đến gần hoặc đèn phía sau của xe trước.

⁴⁶ LED (Đi ốt Phát Quang)

⁴⁷ Tùy thuộc vào mức độ trang bị của xe

CHIẾU SÁNG

Hạn chế của đèn pha chủ động

Cảm biến camera mà chức năng này sử dụng có một số hạn chế.



Nếu biểu tượng này được hiển thị trong màn hình người lái cùng với thông báo **Active High Beam Temporarily unavailable** (Chức năng Đèn pha Chủ động tạm thời không có), phải thực hiện chuyển đổi giữa đèn pha và đèn cốt bằng tay.

Vòng xoay trên công tắc vẫn có thể ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG). Biểu tượng  tắt khi các thông báo này được hiển thị.



Áp dụng tương tự nếu biểu tượng này được hiển thị cùng với thông báo **Windscreen sensor Sensor blocked, see Owner's manual** (Cảm biến kính chắn gió Cảm biến bị che khuất, xem Sách hướng dẫn sử dụng).

Chức năng đèn pha chủ động có thể tạm thời không có, ví dụ, trong điều kiện sương mù dày hoặc mưa to. Khi chức năng đèn pha chủ động có lại hoặc cảm biến kính chắn gió không còn bị che khuất, thông báo biến mất hoặc  sáng.



CẢNH BÁO

Chức năng đèn pha chủ động là chức năng hỗ trợ bằng chùm tia sáng tối ưu khi điều kiện thuận lợi. Người lái luôn chịu trách nhiệm chuyển đổi giữa đèn pha và đèn cốt bằng tay khi tình huống giao thông hoặc điều kiện thời tiết yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Sử dụng đèn pha (trang 153)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)

Sử dụng xi nhan

Xi nhan của xe được vận hành bằng công tắc phía tay trái. Đèn xi nhan nhấp nháy ba lần hoặc liên tục, tùy thuộc vào khoảng cách mà công tắc được di chuyển lên hoặc xuống.



Xi nhan.

Trình tự nhấp nháy nhanh



Di chuyển công tắc lên hoặc xuống vị trí đầu tiên và thả ra. Đèn xi nhan nhấp nháy ba lần. Nếu chức năng này bị tắt thông qua màn hình trung tâm, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy một lần.



❗ LƯU Ý

- Trình tự nhấp nháy tự động này có thể được dừng bằng cách di chuyển công tắc ngay vào vị trí đối diện.
- Nếu biểu tượng xi nhan trong màn hình người lái nhấp nháy nhanh hơn thông thường, xem thông báo trong màn hình người lái.

Trình tự nhấp nháy liên tục

❗ Di chuyển công tắc lên trên hoặc xuống dưới đến vị trí đầu cuối.

Công tắc vẫn ở vị trí của mình và được di chuyển về phía sau thủ công hoặc tự động bằng sự di chuyển của vô lăng.

Thông tin liên quan

- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm (trang 159)
- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (trang 149)
- Thay bóng đèn xi nhan phía trước (trang 624)

Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động*

Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động được thiết kế để chiếu sáng mạnh nhất khi xe đi vào đoạn đường cua và giao cắt. Xe có đèn chiếu sáng* LED⁴⁸ có thể có đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động, tùy thuộc vào mức độ trang bị của xe.



Tia sáng của đèn chiếu sáng khi lần lượt tắt (trái) và bật (phải).

Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động tuân thủ sự di chuyển của vô lăng để chiếu sáng mạnh nhất khi xe đi vào đoạn đường cua và giao cắt và có thể giúp người lái tăng tầm nhìn.

Chức năng này được bật tự động khi xe được khởi động. Trong trường hợp chức năng này gặp lỗi, biểu

tượng  sáng trong màn hình người lái đồng thời khi màn hình người lái hiển thị nội dung giải thích.

Chức năng này chỉ hoạt động trong điều kiện ánh sáng ban ngày yếu hoặc tối và chỉ khi xe đang di chuyển và bật đèn cốt.

Tắt/bật chức năng này

Chức năng này được bật khi xe được cung cấp từ nhà máy và có thể được tắt/bật thông qua phần chức năng của màn hình trung tâm.



Ấn nút **Active Bending Lights** (Đèn Điều chỉnh Góc chiếu Chủ động).

Thông tin liên quan

- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (trang 149)
- Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc* (trang 157)

⁴⁸ LED (Đi ốt Phát Quang)

Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc*

Đèn sương mù phía trước tạo ra chùm tia sáng mạnh hơn đèn cốt và tăng hiệu quả chiếu sáng trong sương mù.



Nút đèn sương mù phía trước.

Đèn sương mù phía sau chỉ có thể được bật khi hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa II và vòng xoay trên công tắc ở vị trí AUTO

(TỰ ĐỘNG),  hoặc .

Ấn nút này để bật và tắt. Biểu tượng  sáng trong màn hình người lái khi đèn sương mù phía trước được bật.

Đèn sương mù phía trước tắt tự động khi xe dừng hoạt động hoặc khi vòng xoay trên công tắc được cài đặt ở vị trí 0.

ⓘ LƯU Ý

Quy định về sử dụng đèn sương mù của mỗi quốc gia là khác nhau.

Đèn chiếu góc*

Đèn sương mù phía trước có thể bao gồm chức năng đèn chiếu góc, chiếu sáng chéo tạm thời khu vực phía trước xe theo hướng của vô lăng và được bật khi xe cua gấp hoặc theo hướng của xi nhan.

Chức năng này được bật trong điều kiện ánh sáng ban ngày yếu hoặc tối khi vòng xoay của công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG) hoặc  và tốc độ của xe thấp hơn xấp xỉ 30 km/giờ (xấp xỉ 20 dặm/giờ).

Thêm vào đó, hai đèn chiếu góc đều được bật để bổ sung cho đèn lùi trong quá trình lùi.

Chức năng này được bật khi xe được cung cấp từ nhà máy và có thể được bật và tắt thông qua màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Đèn sương mù phía sau (trang 157)
- Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động* (trang 156)
- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (trang 149)

Đèn sương mù phía sau

Đèn sương mù phía sau sáng hơn đáng kể so với đèn phía sau thông thường và chỉ cần được sử dụng trong trường hợp tầm nhìn giảm do sương mù, tuyết, khói hoặc bụi để những người tham gia giao thông khác có cảnh báo sớm về xe phía trước.



Nút đèn sương mù phía sau.

Đèn sương mù phía sau là đèn ở phía sau của xe, phía người lái:

Đèn sương mù phía sau chỉ có thể được bật khi:

- vị trí đánh lửa II hoạt động và vòng xoay trên công tắc ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG) hoặc 
- vòng xoay của công tắc ở vị trí  và đèn sương mù phía trước được bật.



*Tùy chọn/phụ kiện.

44

Ấn nút Bật/Tắt. Biểu tượng  trong màn hình người lái sáng khi đèn sương mù phía sau được bật.

Đèn sương mù phía sau được tắt tự động khi:

- xe được tắt hoặc khi vòng xoay trên công tắc được cài đặt đến vị trí 0.
- vòng xoay của công tắc ở vị trí  và đèn sương mù phía sau bị tắt.

LƯU Ý

Quy định về sử dụng đèn sương mù của mỗi quốc gia là khác nhau.

Thông tin liên quan

- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc* (trang 157)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)

Đèn phanh

Đèn phanh tự động sáng trong quá trình phanh.

Đèn phanh được bật khi đạp chân phanh. Nó cũng được bật khi xe được phanh tự động bằng một trong các hệ thống hỗ trợ người lái.

Thông tin liên quan

- Đèn phanh khẩn cấp (trang 158)
- Chức năng phanh (trang 435)

Đèn phanh khẩn cấp

Đèn phanh khẩn cấp được bật để cảnh báo xe phía sau về việc phanh gấp.

Chức năng này có nghĩa là đèn phanh nhấp nháy thay vì sáng liên tục khi phanh thông thường.

Đèn phanh khẩn cấp được bật trong quá trình phanh gấp hoặc nếu hệ thống ABS được bật ở tốc độ cao. Sau khi người lái phanh xuống tốc độ thấp và nhả phanh, đèn phanh trở về sáng thông thường.

Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm của xe được bật đồng thời. Các đèn này nhấp nháy cho đến khi người lái tăng tốc lại xe lên tốc độ cao hơn hoặc tắt đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm của xe.

Thông tin liên quan

- Đèn phanh (trang 158)
- Phanh chân (trang 435)
- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm (trang 159)

Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm

Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm cảnh báo những người tham gia giao thông khác bằng hình thức tắt cả xi nhan của xe được bật đồng thời. Chức năng này có thể được sử dụng để cảnh báo trong trường hợp xuất hiện nguy hiểm giao thông.



Nút đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm.

Ấn nút này để bật đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm.

Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm được bật tự động khi xe phanh gấp đến mức đèn phanh khẩn cấp được bật và tốc độ thấp. Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm bắt đầu nhấp nháy sau khi đèn phanh khẩn cấp đã dừng nhấp nháy và sau đó được tắt tự động khi xe đã đi ra khỏi nơi có nguy hiểm hoặc được tắt nếu ấn nút này.

ⓘ LƯU Ý

Quy định về sử dụng đèn sương mù của mỗi quốc gia là khác nhau.

Thông tin liên quan

- Đèn phanh khẩn cấp (trang 158)
- Sử dụng xi nhan (trang 155)

Sử dụng đèn chiếu sáng an toàn

Một số đèn bên ngoài xe có thể được bật liên tục như đèn chiếu sáng an toàn sau khi xe đã bị khóa.

Để bật chức năng này:

1. Dừng vận hành xe.
2. Di chuyển công tắc phía tay trái lên phía trước đến bảng táp lô và nhả ra.
3. Ra khỏi xe và khóa cửa.

Khi bật chức năng này, một biểu tượng sáng trong màn hình người lái và đèn định vị, đèn chiếu sáng bên ngoài* và đèn biển số được bật.

Thời gian sáng của đèn chiếu sáng an toàn có thể được cài đặt thông qua màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (tang 149)
- Thời gian sáng của đèn báo chủ xe (trang 160)

Thời gian sáng của đèn báo chủ xe

Đèn báo chủ xe được bật khi xe được mở khóa và được sử dụng để bật đèn của xe từ xa.

Chức năng này được bật khi chia khóa điều khiển từ xa được sử dụng để mở khóa. Lúc này, đèn định vị, đèn chiếu sáng bên ngoài*, đèn biển số, đèn nóc xe bên trong, đèn sàn xe và đèn khoang hành lý được bật. Nếu cửa được mở trong thời gian bật, thời gian sáng của đèn bên ngoài* và đèn bên trong sẽ được tăng.

Chức năng này có thể được bật và tắt thông qua màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (trang 149)
- Sử dụng đèn chiếu sáng an toàn (trang 159)
- Chia khóa điều khiển từ xa (trang 243)

Chiếu sáng trong xe

Bên trong xe được trang bị nhiều loại đèn để đem đến trải nghiệm lái xe tốt hơn. Hệ thống này bao gồm đèn cabin, đèn hộp đựng găng tay và đèn dưới nền.

Tất cả đèn trong khoang hành khách đều có thể được bật và tắt bằng tay ít nhất 5 phút từ khi:

- xe đã dừng hoạt động và hệ thống điện ở vị trí đánh lửa 0.
- xe đã được mở khóa nhưng chưa được khởi động.

Đèn nóc xe phía trước



Nút điều khiển trong bảng điều khiển trên nóc xe cho đèn cabin phía trước và đèn khoang hành khách.

- 1 Đèn cabin, phía tay trái
- 2 Đèn khoang hành khách

- 3 Chức năng tự động cho đèn khoang hành khách

- 4 Đèn cabin, phía tay phải

Đèn cabin

Đèn cabin ở phía tay phải và tay trái có thể được bật và tắt nhanh bằng cách ấn nút trong bảng điều khiển trên nóc xe. Độ sáng được điều chỉnh bằng cách ấn giữ nút này.

Đèn khoang hành khách

Đèn sàn xe và đèn nóc xe bên trong được bật hoặc tắt bằng cách ấn nhanh nút này trên bảng điều khiển trên nóc xe.

Chức năng tự động cho đèn khoang hành khách

Chức năng tự động bằng cách bật nhanh nút AUTO (TỰ ĐỘNG) trong bảng điều khiển trên nóc xe. Khi hệ thống tự động được bật, đèn báo đèn trong nút sáng và đèn khoang hành khách được bật và tắt theo hành động sau:

Đèn khoang hành khách:

- sáng khi xe được mở khóa và khi được tắt
- tắt khi xe được khởi động và khi bị khóa
- lần lượt sáng và tắt khi cửa hai bên được mở hoặc đóng.
- sáng trong 2 phút nếu một trong các cửa hai bên được mở.

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHIẾU SÁNG

Đèn nóc xe phía sau

Khu vực phía sau của xe có đèn cabin, cũng được sử dụng như đèn khoang hành khách.



Đèn cabin ở trên ghế sau⁴⁹



Trong xe có cửa sổ trời*, có hai đèn, mỗi đèn một phía nóc xe⁵⁰.

Đèn cabin được bật hoặc tắt bằng cách ấn nhanh nút trên đèn. Độ sáng được điều chỉnh bằng cách ấn giữ nút này.

Đèn hộp đựng găng tay

Đèn hộp đựng găng tay được lần lượt bật và tắt khi nắp được mở hoặc đóng.

Đèn gương tấm che nắng*

Đèn gương trong tấm che nắng được lần lượt bật và tắt khi nắp được mở hoặc đóng.

Đèn dưới nền*

Đèn dưới nền được bật hoặc tắt khi cửa tương ứng được mở hoặc đóng.

Đèn ngưỡng cửa

Đèn ngưỡng cửa được bật hoặc tắt khi cửa được mở hoặc đóng.

Đèn trong khoang hành lý

Đèn trong khoang hành lý được bật hoặc tắt khi cốp sau được mở hoặc đóng.

Đèn trang trí

Đèn trang trí được bật khi bạn mở cửa và bị tắt khi xe bị khóa. Mật độ đèn trang trí có thể được điều chỉnh trong màn hình trung tâm và cũng được điều chỉnh chính xác bằng nút vận trong bảng táp lô.

Đèn viền nội thất*

Xe được trang bị đèn LED, có thể đổi màu đèn. Các đèn này được bật khi xe đang chạy. Đèn viền nội thất có thể được điều chỉnh trong màn hình trung tâm và cũng được điều chỉnh chính xác bằng nút vận trong bảng táp lô.

Đèn trong khoang chứa đồ trong cửa

Đèn trong khoang chứa đồ trong cửa được bật khi bạn mở cửa và bị tắt khi xe bị khóa. Độ sáng có thể được điều chỉnh trong màn hình trung tâm và cũng được điều chỉnh chính xác bằng nút vận trong bảng táp lô.

⁴⁹ Đèn cabin cũng có ở trên hàng ghế thứ ba*.

⁵⁰ Không áp dụng với hàng ghế thứ ba*.

“ Đèn trong hộp đựng cốc phía trước của bảng điều khiển bên dưới

Đèn trong hộp đựng cốc phía trước được bật khi xe được mở khóa và tắt khi xe được khóa. Độ sáng có thể được điều chỉnh bằng nút vặn trong bảng táp lô.

Thông tin liên quan

- Điều chỉnh chiếu sáng trong xe (trang 162)
- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Nội thất khoang hành khách (trang 586)

Điều chỉnh chiếu sáng trong xe

Các đèn bên trong xe sáng khác nhau, tùy thuộc vào vị trí đánh lửa được sử dụng. Hệ thống chiếu sáng trong xe có thể được điều chỉnh bằng nút vặn trong bảng táp lô và một số chức năng của đèn cũng có thể được điều chỉnh thông qua màn hình trung tâm.



Nút vặn trên bảng táp lô ở bên trái vô lăng được sử dụng để điều chỉnh độ sáng của đèn màn hình, đèn điều khiển, đèn viền và đèn viền nội thất*

Điều chỉnh chiếu sáng trang trí nội thất

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Lights and Lighting (Đèn và Chiếu sáng) → Interior Lighting (Chiếu sáng Trong xe)**.
3. Lựa chọn giữa các cài đặt sau:
 - Dưới **Ambient Light Intensity (Mật độ Đèn viền Nội thất)**, lựa chọn từ **Off (Tắt)**, **Low (Thấp)** và **High (Cao)**.
 - Dưới **Ambient Light Level (Mức độ Đèn viền Nội thất)**, lựa chọn từ **Reduced (Giảm)** và **Full (Đầy đủ)**.

Điều chỉnh đèn viền nội thất*

Xe được trang bị nhiều đèn LED để có thể thay đổi màu của đèn. Các đèn này được bật khi xe đang chạy.

Thay đổi độ sáng của đèn

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Lights and Lighting (Đèn và Chiếu sáng) → Interior Lighting (Chiếu sáng Trong xe) → Interior Mood Lighting (Đèn Rọi Trong xe)**.
3. Dưới **Interior Mood Light Intensity (Mật độ Đèn rọi Trong xe)**, lựa chọn từ **Off (Tắt)**, **Low (Thấp)** và **High (Cao)**.

Thay đổi màu sắc của đèn

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Lights and Lighting (Đèn và Chiếu sáng) → Interior Lighting (Chiếu sáng Trong xe) → Interior Mood Lighting (Đèn Rọi Trong xe)**.
3. Lựa chọn giữa **By Temperature (Theo Nhiệt độ)** và **By Colour (Theo Màu sắc)** để thay đổi màu sắc của đèn. Với tùy chọn **By Temperature (Theo Nhiệt độ)**, đèn thay đổi theo nhiệt độ được cài đặt của khoang hành khách. Với tùy chọn **By Colour (Theo Màu sắc)**, danh mục **con Theme Colours (Màu sắc Chủ đề)** có thể được sử dụng để điều chỉnh thêm.

Thông tin liên quan

- Chiếu sáng trong xe (trang 160)
- Điều chỉnh chức năng chiếu sáng thông qua màn hình trung tâm (trang 149)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)

*Tùy chọn/phụ kiện.

CỬA SỔ, KÍNH VÀ GIƯỜNG

Cửa sổ, kính và gương

Xe chứa nhiều nút điều khiển cửa sổ, kính và gương. Một số cửa sổ trong xe được dán kính.

Kính dán an toàn

Kính chắn gió có kính dán an toàn và kính cường lực có dưới dạng tùy chọn cho một số lớp kính khác. Kính dán an toàn được gia cố để bảo vệ chống vỡ tốt hơn và cải thiện khả năng cách âm trong khoang hành khách.

Cửa sổ trời* cũng có kính dán an toàn.



Biểu tượng này được hiển thị trên cửa sổ mà kính được dán⁵¹.

Thông tin an toàn

- Bảo vệ chống kẹp vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Cửa sổ trời* (trang 170)
- Cửa sổ điện (trang 165)
- Gương chiếu hậu và gương cửa (trang 167)
- Sử dụng rèm che nắng* (trang 167)
- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

- Sử dụng kính chắn gió và chức năng rửa đèn pha (trang 177)
- Bật và tắt sưởi kính chắn gió* (trang 222)
- Bật và tắt sưởi cửa sổ sau và gương cửa (trang 223)

Bảo vệ chống kẹt vào cửa sổ và rèm che nắng

Tất cả cửa sổ điện và rèm che nắng* đều có hệ thống bảo vệ chống kẹp mà vận hành khi chúng bị bất cứ vật gì kẹt vào khi mở hoặc đóng.

Trong trường hợp bị kẹt, cửa dừng di chuyển và tự động quay ngược lại xấp xỉ 50 mm (khoảng 2 inch) so với vị trí bị kẹt (hoặc vị trí thông gió toàn bộ).

Có thể vận hành cưỡng bức hệ thống bảo vệ chống kẹt khi hủy bỏ việc đóng cửa, ví dụ, khi hình thành băng, bằng cách ấn nút điều khiển ở cùng hướng.

Nếu hệ thống bảo vệ chống kẹp phát sinh lỗi, có thể kiểm tra trình tự cài đặt lại.

CẢNH BÁO

Nếu ngắt ắc quy bộ khởi động, chức năng mở và đóng tự động phải được cài đặt lại để hoạt động đúng quy cách. Phải thực hiện cài đặt lại để hệ thống bảo vệ chống kẹp hoạt động.

Thông tin liên quan

- Cài đặt lại trình tự bảo vệ chống kẹp cửa (trang 165)
- Vận hành cửa sổ điện (trang 166)
- Sử dụng rèm che nắng* (trang 167)
- Cửa sổ trời* (trang 170)

*Tùy chọn/phụ kiện.

⁵¹ Không áp dụng với kính chắn gió hoặc cửa sổ trời* luôn được dán và không có biểu tượng này.

Cài đặt lại trình tự bảo vệ chống kẹt cửa

Nếu xảy ra vấn đề với chức năng điện của cửa sổ điện, có thể kiểm tra trình tự cài đặt lại.

CẢNH BÁO

Nếu ngắt ắc quy bộ khởi động, chức năng mở và đóng tự động phải được cài đặt lại để hoạt động đúng quy cách. Phải thực hiện cài đặt lại để hệ thống bảo vệ chống kẹt hoạt động.

Nếu vẫn còn vấn đề hoặc nếu liên quan đến cửa sổ trời hoặc nóc xe, liên hệ gara⁵².

Cài đặt lại cửa sổ điện

1. Khởi động bằng cửa sổ ở vị trí đóng.
2. Tiếp theo, vận hành nó ở vị trí bằng tay 3 lần hướng lên vị trí đóng.
 - > Hệ thống được khởi chạy tự động.

Thông tin liên quan

- Bảo vệ chống kẹt vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Vận hành cửa sổ điện (trang 166)
- Sử dụng rèm che nắng* Trang 167)

Cửa sổ điện

Cửa sổ điện được vận hành bằng bảng điều khiển trên từng cửa tương ứng. Cửa phía người lái có nút điều khiển để vận hành tất cả cửa sổ và cũng bật khóa an toàn trẻ em.



Bảng điều khiển cửa phía người lái.

- ❶ Khóa an toàn trẻ em* tắt các nút điều khiển ở cửa phía sau để ngăn mở cửa hoặc cửa sổ từ bên trong.
- ❷ Nút điều khiển cho cửa sổ phía sau.
- ❸ Nút điều khiển cho cửa sổ phía trước.

Cửa sổ điện được trang bị hệ thống chống kẹt. Nếu hệ thống chống kẹt phát sinh bất cứ lỗi nào, có thể kiểm tra trình tự cài đặt lại.

CẢNH BÁO

Trẻ em, hành khách khác hoặc đồ vật có thể bị kẹp vào các bộ phận đang di chuyển.

- Luôn vận hành cửa sổ một cách thận trọng.
- Không để trẻ em chơi đùa với nút điều khiển.
- Tuyệt đối không để trẻ em một mình trong xe.
- Nhớ luôn tắt nguồn điện cho cửa sổ điện bằng cách cài đặt hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa 0 và sau đó lấy đem chìa khóa điều khiển từ xa theo khi rời khỏi xe.
- Tuyệt đối không để bất cứ vật hoặc phần nào của cơ thể thò ra cửa sổ, kể cả khi hệ thống điện của xe được ngắt hoàn toàn.

Thông tin liên quan

- Vận hành cửa sổ điện (trang 166)
- Bảo vệ chống kẹt vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Cài đặt lại trình tự bảo vệ chống kẹt cửa (trang 165)

⁵² Khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Vận hành cửa sổ điện

Sử dụng bảng điều khiển cửa phía người lái để có thể vận hành tất cả cửa sổ điện, sử dụng bảng điều khiển trong các cửa khác để vận hành cửa sổ điện trong cửa riêng.

Cửa sổ điện được trang bị hệ thống chống kẹp. Nếu hệ thống chống kẹp phát sinh bất cứ lỗi nào, có thể kiểm tra trình tự cài đặt lại.

CẢNH BÁO

Trẻ em, hành khách khác hoặc đồ vật có thể bị kẹp vào các bộ phận đang di chuyển.

- Luôn vận hành cửa sổ một cách thận trọng.
- Không để trẻ em chơi đùa với nút điều khiển.
- Tuyệt đối không để trẻ em một mình trong xe.
- Nhớ luôn tắt nguồn điện cho cửa sổ điện bằng cách cài đặt hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa 0 và sau đó lấy đem chìa khóa điều khiển từ xa theo khi rời khỏi xe.
- Tuyệt đối không để bất cứ vật hoặc phần nào của cơ thể thò ra cửa sổ, kể cả khi hệ thống điện của xe được ngắt hoàn toàn.



Vận hành cửa sổ điện.

 Vận hành không tự động. Di chuyển nhẹ một trong các nút điều khiển lên hoặc xuống. Cửa sổ điện di chuyển lên hoặc xuống, miễn là nút điều khiển được giữ đúng vị trí.

 Vận hành tự động. Di chuyển một trong các nút điều khiển lên hoặc xuống vị trí đầu và nhả ra. Cửa sổ chạy tự động đến vị trí đầu.

Để sử dụng cửa sổ điện, vị trí đánh lửa phải là I hoặc II. Cửa sổ điện có thể được vận hành trong vài phút sau khi xe đã dừng vận hành và sau khi đã tắt đánh lửa, cho dù không phải sau khi cửa đã được mở. Chỉ một bảng điều khiển có thể được vận hành tại một thời điểm.

Nó cũng có thể được vận hành bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ô điều khiển từ xa* có tay nắm cửa.

CẢNH BÁO

Kiểm tra xem trẻ em hoặc hành khách khác có nguy cơ bị kẹp hay không khi tất cả cửa sổ được đóng bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ô điều khiển từ xa* có tay nắm cửa.

LƯU Ý

Một cách để giảm tiếng ồn gió rít khi mở cửa sổ phía sau là cũng mở nhẹ cửa sổ phía trước.

LƯU Ý

Không thể mở cửa sổ ở tốc độ trên xấp xỉ 180 km/giờ (xấp xỉ 112 dặm/giờ) nhưng có thể đóng chúng. Người lái luôn chịu trách nhiệm tuân thủ quy tắc giao thông có hiệu lực.

Thông tin liên quan

- Cửa sổ điện (trang 165)
- Bảo vệ chống kẹp vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Cài đặt lại trình tự bảo vệ chống kẹp cửa (trang 165)
- Khóa và mở khóa từ xa* (trang 267)
- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)

Sử dụng rèm che nắng*

Rèm che nắng được tích hợp trong từng cửa phía sau.

Cửa phía sau, vận hành bằng tay



Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, phiên bản có thể thay đổi.

❶ Móc vào lỗ nổi

- Kéo rèm che nắng lên và gắn nó vào móc trong khung cửa trên.

Cửa sổ vẫn có thể được mở và đóng khi rèm che nắng ở trên.

Thông tin liên quan

- Bảo vệ chống kẹp vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Cài đặt lại trình tự bảo vệ chống kẹp cửa (trang 165)
- Cửa sổ điện (trang 165)

Gương chiếu hậu và gương cửa

Gương chiếu hậu và gương cửa được sử dụng để người lái quan sát phía sau rõ hơn.

Gương chiếu hậu trong xe

Gương chiếu hậu trong xe được điều chỉnh dễ dàng bằng cách chỉnh góc thủ công. Gương chiếu hậu trong xe có thể được gắn HomeLink*, hệ thống chống chói tự động* và la bàn*.

Gương cửa



CẢNH BÁO

Hai cửa sổ được uốn cong để tạo khả năng quan sát tối ưu. Các vật thể có thể xuất hiện xa hơn so với thực tế.

Vị trí gương cửa được điều chỉnh bằng cần điều khiển trong bảng điều khiển cửa phía người lái. Cũng có nhiều cài đặt tự động có thể được liên kết với nút chức năng bộ nhớ cho ghế chỉnh điện*.

Thông tin liên quan

- HomeLink®* (trang 493)
- La bàn* (trang 497)
- Điều chỉnh hệ thống chống chói của gương chiếu hậu (trang 168)
- Điều chỉnh góc của gương cửa (trang 169)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)

- Bật và tắt sưởi cửa sổ sau và gương cửa (trang 223)

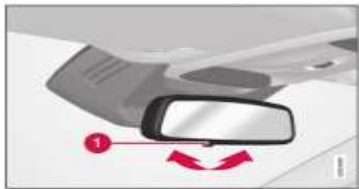
*Tùy chọn/phụ kiện.

Điều chỉnh hệ thống chống chói của gương chiếu hậu

Ánh sáng chói từ phía sau có thể bị phản chiếu trong gương chiếu hậu và làm chói mắt người lái. Sử dụng hệ thống chống chói khi bị ảnh hưởng bởi ánh sáng từ phía sau.

Hệ thống chống chói thủ công

Gương chiếu hậu trong xe có thể chống chói bằng nút điều khiển trong mép dưới của gương.



① Nút điều khiển chống chói thủ công.

1. Sử dụng hệ thống chống chói bằng cách di chuyển nút điều khiển về phía khoang hành khách.
2. Trở về chế độ bình thường bằng cách di chuyển nút điều khiển về phía kính chắn gió.

Nút điều khiển hệ thống chống chói bằng tay không có trên gương có hệ thống chống chói tự động.

Chống chói tự động*

Gương chiếu hậu trong xe và gương cửa tự động chống chói ánh sáng chói từ phía sau. Hệ thống chống chói tự động luôn hoạt động khi lái xe, trừ khi lựa chọn số lùi trong cần số.

① LƯU Ý

Khi thay đổi độ nhạy, không có thay đổi ngay lập tức về hệ thống chống chói nhưng sự thay đổi diễn ra dần dần.

Độ nhạy của hệ thống chống chói sẽ ảnh hưởng đến gương chiếu hậu trong xe và gương cửa.

Để thay đổi độ nhạy của hệ thống chống chói:

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** → **Mirrors and Convenience (Gương và Tiện nghi)**.
3. Dưới **Rearview Mirror Auto Dimming (Hệ thống Chống chói Tự động của Gương Chiếu hậu)**, lựa chọn **Normal (Bình thường)**, **Dark (Tối)** hoặc **Light (Sáng)**.

Gương chiếu hậu trong xe chứa hai cảm biến, một cảm biến hướng về phía trước và một cảm biến hướng về phía sau, hoạt động cùng nhau để phát hiện và loại bỏ ánh sáng chói. Cảm biến hướng về phía trước phát hiện ánh sáng xung quanh trong khi cảm biến hướng về phía sau phát hiện ánh sáng từ đèn chiếu sáng của xe phía sau.

Với gương cửa cần trang bị hệ thống chống chói tự động, gương chiếu hậu trong xe cũng phải được trang bị hệ thống chống chói tự động.

① LƯU Ý

Nếu cảm biến bị che khuất bởi, ví dụ, giấy phép đỗ xe, thiết bị truyền dẫn, tấm che nắng hoặc vật thể trên ghế hoặc trong khoang hành lý, trong đó, ánh sáng không đi đến cảm biến, chức năng chống chói của gương chiếu hậu trong xe và gương cửa hoạt động kém hiệu quả.

Thông tin liên quan

- Gương chiếu hậu và gương cửa (trang 167)
- Điều chỉnh góc của gương cửa (trang 169)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Điều chỉnh góc của gương cửa

Để đảm bảo khả năng quan sát phía sau tốt hơn, gương cửa cần được cài đặt theo sở thích của người lái. Có nhiều cài đặt tự động có thể được liên kết với nút chức năng bộ nhớ của ghế chỉnh điện*.

Sử dụng nút điều khiển cho gương cửa



Nút điều khiển cho gương cửa.

Vị trí gương cửa được điều chỉnh bằng cần điều khiển trong bảng điều khiển cửa phía người lái. Vị trí đánh lửa phải ít nhất là **I**.

1. Ấn nút **L** cho gương cửa bên trái hoặc nút **R** cho gương cửa bên phải. Đèn trong nút này sáng.
2. Điều chỉnh vị trí bằng cần điều khiển ở giữa.

3. Ấn lại nút **L** hoặc **R**. Đèn không còn sáng.

Gập gương chiếu hậu bằng điện*

Gương có thể được thu vào để đỗ xe/lái trong không gian hẹp.

1. Ấn nút **L** hoặc **R** đồng thời.
2. Thả ra sau xấp xỉ 1 giây. Toàn bộ gương tự động thu vào vị trí.

Mở gương bằng cách ấn nút **L** và **R** đồng thời. Toàn bộ gương tự động mở ra.

Cài đặt lại về giữa

Gương đã bị lệch do ngoại lực phải được cài đặt lại bằng điện về vị trí giữa để chức năng thu vào/mở ra* hoạt động đúng quy cách.

1. Gập gương vào bằng cách ấn nút **L** và **R** đồng thời.
2. Mở gương ra lại bằng cách ấn nút **L** và **R** đồng thời.
3. Lập lại quy trình trên khi cần.

Gương hiện được cài đặt lại về vị trí giữa.

Điều chỉnh góc trong quá trình đỗ xe⁵³

Gương cửa có thể được đẩy xuống để người lái nhìn hai bên đường, ví dụ, khi đỗ xe.

> Gài số lùi và ấn nút **L** và **R**.

Lưu ý, nút này có thể cần được ấn hai lần, tùy thuộc vào việc nó đã được lựa chọn trước hay chưa. Nút này nhấp nháy khi gương cửa được đẩy xuống. Khi bỏ gài số lùi, gương cửa tự động bắt đầu trở về vị trí ban đầu sau xấp xỉ 3 giây và về vị trí ban đầu sau xấp xỉ 8 giây.

Điều chỉnh góc tự động trong quá trình đỗ xe⁵³

Với cài đặt này, gương cửa được đẩy xuống tự động khi lựa chọn số lùi. Vị trí được gập được lựa chọn trước và không thể được điều chỉnh. Bạn có thể để gương cửa trở về vị trí ban đầu bằng cách ấn nút **L** hoặc **R** hai lần.

1. Chạm nhẹ **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** ➔ **Mirrors and Convenience (Gương và Tiện nghi)**.
3. Dưới **Exterior Mirror Tilt at Reverse (Gương Ngoài xe Nghiêng khi Lùi)**, lựa chọn **Off (Tắt)**, **Driver (Người lái)**, **Passenger (Hành khách)** hoặc **Both (Tất cả hai)** để bật/tắt và lựa chọn gương chiếu hậu nào cần được điều chỉnh góc.

⁵³ Chỉ kết hợp với ghế chỉnh điện có nút bộ nhớ.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Tự động thu vào khi khóa*

Khi xe được khóa/mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa, gương cửa có thể được thu vào/mở ra tự động.

1. Chạm nhẹ **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Mirrors and Convenience (Gương và Tiện nghi)**.
3. Lựa chọn **Fold Mirror When Locked (Gập Gương Khi Khóa)** để bật/tắt.

Thông tin liên quan

- Gương chiếu hậu và gương cửa (trang 167)
- Điều chỉnh hệ thống chống chói của gương chiếu hậu (trang 168)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Bật và tắt sưởi cửa sổ sau và gương cửa (trang 223)

Cửa sổ trời*

Cửa sổ trời được chia thành hai phần kính. Phần phía trước có thể được mở thẳng đứng ở mép phía sau (vị trí thông gió) hoặc nằm ngang (vị trí mở). Phần phía sau là kính cửa sổ trời cố định.

Cửa sổ trời có vè che mưa và rèm che nắng làm từ vải đục lỗ và đặt dưới cửa sổ trời kính để bảo vệ tốt hơn khỏi các yếu tố như ánh nắng mạnh.



Cửa sổ trời và rèm che nắng được vận hành bằng nút điều khiển đặt trong cửa sổ trời.

Nó cũng có thể được vận hành bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ổ điều khiển từ xa* có tay nắm cửa.

Để có thể vận hành cửa sổ trời và rèm che nắng, hệ thống điện của xe phải ở vị trí đánh lửa I hoặc II.



CẢNH BÁO

Trẻ em, hành khách khác hoặc đồ vật có thể bị kẹp vào các bộ phận đang di chuyển.

- Luôn vận hành cửa sổ một cách thận trọng.
- Không để trẻ em chơi đùa với nút điều khiển.
- Tuyệt đối không để trẻ em một mình trong xe.
- Nhớ luôn tắt nguồn điện cho cửa sổ điện bằng cách cài đặt hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa 0 và sau đó lấy đem chìa khóa điều khiển từ xa theo khi rời khỏi xe.
- Tuyệt đối không để bất cứ vật hoặc phần nào của cơ thể thò ra cửa sổ, kể cả khi hệ thống điện của xe được ngắt hoàn toàn.



QUAN TRỌNG

- Không mở cửa sổ trời khi lắp giá chờ hàng.
- Không đặt bất cứ vật nào nặng trên cửa sổ trời.



QUAN TRỌNG

- Làm sạch băng và tuyết trước khi mở cửa sổ trời. Cần thận để không làm xước bề mặt hoặc làm hỏng khuôn thép.
- Không vận hành cửa sổ trời hoặc nếu nó bị đóng băng.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Về che mưa



Cửa sổ trời có về che mưa được nâng lên khi cửa sổ trời ở vị trí mở.

Thông tin liên quan

- Vận hành cửa sổ trời* (trang 171)
- Đóng tự động rèm che nắng của cửa sổ trời (trang 173)
- Bảo vệ chống kẹp vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Khóa và mở khóa từ xa* (trang 267)
- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)

Vận hành cửa sổ trời*

Cửa sổ trời và rèm che nắng được vận hành bằng nút điều khiển trong bảng điều khiển trên nóc xe và đều được trang bị hệ thống bảo vệ chống kẹp.

⚠ CẢNH BÁO

Trẻ em, hành khách khác hoặc đồ vật có thể bị kẹp vào các bộ phận đang di chuyển.

- Luôn vận hành cửa sổ một cách thận trọng.
- Không để trẻ em chơi đùa với nút điều khiển.
- Tuyệt đối không để trẻ em một mình trong xe.
- Nhớ luôn tắt nguồn điện cho cửa sổ điện bằng cách cài đặt hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa 0 và sau đó lấy đem chìa khóa điều khiển từ xa theo khi rời khỏi xe.
- Tuyệt đối không để bất cứ vật hoặc phần nào của cơ thể thò ra cửa sổ, kể cả khi hệ thống điện của xe được ngắt hoàn toàn.

ⓘ QUAN TRỌNG

- Không mở cửa sổ trời khi lắp giá đỡ hàng.
- Không đặt bất cứ vật nào nặng trên cửa sổ trời.

ⓘ QUAN TRỌNG

- Làm sạch bằng và tuyết trước khi mở cửa sổ trời. Cẩn thận để không làm xước bề mặt hoặc làm hỏng khuôn thép.
- Không vận hành cửa sổ trời hoặc nếu nó bị đóng băng.

Để có thể vận hành cửa sổ trời và rèm che nắng, hệ thống điện của xe phải ở vị trí đánh lửa I hoặc II.

Nó cũng có thể được vận hành bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ổ điều khiển từ xa* có tay nắm cửa.

⚠ CẢNH BÁO

Kiểm tra xem trẻ em hoặc hành khách khác có nguy cơ bị kẹp hay không khi tất cả cửa sổ được đóng bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ổ điều khiển từ xa* có tay nắm cửa.

ⓘ QUAN TRỌNG

Kiểm tra xem cửa sổ trời có được đóng đúng quy cách khi đóng không.

Cửa sổ trời dừng di chuyển nếu nhà nút điều khiển trong quá trình vận hành bằng tay hoặc khi kính chạm đến vị trí thoải mái⁵⁴ hoặc vị trí mở hoặc đóng tối đa.

⁵⁴ Vị trí thoải mái là một vị trí mà tiếng ồn của gió và tiếng ồn cộng hưởng ở mức thấp khi lái xe.

*Tùy chọn/phụ kiện.

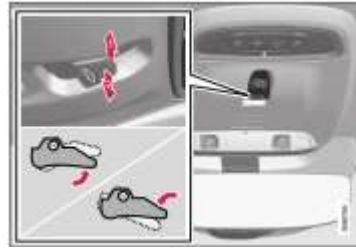
Cửa sổ trời và rèm che nắng cũng dừng di chuyển nếu nút điều khiển cửa sổ trời được vận hành lại ở phía đối diện đến hướng di chuyển hiện tại.

Cửa sổ trời và rèm che nắng cũng được trang bị hệ thống bảo vệ chống kẹt. Nếu hệ thống bảo vệ chống kẹt phát sinh bất cứ lỗi nào, có thể kiểm tra trình tự cài đặt lại.

ⓘ LƯU Ý

Để mở thủ công, rèm che nắng phải được mở hết cỡ trước khi có thể mở cửa sổ trời. Khi đảo ngược quy trình này, cửa sổ trời phải được đóng hết cỡ trước khi có thể đóng toàn bộ rèm che nắng.

Mở và đóng vị trí thông gió



Vị trí thông gió, thẳng đứng ở mép phía sau.

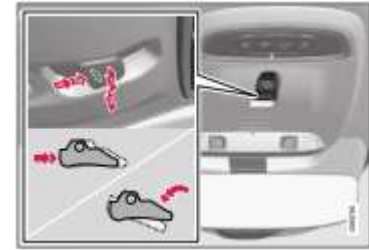
➡ Mở bằng cách ấn nút điều khiển lên trên một lần.

➡ Đóng bằng cách ấn nút điều khiển xuống dưới một lần.

Khi vị trí thông gió được lựa chọn, nắp kính phía trước nâng lên ở mép phía sau. Nếu rèm che nắng được đóng hết cỡ khi vị trí thông gió được lựa chọn, nó mở tự động xấp xỉ 50 mm (xấp xỉ 2 inch).

Rèm che nắng tự động đóng nếu cửa sổ trời được đóng từ vị trí thông gió.

Mở và đóng hết cỡ cửa sổ trời bằng nút điều khiển trên nóc xe



➡ Vận hành, chế độ thủ công

➡ Vận hành, chế độ tự động

Vận hành thủ công

1. Mở rèm che nắng, ấn nút điều khiển về vị trí để mở thủ công.
2. Mở cửa sổ trời đến vị trí thoải mái, ấn nút điều khiển ra sau lần thứ hai đến vị trí để mở thủ công.
3. Mở cửa sổ trời đến vị trí tối đa, ấn nút điều khiển ra sau lần thứ ba đến vị trí để mở thủ công.

Đóng bằng cách lặp lại quy trình trước theo chiều ngược lại, ấn nút điều khiển về trước/xuống dưới đến vị trí đóng thủ công.

Vận hành tự động

1. Mở rèm che nắng đến vị trí tối đa, ấn nút điều khiển về sau đến vị trí để mở tự động và thả ra.
2. Mở cửa sổ trời đến vị trí thoải mái, ấn nút điều khiển ra sau lần thứ hai đến vị trí để mở tự động và thả ra.
3. Mở cửa sổ trời đến vị trí tối đa, ấn nút điều khiển ra sau lần thứ ba đến vị trí để mở tự động và thả ra.

Đóng bằng cách lặp lại quy trình trước theo chiều ngược lại, ấn nút điều khiển về trước/xuống dưới đến vị trí đóng tự động.

Vận hành tự động, mở hoặc đóng nhanh

Cửa sổ trời và rèm che nắng có thể được mở và đóng đồng thời:

- Để mở - ấn nút điều khiển về sau đến vị trí vận hành tự động hai lần và thả ra.
- Để đóng - ấn nút điều khiển lên trước/xuống dưới đến vị trí vận hành tự động hai lần và thả ra.

Thông tin liên quan

- Cửa sổ trời* (trang 170)
- Đóng tự động rèm che nắng của cửa sổ trời (trang 173)

- Bảo vệ chống kẹp vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)
- Cài đặt vào xe không dùng chìa khóa* (trang 267)
- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)

Đóng tự động rèm che nắng của cửa sổ trời*

Với chức năng này, rèm che nắng được đóng tự động 15 phút sau khi xe đã được khóa nếu xe được đỗ trong điều kiện thời tiết nóng. Điều này để hạ thấp nhiệt độ khoang hành khách và bảo vệ vải bọc ghế của xe khỏi phai màu.

Chức năng này được tắt khi xe được cung cấp từ nhà máy và có thể được bật hoặc tắt trong màn hình trung tâm.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** ➔ **Locking (Khóa)**.

Lựa chọn **Auto Close Sunroof Curtain (Tự động**

Đóng Rèm che nắng của Cửa sổ trời) để bật/tắt.

ⓘ LƯU Ý

Rèm che nắng cũng được đóng khi tất cả cửa sổ đều được đóng bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc ổ điều khiển từ xa* có tay nắm cửa.

Thông tin liên quan

- Cửa sổ trời* (trang 170)
- Vận hành cửa sổ trời* (trang 171)
- Bảo vệ chống kẹp vào cửa sổ và rèm che nắng (trang 164)

*Tùy chọn/phụ kiện.

- Khóa và mở khóa từ xa* (trang 267)
- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)

Lưới gạt nước và dung dịch nước rửa kính

Cùng với dung dịch nước rửa kính, cần gạt nước được sử dụng để tăng khả năng quan sát và tăng độ sáng của đèn chiếu sáng.

Vòi phun nước được sưởi* tự động trong thời tiết lạnh để ngăn dung dịch nước rửa kính bị đóng băng.

Thông tin về việc dung dịch nước rửa kính cần đổ thêm xuất hiện trong màn hình người lái khi còn lại xấp xỉ 1 lít (1 qt) dung dịch nước rửa kính.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đổ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưới gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

Sử dụng cần gạt nước

Cần gạt nước làm sạch kính chắn gió. Các cài đặt khác nhau cho cần gạt nước được thực hiện bằng công tắc vô lăng bên phải.



Công tắc bên phải.

❶ Nút vận được sử dụng để cài đặt độ nhạy của cảm biến mưa và tần suất gạt của cần gạt nước.

Gạt một lần



Hạ công tắc và thả ra để gạt một lần.

Tắt cần gạt nước



Di chuyển công tắc về vị trí 0 để tắt cần gạt nước.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Gạt ngắt quãng



Cài đặt số lần gạt theo mỗi khoảng thời gian bằng núm vặn khi lựa chọn gạt ngắt quãng.

Gạt liên tục



Nâng công tắc cho cần gạt nước để gạt ở tốc độ thông thường



Nâng công tắc lên cao hơn để cần gạt nước gạt ở tốc độ cao.

❗ QUAN TRỌNG

Trước khi bật cần gạt nước, đảm bảo rằng lưỡi gạt nước không bị đóng băng trong kính chắn gió và tất cả tuyết hoặc băng trên kính chắn gió và cửa sổ phía sau đều được làm sạch.

❗ QUAN TRỌNG

Sử dụng nhiều dung dịch nước làm sạch khi cần gạt nước đang vệ sinh kính chắn gió. Kính chắn gió phải ướt khi cần gạt nước của kính chắn gió đang hoạt động.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng nước rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)

- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)

Sử dụng cảm biến mưa

Cảm biến mưa tự động khởi động cần gạt nước của kính chắn gió dựa trên lượng nước mà cảm biến mưa phát hiện trên kính chắn gió. Độ nhạy của cảm biến mưa có thể được điều chỉnh bằng núm vặn trên công tắc bên phải.



Công tắc bên phải.

❶ Núm cảm biến mưa

❷ Độ nhạy/tần suất của núm vặn

Khi cảm biến mưa được bật, biểu tượng cảm biến mưa



được hiển thị trên màn hình người lái.

Bật cảm biến mưa

Khi bật cảm biến mưa, xe phải đang chạy hoặc hệ thống điện ở vị trí I hoặc II trong khi công tắc cần gạt nước của kính chắn gió phải ở vị trí 0 hoặc ở vị trí gạt một lần.

Bật cảm biến mưa bằng cách ấn nút cảm biến mưa .

Ấn công tắc xuống để cần gạt nước gạt nhiều hơn.

Xoay núm vặn lên trên để tăng độ nhạy và xoay núm vặn xuống dưới để giảm độ nhạy. Xoay núm vặn lên trên để gạt nhiều hơn.

Tắt cảm biến mưa

Tắt cảm biến mưa bằng cách ấn nút cảm biến mưa  hoặc di chuyển công tắc lên một chương trình cần gạt khác.

Cảm biến mưa bị tự động tắt ở vị trí 0 hoặc khi động cơ bị tắt.

Cảm biến mưa bị tự động tắt khi lưỡi cần gạt mưa được cài đặt ở vị trí bảo trì. Cảm biến mưa được bật lại khi chế độ bảo trì đã bị tắt.

! QUAN TRỌNG

Cần gạt nước của kính chắn gió có thể khởi động và bị hư hỏng trong quá trình rửa xe tự động. Tắt cảm biến mưa khi xe đang chạy hoặc hệ thống điện ở vị trí I hoặc II. Biểu tượng trong màn hình người lái biến mất.

Thông tin liên quan

- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa

Cảm biến mưa tự động khởi động cần gạt nước của kính chắn gió dựa trên lượng nước mà cảm biến mưa phát hiện trên kính chắn gió.

Bật/tắt chức năng bộ nhớ

Chức năng bộ nhớ cho cảm biến mưa có thể được bật mà không cần ấn nút cảm biến mưa mỗi lần xe được khởi động:

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** ➔ **Wipers (Cần gạt nước)**.
3. Lựa chọn **Rain Sensor Memory (Bộ nhớ Cảm biến Mưa)** để bật/tắt chức năng bộ nhớ.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)

- Thay lưới gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha

Chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha rửa sạch kính chắn gió và đèn pha. Chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha được khởi động bằng công tắc bên phải.

Khởi động chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha



Chức năng rửa, công tắc bên phải.

- Di chuyển công tắc bên phải về phía trước đến vô lăng để khởi động chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha.
 - > Cần gạt nước của kính chắn gió sẽ thực hiện gạt thêm sau khi đã thả công tắc.

❗ QUAN TRỌNG

Tránh bật hệ thống rửa khi hệ thống bị đóng băng hoặc kết nước của hệ thống rửa hết nước, nếu không, có nguy cơ gây hư hỏng máy bơm.

Rửa đèn pha*

Để tiết kiệm nước rửa, đèn pha được rửa tự động theo khoảng thời gian xác định khi bật đèn pha.

Rửa tiết kiệm

Nếu chỉ còn lại xấp xỉ 1 lít (1 qt) dung dịch nước rửa trong két nước và thông báo **Washer fluid level low, refill** (Mức dung dịch nước rửa thấp, đổ thêm) cùng

với biểu tượng  được hiển thị trong màn hình người lái, tắt cung cấp dung dịch nước rửa cho đèn pha. Điều này để ưu tiên làm sạch kính chắn gió và cải thiện tầm nhìn qua kính chắn gió. Đèn pha chỉ được rửa nếu bật đèn pha hoặc đèn cốt.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Lưới gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)



*Tùy chọn/phụ kiện.

- Đổ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau

Cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau làm sạch cửa sổ phía sau. Khởi động rửa/gạt và thay đổi cài đặt bằng công tắc vô lăng bên phải.

Bật cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau

① LƯU Ý

Động cơ cần gạt nước của cửa sổ phía sau được trang bị hệ thống bảo vệ chống quá nhiệt, có nghĩa là cần gạt nước được tắt khi quá nhiệt. Cần gạt nước của cửa sổ phía sau hoạt động lại sau thời gian làm mát.



① Lựa chọn  để gạt ngắt quãng bằng cần gạt nước của cửa sổ phía sau.

② Lựa chọn  để gạt liên tục bằng cần gạt nước của cửa sổ phía sau.

– Di chuyển công tắc vô lăng bên phải về phía trước để khởi động rửa và gạt cửa sổ phía sau.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)
- Đổ dung dịch nước rửa kính (trang 659)

- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi

Gài số lùi khi cần gạt nước của kính chắn gió đang bật để khởi động chức năng gạt cửa sổ phía sau. Chức năng này dừng khi bỏ gài số lùi.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) ➔ Wipers (Cần gạt nước)**.
3. Lựa chọn **Auto Rear Wiper (Cần gạt nước Tự động Phía sau)** để bật/tắt chức năng gạt nước khi lùi.

Nếu cần gạt nước của cửa sổ phía sau đã bật ở tốc độ gạt liên tục, không thực hiện thay đổi.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)

GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

Ghế ngồi trước chỉnh tay

Ghế ngồi trước của xe có các tùy chọn cài đặt khác nhau để tạo cảm giác thoải mái tối ưu khi ngồi.



- ❶ Nâng/hạ mép phía trước của đệm ghế* bằng cách bơm căng/tháo hơi⁵⁵.
- ❷ Thay đổi chiều dài* của đệm ghế bằng cách kéo cần lên và di chuyển đệm ghế lên trước/về sau bằng tay.
- ❸ Điều chỉnh ghế lên trước/về sau bằng cách nâng tay cầm và điều chỉnh khoảng cách đến vô lăng và bàn đạp. Kiểm tra xem ghế có được khóa sau khi điều chỉnh vị trí không.
- ❹ Thay đổi đệm đỡ thắt lưng* bằng cách ấn nút lên trên/xuống dưới/lên trước/về sau⁵⁶.

- ❺ Nâng/hạ ghế bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên/xuống.
- ❻ Thay đổi độ nghiêng của đệm ngả lưng bằng cách xoay núm điều khiển.



CẢNH BÁO

Điều chỉnh vị trí của ghế người lái trước khi lái, tuyệt đối không điều chỉnh vị trí ghế người lái khi đang lái. Đảm bảo rằng ghế ở vị trí khóa để tránh thương tích cá nhân trong trường hợp phanh gấp hoặc tai nạn.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)

- Điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

⁵⁵ Chỉ áp dụng với ghế người lái

⁵⁶ Áp dụng với đệm đỡ thắt lưng bốn chiều*. Đệm đỡ thắt lưng hai chiều được điều chỉnh lên trước/về sau.

Ghế ngồi trước chỉnh điện*

Ghế ngồi trước của xe có các tùy chọn cài đặt khác nhau để tạo cảm giác thoải mái tối ưu khi ngồi. Ghế ngồi chỉnh điện có thể được di chuyển lên trước/về sau và lên trên/xuống dưới. Mép phía trước của đệm ghế có thể được nâng/hạ và điều chỉnh chiều dài* và độ nghiêng của đệm ngả lưng có thể được thay đổi. Đệm đỡ thắt lưng* có thể được điều chỉnh lên trên/xuống dưới/lên trước/về sau⁵⁷.

Ghế ngồi có thể được điều chỉnh trong một khoảng thời gian sau khi mở khóa cửa mà không chạy động cơ. Có thể luôn thực hiện điều chỉnh ghế ngồi khi động cơ đang chạy. Cũng có thể thực hiện điều chỉnh trong một khoảng thời gian sau khi động cơ đã bị tắt.

① QUAN TRỌNG

Ghế ngồi chỉnh điện có hệ thống bảo vệ chống quá tải, được bật nếu có bất cứ ghế nào bị kẹt đồ vật. Nếu điều này xảy ra, gỡ đồ vật và di chuyển lại ghế ngồi.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)

- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện*

Cài đặt vị trí ghế ngồi ưa thích bằng nút điều khiển trên phần đế của ghế ngồi trước. Để cài đặt nhiều chức năng thoải mái khác nhau, xoay nút điều khiển đa năng⁵⁸ lên/xuống.



Hình ảnh minh họa thể hiện các nút điều khiển từ xe có đệm đỡ thắt lưng bốn chiều*. Xe có đệm đỡ thắt lưng hai chiều* không có nút điều khiển đa năng xoay được.

- ① Ô xe có đệm đỡ thắt lưng bốn chiều*, xoay nút điều khiển đa năng⁵⁸ lên/xuống để cài đặt các chức năng thoải mái khác nhau. Ô xe có đệm đỡ thắt lưng hai chiều*, sử dụng nút tròn để điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng lên trước/về sau.
- ② Nâng/hạ mép phía trước của đệm ghế bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên/xuống.

⁵⁷ Áp dụng với đệm đỡ thắt lưng bốn chiều*. Đệm đỡ thắt lưng hai chiều được điều chỉnh lên trước/về sau.

⁵⁸ Không có ô xe có đệm đỡ thắt lưng hai chiều*.

GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

“

- ❸ Nâng/hạ ghế bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên/xuống.
- ❹ Di chuyển ghế lên trước/về sau bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên trước/về sau.
- ❺ Thay đổi độ nghiêng của đệm ngả lưng bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên trên/về sau.

Chỉ có thể thực hiện một lần di chuyển (trước/sau/lên/xuống) một lúc.

Không thể hạ toàn bộ đệm ngả lưng của ghế ngồi trước về phía trước.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)

- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió*

Bạn có thể lưu vị trí của ghế ngồi chỉnh điện*, gương cửa và màn hình kính chắn gió* trong nút bộ nhớ.

Lưu ba vị trí khác nhau của ghế ngồi chỉnh điện*, gương cửa và màn hình kính chắn gió* bằng nút bộ nhớ. Các nút được đặt bên trong của một trong các cửa phía trước hoặc hai cửa*.



- ❶ Nút bộ nhớ
- ❷ Nút bộ nhớ
- ❸ Nút bộ nhớ
- ❹ Nút M để lưu cài đặt.

Lưu một vị trí

1. Điều chỉnh ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió đến vị trí mong muốn.
2. Ấn và giữ nút **M**. Đèn báo trong nút nhấp nháy.
3. Trong vòng ba giây, ấn và giữ nút **1**, **2** hoặc **3**.
 - > Khi vị trí đã được lưu trong nút bộ nhớ đã chọn, có thể nghe thấy một tín hiệu âm thanh và đèn báo trong nút **M** tắt.

Nếu không ấn nút bộ nhớ nào trong vòng ba giây, nút **M** tắt và không thực hiện lưu.

Ghế ngồi, gương cửa hoặc màn hình kính chắn gió phải được điều chỉnh lại trước khi có thể cài đặt một bộ nhớ mới.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)

- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)
- Điều chỉnh góc của gương cửa (trang 169)
- Cài đặt cho màn hình kính chắn gió* (trang 140)

Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió*

Nếu vị trí của ghế ngồi chỉnh điện*, gương cửa và màn hình kính chắn gió* đã được lưu, chúng có thể được bật đơn giản bằng cách sử dụng nút bộ nhớ.

Sử dụng cài đặt đã lưu



Cài đặt đã lưu có thể được sử dụng khi mở hoặc đóng cửa phía trước:

Mở cửa phía trước

- Ấn một trong các nút bộ nhớ **1** đến **3** bằng cách ấn nhanh. Ghế ngồi chỉnh điện, gương cửa và màn hình kính chắn gió di chuyển và dừng ở vị trí đã lưu trong nút bộ nhớ đã chọn.



*Tùy chọn/phụ kiện.

GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

“ **Đóng cửa phía trước**

- Ấn giữ các nút bộ nhớ **1 đến 3** cho đến khi ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió dừng ở vị trí được lưu trong nút bộ nhớ đã chọn.

Nếu thả nút bộ nhớ, ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió sẽ dừng di chuyển.

CẢNH BÁO

- Do có thể điều chỉnh ghế người lái khi tắt đánh lửa, trẻ em tuyệt đối không được ở trong xe một mình.
- Ghế có thể DỪNG di chuyển vào bất cứ lúc nào bằng cách ấn bất cứ nút nào trên bảng điều khiển ghế ngồi chỉnh điện.
- Không điều chỉnh ghế ngồi khi lái xe.
- Đảm bảo không có thứ gì dưới ghế ngồi khi chúng đang được điều chỉnh.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)

- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)
- Điều chỉnh góc của gương cửa (trang 169)
- Cài đặt cho màn hình kính chắn gió* (trang 140)

Cài đặt chế độ mát-xa* trong ghế ngồi trước

Nút điều khiển đa năng trên ghế ngồi và màn hình trung tâm đều có thể được sử dụng để thay đổi cài đặt. Phạm vi cài đặt được hiển thị trong màn hình trung tâm.



Nút điều khiển đa năng đặt trên phía phần đế của ghế ngồi.

Cài đặt cho chế độ mát-xa

Các tùy chọn dưới đây có sẵn cho thông báo:

- **On (Bật)/Off (Tắt):** Lựa chọn **On (Bật)/Off (Tắt)** để bật/tắt nút thông báo:
- **Programs 1 - 5 (Chương trình 1 - 5):** Có 5 chương trình cài đặt sẵn. Lựa chọn giữa **Swell (Cầu vai)**, **Tread (Chân)**, **Advanced (Nâng cao)**, **Lumbar (Thắt lưng)** và **Shoulder (Vai)**.

- **Intensity (Cường độ):** Lựa chọn giữa **Low (Thấp)**, **Normal (Bình thường)** và **High (Cao)**.
- **Speed (Tốc độ):** Lựa chọn giữa **Slow (Chậm)**, **Normal (Bình thường)** và **Fast (Nhanh)**.

Khởi động lại chế độ mát-xa

Chức năng thông báo bị tắt tự động sau 20 phút. Chức năng này được bật lại tự động.

- Chạm nhẹ vào **Restart (Khởi động lại)** được hiển thị trong màn hình trung tâm để khởi động lại chương trình thông báo đã chọn.
- > Chương trình thông báo khởi động lại. Nếu không thực hiện hành động, thông báo vẫn được hiển thị trong phần trên cùng.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)

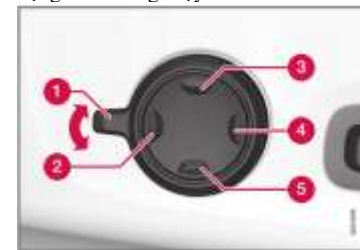
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Điều chỉnh cài đặt chế độ mát-xa* trong ghế ngồi trước

Nút điều khiển đa năng trên ghế ngồi và màn hình trung tâm đều có thể được sử dụng để thay đổi cài đặt. Phạm vi cài đặt được hiển thị trong màn hình trung tâm.

Điều chỉnh cài đặt chế độ mát-xa trong ghế ngồi trước

Ghế ngồi trước có thông báo trong đệm ngả lưng. Thông báo được thực hiện bằng đệm khí mà có thể thông báo bằng các cài đặt khác nhau. Chức năng thông báo chỉ có thể được bật khi động cơ xe đang chạy.



1. Bật nút điều khiển đa năng bằng cách xoay nút điều khiển ❶ lên/xuống. Phần cài đặt ghế sẽ được hiển thị trong màn hình trung tâm.



*Tùy chọn/phụ kiện.

- “ 2. Lựa chọn **Massage (Mát-xa)** trong phần cài đặt ghế.
3. Để lựa chọn giữa các chức năng thông báo khác nhau, lựa chọn trực tiếp trong màn hình trung tâm hoặc bằng cách di chuyển con trỏ lên/xuống bằng nút trên ❸/dưới ❺ của nút điều khiển đa năng. Thay đổi cài đặt trong chức năng đã chọn trực tiếp trong màn hình trung tâm bằng cách ấn mũi tên hoặc bằng cách sử dụng nút trước ❷/sau ❹ của nút điều khiển đa năng.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước

Tùy thuộc vào mức độ trang bị đã chọn, độ dài của đệm ghế được điều chỉnh bằng nút điều khiển đa năng* ở phía đệm ghế của ghế hoặc điều chỉnh thủ công bằng nút điều khiển ở phía trước của đệm ghế.

Điều chỉnh độ dài của đệm ghế bằng nút điều khiển đa năng



Nút điều khiển đa năng đặt trên phía đệm ghế.

1. Bật nút điều khiển đa năng bằng cách xoay nút điều khiển ❶ lên/xuống. Phần cài đặt ghế sẽ được hiển thị trong màn hình trung tâm.

2. Lựa chọn **Cushion extension (Kéo dài đệm ghế)** trong phần cài đặt ghế.

- Ấn phần trước của nút bốn chiều ❷ để kéo dài đệm ghế.
- Ấn phần sau của nút bốn chiều ❸ để thu vào đệm ghế.

Điều chỉnh độ dài của đệm ghế thủ công



Nút điều khiển điều chỉnh đệm ghế.

1. Nắm tay cầm ❶ phía trước ghế và kéo lên.
2. Điều chỉnh độ dài của đệm ghế.
3. Thả tay cầm và đảm bảo đệm ghế đã đến vị trí chính xác.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước

Tăng độ thoải mái trong ghế ngồi trước bằng cách điều chỉnh hai bên đệm ngả lưng.



Nút điều khiển đa năng đặt trên phía phần đế của ghế ngồi.

Hai bên của đệm ngả lưng có thể được điều chỉnh để đỡ hai bên. Nút điều khiển đa năng trên ghế ngồi và màn hình trung tâm đều có thể được sử dụng để thay đổi cài đặt. Phạm vi cài đặt được hiển thị trong màn hình trung tâm.

Để điều chỉnh đệm đỡ hai bên:

1. Bật nút điều khiển đa năng bằng cách xoay nút điều khiển ❶ lên/xuống. Phần cài đặt ghế sẽ được hiển thị trong màn hình trung tâm.

2. Lựa chọn **Side bolsters (Đệm đỡ hai bên)** trong phần cài đặt ghế.

- Ấn phần trước của nút bốn chiều ❷ để tăng mức độ đỡ hai bên.
- Ấn phần sau của nút bốn chiều ❸ để giảm mức độ đỡ hai bên.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước

Đệm đỡ thắt lưng được điều chỉnh bằng nút điều khiển trên phía đệm ghế.



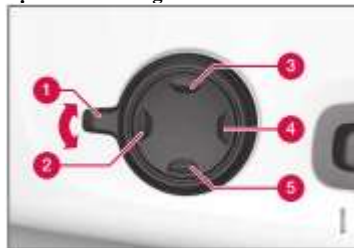
Nút điều khiển đa năng trong xe có đệm đỡ thắt lưng bốn chiều*.



Nút điều khiển trong xe có đệm đỡ thắt lưng hai chiều*.

Đệm đỡ thắt lưng được điều chỉnh bằng nút điều khiển đa năng trong xe có đệm đỡ thắt lưng bốn chiều* hoặc nút tròn trong xe có đệm đỡ thắt lưng hai chiều*. Nút điều khiển được đặt trên phía phần đế của ghế. Tùy thuộc vào mức độ trang bị được chọn, đệm đỡ thắt lưng có thể được điều chỉnh lên trước/về sau và lên/xuống (đệm đỡ thắt lưng bốn chiều) hoặc lên trước/về sau (đệm đỡ thắt lưng hai chiều).

Điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng trong xe sử dụng đệm đỡ thắt lưng bốn chiều

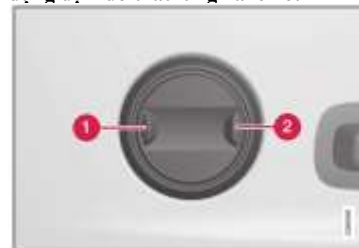


1. Bật nút điều khiển đa năng bằng cách xoay nút điều khiển ① lên/xuống. Phần cài đặt ghế sẽ được hiển thị trong màn hình trung tâm.

2. Lựa chọn **Lumbar (Thắt lưng)** trong phần cài đặt ghế.

- Ấn nút tròn lên ③/xuống ⑤ để di chuyển đệm đỡ thắt lưng lên trên/xuống dưới.
- Ấn phần trước của nút ② để tăng mức độ đỡ thắt lưng.
- Ấn phần sau của nút bốn chiều ④ để giảm mức độ đỡ thắt lưng.

Điều chỉnh đệm đỡ thắt lưng trong xe sử dụng đệm đỡ thắt lưng hai chiều



1. Ấn phần trước của nút ① để tăng mức độ đỡ thắt lưng.
2. Ấn phần sau của nút bốn chiều ② để giảm mức độ đỡ thắt lưng.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)
- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái* (trang 191)

Điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái*

Ghế hành khách phía trước có thể được điều chỉnh từ ghế người lái.

Bật chức năng

Chức năng này được bật thông qua phần chức năng trong màn hình trung tâm:



Ấn nút **Adjust Passenger Seat** (**Điều chỉnh Ghế Hành khách**) để bật.

Điều chỉnh ghế hành khách

Từ khi bật chức năng này, người lái phải điều chỉnh ghế hành khách trong vòng 10 giây. Nếu không thực hiện điều chỉnh trong khoảng thời gian này, chức năng này bị tắt.

Người lái điều chỉnh ghế hành khách bằng nút điều khiển trên ghế người lái.



- 1 Di chuyển ghế hành khách lên trước/về sau bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên trước/về sau.
- 2 Thay đổi độ nghiêng đệm ngả lưng của ghế hành khách bằng cách điều chỉnh nút điều khiển lên trước/về sau.

Thông tin liên quan

- Ghế ngồi trước chỉnh tay (trang 182)
- Ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)
- Lưu vị trí của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 184)
- Sử dụng vị trí đã lưu của ghế ngồi, gương cửa và màn hình kính chắn gió* (trang 185)
- Điều chỉnh thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 187)
- Điều chỉnh* độ dài của đệm ghế trong ghế ngồi trước (trang 188)



GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

- Cài đặt thông báo* trong ghế ngồi trước (trang 186)
- Điều chỉnh đệm đỡ hai bên* trong ghế ngồi trước (trang 189)
- Điều chỉnh đỡ thắt lưng* trong ghế ngồi trước (trang 190)

Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai

Hàng ghế thứ hai có ba ghế đơn. Đệm ngả lưng có thể được hạ lên phía trước.



CẢNH BÁO

- Điều chỉnh ghế và cố định nó trước khi lái. Cần thận khi điều chỉnh ghế. Việc điều chỉnh không đúng quy cách hoặc cầu thả có thể dẫn đến thương tích do bị kẹp.
- Khi chờ các đồ vật dài, chúng phải luôn được chằng cố định để tránh gây chấn thương và hư hỏng trong quá trình phanh gấp.
- Luôn tắt động cơ và kéo phanh tay khi bốc dỡ đồ khỏi xe.
- Với xe có hộp số tự động, cài đặt cần số ở P để ngăn xe di chuyển do vô tình.



QUAN TRỌNG

Không được có đồ vật nào trên ghế sau trong quá trình gấp đệm ngả lưng xuống. Không được nối dây đai an toàn với chúng, nếu không, có nguy cơ gây hư hỏng vải bọc ghế sau.

QUAN TRỌNG

Đệm ghế trên ghế trẻ em tích hợp* phải ở vị trí thấp trước khi hạ đệm ngả lưng của ghế giữa.

Thanh tỷ tay* cho ghế giữa phải được nâng lên trước khi hạ ghế.

LƯU Ý

Ghế trước có thể cần được đẩy lên phía trước và /hoặc đệm lưng được điều chỉnh hướng lên trên để đệm ngả lưng sau có thể được gấp toàn bộ lên phía trước.

Ghế sau cũng có thể cần được di chuyển về phía sau.

Ghế phải ở vị trí đã được nâng khi hạ hàng ghế thứ hai, chúng không được hạ khi được nghiêng lên phía trước để vào/ra khỏi hàng ghế thứ ba.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Ghế giữa



Để hạ đệm ngả lưng:

1. Hạ gối tựa đầu bằng tay.
2. Kéo dây đai đặt trên phía tay phải của ghế giữa.
3. Hạ gối tựa đầu lên phía trước cho đến khi nó cố định vào vị trí. Đệm ghế gấp xuống/lên phía trước trong quá trình gối tựa đầu được hạ để tạo một không gian phẳng.

Để nâng gối tựa đầu lên vị trí thẳng đứng:

1. Kéo dây đai.
2. Nâng đệm ngả lưng và thả dây đai. Trượt đệm ngả lưng cho đến khi khớp dây cài.
3. Nếu cần, nâng gối tựa đầu.

Ghế ngoài cùng



Để hạ đệm ngả lưng:

⚠ LƯU Ý

Khi hạ hàng ghế thứ hai, luôn bắt đầu từ vị trí thông thường của ghế. Không sử dụng cần hạ cho ghế khi ghế ở vị trí để ra/vào hàng ghế thứ ba.

1. Kéo tay cầm trên phía ghế lên trên và giữ nâng tay cầm và hạ đệm ngả lưng cùng lúc.

2. Đảm bảo rằng đệm ngả lưng có gối tựa đầu không tiếp xúc với ghế trước trong quá trình hạ. Hạ đệm ngả lưng lên phía trước cho đến khi nó cố định vào vị trí.
 - > Đệm ghế gấp xuống/lên phía trước để tạo một không gian phẳng. Gối tựa đầu tự động hạ khi ghế sau được hạ.

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo đệm ngả lưng được khóa đúng quy cách sau khi hạ.

Để nâng đệm ngả lưng lên vị trí thẳng đứng:

1. Kéo tay cầm trên phía ghế lên trên và giữ nâng tay cầm và nâng đệm ngả lưng đồng thời.
2. Đảm bảo rằng đệm ngả lưng có gối tựa đầu không tiếp xúc với ghế trước trong quá trình nâng. Nâng đệm ngả lưng và thả tay cầm.
3. Đẩy đệm ngả lưng cho đến khi khớp với khóa.
4. Nâng gối tựa đầu bằng tay.



CẢNH BÁO

Kiểm tra xem đệm ngả lưng và gối tựa đầu ở ghế sau có được cố định đúng quy cách sau khi được gấp lên không.

CẢNH BÁO

Gối tựa đầu trên ghế ngoài cùng trong hàng ghế thứ hai phải luôn được nâng lên khi hành khách ngồi hàng ghế thứ ba*.

Thông tin liên quan

- Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 194)
- Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai* (trang 195)
- Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 196)
- Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 197)
- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 198)

Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai

Điều chỉnh gối tựa đầu của ghế giữa theo chiều cao của hành khách. Gập gối tựa đầu của ghế ngoài cùng* xuống để tăng khả năng quan sát phía sau.

Điều chỉnh gối tựa đầu, ghế giữa



Gối tựa đầu của ghế giữa phải được điều chỉnh theo chiều cao của hành khách để đỡ toàn bộ phía sau của đầu, nếu có thể. Trượt lên bằng tay theo yêu cầu.



Để hạ gối tựa đầu, nút (đặt ở giữa đệm ngả lưng và gối tựa đầu, xem hình ảnh minh họa) phải được ấn vào, đồng thời, gối tựa đầu được ấn xuống cẩn thận.

CẢNH BÁO

Gối tựa đầu của ghế giữa phải ở vị trí thấp nhất khi ghế giữa không được sử dụng. Khi ghế giữa được sử dụng, gối tựa đầu phải được điều chỉnh chính xác theo chiều cao của hành khách để nó đỡ toàn bộ phía sau của đầu, nếu có thể.

Hạ gối tựa đầu* ngoài cùng của ghế sau bằng điện



Gối tựa đầu ngoài cùng có thể được thu vào thông qua phần chức năng của màn hình trung tâm. Bạn có thể hạ gối tựa đầu về vị trí đánh lửa 0.



Ấn nút **Headrest Fold (Gập Gối tựa đầu)** để bật/tắt chức năng hạ.

Di chuyển gối tựa đầu về phía sau bằng tay cho đến khi nghe thấy tiếng "tách".

CẢNH BÁO

Không hạ gối tựa đầu ngoài cùng nếu có hành khách ở bất cứ ghế phía sau ngoài cùng nào.

CẢNH BÁO

Gối tựa đầu phải ở vị trí cố định sau khi được nâng lên.

CẢNH BÁO

Gối tựa đầu trên ghế ngoài cùng trong hàng ghế thứ hai phải luôn được nâng lên khi hành khách ngồi hàng ghế thứ ba*.

Thông tin liên quan

- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai (trang 192)
- Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai* (trang 195)
- Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 196)
- Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 197)
- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 198)

Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai*

Trong xe có 7 chỗ ngồi, các ghế ngồi ở hàng ghế thứ hai có thể được điều chỉnh lên phía trên hoặc về phía sau theo chiều dọc để tạo chỗ để chân tối ưu cho hành khách của hàng ghế thứ hai và thứ ba. Không thể điều chỉnh ghế sau theo chiều dọc trong xe có 5 chỗ ngồi.



 Nâng tay cầm đặt dưới ghế.

 Trượt ghế lên phía trước hoặc về phía sau đến vị trí mong muốn.

3. Thả tay cầm và trượt ghế cho đến khi khớp dây cài.

Kiểm tra xem ghế có được cố định sau khi điều chỉnh vị trí không.





CẢNH BÁO

- Điều chỉnh ghế và cố định nó trước khi lái. Cần thận khi điều chỉnh ghế. Việc điều chỉnh không đúng quy cách hoặc cầu thả có thể dẫn đến thương tích do bị kẹp.
- Khi chở các đồ vật dài, chúng phải luôn được chằng cố định để tránh gây chấn thương và hư hỏng trong quá trình phanh gấp.
- Luôn tắt động cơ và kéo phanh tay khi bốc dỡ đồ khỏi xe.
- Với xe có hộp số tự động, cài đặt cần số ở **P** để ngăn xe di chuyển do vô tình.

Thông tin liên quan

- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai (trang 192)
- Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 194)
- Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 196)
- Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 197)
- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 198)

Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai

Độ nghiêng của đệm ngả lưng có thể được điều chỉnh riêng cho từng ghế trong hàng ghế thứ hai.

Ghế giữa



1. Kéo dây đai đặt trên phía bên phải của ghế giữa.
2. Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng lên phía trước/về phía sau bằng cách giảm hoặc tăng trọng tải lên đệm ngả lưng.
3. Thả dây đai để cố định vị trí của đệm ngả lưng và trượt đệm ngả lưng cho đến khi khớp dây cài.

Kiểm tra xem ghế có được cố định sau khi điều chỉnh vị trí không.

Ghế ngoài cùng



1. Kéo tay cầm trên phía ghế lên trên.
 2. Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng lên phía trước/về phía sau bằng cách giảm hoặc tăng trọng tải lên đệm ngả lưng.
 3. Thả tay cầm để cố định vị trí của đệm ngả lưng và trượt đệm ngả lưng cho đến khi khớp dây cài.
- Kiểm tra xem ghế có được cố định sau khi điều chỉnh vị trí không.

*Tùy chọn/phụ kiện.

CẢNH BÁO

- Điều chỉnh ghế và cố định nó trước khi lái. Cần thận khi điều chỉnh ghế. Việc điều chỉnh không đúng quy cách hoặc cầu thả có thể dẫn đến thương tích do bị kẹp.
- Khi chở các đồ vật dài, chúng phải luôn được chằng cố định để tránh gây chấn thương và hư hỏng trong quá trình phanh gấp.
- Luôn tắt động cơ và kéo phanh tay khi bốc dỡ đồ khỏi xe.
- Với xe có hộp số tự động, cài đặt cần số ở **P** để ngăn xe di chuyển do vô tình.

Thông tin liên quan

- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai (trang 192)
- Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 194)
- Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai* (trang 195)
- Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 197)
- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 198)

Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba*

Để có thể ra vào hàng ghế thứ ba* một cách thông thoáng và dễ dàng, có thể điều chỉnh hàng ghế thứ hai.



Để hạ đệm ngả lưng:

1. Kéo tay cầm đặt ở phía trên cùng của ghế ngoài cùng của hàng ghế thứ hai lên/xuống.
2. Gập đệm ngả lưng lên phía trước và trượt toàn bộ ghế lên phía trước.

Để nâng ghế lên vị trí thẳng đứng:

- Trượt ghế về phía sau cho đến khi nó dừng lại. Đệm ngả lưng phải dễ ngả xuống vị trí chính xác.

LƯU Ý

Nếu đệm ngả lưng trong hàng ghế giữa không thể được cố định lại vào vị trí sau khi vào/ra, nó có thể cần được di chuyển lại lên phía trước và di chuyển nhẹ lại về phía sau.

CẢNH BÁO

Kiểm tra xem đệm ngả lưng và gối tựa đầu ở ghế sau có được cố định đúng quy cách sau khi được gập lên không.

Gối tựa đầu của ghế ngoài cùng phải luôn được nâng lên khi có hành khách trên bất cứ ghế nào phía sau.

Thông tin liên quan

- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai (trang 192)
- Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 194)
- Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai* (trang 195)
- Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 196)
- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 198)

GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ ba*

Hàng ghế thứ ba có hai ghế đơn. Các ghế này có thể được hạ riêng lên phía trước.

⚠ QUAN TRỌNG

Đề có thể hạ đệm ngả lưng của hàng ghế thứ ba, có thể cần thay đổi vị trí và góc của ghế trong hàng ghế thứ hai.



1. Kéo tay cầm trên phía trên cùng của đệm ngả lưng lên/lên phía trước.

2. Đảm bảo rằng đệm ngả lưng có gối tựa đầu không tiếp xúc với ghế trước trong quá trình hạ. Gập đệm ngả lưng lên phía trước.

> Đệm ghế gập xuống/lên phía trước khi hạ đệm ngả lưng để tạo một không gian phẳng.

Gối tựa đầu tự động hạ khi ghế sau được hạ.

Để nâng ghế, nâng đệm ngả lưng bằng tay cho đến khi nó cố định. Gối tựa đầu được nâng bằng tay.

⚠ CẢNH BÁO

Kiểm tra xem đệm ngả lưng và gối tựa đầu ở ghế sau có được cố định đúng quy cách sau khi được gập lên không.

Gối tựa đầu của ghế ngoài cùng phải luôn được nâng lên khi có hành khách trên bất cứ ghế nào phía sau.

Thông tin liên quan

- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai (trang 192)
- Điều chỉnh gối tựa đầu trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 194)
- Điều chỉnh ghế ngồi theo chiều dọc trong hàng ghế ngồi thứ hai* (trang 195)
- Điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng trong hàng ghế ngồi thứ hai (trang 196)

- Đi vào/ra hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 197)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Các nút điều khiển vô lăng và còi

Vô lăng có còi và các nút điều khiển cho, ví dụ, hệ thống hỗ trợ người lái và nhận dạng giọng nói.



Bàn phím và lấy sang số* trong vô lăng.

- ❶ Các nút điều khiển cho hệ thống hỗ trợ người lái⁵⁹.
- ❷ Lấy sang số* để sang số bằng tay trong hộp số tự động.
- ❸ Các nút điều khiển để cài đặt nhận dạng giọng nói, màn hình kính chắn gió và xử lý menu, tin nhắn và điện thoại.

Còi



Còi được đặt ở giữa vô lăng.

Thông tin liên quan

- Khóa vô lăng (trang 199)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)

Khóa vô lăng

Khóa vô lăng làm việc lái xe trở nên khó khăn, ví dụ, nếu xe bị trộm. Có thể nghe thấy tiếng động khi khóa hoặc mở khóa vô lăng.

Bật khóa vô lăng

Khóa vô lăng được bật khi xe được khóa từ bên ngoài và động cơ bị tắt. Nếu xe được để mở khóa, khóa vô lăng sẽ được bật tự động sau một lúc.

Tắt khóa vô lăng

Khóa vô lăng bị tắt khi xe được mở khóa từ bên ngoài. Nếu xe không được khóa, khóa vô lăng sẽ bị tắt, miễn là chìa khóa điều khiển từ xa ở trong khoang hành khách và xe được khởi động.

Thông tin liên quan

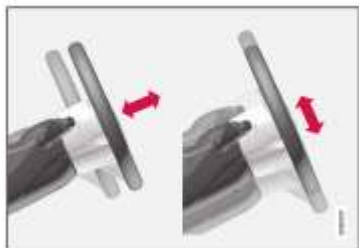
- Các nút điều khiển vô lăng và còi (trang 199)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)

⁵⁹ Hệ thống Giới hạn Tốc độ, Kiểm soát Hành trình, Kiểm soát Hành trình Chủ động*, Cảnh báo Khoảng cách* và Hệ thống Lái Bán Tự động.

GHẾ NGỒI VÀ VÔ LĂNG

Điều chỉnh vô lăng

Vô lăng có thể được điều chỉnh ở nhiều vị trí khác nhau.



Vô lăng có thể được điều chỉnh độ cao và độ sâu.



CẢNH BÁO

Điều chỉnh vô lăng và cố định nó trước khi lái.
Tuyệt đối không điều chỉnh vô lăng khi lái.

Với tay lái trợ lực liên quan đến tốc độ, có thể điều chỉnh mức độ của lực đánh lái. Lực đánh lái được điều chỉnh theo tốc độ của xe để tăng khả năng phản ứng của người lái khi đi trên đường.



Cần điều chỉnh vô lăng.

1. Đẩy cần lên phía trước để thả vô lăng.
2. Điều chỉnh vô lăng đến vị trí phù hợp với bạn.
3. Kéo cần lại để cố định vô lăng vào vị trí. Nếu cần bị cứng, ấn nhẹ vô lăng cùng lúc khi bạn kéo cần lại.

Thông tin liên quan

- Khóa vô lăng (trang 199)
- Các nút điều khiển vô lăng và còi (trang 199)
- Điều chỉnh ghế ngồi trước chỉnh điện* (trang 183)

ĐIỀU HÒA

ĐIỀU HÒA

Điều hòa

Xe được trang bị hệ thống điều khiển điều hòa điện tử. Hệ thống điều khiển điều hòa làm mát hoặc sưởi và hút ẩm không khí trong khoang hành khách.

Tất cả chức năng hệ thống điều khiển điều hòa đều được điều khiển từ màn hình trung tâm và các nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm.

Một số chức năng cho ghế sau cũng có thể được điều khiển từ các nút điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới.

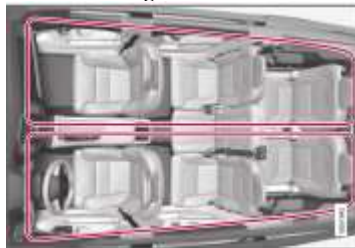
Thông tin liên quan

- Các vùng điều hòa (trang 202)
- Điều khiển điều hòa - cảm biến (trang 203)
- Nhiệt độ cảm nhận được (trang 203)
- Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 204)
- Điều hòa khi đỗ xe* (trang 230)
- Hệ thống sưởi* (trang 237)
- Chất lượng không khí (trang 205)
- Phân bổ không khí (trang 208)
- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Các vùng điều hòa

Số lượng vùng điều hòa được chia ra trong xe sẽ điều chỉnh các tùy chọn để cài đặt nhiệt độ cho các bộ phận khác nhau của khoang hành khách.

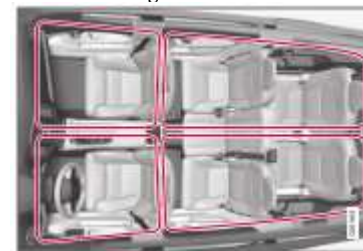
Điều hòa 2 vùng



Các vùng điều hòa có điều hòa 2 vùng.

Với điều hòa 2 vùng, nhiệt độ trong khoang hành khách có thể được cài đặt riêng cho phía bên trái và bên phải.

Điều hòa 4 vùng*



Các vùng điều hòa có điều hòa 4 vùng.

Với điều hòa 4 vùng, nhiệt độ trong khoang hành khách có thể được cài đặt riêng cho phía bên trái và bên phải trong ghế ngồi trước và sau.

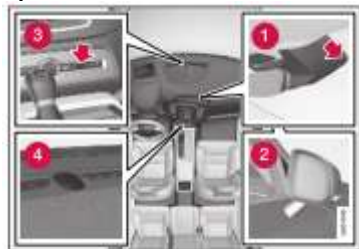
Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)

Điều khiển điều hòa - cảm biến

Hệ thống điều khiển điều hòa có nhiều cảm biến để giúp điều khiển điều hòa trong xe.

Vị trí cảm biến



- ❶ Cảm biến độ ẩm trong vô gương chiếu hậu trong xe.
- ❷ Cảm biến nhiệt độ bên ngoài trong gương cửa bên phải.
- ❸ Cảm biến nhiệt độ cho khoang hành khách bằng các nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm.
- ❹ Cảm biến mặt trời trên phía trên của bảng táp lô.

ⓘ LƯU Ý

Không che hoặc chặn cảm biến bằng quần áo hoặc đồ vật khác.

Với Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe*, cũng có một cảm biến chất lượng không khí được gắn trong cửa gió của hệ thống điều khiển điều hòa.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* (trang 206)

Nhiệt độ cảm nhận được

Hệ thống điều khiển điều hòa điều chỉnh điều hòa trong khoang hành khách dựa trên nhiệt độ cảm nhận được, không phải nhiệt độ thực tế.

Nhiệt độ bạn lựa chọn trong khoang hành khách tương ứng với nhiệt độ cảm nhận được về mặt vật lý, bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như nhiệt độ môi trường, tốc độ khí, độ ẩm, bức xạ mặt trời v.v... trong và xung quanh xe tại thời điểm đó.

Hệ thống bao gồm một cảm biến mặt trời, phát hiện xem mặt trời đang chiếu vào phía nào của khoang hành khách. Điều này có nghĩa là nhiệt độ có thể khác nhau giữa cửa gió phía bên phải và bên trái, cho dù hai phía được cài đặt nhiệt độ giống nhau.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)

Điều khiển điều hòa bằng chức năng nhận dạng giọng nói⁶⁰

Khẩu lệnh nhận dạng giọng nói để hệ thống điều khiển điều hòa, ví dụ, thay đổi nhiệt độ, bật ghế sưởi* hoặc thay đổi mức quạt.

Ấn  và nói một trong các khẩu lệnh sau:

- **"Climate"** - khởi động đàm thoại để điều khiển điều hòa và hiển thị các ví dụ về khẩu lệnh.
- **"Set temperature to X degrees"** - cài đặt nhiệt độ mong muốn.
- **"Raise temperature"/"Lower temperature"** - tăng/hạ cài đặt nhiệt độ một mức.
- **"Sync temperature"** - đồng bộ nhiệt độ cho tất cả vùng điều hòa trong xe có nhiệt độ được cài đặt phía người lái.
- **"Air on feet"/"Air on body"** - mở luồng khí mong muốn.
- **"Air on feet off"/"Air on body off"** - đóng luồng khí mong muốn.
- **"Raise fan speed"/"Lower fan speed"** - thay đổi luồng khí thành Max (Tối đa)/Off (Tắt).
- **"Raise fan speed"/"Lower fan speed"** - tăng/giảm mức độ quạt lên, xuống một mức.
- **"Turn on auto"** - bật điều chỉnh điều hòa tự động.

- **"Air condition on"/"Air condition off"** - bật/tắt điều hòa không khí.
- **"Recirculation on"/"Recirculation off"** - bật/tắt lưu thông không khí.
- **"Turn on defroster"/"Turn off defroster"** - bật/tắt sưởi cửa sổ và gương cửa.
- **"Turn on max defroster"/"Turn max defroster off"** - bật/tắt sưởi kính chắn gió ở nhiệt độ cao nhất.
- **"Turn on max defroster"/"Turn max defroster off"** - bật/tắt sưởi kính chắn gió*.
- **"Turn on rear defroster"/"Turn off rear defroster"** - bật/tắt sưởi cửa sổ sau và gương cửa.
- **"Turn steering wheel heat on"/"Turn steering wheel heat off"** - bật/tắt sưởi vô lăng.
- **"Turn steering wheel heat on"/"Turn steering wheel heat off"** - tăng/giảm cài đặt sưởi vô lăng* lên, xuống một mức.
- **"Turn on seat heat"/"Turn off seat heat"** - bật/tắt sưởi ghế*.
- **"Raise seat heat"/"Lower seat heat"** - tăng/giảm cài đặt sưởi ghế lên, xuống một mức.

- **"Turn on seat ventilation"/"Turn off seat ventilation"** - bật/tắt thông gió ghế*.
- **"Raise seat ventilation"/"Lower seat ventilation"** - tăng/giảm cài đặt thông gió ghế* lên, xuống một mức.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói (trang 142)
- Cài đặt nhận dạng giọng nói (trang 144)

⁶⁰ Áp dụng với một số thị trường.

Chất lượng không khí

Các vật liệu được lựa chọn cho khoang hành khách và hệ thống làm sạch không khí đảm bảo chất lượng không khí cao trong khoang hành khách.

Các vật liệu trong khoang hành khách

Nội thất của khoang hành khách được thiết kế để đem đến sự dễ chịu, thoải mái, kể cả cho những người bị dị ứng tiếp xúc và hen suyễn.

Các vật liệu đã qua kiểm tra được phát triển để giảm thiểu tối đa lượng bụi trong khoang hành khách và góp phần làm khoang hành khách dễ làm sạch hơn.

Thăm trong khoang hành khách và khoang hành lý đều có thể tháo rời và dễ tháo và làm sạch.

Sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo để làm sạch nội thất.

Hệ thống làm sạch không khí

Cùng với bộ lọc khoang hành khách, Gói Làm sạch Không khí Trong xe* và Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* cũng giúp duy trì chất lượng không khí cao trong khoang hành khách.

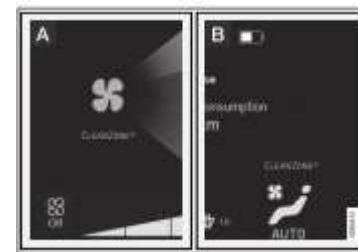
Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Làm sạch Không khí* (trang 205)

- Gói Làm sạch Không khí Trong xe* (trang 206)
- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* (trang 206)
- Bộ lọc khoang hành khách (trang 207)

Làm sạch Không khí*

Chức năng Làm sạch Không khí kiểm tra và xác định xem tất cả điều kiện về chất lượng không khí tốt trong khoang hành khách có được đáp ứng không.



A Có thể nhìn thấy đèn báo trong phần điều hòa trong màn hình trung tâm.

B Có thể nhìn thấy đèn báo trong dòng điều hòa khi không mở phần điều hòa.

Nếu các điều kiện chưa được đáp ứng, chữ **Clean Zone (Làm sạch Không khí)** màu trắng. Khi tất cả điều kiện đã được đáp ứng, màu của chữ đó chuyển sang màu xanh da trời.

Các điều kiện được kiểm tra:

- Tất cả các cửa và cốp sau đều đã được đóng.
- Tất cả cửa sổ hai bên và cửa sổ trời* đều đã được đóng. »

- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* của hệ thống chất lượng không khí đã được bật.
- Quạt thông gió được bật.
- Tái lưu thông không khí bị tắt.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng Làm sạch Không khí không thể hiện chất lượng không khí là tốt. Nó chỉ thể hiện việc các điều kiện về chất lượng không khí tốt đã được đáp ứng.

Thông tin liên quan

- Chất lượng không khí (trang 205)
- Gói Làm sạch Không khí Trong xe* (trang 206)
- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* (trang 206)
- Bộ lọc khoang hành khách (trang 207)

Gói Làm sạch Không khí Trong xe*

Gói Làm sạch Không khí Trong xe (CZIP) gồm nhiều điều chỉnh để giữ khoang hành khách tránh khỏi các chất gây dị ứng và hen suyễn.

Gói bao gồm các chức năng dưới đây.

- Chức năng quạt cài tiến, có nghĩa là quạt khởi động khi xe được mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa. Quạt thổi không khí sạch vào khoang hành khách. Chức năng này khởi động khi được yêu cầu và được tắt tự lúc sau một lúc hoặc khi một trong các cửa của khoang hành khách được mở. Khoảng thời gian chạy của quạt được giảm dần do nhu cầu giảm xuống cho đến khi xe đủ 4 năm tuổi thọ.
- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe (IAQS) của hệ thống chất lượng không khí tự động.

Thông tin liên quan

- Chất lượng không khí (trang 205)
- Gói Làm sạch Không khí Trong xe* (trang 206)
- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* (trang 206)
- Bộ lọc khoang hành khách (trang 207)

Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe*

Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe (IAQS) là một hệ thống chất lượng không khí hoàn toàn tự động, phân tách chất và hạt để giảm thiểu mức độ mùi và tạp chất trong khoang hành khách.

IAQS là một phần của Gói Làm sạch Không khí Trong xe (CZIP) và làm sạch không khí trong khoang hành khách khỏi tạp chất như hạt, hydrocacbon, oxit nitơ và ozone ở tầng đối lưu.

Nếu cảm biến chất lượng không khí phát hiện không khí bên ngoài bị nhiễm bẩn, cửa gió sẽ đóng và bật tái lưu thông không khí.

ⓘ LƯU Ý

Cảm biến chất lượng không khí phải luôn được bật để đảm bảo không khí sạch nhất trong khoang hành khách.

Ở nơi có điều hòa lạnh, hạn chế tái lưu thông không khí để ngăn tạo thành sương.

Trong trường hợp tạo thành sương, cần sử dụng chức năng sấy cho kính chắn gió, cửa sổ hai bên và cửa sổ phía sau.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt cảm biến chất lượng không khí* (trang 207)
- Chất lượng không khí (trang 205)
- Làm sạch Không khí* (trang 205)

- Gói Làm sạch Không khí Trong xe* (trang 206)
- Bộ lọc khoang hành khách (trang 207)

Bật và tắt cảm biến chất lượng không khí*

Cảm biến chất lượng không khí là một phần của Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe (IAQS) của hệ thống chất lượng không khí tự động hoàn toàn.

Có thể cài đặt bật/tắt cảm biến chất lượng không khí:

1. Ấn **Settings** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Air Quality Sensor (Cảm biến Chất lượng Không khí)** để bật/tắt cảm biến chất lượng không khí.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* (trang 206)

Bộ lọc khoang hành khách

Tất cả không khí đi vào khoang hành khách của xe đều được làm sạch bằng bộ lọc.

Thay bộ lọc khoang hành khách

Để duy trì hiệu quả hoạt động cao của hệ thống điều hòa, bộ lọc phải được thay thường xuyên. Tuân thủ Chương trình Bảo trì của Volvo về khoảng thời gian thay thế được khuyến cáo. Nếu sẽ được sử dụng trong môi trường rất bẩn, có thể cần thay bộ lọc thường xuyên hơn.

ⓘ LƯU Ý

Có các loại bộ lọc khoang hành khách khác nhau. Đảm bảo lắp đúng bộ lọc.

Thông tin liên quan

- Chất lượng không khí (trang 205)
- Làm sạch Không khí* (trang 205)
- Gói Làm sạch Không khí Trong xe* (trang 206)
- Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe* (trang 206)

ĐIỀU HÒA

Phân bổ không khí

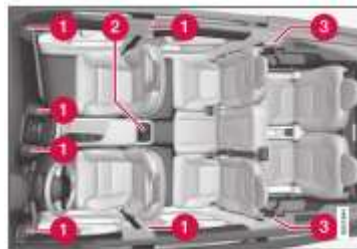
Hệ thống điều khiển điều hòa phân bổ không khí vào thông qua nhiều cửa gió trong khoang hành khách.

Phân bổ không khí tự động và thủ công

Khi hệ thống điều khiển điều hòa tự động điều chỉnh đang chạy, phân bổ không khí diễn ra tự động. Nếu cần, có thể điều khiển phân bổ không khí thủ công.

Cửa gió có thể điều chỉnh

Một số cửa gió trong xe có thể điều chỉnh được, có nghĩa là bạn có thể mở/đóng cửa gió để tạo hướng thổi của luồng khí.



Vị trí của các cửa gió có thể điều chỉnh trong khoang hành khách.

- ❶ Với điều hòa 2 vùng - bốn cửa gió trên bảng táp lô và một cửa gió trên từng trụ cửa giữa cửa trước và cửa sau.
- ❷ Thêm điều hòa 4 vùng* - hai cửa gió ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới.
- ❸ Thêm điều hòa 4 vùng* và bảy ghế - một cửa gió trên từng trụ cửa phía sau cửa sau.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Thay đổi phân bổ không khí (trang 208)
- Mở, đóng và điều chỉnh hướng của gió (trang 209)
- Bảng các tùy chọn phân bổ không khí (trang 210)

Thay đổi phân bổ không khí

Có thể thay đổi phân bổ không khí bằng tay, nếu được yêu cầu.



Nút phân bổ không khí trong phần điều hòa.

- ❶ Phân bổ không khí - cửa sổ kính
 - ❷ Phân bổ không khí - cửa gió trong bảng táp lô và bảng điều khiển trung tâm
 - ❸ Phân bổ không khí - cửa gió trên sàn.
1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
 2. Ấn một hoặc nhiều nút phân bổ không khí để mở/đóng luồng khí tương ứng.
 - > Phân bổ không khí được thay đổi và nút này sáng/tắt.

Thông tin liên quan

- Phân bổ không khí (trang 208)
- Mở, đóng và điều chỉnh hướng cửa gió (trang 209)
- Bảng các tùy chọn phân bổ không khí (trang 210)

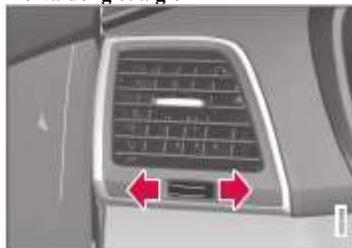
Mở, đóng và điều chỉnh hướng cửa gió

Một số cửa gió trong khoang hành khách có thể được mở, đóng và điều chỉnh riêng.

Nếu cửa gió ngoài cùng của xe hướng về cửa sổ hai bên, có thể loại bỏ sương.

Nếu cửa gió ngoài cùng hướng vào bên trong, trong điều kiện điều hòa nóng, khoang hành khách sẽ có môi trường thoải mái.

Mở và đóng cửa gió

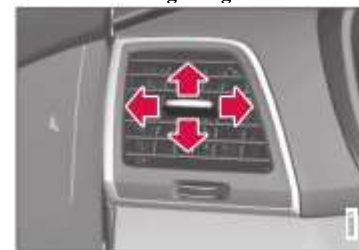


Núm vặn của cửa gió⁶¹.

- Xoay núm vặn để mở/đóng luồng khí từ đầu phun.

Nhìn thấy đường kẻ trắng trên núm vặn càng lâu, luồng khí càng cao.

Điều chỉnh hướng cửa gió



Cần⁶¹ của cửa gió.

- Di chuyển cần sang hai bên/theo chiều dọc để điều chỉnh hướng luồng khí từ đầu phun.

Thông tin liên quan

- Phân bổ không khí (trang 208)
- Thay đổi phân bổ không khí (trang 208)
- Bảng các tùy chọn phân bổ không khí (trang 210)

⁶¹ Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, thiết kế đầu phun khác nhau, tùy thuộc vào vị trí.

ĐIỀU HÒA

Bảng các tùy chọn phân bố không khí

Có thể thay đổi phân bố không khí thủ công, nếu yêu cầu. Có các tùy chọn dưới đây để cài đặt.

	Phân bố không khí	Mục đích
	Nếu bỏ chọn tất cả các nút phân bố không khí trong chế độ thủ công, hệ thống điều khiển điều hòa trở về điều khiển điều hòa tự động điều chỉnh.	
	Luồng khí chính từ cửa sổ kính. Một số luồng khí từ cửa gió khác.	Xử lý sương và băng trong điều kiện điều hòa lạnh và ẩm (để thực hiện điều này, quạt phải ở mức thấp).
	Luồng khí chính từ cửa gió trong bảng táp lô. Một số luồng khí từ cửa gió khác	Làm mát hiệu quả trong điều kiện điều hòa nóng.
	Luồng khí chính từ cửa gió trên sàn. Một số luồng khí từ cửa gió khác.	Cung cấp nhiệt hoặc hơi mát cho sàn.

	Phân bố không khí	Mục đích
	Luồng khí chính từ cửa sổ kính và cửa gió trong bảng táp lô. Một số luồng khí từ cửa gió khác.	Tạo cảm giác thoải mái trong điều kiện điều hòa nóng và khô.
	Luồng khí chính từ cửa sổ kính và cửa gió trên sàn. Một số luồng khí từ cửa gió khác.	Tạo cảm giác thoải mái và loại bỏ sương trong điều kiện điều hòa lạnh hoặc ẩm.
	Luồng khí chính từ cửa gió trong bảng táp lô và cửa gió trên sàn. Một số luồng khí từ cửa gió khác.	Tạo cảm giác thoải mái ở khu vực có thời tiết nắng, nhiệt độ bên ngoài cao.
	Luồng khí chính từ cửa sổ kính, cửa gió trong bảng táp lô và cửa gió trên sàn.	Tạo cảm giác thoải mái cân bằng trong khoảng hành khách.

ĐIỀU HÒA



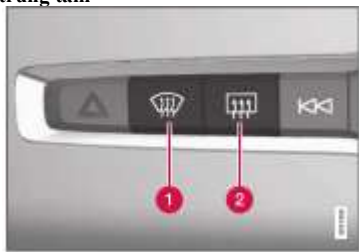
Thông tin liên quan

- Phân bố không khí (trang 208)
- Mở, đóng và điều chỉnh hướng cửa gió (trang 209)
- Thay đổi phân bố không khí (trang 208)

Các nút điều khiển điều hòa

Các chức năng của hệ thống điều khiển điều hòa được điều khiển từ các nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm, màn hình trung tâm và các nút bấm điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới*.

Các nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm



1 Nút sưởi kính chắn gió* và sấy kính chắn gió ở nhiệt độ cao nhất

2 Nút sấy cửa sổ sau và gương cửa.

Thanh điều hòa trong màn hình trung tâm

Các chức năng điều hòa thông dụng nhất có thể được điều chỉnh từ thanh điều hòa.



1 Điều khiển nhiệt độ cho phía người lái và hành khách.

2 Điều khiển sưởi* và thông gió* ghế người lái và ghế hành khách phía trước và sưởi vô lăng*.

3 Nút truy cập phân điều hòa. Hình ảnh đồ họa trên nút này thể hiện các cài đặt điều hòa đã bật.

Phần điều hòa trong màn hình trung tâm

Chạm nhẹ vào nút giữa trong thanh điều hòa để truy cập phân điều hòa.

Tùy thuộc vào mức độ trang bị, phần điều hòa có thể được chia thành một số tab. Chuyển đổi giữa các tab bằng cách trượt sang trái/sang phải hoặc ẩn để mục tương ứng.

Điều hòa chính

Cùng với các chức năng của thanh điều hòa, các chức năng điều hòa chính khác cũng có thể được điều khiển trong tab **Main climate (Điều hòa chính)**.



1 Max (Tối đa), Electric (Điện), Rear (Phía sau) - Điều khiển sấy cửa sổ sau và gương cửa.

2 AC - Điều khiển điều hòa không khí.

3 Recirc (Tái lưu thông) - Điều khiển tái lưu thông không khí.

4 Điều khiển phân bổ không khí.



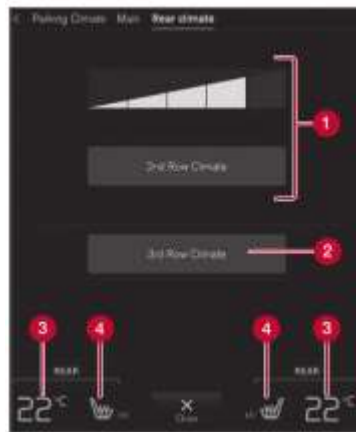
ĐIỀU HÒA



- 5 Điều khiển quạt cho ghế trước (với điều hòa 2 vùng, điều khiển cùng với ghế sau).
- 6 AUTO (TỰ ĐỘNG) - Tự động điều chỉnh điều hòa.

Điều khiển điều hòa phía sau*

Tất cả chức năng điều hòa cho ghế sau đều có thể được điều chỉnh trong tab **Rear climate** (Điều hòa phía sau).



- 1 **2nd row climate (điều hòa hàng ghế thứ hai)** - Điều khiển chức năng điều hòa cho ghế sau, hàng ghế thứ hai.
- 2 **3rd row climate (điều hòa hàng ghế thứ ba)** - Điều khiển chức năng điều hòa cho ghế sau, hàng ghế thứ ba.
- 3 Điều khiển nhiệt độ cho ghế sau.
- 4 Điều khiển sưởi ghế sau*.

Điều hòa khi đỗ xe*

Có thể điều chỉnh điều khiển điều hòa khi đỗ xe của xe trong tab **Parking climate** (Điều hòa khi đỗ xe).

Các nút điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới*



- 1 Nút điều khiển sưởi ghế sau*.
- 2 Nút điều khiển quạt cho ghế sau.
- 3 Điều khiển nhiệt độ cho ghế sau.
- 4 Nút khóa/mở khóa trên bảng điều khiển điều hòa.

Nếu xe không được trang bị bảng điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới nhưng có sưởi ghế sau*, có các nút bấm vật lý ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới để điều khiển các chức năng này.

Bảng điều khiển điều hòa có khóa màn hình để ngăn sự thay đổi tốc độ quạt và nhiệt độ do vô ý. Khi màn hình bị khóa, chỉ các nút điều khiển ghế* và nút mở khóa được hiển thị.

Sau khi mở khóa, tốc độ quạt và nhiệt độ có thể được thay đổi thông qua bảng điều khiển điều hòa và tất cả cài đặt điều hòa đã chọn được hiển thị. Màn hình tự động khóa sau một khoảng thời gian không hoạt động.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Bật và tắt sưởi ghế ngồi trước* (trang 215)
- Bật và tắt sưởi ghế ngồi sau* (trang 216)
- Bật và tắt thông gió ghế ngồi trước* (trang 217)
- Bật và tắt sưởi vô lăng* (trang 218)
- Bật điều khiển điều hòa tự động (trang 219)
- Bật và tắt tái lưu thông không khí (trang 219)
- Bật và tắt sấy kính chắn gió ở nhiệt độ cao nhất (trang 220)
- Bật và tắt sưởi kính chắn gió* (trang 222)
- Bật và tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa (trang 223)
- Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi trước (trang 224)
- Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi sau* (trang 225)
- Đồng bộ nhiệt độ (trang 227)
- Bật và tắt điều hòa không khí (trang 228)
- Bật và tắt điều hòa cho hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 229)

Bật và tắt sưởi ghế ngồi trước*

Các ghế ngồi có thể được sưởi để tăng sự thoải mái cho người lái và hành khách khi trời lạnh.



Các nút vô lăng và ghế trong thanh điều hòa.

1. Ấn nút vô lăng và ghế bên trái hoặc phải trong thanh điều hòa ở màn hình trung tâm để mở các nút điều khiển ghế và vô lăng.

Nếu xe không được trang bị thông gió ghế ngồi hoặc sưởi vô lăng, nút sưởi ghế ngồi có ngay trong thanh điều hòa.

2. Ấn liên tục nút sưởi ghế để chuyển đổi giữa bốn mức **Off (Tắt)**, **High (Cao)**, **Medium (Trung bình)** và **Low (Thấp)**.
> Mức thay đổi và nút này hiển thị mức đã cài đặt.

CẢNH BÁO

Những người cảm thấy khó thoải mái khi nhiệt độ tăng lên do cảm nhận kém hoặc gặp vấn đề về vận hành ghế sưởi không được sử dụng ghế sưởi, nếu không, họ có thể bị chấn thương do bỏng.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)
- Bật và tắt tự động khởi động sưởi ghế ngồi trước* (trang 216)

Bật và tắt tự động khởi động sưởi ghế ngồi trước*

Các ghế ngồi có thể được sưởi để tăng sự thoải mái cho người lái và hành khách khi trời lạnh. Có thể cài đặt bật/tắt tự động khởi động sưởi ghế ngồi khi động cơ được khởi động. Khi bật khởi động tự động, ghế ngồi sẽ được bắt đầu sưởi trong trường hợp nhiệt độ môi trường thấp.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng ở màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Auto Driver Seat Heating Level (Mức Sưởi Ghế Người lái Tự động)** và **Auto Passenger Seat Heating Level (Mức Sưởi Ghế Hành khách Tự động)** để bật/tắt tự động khởi động sưởi ghế người lái và hành khách.
4. Lựa chọn **Low (Thấp)**, **Medium (Trung bình)** hoặc **High (Cao)** để lựa chọn mức sau khi đã bật chức năng này.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)
- Bật và tắt sưởi ghế ngồi trước* (trang 215)

Bật và tắt sưởi ghế ngồi sau*

Các ghế ngồi có thể được sưởi để tăng sự thoải mái cho người lái và hành khách khi trời lạnh.

Bật và tắt sưởi ghế ngồi sau từ ghế ngồi trước*



Các nút sưởi ghế trong nhóm **Rear climate (Điều hòa phía sau)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm và lựa chọn tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)**.
2. Ấn liên tục nút sưởi ghế để chuyển đổi giữa bốn mức **Off (Tắt)**, **High (Cao)**, **Medium (Trung bình)** và **Low (Thấp)**.
> Mức thay đổi và nút này hiển thị mức đã cài đặt.

Bật và tắt sưởi ghế ngồi sau từ ghế ngồi sau

Với điều hòa 2 vùng:



Các nút sưởi ghế ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới.

- Ấn liên tục các nút bấm vật lý bên trái hoặc phải để sưởi ghế ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới để chuyển đổi giữa bốn mức **Off (Tắt)**, **High (Cao)**, **Medium (Trung bình)** và **Low (Thấp)**.
> Mức thay đổi và đèn LED trong nút này hiển thị mức đã cài đặt.

Với điều hòa 4 vùng*:



Đèn báo sưởi ghế ngồi và các nút điều khiển trên bảng điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới.

- Ấn liên tục các nút bên trái hoặc phải để sưởi ghế trên bảng điều khiển điều hòa của bảng điều khiển bên dưới để chuyển đổi giữa bốn mức **Off (Tắt)**, **High (Cao)**, **Medium (Trung bình)** và **Low (Thấp)**.
 - > Mức thay đổi và màn hình trong bảng điều khiển điều hòa hiển thị mức đã cài đặt.

CẢNH BÁO

Những người cảm thấy khó thoải mái khi nhiệt độ tăng lên do cảm nhận kém hoặc gặp vấn đề về vận hành ghế sưởi không được sử dụng ghế sưởi, nếu không, họ có thể bị chấn thương do bỏng.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Bật và tắt thông gió ghế ngồi trước*

Các ghế có thể được thông gió để tăng sự thoải mái, ví dụ, trong điều kiện thời tiết nóng.

Hệ thống thông gió bao gồm các quạt trong ghế ngồi và đệm ngả lưng, thổi khí qua vải bọc ghế. Hiệu ứng làm mát làm không khí khoang hành khách mát hơn. Hệ thống này có thể được bật khi động cơ đang chạy.



Các nút vô lăng và ghế trong thanh điều hòa.

1. Ấn nút vô lăng và ghế bên trái hoặc phải trong thanh điều hòa ở màn hình trung tâm để mở các nút điều khiển ghế và vô lăng.

Nếu xe không được trang bị sưởi ghế ngồi hoặc sưởi vô lăng, nút thông gió ghế ngồi có ngay trong thanh điều hòa.

2. Ấn liên tục nút thông gió ghế ngồi để chuyển đổi giữa bốn mức **Off (Tắt)**, **High (Cao)**, **Medium (Trung bình)** và **Low (Thấp)**.
 - > Mức thay đổi và nút này hiển thị mức đã cài đặt.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

ĐIỀU HÒA

Bật và tắt sưởi vô lăng*

Vô lăng có thể được sưởi để tăng sự thoải mái cho người lái khi trời lạnh.



Các nút vô lăng và ghế trong thanh điều hòa.

1. Ấn nút vô lăng và ghế phía người lái trong thanh điều hòa ở màn hình trung tâm để mở các nút điều khiển ghế và vô lăng.

Nếu xe không được trang bị sưởi ghế ngồi hoặc thông gió ghế ngồi, nút sưởi vô lăng có ngay trong thanh điều hòa.

2. Ấn liên tục nút sưởi vô lăng để chuyển đổi giữa bốn mức **Off (Tắt)**, **High (Cao)**, **Medium (Trung bình)** và **Low (Thấp)**.
 - > Mức thay đổi và nút này hiển thị mức đã cài đặt.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Bật và tắt tự động khởi động sưởi vô lăng*

Vô lăng có thể được sưởi để tăng sự thoải mái cho người lái khi trời lạnh.

Có thể cài đặt bật/tắt tự động khởi động sưởi vô lăng khi động cơ được khởi động. Khi bật khởi động tự động, vô lăng sẽ được bắt đầu sưởi trong trường hợp nhiệt độ môi trường thấp.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng ở màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Auto Steering Wheel Heating Level (Mức Sưởi Vô lăng Tự động)** để bật/tắt tự động khởi động sưởi vô lăng.
4. Lựa chọn **Low (Thấp)**, **Medium (Trung bình)** hoặc **High (Cao)** để lựa chọn mức sau khi đã bật chức năng này.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt sưởi vô lăng* (trang 218)

Bật điều khiển điều hòa tự động

Khi bật điều khiển điều hòa tự động, có thể điều khiển tự động nhiều chức năng điều hòa.



Nút tự động điều chỉnh trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.

2. Ấn nhanh hoặc ấn giữ **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.

- Ấn nhanh - tải lưu thông không khí, điều hòa không khí và phân bổ không khí được điều khiển tự động.
 - Ấn giữ - tải lưu thông không khí, điều hòa không khí và phân bổ không khí được điều khiển tự động, nhiệt độ và tốc độ quạt được thay đổi thành cài đặt tiêu chuẩn: 22°C (72°F) và mức 3 (mức 2 ở ghế ngồi phía sau¹).
- > Bật tự động điều chỉnh điều hòa và nút này sáng.

① LƯU Ý

Nhiệt độ và tốc độ quạt có thể được thay đổi mà không cần tắt hệ thống điều khiển điều hòa điều chỉnh tự động. Hệ thống điều khiển điều hòa tự động điều chỉnh bị tắt khi phân bổ không khí được thay đổi thủ công hoặc khi sấy kính ở nhiệt độ cao nhất được bật.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Bật và tắt tải lưu thông không khí

Tải lưu thông không khí loại bỏ khí bẩn, khí thải v.v... từ bên ngoài xe bằng cách hệ thống điều khiển điều hòa tải sử dụng không khí trong khoang hành khách.



Nút tải lưu thông không khí trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **Recirc (Tải lưu thông)**.
 - > Bật/tắt tải lưu thông không khí và nút này sáng/tắt.

¹ Với xe có điều hòa 4 vùng*.

❶ QUAN TRỌNG

Nếu không khí trong xe được tái lưu thông quá lâu, có nguy cơ tạo thành sương bên trên phía bên trong của cửa sổ.

❷ LƯU Ý

Không thể bật tái lưu thông không khí khi sấy kính ở nhiệt độ cao nhất.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)
- Bật và tắt cài đặt thời gian tái lưu thông không khí (trang 220)

Bật và tắt cài đặt thời gian tái lưu thông không khí

Tái lưu thông không khí loại bỏ khí bẩn, khí thải v.v... từ bên ngoài xe bằng cách hệ thống điều khiển điều hòa tái sử dụng không khí trong khoang hành khách.

Có thể cài đặt bật/tắt đồng hồ hẹn giờ tái lưu thông không khí. Khi bật đồng hồ hẹn giờ, tái lưu thông không khí được tắt tự động sau 20 phút.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng trên màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Recirculation Timer (Đồng hồ hẹn giờ Tái lưu thông)** để bật/tắt đồng hồ hẹn giờ tái lưu thông không khí.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt tái lưu thông không khí (trang 219)

Bật và tắt sấy kính ở nhiệt độ cao nhất

Sấy kính ở nhiệt độ cao nhất được sử dụng để nhanh chóng loại bỏ sương tuyết khỏi cửa sổ.

Bật và tắt sấy kính ở nhiệt độ cao nhất từ bảng điều khiển trung tâm

Có nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm để nhanh chóng bật sấy kính ở nhiệt độ cao nhất.

Khi sưởi kính chắn gió*, chỉ có thể bật riêng sấy kính ở nhiệt độ cao nhất từ phần điều hòa trong màn hình trung tâm.



Nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm.

Xe không có sưởi kính chắn gió:

- Ấn nút này.
 - > Sấy kính ở nhiệt độ cao nhất được bật/tắt và nút này sáng/tắt.

Xe có sưởi kính chắn gió:

- Ấn nút này liên tục để chuyển đổi giữa ba mức:
 - Bật sưởi kính chắn gió
 - Bật sưởi kính chắn gió và sấy kính ở nhiệt độ cao nhất
 - Tắt.
- > Bật/tắt sưởi kính chắn gió và sấy kính ở nhiệt độ cao nhất và nút này sáng/tắt.

ⓘ LƯU Ý

Sấy kính ở nhiệt độ cao nhất khởi động hơi chậm để tránh làm tăng nhanh mức quạt nếu tắt sưởi kính chắn gió bằng cách ấn nhanh nút này.

Bật và tắt sấy kính ở nhiệt độ cao nhất từ màn hình trung tâm



Nút sấy kính ở nhiệt độ cao nhất trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **Max (Tối đa)**.
 - > Bật/tắt sấy kính ở nhiệt độ cao nhất và nút này sáng/tắt.

Sấy kính ở nhiệt độ cao nhất tắt tự động điều chỉnh điều hòa và tái lưu thông không khí, bật điều hòa không khí và thay đổi mức quạt lên 5 và nhiệt độ lên H1.

Khi bật sấy kính ở nhiệt độ cao nhất, hệ thống điều khiển điều hòa trở về cài đặt trước.

ⓘ LƯU Ý

Thay đổi mức quạt lên 5 làm tăng mức tiếng ồn.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

ĐIỀU HÒA

Bật và tắt sưởi kính chắn gió*

Sưởi kính chắn gió được sử dụng để nhanh chóng loại bỏ sương tuyết khỏi cửa sổ.

Bật và tắt sưởi kính chắn gió từ bảng điều khiển trung tâm

Trong bảng điều khiển trung tâm có một nút bấm vật lý để nhanh chóng bật sưởi kính chắn gió.



Nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm.

- Ấn nút này liên tục để chuyển đổi giữa ba mức:
 - Bật sưởi kính chắn gió
 - Bật sưởi kính chắn gió và sấy kính ở nhiệt độ cao nhất
 - Tắt.
- > Bật/tắt sưởi kính chắn gió và sấy kính ở nhiệt độ cao nhất và nút này sáng/tắt.

Bật và tắt sưởi kính chắn gió từ màn hình trung tâm



Nút sưởi kính chắn gió trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **Electric (Điện)**.
 - > Bật/tắt sấy kính ở nhiệt độ cao nhất và nút này sáng/tắt.

LƯU Ý

Khu vực hình tam giác ở đầu mỗi phía kính chắn gió không được sưởi điện, nơi quá trình làm tan băng có thể diễn ra lâu hơn.

LƯU Ý

Sưởi kính chắn gió có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của thiết bị truyền dẫn và thiết bị liên lạc khác.

LƯU Ý

Nếu bật sưởi kính chắn gió khi chức năng Khởi động/Dừng đã tự động dừng động cơ, động cơ sẽ được khởi động lại.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)
- Bật và tắt tự động khởi động sưởi kính chắn gió* (trang 223)

Bật và tắt tự động khởi động sưởi kính chắn gió*

Sưởi kính chắn gió được sử dụng để nhanh chóng loại bỏ sương tuyết khỏi cửa sổ.

Có thể cài đặt bật/tắt tự động khởi động sưởi kính chắn gió khi động cơ được khởi động. Khi bật khởi động tự động, kính chắn gió sẽ được bắt đầu sưởi khi có nguy cơ xuất hiện băng hoặc sương trên kính chắn gió/cửa sổ.

Sưởi tắt tự động khi kính chắn gió/cửa sổ đủ ấm và băng hoặc sương biến mất.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng ở màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Auto Front Defroster (Tự động Sấy Kính chắn gió Phía trước)** để bật/tắt tự động sưởi kính chắn gió.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt sưởi kính chắn gió (trang 222)

Bật và tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa

Sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa được sử dụng để nhanh chóng loại bỏ sương và băng khỏi cửa sổ và gương.

Bật và tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa từ bảng điều khiển trung tâm

Trong bảng điều khiển trung tâm có một nút bấm vật lý để nhanh chóng bật sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa.



Nút bấm vật lý trong bảng điều khiển trung tâm.

- Ấn nút này.
 - > Bật/tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa và nút này sáng/tắt.

Bật và tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa từ màn hình trung tâm



Nút sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **Rear (Phía sau)**.
 - > Bật/tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa và nút này sáng/tắt.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)
- Bật và tắt tự động khởi động sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa (trang 224)

ĐIỀU HÒA

Bật và tắt tự động khởi động sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa

Sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa được sử dụng để nhanh chóng loại bỏ sương và băng khỏi cửa sổ và gương.

Có thể cài đặt bật/tắt tự động khởi động sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa khi động cơ được khởi động. Khi bật khởi động tự động, cửa sổ phía sau và gương cửa sẽ được bắt đầu sưởi khi có nguy cơ xuất hiện băng hoặc sương trên kính chắn gió/cửa sổ. Sưởi tắt tự động khi kính chắn gió/cửa sổ đủ ấm và băng hoặc sương biến mất.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng ở màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Auto Rear Defroster (Tự động Sấy Kính chắn gió Phía sau)** để bật/tắt tự động sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt sưởi cửa sổ phía sau và gương cửa (trang 223)

Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi trước²

Quạt có thể được cài đặt theo nhiều tốc độ quạt được điều khiển tự động khác nhau cho ghế ngồi trước.



Nút điều khiển quạt trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Chạm nhẹ vào mức quạt mong muốn, **Off (Tắt)**, **1-5** hoặc **Max (Tối đa)**.
 - > Mức quạt được thay đổi và nút cho mức đã lựa chọn sáng.

① QUAN TRỌNG

Nếu quạt được tắt hoàn toàn, điều hòa không khí sẽ dừng hoạt động, dẫn đến nguy cơ xuất hiện sương bên trong cửa sổ.

① LƯU Ý

Hệ thống điều khiển điều hòa tự động điều chỉnh luồng khí trong mức quạt đã chọn dựa trên yêu cầu. Điều này có nghĩa là tốc độ quạt có thể thay đổi cho dù mức quạt giống nhau.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

² Với điều hòa 2 vùng, cũng áp dụng với ghế sau.

Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi sau*

Quạt có thể được cài đặt theo nhiều tốc độ quạt được điều khiển tự động khác nhau cho ghế ngồi sau.

Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi sau từ ghế ngồi trước



Các nút điều khiển quạt trong tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm và lựa chọn tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)**.
2. Chạm nhẹ vào mức quạt, **1-5**.

Mức quạt cho hàng ghế thứ hai và thứ ba* có thể được tắt bằng cách chạm vào **2nd row climate (điều hòa hàng ghế thứ hai)**.

Mức quạt hàng ghế thứ ba tuân thủ mức quạt của hàng ghế thứ hai nhưng có thể được tắt riêng* bằng cách chạm nhẹ vào **3rd row climate (điều hòa hàng ghế thứ ba)**.

- > Mức quạt được thay đổi và nút của mức đã chọn sáng.

Điều chỉnh mức quạt cho ghế ngồi sau từ ghế ngồi sau

1. Ấn nút mở khóa trên bảng điều khiển điều hòa của bảng điều khiển bên dưới để bật các nút điều khiển.



Các nút điều khiển quạt của bảng điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới.

2. Chạm nhẹ vào mức quạt, **1-5**.
 - > Mức quạt được thay đổi và nút của mức đã chọn sáng.

① LƯU Ý

Mức quạt cho ghế ngồi sau không thể được cài đặt nếu mức quạt cho ghế ngồi trước ở vị trí **Off (Tắt)**.

Tốc độ quạt của ghế ngồi sau chỉ có thể được tắt từ phần điều hòa trong màn hình trung tâm.

① LƯU Ý

Hệ thống điều khiển điều hòa tự động điều chỉnh luồng khí trong mức quạt đã chọn dựa trên yêu cầu. Điều này có nghĩa là tốc độ quạt có thể thay đổi cho dù mức quạt giống nhau.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

ĐIỀU HÒA

Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế ngồi trước³

Nhiệt độ có thể được cài đặt theo độ mong muốn cho các vùng điều hòa của ghế ngồi trước.



Các nút nhiệt độ trong thanh điều hòa.

1. Ấn nút nhiệt độ bên trái hoặc bên phải trong thanh điều hòa của màn hình trung tâm để mở các nút điều khiển.



Nút điều khiển nhiệt độ.

2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng một trong các hình thức sau:

- kéo nút điều khiển đến nhiệt độ mong muốn, hoặc
- ấn +/- để tăng/giảm dần nhiệt độ.
- > Nhiệt độ thay đổi và nút này hiển thị nhiệt độ đã cài đặt.

ⓘ LƯU Ý

Không thể tăng tốc độ sưởi hoặc làm lạnh bằng cách lựa chọn nhiệt độ cao hơn hoặc thấp hơn nhiệt độ mong muốn thực tế.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế ngồi sau*

Nhiệt độ có thể được cài đặt theo độ mong muốn cho các vùng điều hòa của ghế ngồi sau.

Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế ngồi sau từ ghế ngồi trước



Các nút điều khiển nhiệt độ trong tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm và lựa chọn tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)**.
2. Ấn nút nhiệt độ bên trái hoặc bên phải trong thanh điều hòa của màn hình trung tâm để mở các nút điều khiển.

³ Với điều hòa 2 vùng, cũng áp dụng với ghế sau.



Nút điều khiển nhiệt độ.

3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng một trong các hình thức sau:
 - kéo nút điều khiển đến nhiệt độ mong muốn, hoặc
 - ấn +/- để tăng/giảm dần nhiệt độ.
- > Nhiệt độ thay đổi và nút này hiển thị nhiệt độ đã cài đặt.

Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế ngồi sau từ ghế ngồi sau

1. Ấn nút mở khóa trên bảng điều khiển điều hòa của bảng điều khiển bên dưới để bật các nút điều khiển.



Nút điều khiển nhiệt độ của bảng điều khiển điều hòa ở phía sau của bảng điều khiển bên dưới.

2. Ấn nút </> bên trái hoặc bên phải trên bảng điều khiển điều hòa của bảng điều khiển bên dưới để giảm/tăng dần nhiệt độ.
 - > Nhiệt độ thay đổi và màn hình trong bảng điều khiển điều hòa hiển thị nhiệt độ đã cài đặt.

① LƯU Ý

Không thể tăng tốc độ sưởi hoặc làm lạnh bằng cách lựa chọn nhiệt độ cao hơn hoặc thấp hơn nhiệt độ mong muốn thực tế.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Đồng bộ nhiệt độ

Nhiệt độ trong các vùng điều hòa khác nhau của xe có thể được đồng bộ bằng nhiệt độ được cài đặt ở phía người lái.



Nút đồng bộ trên các nút điều khiển nhiệt độ phía người lái.

1. Ấn nút nhiệt độ phía người lái trong thanh điều hòa của màn hình trung tâm để mở các nút điều khiển.
2. Ấn **Synchronise temperature (Đồng bộ nhiệt độ)**.
 - > Nhiệt độ cho tất cả các vùng trong xe được đồng bộ với nhiệt độ được cài đặt cho phía người lái và biểu tượng đồng bộ được hiển thị cạnh nút nhiệt độ.

Dừng đồng bộ bằng việc ấn thêm **Synchronise temperature (Đồng bộ nhiệt độ)** hoặc bằng cách thay đổi cài đặt nhiệt độ cho một vùng điều hòa ngoài phía người lái.

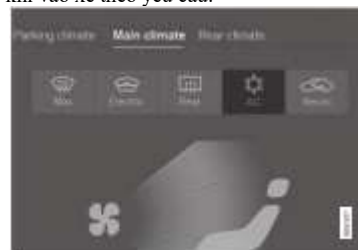
ĐIỀU HÒA

« Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Bật và tắt điều hòa không khí

Điều hòa không khí làm mát và hút ẩm không khí vào xe theo yêu cầu.



Nút điều hòa không khí trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Ấn AC.
 - > Bật/tắt điều hòa không khí và nút này sáng/tắt.

Khi bật điều hòa không khí, hệ thống điều khiển điều hòa tự động điều khiển khởi động và tắt theo yêu cầu.

❗ LƯU Ý

Đóng tất cả cửa sổ hai bên và cửa sổ trời* để điều hòa không khí hoạt động tối ưu.

❗ LƯU Ý

Không thể bật điều hòa không khí khi nút điều khiển quạt ở vị trí **Off (Tắt)**.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

Bật và tắt điều hòa cho hàng ghế thứ ba*

Điều hòa không khí làm mát và hút ẩm không khí vào xe theo yêu cầu.



Nút điều hòa không khí trong tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm và lựa chọn tab **Rear climate (Điều hòa phía sau)**.
2. Ấn **3rd row climate** (điều hòa hàng ghế thứ ba).
 - > Điều hòa không khí được bật/tắt và đèn này sáng/tắt.

LƯU Ý

Điều hòa không khí cho hàng ghế thứ ba được bật tự động nếu có bất cứ người nào trong hàng ghế thứ ba thắt dây đai an toàn. Không thể bật điều hòa không khí của hàng ghế thứ ba bằng tay nếu điều hòa không khí chính bị tắt hoặc điều khiển điều hòa* của hàng ghế thứ hai bị tắt.

Thông tin liên quan

- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)
- Bật và tắt tự động khởi động điều khiển điều hòa cho hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 229)

Bật và tắt tự động khởi động điều khiển điều hòa cho hàng ghế ngồi thứ ba*

Điều hòa không khí làm mát và hút ẩm không khí vào xe theo yêu cầu.

Có thể (có điều hòa 4 vùng*) để cài đặt bật/tắt điều khiển điều hòa của hàng ghế thứ ba khi động cơ được khởi động.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng ở màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Auto Third Row Climate (Điều hòa Hàng ghế Thứ ba Tự động)** để bật/tắt điều khiển điều hòa của hàng ghế thứ ba khi động cơ được khởi động.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt tự động khởi động điều khiển điều hòa cho hàng ghế ngồi thứ ba* (trang 229)

ĐIỀU HÒA

Điều hòa khi đỗ xe*

Điều khiển điều hòa khi đỗ xe là một thuật ngữ chung cho nhiều chức năng khác nhau để cài tiến điều hòa trong khoang hành khách khi đỗ xe, ví dụ, điều hòa sẵn.



Các chức năng thuộc về điều khiển điều hòa khi đỗ xe được điều khiển từ **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)** trong phần điều hòa ở màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Điều hòa sẵn* (trang 235)
- Biểu tượng và thông báo điều khiển điều hòa khi đỗ xe* (trang 236)

Điều hòa sẵn*

Chức năng điều hòa sẵn của xe trước khi lái có thể làm giảm ăn mòn và nhu cầu năng lượng trong chuyến đi.

Điều hòa sẵn có thể sử dụng chức năng khởi động trực tiếp hoặc được cài đặt thông qua đồng hồ hẹn giờ.

Chức năng này sử dụng một số hệ thống trong các trường hợp khác nhau:

- Hệ thống sưởi khi đỗ xe* làm ấm khoang hành khách và động cơ trong điều kiện điều hòa lạnh.
- Khi trời ẩm, hệ thống thông gió làm mát khoang hành khách bằng cách thổi khí từ bên ngoài xe vào.

ⓘ LƯU Ý

Trong quá trình điều hòa sẵn khoang hành khách, xe hoạt động để đạt nhiệt độ thoải mái và không phải nhiệt độ được cài đặt trong hệ thống điều khiển điều hòa.

Thông tin liên quan

- Điều hòa khi đỗ xe* (trang 230)
- Bật và tắt điều hòa sẵn* (trang 231)
- Cài đặt thời gian điều hòa sẵn* (trang 232)

Bật và tắt điều hòa sẵn*

Chức năng điều hòa sẵn sưởi ấm* khoang hành khách và động cơ hoặc thông gió khoang hành khách trước khi lái. Chức năng này có thể sử dụng chức năng khởi động trực tiếp từ màn hình trung tâm hoặc điện thoại di động.

Khởi động và tắt từ xe



Nút điều hòa sẵn trong tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)**.
3. Ấn **Preconditioning**.
 - > Khởi động/tắt điều hòa sẵn và nút này sáng/tắt.

ⓘ LƯU Ý
Cửa và cửa sổ của xe cần được đóng trong quá trình điều hòa sẵn khoang hành khách.

⚠ CẢNH BÁO

Không sử dụng chức năng điều hòa sẵn nếu xe được trang bị hệ thống sưởi:

- Ở không gian trong xe không được thông gió. Khí thải thoát ra nếu hệ thống sưởi khởi động.
- Ở vị trí gần vật liệu cháy hoặc dễ cháy. Nhiên liệu, khí, cò, mìn của v.v... có thể bắt lửa.
- Khi đường xả khí của hệ thống sưởi có nguy cơ bị tắc, ví dụ, tuyết dày bên trong trục bánh xe bên tay phải phía trước có thể làm tắc đường ống thông gió của hệ thống sưởi.

Nhớ rằng có thể khởi động chức năng điều hòa sẵn bằng đồng hồ hẹn giờ đã được cài đặt trước một khoảng thời gian dài.

Khởi động từ ứng dụng*

Có thể quản lý khởi động điều hòa sẵn và thông tin về các cài đặt đã lựa chọn từ một

thiết bị có ứng dụng Volvo On Call*. Chức năng điều hòa sẵn sưởi ấm* khoang hành khách đến nhiệt độ thoải mái hoặc thông gió khoang hành khách bằng cách thổi không khí từ bên ngoài vào.

Khoang hành khách cũng có thể được điều hòa sẵn bằng chức năng khởi động xe từ xa (Khởi động Động cơ Từ xa - ERS)⁴ thông qua ứng dụng Volvo On Call*.

Thông tin liên quan

- Điều hòa khi đỗ xe* (trang 230)
- Điều hòa sẵn* (trang 230)
- Cài đặt thời gian điều hòa sẵn* (trang 232)

⁴ Một số thị trường.

ĐIỀU HÒA

Cài đặt thời gian điều hòa sẵn*

Đồng hồ hẹn giờ có thể được cài đặt thời gian xác định sẵn để hoàn thành việc điều hòa sẵn. Đồng hồ hẹn giờ có thể xử lý 8 cài đặt khác nhau:

- Thời gian vào một ngày
- Thời gian vào một hoặc nhiều ngày trong tuần, có hoặc không có lặp lại

Thông tin liên quan

- Điều hòa sẵn* (trang 230)
- Bổ sung và điều chỉnh cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 232)
- Bật và tắt cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 233)
- Loại bỏ cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 234)

Bổ sung và điều chỉnh cài đặt thời gian để điều hòa sẵn*

Đồng hồ hẹn giờ để điều hòa sẵn có thể quản lý 8 cài đặt thời gian.

Bổ sung cài đặt thời gian



Nút thêm cài đặt thời gian trong tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)**.

3. Ấn Add timer.

> Hiện thị cửa sổ pop-up.

ⓘ LƯU Ý

Không thể thêm cài đặt thời gian nếu đã có 8 cài đặt được nhập cho đồng hồ hẹn giờ. Xóa một cài đặt thời gian để có thể thêm một cài đặt mới.

4. Chạm nhẹ vào **Date (Ngày)** để cài đặt thời gian cho một ngày.

Chạm nhẹ vào **Days (Các Ngày)** để cài đặt thời gian cho một hoặc nhiều ngày trong tuần.

Với **Days (Các Ngày)**: Bật/tắt lặp lại bằng cách đánh dấu/bỏ đánh dấu ô **Repeat weekly (Lặp lại hàng tuần)**.

5. Với **Date (Ngày)**: Lựa chọn ngày điều hòa sẵn bằng cách cuộn danh sách ngày bằng mũi tên.

Với **Days (Các Ngày)**: Lựa chọn các ngày trong tuần để điều hòa sẵn bằng cách chạm nhẹ vào các nút ngày trong tuần.

6. Cài đặt thời gian khi cần hoàn thành điều hòa sẵn bằng cách cuộn mũi tên.

7. Chạm nhẹ vào **Confirm (Xác nhận)** để thêm cài đặt thời gian.

> Cài đặt thời gian được thêm vào danh sách và được bật.

CẢNH BÁO

Không sử dụng chức năng điều hòa sẵn nếu xe được trang bị hệ thống sưởi*:

- Ở không gian trong xe không được thông gió. Khí thải thoát ra nếu hệ thống sưởi khởi động.
- Ở vị trí gần vật liệu cháy hoặc dễ cháy. Nhiên liệu, khí, cò, mìn cưa v.v... có thể bắt lửa.
- Khí đường xả khí của hệ thống sưởi có nguy cơ bị tắc, ví dụ, tuyết dày bên trong trục bánh xe bên tay phải phía trước có thể làm tắc đường ống thông gió của hệ thống sưởi.

Nhớ rằng có thể khởi động chức năng điều hòa sẵn bằng đồng hồ hẹn giờ đã được cài đặt trước một khoảng thời gian dài.

Chỉnh sửa cài đặt thời gian

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)**.
3. Ấn cài đặt thời gian cần thay đổi.
 - > Hiện thị cửa sổ pop-up.
4. Chỉnh sửa cài đặt thời gian tương tự theo mô tả trong “Thêm cài đặt thời gian” ở trên.

Thông tin liên quan

- Điều hòa sẵn* (trang 230)
- Cài đặt thời gian điều hòa sẵn* (trang 232)

- Bật và tắt cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 233)
- Loại bỏ cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 234)

Bật và tắt cài đặt thời gian để điều hòa sẵn*

Có thể bật hoặc tắt cài đặt thời gian để điều hòa sẵn theo nhu cầu.



Nút đồng hồ hẹn giờ trong tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)**.
3. Bật/tắt cài đặt thời gian bằng cách chạm nhẹ vào nút đồng hồ hẹn giờ ở bên phải của cài đặt.
 - > Bật/tắt cài đặt và nút này sáng/tắt.



CẢNH BÁO

Không sử dụng chức năng điều hòa sẵn nếu xe được trang bị hệ thống sưởi*:

- Ở không gian trong xe không được thông gió. Khí thải thoát ra nếu hệ thống sưởi khởi động.
- Ở vị trí gần vật liệu cháy hoặc dễ cháy. Nhiên liệu, khí, cò, mìn cửa v.v... có thể bắt lửa.
- Khi đường xả khí của hệ thống sưởi có nguy cơ bị tắc, ví dụ, tuyết dày bên trong trục bánh xe bên tay phải phía trước có thể làm tắc đường ống thông gió của hệ thống sưởi.

Nhớ rằng có thể khởi động chức năng điều hòa sẵn bằng đồng hồ hẹn giờ đã được cài đặt trước một khoảng thời gian dài.

Thông tin liên quan

- Điều hòa sẵn* (trang 230)
- Cài đặt thời gian điều hòa sẵn* (trang 232)
- Bổ sung và điều chỉnh cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 232)
- Loại bỏ cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 234)

Loại bỏ cài đặt thời gian để điều hòa sẵn*

Có thể xóa cài đặt thời gian để điều hòa sẵn mà không cần thiết.



Nút cài đặt danh sách/xóa cài đặt thời gian trong tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)**.
3. Ấn **Edit list (Chỉnh sửa danh sách)**.
4. Ấn biểu tượng xóa ở bên phải trong danh sách.
 - > Biểu tượng này thay đổi thành chữ **Delete (Xóa)**.
5. Ấn **Delete** để xác nhận.
 - > Cài đặt thời gian được loại bỏ khỏi danh sách.

Thông tin liên quan

- Điều hòa sẵn* (trang 230)
- Cài đặt thời gian điều hòa sẵn* (trang 232)

- Bổ sung và điều chỉnh cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 232)
- Bật và tắt cài đặt thời gian để điều hòa sẵn* (trang 233)

Tối ưu điều hòa khi đỗ xe

Điều hòa trong khoang hành khách của xe có thể được duy trì trong khi xe đang đỗ, ví dụ, nếu động cơ cần được tắt nhưng người lái hoặc hành khách muốn ở lại trong xe và duy trì mức độ tối ưu điều hòa.

Chỉ có thể khởi động duy trì tối ưu điều hòa bằng khởi động trực tiếp.

Chức năng này sử dụng một số hệ thống trong các trường hợp khác nhau:

- Nhiệt dư thừa từ động cơ sưởi ấm khoang hành khách để đạt nhiệt độ thoải mái trong điều kiện điều hòa lạnh.
- Khi trời ẩm, hệ thống thông gió làm mát khoang hành khách bằng cách thổi khí từ bên ngoài xe vào.

ⓘ LƯU Ý

Tắt duy trì tối ưu điều hòa khi xe được khóa từ bên ngoài để tránh sử dụng nhiệt dư thừa một cách không cần thiết. Sử dụng chức năng này để duy trì tối ưu điều hòa khi người lái hoặc hành khách ở lại bên trong xe.

Thông tin liên quan

- Điều hòa khi đỗ xe* (trang 230)
- Bật và tắt tối ưu điều hòa khi đỗ xe* (trang 235)

Khởi động và tắt tối ưu điều hòa khi đỗ xe*

Chức năng duy trì tối ưu điều hòa để duy trì điều hòa trong khoang hành khách sau khi lái. Chức năng này có thể sử dụng chức năng khởi động trực tiếp từ màn hình trung tâm.



Nút duy trì tối ưu điều hòa trong tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)** trong phần điều hòa.

1. Mở phần điều hòa trong màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn tab **Parking climate (Điều hòa khi đỗ xe)**.
3. Ấn **Keep climate comfort (Giữ tối ưu điều hòa)**.
 - > Khởi động/tắt duy trì tối ưu điều hòa và nút này sáng/tắt.

ⓘ LƯU Ý

Không thể khởi động duy trì tối ưu điều hòa nếu không có đủ nhiệt dư thừa trong động cơ để duy trì điều hòa trong khoang hành khách hoặc nếu nhiệt độ bên ngoài trên xấp xỉ 20°C (68°F).

ⓘ LƯU Ý

Tắt duy trì tối ưu điều hòa khi xe được khóa từ bên ngoài để tránh sử dụng nhiệt dư thừa một cách không cần thiết. Sử dụng chức năng này để duy trì tối ưu điều hòa khi người lái hoặc hành khách ở lại bên trong xe.

Thông tin liên quan

- Tối ưu điều hòa khi đỗ xe* (trang 235)

ĐIỀU HÒA

Biểu tượng và thông báo điều khiển điều hòa khi đỗ xe*

Nhiều biểu tượng và thông báo liên quan đến điều khiển điều hòa khi đỗ xe có thể được hiển thị trong màn hình người lái.

Các thông báo liên quan đến điều khiển điều hòa khi đỗ xe cũng có thể được hiển thị trong thiết bị có ứng dụng Volvo On Call*.



Biểu tượng này sáng trong màn hình người lái khi hệ thống sưởi khi đỗ xe đang hoạt động.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Điều hòa khi đỗ xe Cần bảo trì	Tắt điều khiển điều hòa khi đỗ xe. Liên hệ gara [^] để kiểm tra chức năng này sớm nhất có thể.
	Điều hòa khi đỗ xe Tạm thời không có.	Tắt tạm thời điều khiển điều hòa khi đỗ xe. Nếu vấn đề này vẫn còn, liên hệ gara [^] để kiểm tra chức năng này.
	Điều hòa khi đỗ xe Không có Mức nhiên liệu quá thấp	Không thể bật điều khiển điều hòa khi đỗ xe khi mức nhiên liệu quá thấp để khởi động hệ thống sưởi khi đỗ xe*. Đồ nhiên liên cho xe.
	Điều hòa khi đỗ xe Không có Lượng điện quá thấp	Không thể bật điều khiển điều hòa nếu lượng điện của ắc quy bộ khởi động quá thấp để khởi động hệ thống sưởi khi đỗ xe. Khởi động xe.
	Điều hòa khi đỗ xe Hạn chế Lượng điện quá thấp	Thời gian chạy điều khiển điều hòa khi đỗ xe bị hạn chế khi lượng điện trong ắc quy bộ khởi động thấp. Khởi động xe.

[^] Khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Điều hòa khi đỗ xe* (trang 230)

Hệ thống sưởi*

Hệ thống sưởi giúp động cơ và khoang hành khách đạt nhiệt độ chính xác trước và trong quá trình lái.

Hệ thống sưởi có hai chức năng phụ:

- Hệ thống sưởi khi đỗ xe sưởi ấm khoang hành khách và động cơ khi bật điều hòa sẵn điều khiển điều hòa khi đỗ xe, nếu cần.
- Hệ thống sưởi bổ sung sưởi ấm khoang hành khách và động cơ trong quá trình lái, nếu cần.

Hệ thống sưởi chạy bằng nhiên liệu và được gắn trong trục bánh xe bên phải.

ⓘ LƯU Ý

Khi hệ thống sưởi đang chạy, khói có thể thoát ra từ trục bánh xe phía trước bên phải và có thể nghe thấy tiếng động nhỏ. Cũng có thể nghe thấy tiếng “tách” từ máy bơm nhiên liệu từ phần sau của xe. Điều này hoàn toàn bình thường.

Ắc quy và sạc

Hệ thống sưởi chạy bằng ắc quy bộ khởi động của xe. Nếu lượng điện của ắc quy bộ khởi động quá thấp, hệ thống sưởi được tắt tự động và màn hình người lái hiển thị thông báo.

ⓘ LƯU Ý

Đảm bảo có đủ điện trong ắc quy nếu cần sử dụng hệ thống sưởi.

Nhiên liệu và bơm nhiên liệu



Nhãn cảnh báo trên nắp ống dẫn nhiên liệu.

Hệ thống sưởi sử dụng nhiên liệu từ bình nhiên liệu thông thường của xe.

Nếu xe được đỗ trên đồi dốc, phía trước xe cần hướng xuống dưới dốc để đảm bảo có đủ nhiên liệu cho hệ thống sưởi.

Nếu lượng nhiên liệu trong bình nhiên liệu quá thấp, hệ thống sưởi được tắt tự động và màn hình người lái hiển thị thông báo.

ⓘ LƯU Ý

Đảm bảo có đủ nhiên liệu trong bình nhiên liệu của xe nếu cần sử dụng hệ thống sưởi.

⚠ CẢNH BÁO

Nhiên liệu bắn ra ngoài có thể bắt lửa. Tắt hệ thống sưởi chạy nhiên liệu trước khi bắt đầu bơm nhiên liệu.



Kiểm tra trong màn hình người lái xem hệ thống sưởi đã được tắt chưa. Biểu tượng này sáng khi hệ thống sưởi đang hoạt động là hệ thống sưởi khi đỗ xe.

Thông tin liên quan

- Điều hòa (trang 202)
- Hệ thống sưởi khi đỗ xe* (trang 238)
- Hệ thống sưởi bổ sung* (trang 239)

Hệ thống sưởi khi đỗ xe*

Hệ thống sưởi khi đỗ xe sưởi ấm khoang hành khách và động cơ trước khi lái nếu bật chức năng điều hòa sẵn của xe, khi cần.

Hệ thống sưởi khi đỗ xe là một trong hai chức năng phụ của hệ thống sưởi của xe. Hệ thống sưởi được lắp trong trục bánh xe bên phải phía trước.



Biểu tượng này sáng trong màn hình người lái khi hệ thống sưởi khi đỗ xe đang hoạt động.

ⓘ LƯU Ý

Khi hệ thống sưởi đang chạy, khói có thể thoát ra từ trục bánh xe phía trước bên phải và có thể nghe thấy tiếng động nhỏ. Cũng có thể nghe thấy tiếng “tách” từ máy bơm nhiên liệu từ phần sau của xe. Điều này hoàn toàn bình thường.

Hệ thống sưởi khi đỗ xe tự động khởi động nếu bật chức năng điều hòa sẵn* của xe và khoang hành khách cần được sưởi ấm.

Nó tự động tắt khi hết thời gian cài đặt của đồng hồ hẹn giờ hoặc thời gian chạy tối đa của hệ thống sưởi hoặc xe được khởi động lại.

Thời gian chạy tối đa của hệ thống sưởi là 4 phút.

ⓘ LƯU Ý

Đảm bảo có đủ nhiên liệu trong bình nhiên liệu của xe nếu cần sử dụng hệ thống sưởi.

Đảm bảo có đủ điện trong ác quy bộ khởi động nếu cần sử dụng hệ thống sưởi.

ⓘ QUAN TRỌNG

Việc sử dụng liên tục hệ thống sưởi khi đỗ xe kết hợp với hành trình ngắn có thể làm hết điện ác quy và làm giảm khả năng khởi động.

Nếu hệ thống sưởi được sử dụng thường xuyên xe cần được lái trong cùng khoảng thời gian mà hệ thống sưởi được sử dụng để đảm bảo ác quy của xe được sạc đầy bằng với mức năng lượng được hệ thống sưởi khi đỗ xe tiêu thụ. Hệ thống sưởi khi đỗ xe được sử dụng trong tối đa 40 phút một lần.

⚠ CẢNH BÁO

Không sử dụng chức năng điều hòa sẵn nếu xe được trang bị hệ thống sưởi*:

- Ở không gian trong xe không được thông gió. Khí thải thoát ra nếu hệ thống sưởi khởi động.
- Ở vị trí gần vật liệu cháy hoặc dễ cháy. Nhiên liệu, khí, cò, mìn của v.v... có thể bắt lửa.
- Khi đường xả khí của hệ thống sưởi có nguy cơ bị tắc, ví dụ, tuyết dày bên trong trục bánh xe bên tay phải phía trước có thể làm tắc đường ống thông gió của hệ thống sưởi.

Nhớ rằng có thể khởi động chức năng điều hòa sẵn bằng đồng hồ hẹn giờ đã được cài đặt trước một khoảng thời gian dài.

⚠ CẢNH BÁO

Nếu có mùi nhiên liệu, lượng khói bất thường, khói đen hoặc âm thanh bất thường từ hệ thống sưởi khi đỗ xe, tắt hệ thống sưởi và nếu có thể, rút cầu chì. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để sửa chữa.

Thông tin liên quan

- Hệ thống sưởi* (trang 237)
- Hệ thống sưởi bổ sung* (trang 239)

Hệ thống sưởi bổ sung*

Hệ thống sưởi phụ giúp sưởi ấm khoang hành khách và động cơ trong khi lái.

Hệ thống sưởi bổ sung là một trong hai chức năng phụ của hệ thống sưởi của xe. Hệ thống sưởi được lắp trong trục bánh xe bên phải phía trước.

① LƯU Ý

Khi hệ thống sưởi đang chạy, khói có thể thoát ra từ trục bánh xe phía trước bên phải và có thể nghe thấy tiếng động nhỏ. Cũng có thể nghe thấy tiếng “tách” từ máy bơm nhiên liệu từ phần sau của xe. Điều này hoàn toàn bình thường.

Hệ thống sưởi bổ sung khởi động và được điều khiển tự động khi cần sưởi ấm trong khi đang lái xe.

Nó tự động tắt khi xe dừng hoạt động.

① LƯU Ý

Đảm bảo có đủ nhiên liệu trong bình nhiên liệu của xe nếu cần sử dụng hệ thống sưởi phụ.

Thông tin liên quan

- Hệ thống sưởi* (trang 237)
- Hệ thống sưởi khi đỗ xe (trang 238)

- Bật và tắt tự động khởi động hệ thống sưởi phụ (trang 239)

Bật và tắt tự động khởi động hệ thống sưởi phụ

Hệ thống sưởi phụ giúp sưởi ấm khoang hành khách và động cơ trong khi lái.

Có thể cài đặt bật/tắt tự động khởi động hệ thống sưởi phụ.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng ở màn hình trung tâm.
2. Ấn **Climate (Điều hòa)**.
3. Lựa chọn **Additional Heater (Hệ thống sưởi Bổ sung)** để bật/tắt tự động khởi động hệ thống sưởi bổ sung.

① LƯU Ý

Volvo khuyến cáo cần tắt tự động khởi động hệ thống sưởi bổ sung với khoảng cách lái ngắn.

Thông tin liên quan

- Hệ thống sưởi bổ sung* (trang 239)

ĐIỀU HÒA

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Xác nhận khóa

Khi xe được khóa hoặc mở khóa, xi nhan xác nhận đã thực hiện chính xác việc khóa hoặc mở khóa.

Đèn báo bên ngoài

Khóa

- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm của xe báo khóa bằng cách nhấp nháy và thu vào gương cửa⁵.

Mở khóa

- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm của xe báo khóa bằng hai lần nhấp nháy và mở gương cửa⁶.

Tất cả cửa, cốp sau và ca pô đều phải được đóng để báo xe được khóa. Nếu chỉ thực hiện khóa bằng cách đóng cửa phía người lái⁶, xe sẽ được khóa nhưng sẽ chỉ báo khóa bằng đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm sau khi tắt cả cửa, cốp sau và ca pô đã được đóng.

Đèn báo khóa và báo động



Đèn báo khóa và báo động trên bảng táp lô hiển thị trạng thái của hệ thống báo động. Đèn nhấp nháy lâu để báo xe đã khóa. Khi xe được khóa, đèn báo này sẽ nhấp nháy nhanh.

Đèn báo khác

Đèn báo an toàn và đèn báo chủ xe cũng có chức năng báo khóa và mở khóa.

Báo bằng các nút khóa Cửa phía trước



Các nút khóa có đèn báo trong cửa phía trước.

Tất cả đèn báo sáng trong nút khóa của một trong các cửa phía trước đều báo tất cả các cửa đã được khóa. Nếu có bất cứ cửa nào được mở, đèn sẽ tắt trong tất cả hai cửa.

⁵ Chỉ có ở xe có gương cửa chính điện có thể thu vào.

⁶ Không áp dụng với xe được trang bị khóa/mở khóa từ xa (Vào xe Thụ động*).

Trong cửa phía sau*



Các nút khóa có đèn báo trong cửa phía sau. Tất cả đèn báo sáng trong nút khóa của một trong các cửa đều báo cửa đó đã được khóa. Nếu có bất cứ cửa nào được mở khóa, đèn đó sẽ tắt trong khi các đèn khác sẽ tiếp tục sáng.

Thông tin liên quan

- Cài đặt báo khóa (trang 243)
- Thời gian sáng của đèn báo chủ xe (trang 160)
- Sử dụng đèn chiếu sáng an toàn (trang 159)

Cài đặt báo khóa

Có thể lựa chọn cách xe xác nhận khóa và mở khóa trong menu cài đặt của màn hình trung tâm.

Phản ứng khóa:

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Locking (Khóa)**.
3. Chạm nhẹ vào **Visible Locking Feedback (Phản ứng Khóa Nhìn thấy được)** để lựa chọn khi nào xe cần có phản ứng nhìn thấy được khi **Lock (Khóa)**, **Unlock (Mở khóa)**, **Both (Tất cả hai)** hoặc để tắt chức năng này.

Báo bằng gương cửa thu vào được*:

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Mirrors and Convenience (Gương và Tiện ích)**.
3. Lựa chọn **Fold Mirror When Locked (Gập Gương Khi Khóa)** để bật hoặc tắt chức năng này.

Thông tin liên quan

- Xác nhận khóa (trang 242)

Chìa khóa điều khiển từ xa

Chìa khóa điều khiển từ xa khóa và mở khóa cửa, cốp sau và nắp ống dẫn nhiên liệu. Chìa khóa điều khiển từ xa cần được đặt bên trong xe để khởi động xe.



Chìa khóa điều khiển từ xa⁷ ở bên trái và chìa khóa không nút bấm (Móc Khóa)* ở bên phải.

Chìa khóa điều khiển từ xa không được sử dụng về mặt vật lý khi khởi động do xe được trang bị hỗ trợ khởi động từ xa (Khởi động Thụ động) là thiết bị tiêu chuẩn.

Chìa khóa phải ở phần phía trước của khoang hành khách, ví dụ, trong túi của người lái hoặc hộp đựng cốc của bảng điều khiển bên dưới để có thể khởi động xe.

⁷ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

« Khóa và mở khóa cửa, cốp sau từ xa (Vào xe Thụ động*) cũng có dưới dạng tùy chọn. Chia khóa có phạm vi hoạt động trong hình bán nguyệt với bán kính xấp xỉ 1,5 mét (5 feet) lần lượt từ cửa phía người lái và xấp xỉ 1 mét (3 feet) từ cốp sau.

Với chức năng khởi động từ xa, khóa và mở khóa từ xa, chìa khóa điều khiển từ xa có thể được đặt ở bất cứ nơi nào trong khoang hành khách hoặc khoang hành lý và duy trì chức năng khởi động xe.

Mỗi một trong các chìa khóa điều khiển từ xa đi kèm với xe có thể được liên kết với hồ sơ người lái bằng các cài đặt duy nhất cho xe. Khi sử dụng một chìa khóa có hồ sơ người lái, các cài đặt của xe được điều chỉnh theo hồ sơ đó.

Chìa khóa không nút bấm (Móc Khóa)

Với xe trang bị chức năng khóa và mở khóa từ xa*, có một chìa khóa không nút bấm (Móc Khóa) nhỏ hơn, nhẹ hơn một ít. Nó hoạt động như chìa khóa điều khiển từ xa thông thường khi khởi động, khóa và mở khóa từ xa. Chìa khóa này chống nước ở độ sâu xấp xỉ 10 mét (30 feet) trong 60 phút. Nó không có lưỡi chìa khóa có thể tháo rời và không thể thay pin.

Các nút chia khóa điều khiển từ xa



Chìa khóa điều khiển từ xa có bốn nút, một nút ở bên trái và ba nút ở bên phải⁸.

🔑 Khóa - Ấn nút này để khóa cửa, cốp sau và nắp ống dẫn nhiên liệu và bật báo động*. Ấn và giữ để đóng tất cả cửa sổ và cửa sổ trời* đồng thời.

🔑 Mở khóa - Ấn nút này để mở khóa cửa, cốp sau và tắt báo động.

Ấn lâu để mở tất cả cửa sổ đồng thời. Có thể sử dụng chức năng thông khí toàn bộ này, ví dụ, để nhanh chóng thông khí cho xe trong thời tiết nóng.

🔑 Cốp sau - Chỉ mở khóa cốp sau và tắt báo động. Trên xe có cốp sau chạy điện*, cốp sau được mở tự động khi ấn giữ nút này.

Cốp sau cũng được đóng khi ấn lâu nút này, có tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh.

⚠ Chức năng khẩn cấp - Được sử dụng để thu hút sự chú ý trong trường hợp khẩn cấp. Ấn và giữ nút này trong ít nhất 3 giây hoặc ấn hai lần trong vòng 3 giây để bật xi nhan và còi. Chức năng này có thể bị tắt bằng nút tương tự sau khi đã được bật trong ít nhất 5 giây, nếu không, chức năng này tự động tắt sau 3 phút.

⚠ CẢNH BÁO

Nếu còn bất cứ ai trong xe, đảm bảo cửa sổ chỉnh điện và cửa sổ trời* bị ngắt điện bằng cách luôn đem theo chìa khóa điều khiển từ xa bên cạnh khi bạn rời khỏi xe.

⁸ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

① LƯU Ý

Chú ý đến nguy cơ khóa chìa khóa điều khiển từ xa trong xe:

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc Móc Khóa bỏ lại trong xe sẽ bị tắt khi xe được khóa và bảo động được bật bằng một chìa khóa đang hoạt động khác. Chức năng “Deadlock” (Khóa chốt) cũng bị tắt. Chìa khóa bị tắt được bật lại khi xe được mở khóa.
- Chìa khóa Đồ bỏ lại trong xe sẽ bị tắt kể cả khi xe được khóa bằng Volvo On Call và được bật lại khi xe được mở khóa bằng Volvo On Call hoặc ấn nút mở khóa của chìa khóa.

Nhiều

Chức năng của chìa khóa điều khiển từ xa để khởi động từ xa, khóa và mở khóa từ xa* có thể bị cản trở do trường điện từ và nhiễu.

① LƯU Ý

Tránh để chìa khóa điều khiển từ xa gần với đồ vật kim loại hoặc thiết bị điện, ví dụ, điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay hoặc bộ sạc, cần để không gần quá 10 - 15 cm (4 - 6 inch).

Nếu vẫn còn nhiều, sử dụng lưới chìa khóa có thể tháo rời của chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa và đặt chìa khóa trong đầu đọc dự phòng ở hộp đựng cốc để tắt xe.

① LƯU Ý

Khi để chìa khóa điều khiển từ xa trong hộp đựng cốc, đảm bảo không có các chìa khóa xe, đồ vật kim loại hoặc thiết bị điện khác (ví dụ, điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay hoặc bộ sạc) trong hộp đựng cốc. Một số chìa khóa xe gần với nhau trong hộp đựng cốc có thể gây nhiễu với nhau.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)
- Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa (trang 248)
- Thay pin trong chìa khóa điều khiển từ xa (trang 249)
- Lưới chìa khóa có thể tháo rời (trang 254)
- Hệ thống khóa chống trộm (trang 256)
- Liên kết chìa khóa điều khiển từ xa với hồ sơ người lái (trang 134)

Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa

Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa có thể được sử dụng để khóa và mở khóa tất cả các cửa, cốp sau và nắp ống dẫn nhiên liệu đồng thời.

Khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa



Chìa khóa điều khiển từ xa⁹.

- Ấn nút  của chìa khóa điều khiển từ xa để khóa.

⁹ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- “ Cửa phía người lái phải luôn được đóng để bật trình tự khóa¹⁰. Nếu có bất cứ cửa hoặc cốp sau nào khác được mở, các cửa và cốp sau đó không bị khóa và báo động kêu* cho đến khi chúng được đóng. Hệ thống phát hiện chuyển động* của báo động được bật khi tất cả các cửa và cốp sau đều được đóng và khóa.

ⓘ LƯU Ý

Chú ý đến nguy cơ khóa chìa khóa điều khiển từ xa trong xe:

- Chìa khóa điều khiển từ xa hoặc Móc Khóa bỏ lại trong xe sẽ bị tắt khi xe được khóa và báo động được bật bằng một chìa khóa đang hoạt động khác. Chức năng “Deadlock” (Khóa chốt) cũng bị tắt. Chìa khóa bị tắt được bật lại khi xe được mở khóa.
- Chìa khóa Đỏ bỏ lại trong xe sẽ bị tắt kể cả khi xe được khóa bằng Volvo On Call và được bật lại khi xe được mở khóa bằng Volvo On Call hoặc ấn nút mở khóa của chìa khóa.

Khóa khi mở cốp sau

ⓘ LƯU Ý

Nếu xe đã được khóa trong khi mở cốp sau, cần thận đề không bỏ lại chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý khi đóng cốp sau và xe được khóa hoàn toàn¹.

Mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa

- Ấn nút  của chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa.

Khóa lại tự động

Nếu không có cửa hoặc cốp sau được mở trong vòng hai phút kể từ khi mở khóa, chúng sẽ được khóa tự động. Chức năng này ngăn xe được đề mở khóa do vô ý.

Khi chìa khóa điều khiển từ xa không hoạt động

ⓘ LƯU Ý

Luôn thử đi chuyển gần hơn đến xe và mở khóa lại.

Nếu không thể khóa hoặc mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa, pin có thể hết, trong trường hợp này, khóa hoặc mở khóa cửa phía người lái bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời.

Thông tin liên quan

- Cài đặt mở khóa điều khiển từ xa và mở khóa từ bên trong xe (trang 247)
- Mở khóa cốp sau bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 247)
- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)
- Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa (trang 248)
- Thay pin trong chìa khóa điều khiển từ xa (trang 249)
- Khóa và mở khóa bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời (trang 255)

¹⁰ Nếu xe được trang bị khóa/mở khóa từ xa, tất cả các cửa hai bên đều phải được đóng.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Cài đặt mở khóa điều khiển từ xa và mở khóa từ bên trong xe

Có thể lựa chọn các trình tự khác nhau để mở khóa điều khiển từ xa.

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. **Ấn My Car (Xe của Tôi) → Locking (Khóa) → Remote and Interior Unlock (Mở khóa Từ xa và Bên trong).**

3. Lựa chọn tùy chọn:

- **All Doors (Tất cả các Cửa)**

- mở khóa tất cả các cửa đồng thời.

- **Single Door (Một Cửa)**

- mở khóa cửa phía người lái. Việc mở khóa tất cả các cửa yêu cầu hai lần ấn nút mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa.

Các cài đặt được thực hiện ở đây cũng ảnh hưởng đến việc mở khóa xe thông qua mở tay cầm từ bên trong.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)
- Khóa và mở khóa từ bên trong xe (trang 270)

Mở khóa cốp sau bằng chìa khóa điều khiển từ xa

Có thể mở khóa chỉ cốp sau bằng cách ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.



Sử dụng nút  của chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa cốp sau và tắt báo động.

1. Ấn nút  của chìa khóa điều khiển từ xa.
 - > Đèn báo khóa và báo động trên bảng tập lô tắt để thể hiện việc báo động không được bật cho toàn bộ xe.

Mức báo động và cảm biến chuyển động và các cảm biến để mở cốp sau bị ngắt.

Cốp sau được mở khóa nhưng vẫn đóng trong khi các cửa vẫn bị khóa và chức năng báo động được bật.

Nắm nhẹ vào thanh áp suất cao su ở dưới tay cầm cốp sau để mở cốp sau.

Nếu cốp sau không mở trong vòng 2 phút, nó được khóa lại và báo động được bật lại.

2. Với tùy chọn cốp sau chạy điện* - Ấn lâu (xấp xỉ 1,5 giây) trên nút  của chìa khóa điều khiển từ xa.
 - > Cốp sau được mở khóa và mở trong khi các cửa vẫn bị khóa và chức năng báo động được bật.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (trang 245)
- Mở và đóng cốp sau chạy điện* (trang 273)

Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa

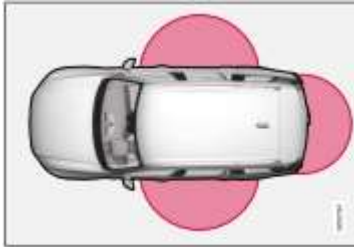
Để chìa khóa điều khiển từ xa hoạt động chính xác, chìa khóa điều khiển từ xa cần ở trong một khoảng cách nhất định so với xe.

Để sử dụng bằng tay

Các chức năng, ví dụ, khóa/mở khóa, của chìa khóa điều khiển từ xa được bật bằng cách ấn  hoặc , có phạm vi hoạt động xấp xỉ 20 mét (65 feet) so với xe.

Nếu xe không có tín hiệu khi ấn nút, di chuyển gần hơn và thử lại.

Để sử dụng từ xa¹¹



Khu vực được đánh dấu trong hình ảnh thể hiện khu vực nằm trong phạm vi hoạt động của ăng ten hệ thống.

Để sử dụng từ xa, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chìa khóa không nút bấm (Móc Khóa) phải ở trong diện tích

hình bán nguyệt với bán kính xấp xỉ 1,5 mét (5 feet) dọc hai bên và xấp xỉ 1 mét (3 feet) từ cốp sau.

LƯU Ý

Các chức năng của chìa khóa điều khiển từ xa có thể bị cản trở do sóng vô tuyến xung quanh, điều kiện địa hình của tòa nhà v.v....
Xe có thể luôn được khóa/mở khóa bằng lưới chìa khóa.

Nếu chìa khóa điều khiển từ xa để ở ngoài xe



Nếu chìa khóa điều khiển từ xa để ở ngoài xe khi động cơ đang chạy, thông báo **Car key not found Removed from car (Không tìm thấy chìa khóa xe Để ở ngoài xe)** được hiển thị trong màn hình người lái và nhắc nhở bằng âm thanh phát ra khi cửa cuối cùng được đóng.

Thông báo biến mất khi chìa khóa được đem vào xe trước khi ấn nút O của bàn phím bên phải hoặc khi cửa cuối cùng được đóng.

Thông tin liên quan

- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)
- Vị trí ăng ten cho hệ thống khởi động và khóa (trang 269)
- Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng* (trang 266)

¹¹ Chỉ áp dụng với xe trang bị tùy chọn khóa/mở khóa từ xa (Vào xe Tự động*).

Thay pin trong chìa khóa điều khiển từ xa

Pin trong chìa khóa điều khiển từ xa cần được thay khi hết điện.

① LƯU Ý

Tất cả pin đều có tuổi thọ hạn chế và phải được thay thường xuyên (không áp dụng với Móc Khóa). Tuổi thọ của pin khác nhau tùy thuộc vào mức độ sử dụng thường xuyên của xe/chìa khóa.

Pin cho chìa khóa điều khiển từ xa cần được thay nếu:



Biểu tượng thông tin sáng và thông báo **Car key battery low See Owner's manual** được hiển thị trong màn hình người lái.

và/hoặc

- chìa liên tục không phản ứng với tín hiệu từ chìa khóa điều khiển từ xa trong vòng 20 mét (65 feet) từ xe.

① LƯU Ý

Luôn thử đi chuyển gần hơn đến xe và mở khóa lại.

Pin trong chìa khóa không nút bấm¹² (Móc Khóa) không thể bị thay, có thể đặt một chìa khóa mới từ gara được Volvo ủy quyền.

① QUAN TRỌNG

Móc Khóa hết pin phải được bàn giao cho gara được Volvo ủy quyền. Chìa khóa phải bị xóa khỏi xe do vẫn có thể sử dụng nó để khởi động xe khởi động dự phòng.

Mở chìa khóa và thay pin



1 ➡ Giữ chìa khóa điều khiển từ xa có logo Volvo có thể nhìn thấy ở phía trước hướng sang bên phải, trượt nút ở mép dưới bằng vòng chìa khóa sang bên phải. Trượt vỏ phía trước lên vài milimet.

➡ Vỏ sẽ rời ra và có thể được tháo ra khỏi chìa khóa.

¹² Chỉ áp dụng với xe trang bị tùy chọn khóa/mở khóa từ xa (Vào xe Tự động*).

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

44



2 Xoay chìa khóa, di chuyển nút sang hai bên và trượt vỏ phía sau lên trên một vài milimet.

Vỏ sẽ rời ra và có thể tháo khỏi chìa khóa.



3 Sử dụng tô vít hoặc thiết bị tương tự để xoay nắp pin ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi thấy phần có chữ **OPEN (MỞ)**.

Cẩn thận nâng nắp pin bằng cách ấn, ví dụ, ngón tay vào phần lõm.
Cậy nắp pin lên.



4 Chiều (+) của pin hướng lên trên. Cậy cẩn thận, nối lòng pin theo hình ảnh.

⚠ QUAN TRỌNG

Tránh chạm vào pin mới và bề mặt tiếp xúc của pin bằng ngón tay do điều này có thể làm giảm hiệu năng của pin.

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG



5 Lắp pin mới, chiều (+) hướng lên trên. Tránh để ngón tay tiếp xúc với pin của chìa khóa điều khiển từ xa.

➡ Đặt pin vào khay, mép hướng xuống dưới. Trượt pin lên phía trước để nó khít chặt dưới hai vấu nhựa.

➡ Ấn pin xuống để nó khít chặt dưới vấu nhựa màu đen ở trên.

ⓘ LƯU Ý

Sử dụng pin ký hiệu là CR2032, 3 V.

ⓘ LƯU Ý

Volvo khuyến cáo rằng pin cần được sử dụng trong chìa khóa điều khiển từ xa đáp ứng Hướng dẫn và Tiêu chí Thử nghiệm UN, Phần III, mục phụ 383. Pin được lắp trong nhà máy hoặc được một gara được Volvo ủy quyền đáp ứng tiêu chí trên.



6 Lắp lại nắp pin và xoay nó theo chiều kim đồng hồ cho đến khi phản ánh dấu khớp với chữ **CLOSE (ĐÓNG)**.



7 ➡ Lắp lại vỏ phía sau và ấn nó xuống cho đến khi có thể nghe thấy tiếng “tách”.

➡ Trượt vỏ về phía sau.

> Một tiếng “tách” khác báo vỏ đã được lắp đúng vị trí và được cố định.



8 Lật lại chìa khóa điều khiển từ xa và lắp lại vào phía trước bằng cách ấn nó xuống cho đến khi có thể nghe thấy tiếng “tách”.

- Trượt vỏ về phía sau.
- > Một tiếng “tách” khác báo vỏ đã được lắp đúng vị trí và được cố định.

① QUAN TRỌNG

Đảm bảo rằng pin đã hết điện được tiêu hủy theo hình thức thân thiện với môi trường.

Thông tin liên quan

- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

Đặt thêm chìa khóa điều khiển từ xa

Xe được trang bị hai chìa khóa điều khiển từ xa. Một chìa khóa không dùng nút được cung cấp nếu xe được trang bị khóa và mở khóa từ xa^{*}. Có thể đặt thêm chìa khóa.

Tổng cộng 12 chìa khóa có thể được lập trình và sử dụng cho một xe. Nếu đặt hàng chìa khóa bổ sung, thêm hồ sơ người lái bổ sung, một hồ sơ người lái trên mỗi chìa khóa điều khiển từ xa mới. Điều này cũng áp dụng với móc khóa.

Mất chìa khóa điều khiển từ xa

Nếu bạn làm mất một chìa khóa điều khiển từ xa, có thể đặt hàng một chìa khóa mới ở gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền. Các chìa khóa điều khiển từ xa còn lại phải được đem đến gara. Mã của chìa khóa bị mất phải bị xóa khỏi hệ thống để ngăn trộm cắp.

Số lượng chìa khóa hiện tại được đăng ký vào xe có thể được kiểm tra thông qua hồ sơ người lái trong phần trên cùng của màn hình trung tâm, lựa chọn **Settings (Cài đặt) → System (Hệ thống) → Driver Profiles (Hồ sơ Người lái)**.

Thông tin liên quan

- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

Chìa khóa Đỏ - chìa khóa điều khiển từ xa hạn chế*

Chìa khóa Đỏ giúp chủ xe có thể cài đặt một số hạn chế cho các đặc tính của xe. Các hạn chế đề khuyến khích lái xe an toàn, ví dụ, khi cho mượn xe.



Với Chìa khóa Đỏ, có thể cài đặt tốc độ tối đa của xe, cài đặt nhắc nhở về tốc độ và xác định âm lượng tối đa của hệ thống loa. Thêm vào đó, một số hệ thống hỗ trợ người lái của xe sẽ luôn được bật. Các chức năng khác của chìa khóa này giống với chìa khóa điều khiển từ xa thông thường.

Một hoặc nhiều Chìa khóa Đỏ có thể được đặt hàng từ đại lý của Volvo. Tổng cộng 11 chìa khóa có hạn chế có thể được lập trình và sử dụng cho một xe, ít nhất một chìa khóa phải là chìa khóa điều khiển từ xa thông thường.

^{*}Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Các hạn chế này nhằm mục đích giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn và khiến việc bàn giao xe cho, ví dụ, thanh niên, điểm đỗ xe hoặc gara, trở nên an toàn hơn. Người giữ Chìa khóa Đỏ không thể thay đổi cài đặt được thiết lập cho Chìa khóa Đỏ, phải có một chìa khóa điều khiển từ xa thông thường cho việc này.

Thông tin liên quan

- Cài đặt Chìa khóa Đỏ* (trang 253)
- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

Cài đặt Chìa khóa Đỏ*

Người giữ chìa khóa điều khiển từ xa thường xuyên có thể thiết lập cài đặt cho Chìa khóa Đỏ. Một số chức năng hỗ trợ người lái luôn hoạt động.

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Ấn **Settings (Cài đặt)** ➔ **Driver Profiles (Hồ sơ Người lái)** ➔ **Red Key (Chìa khóa Đỏ)**.

> Có thể thiết lập các cài đặt dưới đây:

- **Set Time Gap For Adaptive Cruise Control (Cài đặt Khoảng thời gian để Kiểm soát Hành trình Chủ động)**
- **Reduced Maximum Volume (Giảm Âm lượng Tối đa)**
- **Max Speed Limit (Giới hạn Tốc độ Tối đa)**

Kiểm soát hành trình chủ động:

- Cài đặt khi lần đầu sử dụng: Thời gian dài nhất

Giảm âm lượng tối đa (Bật/Tắt):

- Cài đặt khi lần đầu sử dụng: Bật

Hệ thống Giới hạn Tốc độ:

- Cài đặt phạm vi: 50 - 250 km/giờ (30 - 160 dặm/giờ)
- Cài đặt khi sử dụng lần đầu là 120 km/giờ (75 dặm/giờ)
- Độ tăng: 1 km/giờ (1 dặm/giờ)



Màn hình người lái hiển thị biểu tượng và thông báo này.

Red key Speed limitation cannot be exceeded. (Chìa khóa đỏ, không được vượt quá giới hạn tốc độ).

Hệ thống Nhớ Tốc độ (Bật/Tắt):

- Cài đặt phạm vi: 0 - 250 km/giờ (0 - 1160 dặm/giờ)
- Cài đặt khi sử dụng lần đầu là 50, 70 và 90 km/giờ (30, 45 và 55 dặm/giờ)
- Độ tăng: 1 km/giờ (1 dặm/giờ)
- Số lần nhắc nhở tối đa đồng thời: 6

Các chức năng hỗ trợ người lái

Các chức năng hỗ trợ người lái dưới đây luôn được bật cho người sử dụng Chìa khóa Đỏ:

- Thông tin Cảnh báo Điểm mù (BLIS)*
- Hỗ trợ đi đúng làn đường (LKA)*
- Cảnh báo Khoảng cách*
- Lái xe An toàn trong Thành phố
- Kiểm soát Cảnh báo Người lái (DAC)*
- Thông tin Biển báo Giao thông*

Thông tin liên quan

- Chìa khóa Đỏ - chìa khóa điều khiển từ xa hạn chế* (trang 252)

Lưỡi chìa khóa có thể tháo rời

Chìa khóa điều khiển từ xa chứa một lưỡi chìa khóa có thể tháo rời làm từ kim loại và có thể bật nhiều chức năng và thực hiện một số thao tác.

Mã duy nhất của lưỡi chìa khóa được gara được Volvo ủy quyền cung cấp. Điều này được khuyến cáo thực hiện khi đặt lưỡi chìa khóa mới.

Phạm vi sử dụng lưỡi chìa khóa

Sử dụng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời của chìa khóa điều khiển từ xa:

- có thể mở cửa phía trước bên trái¹³ bằng tay nếu không thể bật khóa trung tâm bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- khóa khẩn cấp tất cả các cửa.
- có thể bật và tắt khóa an toàn trẻ em bằng tay cho cửa phía sau.

Chìa khóa không nút bấm¹ (Móc Khóa) không có lưỡi chìa khóa có thể tháo rời. Sử dụng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời từ chìa khóa điều khiển từ xa thông thường, nếu cần.

Tháo lưỡi chìa khóa



- 1 Giữ chìa khóa điều khiển từ xa có logo Volvo có thể nhìn thấy ở phía trước hướng sang bên phải, trượt nút ở mép dưới bằng vòng chìa khóa sang bên phải. Trượt vỏ phía trước lên vài milimet.



- 2 Tháo lưỡi chìa khóa bằng cách nghiêng vỏ chìa khóa lên trên.



- 3 Lắp lại lưỡi chìa khóa về vị trí ban đầu trong chìa khóa điều khiển từ xa sau khi sử dụng.
- Lắp lại vỏ phía sau và ấn nó xuống cho đến khi có thể nghe thấy tiếng “tách”.
- Trượt vỏ về phía sau.
- > Một tiếng “tách” khác báo vỏ đã được lắp đúng vị trí và được cố định.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời (trang 255)
- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

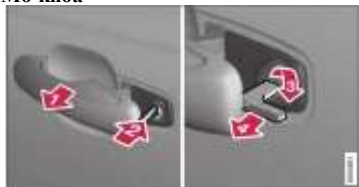
¹³ Điều này áp dụng với xe có vô lăng bên tay trái hoặc vô lăng bên tay phải.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Khóa và mở khóa bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời

Lưỡi chìa khóa có thể tháo rời có thể được sử dụng để mở khóa xe từ bên ngoài, ví dụ, nếu đã hết pin của chìa khóa điều khiển từ xa, cùng nhiều chức năng khác.

Mở khóa



➡ Kéo hết cỡ tay nắm cửa phía trước ở phía bên trái ra¹⁴ để có thể nhìn thấy ổ khóa.

➡ Đưa chìa khóa vào ổ khóa.

➡ Vặn 45 độ theo chiều kim đồng hồ để lưỡi chìa khóa chỉ thẳng về phía sau.

➡ Vặn lại chìa khóa 45 độ về vị trí ban đầu. Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa và thả tay nắm để phần sau của tay nắm đậy lại vào xe.

5. Kéo tay nắm ra.

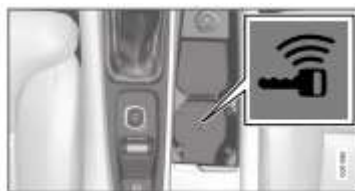
> Cửa mở.

Việc khóa sẽ được thực hiện tương tự nhưng xoay ngược chiều kim đồng hồ 45 độ thay cho chiều kim đồng hồ trong bước (3).

Tắt báo động*

ⓘ LƯU Ý

Khi mở khóa cửa bằng lưỡi chìa khóa và cửa mở, báo động được bật.



Vị trí đầu đọc dự phòng trong hộp đựng cốc.

Tắt báo động như sau:

1. Đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên biểu tượng chìa khóa trong đầu đọc dự phòng ở phía dưới hộp đựng cốc trong bảng điều khiển bên dưới.

2. Xoay núm khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra.

> Núm điều khiển tự động trở về vị trí ban đầu, tín hiệu báo động dừng và báo động tắt.

Khóa

Cũng có thể khóa xe bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời của chìa khóa điều khiển từ xa, ví dụ, trong trường hợp hết điện hoặc hết pin của chìa khóa.

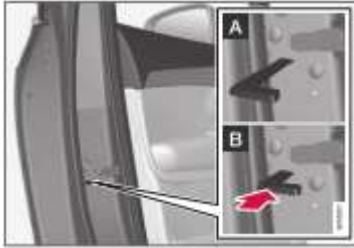
Có thể khóa cửa phía trước bên trái bằng ổ khóa cửa và lưỡi chìa khóa có thể tháo rời.

Các cửa khác không có ổ khóa và có một công tắc khóa ở đầu của mỗi cửa, phải ấn chúng bằng lưỡi chìa khóa để khóa/cố định bằng cơ học để ngăn mở cửa từ bên ngoài.

Cửa vẫn có thể được mở từ bên trong.

¹⁴ Điều này với xe có vô lăng bên tay trái hoặc vô lăng bên tay phải.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG



Khóa cửa bằng cơ học. Không được nhầm lẫn với khóa an toàn trẻ em.

- Rút lưỡi chìa khóa có thể tháo rời ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa. Đưa lưỡi chìa khóa vào lỗ để cài đặt lại khóa và ấn chìa khóa cho đến khi nó cách đáy xấp xỉ 12 mm (0,5 inch).

A Có thể mở cửa từ bên ngoài và bên trong.

B Cửa được cố định để ngăn mở cửa từ bên ngoài. Để trở về vị trí A, phải mở tay nắm cửa bên trong.

Cũng có thể mở khóa cửa bằng nút mở khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc nút khóa trung tâm trên cửa phía người lái.

ⓘ LƯU Ý

- Việc cài đặt lại khóa cửa chỉ khóa cửa đó, không khóa tất cả các cửa đồng thời.
- Không thể mở cửa được khóa bằng tay có bật khóa an toàn trẻ em bằng tay hoặc điện từ bên ngoài hoặc bên trong. Chỉ có thể mở khóa cửa phía sau được khóa theo cách này bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc nút khóa trung tâm.

Thông tin liên quan

- Lưỡi chìa khóa có thể tháo rời (trang 254)
- Bật và tắt báo động* (trang 282)
- Thay pin trong chìa khóa điều khiển từ xa (trang 249)
- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

Hệ thống khóa chống trộm

Hệ thống khóa chống trộm điện tử là một hệ thống chống trộm ngăn chặn khởi động xe trái phép. Xe chỉ có thể được khởi động bằng đúng chìa khóa điều khiển từ xa.

Thông báo lỗi sau trong màn hình người lái liên quan đến hệ thống khóa chống trộm điện tử:

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Car key not found See Owner's manual (Không tìm thấy chìa khóa xe, Xem Sách hướng dẫn sử dụng)	Lỗi đọc chìa khóa điều khiển từ xa trong quá trình khởi động, đặt chìa khóa lên biểu tượng chìa khóa trong hộp đựng cốc và thử lại.

Thông tin liên quan

- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)
- Đặt thêm chìa khóa điều khiển từ xa (trang 252)

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Loại hệ thống chìa khóa điều khiển từ xa được chấp nhận
Có thể xem loại hệ thống chìa khóa điều khiển từ xa của xe trong bảng sau.
Để biết thêm thông tin về loại được chấp nhận, truy cập support.volvocars.com.

Hệ thống khởi động từ xa (Khởi động Thụ động) và khóa/mở khóa từ xa (Vào xe Thụ động*)



Nhãn CEM cho hệ thống chìa khóa điều khiển từ xa. Để biết về số loại chìa khóa bổ sung được chấp nhận, xem bảng dưới.

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Châu Âu	Delphi Deutschland GmbH, 42367 Wuppertal theo đây cam kết rằng VO3-134TRX này phù hợp với các yêu cầu bắt buộc về sở hữu trí tuệ và các quy định liên quan khác có trong chỉ thị 2014/53/EU (RED). Toàn bộ nội dung về cam kết phù hợp với tiêu chuẩn của EU được trình bày tại support.volvocars.com.	
Jordan	TRC/LPD/2014/250	
Serbia	P1614120100	
Argentina	CNC ID: C-14771	

»

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Brazil	MT-3245/2015	
Indonesia	Nomor: 38301/SDPPI/2015	
Malaysia	RAAT/37A/1215/S(15-5198)	
Mexico	IFETEL: RLVDEVO15-0396	
Nga		
Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất	ER37847/15 DA0062437/11	

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Namibia	TA-2016-02	
Nam Phi	TA-2014-1868	

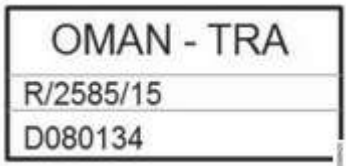
Chìa khóa điều khiển từ xa

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Châu Âu	Huf Hülsbeck & Fürst GmbH & Co. KG theo đây cam kết rằng loại thiết bị vô tuyến HUF8423 này phù hợp với chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ nội dung về cam kết phù hợp với tiêu chuẩn của EU được trình bày tại support.volvocars.com. Bước sóng: 433,92 MHz Công suất truyền dẫn phát xạ tối đa: 10 mW Nhà sản xuất: Huf Hülsbeck & Fürst GmbH & Co. KG, 17 Đường Steeger, 42551 Velbert, Đức	
Jordan	TRC/LPD/2015/104	

»»

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Morocco	AGREE PAR L'ANRT MAROC Numéro d'agrément: MR 10668 ANRT 2015 Date d'agrément: 24/07/2015	
Mexico	IFETEL Marca: HUF Modelo (s): HUF8423 NOM-121-SCT1-2009 La operación de este equipo está sujeta a las siguientes dos condiciones: (1) es posible que este equipo o dispositivo no cause interferencia perjudicial y (2) este equipo o dispositivo debe aceptar cualquier interferencia, incluyendo la que pueda causar su operación no deseada.	
Namibia	TA-2015-102	

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Oman		 OMAN - TRA R/2585/15 D080134
Serbia		 A I011 15

»»

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Nam Phi	TA-2015-432	
Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất		

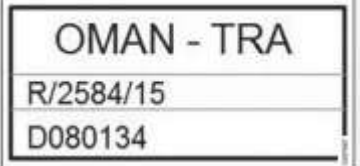
Móc Khóa

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Châu Âu	Huf Hülsbeck & Fürst GmbH & Co. KG theo đây cam kết rằng loại thiết bị vô tuyến HUF8432 này phù hợp với chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ nội dung về cam kết phù hợp với tiêu chuẩn của EU được trình bày tại support.volvocars.com. Bước sóng: 433,92 MHz Công suất truyền dẫn phát xạ tối đa: 10 mW Nhà sản xuất: Huf Hülsbeck & Fürst GmbH & Co. KG, 17 Đường Steeger, 42551 Velbert, Đức	
Jordan	TRC/LPD/2015/107	

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Morocco	AGREE PAR L'ANRT MAROC Numéro d'agrément: MR 10667 ANRT 2015 Date d'agrément: 24/07/2015	
Mexico	IFETEL Marca: HUF Modelo (s): HUF8432 NOM-121-SCT1-2009 La operación de este equipo está sujeta a las siguientes dos condiciones: (1) es posible que este equipo o dispositivo no cause interferencia perjudicial y (2) este equipo o dispositivo debe aceptar cualquier interferencia, incluyendo la que pueda causar su operación no deseada.	
Namibia	TA-2015-103	

»»

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Oman		
Serbia		

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Quốc gia/Khu vực	Loại được chấp nhận	
Nam Phi	TA-2015-414	
Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất		

Thông tin liên quan

- Chìa khóa điều khiển từ xa (trang 243)

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng*

Nếu xe được trang bị khóa và mở khóa từ xa, chỉ cần đem theo chìa khóa điều khiển từ xa, ví dụ, trong túi hoặc túi xách, là đủ để mở xe một cách thuận tiện hơn nếu tay của bạn đang cảm nhiều đồ.

Bề mặt cảm ứng

Tay nắm cửa

Phía ngoài của tay nắm cửa có một phần thụt vào để khóa trong khi phía trong có một bề mặt cảm ứng để mở khóa.



- 1 Phần thụt vào cảm ứng để khóa.
- 2 Bề mặt cảm ứng để mở khóa.

① LƯU Ý

Chỉ một bề mặt cảm ứng hoạt động ở một thời điểm. Việc nắm tay nắm trong khi chạm vào bề mặt khóa có khả năng tạo ra hai lệnh song song. Điều này có nghĩa là hoạt động (khóa/mở khóa) được yêu cầu sẽ không được thực hiện hoặc sẽ được thực hiện chậm.

Cốp sau

Tay nắm cốp sau có đĩa nén cao su chỉ sử dụng để mở khóa.



① LƯU Ý

Nhớ rằng có thể bật hệ thống khi đang rửa xe nếu chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi hoạt động.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa từ xa* (trang 267)
- Mở khóa cốp sau* từ xa (trang 268)

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Khóa và mở khóa từ xa*

Xe được khóa và mở khóa từ bên ngoài bằng tay nắm cửa hoặc cốp sau nếu xe được trang bị khóa/mở khóa từ xa (Vào xe Thụ động)*.

① LƯU Ý

Một trong các chìa khóa điều khiển từ xa của xe phải ở trong phạm vi khóa và mở khóa để hoạt động đúng chức năng.



- ① Phần thật vào cảm ứng để khóa.
- ② Bề mặt cảm ứng để mở khóa.



Đĩa nền cao su của cốp sau chỉ được sử dụng để mở khóa.

① LƯU Ý

Nhớ rằng có thể bật hệ thống khi đang rửa xe nếu chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi hoạt động.

Khóa từ xa

Tất cả các cửa hai bên đều phải đóng để có thể khóa xe. Mặt khác, cốp sau có thể được mở khi khóa xe bằng tay nắm cửa hai bên.

- Chạm vào bề mặt được đánh dấu về gần phía bên ngoài của tay nắm cửa sau khi đóng cửa hoặc ấn nút khóa¹⁵ trên mép dưới của cốp sau trước khi đóng.

> Đèn báo khóa trong kính chắn gió bắt đầu nhấp nháy để báo xe được khóa.

Để đóng tất cả cửa sổ hai bên và cửa sổ trời* đồng thời, đặt một ngón tay trên phần thật vào cảm ứng ở phía bên ngoài của tay nắm cửa và giữ ở đó cho đến khi tất cả cửa sổ hai bên và cửa sổ trời đều đã được đóng.

Khóa khi mở cốp sau

① LƯU Ý

Nếu xe đã được khóa trong khi mở cốp sau, cần thận để không bỏ lại chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý khi đóng cốp sau và xe được khóa hoàn toàn.

Nếu phát hiện chìa khóa bên trong xe, cốp sau sẽ không khóa khi đóng cốp sau.

¹⁵ Áp dụng với cốp sau chạy điện*.

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Mở khóa từ xa

- Nắm tay nắm cửa hoặc ấn đĩa nén cao su phía dưới tay nắm cốp sau để mở khóa xe.
 - > Đèn báo khóa trên kính chắn gió tắt để xác nhận xe được mở khóa, mở cửa hoặc cốp sau như thường lệ.

Khóa lại tự động

Nếu cửa hoặc cốp sau được mở trong vòng hai phút từ thời điểm khóa, cửa hoặc cốp sau sẽ được khóa tự động. Chức năng này ngăn việc xe bị vô tình để mở khóa.

Thông tin liên quan

- Cài đặt vào xe từ xa* (trang 268)
- Mở khóa cốp sau từ xa* (trang 268)
- Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng* (trang 266)

Cài đặt vào xe từ xa*

Có thể lựa chọn các trình tự khác nhau để vào xe từ xa.

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Chạm nhẹ vào **My Car (Xe của Tôi)** → **Locking (Khóa)** → **Keyless Unlock (Mở khóa Từ xa)**.
3. Lựa chọn tùy chọn:
 - **All Doors (Tất cả các Cửa)**
 - mở khóa tất cả các cửa đồng thời.
 - **Single Door (Một Cửa)**
 - mở khóa cửa được lựa chọn.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa từ xa* (trang 267)
- Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng* (trang 266)

Mở khóa cốp sau từ xa*

Để mở khóa cốp sau từ xa, bạn chỉ cần để, ví dụ, chìa khóa điều khiển từ xa trong túi hoặc túi xách. Khóa điện giữ cho cốp sau được đóng chặt.



Để mở cốp sau:

1. Ấn nhẹ đĩa nén cao su phía dưới tay nắm cốp sau.
 - > Nhà khóa.

ⓘ LƯU Ý

Một trong các chìa khóa điều khiển từ xa của xe phải ở trong phạm vi khóa và mở khóa để hoạt động đúng chức năng.

*Tùy chọn/phụ kiện.

2. Nâng bằng tay nắm bên ngoài để mở hết cỡ cốp sau.

❶ QUAN TRỌNG

- Chỉ cần một lực rất nhỏ để nhả khóa cửa sau, do đó, chỉ ấn nhẹ đĩa cao su.
- Không đặt lực nặng lên đĩa cao su khi mở cửa sau - nâng tay nắm. Việc sử dụng quá nhiều lực có thể làm hỏng mối nối điện trên đĩa cao su.

Cũng có thể mở khóa cốp sau không dùng tay mà dùng chân dưới thanh cản sau, xem mục cụ thể.

⚠ CẢNH BÁO

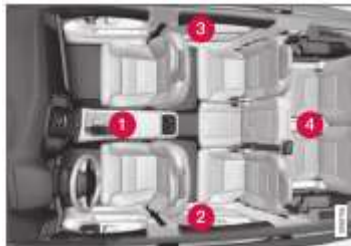
Không lái xe khi cốp sau mở! Khí thải độc hại có thể đi vào xe thông qua khoang hành lý.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa từ xa* (trang 267)
- Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng* (trang 266)
- Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa (trang 248)
- Mở và đóng cốp sau bằng cách di chuyển chân* (trang 277)

Vị trí ăng ten cho hệ thống khởi động và khóa

Xe được trang bị hệ thống khởi động và khóa từ xa¹⁶ và có nhiều ăng ten lắp sẵn ở nhiều vị trí khác nhau trong xe.



Các vị trí của ăng ten.

❶ Dưới hộp đựng cốc ở phía trước của băng điều khiển bên dưới.

❷ Trong phía trước ở trên cửa cửa sau bên trái¹.

❸ Trong phía trước ở trên cửa cửa sau bên phải¹.

❹ Ở giữa đệm ngả lưng của ghế sau¹.

⚠ CẢNH BÁO

Người sử dụng máy trợ tim không được để máy trợ tim gần quá 22 cm (9 inch) so với ăng ten của hệ thống điều khiển từ xa. Điều này để ngăn chặn nhiễu sóng giữa máy trợ tim và hệ thống điều khiển từ xa.

Thông tin liên quan

- Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng* (trang 266)
- Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa (trang 248)

¹⁶ Hệ thống khóa từ xa chỉ áp dụng với xe được trang bị khóa và mở khóa từ xa (Vào xe Thụ động*).

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Khóa và mở khóa từ bên trong xe

Có thể khóa và mở khóa cửa và cốp sau từ bên trong bằng các nút điều khiển khóa trung tâm ở cửa trước. Các nút điều khiển khóa trên cửa sau đều khóa cửa sau tương ứng.

Khóa trung tâm



Nút khóa và mở khóa có đèn báo ở cửa trước.

Khóa bằng nút ở cửa trước

- Ấn nút  để mở khóa tất cả các cửa hai bên và cốp sau.

Phương pháp mở khóa thay thế



Tay nắm hờ để mở khóa ở cửa hai bên¹⁷.

- Kéo tay nắm hờ trên một trong các cửa hai bên và thả ra.
 - > Tùy thuộc vào cài đặt trong chìa khóa điều khiển từ xa, tất cả các cửa sẽ được mở khóa hoặc chỉ cửa được chọn sẽ được mở khóa và mở.

Để thay đổi cài đặt này, chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → Locking (Khóa) → Remote and Interior Unlock (Mở khóa Từ xa và Bên trong)** trong phần trên của màn hình trung tâm.

Khóa bằng nút trong cửa trước

- Ấn nút , hai cửa trước phải được đóng.
 - > Tất cả các cửa và cốp sau đều được khóa.

Khóa bằng nút ở cửa sau*



Nút khóa có đèn báo ở cửa sau.

Nút khóa cửa sau chỉ khóa cửa sau tương ứng.

Mở khóa cửa sau

- Kéo tay nắm hờ.
 - > Cửa sau được mở khóa và mở.

¹⁷ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu xe.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Thông tin liên quan

- Cài đặt mở khóa điều khiển từ xa và mở khóa từ bên trong xe (trang 247)
- Mở khóa cốp sau từ bên trong xe (trang 271)
- Bật và tắt khóa an toàn trẻ em (trang 272)

Mở khóa cốp sau từ bên trong xe

Có thể mở khóa cốp sau từ bên trong xe bằng cách ấn nút trên bảng táp lô.

1.



Ấn nhanh nút  trên bảng táp lô.

- > Có thể mở khóa và mở cốp sau từ bên ngoài bằng cách nắm đĩa nén cao su.

2. Với tùy chọn cốp sau chạy điện*:

Ấn giữ nút  trên bảng táp lô.

- > Cốp sau mở.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa từ bên trong xe (trang 270)
- Mở và đóng cốp sau chạy điện* (trang 273)

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

Bật và tắt khóa an toàn trẻ em

Khóa an toàn trẻ em ngăn chặn khả năng trẻ mở cửa sau từ bên trong xe. Có khóa bằng điện và thủ công*.

Bật và tắt bằng điện*

Có thể bật và tắt khóa an toàn trẻ em ở tất cả vị trí đánh lửa cao hơn 0. Chỉ có thể bật và tắt 2 phút sau khi dừng vận hành xe, miễn là không có cửa nào mở.



Nút bật và tắt bằng điện.

1. Khởi động xe hoặc lựa chọn vị trí đánh lửa cao hơn 0.

2. Ấn nút trong bảng điều khiển cửa phía người lái.
 - > Màn hình người lái hiển thị thông báo **Rear child lock Activated (Đã bật khóa trẻ em phía sau)** và đèn nút này sáng, khóa được bật.

Khi bật khóa an toàn trẻ em:

- chỉ có thể mở cửa sổ sau bằng bảng điều khiển cửa phía người lái
- có thể mở cửa từ bên trong xe

Để tắt khóa:

- Ấn nút trong bảng điều khiển cửa phía người lái.
 - > Màn hình người lái hiển thị thông báo **Rear child lock Deactivated (Đã tắt khóa trẻ em phía sau)** và đèn nút này tắt, khóa được tắt.

Khi xe dừng vận hành, cài đặt hiện tại được lưu, nếu bật khóa an toàn trẻ em khi xe dừng vận hành, chức năng này sẽ tiếp tục được bật khi xe được khởi động lần tới.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Rear child lock Activated (Đã bật khóa an toàn trẻ em phía sau)	Bật khóa an toàn trẻ em
	Rear child lock Deactivated (Đã tắt khóa an toàn trẻ em phía sau)	Tắt khóa an toàn trẻ em

Bật và tắt thủ công



Khóa an toàn trẻ em thủ công. Không được nhầm lẫn với khóa cửa thủ công.

- Sử dụng lưỡi chia khóa có thể tháo rời của chìa khóa điều khiển từ xa để vận nôm.

A Cửa được cố định để ngăn mở cửa từ bên ngoài.

B Có thể mở cửa từ bên ngoài và bên trong.

*Tùy chọn/phụ kiện.

ⓘ LƯU Ý

- Nút điều khiển cửa chỉ khóa cửa tương ứng, không khóa hai cửa sau đồng thời.
- Xe có khóa an toàn trẻ em bằng điện không có khóa trẻ em thủ công.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa từ bên trong xe (trang 270)
- Lưỡi chìa khóa có thể tháo rời (trang 254)

Tự động khóa khi lái xe

Cửa và cốp sau được khóa tự động khi xe bắt đầu di chuyển.

Để thay đổi cài đặt này:

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Chạm nhẹ vào **My Car (Xe của Tôi)** → **Locking (Khóa)**.
3. Lựa chọn **Auto Lock Door When Driving (Tự động Khóa Cửa Khi Lái xe)** để tắt hoặc bật chức năng này.

Thông tin liên quan

- Khóa và mở khóa từ bên trong xe (trang 270)

Mở và đóng cốp sau chạy điện*

Có thể mở và đóng cốp sau của xe bằng điện.

Mở

Lựa chọn một trong các tùy chọn sau để mở cốp sau chạy điện:

- Ấn giữ nút  của chìa khóa điều khiển từ xa. Ấn cho đến khi cốp sau bắt đầu mở.



CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

- Ấn giữ nút  của bảng táp lô. Ấn cho đến khi cốp sau bắt đầu mở.



- Ấn nhẹ tay nắm cốp sau.



- Di chuyển chân* dưới thanh cản sau.



Đóng

Lựa chọn một trong các tùy chọn sau để đóng¹⁸ cốp sau chạy điện:

- Ấn nút  ở phía dưới cốp sau để đóng.



- > Cốp sau đóng tự động, cốp sau vẫn mở khóa.

ⓘ LƯU Ý

- Nút này hoạt động 24 giờ sau khi cửa sau để mở. Nó phải được đóng bằng tay sau đó.
- Nếu nắp cốp sau đã mở trong hơn 30 phút, nó sẽ đóng từ từ.

¹⁸ Xe có khóa và mở khóa từ xa (Vào xe Tự động*) có một nút đóng và một nút đóng và khóa.

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

- Ấn giữ nút  trên chìa khóa điều khiển từ xa.
 - > Cốp sau đóng tự động và phát ra tín hiệu âm thanh, cốp sau vẫn mở khóa.
- Ấn giữ nút  trên bảng táp lô.
 - > Cốp sau đóng tự động và phát ra tín hiệu âm thanh, cốp sau vẫn mở khóa.
- Di chuyển chân* dưới thanh cản sau.
 - > Cốp sau đóng tự động và phát ra tín hiệu âm thanh, cốp sau vẫn mở khóa.

Đóng và khóa¹⁹

- Ấn nút  ở phía dưới cốp sau để đóng cốp sau và đồng thời khóa cốp sau và cửa (tất cả các cửa phải được đóng để khóa).
 - > Cốp sau đóng tự động, cốp sau và cửa được khóa và bảo động* được bật.

① LƯU Ý

- Một trong các chìa khóa điều khiển từ xa của xe phải ở trong phạm vi khóa và mở khóa để hoạt động đúng chức năng.
- Khi sử dụng chức năng khóa hoặc đóng từ xa*, ba tín hiệu sẽ kêu nếu chìa khóa không được phát hiện đủ gần để đóng cốp sau.

① QUAN TRỌNG

Trong quá trình vận hành cốp sau thủ công, mở hoặc đóng cốp sau từ từ. Không sử dụng lực để mở/đóng cốp sau nếu có lực cản. Cốp sau có thể bị hỏng và hoạt động không đúng quy cách.

Hủy bỏ mở hoặc đóng

Hủy bỏ mở hoặc đóng theo một trong các cách sau:

- Ấn nút trên bảng táp lô.
- Ấn nút của chìa khóa điều khiển từ xa.
- Ấn nút đóng ở phía dưới của cốp sau.
- Ấn đĩa nền cao su phía dưới tay nắm bên ngoài./
- Di chuyển chân*.

Cốp sau dừng chuyển động. Cốp sau có thể được vận hành thủ công sau đó.

Nếu cốp sau dừng chuyển động gần với vị trí đóng, lần bật tiếp theo sẽ mở cốp sau.

Hệ thống bảo vệ chống kẹp

Nếu có thứ gì gây ra lực cản đủ để ngăn cốp sau mở hoặc đóng, hệ thống bảo vệ chống kẹp sẽ được bật.

- Trong quá trình mở, cốp sau bị kẹt, dừng di chuyển và phát ra tín hiệu âm thanh lâu.
- Trong quá trình đóng, cốp sau bị kẹt, dừng di chuyển, phát ra tín hiệu âm thanh lâu và cốp sau trở về vị trí mở tối đa được lập trình.

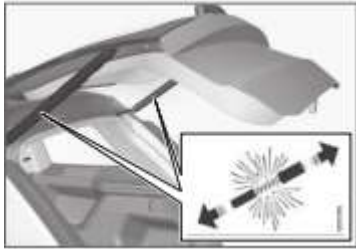
¹⁹ Xe có khóa và mở khóa từ xa (Vào xe Tự động*) có một nút đóng và một nút đóng và khóa.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BẢO ĐỘNG

CẢNH BÁO

Quan sát nguy cơ bị kẹt khi mở/đóng. Trước khi bắt đầu mở/đóng, kiểm tra để đảm bảo không có ai gần cốp sau do việc bị kẹt sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Lò xo căng trước



Lò xo căng trước cho cốp sau chạy điện.

CẢNH BÁO

Không mở lò xo căng trước cho cốp sau chạy điện. Chúng được căng trước bằng áp suất cao và có thể gây thương tích nếu được mở.

Thông tin liên quan

- Lập trình độ mở tối đa cho cốp sau chạy điện* (trang 276)
- Mở và đóng cốp sau bằng cách di chuyển chân* (trang 277)
- Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa (trang 248)

Lập trình độ mở tối đa cho cốp sau chạy điện*

Điều chỉnh vị trí mở cốp sau để hạ thấp chiều cao nóc xe.

Để điều chỉnh độ mở tối đa.

1. Mở cốp sau, để ở vị trí mở.

LƯU Ý

Không thể lập trình vị trí mở thấp hơn vị trí mở một nửa cốp sau.

2. Ấn nút  ở phía dưới cốp sau trong ít nhất 3 giây.
 - > Hai tín hiệu âm thanh ngắn phát ra để báo vị trí cài đặt đã được lưu.

Để cài đặt lại độ mở tối đa.

- Di chuyển cốp sau bằng tay đến vị trí cao nhất có thể, ấn và giữ nút  trên cốp sau trong ít nhất 3 giây.
 - > Hai tín hiệu âm thanh phát ra để báo vị trí cài đặt đã được xóa. Cốp sau sẽ sử dụng vị trí mở tối đa khi được mở.

*Tùy chọn/phụ kiện.

ⓘ LƯU Ý

- Nếu hệ thống đã vận hành liên tục trong thời gian dài, tắt hệ thống để tránh quá tải. Có thể sử dụng lại hệ thống sau khoảng 2 phút.

Thông tin liên quan

- Mở và đóng cốp sau chạy điện* (trang 273)

Mở và đóng cốp sau bằng cách di chuyển chân*

Khi tay bạn đang xách đồ và để tạo điều kiện vận hành cốp sau, có thể mở và đóng cốp sau bằng cách đá lên phía trước dưới thanh cán sau.

Nếu xe được trang bị khóa và mở khóa từ xa*, bạn có thể mở khóa cốp sau bằng cách di chuyển chân. Chức năng mở và đóng cốp sau cũng có ở xe được trang bị cốp sau chạy điện*.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng cốp sau vận hành bằng chân chỉ có ở hai phiên bản:

- Mở và đóng cốp sau bằng cách di chuyển chân.
- Chỉ mở khóa bằng cách di chuyển chân (nâng cốp sau lên thủ công để mở cốp sau).

Lưu ý, chức năng mở và đóng cốp sau bằng cách di chuyển chân cần cốp sau chạy điện*.



Cảm biến được đặt ở bên trái giữa thanh cán²⁰

Một trong các chìa khóa điều khiển từ xa của xe phải ở trong phạm vi hoạt động phía sau xe (xấp xỉ 1 m (3 feet)) để có thể mở và đóng. Điều này cũng áp dụng với xe đã được mở khóa để tránh vô tình mở cốp sau, ví dụ, trong quá trình rửa xe.

²⁰ Nếu xe được trang bị tấm bảo vệ gầm*, cảm biến được đặt ở góc bên trái của thanh cán.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Mở và đóng bằng cách di chuyển chân



Đá trong khu vực hoạt động của hệ thống phát hiện chuyển động.

- Đá từ từ về phía trước ở phần dưới của thanh cản sau, sau đó, lùi lại một bước. Không được chạm vào thanh cản.
- > Tín hiệu âm thanh ngắn phát ra khi thực hiện mở hoặc đóng bằng chân, cốp sau sẽ được mở/đóng.

Nếu cốp sau ở vị trí mở, nó được đóng²¹ bằng cách di chuyển chân.

Nếu thực hiện nhiều lần đá mà không đặt chìa khóa điều khiển từ xa phía sau xe, không thể mở sau khi dừng một lúc.

Không đặt bàn chân ở dưới xe trong quá trình đá. Điều này có thể dẫn đến việc không thể mở hoặc đóng cốp sau.

Hủy bỏ mở hoặc đóng bằng cách di chuyển chân
– Đá từ từ về phía trước khi đang mở hoặc đóng để dừng di chuyển cốp sau.

Chìa khóa điều khiển từ xa không cần đặt gần xe để hủy bỏ mở hoặc đóng.

Nếu cốp sau dừng chuyển động gần với vị trí đóng, lần bật tiếp theo sẽ mở cốp sau.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng này có nguy cơ hoạt động kém hiệu quả hoặc không hoạt động nếu thanh cản sau dính nhiều băng, tuyết, bụi bẩn hoặc chất tương tự. Vì lý do này, đảm bảo giữ sạch thanh cản sau.

ⓘ LƯU Ý

Chú ý đến khả năng hệ thống này có thể được bật trong quá trình rửa xe hoặc hoạt động tương tự nếu chìa khóa từ xa nằm trong phạm vi hoạt động.

Xe có phụ kiện tấm bảo vệ gầm*

Nếu xe được trang bị tấm bảo vệ gầm, cảm biến được đặt ở góc bên trái của thanh cản.



Để thực hiện mở và đóng bằng cách di chuyển chân trên xe được trang bị tấm bảo vệ gầm, thực hiện đá từ hai bên xe. Một trong các chìa khóa điều khiển từ xa của xe phải ở trong phạm vi hoạt động (xấp xỉ 1 m (3 feet)) để có thể mở và đóng.

²¹ Áp dụng với xe có cốp sau chạy điện*.

*Tùy chọn/phụ kiện.



Đá trong khu vực hoạt động của hệ thống phát hiện chuyển động.

Thông tin liên quan

- Bề mặt điều khiển từ xa và cảm ứng* (trang 266)
- Mở và đóng cốp sau chạy điện* (trang 273)
- Phạm vi hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa (trang 248)

Khóa riêng tư

Cốp sau và hộp đựng găng tay có thể được khóa bằng chức năng khóa riêng tư để ngăn mở xe, ví dụ, khi xe được bảo trì, để ở khách sạn hoặc nơi tương tự.



Nút chức năng khóa riêng tư đặt ở phần chức năng của màn hình trung tâm. Tùy thuộc vào hiện trạng của khóa, **Private Locking Unlocked (Mở khóa Riêng tư)** hoặc **Private Locking Locked (Khóa Riêng tư)** được hiển thị.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt khóa riêng tư (trang 279)

Bật và tắt khóa riêng tư

Bật khóa riêng tư bằng nút chức năng ở màn hình trung tâm và mã PIN tùy chọn.

ⓘ LƯU Ý

Xe tối thiểu cần ở chế độ đánh lửa I để bật chức năng khóa riêng tư.

Nhập mã bảo mật trước khi sử dụng lần đầu

Cần lựa chọn mã bảo mật trong lần đầu sử dụng chức năng này. Mã bảo mật có thể được sử dụng để tắt khóa riêng tư nếu đã mất hoặc quên mã PIN đã chọn. Mã bảo mật hoạt động như mã PUK cho tất cả mã PIN được cài đặt sau này cho chức năng khóa riêng tư.

Lưu mã bảo mật ở nơi an toàn.

Để tạo mã bảo mật:

1. Ấn nút khóa riêng tư trong phần chức năng.



> Cửa sổ pop-up được hiển thị.

«

2. Nhập mã bảo mật mong muốn.
 - > Mã bảo mật được lưu. Chức năng khóa riêng tư đang sẵn sàng hoạt động.
- Nếu hệ thống đã được cài đặt lại, cần lập lại quy trình trên.

Bật khóa riêng tư

1. Ấn nút khóa riêng tư trong phần chức năng.



- > Một cửa sổ popup được hiển thị.
2. Nhập mã cần được sử dụng để mở khóa hộp đựng găng tay và cốp sau, sau khi khóa và chạm nhẹ vào **Confirm (Xác nhận)**.
 - > Hộp đựng găng tay và cốp sau được mở khóa. Xác nhận khóa bằng đèn báo xanh lá cây được hiển thị ở nút trong phần chức năng.

Tắt khóa riêng tư

1. Ấn nút khóa riêng tư trong phần chức năng.



- > Một cửa sổ popup được hiển thị.
2. Nhập mã đã được sử dụng để khóa và chạm nhẹ vào **Confirm (Xác nhận)**.
 - > Hộp đựng găng tay và cốp sau được mở khóa. Xác nhận mở khóa bằng đèn báo xanh lá cây ở nút trong phần chức năng tắt.

ⓘ LƯU Ý

Nếu đã mất/quên mã PIN hoặc nếu đã nhập sai mã PIN hơn ba lần, có thể sử dụng mã bảo mật để tắt khóa riêng tư.

ⓘ LƯU Ý

Nếu bật khóa riêng tư và xe được mở khóa thông qua Volvo On Call* hoặc ứng dụng Volvo On Call*, khóa riêng tư sẽ được tắt tự động.

Thông tin liên quan

- Khóa riêng tư (trang 279)

Báo động*

Báo động phát ra cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh nếu có bất cứ người nào vào xe mà không có đúng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc thao tác với ắc quy bộ khởi động hoặc còi báo động.

Khi được bật, báo động được kích hoạt nếu:

- cửa, ca pô hoặc cốp sau bị mở²²
- phát hiện chuyển động trong khoang hành khách (nếu lắp hệ thống phát hiện chuyển động*)
- xe bị nâng lên hoặc kéo đi (nếu lắp hệ thống phát hiện góc nghiêng*)
- cáp của ắc quy bộ khởi động bị đứt
- còi bị ngắt.

Tín hiệu báo động

Khi báo động đã được kích hoạt, diễn ra các hoạt động sau:

- Còi kêu trong 30 giây hoặc cho đến khi tắt báo động.
- Xi nhan nhấp nháy trong phút hoặc cho đến khi tắt báo động.

Nếu không xử lý nguyên nhân kích hoạt báo động, chu kỳ báo động được lặp lại trong 10 lần¹.

Đèn báo động



Đèn LED màu đỏ trên bảng táp lô báo trạng thái của hệ thống báo động:

- Đèn LED không sáng - báo động không được bật.
- Đèn LED nhấp nháy mỗi giây một lần - báo động được bật.
- Sau khi báo động đã bị tắt, đèn LED nhấp nháy nhanh trong tối đa 30 giây hoặc cho đến khi đã bật vị trí đánh lửa I - báo động đã được kích hoạt.

Cảm biến chuyển động và góc nghiêng*

Cảm biến chuyển động và góc nghiêng phản ứng với chuyển động bên trong xe, nếu cửa sổ bị vỡ hoặc nếu bất cứ người nào cố lấy trộm bánh xe hoặc kéo xe đi.

Cảm biến chuyển động kích hoạt báo động trong trường hợp có chuyển động trong khoang hành khách - luồng không khí cũng được theo dõi. Vì lý do này, báo động được kích hoạt nếu xe để mở cửa sổ hoặc cửa sổ trời* hoặc nếu sử dụng hệ thống sưởi khoang hành khách.

Để tránh điều này:

- Đóng cửa sổ và cửa sổ trời khi rời khỏi xe.
- Nếu khoang hành khách hoặc hệ thống sưởi khi đỗ xe cần được sử dụng, hướng luồng khí từ cửa gió để chúng không thổi lên trên trong khoang hành khách.

Thay vào đó, sử dụng mức độ báo động thấp để tạm thời tắt cảm biến chuyển động và góc nghiêng.

Cũng tắt cảm biến chuyển động và góc nghiêng khi xe đang được chờ trên phà hoặc tàu do các chuyển động này có thể ảnh hưởng đến xe và kích hoạt báo động.

Trong trường hợp lỗi hệ thống báo động



Nếu hệ thống báo động xảy ra lỗi, màn hình người lái hiển thị biểu tượng này và thông báo **Alarm system failure Service required (Lỗi hệ thống báo động Cần bảo trì)**. Trong trường hợp này, liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

²² Áp dụng với một số thị trường.

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

❗ LƯU Ý

Không cố tự sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận trong hệ thống báo động. Việc tự cố sửa chữa hoặc thay thế có thể ảnh hưởng đến điều khoản bảo hiểm.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt báo động* (trang 282)
- Giảm mức báo động* (trang 283)
- Khóa kép* (trang 284)

Bật và tắt báo động*

Báo động được bật khi xe được khóa.

Bật báo động

Khóa và bật báo động xe như sau:

- ấn nút khóa  của chìa khóa điều khiển từ xa
- chạm vào bề mặt được đánh dấu trên phía ngoài của tay nắm cửa hoặc đĩa nén cao su¹ của cốp sau.

Nếu xe được trang bị khóa/mở khóa từ xa* và cốp sau chạy điện*, nút  tại phía dưới của cốp sau cũng có thể được sử dụng để khóa xe và bật báo động xe.



Đèn LED đỏ trên bảng táp lô nhấp nháy hai giây một lần khi xe được khóa và báo động được bật.

Tắt báo động

Mở khóa và tắt báo động xe như sau:

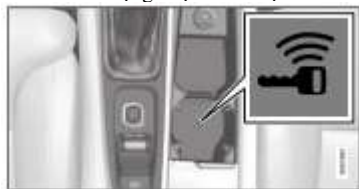
- ấn nút mở khóa  của chìa khóa điều khiển từ xa.
- nắm một trong các tay nắm cửa hoặc ấn đĩa nén cao su²³ của cốp sau.

²³ Chỉ áp dụng với xe trang bị tùy chọn khóa/mở khóa từ xa (Vào xe Tự động*).

Tắt báo động mà không dùng đến chìa khóa điều khiển từ xa

Có thể mở khóa xe và tắt báo động kể cả khi chìa khóa điều khiển từ xa không hoạt động, ví dụ, nếu hết pin chìa khóa điều khiển từ xa.

- Mở cửa phía người lái bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời.
 - Báo động được kích hoạt.



- Vị trí của đầu đọc dự phòng trong hộp đựng cốc.
- Đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên biểu tượng chìa khóa trong đầu đọc dự phòng trong hộp đựng cốc của bảng điều khiển bên dưới.
 - Vặn núm khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra.
 - Báo động bị tắt.

Tắt báo động đã kích hoạt

- Ấn nút mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa hoặc cài đặt xe ở vị trí đánh lửa I bằng cách vặn núm khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra.

LƯU Ý

- Nhớ rằng báo động được bật khi xe được khóa.
- Nếu có bất cứ cửa nào được mở từ bên trong, báo động được kích hoạt.

Tự động bật và bật lại báo động

Tự động bật lại báo động để ngăn việc rời khỏi xe mà vô ý tắt báo động.

Nếu xe được mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa (tắt báo động) nhưng cửa hoặc cốp sau không được mở trong vòng hai phút, báo động được tự động bật lại. Xe được khóa lại đồng thời.

Ở một số thị trường, báo động được tự động bật với độ trễ nhất định sau khi cửa phía người lái được mở và đóng mà không được khóa.

Để thay đổi cài đặt này:

- Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
- Chạm nhẹ vào **My Car (Xe của Tôi)** ➔ **Locking (Khóa)**.
- Lựa chọn **Passive Arming Deactivation (Tắt Kích hoạt Tự động)** để tắt chức năng tạm thời.

Thông tin liên quan

- Báo động* (trang 281)

Giảm mức báo động*

Giảm mức báo động nghĩa là cảm biến chuyển động và góc nghiêng được tắt tạm thời.

Tắt tạm thời hệ thống phát hiện chuyển động và góc nghiêng để tránh việc vô ý kích hoạt báo động, ví dụ, nếu còn chú chó ở trong xe bị khóa hoặc trong quá trình vận chuyển trên tàu hoặc phà.



Ấn nút **Reduced Guard (Giảm Mức độ Bảo vệ)** ở phần trên cùng của màn hình trung tâm để tắt cảm biến chuyển động và góc nghiêng khi khóa xe sau này.

Chức năng khóa kép bị tắt cùng lúc, ví dụ, có thể mở khóa từ bên trong.

Nếu xe được mở khóa và khóa lại sau đó, phải bật lại giảm mức báo động.

Thông tin liên quan

- Báo động* (trang 281)
- Khóa kép* (trang 284)

CHÌA KHÓA, KHÓA VÀ BÁO ĐỘNG

Khóa kép*

Khóa kép nghĩa là tất cả tay nắm hờ đều được nhả ra bằng cơ học để ngăn mở cửa từ bên trong khi xe bị khóa từ bên ngoài.

Khóa kép được bật bằng chìa khóa điều khiển từ xa và trong chức năng khóa từ xa (Vào xe Thụ động)*. Khóa kép được bật với độ trễ khoảng 10 giây sau khi tắt cả các cửa đã khóa.

Nếu cửa được mở trong khoảng thời gian trễ, trình tự khóa bị gián đoạn và báo động được tắt.

LƯU Ý

- Nhớ rằng báo động được bật khi xe được khóa.
- Nếu có bất cứ cửa nào được mở từ bên trong, báo động được kích hoạt.

Chỉ có thể mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa, mở khóa từ xa hoặc ứng dụng Volvo On Call* khi bật khóa kép.

Cửa bên trái phía trước cũng có thể được mở khóa bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời. Nếu xe được mở khóa bằng lưỡi chìa khóa có thể tháo rời, báo động sẽ được kích hoạt.



CẢNH BÁO

Không để bất cứ người nào lại trong xe khi chưa tắt khóa kép từ trước để tránh nguy cơ khóa bất cứ người nào trong xe.

Thông tin liên quan

- Tắt tạm thời khóa kép* (trang 284)
- Báo động* (trang 281)

Tắt tạm thời khóa kép*

Nếu có người sẽ ở lại trong xe nhưng phải khóa cửa từ bên ngoài, chức năng khóa kép cần được tắt để cho phép mở khóa từ bên trong.



Ấn nút **Reduced Guard (Giảm Mức độ Bảo vệ)** ở phần trên cùng của màn hình trung tâm để tắt chức năng khóa kép tạm thời.

Điều này cũng có nghĩa là hệ thống phát hiện chuyển động và góc nghiêng của báo động được tắt.

Tiếp theo, **Reduced Guard (Giảm Mức độ Bảo vệ)** được hiển thị trong màn hình trung tâm và khóa kép được tắt tạm thời khi khóa xe lần sau.

Trong quá trình khóa thông thường, ổ cắm điện được tắt tạm thời nhưng khi khóa kép được tắt tạm thời, ổ cắm điện sẽ hoạt động trong tối đa 10 phút sau khi khóa.

Nếu xe được mở khóa và khóa lại sau đó, phải bật lại khóa kép.

Hệ thống được cài đặt lại khi động cơ được khởi động lần tới.

Thông tin liên quan

- Khóa kép* (trang 284)
- Báo động* (trang 281)

*Tùy chọn/phụ kiện.

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Hệ thống hỗ trợ lái xe

Xe được trang bị các hệ thống hỗ trợ người lái khác nhau để có thể hỗ trợ người lái trong các tình huống khác nhau, bất kể chủ động hay bị động.

Ví dụ, hệ thống có thể giúp người lái:

- duy trì tốc độ đã thiết đặt
- duy trì một khoảng cách về thời gian nhất định với xe ở phía trước
- ngăn chặn va chạm bằng cách đưa ra cảnh báo cho người lái và phanh xe lại.
- giúp người lái đỗ xe.

Một số hệ thống được lắp đặt như là hệ thống tiêu chuẩn bắt buộc trong khi các hệ thống khác là tùy chọn và có thể khác nhau tùy từng thị trường.

Thông tin liên quan

- Lực đánh lái phụ thuộc vào tốc độ (trang 286)
- Kiểm soát cân bằng điện tử (trang 287)
- Hệ thống kiểm soát chống lật của hệ thống cân bằng (trang 287)
- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 295)
- Hệ thống giới hạn tốc độ tự động (trang 295)
- Kiểm soát Hành trình (trang 299)
- Cảnh báo Khoảng cách* (trang 304)
- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Thiết bị radar

- Thiết bị camera (trang 350)
- City Safety™ (trang 354)
- Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)
- BLIS* (trang 369)
- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)
- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)
- Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 385)
- Hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)
- Hỗ trợ đánh lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 405)
- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)
- Trợ lái Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)

Lực đánh lái phụ thuộc vào tốc độ

Tay lái trợ lực liên quan đến tốc độ làm tăng lực vô lăng cùng với tốc độ của xe để gia tăng độ nhạy cho người lái.

Trên đường cao tốc, tay lái sẽ có thể chắc hơn. Khi đỗ xe hoặc đi ở tốc độ thấp, tay lái sẽ nhẹ hơn và chỉ cần một lực đánh lái nhẹ.

LƯU Ý

Trong một số tình huống, tay lái trợ lực có thể trở nên quá nóng và cần được làm mát tạm thời. Vào lúc này, tay lái trợ lực hoạt động với công suất thấp và vô lăng có thể nặng hơn một chút khi xoay. Cùng với việc giảm tạm thời trợ lực đánh lái, màn hình người lái sẽ hiển thị một thông báo và biểu tượng **VỖ LĂNG**.



CẢNH BÁO

Khi tay lái trợ lực đang hoạt động ở công suất thấp, chức năng hỗ trợ người lái và hệ thống hỗ trợ lái không hoạt động. Trong tình huống đó, màn hình người lái sẽ hiển thị thông báo **Lỗi tay lái trợ lực** kết hợp với biểu tượng **VỖ LĂNG**.

Thay đổi cấp độ lực đánh lái*

Để lựa chọn cấp độ lực đánh lái, đi đến mục "Drive mode" (Các chế độ lái) và xem mô tả ở mục INDIVIDUAL (CÁ NHÂN) thay thế dưới đề mục "Selectable drive modes" (Các chế độ lái có thể lựa chọn).

Đối với các mẫu xe không điều khiển chế độ lái bằng tùy chọn INDIVIDUAL (CÁ NHÂN), có thể lựa chọn lực đánh lái thông qua phần phía trên của màn hình trung tâm và theo thứ tự sau: **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → Drive Modes (Các Chế độ Lái) → Steering Force (Lực Đánh lái)**

Không thể lựa chọn lực đánh lái trong quá trình rẽ ở tốc độ vượt quá 10 km/giờ (6 dặm/giờ).

Thông tin liên quan

- Các chế độ lái* (trang 449)
- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)
- Hỗ trợ đánh lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Trợ lái Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)

Hệ thống kiểm soát chống lật của hệ thống cân bằng

RSC¹ của hệ thống cân bằng giảm thiểu tối đa nguy cơ xe bị lật úp, ví dụ, trong quá trình rẽ lái hoặc nếu xe bị trượt.

Hệ thống RSC hoạt động khi góc nghiêng hai bên của xe thay đổi và ghi lại mức độ thay đổi. Thông tin này được sử dụng để tính nguy cơ xe bị lật úp. Nếu xe có nguy cơ bị lật úp, hệ thống kiểm soát cân bằng điện tử sẽ hoạt động, mô men xoắn của động cơ sẽ được giảm xuống hoặc một hoặc nhiều bánh xe sẽ được phanh lại cho đến khi xe lấy lại trạng thái cân bằng.

⚠ CẢNH BÁO

Trong điều kiện lái thông thường, hệ thống RSC sẽ cải thiện độ an toàn của xe khi đi trên đường nhưng không được dựa vào đó để tăng tốc độ. Luôn tuân thủ các biện pháp thận trọng thông thường để lái xe an toàn.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hỗ trợ lái xe (trang 286)

Kiểm soát cân bằng điện tử

Kiểm soát Cân bằng Điện tử (ESC²) giúp người lái tránh để xe bị trượt và cải thiện lực kéo của xe.



Màn hình người lái hiển thị biểu tượng này khi hệ thống ESC được kích hoạt.

Tiếng phanh từ hệ thống ESC có thể nghe giống với tiếng rung động và xe có thể tăng tốc chậm hơn so với dự kiến khi dùng bướm ga.

Hệ thống ESC bao gồm các chức năng phụ sau:

- Chức năng cân bằng³
- Hệ thống chống quay xe và kiểm soát lực kéo
- Kiểm soát Phanh Động cơ
- Hỗ trợ cân bằng toa móc



¹ Hệ thống Kiểm soát Chống lật

² Kiểm soát Cân bằng Điện tử

³ Còn gọi là V sai Kiểm soát Tốc độ

**CẢNH BÁO**

- ESC của hệ thống cân bằng là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- ESC không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Chức năng cân bằng³

Chức năng này kiểm tra lực lái và lực phanh của từng bánh xe để đảm bảo cân bằng cho xe.

Hệ thống chống quay xe và kiểm soát lực kéo

Chức năng này hoạt động ở tốc độ thấp và phanh các bánh xe đang quay để đảm bảo lực kéo bổ sung sẽ được truyền từ các bánh xe đang không quay.

Chức năng này cũng ngăn bánh xe bị quay trên mặt đường trong quá trình tăng tốc.

Kiểm soát Phanh Động cơ

Kiểm soát Phanh Động cơ (EDC⁴) ngăn chặn bánh xe bị bó cứng ngẫu nhiên, ví dụ, sau khi về số hoặc phanh động cơ khi lái ở số thấp trên mặt đường trơn trượt.

Việc bánh xe bị bó cứng ngẫu nhiên trong khi lái có thể làm giảm khả năng điều khiển xe của người lái cùng một số bất lợi khác.

Hỗ trợ cân bằng toa móc⁵

Hỗ trợ cân bằng toa móc (TSA⁶) cân bằng xe kéo toa móc trong trường hợp chúng bắt đầu đánh văng. Cũng xem mục "Hỗ trợ cân bằng toa móc" để biết thêm thông tin.

① LƯU Ý

Chức năng TSA bị tắt nếu đang bật Chế độ Lái Thể thao ESC

Thông tin liên quan

- Chế độ lái thể thao để kiểm soát cân bằng điện tử (trang 289)
- Bật/tắt chế độ Lái thể thao trong Kiểm soát Cân bằng Điện tử (trang 289)
- Hạn chế của chế độ lái thể thao trong Kiểm soát Cân bằng Điện tử (trang 289)

- Biểu tượng và thông báo để kiểm soát cân bằng điện tử (trang 290)
- Hỗ trợ cân bằng toa móc* (trang 487)

³ Còn gọi là Vi sai Kiểm soát Tốc độ

⁴ Kiểm soát Phanh Động cơ

⁵ Hỗ trợ cân bằng toa móc được sử dụng khi có lắp đặt thanh kéo chính hãng Volvo

⁶ Hỗ trợ Cân bằng Toa móc

Chế độ lái thể thao để kiểm soát cân bằng điện tử

Hệ thống ESC⁷ luôn được bật và không thể tắt được. Tuy nhiên, người lái có thể lựa chọn **Chế độ Lái thể thao ESC** để có trải nghiệm lái chủ động hơn.

Khi lựa chọn chức năng phụ **Chế độ Lái thể thao ESC**, ESC sẽ ít can thiệp vào quá trình lái xe và xe được phép trượt nhiều hơn và vì lý do đó, người lái có khả năng điều khiển xe tốt hơn bình thường.

Khi lựa chọn **Chế độ Lái thể thao ESC**, có thể coi là ESC đã được tắt cho dù chức năng này tiếp tục hỗ trợ người lái trong một số trường hợp.

① LƯU Ý

Khi lựa chọn chức năng **Chế độ Lái thể thao ESC**, Hỗ trợ Cân bằng Toa móc (TSA⁸) sẽ bị tắt.

Chế độ Lái thể thao ESC cũng tạo ra lực kéo tối ưu nếu xe bị sa lầy hoặc đi trên bề mặt lún như cát hoặc tuyết dày.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát cân bằng điện tử (trang 287)
- Thanh kéo* (trang 482)

Bật/tắt chế độ Lái thể thao trong Kiểm soát Cân bằng Điện tử

Hệ thống ESC⁹ luôn được bật và không thể tắt được. Tuy nhiên, người lái có thể lựa chọn chế độ lái thể thao để có trải nghiệm lái chủ động hơn.



Chế độ Lái thể thao được bật/tắt trong phần chức năng của màn hình trung tâm.

- Ấn nhẹ vào nút **ESC Sport Mode (Chế độ Lái Thể thao ESC)** trong phần chức năng.
- Chế độ Lái thể thao được bật/tắt, đèn báo màu xanh lá cây/xám được hiển thị trong nút.



Màn hình người lái báo **Chế độ Lái thể thao ESC** đã bật bằng cách hiển thị biểu tượng này sáng liên tục cho đến khi chức năng này được tắt hoặc động cơ được tắt.

Khi khởi động động cơ lần tới, hệ thống ESC sẽ trở về lại chế độ bình thường

Thông tin liên quan

- Kiểm soát cân bằng điện tử (trang 287)

Hạn chế của chế độ lái thể thao trong Kiểm soát Cân bằng Điện tử

Có một số hạn chế nhất định liên quan đến chức năng phụ **Chế độ Lái thể thao ESC** đang được bật của hệ thống ESC¹⁰.

Chức năng **Chế độ Lái thể thao ESC** không thể được lựa chọn khi chức năng sau đang được bật:

- Hệ thống giới hạn tốc độ
- Kiểm soát hành trình
- Kiểm soát hành trình chủ động
- Hệ thống Lái Bán Tự động.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát cân bằng điện tử (trang 287)

⁷ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

⁸ Hỗ trợ Cân bằng Toa móc

⁹ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

¹⁰ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Biểu tượng và thông báo để kiểm soát cân bằng điện tử

Nhiều biểu tượng và thông báo liên quan đến kiểm soát cân bằng điện tử (Kiểm soát Cân

bằng Điện tử, ESC) có thể được hiển thị trên màn hình người lái.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Sáng liên tục trong xấp xỉ 2 giây.	Kiểm tra hệ thống khi động cơ được khởi động.
	Đèn nhấp nháy.	Hệ thống ESC đang được bật.
	Sáng liên tục.	Chế độ lái thể thao được lựa chọn. LƯU Ý: Hệ thống ESC không được bật trong chế độ này, nó được giảm dần.
	ESC Tắt tạm thời	Hệ thống ESC đã được giảm tạm thời do nhiệt độ phanh quá cao, chức năng được bật lại tự động khi phanh đã được làm mát. Xem thông báo trong màn hình người lái.
	ESC Cần bảo trì	Tắt hệ thống ESC - Dừng xe ở nơi an toàn, tắt động cơ và khởi động lại. - Đến gara nếu vẫn còn thông báo, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút  ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát cân bằng điện tử (trang 287)

Speed Limiter/Hệ thống Giới hạn Tốc độ

Một hệ thống giới hạn tốc độ (SL¹¹) có thể được coi như hệ thống kiểm soát hành trình đảo ngược, người lái điều khiển tốc độ bằng chân ga nhưng hệ thống giới hạn tốc độ không để cho tốc độ vô tình vượt quá tốc độ tối đa đã được lựa chọn sẵn/đã được cài đặt.



Các nút và biểu tượng chức năng¹²

- ➊ : Bật hệ thống giới hạn tốc độ từ chế độ chờ và tiếp tục tốc độ tối đa đã lưu.
- ➋ : Tăng tốc độ tối đa đã lưu.
- ➌ : **Từ chế độ chờ**, bật hệ thống giới hạn tốc độ và lưu tốc độ hiện tại.

- ➍ : Giảm tốc độ tối đa đã lưu
- ➎ : Đánh dấu tốc độ tối đa đã lưu
- ➏ : Tốc độ hiện tại của xe
- ➐ : Tốc độ tối đa đã lưu

CẢNH BÁO

- Chức năng Hệ thống Giới hạn Tốc độ là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Người lái phải luôn chú ý đến điều kiện giao thông và xử lý phù hợp nếu Hệ thống Giới hạn Tốc độ không duy trì tốc độ phù hợp.
- Hệ thống Giới hạn Tốc độ không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Hạn chế của Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 295)
- Bật và khởi động Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 292)
- Quản lý tốc độ của hệ thống giới hạn tốc độ (trang 292)
- Tắt hệ thống giới hạn tốc độ và cài đặt ở chế độ chờ (trang 293)
- Bật lại Hệ thống Giới hạn Tốc độ từ chế độ chờ (trang 294)
- Tắt hệ thống giới hạn tốc độ (trang 295)
- Hạn chế của hệ thống giới hạn tốc độ tự động (trang 299)
- Bật/tắt Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (trang 297)
- Thay đổi dung sai của hệ thống giới hạn tốc độ tự động (trang 298)

¹¹ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

¹² LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Bật và khởi động Speed Limiter/Hệ thống Giới hạn Tốc độ

Chức năng hệ thống giới hạn tốc độ (SL¹³) phải được lựa chọn và bật trước để có thể điều chỉnh tốc độ. Cài đặt hệ thống giới hạn tốc độ trong chế độ chờ



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- Ấn **+** (1) hoặc **-** (3) để duyệt hệ thống/chức năng của hệ thống giới hạn tốc độ **(4)**.
 - > Biểu tượng (4) được hiển thị và hệ thống giới hạn tốc độ được cài đặt trong chế độ chờ.

Khởi động Hệ thống Giới hạn Tốc độ

- Khi hệ thống giới hạn tốc độ ở chế độ chờ và biểu tượng **(4)** được hiển thị, ấn nút vô lăng **(2)**.
 - > Hệ thống Giới hạn Tốc độ khởi động và tốc độ hiện tại được lưu là tốc độ tối đa.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)

Quản lý tốc độ của hệ thống giới hạn tốc độ

Hệ thống giới hạn tốc độ (SL¹⁴) có thể được cài đặt thành các tốc độ khác nhau.

Cài đặt/thay đổi tốc độ được lưu



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- Thay đổi tốc độ đã cài đặt bằng cách ấn nhẹ nút vô lăng **+** (1) hoặc **-** (3) hoặc bằng cách ấn và giữ chúng.
 - **Ấn nhanh:** Mỗi lần ấn thay đổi tốc độ trong phạm vi ± 5 km/giờ (± 5 dặm/giờ).
 - **Ấn và giữ:** Nhấn nút khi đèn báo tốc độ cài đặt (4) đã chuyển thành tốc độ mong muốn.

¹³ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

¹⁴ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

Không thể bật hệ thống giới hạn tốc độ cho đến khi đã khởi động động cơ. Tốc độ tối đa thấp nhất có thể được lưu là 30 km/giờ (20 dặm/giờ).

- Tốc độ được cài đặt sau lần ấn nút cuối cùng được lưu trong bộ nhớ.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)

Tắt hệ thống giới hạn tốc độ và cài đặt ở chế độ chờ

Tạm thời tắt bằng chân ga

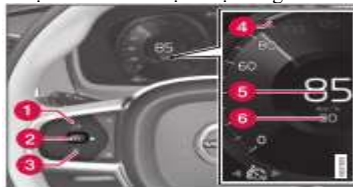
Hệ thống giới hạn tốc độ cũng có thể được tắt tạm thời và chèn bằng chân ga mà không cần phải cài đặt hệ thống giới hạn tốc độ ở chế độ chờ, ví dụ, có thể nhanh chóng tăng tốc xe để thoát khỏi tình huống nào đó.

Trong trường hợp này, thực hiện như sau:

1. Thả hết chân ga và nhả chân ga để làm gián đoạn quá trình tăng tốc khi đã đạt tốc độ mong muốn.
 - > Ở chế độ này, hệ thống giới hạn tốc độ vẫn được bật và biểu tượng của màn hình người lái có MÀU TRẮNG.
2. Nhả hết chân ga khi hoàn thành việc tăng tốc tạm thời.
 - > Xe được phanh động cơ tự động xuống dưới tốc độ tối đa đã lưu gần nhất.

Thông tin liên quan

Hệ thống giới hạn tốc độ (SL¹⁵) có thể được tắt tạm thời và cài đặt ở hệ thống chờ.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để tắt Hệ thống Giới hạn Tốc độ và cài đặt ở chế độ chờ:

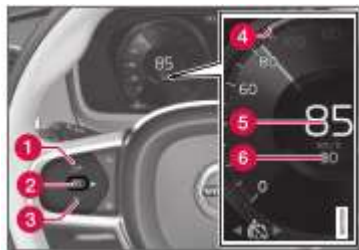
- Ấn nút vô lăng (2).
 - > Chi báo và biểu tượng hệ thống giới hạn tốc độ trong màn hình người lái thay đổi màu từ TRẮNG thành XÁM, hệ thống giới hạn tốc độ đang được tắt tạm thời và người lái có thể lái ở tốc độ vượt quá tốc độ tối đa được cài đặt.

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)

¹⁵ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

Bật lại Hệ thống Giới hạn Tốc độ từ chế độ chờ

Hệ thống giới hạn tốc độ (SL¹⁶) có thể được bật lại sau khi đã được tắt tạm thời và được đặt ở chế độ chờ.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để bật lại Hệ thống Giới hạn Tốc độ từ chế độ chờ:

- Ấn nút vô lăng (1).
 - > Chỉ báo giới hạn tốc độ của màn hình người lái đổi màu từ XÁM thành TRẮNG, tốc độ của xe được giới hạn lại theo tốc độ tối đa được lưu gần nhất.

- Ấn nút vô lăng (2).
 - > Đèn báo và biểu tượng Hệ thống Giới hạn Tốc độ trong màn hình người lái đổi màu từ XÁM thành TRẮNG, xe sẽ sử dụng tốc độ hiện tại làm tốc độ tối đa.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)

Tắt hệ thống giới hạn tốc độ

Hệ thống giới hạn tốc độ (SL¹⁷) có thể được tắt.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để tắt kiểm soát hành trình:

1. Ấn nút vô lăng (2).
 - > Hệ thống giới hạn tốc độ được cài đặt ở chế độ chờ.
2. Ấn nút vô lăng (1) hoặc (3) để thay đổi thành một chức năng khác.
 - > Biểu tượng và đèn báo của màn hình người lái cho hệ thống giới hạn tốc độ (4) được tắt, xóa tốc độ tối đa đã cài đặt/đã lưu.

¹⁶ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

¹⁷ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

3. Ấn lại nút vô lăng  (2).
> Bật một chức năng khác.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)

Hạn chế của Hệ thống Giới hạn Tốc độ

Khi đi xuống dốc đứng, tác dụng phanh của hệ thống giới hạn tốc độ là không đủ và do đó, tốc độ có thể lớn hơn tốc độ tối đa được lưu. Trong trường hợp này, người lái được cảnh báo bằng thông báo Đã vượt quá giới hạn tốc độ trong màn hình người lái.

LƯU Ý

Thông báo bằng văn bản về việc vượt quá tốc độ tối đa sẽ được bật nếu tốc độ đã vượt quá tốc độ tối đa ít nhất là 3 km/giờ (xấp xỉ 2 dặm/giờ).

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)

Hệ thống giới hạn tốc độ tự động

Chức năng Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (ASL) giúp người lái thiết lập tốc độ tối đa của xe theo tốc độ trên biển báo giao thông.

Chức năng Hệ thống Giới hạn Tốc độ (SL¹⁸) có thể được đổi thành Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (ASL).

Hệ thống giới hạn tốc độ tự động sử dụng thông tin tốc độ từ chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI) để tự động thiết lập tốc độ tối đa của xe.



¹⁸ Hệ thống Giới hạn Tốc độ

 **CẢNH BÁO**

- Chức năng ASL là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Kể cả khi người lái nhìn thấy rõ biển báo giao thông liên quan đến tốc độ, thông tin tốc độ từ chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI) đến ASL có thể không chính xác. Trong trường hợp đó, người lái phải tự can thiệp và tăng tốc hoặc phanh với tốc độ phù hợp.
- ASL không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.
- Cũng xem tiêu đề "Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông".

SL hay ASL đang hoạt động?
Các biểu tượng trong màn hình người lái hiển thị chức năng hệ thống giới hạn tốc độ nào đang hoạt động:

Biểu tượng	SL	ASL
 A	✓	✓
 Biểu tượng biển báo ^B sau "70" = ASL được bật		✓

A Biểu tượng MÀU TRẮNG: Chức năng hoạt động, biểu tượng MÀU XÁM: Chế độ chờ.

B Xem tiêu đề sau "Biểu tượng ASL" liên quan đến nghĩa của màu biểu tượng.

Biểu tượng ASL



Biểu tượng biển báo (được hiển thị dọc tốc độ được lưu, "70", ở giữa công tơ mét) có thể được hiển thị bằng ba màu với nghĩa như sau:

Màu của biểu tượng biển báo	Ý nghĩa
Vàng xám	ASL đang bật
Xám	ASL đã được cài đặt ở chế độ chờ
Hồ phách/Da cam	ASL ở chế độ chờ tạm thời, ví dụ, do một biển báo giao thông không được đọc.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)
- Bật/tắt Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (trang 297)
- Thay đổi dung sai của hệ thống giới hạn tốc độ tự động (trang 298)
- Hạn chế của hệ thống giới hạn tốc độ tự động (trang 299)

Bật/tắt Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động

Chức năng hệ thống giới hạn tốc độ tự động (ASL) có thể được bật và tắt để bổ sung cho hệ thống giới hạn tốc độ (SL).

Bật ASL



Nút Hỗ trợ Biển báo Tốc độ được đặt trong phần chức năng của màn hình trung tâm.

Để bật hệ thống giới hạn tốc độ tự động:

1. Ấn nút Hỗ trợ Biển báo Tốc độ:

- > ASL được cài đặt ở chế độ chờ, đèn báo màu xanh lá cây xuất hiện trên nút và màn hình người lái hiển thị biểu tượng biển báo ở giữa công tơ mét.

2. Ấn nút vô lăng .

- > ASL được bật bằng tốc độ hiện tại của xe.

LƯU Ý

- Nếu chức năng Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động được bật, thông tin biển báo giao thông được hiển thị trong màn hình người lái kể cả khi RSI¹⁹ không được bật.
- Để loại bỏ thông tin biển báo giao thông khỏi màn hình người lái, bạn phải tắt Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động và RSI.
- Khi chức năng Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động được bật nhưng RSI bị tắt, RSI sẽ không có cảnh báo. RSI cũng phải được bật để nhận cảnh báo.

Tắt ASL

Để tắt hệ thống giới hạn tốc độ tự động:

- Ấn nút Hỗ trợ Biển báo Tốc độ trong phần chức năng.
 - > ASL bị tắt và đèn báo của nút có màu XÁM, SL được bật.



CẢNH BÁO

Sau khi đổi từ ASL thành SL, xe sẽ không còn tuân thủ giới hạn tốc độ của biển báo mà chỉ tuân thủ tốc độ tối đa được lưu trong bộ nhớ.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)
- Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (trang 295)
- Bật/tắt Thông tin Biển báo Giao thông (trang 379)

¹⁹ Thông tin Biển báo Giao thông, RSI

Thay đổi dung sai của hệ thống giới hạn tốc độ tự động

Chức năng Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (ASL) có thể được cài đặt cho nhiều mức độ dung sai khác nhau.

Có thể tăng/giảm giới hạn tốc độ của biển báo, ví dụ, nếu xe tuân thủ giới hạn tốc độ của biển báo là 70 km/giờ (43 dặm/giờ), người lái có thể lựa chọn cho xe duy trì ở tốc độ 75 km/giờ (47 dặm/giờ).



Các nút và ký hiệu chức năng²⁰

- Ấn nút vô lăng **+** (1) cho đến khi 70 km/giờ (43 dặm/giờ) ở giữa công tơ mét (4) thay đổi thành 75 km/giờ (47 dặm/giờ).

> Sau đó, xe sử dụng dung sai được chọn là 5 km/giờ (4 dặm/giờ) miễn là biển báo đi qua hiển thị đang quy định 70 km/giờ (43 dặm/giờ).

Tuân thủ dung sai cho đến khi đi qua biển báo giao thông quy định tốc độ thấp hơn hoặc cao hơn. Trong trường hợp này, xe sẽ tuân thủ giới hạn tốc độ của biển báo mới và dung sai được xóa khỏi bộ nhớ.

Nếu chức năng Thông tin Biển báo Giao thông²¹ được bật, giới hạn tốc độ của biển báo cũng sẽ được hiển thị bằng đèn báo màu trên công tơ mét.

Dung sai được điều chỉnh tương tự như cài đặt tốc độ trong hệ thống giới hạn tốc độ.

ⓘ LƯU Ý
Dung sai có thể lựa chọn tối đa là +/- 10 km/giờ (5 dặm/giờ)

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)
- Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (trang 295)

²⁰ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chỉ tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

²¹ Thông tin Biển báo Giao thông, RSI

Hạn chế của hệ thống giới hạn tốc độ tự động

Việc giới hạn tốc độ tự động (ASL) được thực hiện bằng thông tin tốc độ từ chức năng RSI²², không phải từ biển báo giao thông giới hạn tốc độ mà xe đi qua.

Nếu RSI²² không thể diễn giải và cung cấp thông tin tốc độ cho ASL, ASL sẽ được cài đặt ở chế độ chờ và thay đổi thành SL. Trong trường hợp này, người lái phải can thiệp và phanh về tốc độ phù hợp.

ASL sẽ được bật lại khi chức năng RSI²² có thể diễn giải và cung cấp lại thông tin tốc độ cho ASL.

Cũng xem mục "Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông".

Thông tin liên quan

- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)
- Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động (trang 295)
- Hạn chế của hệ thống giới hạn tốc độ tự động (trang 299)
- Bật/tắt Thông tin Biển báo Giao thông (trang 379)

Kiểm soát hành trình

Kiểm soát hành trình (CC) giúp người lái duy trì tốc độ ổn định, làm việc lái xe trở nên thoải mái hơn trên đường cao tốc và các đoạn đường thẳng và dài có mật độ giao thông ổn định.

Tổng quan



Các nút và biểu tượng chức năng²³.

- ❶ : Bật kiểm soát hành trình từ chế độ chờ và tiếp tục tốc độ đã lưu.
- ❷ : Tăng tốc độ đã lưu.
- ❸ : Từ chế độ chờ, bật kiểm soát hành trình và lưu tốc độ hiện tại.
- ❹ : Từ chế độ kích hoạt, tắt/thay đổi kiểm soát hành trình thành chế độ chờ

- ❺ : Giảm tốc độ đã lưu
- ❻ : Đánh dấu tốc độ đã lưu
- ❼ : Tốc độ hiện tại của xe
- ❽ : Tốc độ đã lưu

LƯU Ý

Trong xe có trang bị Kiểm soát Hành trình Chủ động, có thể chuyển đổi giữa kiểm soát hành trình và Kiểm soát Hành trình Chủ động, xem tiêu đề "Chuyển đổi giữa CC và ACC".

²² Thông tin Biển báo Giao thông, RSI

²³ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

CẢNH BÁO

- Chức năng kiểm soát hành trình là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Người lái cần đọc tất cả các mục trong Sách Hướng dẫn Sử dụng liên quan đến chức năng này để hiểu về các yếu tố như hạn chế của chức năng kiểm soát hành trình và những điều người lái cần biết trước khi sử dụng hệ thống (xem danh sách thông tin liên quan ở cuối phần này).
- Kiểm soát hành trình không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Bật và khởi động Kiểm soát Hành trình (trang 300)
- Quản lý tốc độ cho kiểm soát hành trình (trang 301)
- Tắt Kiểm soát Hành trình và cài đặt ở chế độ chờ (trang 302)
- Bật lại Kiểm soát Hành trình từ chế độ chờ (trang 303)
- Tắt kiểm soát hành trình (trang 303)
- Thay đổi giữa Kiểm soát hành trình và kiểm soát hành trình chủ động (trang 322)

Bật và khởi động Kiểm soát Hành trình

Chức năng kiểm soát hành trình (CC²⁴) phải được lựa chọn và bật trước để có thể điều chỉnh tốc độ.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe

Cài đặt kiểm soát hành trình ở chế độ chờ

Để cài đặt kiểm soát hành trình ở chế độ chờ:

- Ấn  (1) hoặc  (3) để duyệt hệ thống/chức năng  (4).
- > Biểu tượng được hiển thị và sau đó có thể bật kiểm soát hành trình.

Bật/khởi động kiểm soát hành trình

Để khởi động Kiểm soát hành trình từ chế độ chờ, tốc độ hiện tại của xe phải là

²⁴ Kiểm soát Hành trình

30 km/giờ (20 dặm/giờ). Tốc độ thấp nhất có thể được lưu là 30 km/giờ (20 dặm/giờ).

Để khởi động kiểm soát hành trình:

- Với biểu tượng/chức năng



được hiển thị, ấn nút vô

lãng (2).

- > Kiểm soát Hành trình khởi động và tốc độ hiện tại trở thành tốc độ được lưu.

① LƯU Ý

Kiểm soát Hành trình không thể được bật ở tốc độ dưới 30 km/giờ (20 dặm/giờ)

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình (trang 299)

Quản lý tốc độ cho kiểm soát hành trình

Kiểm soát hành trình (CC²⁵) có thể được cài đặt theo các tốc độ khác nhau.

Cài đặt/thay đổi tốc độ đã lưu



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- Thay đổi tốc độ đã cài đặt bằng cách ấn nút vô lãng + (1) hoặc - (3) hoặc bằng cách ấn và giữ chúng.
 - **Ấn nhanh:** Mỗi lần ấn thay đổi tốc độ trong phạm vi +/- 5 km/giờ (+/- 5 dặm/giờ).
 - **Ấn và giữ:** Nhấn nút khi đèn báo tốc độ cài đặt (4) đã chuyển thành tốc độ mong muốn

- Tốc độ được cài đặt sau khi lần ấn nút cuối cùng được lưu trong bộ nhớ.

Nếu người lái tăng tốc độ xe bằng chân ga trước khi ấn nút vô lãng + (1), tốc độ được lưu sẽ là tốc độ của xe khi ấn nút, miễn là chân của người lái đặt trên chân ga ở thời điểm ấn nút.

Việc tăng tốc độ tạm thời bằng chân ga, ví dụ, trong quá trình vượt xe khác, không ảnh hưởng đến cài đặt, xe sẽ trở về tốc độ được lưu gần nhất khi thả chân ga.

Sử dụng phanh động cơ thay cho phanh chân

Với Kiểm soát Hành trình, tốc độ được điều khiển bằng cách ít sử dụng phanh chân hơn. Khi xuống dốc, đôi lúc có thể cần bắt đầu di chuyển nhanh hơn một chút và hạn chế tăng tốc bằng phanh động cơ. Trong trường hợp này, người lái có thể tạm thời tắt phanh chân bằng Kiểm soát Hành trình.

Để thực hiện điều này, thực hiện như sau:

- Ấn chân ga trong khoảng một nửa đoạn đường dốc và thả ra.
 - > Kiểm soát Hành trình sẽ tắt chức năng phanh chân tự động và sau đó chỉ sử dụng phanh động cơ. »

²⁵ Kiểm soát Hành trình

Sự phụ thuộc của chức năng kiểm soát hành trình vào chế độ lái

Cách chức năng kiểm soát hành trình duy trì tốc độ có thể thay đổi tùy thuộc vào chức năng lái được chọn²⁶.

Kiểm soát hành trình Eco Cruise bằng chế độ lái Tiết kiệm

Trong chế độ lái Tiết kiệm, việc tăng tốc và giảm tốc của chức năng kiểm soát hành trình trở nên mượt mà hơn so với các chế độ lái khác để tối ưu hóa nhiên liệu và tiết kiệm năng lượng. Điều này có thể làm tốc độ của xe tạm thời cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ đã cài đặt.

Xem thêm thông tin trong "chế độ lái tiết kiệm" hoặc "Kiểm soát hành trình Eco Cruise".

Kiểm soát hành trình Dynamic Cruise

Trong chế độ lái Chủ động, việc tăng tốc và giảm tốc của chức năng kiểm soát hành trình có cảm giác nặng hơn và thật hơn so với các chế độ lái khác.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình (trang 299)
- Các chế độ lái* (trang 449)
- Chế độ lái tiết kiệm (trang 452)

Tắt Kiểm soát Hành trình và cài đặt ở chế độ chờ

Kiểm soát hành trình (CC²⁷) có thể được tắt tạm thời để cài đặt ở chế độ chờ và có thể được bật lại sau.

Tắt Kiểm soát Hành trình và cài đặt ở chế độ chờ



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để cài đặt kiểm soát hành trình ở chế độ chờ:

- Ấn nút vô lăng (2).
- > Chỉ báo và biểu tượng kiểm soát hành trình trong màn hình người lái đổi màu từ TRẮNG thành XAM, kiểm soát hành trình đang được tắt tạm thời và người lái sau đó phải tự điều khiển tốc độ bằng tay.

Chế độ chờ khi người lái can thiệp

Chức năng kiểm soát hành trình được tắt tạm thời và cài đặt ở chế độ chờ nếu:

- sử dụng phanh chân
- cần số di chuyển về vị trí N
- ấn giữ chân côn trong lâu hơn 1 phút
- người lái duy trì tốc độ cao hơn tốc độ được lưu trong lâu hơn 1 phút.

Người lái phải tự điều khiển tốc độ về sau. Việc tăng tốc độ tạm thời bằng chân ga, ví dụ, trong quá trình vượt xe khác, không ảnh hưởng đến cài đặt, xe sẽ trở về tốc độ được lưu gần nhất khi thả chân ga.

Chế độ chờ tự động

Chức năng kiểm soát hành trình bị hạn chế tạm thời và cài đặt ở chế độ chờ nếu:

- bánh xe mất lực kéo
- tốc độ động cơ quá thấp/cao
- nhiệt độ phanh quá cao
- tốc độ giảm xuống dưới 30 km/giờ (20 dặm/giờ).

Người lái phải tự điều khiển tốc độ về sau.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình (trang 299)

²⁶ Xem thêm thông tin trong mục "Các chế độ lái".

²⁷ Kiểm soát Hành trình

Bật lại Kiểm soát Hành trình từ chế độ chờ

Kiểm soát hành trình (CC²⁸) có thể được tắt tạm thời để cài đặt ở chế độ chờ và có thể được bật lại sau.

Bật lại kiểm soát hành trình từ chế độ chờ



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để khởi động kiểm soát hành trình từ chế độ chờ:

- Ấn nút vô lăng (1).
 - > Chỉ báo và biểu tượng kiểm soát hành trình trong màn hình người lái đổi màu từ XAM thành TRẮNG, xe sẽ tuân thủ lại theo tốc độ được lưu gần nhất.

hoặc

Để bắt đầu kiểm soát hành trình từ chế độ chờ:

- Ấn nút vô lăng (2)
 - > Chỉ báo và biểu tượng kiểm soát hành trình trong màn hình người lái đổi màu từ XAM thành TRẮNG, xe sẽ tuân thủ tốc độ hiện tại.



CẢNH BÁO

Có thể tăng nhanh tốc độ sau khi duy trì tốc độ bằng nút vô lăng.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình (trang 299)

Tắt kiểm soát hành trình

Kiểm soát Hành trình, CC có thể được tắt.



²⁸ Kiểm soát Hành trình



Các nút và biểu tượng chức năng²⁹.
Đề tắt kiểm soát hành trình.

1. Ấn nút vô lăng  (2)
 - > Kiểm soát hành trình được cài đặt ở chế độ chờ.
2. Ấn  (1) hoặc  (3) để thay đổi thành một chức năng khác.
 - > Biểu tượng kiểm soát hành trình của màn hình người lái  (4) bị tắt, xóa tốc độ đã cài đặt/lưu.
3. Ấn nút vô lăng  (2) lại
 - > Một chức năng khác được bật.

LƯU Ý

Trong xe có trang bị Kiểm soát Hành trình Chủ động, có thể chuyển đổi giữa kiểm soát hành trình và Kiểm soát Hành trình Chủ động, xem tiêu đề "Chuyển đổi giữa CC và ACC".

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình (trang 299)
- Thay đổi giữa Kiểm soát hành trình và kiểm soát hành trình chủ động (trang 322)

Cảnh báo Khoảng cách³⁰

Chức năng Cảnh báo Khoảng cách³¹ có thể hỗ trợ người lái chú ý đến việc khoảng cách về thời gian với xe phía trước có thể quá ngắn.

Tuy nhiên, xe được yêu cầu trang bị Màn hình hiển thị kính chắn gió để có thể hiển thị Cảnh báo Khoảng cách với một biểu tượng trên kính chắn gió miễn là khoảng cách về thời gian đến xe phía trước ngắn hơn giá trị được lựa chọn sẵn.

Cảnh báo khoảng cách hoạt động ở tốc độ trên 30 km/giờ (20 dặm/giờ) và chỉ phản ứng khi xe phía trước đi cùng chiều. Không cung cấp thông tin về khoảng cách cho xe tiến đến gần, xe đi chậm hoặc xe đứng yên.

²⁹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi phụ thuộc vào mẫu xe

³⁰ Chức năng Cảnh báo Khoảng cách chỉ có ở xe có thể hiển thị thông tin trên kính chắn gió, còn gọi là Màn hình hiển thị kính chắn gió.

³¹ Cảnh báo Khoảng cách



Đèn cảnh báo cho chức năng Cảnh báo Khoảng cách trên kính chắn gió³².

Có thể nhìn thấy đèn cảnh báo trên kính chắn gió và đèn cảnh báo sáng liên tục nếu khoảng cách về thời gian đến xe phía trước ngắn hơn giá trị được cài đặt sẵn.

① LƯU Ý

Ánh sáng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.

① LƯU Ý

- Cảnh báo Khoảng cách chỉ có ở xe có thể hiển thị thông tin trên kính chắn gió, còn gọi là Màn hình hiển thị kính chắn gió.
- Cảnh báo khoảng cách được tắt trong khoảng thời gian kiểm soát hành trình chủ động hoặc Hệ thống Lái Bán Tự động được bật



CẢNH BÁO

Cảnh báo khoảng cách chỉ hoạt động nếu khoảng cách về thời gian đến xe phía trước ngắn hơn giá trị được cài đặt sẵn, tốc độ xe của người lái không bị ảnh hưởng.

Thông tin liên quan

- Màn hình hiển thị kính chắn gió để Cảnh báo Khoảng cách (trang 305)
- Bật/tắt Cảnh báo khoảng cách (trang 306)
- Cài đặt khoảng cách về thời gian để Cảnh báo Khoảng cách (trang 306)
- Hạn chế của Cảnh báo Khoảng cách (trang 307)

Màn hình hiển thị kính chắn gió để Cảnh báo Khoảng cách³³

Ở xe trang bị màn hình hiển thị kính chắn gió*, một biểu tượng được hiển thị trên kính chắn gió khi khoảng cách về thời gian đến xe phía trước ngắn hơn giá trị được cài đặt sẵn.



Biểu tượng Cảnh báo Khoảng cách trên kính chắn gió³⁴

Tuy nhiên, chức năng Hỗ trợ Hiển thị Người lái phải được bật qua cài đặt trong hệ thống menu của xe; xem mục "Màn hình hiển thị kính chắn gió" để biết cách chức năng này làm việc.



³² LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

³³ Chức năng Cảnh báo Khoảng cách chỉ có ở xe có thể hiển thị thông tin trên kính chắn gió, còn gọi là Màn hình hiển thị kính chắn gió.

³⁴ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

LƯU Ý

Ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Khoảng cách* (trang 304)
- Màn hình hiển thị kính chắn gió (trang 138)

Bật/tắt Cảnh báo khoảng cách³⁵

Chức năng Cảnh báo Khoảng cách có thể được tắt.

Bật/Tắt

Ấn nút Cảnh báo Khoảng cách ở phần chức năng của màn hình trung tâm.

- Đèn báo nút MÀU XANH LÁ CÂY, bật Cảnh báo Khoảng cách.
- Đèn báo nút MÀU XÁM, tắt Cảnh báo Khoảng cách.

Cảnh báo Khoảng cách được bật tự động mỗi lần khởi động động cơ.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Khoảng cách* (trang 304)

Cài đặt khoảng cách về thời gian để Cảnh báo Khoảng cách³⁶

Chức năng Cảnh báo Khoảng cách có thể được cài đặt theo các khoảng cách về thời gian khác nhau.



Các khoảng cách về thời gian khác nhau đến xe phía trước có thể được lựa chọn và hiển thị trên màn hình người lái theo mức độ 1 - 5 đường kẻ ngang, càng nhiều đường kẻ ngang, khoảng cách về thời gian càng lớn. Một đường kẻ ngang là khoảng 1 giây đến xe phía trước, 5 đường kẻ ngang là khoảng 3 giây.

Biểu tượng tương tự cũng được hiển thị khi chức năng kiểm soát hành trình chủ động được bật.

³⁵ Chức năng Cảnh báo Khoảng cách chỉ có ở xe có thể hiển thị thông tin trên kính chắn gió, còn gọi là Màn hình hiển thị kính chắn gió.

³⁶ Chức năng Cảnh báo Khoảng cách chỉ có ở xe có thể hiển thị thông tin trên kính chắn gió, còn gọi là Màn hình hiển thị kính chắn gió.



Điều khiển khoảng cách về thời gian.

- ❶ Giảm khoảng cách về thời gian
- ❷ Tăng khoảng cách về thời gian
- ❸ Đèn báo khoảng cách

- Ấn nút vô lăng (1) hoặc (2) để tăng hoặc giảm khoảng cách về thời gian.
 - > Đèn báo khoảng cách (3) thể hiện khoảng cách về thời gian hiện tại.

ⓘ LƯU Ý

- Tốc độ càng cao, khoảng cách tính toán bằng mét càng dài đối với khoảng cách về thời gian được thiết lập.
- Chỉ sử dụng khoảng cách về thời gian được quy định giao thông trong nước cho phép.
- Cửa sổ cài đặt thời gian cũng có thể được chức năng kiểm soát hành trình chủ động và Hệ thống Lái Bán Tự động sử dụng.

⚠ CẢNH BÁO

- Chỉ sử dụng cửa sổ thời gian phù hợp với điều kiện giao thông hiện tại.
- Người lái cần biết rõ về việc cửa sổ thời gian ngắn hạn chế khoảng thời gian để phản xạ và thực hiện hành động xử lý trong tình huống giao thông không mong muốn.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Khoảng cách* (trang 304)

Hạn chế của Cảnh báo Khoảng cách³⁷

Cảnh báo Khoảng cách có thể có hạn chế trong một số tình huống.

⚠ CẢNH BÁO

- Chức năng Cảnh báo Khoảng cách là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Kích cỡ của xe có thể ảnh hưởng đến khả năng phát hiện, ví dụ, xe máy. Điều này có nghĩa là đèn cảnh báo sáng ở cửa sổ thời gian ngắn hơn thời gian được cài đặt hoặc cảnh báo tạm thời không có.
- Tốc độ quá cao có thể làm đèn sáng ở cửa sổ thời gian ngắn hơn thời gian được cài đặt do hạn chế về phạm vi của thiết bị radar.
- Cảnh báo Khoảng cách không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.



³⁷ Chức năng Cảnh báo Khoảng cách chỉ có ở xe có thể hiển thị thông tin trên kính chắn gió, còn gọi là Màn hình hiển thị kính chắn gió.

① LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị radar của xe mà có một số hạn chế chung, xem mục "Hạn chế của thiết bị radar".

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Khoảng cách* (trang 304)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Kiểm soát hành trình chủ động*

Kiểm soát hành trình chủ động (ACC³⁸) giúp người lái duy trì một tốc độ ổn định kết hợp với khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn đến xe phía trước.

Kiểm soát hành trình chủ động đem đến trải nghiệm lái thư giãn hơn trên chuyến đi dài ở đường cao tốc và đoạn đường chính dài, thẳng với mật độ giao thông thưa thớt.



Thiết bị camera và radar đo khoảng cách đến xe phía trước³⁹.

Người lái lựa chọn tốc độ mong muốn và khoảng cách về thời gian đến xe trước. Nếu thiết bị camera và radar phát hiện một xe đi chậm hơn ở phía trước của xe, tốc độ sẽ được điều chỉnh tự động thông qua khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn đến xe. Khi đường thông thoáng, xe trở về tốc độ đã lựa chọn.

⚠ CẢNH BÁO

- Chức năng kiểm soát hành trình chủ động là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Người lái cần đọc tất cả các mục trong Sách Hướng dẫn Sử dụng liên quan đến chức năng này để hiểu về các yếu tố như hạn chế của chức năng kiểm soát hành trình chủ động và những điều người lái cần biết trước khi sử dụng hệ thống (xem danh sách thông tin liên quan ở cuối phần này).
- Kiểm soát hành trình chủ động không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

① LƯU Ý

Chức năng này có thể là chức năng Tiêu chuẩn hoặc Tùy chọn, tùy thuộc vào thị trường.

³⁸ Kiểm soát Hành trình Chủ động

³⁹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Kiểm soát Hành trình Chủ động điều khiển tốc độ bằng cách tăng tốc và phanh. Thông thường, phanh sẽ tạo ra âm thanh nhỏ khi đang được sử dụng để điều chỉnh tốc độ.

Kiểm soát hành trình chủ động nhằm kiểm soát tốc độ một cách trơn tru. Trong các tình huống cần phanh gấp, người lái sẽ phải tự phanh. Điều này áp dụng trong trường hợp có sự chênh lệch lớn về tốc độ hoặc nếu xe phía trước phanh gấp. Do hạn chế của thiết bị radar, phanh có thể có hiệu quả không mong muốn hoặc không có hiệu quả.

Kiểm soát hành trình chủ động nhằm bám đuôi xe phía trước ở cùng làn với khoảng cách về thời gian được người lái cài đặt. Nếu thiết bị radar không thể phát hiện bất cứ xe nào ở phía trước, xe sẽ duy trì tốc độ được người lái cài đặt và lưu. Điều này cũng xảy ra nếu tốc độ của xe phía trước tăng và vượt quá tốc độ được lưu. Chức năng sau áp dụng với xe có hộp số tự động:

- Kiểm soát Hành trình Chủ động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 0 km/giờ đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Chức năng sau áp dụng với xe có hộp số sàn:

- Kiểm soát Hành trình Chủ động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 30 km/giờ (20 dặm/giờ) đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

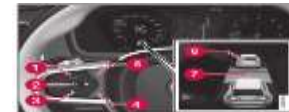
CẢNH BÁO

- Kiểm soát hành trình chủ động không phải là hệ thống tránh va chạm. Người lái phải luôn có trách nhiệm và phải can thiệp nếu hệ thống không phát hiện xe ở phía trước.
- Kiểm soát hành trình chủ động không phanh xe để tránh người hoặc động vật và phương tiện nhỏ như xe đạp và xe máy, xe rơ móc thấp, xe tiến đến gần, xe đi chậm hoặc xe và vật đứng yên.
- Không sử dụng kiểm soát hành trình chủ động trong các tình huống phức tạp như đi trong thành phố, ở điểm giao cắt, trên bề mặt trơn trượt, có nhiều nước hoặc bùn trên đường, trời mưa to/tuyết dày, tầm nhìn kém, trên đường quanh co hoặc đường trơn trượt.

QUAN TRỌNG

Việc bảo dưỡng các bộ phận kiểm soát hành trình chủ động chỉ được thực hiện ở gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Tổng quan Điều khiển



Các nút và biểu tượng chức năng⁴⁰

- 1  : Bật kiểm soát hành trình chủ động từ chế độ chờ và tiếp tục tốc độ đã lưu.
- 1  : Tăng tốc độ đã lưu.
- 2  : **Từ chế độ chờ**, bật kiểm soát hành trình chủ động và lưu tốc độ hiện tại.
- 2  : **Từ chế độ kích hoạt**, tắt/thay đổi kiểm soát hành trình chủ động thành chế độ chờ.
- 3  : Giảm tốc độ đã lưu
- 4  : Tăng khoảng cách về thời gian đến xe phía trước.



⁴⁰ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- 5 Giảm khoảng cách về thời gian đến xe phía trước
- 6 Đèn báo xe mục tiêu: ACC đã phát hiện và đang bám đuôi một xe mục tiêu ở khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn.
- 7 Biểu tượng khoảng cách về thời gian đến xe phía trước.

LƯU Ý

Trong xe có trang bị Kiểm soát Hành trình Chủ động, có thể chuyển đổi giữa kiểm soát hành trình và Kiểm soát Hành trình Chủ động, xem tiêu đề "Chuyển đổi giữa CC và ACC".

Màn hình người lái

Chỉ báo tốc độ⁴¹.

- 1 Tốc độ đã lưu
- 2 Tốc độ của xe phía trước
- 3 Tốc độ hiện tại của xe.

Để xem các loại biểu tượng khác nhau tùy thuộc vào tình hình giao thông, xem tiêu đề "Các biểu tượng và thông báo để kiểm soát hành trình chủ động".

Thông tin liên quan

- Kiểm soát Hành trình Chủ động và Cảnh báo nguy cơ va chạm (trang 311)
- Màn hình hiển thị kính chắn gió để kiểm soát hành trình chủ động nếu có nguy cơ va chạm (trang 311)

- Bật và khởi động Kiểm soát Hành trình Chủ động (trang 312)
- Quản lý tốc độ bằng Kiểm soát Hành trình Chủ động (trang 313)
- Cài đặt khoảng cách về thời gian để kiểm soát hành trình chủ động (trang 313)
- Tắt/bật lại Kiểm soát Hành trình Chủ động (trang 316)
- Hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 318)
- Khởi động hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 318)
- Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 319)
- Thay đổi mục tiêu bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 320)
- Phanh tự động bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 320)
- Hạn chế của kiểm soát hành trình chủ động (trang 321)
- Chuyển đổi giữa Kiểm soát hành trình và kiểm soát hành trình chủ động (trang 322)
- Các biểu tượng và thông báo để Kiểm soát Hành trình Chủ động (trang 323)

⁴¹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Kiểm soát Hành trình Chủ động và Cảnh báo nguy cơ va chạm

Kiểm soát hành trình chủ động có thể cảnh báo người lái nếu khoảng cách đến xe phía trước đột ngột trở nên quá ngắn.



Đèn cảnh báo để cảnh báo và chạm trên kính chắn gió⁴².

❶ Tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh trong trường hợp có nguy cơ va chạm.

❷ Đo khoảng cách bằng thiết bị camera và radar. Kiểm soát Hành trình Chủ động sử dụng xấp xỉ 40% công suất của phanh chân. Nếu xe cần được phanh mạnh hơn khả năng phanh của hệ thống kiểm soát hành trình chủ động và người lái không phanh, đèn cảnh báo và cảnh báo bằng âm thanh sẽ được bật để cảnh báo cho người lái về việc cần can thiệp ngay lập tức.

❶ LƯU Ý

Ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.



CẢNH BÁO

Kiểm soát hành trình chủ động chỉ cảnh báo xe mà thiết bị radar đã phát hiện, vì lý do đó, có thể không có cảnh báo hoặc cảnh báo chậm.

- Tuyệt đối không chờ cảnh báo. Đạp phanh khi tình huống yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

Màn hình hiển thị kính chắn gió để kiểm soát hành trình chủ động nếu có nguy cơ va chạm

Nếu xe trang bị màn hình hiển thị kính chắn gió*, cảnh báo được hiển thị trên kính chắn gió bằng một biểu tượng nhấp nháy.



⁴² LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Biểu tượng cảnh báo va chạm trên kính chắn gió⁴³

① LƯU Ý

Ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.

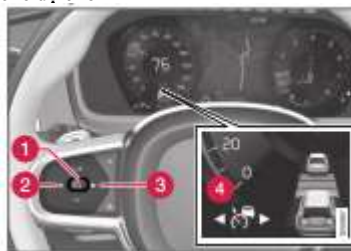
Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Màn hình hiển thị kính chắn gió* (trang 138)

Bật và khởi động Kiểm soát Hành trình Chủ động

Kiểm soát hành trình chủ động (ACC⁴⁴) phải được bật trước và sau đó được khởi động nếu cần điều khiển tốc độ và khoảng cách.

Cài đặt kiểm soát hành trình chủ động ở chế độ chờ



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Ngay sau khi động cơ được khởi động, chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động sẽ ở chế độ chờ. Để cài đặt ở chế độ chờ từ chế độ kích hoạt, thực hiện như sau:

- Ấn nút vô lăng * (2) hoặc * (3) để duyệt biểu tượng/chức năng * (4).
- > Biểu tượng được hiển thị và Kiểm soát Hành trình Chủ động được cài đặt ở chế độ chờ.

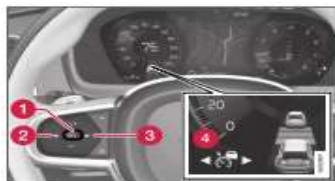
Khởi động/bật kiểm soát hành trình chủ động

Để khởi động ACC, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải thắt dây đai an toàn của người lái và phải đóng cửa phía người lái.
- Phải có một xe ("xe mục tiêu") trong khoảng cách phù hợp phía trước xe hoặc tốc độ hiện tại phải ít nhất là 15 km/giờ (9 dặm/giờ).
- Với xe có hộp số sàn, tốc độ ít nhất phải là 30 km/giờ (20 dặm/giờ).

⁴³ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

⁴⁴ Kiểm soát Hành trình Chủ động



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- Với biểu tượng/chức năng (4) được hiển thị, ấn nút vô lăng (1).
- > Hệ thống kiểm soát hành trình chủ động khởi động và tốc độ hiện tại được lưu, được thể hiện bằng số ở giữa công tơ mét.



Khoảng cách về thời gian chỉ được điều chỉnh theo xe ở phía trước bằng ACC khi biểu tượng khoảng cách hiển thị hai xe.



Đồng thời, phạm vi tốc độ được đánh dấu.
Tốc độ đã lưu/lựa chọn càng cao, tốc độ của xe phía trước (xe mục tiêu) càng thấp.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

Quản lý tốc độ bằng Kiểm soát Hành trình Chủ động

Kiểm soát hành trình chủ động (ACC⁴⁵) có thể được cài đặt ở các tốc độ khác nhau.

Cài đặt/thay đổi tốc độ được lưu



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- ① **+**: Tăng tốc độ đã lưu.
- ② **-**: Giảm tốc độ đã lưu
- ③ Tốc độ đã lưu.

⁴⁵ Kiểm soát Hành trình Chủ động

- Thay đổi tốc độ đã cài đặt bằng cách ấn nhanh các nút vô lăng **+** (1) hoặc **-** (2) hoặc bằng cách ấn giữ chúng.
- > **Ấn nhanh:** Mỗi lần ấn thay đổi tốc độ trong phạm vi +/- 5 km/giờ (+/- 5 dặm/giờ).
 - > **Ấn và giữ:** Nhấn nút khi đèn báo tốc độ cài đặt (3) đã chuyển thành tốc độ mong muốn.
 - Tốc độ được cài đặt sau lần ấn nút cuối cùng được lưu trong bộ nhớ.

Nếu người lái tăng tốc độ của xe bằng chân ga trước khi ấn nút vô lăng **+** (1), tốc độ được lưu sẽ là tốc độ của xe khi ấn nút, miễn là chân của người lái đặt trên chân ga ở thời điểm ấn nút.

Việc tăng tốc độ tạm thời bằng chân ga, ví dụ, trong quá trình vượt xe khác, không ảnh hưởng đến cài đặt, xe sẽ trở về tốc độ được lưu gần nhất khi thả chân ga.

Hộp số tự động

Kiểm soát hành trình chủ động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 0 km/giờ đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Lưu ý, tốc độ thấp nhất có thể lập trình để kiểm soát hành trình chủ động là 30 km/giờ (20 dặm/giờ), kể cả khi có khả năng bám đuôi một xe khác giảm tốc độ xuống 0 km/giờ, không thể lựa chọn/lưu tốc độ thấp hơn 30 km/giờ (20 dặm/giờ).

Tốc độ tối đa có thể lựa chọn là 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Hộp số sàn

Kiểm soát hành trình chủ động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 30 km/giờ (20 dặm/giờ) đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Tốc độ thấp nhất có thể lập trình để kiểm soát hành trình chủ động là 30 km/giờ (20 dặm/giờ), tốc độ tối đa là 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

Cài đặt khoảng cách về thời gian để kiểm soát hành trình chủ động

Kiểm soát Hành trình Chủ động (ACC⁴⁶) có thể được cài đặt theo các khoảng cách về thời gian khác nhau.



Các khoảng cách về thời gian khác nhau đến xe phía trước có thể được lựa chọn và

hiển thị trên màn hình người lái theo mức độ 1 - 5 đường kẻ ngang, càng nhiều đường kẻ ngang, khoảng cách về thời gian càng lớn. Một đường kẻ ngang là khoảng 1 giây đến xe phía trước, 5 đường kẻ ngang là khoảng 3 giây.

Biểu tượng tương tự cũng được hiển thị khi chức năng Cảnh báo Khoảng cách được bật.

ⓘ LƯU Ý

Khi biểu tượng trong màn hình người lái hiển thị hai xe, ACC đang bám đuôi xe ở phía trước với khoảng cách về thời gian được cài đặt sẵn.

Khi chỉ hiển thị một xe, không có xe trong khoảng cách phù hợp phía trước.

⁴⁶ Kiểm soát Hành trình Chủ động



Điều khiển khoảng cách về thời gian⁴⁷.

- ❶ Giảm khoảng cách về thời gian
- ❷ Tăng khoảng cách về thời gian
- ❸ Đèn báo khoảng cách

– Ấn nút vô lăng (1) hoặc (2) để tăng hoặc giảm khoảng cách về thời gian.
 > Đèn báo khoảng cách (3) thể hiện khoảng cách về thời gian hiện tại.

Kiểm soát hành trình chủ động cho phép thay đổi đáng kể khoảng cách về thời gian trong một số tình huống để xe bám đuôi xe phía trước một cách trơn tru và thoải mái. Ở tốc độ thấp, khi khoảng cách ngắn, kiểm soát hành trình chủ động làm tăng một ít khoảng cách về thời gian.

❗ LƯU Ý

- Tốc độ càng cao, khoảng cách tính toán bằng mét càng dài đối với khoảng cách về thời gian được thiết lập.
- Chỉ sử dụng khoảng cách về thời gian được quy định giao thông trong nước cho phép.
- Nếu hệ thống kiểm soát hành trình chủ động không phản ứng bằng cách tăng tốc độ khi được bật, điều này có thể là do cửa sổ thời gian đến xe phía trước ngắn hơn cửa sổ thời gian được cài đặt.

⚠ CẢNH BÁO

- Chỉ sử dụng cửa sổ thời gian phù hợp với điều kiện giao thông hiện tại.
- Người lái cần biết rõ về việc cửa sổ thời gian ngắn hạn chế khoảng thời gian để phản xạ và thực hiện hành động xử lý trong tình huống giao thông không mong muốn.

Lựa chọn cách ACC phải duy trì khoảng cách* đến xe phía trước

Người lái có thể lựa chọn các kiểu lái khác nhau để hệ thống Kiểm soát Hành trình Chủ động duy trì khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn đến

xe phía trước. Thực hiện lựa chọn thông qua nút điều khiển chế độ lái **DRIVE MODE**.

Lựa chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Tiết kiệm**, ACC tập trung vào việc tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu. Điều này có nghĩa là khoảng cách về thời gian đến xe phía trước dài hơn.
- **Thoải mái**, ACC tập trung vào việc tuân thủ khoảng cách về thời gian đã cài đặt đến xe trước một cách mượt mà nhất có thể.
- **Chủ động**, ACC tập trung vào việc tuân thủ chặt chẽ hơn khoảng cách về thời gian đã cài đặt đến xe trước. Trong một số trường hợp, điều này có nghĩa là tăng tốc và phanh nặng hơn.

Xem thêm thông tin trong mục "Các chế độ lái". Cũng có thể đọc thêm thông tin trong mục "Quản lý tốc độ để kiểm soát hành trình chủ động" và "Chế độ lái tiết kiệm".

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Các chế độ lái* (trang 449)
- Quản lý tốc độ để kiểm soát hành trình (trang 301)
- Chế độ lái tiết kiệm (trang 452)

⁴⁷ Kiểm soát Hành trình Chủ động

Tắt/bật lại Kiểm soát Hành trình Chủ động

Kiểm soát hành trình chủ động (ACC⁴⁸) có thể được tắt tạm thời để cài đặt ở chế độ chờ và có thể được bật lại sau.

Tắt Kiểm soát Hành trình Chủ động và cài đặt ở chế độ chờ

LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để tạm thời tắt Kiểm soát Hành trình Chủ động và cài đặt ở chế độ chờ:

– Ấn nút vô lăng (2).

> Biểu tượng  trên màn hình người lái đổi màu từ TRẮNG thành XÁM và tốc độ đã lưu ở giữa công tơ mét đổi màu từ BE thành XAM.

**CẢNH BÁO**

- Khi kiểm soát hành trình chủ động ở chế độ chờ, người lái phải can thiệp và điều khiển tốc độ và khoảng cách với xe phía trước.
- Khi kiểm soát hành trình chủ động ở chế độ chờ và xe đến quá gần xe phía trước, người lái được chức năng Cảnh báo Khoảng cách cảnh báo về khoảng cách ngắn.

Chế độ chờ khi người lái can thiệp

Kiểm soát hành trình chủ động được tắt tạm thời và cài đặt ở chế độ chờ nếu:

- sử dụng phanh chân
- cần số di chuyển về vị trí N

- người lái duy trì tốc độ cao hơn tốc độ được lưu trong lâu hơn 1 phút.
- ấn chân côn trong xấp xỉ 1 phút, áp dụng với xe có hộp số sàn.

Việc tăng tốc độ tạm thời bằng chân ga, ví dụ, trong quá trình vượt xe khác, không ảnh hưởng đến cài đặt, xe sẽ trở về tốc độ được lưu gần nhất khi thả chân ga.

⁴⁸ Kiểm soát Hành trình Chủ động

Chế độ chờ tự động

Chức năng kiểm soát hành trình chủ động phụ thuộc vào các hệ thống khác, ví dụ, Kiểm soát Cân bằng Điện tử, ESC⁴⁹. Nếu có bất cứ hệ thống nào khác dừng làm việc, chức năng kiểm soát hành trình chủ động sẽ được tự động tắt.

CẢNH BÁO

Với chế độ chờ tự động, người lái được cảnh báo thông qua tín hiệu âm thanh và thông báo trên màn hình người lái.

- Người lái sau đó phải điều khiển tốc độ của xe, đạp phanh khi cần và duy trì khoảng cách an toàn với xe khác.

Chế độ chờ tự động có thể xảy ra nếu:

- tốc độ dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và ACC không chắc chắn về việc xe phía trước là xe đứng yên hay vật đứng yên như gờ giảm tốc.
- tốc độ dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và xe phía trước dừng, dẫn đến việc ACC không còn có xe để bám đuôi.
- tốc độ được giảm xuống dưới 30 km/giờ (20 dặm/giờ), chỉ áp dụng với xe có hộp số sàn.
- người lái mở cửa xe.
- người lái tháo dây đai an toàn.

- tốc độ động cơ quá thấp/cao.
- một hoặc nhiều bánh xe mất lực kéo.
- nhiệt độ phanh quá cao.
- kéo phanh tay.
- thiết bị camera và radar bị che khuất do, ví dụ, tuyết hoặc mưa lớn (ống kính camera/sóng vô tuyến bị chặn).

Bật lại kiểm soát hành trình chủ động từ chế độ chờ



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Đề bật lại kiểm soát hành trình chủ động từ chế độ chờ:

- Ấn nút vô lăng  (1)
 - > Tốc độ sẽ được cài đặt thành tốc độ được lưu gần nhất.

CẢNH BÁO

Có thể tăng nhanh tốc độ sau khi duy trì tốc độ bằng nút vô lăng .

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

⁴⁹ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

Hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động

Kiểm soát Hành trình Chủ động (ACC⁵⁰) có thể hỗ trợ người lái khi vượt các xe khác.

Cách hệ thống vượt hoạt động

Khi ACC đang bám đuôi một xe khác và người khác dự định vượt bằng cách bật xi nhan⁵¹, kiểm soát hành trình chủ động trợ giúp bằng cách tăng tốc độ xe đến gần xe phía trước **trước khi** xe của người lái chạm đến làn vượt.

Tiếp theo, chức năng này làm chậm quá trình giảm tốc độ để tránh phanh gấp khi xe của người lái tiến đến gần một xe đi chậm hơn.

Chức năng này vẫn hoạt động cho đến khi xe của người lái đã đi qua xe bị vượt.

CẢNH BÁO

Nhớ rằng chức năng này có thể được bật trong nhiều tình huống ngoài tình huống vượt, ví dụ, khi sử dụng xi nhan để báo chuyển làn hoặc vào một con đường khác, xe sau đó sẽ tăng tốc nhanh.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Khởi động hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 318)
- Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 319)

Khởi động hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động

Chức năng hỗ trợ vượt cần nhiều điều kiện khác nhau

Hỗ trợ Vượt Liên tục

Phải có điều kiện sau để bật Hỗ trợ Vượt:

- phải có xe ở phía trước ("xe mục tiêu")
- **tốc độ hiện tại** của xe của bạn ít nhất là 70 km/giờ (43 dặm/giờ)
- tốc độ ACC **đã lưu** phải đủ cao để thực hiện vượt một cách an toàn.

Khởi động Hỗ trợ Vượt

Để khởi động Hỗ trợ Vượt.

– Bật xi nhan.

Sử dụng xi nhan bên tay trái ở xe có tay lái bên trái, xi nhan bên tay phải ở xe có tay lái bên phải.

> Chức năng Hỗ trợ Vượt được khởi động.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Khởi động hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 318)

⁵⁰ Kiểm soát Hành trình Chủ động

⁵¹ Chỉ nhấp nháy bên tay trái ở xe có tay lái bên trái hoặc nhấp nháy ở bên tay phải ở xe có tay lái bên phải.

Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động

Chức năng hỗ trợ vượt có thể bị hạn chế chức năng trong một số tình huống.

CẢNH BÁO

Khi sử dụng Hệ thống Hỗ trợ Vượt, người lái cần nhớ rằng có thể tăng tốc ngoài dự kiến nếu điều kiện thay đổi đột ngột.

Vì lý do đó, có một số tình huống cần tránh nếu:

- xe đang đi vào lỗi ra để rẽ cùng chiều với chiều thường vượt.
- xe phía trước giảm tốc độ trước khi xe của người lái đi vào làn vượt.
- các xe ở làn vượt giảm tốc độ.
- xe có tay lái bên phải được lái ở một hạt mà các xe đi bên trái (hoặc ngược lại).

Có thể tránh các loại tình huống này bằng cách tạm thời cài đặt ACC⁵² ở chế độ chờ.

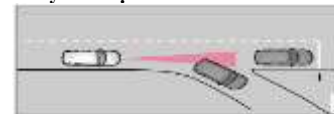
Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Hỗ trợ vượt bằng kiểm soát hành trình chủ động (trang 318)

Thay đổi mục tiêu bằng kiểm soát hành trình chủ động

Kết hợp với hộp số tự động, kiểm soát hành trình chủ động (ACC⁵³) có chức năng thay đổi mục tiêu ở tốc độ nhất định.

Thay đổi mục tiêu



Nếu xe mục tiêu phía trước rẽ đột ngột, có thể có xe đứng yên ở phía trước.

Khi chức năng kiểm soát hành trình chủ động đang bám đuôi một xe khác ở tốc độ **dưới** 30 km/giờ (20 dặm/giờ) và thay đổi mục tiêu từ một xe đang di chuyển thành một xe đứng yên, chức năng kiểm soát hành trình chủ động sẽ giảm tốc độ theo xe đứng yên.



⁵² Kiểm soát Hành trình Chủ động

⁵³ Kiểm soát Hành trình Chủ động

**CẢNH BÁO**

Khi chức năng kiểm soát hành trình chủ động đang bám đuôi một xe khác ở tốc độ **trên 30 km/giờ** (20 dặm/giờ) và thay đổi mục tiêu từ một xe đang di chuyển thành một xe đứng yên, chức năng kiểm soát hành trình chủ động sẽ **bỏ qua** xe đứng yên và tăng tốc lên tốc độ đã lưu.

Chế độ chờ tự động khi thay đổi mục tiêu

Chức năng kiểm soát hành trình chủ động bị tắt và cài đặt ở chế độ chờ:

- khi tốc độ ở dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và chức năng kiểm soát hành trình chủ động không chắc chắn về việc xe phía trước là xe đứng yên hay vật đứng yên như gờ giảm tốc.
- khi tốc độ dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và xe phía trước dừng, dẫn đến việc chức năng kiểm soát hành trình chủ động không còn có xe để bám đuôi.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

Phanh tự động bằng kiểm soát hành trình chủ động

Kiểm soát Hành trình Chủ động (ACC⁵⁴) có chức năng phanh đặc biệt khi các xe khác đi chậm và đứng yên.

Chức năng phanh khi các xe khác đi chậm và đứng yên

Đề dừng nhanh hơn kết hợp với đi chậm khi các xe khác đi chậm hoặc khi tuân thủ đèn giao thông, xe sẽ tự động tiếp tục chạy nếu dừng không quá 3 giây, nếu dừng lâu hơn thời gian trước khi xe phía trước bắt đầu tiếp tục di chuyển, chức năng kiểm soát hành trình chủ động sẽ được cài đặt ở chế độ chờ bằng phanh tự động.

– Chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động được bật lại theo một trong các cách sau:

- Ấn nút vô lăng
 - Ấn chân ga.
- > Chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động tiếp tục bám đuôi xe phía trước nếu nó bắt đầu di chuyển về phía trước trong vòng 6 giây.

④ LƯU Ý

ACC có thể giữ xe đứng yên trong tối đa 5 phút, sau đó, kéo phanh tay và tắt chức năng kiểm soát hành trình chủ động. Phải thả phanh tay trước khi có thể bật lại chức năng kiểm soát hành trình chủ động.

Dừng phanh tự động

Trong một số tình huống, phanh tự động có thể dừng hoạt động khi đạt 0 km/giờ và chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động được cài đặt ở chế độ chờ. Điều này có nghĩa là phanh được nhả và xe có thể bắt đầu quay, vì lý do đó, người lái phải can thiệp và tự phanh xe để giữ xe đứng yên.

Điều này có thể xảy ra trong các tình huống sau:

- người lái đặt chân lên chân phanh
- kéo phanh tay
- cần số được chuyển đến vị trí **P**, **N** hoặc **R**
- người cài đặt kiểm soát hành trình chủ động ở chế độ chờ.

Bật tự động phanh tay

Trong một số tình huống, kéo phanh tay để giữ xe đứng yên.

⁵⁴ Kiểm soát Hành trình Chủ động

Điều này xảy ra nếu chức năng kiểm soát hành trình chủ động đang giữ xe đứng yên bằng phanh chân và:

- người lái mở cửa hoặc tháo dây đai an toàn
- ACC đã giữ xe đứng yên trong hơn xấp xỉ 5 phút
- phanh đã quá nóng
- người lái tắt động cơ bằng tay

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

Hạn chế của kiểm soát hành trình chủ động
Kiểm soát Hành trình Chủ động (ACC⁵⁵) có thể có hạn chế trong một số tình huống.

Đường dốc và/hoặc tải trọng nặng

Nhớ rằng chức năng kiểm soát hành trình chủ động chủ yếu được sử dụng khi lái trên mặt đường bằng phẳng. Chức năng này có thể khó giữ khoảng cách chính xác đến xe phía trước khi xuống dốc đứng, trong trường hợp này, cần đặc biệt chú ý và sẵn sàng phanh.

- Không sử dụng chức năng kiểm soát hành trình chủ động nếu xe có tải trọng nặng hoặc toa móc được nối với xe.

Thông tin khác

- Chế độ lái **Địa hình** không thể được lựa chọn khi bật chức năng kiểm soát hành trình chủ động.

LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

⁵⁵ Kiểm soát Hành trình Chủ động

Chuyển đổi giữa Kiểm soát hành trình và kiểm soát hành trình chủ động

Trong xe có chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động (ACC), người lái có thể chuyển đổi giữa Kiểm soát Hành trình (CC) và ACC.

Một biểu tượng trong màn hình người lái hiển thị chức năng kiểm soát hành trình nào hoạt động.

CC	ACC
	
Kiểm soát hành trình	Kiểm soát hành trình chủ động

^A Biểu tượng TRẮNG: Bật chức năng, biểu tượng XÁM: Chế độ chờ

Chuyển đổi từ ACC thành CC

Thực hiện như sau:

- Cài đặt chức năng kiểm soát hành trình chủ động thành chế độ chờ bằng nút vô lăng .
- Ấn nút Cruise Control (Kiểm soát Hành trình) ở phần chức năng của màn hình trung tâm, đèn báo của nút đổi màu từ XÁM thành XANH LÁ CÂY.
 - Biểu tượng trong màn hình người lái chuyển đổi từ  ACC thành  CC, chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động được tắt và chức năng Kiểm soát Hành trình được cài đặt thành chế độ chờ.

3. Ấn nút vô lăng .

- Chức năng kiểm soát hành trình khởi động và lưu tốc độ hiện tại.

 **CẢNH BÁO**

Chuyển đổi từ ACC thành CC có nghĩa là xe:

- không còn duy trì khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn đến xe phía trước.
- chỉ tuân thủ tốc độ đã lưu và vì lý do đó, người lái phải ấn phanh, khi cần.

Nếu CC bật khi động cơ được tắt, ACC sẽ được bật tự động khi động cơ được khởi động lần tới.

Chuyển đổi từ CC thành ACC

Thực hiện như sau:

- Cài đặt chức năng kiểm soát hành trình thành chế độ chờ bằng nút vô lăng .
- Ấn nhẹ nút Cruise Control (Kiểm soát Hành trình) trong phần chức năng, đèn báo của nút đổi màu từ XANH LÁ CÂY thành XÁM
 - Biểu tượng trong màn hình người lái chuyển đổi từ  CC thành  ACC, chức năng Kiểm soát Hành trình Chủ động hiện được bật và cài đặt thành chế độ chờ.

3. Ấn nút vô lăng .

- Chức năng kiểm soát hành trình chủ động khởi động và lưu tốc độ hiện tại cùng với khoảng cách về thời gian được cài đặt sẵn đến xe phía trước.

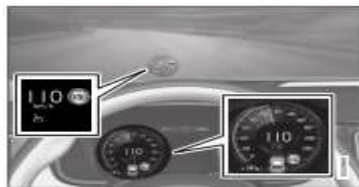
Thông tin liên quan

- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)
- Kiểm soát hành trình (trang 299)

Các biểu tượng và thông báo để Kiểm soát Hành trình Chủ động

Nhiều biểu tượng và thông báo liên quan đến chức năng kiểm soát hành trình chủ động (ACC⁵⁶) có thể được hiển thị thông qua màn hình người lái và/hoặc màn hình hiển thị kính chắn gió*.

Dưới đây là một số ví dụ⁵⁷



Hình ảnh minh họa trên⁵⁸ thể hiện chức năng kiểm soát hành trình chủ động được cài đặt để duy trì tốc độ là 110 km/giờ (68 dặm/giờ) và không có xe phía trước để bám đuôi.



Hình ảnh minh họa trên⁵⁸ thể hiện chức năng kiểm soát hành trình chủ động được cài đặt để duy trì tốc độ là 110 km/giờ (68 dặm/giờ) và đồng thời đang bám đuôi một xe phía trước có tốc độ tương tự.

»»

⁵⁶ Kiểm soát Hành trình Chủ động

⁵⁷ Trong ví dụ minh họa ở dưới, chức năng RSI (Thông tin Biển báo Giao thông) thông báo cho người lái về việc tốc độ tối đa cho phép là 130 km/giờ (80 dặm/giờ).

⁵⁸ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Biểu tượng MÀU TRẮNG. Kiểm soát Hành trình Chủ động Không có Biểu tượng MÀU XÁM.	Xe đang duy trì tốc độ đã lưu/lựa chọn. Cảm biến hành trình chủ động được cài đặt thành chế độ chờ.
	Kiểm soát Hành trình Chủ động Cần bảo trì Biểu tượng MÀU XÁM.	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.
	Cảm biến kính chắn gió Cảm biến bị che, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng	Vệ sinh kính chắn gió phía trước camera và hệ thống phát hiện của radar.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.
Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

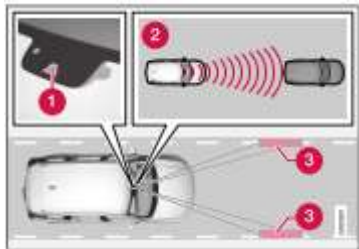
- Kiểm soát hành trình chủ động* (trang 308)

Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động giúp người lái lái xe giữa các vạch kẻ hai bên làn đường bằng hệ thống trợ lái và duy trì tốc độ ổn định kết hợp với khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn với xe trước.

Cách Hệ thống Lái Bán Tự động làm việc

Chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động chủ yếu được sử dụng trên đường cao tốc và các con đường chính tương tự để đem đến trải nghiệm lái thoải mái và thư giãn hơn.



Thiết bị camera và radar đo khoảng cách đến xe phía trước và phát hiện vạch kẻ hai bên⁵⁹.

- 1 Thiết bị camera và radar.
- 2 Hệ thống đọc khoảng cách.
- 3 Hệ thống đọc, vạch kẻ hai bên

Người lái lựa chọn tốc độ mong muốn và khoảng cách về thời gian đến xe phía trước. Hệ thống Lái Bán Tự động quét khoảng cách đến xe phía trước và vạch kẻ hai bên làn đường trên mặt đường bằng thiết bị camera và radar. Khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn được duy trì bằng cách điều chỉnh tốc độ tự động đồng thời hệ thống trợ lái giúp định vị xe trong làn.

Hệ thống trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động xem xét tốc độ của xe phía trước và vạch kẻ làn đường. Người lái có thể bỏ qua khuyến cáo trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động vào bất cứ lúc nào và lái theo hướng khác, ví dụ, để chuyển làn hoặc tránh chướng ngại vật trên đường.

Nếu Hệ thống Lái Bán Tự động không thể diễn giải rõ ràng làn đường, ví dụ, nếu thiết bị camera và radar không nhìn thấy vạch kẻ hai bên làn đường, Hệ thống Lái Bán Tự động sẽ tạm thời tắt hệ thống trợ lái nhưng sẽ tiếp tục nó nếu có thể diễn giải lại làn đường cho dù chức năng điều khiển tốc độ và khoảng cách vẫn hoạt động.



CẢNH BÁO

Hệ thống trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động được tự động tắt và được tiếp tục mà không có cảnh báo trước.



Trạng thái hiện tại của hệ thống trợ lái được hiển thị bằng màu của biểu tượng vô lăng:

- Vô lăng MÀU XANH LÁ CÂY thể hiện hệ thống trợ lái đang hoạt động.
- Vô lăng MÀU XÁM (hình ảnh minh họa) thể hiện hệ thống trợ lái đã tắt.



⁵⁹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

⚠ CẢNH BÁO

- Chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Người lái cần đọc tất cả các mục trong Sách Hướng dẫn Sử dụng liên quan đến chức năng này để hiểu về các yếu tố như hạn chế của Hệ thống Lái Bán Tự động và những điều người lái cần biết trước khi sử dụng hệ thống (xem danh sách thông tin liên quan ở cuối phần này).
- Hệ thống Lái Bán Tự động chỉ được sử dụng nếu có vạch kẻ làn đường rõ ràng được sơn trên từng bên làn đường. Tất cả các hoạt động khác liên quan đến việc sử dụng chức năng này đều làm tăng nguy cơ va chạm với chướng ngại vật mà chức năng này không thể phát hiện.
- Hệ thống Lái Bán Tự động không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

📌 LƯU Ý

Chức năng này có thể là chức năng Tiêu chuẩn hoặc Tùy chọn, tùy thuộc vào thị trường.

Hệ thống Lái Bán Tự động điều khiển tốc độ bằng cách tăng tốc và phanh. Thông thường, phanh sẽ tạo ra âm thanh nhỏ khi đang được sử dụng để điều chỉnh tốc độ. Hệ thống Lái Bán Tự động nhằm kiểm soát tốc độ một cách trơn tru. Trong các tình huống cần phanh gấp, người lái sẽ phải tự phanh. Điều này áp dụng trong trường hợp có sự chênh lệch lớn về tốc độ hoặc nếu xe phía trước phanh gấp. Do hạn chế của thiết bị radar, phanh có thể có hiệu quả không mong muốn hoặc không có hiệu quả.

Hệ thống Lái Bán Tự động nhằm bám đuôi xe phía trước ở cùng làn với khoảng cách về thời gian được người lái cài đặt. Nếu thiết bị radar không thể phát hiện bất cứ xe nào ở phía trước, xe sẽ duy trì tốc độ được người lái cài đặt và lưu. Điều này cũng xảy ra nếu tốc độ của xe phía trước tăng và vượt quá tốc độ được lưu.

Chức năng sau áp dụng với xe có hộp số tự động:

- Hệ thống Lái Bán Tự động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 0 km/giờ đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).
- Hệ thống Lái Bán Tự động có thể trợ lái từ khi xe đứng yên đến khi xe đạt tốc độ 140 km/giờ (87 dặm/giờ).

Chức năng sau áp dụng với xe có hộp số sàn:

- Hệ thống Lái Bán Tự động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 30 km/giờ (20 dặm/giờ) đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).
- Hệ thống Lái Bán Tự động có thể trợ lái từ tốc độ 30 km/giờ (20 dặm/giờ) đến 140 km/giờ (87 dặm/giờ).

⚠ CẢNH BÁO

- Hệ thống Lái Bán Tự động không phải là hệ thống tránh va chạm. Người lái phải luôn có trách nhiệm và phải can thiệp nếu hệ thống không phát hiện xe ở phía trước.
- Hệ thống Lái Bán Tự động không phanh xe để tránh người hoặc động vật và phương tiện nhỏ như xe đạp và xe máy, xe rơi móc thấp, xe tiến đến gần, xe đi chậm hoặc xe và vật đứng yên.
- Không sử dụng Hệ thống Lái Bán Tự động trong các tình huống phức tạp như đi trong thành phố, ở điểm giao cắt, trên bề mặt trơn trượt, có nhiều nước hoặc bùn trên đường, trời mưa to/tuyết dày, tầm nhìn kém, trên đường quanh co hoặc đường trơn trượt.

❗ QUAN TRỌNG

Việc bảo dưỡng các bộ phận Hệ thống Lái Bán Tự động chỉ được thực hiện ở gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Đường cua và đường rẽ nhánh

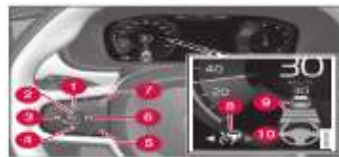
Hệ thống Lái Bán Tự động tương tác với người lái, người lái không được đợi hệ thống trợ lái từ Hệ thống Lái Bán Tự động mà cần luôn chuẩn bị để tự lái, đặc biệt là trên đoạn đường cua.

- Khi xe đi đến một lối rẽ hoặc nếu làn rẽ nhánh, người lái cần đi thẳng theo làn mong muốn để thể hiện hướng đi mong muốn cho Hệ thống Lái Bán Tự động.

Hệ thống Lái Bán Tự động nỗ lực giữ xe ở giữa làn đường

Khi Hệ thống Lái Bán Tự động giúp lái xe, Hệ thống Lái Bán Tự động nỗ lực định vị xe ở giữa các vạch kẻ làn đường và vì lý do đó, khuyến cáo để xe đi ở vị trí tối ưu để có trải nghiệm lái mượt mà nhất có thể. Người lái kiểm tra xem xe có đi ở vị trí an toàn trong làn không và luôn có khả năng điều chỉnh vị trí bằng cách tự thực hiện điều chỉnh đánh lái.

- Nếu Hệ thống Lái Bán Tự động không định vị xe trong làn theo cách phù hợp, khuyến cáo tắt Hệ thống Lái Bán Tự động hoặc chuyển sang chức năng Kiểm soát hành trình chủ động.

**Tổng quan
Điều khiển**

Các nút và biểu tượng chức năng⁶⁰

- ❗ : Bật Hệ thống Lái Bán Tự động từ chế độ chờ và tiếp tục tốc độ và khoảng cách về thời gian đã lưu.
- ⬆️ : Tăng tốc độ đã lưu.
- ⏸️ : **Từ chế độ chờ**, bật Hệ thống Lái Bán Tự động và lưu tốc độ hiện tại.
- ⏸️ : **Từ chế độ kích hoạt**, tắt/thay đổi Hệ thống Lái Bán Tự động thành chế độ chờ.
- ⚙️ : Chuyển từ Hệ thống Lái Bán Tự động sang chức năng kiểm soát hành trình chủ động.

- ⬇️ : Giảm tốc độ đã lưu
- ⬆️ : Tăng khoảng cách về thời gian đến xe phía trước
- ⚙️ : Chuyển từ chức năng kiểm soát hành trình chủ động sang Hệ thống Lái Bán Tự động
- ⬆️ : Giảm khoảng cách về thời gian đến xe phía trước
- ⬆️ : Biểu tượng chức năng
- ⬆️ : Biểu tượng cho xe mục tiêu và khoảng cách về thời gian đến xe phía trước
- ⬆️ : Biểu tượng cho hệ thống trợ lái được bật/tắt

»

⁶⁰ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Màn hình người lái

Chỉ báo tốc độ⁶¹.

- ❶ Tốc độ đã lưu
- ❷ Tốc độ của xe phía trước
- ❸ Tốc độ hiện tại của xe.

Để xem các loại biểu tượng khác nhau tùy thuộc vào tình hình giao thông, xem tiêu đề "Các biểu tượng và thông báo cho Hệ thống Lái Bán Tự động".

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động và Cảnh báo nguy cơ va chạm (trang 328)
- Màn hình hiển thị kính chắn gió cho Hệ thống Lái Bán Tự động nếu có nguy cơ va chạm (trang 329)
- Bật và khởi động Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 330)
- Quản lý tốc độ cho Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 331)

- Cài đặt khoảng cách về thời gian cho Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 332)
- Tắt/bật lại Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 333)
- Hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 335)
- Khởi động hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 336)
- Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 336)
- Thay đổi mục tiêu bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 336)
- Phanh tự động bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 337)
- Hạn chế của Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 338)
- Các biểu tượng và thông báo cho Hệ thống Lái Bán Tự động* (trang 339)

Hệ thống Lái Bán Tự động và Cảnh báo nguy cơ va chạm

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể cảnh báo người lái nếu khoảng cách đến xe phía trước đột ngột trở nên quá ngắn.

⁶¹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Đèn cảnh báo để cảnh báo và chạm trên kính chắn gió⁶².

❶ Tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh trong trường hợp có nguy cơ va chạm.

❷ Đo khoảng cách bằng thiết bị camera và radar.

Hệ thống Lái Bán Tự động sử dụng xấp xỉ 40% công suất của phanh chân. Nếu xe cần được phanh mạnh hơn khả năng phanh của Hệ thống Lái Bán Tự động và người lái không phanh, đèn cảnh báo và cảnh báo bằng âm thanh sẽ được bật để cảnh báo cho người lái về việc cần can thiệp ngay lập tức.

❶ LƯU Ý

Ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.

⚠ CẢNH BÁO

Hệ thống Lái Bán Tự động chỉ cảnh báo xe mà thiết bị camera và radar đã phát hiện, vì lý do đó, có thể không có cảnh báo hoặc cảnh báo chậm.

- Tuyệt đối không chờ cảnh báo. Đạp phanh khi tình huống yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Màn hình hiển thị kính chắn gió cho Hệ thống Lái Bán Tự động nếu có nguy cơ va chạm

Nếu xe trang bị màn hình hiển thị kính chắn gió*, cảnh báo được hiển thị trên kính chắn gió bằng một biểu tượng nhấp nháy.



Biểu tượng cảnh báo va chạm trên kính chắn gió⁶³

❶ LƯU Ý

Ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.



⁶² Hình vẽ chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

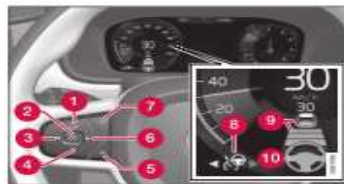
⁶³ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 305)
- Màn hình hiển thị kính chắn gió* (trang 138)

Bật và khởi động Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động phải được bật trước và sau đó được khởi động để điều khiển tốc độ và khoảng cách và thực hiện trợ lái.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Để khởi động Hệ thống Lái Bán Tự động, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải thắt dây đai an toàn của người lái và phải đóng cửa phía người lái.
- Phải có một xe ("xe mục tiêu") trong khoảng cách phù hợp phía trước xe hoặc tốc độ hiện tại phải ít nhất là 15 km/giờ (9 dặm/giờ).
- Với xe có hộp số sàn, tốc độ ít nhất phải là 30 km/giờ (20 dặm/giờ).

Khi chức năng Kiểm soát hành trình chủ động ở chế độ chờ:

1. Ấn nút vô lăng* (6).
 - > Biểu tượng  thay đổi thành Hệ thống Lái Bán Tự động ở chế độ chờ (8).
2. Ấn nút vô lăng  (2).
 - > Hệ thống Lái Bán Tự động được khởi động và tốc độ hiện tại được lưu bằng số ở giữa công tơ mét.

hoặc

Khi chức năng Kiểm soát hành trình chủ động được **khởi động**:

- Ấn nút vô lăng* (6).
 - > Khởi động Hệ thống Lái Bán Tự động.
-  Hệ thống trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động chỉ hoạt động khi biểu tượng vô lăng (2) đã đổi màu từ XÁM thành XANH LA CÂY

Hệ thống Lái Bán Tự động chỉ điều khiển khoảng cách về thời gian đến xe phía trước khi biểu tượng khoảng cách hiển thị một xe (1) ở trên biểu tượng vô lăng.



Đồng thời, phạm vi tốc độ được đánh dấu.

Tốc độ đã lưu/lựa chọn càng cao, tốc độ của xe phía trước (xe mục tiêu) càng thấp.

Cách đặt tay trên vô lăng

Để Hệ thống Lái Bán Tự động hoạt động, tay của người lái phải được đặt trên vô lăng.



Nếu Hệ thống Lái Bán Tự động phát hiện người lái đang không giữ vô lăng, người lái sẽ được nhắc cách quãng về việc chủ động lái xe thông qua một biểu tượng và thông báo bằng văn bản.

Nếu tay của người lái vẫn không được nhận dạng trên vô lăng sau vài giây, lời nhắc chủ động lái xe sẽ được lặp lại và bổ sung thêm một tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh.

Nếu Hệ thống Lái Bán Tự động không thể nhận dạng tay của người lái trên vô lăng sau thêm một vài giây, tín hiệu cảnh báo sẽ to hơn và chức năng trợ lái sẽ bị tắt. Hệ thống Lái Bán Tự động phải

được khởi động lại sau đó bằng nút vô lăng (9).

① LƯU Ý

Lưu ý, Hệ thống Lái Bán Tự động chỉ hoạt động khi người lái đặt tay trên vô lăng.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Quản lý tốc độ cho Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể được cài đặt ở các tốc độ khác nhau.

Cài đặt/thay đổi tốc độ được lưu



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

- ① **+**: Tăng tốc độ đã lưu.
- ② **-**: Giảm tốc độ đã lưu
- ③ Tốc độ đã lưu

- Thay đổi tốc độ đã cài đặt bằng cách ấn nhanh các nút vô lăng **+** (1) hoặc **-** (2) hoặc bằng cách ấn giữ chúng.

> **Ấn nhanh:** Mỗi lần ấn thay đổi tốc độ trong phạm vi +/- 5 km giờ (+/- 5 dặm/giờ).

> **Ấn và giữ:** Nhấn nút khi đèn báo tốc độ (3) đã chuyển thành tốc độ mong muốn.

- Tốc độ được cài đặt sau lần ấn nút cuối cùng được lưu trong bộ nhớ.

Nếu người lái tăng tốc độ của xe bằng chân ga trước khi ấn nút vô lăng **+** (1), tốc độ được lưu sẽ là tốc độ của xe khi ấn nút, miễn là chân của người lái đặt trên chân ga ở thời điểm ấn nút.

Việc tăng tốc độ tạm thời bằng chân ga, ví dụ, trong quá trình vượt xe khác, không ảnh hưởng đến cài đặt, xe sẽ trở về tốc độ được lưu gần nhất khi thả chân ga.



Hộp số tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 0 km/giờ đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Lưu ý, tốc độ thấp nhất có thể lập trình cho Hệ thống Lái Bán Tự động là 30 km/giờ (20 dặm/giờ), kể cả khi có khả năng bám đuôi một xe khác giảm tốc độ xuống 0 km/giờ, không thể lựa chọn/lưu tốc độ thấp hơn 30 km/giờ (230 dặm/giờ).

Tốc độ tối đa có thể lựa chọn là 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Hộp số sàn

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể bám đuôi một xe khác ở tốc độ từ 30 km/giờ (20 dặm/giờ) đến 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Tốc độ thấp nhất có thể lập trình cho Hệ thống Lái Bán Tự động là 30 km/giờ (20 dặm/giờ), tốc độ tối đa là 200 km/giờ (125 dặm/giờ).

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Cài đặt khoảng cách về thời gian cho Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể được cài đặt theo các khoảng cách về thời gian khác nhau.



Các khoảng cách về thời gian khác nhau đến xe phía trước có thể được lựa chọn và

hiển thị trên màn hình người lái theo mức độ 1 - 5 đường kẻ ngang, càng nhiều đường kẻ ngang, khoảng cách về thời gian càng lớn. Một đường kẻ ngang là khoảng 1 giây đến xe phía trước, 5 đường kẻ ngang là khoảng 3 giây.

① LƯU Ý

Khi biểu tượng trong màn hình người lái hiển thị hai xe, Hệ thống Lái Bán Tự động đang bám đuôi xe ở phía trước với khoảng cách về thời gian được cài đặt sẵn.

Khi chỉ hiển thị một xe, không có xe trong khoảng cách phù hợp phía trước.



Điều khiển khoảng cách về thời gian⁶⁴.

① Giảm khoảng cách về thời gian

② Tăng khoảng cách về thời gian

③ Đèn báo khoảng cách

– Ấn nút vô lăng (1) hoặc (2) để tăng hoặc giảm khoảng cách về thời gian.

> Đèn báo khoảng cách (3) thể hiện khoảng cách về thời gian hiện tại.

Hệ thống Lái Bán Tự động cho phép thay đổi đáng kể khoảng cách về thời gian trong một số tình huống để xe bám đuôi xe phía trước một cách trơn tru và thoải mái, ví dụ, ở tốc độ thấp, khi khoảng cách ngắn, Hệ thống Lái Bán Tự động làm tăng một ít khoảng cách về thời gian.

⁶⁴ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

① LƯU Ý

- Tốc độ càng cao, khoảng cách tính toán bằng mét càng dài đối với khoảng cách về thời gian được thiết lập.
- Chỉ sử dụng khoảng cách về thời gian được quy định giao thông trong nước cho phép.
- Nếu hệ thống Hệ thống Lái Bán Tự động không phản ứng bằng cách tăng tốc độ khi được bật, điều này có thể là do cửa sổ thời gian đến xe phía trước ngắn hơn cửa sổ thời gian được cài đặt.

⚠ CẢNH BÁO

- Chỉ sử dụng Khoảng thời gian cài đặt phù hợp với điều kiện giao thông hiện tại.
- Người lái cần biết rõ rằng Khoảng thời gian cài đặt càng ngắn sẽ càng hạn chế khoảng thời gian để phản xạ và thực hiện hành động xử lý trong tình huống giao thông không mong muốn.

Lựa chọn cách Hệ thống Lái Bán Tự động phải duy trì khoảng cách* đến xe phía trước

Người lái có thể lựa chọn các kiểu lái khác nhau để hệ thống Hệ thống Lái Bán Tự động duy trì khoảng cách về thời gian đã cài đặt sẵn đến xe phía trước.

Lựa chọn một trong các tùy chọn sau:

- **Tiết kiệm**, Hệ thống Lái Bán Tự động tập trung vào việc tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu. Điều này có nghĩa là khoảng cách về thời gian đến xe phía trước dài hơn.
- **Thoải mái**, Hệ thống Lái Bán Tự động tập trung vào việc tuân thủ khoảng cách về thời gian đã cài đặt đến xe trước một cách mượt mà nhất có thể.
- **Chủ động**, Hệ thống Lái Bán Tự động tập trung vào việc tuân thủ chặt chẽ hơn khoảng cách về thời gian đã cài đặt đến xe trước. Trong một số trường hợp, điều này có nghĩa là tăng tốc và phanh nặng hơn.

Xem thêm thông tin trong mục "Các chế độ lái".

Cũng có thể đọc thêm thông tin trong mục "Quản lý tốc độ để kiểm soát hành trình chủ động" và "Chế độ lái tiết kiệm".

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Các chế độ lái* (trang 449)
- Chế độ lái tiết kiệm (trang 4522)
- Quản lý tốc độ để kiểm soát hành trình (trang 301)

Tắt/bật Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động (ACC⁶⁵) có thể được tắt tạm thời để cài đặt ở chế độ chờ và có thể được bật lại sau.

Tắt Hệ thống Lái Bán Tự động và cài đặt ở chế độ chờ



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe. Để tạm thời tắt Hệ thống Lái Bán Tự động và cài đặt ở chế độ chờ:

– Ấn nút vô lăng (2).

- Hệ thống Lái Bán Tự động được cài đặt ở chế độ chờ, biểu tượng (8) trên màn hình người lái đổi màu từ TRẮNG thành XÁM và tốc độ đã lưu ở giữa công tơ mét đổi màu từ BE thành XÁM.

hoặc



⁶⁵ Hệ thống Lái Bán Tự động

Thực hiện lựa chọn thông qua nút điều khiển chế độ lái **DRIVE MODE**.

- Ấn nút vô lăng * (3).
 - > Hệ thống Lái Bán Tự động được tắt và thay đổi thành chức năng Kiểm soát hành trình chủ động ở chế độ kích hoạt.

CẢNH BÁO

- Khi Hệ thống Lái Bán Tự động ở chế độ chờ, người lái phải can thiệp và điều khiển tốc độ và khoảng cách với xe phía trước.
- Khi Hệ thống Lái Bán Tự động ở chế độ chờ và xe đến quá gần xe phía trước, người lái được chức năng Cảnh báo Khoảng cách cảnh báo về khoảng cách gần.

Chế độ chờ khi người lái can thiệp

Hệ thống Lái Bán Tự động được tắt tạm thời và cài đặt ở chế độ chờ nếu:

- sử dụng phanh chân
- cần số di chuyển về vị trí N.
- xi nhan được bật trong hơn 1 phút.
- người lái duy trì tốc độ cao hơn tốc độ được lưu trong lâu hơn 1 phút.
- ấn chân côn trong xấp xỉ 1 phút, áp dụng với xe có hộp số sàn.

Việc tăng tốc độ tạm thời bằng chân ga, ví dụ, trong quá trình vượt xe khác, không ảnh hưởng đến cài đặt, xe sẽ trở về tốc độ được lưu gần nhất khi thả chân ga. Khi xi nhan được bật, hệ thống trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động được tạm thời tắt. Khi không còn bật xi nhan, hệ thống trợ lái được tự động bật lại nếu vẫn phát hiện được vạch kẻ hai bên làn đường.

Chế độ chờ tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động phụ thuộc vào các hệ thống khác, ví dụ, kiểm soát cân bằng/chống trượt ESC⁶⁶. Nếu có bất cứ hệ thống nào khác dừng làm việc, Hệ thống Lái Bán Tự động sẽ được tắt tự động.

CẢNH BÁO

Với chế độ chờ tự động, người lái được cảnh báo thông qua tín hiệu âm thanh và thông báo trên màn hình người lái.

- Người lái sau đó phải điều khiển tốc độ của xe, đạp phanh khi cần và duy trì khoảng cách an toàn với xe khác.

Chế độ chờ tự động có thể xảy ra nếu, ví dụ:

- người lái mở cửa xe.
- nhiệt độ phanh cao.

- tay của người lái không đặt trên vô lăng.
- kéo phanh tay.
- tốc độ động cơ quá thấp/cao.
- người lái tháo dây đai an toàn.
- một hoặc nhiều bánh xe mất lực kéo.
- thiết bị camera và radar bị che khuất do, ví dụ, tuyết hoặc mưa lớn (ống kính camera/sóng vô tuyến bị chặn)
- tốc độ dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và Hệ thống Lái Bán Tự động không chắc chắn về việc xe phía trước là xe đứng yên hay vật đứng yên như gờ giảm tốc.
- tốc độ dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và xe phía trước dừng, dẫn đến việc Hệ thống Lái Bán Tự động không còn có xe để bám đuôi.
- tốc độ được giảm xuống dưới 30 km/giờ (20 dặm/giờ), chỉ áp dụng với xe có hộp số sàn.

⁶⁶ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

Bật lại Hệ thống Lái Bán Tự động từ chế độ chờ

LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe. Để bật lại Hệ thống Lái Bán Tự động:

- Ấn nút vô lăng  (1)
 - > Tốc độ sẽ được cài đặt thành tốc độ được lưu gần nhất.

 CẢNH BÁO

Có thể tăng nhanh tốc độ sau khi duy trì tốc độ bằng nút vô lăng .

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể hỗ trợ người lái khi vượt các xe khác.

Cách hệ thống vượt hoạt động

Khi Hệ thống Lái Bán Tự động đang bám đuôi một xe khác và người khác dự định vượt bằng cách bật xi nhan⁶⁷, Hệ thống Lái Bán Tự động trợ giúp bằng cách tăng tốc độ xe đến gần xe phía trước **trước** khi xe của người lái chạm đến làn vượt.

Tiếp theo, chức năng này làm chậm quá trình giảm tốc độ để tránh phanh gấp khi xe của người lái tiến đến gần một xe đi chậm hơn.

Chức năng này vẫn hoạt động cho đến khi xe của người lái đã đi qua xe bị vượt.

 CẢNH BÁO

Nhớ rằng chức năng này có thể được bật trong nhiều tình huống ngoài tình huống vượt, ví dụ, khi sử dụng xi nhan để báo chuyển làn hoặc vào một con đường khác, xe sau đó sẽ tăng tốc nhanh.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Khởi động hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 336)

- Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 336)

⁶⁷ Chỉ nhấp nháy bên tay trái ở xe có tay lái bên trái hoặc nhấp nháy ở bên tay phải ở xe có tay lái bên phải.

Khởi động hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động

Chức năng hỗ trợ vượt cần nhiều điều kiện khác nhau

Phải có điều kiện sau để bật Hỗ trợ Vượt:

- phải có xe ở phía trước ("xe mục tiêu")
- **tốc độ hiện tại** của xe của bạn ít nhất là 70 km/giờ (43 dặm/giờ)
- **tốc độ ACC đã lưu** phải đủ cao để thực hiện vượt một cách an toàn.

Khởi động Hỗ trợ Vượt

Để khởi động Hỗ trợ Vượt.

– Bật xi nhan.

Sử dụng xi nhan bên tay trái ở xe có tay lái bên trái, xi nhan bên tay phải ở xe có tay lái bên phải.

> Chức năng Hỗ trợ Vượt được khởi động.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Khởi động hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 335)

Hạn chế của hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động

Chức năng hỗ trợ vượt có thể bị hạn chế chức năng trong một số tình huống.



CẢNH BÁO

Khi sử dụng Hệ thống Hỗ trợ Vượt, người lái cần nhớ rằng có thể tăng tốc ngoài dự kiến nếu điều kiện thay đổi đột ngột. Vì lý do đó, có một số tình huống cần tránh nếu:

- xe đang đi vào lỗi ra để rẽ cùng chiều với chiều thường vượt.
- xe phía trước giảm tốc độ trước khi xe của người lái đi vào làn vượt.
- các xe ở làn vượt giảm tốc độ.
- xe có tay lái bên phải được lái ở một hạt mà các xe đi bên trái (hoặc ngược lại).

Có thể tránh các loại tình huống này bằng cách tạm thời cài đặt Hệ thống Lái Bán Tự động ở chế độ chờ.

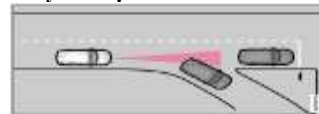
Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Hỗ trợ vượt bằng Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 335)

Thay đổi mục tiêu bằng Hệ thống Lái Bán Tự động

Kết hợp với hộp số tự động, Hệ thống Lái Bán Tự động có chức năng thay đổi mục tiêu ở tốc độ nhất định.

Thay đổi mục tiêu



Nếu xe mục tiêu phía trước rẽ đột ngột, có thể có xe đứng yên ở phía trước.

Khi Hệ thống Lái Bán Tự động đang bám đuôi một xe khác ở tốc độ **dưới** 30 km/giờ (20 dặm/giờ) và thay đổi mục tiêu từ một xe đang di chuyển thành một xe đứng yên, Hệ thống Lái Bán Tự động sẽ giảm tốc độ theo xe đứng yên.



CẢNH BÁO

Khi Hệ thống Lái Bán Tự động đang bám đuôi một xe khác ở tốc độ **trên** 30 km/giờ (20 dặm/giờ) và thay đổi mục tiêu từ một xe đang di chuyển thành một xe đứng yên, Hệ thống Lái Bán Tự động sẽ **bỏ qua** xe đang đứng yên và tăng tốc lên tốc độ đã lưu.

Chế độ chờ tự động khi thay đổi mục tiêu
Hệ thống Lái Bán Tự động bị tắt và cài đặt ở chế độ chờ:

- khi tốc độ ở dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và Hệ thống Lái Bán Tự động không chắc chắn về việc xe phía trước là xe đứng yên hay vật đứng yên như gờ giảm tốc.
- khi tốc độ dưới 5 km/giờ (3 dặm/giờ) và xe phía trước dừng, dẫn đến việc Hệ thống Lái Bán Tự động không còn có xe để bám đuôi.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Phanh tự động bằng Hệ thống Lái Bán Tự động

Hệ thống Lái Bán Tự động có chức năng phanh đặc biệt khi các xe khác đi chậm và đứng yên.

Chức năng phanh khi các xe khác đi chậm và đứng yên

Để dừng nhanh hơn kết hợp với đi chậm khi các xe khác đi chậm hoặc khi tuân thủ đèn giao thông, xe sẽ tự động tiếp tục chạy nếu dừng không quá 3 giây, nếu dừng lâu hơn thời gian trước khi xe phía trước bắt đầu tiếp tục di chuyển, Hệ thống Lái Bán Tự động sẽ được cài đặt ở chế độ chờ bằng phanh tự động.

– Hệ thống Lái Bán Tự động được bật lại theo một trong các cách sau:

- Ấn nút vô lăng .
- Ấn chân ga.
- > Chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động tiếp tục bám đuôi xe phía trước nếu nó bắt đầu di chuyển về phía trước trong vòng 6 giây.

ⓘ LƯU Ý

Hệ thống Lái Bán Tự động có thể giữ xe đứng yên trong tối đa 5 phút, sau đó, kéo phanh tay và tắt chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động.
Phải thả phanh tay trước khi có thể bật lại Hệ thống Lái Bán Tự động.

Dừng phanh tự động

Trong một số tình huống, phanh tự động có thể dừng hoạt động khi đạt 0 km/giờ và Hệ thống Lái Bán Tự động được cài đặt ở chế độ chờ. Điều này có nghĩa là phanh được nhả và xe có thể bắt đầu quay, vì lý do đó, người lái phải can thiệp và tự phanh xe để giữ xe đứng yên. Điều này có thể xảy ra trong các tình huống sau:

- người lái đặt chân lên chân phanh
- kéo phanh tay
- cần số được chuyển đến vị trí **P**, **N** hoặc **R**
- người cài đặt Hệ thống Lái Bán Tự động ở chế độ chờ.

Bật tự động phanh tay

Trong một số tình huống, kéo phanh tay để giữ xe đứng yên.

Điều này xảy ra nếu chức năng kiểm soát hành trình chủ động đang giữ xe đứng yên bằng phanh chân và:

- người lái mở cửa hoặc tháo dây đai an toàn
- Hệ thống Lái Bán Tự động đã giữ xe đứng yên trong hơn xấp xỉ 5 phút
- phanh đã quá nóng
- người lái tắt động cơ bằng tay.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Hạn chế của Hệ thống Lái Bán Tự động

Chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động có thể có hạn chế trong một số tình huống.

Chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động một hỗ trợ để giúp người lái trong một số tình huống nhưng người lái luôn chịu trách nhiệm duy trì khoảng cách an toàn với vật thể xung quanh và vị trí chính xác trong làn đường.

CẢNH BÁO

Trong một số tình huống, hệ thống trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động khó có thể trợ giúp người lái một cách chính xác hoặc có thể được tắt tự động, trong trường hợp này, không khuyến cáo sử dụng Hệ thống Lái Bán Tự động. Ví dụ về các tình huống đó có thể là:

- vạch kẻ làn đường bị mòn, thiếu hoặc cắt chéo nhau.
- phân chia làn đường không rõ ràng, ví dụ, khi làn đường chia hoặc gộp hoặc ở lối ra hoặc trong trường hợp có nhiều bộ vạch kẻ đường.
- có các mép hoặc đường kẻ khác ngoài vạch kẻ làn đường trên hoặc gần đường, ví dụ, lề đường, đường giao cắt hoặc đoạn sửa chữa mặt đường, mép thanh chắn, mép lề đường hoặc bóng râm lớn.
- làn đường hẹp hoặc quanh co.
- làn đường có vết nứt hoặc ổ.
- điều kiện thời tiết xấu, ví dụ, mưa, tuyết, sương hoặc bùn hoặc giảm tầm nhìn do điều kiện chiếu sáng kém, đèn chói phía sau, mặt đường ướt v.v...

Người lái cũng cần lưu ý về việc Hệ thống Lái Bán Tự động có các hạn chế sau:

- Lề đường cao, thanh chắn hai bên đường, chướng ngại vật tạm thời (cọc tiêu giao thông, thanh chắn an toàn v.v...) không được phát hiện hoặc có thể được phát hiện không chính xác là vạch kẻ làn đường, dẫn đến nguy cơ va chạm giữa xe và chướng ngại vật đó. Người lái phải tự đảm bảo rằng xe giữ khoảng cách phù hợp với các chướng ngại vật đó.

- Cảm biến camera hoặc radar không có khả năng phát hiện tất cả vật thể tiến đến gần và vật thể trên đường, ví dụ, ổ gà, chướng ngại vật đứng yên hoặc vật thể làm tắc một phần hoặc toàn bộ đường.
- Hệ thống Lái Bán Tự động không "nhận ra" người đi bộ, động vật v.v...
- Hệ thống trợ lái được khuyến cáo bị hạn chế lực, có nghĩa là nó không thể giúp người lái lái và giữ xe trong làn ở mọi thời điểm.
- Trong xe có trang bị Dẫn đường Sensus*, chức năng này có tùy chọn sử dụng thông tin từ dữ liệu bản đồ, có thể dẫn đến hiệu quả khác nhau của Hệ thống Lái Bán Tự động.
- Hệ thống Lái Bán Tự động được tắt nếu tay lái trợ lực đang hoạt động với công suất thấp, ví dụ, trong quá trình làm mát do quá nóng (xem mục "Lực đánh lái phụ thuộc vào tốc độ").

Người lái phải luôn có trách nhiệm chỉnh hoặc điều chỉnh hệ thống trợ lái của Hệ thống Lái Bán Tự động và có thể xoay vô lăng đến vị trí mong muốn.

Đường dốc và/hoặc tải trọng nặng

Nhớ rằng Hệ thống Lái Bán Tự động chủ yếu được sử dụng khi lái trên mặt đường bằng phẳng. Chức năng này có thể khó giữ khoảng cách chính xác đến xe phía trước khi xuống dốc đứng, trong trường hợp này, cần đặc biệt chú ý và sẵn sàng phanh.

- Không sử dụng Hệ thống Lái Bán Tự động nếu xe có tải trọng nặng hoặc toa móc được nối với xe.

ⓘ LƯU Ý

Hệ thống Lái Bán Tự động không thể được bật nếu toa móc, giá đỡ xe đạp hoặc thiết bị tương tự vào hệ thống điện của xe.

- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Các biểu tượng và thông báo cho Hệ thống Lái Bán Tự động

Nhiều biểu tượng và thông báo liên quan đến Hệ thống Lái Bán Tự động có thể được hiển thị thông qua màn hình người lái và/hoặc màn hình hiển thị kính chắn gió*.

Thông tin khác

- Chế độ lái **Địa hình** không thể được lựa chọn khi bật Hệ thống Lái Bán Tự động.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Lực lái phụ thuộc vào tốc độ (trang 286)





Dưới đây là một số ví dụ⁶⁸.



Hình ảnh minh họa trên⁶⁹ thể hiện Hệ thống Lái Bán Tự động được cài đặt để duy trì tốc độ là 110 km/giờ (68 dặm/giờ) và không có xe phía trước để bám đuôi.

Hệ thống Lái Bán Tự động không hỗ trợ lái do không thể phát hiện vạch kẻ hai bên làn đường.



Hình ảnh minh họa trên⁷⁰ thể hiện Hệ thống Lái Bán Tự động được cài đặt để duy trì tốc độ là 110 km/giờ (68 dặm/giờ) và đồng thời đang bám đuôi một xe phía trước có tốc độ tương tự. Hệ thống Lái Bán Tự động không hỗ trợ lái do không thể phát hiện vạch kẻ hai bên làn đường.



Hình ảnh minh họa trên⁷⁰ thể hiện Hệ thống Lái Bán Tự động được cài đặt để duy trì tốc độ là 110 km/giờ (68 dặm/giờ) và đồng thời đang bám đuôi một xe phía trước có tốc độ tương tự. Ở đây, Hệ thống Lái Bán Tự động cũng hỗ trợ lái do có thể phát hiện vạch kẻ hai bên làn đường.

⁶⁸ Trong ví dụ minh họa ở dưới, chức năng RSI (Thông tin Biển báo Giao thông) thông báo cho người lái về việc tốc độ tối đa cho phép là 130 km/giờ (80 dặm/giờ).

⁶⁹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Hình ảnh minh họa trên⁷⁰ thể hiện Hệ thống Lái Bán Tự động được cài đặt để duy trì tốc độ là 110 km/giờ (68 dặm/giờ) và không có xe phía trước để bám đuôi.

Hệ thống Lái Bán Tự động hỗ trợ lái do có thể phát hiện vạch kẻ hai bên làn đường.

Thông tin liên quan

- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)

Thiết bị radar

Thiết bị radar được nhiều hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng và có nhiệm vụ phát hiện các xe khác.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Thiết bị radar được các chức năng sau sử dụng.

- Cảnh báo Khoảng cách*
- Kiểm soát hành trình chủ động*
- Hỗ trợ đi đúng làn đường
- Hệ thống Lái Bán Tự động
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety)

Việc điều chỉnh thiết bị radar có thể dẫn đến việc sử dụng nó trở nên phi pháp.

Thông tin liên quan

- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)
- Khuyến cáo bảo dưỡng cho thiết bị radar (trang 345)
- Loại thiết bị radar được chấp nhận (trang 346)

⁷⁰ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Hạn chế của thiết bị radar

Thiết bị radar có một số hạn chế và cũng làm hạn chế các chức năng sử dụng của thiết bị.

Thiết bị radar bị che khuất



Vùng đánh dấu phải tránh xa miếng dán, đồ vật, màng che⁷¹ v.v...

Thiết bị radar được đặt bên trong phần trên của kính chắn gió cùng với thiết bị camera của xe.

ⓘ QUAN TRỌNG

Không đặt, dán hoặc gắn bất cứ thứ gì ở bên ngoài hoặc bên trong kính chắn gió phía trước và xung quanh thiết bị camera và radar, điều này có thể can thiệp đến các chức năng phụ thuộc vào camera và radar. Điều này có thể có nghĩa là chức năng hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.



Nếu màn hình người lái hiển thị biểu tượng này và thông báo

"Cảnh biến kính chắn gió bị che khuất, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng", điều này có nghĩa là thiết bị camera và radar không thể phát hiện xe khác, người đi xe đạp, người đi bộ và các con vật lớn ở phía trước xe và các chức năng dựa trên camera và radar của xe có thể bị ảnh hưởng, giảm hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.

Bảng dưới đây trình bày ví dụ về các nguyên nhân có thể dẫn đến việc hiển thị thông báo cùng với hành động xử lý phù hợp:

Nguyên nhân	Hành động xử lý
Bề mặt kính chắn gió phía trước thiết bị camera và radar bị bẩn hoặc ăn mòn do băng hoặc tuyết.	Vệ sinh bụi bẩn, băng và tuyết khỏi bề mặt kính chắn gió phía trước thiết bị camera và radar.
Sương dày và mưa lớn hoặc tuyết chặn tín hiệu radar hoặc tầm nhìn của camera.	Không thực hiện hành động xử lý. Thiết bị đôi lúc không làm việc khi mưa lớn hoặc tuyết rơi.

⁷¹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Nguyên nhân	Hành động xử lý
Nước hoặc tuyết từ mặt đường bắn lên và chặn tín hiệu radar hoặc tầm nhìn của camera.	Không thực hiện hành động xử lý. Thiết bị đôi lúc không làm việc trên mặt đường rất ướt hoặc phủ tuyết.
Bụi bẩn xuất hiện ở giữa phía bên trong của kính chắn gió và thiết bị camera và radar.	Đến gara để vệ sinh kính chắn gió bên trong vỏ thiết bị, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

LƯU Ý

Giữ vệ sinh kính chắn gió ở phía trước camera và radar.

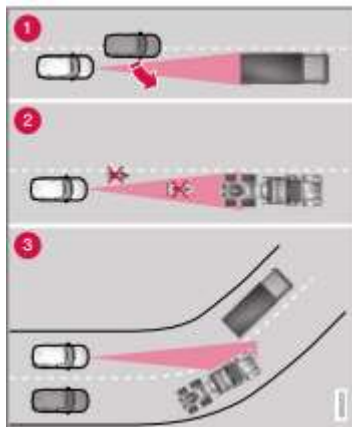
Tốc độ của xe

Khả năng của thiết bị radar trong việc phát hiện xe ở phía trước bị giảm đáng kể nếu:

- tốc độ của xe phía trước có sự chênh lệch lớn với tốc độ xe của bạn.

Hạn chế tầm nhìn

Thiết bị radar có tầm nhìn hạn chế. Trong một số tình huống, không phát hiện ra một xe khác hoặc phát hiện chậm hơn dự kiến.

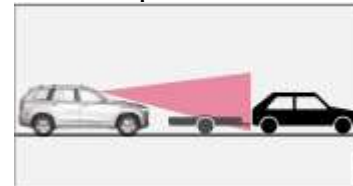


Tầm nhìn của thiết bị radar.

- Thiết bị radar đôi lúc chậm phát hiện xe ở khoảng cách gần, ví dụ, xe đi ở giữa xe của bạn và xe phía trước.

- Các xe khác như xe máy hoặc xe không đi ở giữa làn vẫn không thể được phát hiện.

- Ở các đoạn đường quanh co, thiết bị radar có thể phát hiện sai xe hoặc mất tầm nhìn một xe đã phát hiện.

Toa móc thấp

Toa móc thấp ở phía khuất của radar.

Toa móc thấp có thể cũng khó được thiết bị radar phát hiện hoặc không được phát hiện, vì lý do đó, người lái cần đặc biệt cẩn thận khi lái phía sau toa móc thấp khi bật chức năng kiểm soát hành trình chủ động hoặc Hệ thống Lái Bán Tự động.

»»

Nhiệt độ cao

Ở điều kiện nhiệt độ rất cao, thiết bị camera và radar có thể tạm thời được tắt trong khoảng 15 phút sau khi động cơ được khởi động để bảo vệ hệ thống điện tử của thiết bị. Thiết bị camera và radar tự động khởi động lại khi nhiệt độ đã giảm đáng kể.

Kính chắn gió bị vỡ

❶ QUAN TRỌNG

Nếu có một vết nứt, xước hoặc mảnh vụn trong kính chắn gió phía trước một trong các "cửa sổ" thiết bị camera và radar có diện tích xấp xỉ 0,5 x 3,0 mm (0,02 x 0,12 in.) hoặc lớn hơn, phải liên hệ gara để thay thế kính chắn gió, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Nếu không khắc phục, có thể dẫn đến hiệu quả hoạt động kém của hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng thiết bị camera và radar.

Điều này có thể có nghĩa là các chức năng hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác. Để tránh nguy cơ của việc hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng thiết bị radar gặp sự cố, khiếm khuyết hoặc hoạt động kém hiệu quả, áp dụng các hướng dẫn sau:

- Volvo **không** khuyến khích sửa chữa vết nứt, xước hoặc mảnh vụn trong khu vực phía trước thiết bị camera và radar. Cần thay thế toàn bộ kính chắn gió.
- Trước khi thay thế kính chắn gió, liên hệ gara được Volvo ủy quyền để kiểm tra xem có đặt hàng và lắp đúng kính chắn gió không.

- Phải lắp cùng loại cần gạt nước hoặc loại được Volvo chấp nhận trong quá trình thay thế.

❶ QUAN TRỌNG

Khi thay thế kính chắn gió, phải điều chỉnh lại thiết bị camera và radar tại gara để đảm bảo tất cả hệ thống dựa trên camera và radar của xe đều hoạt động đúng chức năng. Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Thiết bị radar (trang 341)

Khuyến cáo bảo dưỡng cho thiết bị radar

Đề thiết bị camera và radar hoạt động đúng chức năng, kính chắn gió phía trước thiết bị phải không được dính bụi bẩn, băng và tuyết và phải được làm sạch thường xuyên bằng nước và nước rửa xe.

ⓘ LƯU Ý

Bụi bẩn, băng và tuyết dính trên thiết bị camera và radar sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của thiết bị và có thể cản trở hoạt động của thiết bị.

Điều này có thể có nghĩa là các chức năng hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.

Thông tin liên quan

- Thiết bị radar (trang 341)

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Loại thiết bị radar được chấp nhận

Loại thiết bị radar của xe được chấp nhận trong ACC⁷², PA⁷³ và BLIS⁷⁴ có thể được trình bày ở đây.

Thị trường	ACC và PA	BLIS	Biểu tượng	Giấy phép
Brazil	✓			Este equipamento opera em caráter secundário, isto é, não tem direito à proteção contra interferência prejudicial, mesmo de estações do mesmo tipo, e não pode causar interferência a sistemas operando em caráter primário. Modelo: L2C0054TR 4122-14-8645 EAN: (01)07897843840855
		✓		Modelo: L2C0055TR 1500-15-8065 EAN: 07897843840978
Châu Âu	✓	✓		Theo đây, Delphi Electronics and Safety cam đoan rằng L2C0054TR/L2C0055TR phù hợp với các yêu cầu bắt buộc và các quy định liên quan khác của Chỉ thị 2014/53/EU (RED). Có thể xem bản cam đoan gốc tại đường dẫn dưới www.delphi.com/automotive-homologation . Dải Tần: 76GHz - 77GHz Công suất Đầu ra Tối đa: 55dBm EIRP Bản cam đoan Hợp chuẩn có thể được cung cấp bởi Delphi Electronics & Safety/2151 E Đường Lincoln/Kokomo, Indiana 46902 Hoa Kỳ

⁷² Kiểm soát Hành trình Chủ động

⁷³ Hệ thống Lái Bán Tự động

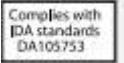
⁷⁴ Thông tin Cảnh báo Điểm mù

Thị trường	ACC và PA	BLIS	Biểu tượng	Giấy phép
Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE)	✓			ĐĂNG KÝ Số: ER37536/15 ĐẠI LÝ Số: DA37380/15
		✓		ĐĂNG KÝ Số: ER37357/15 ĐẠI LÝ Số: DA37380/15
Indonesia	✓			37295/POSTEL/2014 4927
		✓		38806/SDPPI/2015 4927
Jordan	✓			Giấy phép Số: TRC/LPD/2014/255 Loại Thiết bị: Thiết bị Công suất Thấp (LPD)
		✓		Giấy phép Số: TRC/LPD/2015/3 Loại Thiết bị: Thiết bị Công suất Thấp (LPD)
Hàn Quốc	✓			Chứng nhận Số MSIP-CMI- DPH-L2C0054TR
		✓		Chứng nhận Số MSIP-CMI-DPH-L2C0055TR
Ma rốc	✓	✓		AGREE PAR L'ANRT MAROC NUMÉRO D'AGRÈMENT: MR 9929 ANRT 2014 DATE D'AGRÈMENT: 26/12/2014

»»

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI



Thị trường	ACC và PA	BLIS	Biểu tượng	Giấy phép
Mexico	✓			IFETEL: RLVDEL215-0299
		✓		IFETEL: RLVDEL215-0314
Moldova	✓	✓		
Serbia	✓			H011 14
		✓		H011 15
Singapore	✓	✓		
Nam Phi	✓			TA-2014/1824 ĐÃ CHẤP NHẬN
		✓		TA-2014/2390 ĐÃ CHẤP NHẬN

Thị trường	ACC và PA	BLIS	Biểu tượng	Giấy phép
Đài Loan	✓			CCAB15LP0560T3
		✓		CCAB15LP0680T0
Ukraina	✓	✓		Delphi цим стверджує, що обладнання RACAM/SRR2 відповідає вимогам Про затвердження Технічного регламенту радіоблагоднання і телекомунікаційного кінцевого (термінального) обладнання (Постанова КМУ № 679 від 24 червня 2009 р.) Декларація відповідності знаходиться на сайті Delphi за адресою: Delphi.

Loại thiết bị vô tuyến được chấp nhận

Thị trường	Biểu tượng	Giấy phép
Châu Âu		Theo đây, Vollvo cars cam đoan rằng tất cả thiết bị vô tuyến phù hợp với các yêu cầu bắt buộc và các quy định liên quan khác của Chỉ thị 2014/53/EU.

Thông tin liên quan

- Thiết bị radar (trang 341)

Thiết bị camera

Thiết bị camera được nhiều hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng và có nhiệm vụ phát hiện vạch kẻ làn đường hoặc biển báo giao thông.



LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Thiết bị camera được các chức năng sau sử dụng.

- Kiểm soát hành trình chủ động*
- Hệ thống Lái Bán Tự động*
- Hỗ trợ đi đúng làn đường*
- Hỗ trợ lái an toàn khi có nguy cơ va chạm
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety)
- Kiểm soát Cảnh báo Người lái*
- Thông tin Biển báo Giao thông*
- Đèn pha chủ động*

Thông tin liên quan

- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Khuyến cáo bảo dưỡng cho thiết bị camera (trang 354)

Hạn chế của thiết bị camera

Thiết bị camera có một số hạn chế và cũng làm hạn chế các chức năng sử dụng của thiết bị.

Tầm nhìn bị hạn chế

Camera có các hạn chế như mắt người, ví dụ, nó có thể "nhìn" kém trong điều kiện tuyết rơi dày hoặc mưa, sương mù dày, bão bụi mạnh và mưa tuyết. Trong các điều kiện đó, chức năng của các hệ thống phụ thuộc vào camera có thể bị giảm đáng kể hoặc bị tắt tạm thời.

Ánh sáng mạnh chiếu từ phía sau, ánh sáng phản chiếu trên đường xe chạy, tuyết hoặc băng trên mặt đường, mặt đường bẩn hoặc vạch kẻ làn đường không rõ ràng cũng có thể làm giảm đáng kể chức năng của camera khi nó được sử dụng để quét đường xe chạy nhằm phát hiện người đi bộ, người xe đạp, các con vật lớn và các xe khác.

Thiết bị camera bị che khuất



Vùng đánh dấu phải tránh xa miếng dán, đồ vật, màng che⁷⁵ v.v...

Thiết bị camera được đặt bên trong phần trên của kính chắn gió cùng với thiết bị radar của xe.

❗ QUAN TRỌNG

Không đặt, dán hoặc gắn bất cứ thứ gì ở bên ngoài hoặc bên trong kính chắn gió phía trước và xung quanh thiết bị camera và radar, điều này có thể can thiệp đến các chức năng phụ thuộc vào camera và radar. Điều này có thể có nghĩa là chức năng hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.



Nếu màn hình người lái hiển thị biểu tượng này và thông báo

"Cảnh biến kính chắn gió bị che khuất, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng", điều này có nghĩa là thiết bị camera và radar không thể phát hiện xe khác, người đi xe đạp, người đi bộ và các con vật lớn ở phía trước xe và các chức năng dựa trên camera và radar của xe có thể bị ảnh hưởng, giảm hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.

Bảng dưới đây trình bày ví dụ về các nguyên nhân có thể dẫn đến việc hiển thị thông báo cùng với hành động xử lý phù hợp:



⁷⁵ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Nguyên nhân	Hành động xử lý
Bề mặt kính chắn gió phía trước thiết bị camera và radar bị bẩn hoặc ăn mòn do băng hoặc tuyết.	Vệ sinh bụi bẩn, băng và tuyết khỏi bề mặt kính chắn gió phía trước thiết bị camera và radar.
Sương dày và mưa lớn hoặc tuyết chặn tín hiệu radar hoặc tầm nhìn của camera.	Không thực hiện hành động xử lý. Thiết bị đôi lúc không làm việc khi mưa lớn hoặc tuyết rơi.
Nước hoặc tuyết từ mặt đường bắn lên và chặn tín hiệu radar hoặc tầm nhìn của camera.	Không thực hiện hành động xử lý. Thiết bị đôi lúc không làm việc trên mặt đường rất ướt hoặc phủ tuyết.
Bụi bẩn xuất hiện ở giữa phía bên trong của kính chắn gió và thiết bị camera và radar.	Đến gara để vệ sinh kính chắn gió bên trong vỏ thiết bị, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.
Ánh sáng mạnh chiếu từ phía sau	Không thực hiện hành động xử lý. Thiết bị camera được tự động cài đặt lại trong điều kiện chiếu sáng thuận lợi hơn.

① LƯU Ý

Giữ vệ sinh kính chắn gió ở phía trước camera và radar.

Nhiệt độ cao

Ở điều kiện nhiệt độ rất cao, thiết bị camera và radar có thể tạm thời được tắt trong khoảng 15 phút sau khi động cơ được khởi động để bảo vệ hệ thống điện tử của thiết bị. Thiết bị camera và radar tự động khởi động lại khi nhiệt độ đã giảm đáng kể.

Kính chắn gió bị vỡ

① QUAN TRỌNG

Nếu có một vết nứt, xước hoặc mảnh vụn trong kính chắn gió phía trước một trong các "cửa sổ" thiết bị camera và radar có diện tích xấp xỉ 0,5 x 3,0 mm (0,02 x 0,12 in.) hoặc lớn hơn, phải liên hệ gara để thay thế kính chắn gió, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Nếu không khắc phục, có thể dẫn đến hiệu quả hoạt động kém của hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng thiết bị camera và radar.

Điều này có thể có nghĩa là các chức năng hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.

Để tránh nguy cơ của việc hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng thiết bị radar gặp sự cố, kiểm tra hoặc hoạt động kém hiệu quả, áp dụng các hướng dẫn sau:

- Volvo **không** khuyến khích sửa chữa vết nứt, xước hoặc mảnh vụn trong khu vực phía trước thiết bị camera và radar. Cần thay thế toàn bộ kính chắn gió.

❗ QUAN TRỌNG

- Trước khi thay thế kính chắn gió, liên hệ gara được Volvo ủy quyền để kiểm tra xem có đặt hàng và lắp đúng kính chắn gió không.
- Phải lắp cùng loại cần gạt nước hoặc loại được Volvo chấp nhận trong quá trình thay thế.

❗ QUAN TRỌNG

Khi thay thế kính chắn gió, phải điều chỉnh lại thiết bị camera và radar tại gara để đảm bảo tất cả hệ thống dựa trên camera và radar của xe đều hoạt động đúng chức năng. Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Thiết bị camera (trang 350)

Khuyến cáo bảo dưỡng cho thiết bị camera

Để thiết bị camera và radar hoạt động đúng chức năng, kính chắn gió phía trước thiết bị phải không được dính bụi bẩn, băng và tuyết và phải được làm sạch thường xuyên bằng nước và nước rửa xe.

LƯU Ý

Bụi bẩn, băng và tuyết dính trên thiết bị camera và radar sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của thiết bị và có thể cản trở hoạt động của thiết bị.

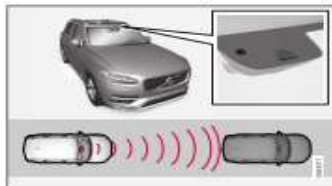
Điều này có thể có nghĩa là các chức năng hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.

Thông tin liên quan

- Thiết bị camera (trang 350)

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™)

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể cảnh báo người lái bằng cảnh báo trực quan, âm thanh và giạt phanh để giúp người lái phát hiện người đi bộ, người đi xe đạp, các con vật lớn và các xe đột ngột xuất hiện, sau đó, xe sẽ có tự động phanh trừ khi người lái phản ứng trong thời gian phù hợp.



Vị trí của thiết bị radar⁷⁶.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể ngăn chặn va chạm hoặc làm giảm tốc độ va chạm.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố nhằm hỗ trợ người lái có nguy cơ va chạm với người đi bộ, các con vật lớn, người đi xe đạp hoặc xe khác.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giúp người lái tránh va chạm khi nối đuôi xe khác, ví dụ, khi xe phía trước chuyển làn và người lái mất tập trung có thể dẫn đến tai nạn.

Chức năng này giúp người lái bằng cách tự động phanh xe trong trường hợp sắp xảy ra nguy cơ va chạm nếu người lái không phanh hoặc chuyển hướng kịp thời. Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố khởi động một quy trình phanh khẩn, dứt khoát, thường để dừng xe ngay sau xe phía trước. Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố được bật trong các tình huống mà người lái đã bắt đầu phanh trước, đó là lý do tại sao nó không thể giúp đỡ người lái trong mọi tình huống.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố được thiết kế để được bật muộn nhất có thể nhằm tránh sự can thiệp không cần thiết.

Người lái hoặc hành khách thường không biết đến Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố, nó chỉ can thiệp vào một tình huống mà va chạm sắp xảy ra.

⁷⁶ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

**CẢNH BÁO**

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Chức năng tự động phanh của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể ngăn chặn va chạm hoặc giảm tốc độ va chạm nhưng để đảm bảo đầy đủ hiệu quả của việc phanh, người lái cần luôn ấn chân phanh, kể cả khi xe tự động phanh.
- Hệ thống cảnh báo và hỗ trợ lái chỉ được bật nếu có nguy cơ va chạm cao, bạn tuyệt đối không được dời cảnh báo va chạm hoặc Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố can thiệp.
- Hệ thống can thiệp bằng cảnh báo và phanh cho người đi bộ và người đi xe đạp được tắt khi xe đạt tốc độ lớn hơn 80 km/giờ (50 dặm/giờ).
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không bật bất cứ chức năng phanh tự động nào trong trường hợp việc tăng tốc bị i.
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

- Người lái cần đọc tất cả các mục trong Sách Hướng dẫn Sử dụng liên quan đến chức năng này để hiểu về các yếu tố như hạn chế của Hệ thống Lái Bán Tự động và những điều người lái cần biết trước khi sử dụng hệ thống (xem danh sách thông tin liên quan ở cuối phần này).

Thông tin liên quan

- Thông số và chức năng phụ của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 355)
- Cài đặt khoảng cách cảnh báo cho Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 357)
- Phát hiện chương ngại vật bằng Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 360)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau (trang 360)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố khi ngăn chặn bề lái (trang 362)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh khi có các xe tiến đến gần (trang 363)
- Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 364)
- Thông báo cho Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 367)

Thông số và chức năng phụ của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ngăn chặn va chạm với xe khác, người đi xe đạp, người đi bộ hoặc các con vật lớn ở phía trước bằng cách giảm tốc độ xe bằng chức năng phanh tự động.

Nếu chênh lệch tốc độ lớn hơn các tốc độ được trình bày ở dưới, chức năng phanh tự động của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không thể ngăn chặn va chạm nhưng làm giảm hậu quả của va chạm.

Xe khác

Với xe khác phía trước, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giảm tốc độ xuống 60 km/giờ (37 dặm/giờ).

Người đi xe đạp

Với người đi xe đạp, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giảm tốc độ xuống 50 km/giờ (30 dặm/giờ).

Người đi bộ

Với người đi bộ, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giảm tốc độ xuống 45 km/giờ (28 dặm/giờ).

Các con vật lớn

Trong trường hợp có nguy cơ va chạm với các con vật lớn, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giảm tốc độ xuống 15 km/giờ (9 dặm/giờ).

Chức năng phanh cho các con vật lớn chủ yếu để giảm lực tác động ở tốc độ cao và có hiệu quả nhất ở tốc độ trên 70 km/giờ (43 dặm/giờ) nhưng ít hiệu quả ở tốc độ thấp.



Chức năng phụ của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố



Tổng quan về chức năng⁷⁷.

- 1 Tín hiệu cảnh báo bằng hình ảnh, âm thanh trong trường hợp có nguy cơ va chạm
- 2 Đo khoảng cách bằng thiết bị camera và radar

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố thực hiện ba bước theo thứ tự sau:

1. Cảnh báo va chạm
2. Hỗ trợ phanh
3. Phanh Tự động

Nội dung sau giải thích điều gì xảy ra trong ba bước:

1 - Cảnh báo va chạm

Người lái được cảnh báo trước về khả năng sắp xảy ra va chạm.

Ô xe được trang bị màn hình kính chắn gió*, cảnh báo được hiển thị trên kính chắn gió bằng biểu tượng nhấp nháy.



Biểu tượng cảnh báo va chạm trên màn hình kính chắn gió⁷⁸.

LƯU Ý

Ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, độ tương phản ánh sáng lớn, sử dụng kính râm hoặc nếu người lái không nhìn thẳng phía trước có thể khiến việc nhận biết tín hiệu cảnh báo trực quan trên kính chắn gió trở nên khó khăn.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể phát hiện người đi bộ, người đi xe đạp hoặc xe khác dừng yên hoặc đang di chuyển ở cùng chiều với xe và đang ở phía trước. Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố cũng có thể phát hiện người đi bộ, người đi xe đạp hoặc các con vật lớn cắt ngang đường phía trước xe.

Trong trường hợp có nguy cơ va chạm với người đi bộ, các con vật lớn, người đi xe đạp hoặc xe khác (bao gồm xe được mô tả trong mục "Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau"), người lái được cảnh báo bằng hình ảnh, âm thanh và giật phanh. Không có cảnh báo giật phanh ở tốc độ thấp, người lái phanh gấp hoặc đột ngột tăng tốc. Tần suất giật phanh thay đổi theo tốc độ của xe.

2 - Hỗ trợ phanh

Nếu nguy cơ va chạm tiếp tục tăng sau khi cảnh báo va chạm, hệ thống hỗ trợ phanh sẽ được bật.

Hệ thống hỗ trợ phanh tăng hiệu quả phanh của người lái nếu hệ thống cho rằng phanh không đủ để tránh va chạm.

⁷⁷ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

⁷⁸ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

3 - Phanh Tự động

Chức năng phanh tự động được bật cuối cùng.

Nếu trong tình huống này, người lái chưa bắt đầu bẻ lái và sắp có khả năng xảy ra va chạm, chức năng phanh tự động sẽ được bật, điều này được thực hiện bất kể người lái có phanh hay không. Quá trình phanh sẽ được thực hiện với toàn bộ lực phanh để giảm tốc độ và chạm hoặc với lực phanh hạn chế nếu nó đủ để tránh va chạm.

Liên quan đến phanh tự động, bộ căng dây đai an toàn cũng có thể được bật. Để biết thêm thông tin xem mục "Bộ căng dây đai an toàn".

Trong một số tình huống, hành động phanh tự động có thể bắt đầu bằng cách phanh nhẹ và sau đó, tiếp tục phanh hết cỡ.

Khi Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố đã ngăn chặn va chạm với một vật đứng yên, xe sẽ vẫn đứng yên nếu người lái dự kiến vật đó sẽ di chuyển. Nếu xe được phanh để tránh va chạm với một xe đi chậm hơn ở phía trước, tốc độ xe sẽ được giảm để phù hợp với tốc độ của xe phía trước.

LƯU Ý

Trên xe có hộp số sàn, động cơ dừng khi chức năng phanh tự động đã dừng xe, trừ khi người lái đã ấn chân côn trước.

Người lái luôn có thể làm gián đoạn quá trình phanh bằng cách ấn mạnh chân ga.

LƯU Ý

Khi Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh, đèn phanh sẽ sáng.

Khi Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố đã được bật và phanh xe, màn hình người lái sẽ hiển thị thông báo bằng văn bản về việc chức năng đang/đã được bật.



CẢNH BÁO

Người lái không được sử dụng Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố để thay đổi kiểu lái của mình, người lái không được chỉ dựa vào Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố và để chức năng đó thực hiện phanh.

Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)

Cài đặt khoảng cách cảnh báo cho Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố luôn được bật nhưng người lái có thể lựa chọn khoảng cách cảnh báo cho chức năng này.

LƯU Ý

Không thể tắt Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố. Nó được bật tự động khi khởi động động cơ/hệ thống điện và vẫn được bật cho đến khi tắt động cơ/hệ thống điện.

Cảnh báo khoảng cách xác định độ nhạy của hệ thống và điều chỉnh khoảng cách mà cảnh báo bằng hình ảnh, âm thanh và giạt phanh cần được thực hiện.

Để lựa chọn khoảng cách cảnh báo:

1. Lựa chọn **Settings (Cài đặt)** → **My Car (Xe của Tôi)** → **IntelliSafe** ở phần trên của màn hình trung tâm.
2. Dưới **City Safety Warning (Cảnh báo Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố)**, lựa chọn **Late (Chậm)**, **Normal (Bình thường)** hoặc **Early (Sớm)** để cài đặt khoảng cách cảnh báo mong muốn.

Nếu cài đặt **Early (Sớm)** có quá nhiều cảnh báo, có thể coi là gây phiền phức trong một số tình huống, có thể lựa chọn khoảng cách cảnh báo **Normal (Bình thường)** hoặc **Late (Chậm)**.



Khi cảnh báo được coi là quá thường xuyên hoặc gây phiền phức, khoảng cách cảnh báo có thể được giảm, làm giảm tổng số cảnh báo và dẫn đến việc Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố sẽ đưa ra cảnh báo sau đó.

Cảnh báo khoảng cách **Late (Chậm)** chỉ được sử dụng trong các trường hợp ngoại lệ như trong quá trình lái chủ động.



CẢNH BÁO

- Không hệ thống tự động nào có thể đảm bảo 100% hoạt động chính xác trong tất cả các tình huống khác, vì lý do đó, tuyệt đối không kiểm tra Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố bằng cách áp dụng với người, động vật hoặc xe khác, điều này có thể gây thiệt hại, thương tích nghiêm trọng và thiệt mạng.
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố cảnh báo người lái khi có nguy cơ va chạm nhưng nó không thể rút ngắn thời gian phản ứng của người lái.
- Kể cả khi khoảng cách cảnh báo đã được cài đặt là cảnh báo **Early (Sớm)**, nó cũng có thể được coi là chậm trong một số tình huống, ví dụ, khi có sự chênh lệch lớn về tốc độ hoặc nếu xe phía trước phanh gấp hết cỡ.
- Khi khoảng cách cảnh báo được cài đặt là **Early (Sớm)**, cảnh báo sẽ xuất hiện trước. Điều này có thể có nghĩa là cảnh báo xuất hiện thường xuyên hơn so với khoảng cách cảnh báo **Normal (Bình thường)** nhưng khoảng cách cảnh báo **Early (Sớm)** được khuyến cáo sử dụng do làm Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố hiệu quả hơn.

LƯU Ý

Cảnh báo bằng xi nhan để Cảnh báo Va chạm Phía sau được tắt nếu khoảng cách cảnh báo để cảnh báo va chạm trong Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố được cài đặt ở mức thấp nhất là **"Late" (Chậm)**.

Tuy nhiên, chức năng căng trước dây đai an toàn và phanh vẫn hoạt động.

Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)

Phát hiện chương ngại vật bằng Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố

Các chương ngại vật mà Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể phát hiện là phương tiện, người đi xe đạp, các con vật lớn và người đi bộ.

Phương tiện

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phát hiện hầu hết các phương tiện đứng yên hoặc đang di chuyển cùng chiều với xe của bạn cũng như các phương tiện được mô tả trong mục "Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở các đoạn đường giao cắt" và "Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh khi có các xe tiến đến gần".

Để Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể phát hiện một phương tiện trong bóng tối, đèn phía trước và phía sau của xe phải đang hoạt động và chiếu sáng rõ.

Người đi xe đạp



Ví dụ về điều kiện tốt nhất để Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phát hiện người đi xe đạp là có đường nét thân người và xe đạp rõ ràng.

Để có hiệu năng tối ưu, chức năng của hệ thống phát hiện người đi xe đạp phải nhận được thông tin rõ ràng nhất có thể về thân và đường nét xe đạp, cần khả năng phát hiện xe đạp, đầu, cánh tay, vai, chân, thân trên và dưới cộng đường nét của người đi chuyển thông thường.

Nếu camera của chức năng này không thể phát hiện các bộ phận lớn của thân người đi xe đạp hoặc xe đạp, hệ thống không thể phát hiện người đi xe đạp.

Để chức năng có thể phát hiện người đi xe đạp, người đó phải là người lớn và đang đi xe đạp dành cho người lớn.

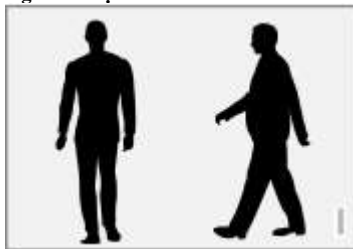
CẢNH BÁO

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố là chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhưng nó không thể phát hiện tất cả người đi xe đạp trong tất cả các tình huống và không thể nhìn thấy, ví dụ:

- người đi xe đạp bị che khuất một phần.
- người đi xe đạp nếu người đi xe đạp có độ tương phản nền phía sau kém, cảnh báo và sự can thiệp của hệ thống phanh có thể chậm hoặc không xuất hiện.
- người đi xe đạp mặc quần áo che khuất đường nét cơ thể.
- xe đạp chở đồ vật lớn.

Người lái luôn có trách nhiệm lái xe đúng với khoảng cách an toàn phù hợp với tốc độ.

Người đi bộ



Ví dụ về điều kiện tốt nhất để hệ thống phát hiện người đi bộ là có đường nét rõ ràng.

Để có hiệu năng tối ưu, chức năng của hệ thống phát hiện người đi bộ phải nhận được thông tin rõ ràng nhất có thể về thân người, cần khả năng phát hiện, đầu, cánh tay, vai, chân, thân trên và dưới cộng mẫu người đi chuyển bình thường.

Để có khả năng phát hiện người đi bộ, phải có độ tương phản nền phía sau và điều này sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như quần áo, nền phía sau và thời tiết. Với độ tương phản kém, người đi bộ có thể được phát hiện chậm hoặc không được phát hiện, điều này có thể có nghĩa là quá trình cảnh báo và phanh sẽ chậm hoặc bị bỏ sót.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố cũng có thể phát hiện người đi bộ trong bóng tối nếu đèn pha của xe chiếu vào họ.

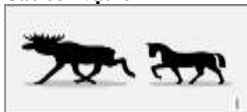
CẢNH BÁO

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố là chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhưng nó không thể phát hiện tất cả người đi bộ trong tất cả các tình huống và không thể nhìn thấy, ví dụ:

- người đi bộ bị che khuất một phần, người mặc quần áo che khuất đường nét cơ thể hoặc người đi bộ thấp hơn 80 cm (32 in.).
 - người đi bộ nếu người đi bộ có độ tương phản nền phía sau kém, cảnh báo và sự can thiệp của hệ thống phanh có thể chậm hoặc không xuất hiện.
 - người đi bộ đồ vật lớn.
- Người lái luôn có trách nhiệm lái xe đúng với khoảng cách an toàn phù hợp với tốc độ.



Các con vật lớn



Ví dụ về điều kiện tốt nhất để Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phát hiện các con vật lớn là đứng yên hoặc đi chậm và có đường nét cơ thể rõ ràng.

Để có hiệu năng tối ưu, chức năng của hệ thống phát hiện các con vật lớn (ví dụ, nai sừng tấm và ngựa) phải nhận được thông tin rõ ràng nhất có thể về đường nét cơ thể, cần khả năng phát hiện động vật trực tiếp từ hai bên kết hợp với đường nét của động vật di chuyển thông thường.

Nếu camera của chức năng này không thể phát hiện các bộ phận của cơ thể động vật, hệ thống không thể phát hiện động vật.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố cũng có thể phát hiện các con vật lớn bóng tối nếu đèn pha của xe chiếu vào chúng.



CẢNH BÁO

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố là chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhưng nó không thể phát hiện tất cả các con vật lớn trong tất cả các tình huống và không thể nhìn thấy, ví dụ:

- các con vật lớn bị che khuất một phần.
- các con vật lớn nhìn từ phía trước và từ phía sau.
- các con vật lớn chạy hoặc di chuyển nhanh
- các con vật lớn nếu các con vật lớn có độ tương phản nền phía sau kém, cảnh báo và sự can thiệp của hệ thống phanh có thể chậm hoặc không xuất hiện.
- các con vật nhỏ, ví dụ, chó và mèo.

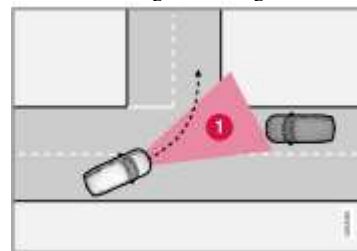
Người lái luôn có trách nhiệm lái xe đúng với khoảng cách an toàn phù hợp với tốc độ.

Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau (trang 361)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh khi có các xe tiến đến gần (trang 363)

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giúp người lái khi rẽ và vượt qua đường có một xe khác đang đi đến ở ngã tư.



① Vùng mà Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể phát hiện xe sắp rẽ đang đi đến. Để Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phát hiện một xe đang đi đến mà có nguy cơ va chạm, xe đang đi đến trước tiên phải nằm trong vùng mà Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể phân tích tình huống.

Cũng phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- xe của bạn phải đang đi ở tốc độ không nhỏ hơn 4 km/giờ (3 dặm/giờ)
- xe của bạn phải rẽ sang bên trái ở những thị trường đi xe bên tay phải (hoặc rẽ sang bên phải ở những thị trường đi xe bên tay trái)
- xe đang đi đến phải bật đèn pha.

CẢNH BÁO

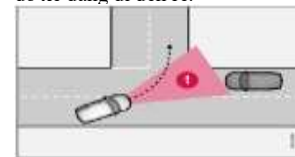
- "Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau" là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Cảnh báo và sự can thiệp của hệ thống phanh do nguy cơ va chạm với xe đang đi đến thường rất chậm.
- Tuyệt đối không đợi cảnh báo va chạm hoặc đợi Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố can thiệp
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)

Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau

Trong một số trường hợp, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể khó giúp đỡ người lái xử lý nguy cơ va chạm do xe đang đi đến rẽ.



Ví dụ là:

- chức năng ESC kiểm soát cân bằng can thiệp trong trường hợp lái trong điều kiện trơn trượt.
- nếu phát hiện xe đang đến quá muộn.
- nếu xe đang đến bị che khuất bởi một số vật
- nếu xe đang đến tắt đèn pha
- nếu xe đang đến lái theo hướng không thể dự đoán, ví dụ, đột ngột chuyển làn sau đó.



❶ LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

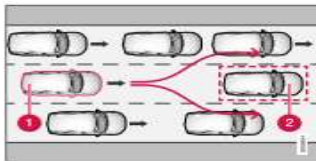
Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 364)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở đoạn đường giao nhau (trang 360)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố khi ngăn chặn bê lái

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có khả năng hỗ trợ người lái bằng cách tự động phanh xe sớm khi không thể tránh và chạm chỉ bằng cách đánh lái ra ngoài.

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố hỗ trợ người lái bằng cách liên tục thử dự tính xem có "tuyến đường thoát hiểm" nào hai bên không trong trường hợp phát hiện một xe phía trước đi chậm hoặc đứng yên sau đó.



Xe của bạn (1) "nhìn thấy" không có lựa chọn để vượt qua xe phía trước (2) và có thể tự động phanh sớm.

- ❶ Xe của bạn
- ❷ Xe đi chậm/đứng yên

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không can thiệp bằng chức năng phanh tự động miễn là người lái tự có cơ hội tránh và chạm thông qua việc đánh lái tránh chướng ngại vật.

Tuy nhiên, nếu Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố dự tính rằng không thể bê lái do các xe ở lân xung quanh, chức năng này có thể hỗ trợ người lái bằng cách tự động bắt đầu phanh sớm.

**CẢNH BÁO**

- Khả năng dự đoán một tình huống bổ sung của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố khi ngăn chặn bề lái

① LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

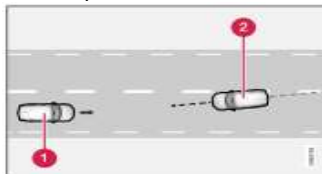
Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh khi có các xe tiến đến gần

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể hỗ trợ người lái sử dụng phanh khẩn cấp khi có xe tiến đến gần ở làn xe của bạn đang đi.

Nếu xe tiến đến gần đi vào làn xe của bạn đang đi và không thể tránh khỏi va chạm, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể giảm tốc độ của xe để giảm độ mạnh của va chạm.



- ① Xe của bạn
- ② Xe tiến đến gần

Để chức năng này hoạt động, phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- xe của bạn phải đang đi ở tốc độ lớn hơn 4 km/giờ (3 dặm/giờ)
- đoạn đường phải thẳng
- làn xe của bạn đang đi phải có vạch kẻ làn đường rõ ràng
- xe của bạn phải đi thẳng trong làn đường của mình
- xe tiến đến gần phải nằm trong vạch kẻ làn đường xe của bạn đang đi
- xe tiến đến gần phải bật đèn pha
- chức năng này chỉ có thể xử lý va chạm "trực tiếp phía trước"
- chức năng này chỉ có thể phát hiện xe có bốn bánh
- chức năng này yêu cầu sử dụng **Bộ căng trước dây đai an toàn điện** (xem mục "Bộ căng trước dây đai an toàn")

① LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".





CẢNH BÁO

- "Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh khi có các xe tiến đến gần" là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Cảnh báo và sự can thiệp của hệ thống phanh do nguy cơ va chạm với xe đang đi đến thường rất chậm.
- Tuyệt đối không đợi cảnh báo và chạm hoặc đợi Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố can thiệp mà phải phanh hết cỡ khi phát hiện nguy hiểm
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (trang 364)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)
- Bộ căng dây đai an toàn (trang 48)

Hạn chế của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể có một số hạn chế trong một số tình huống.

Môi trường xung quanh

Vật thể thấp

Các vật thể được treo thấp, ví dụ, cờ/cờ hiệu để nâng tải trọng hoặc phụ kiện như đèn phụ trợ và thanh cản cao hơn ca pô làm hạn chế chức năng này.

Trượt

Trên mặt đường trơn trượt, khoảng cách phanh được kéo dài, có thể làm giảm khả năng của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố trong việc tránh va chạm. Trong tình huống đó, hệ thống chống bó cứng phanh và ESC⁷⁹ kiểm soát cân bằng sẽ có thể có lực phanh mạnh nhất mà vẫn duy trì sự cân bằng.

Đèn chiếu vào xe

Tín hiệu cảnh báo bằng hình ảnh có thể khó phát hiện trong trường hợp ánh nắng mạnh, ánh sáng phản chiếu, đeo kính râm hoặc nếu người lái không nhìn về phía trước.

Nhiệt

Trong trường hợp nhiệt độ khoảng hành khách tăng cao do, ví dụ, ánh nắng mạnh, tín hiệu cảnh báo bằng hình ảnh trên kính chắn gió có thể bị tắt tạm thời.

Tầm nhìn của thiết bị camera và radar

Camera có tầm nhìn hạn chế, đó là lý do tại sao không thể phát hiện hoặc chậm phát hiện người đi bộ, các con vật lớn, người đi xe đạp và phương tiện trong một số tình huống so với dự kiến.

Có thể phát hiện xe bị bẩn muộn hơn các xe khác và nếu trời tối, có thể chậm phát hiện hoặc không thể phát hiện xe máy.

Nếu có thông báo bằng văn bản trên màn hình người lái về việc thiết bị camera và radar bị che khuất, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không thể phát hiện người đi bộ, các con vật lớn, người đi xe đạp và phương tiện hoặc vạch kẻ đường phía trước xe. Điều này có nghĩa là Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố có thể hoạt động kém hiệu quả.

Tuy nhiên, thông báo lỗi không được hiển thị trong tất cả các tình huống mà cảm biến kính chắn gió bị che khuất. Vì lý do đó, người phải phải cẩn thận để giữ vệ sinh khu vực kính chắn gió phía trước thiết bị camera và radar.

QUAN TRỌNG

Chỉ gara được bảo dưỡng và thay thế bộ phận của Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

⁷⁹ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

Lùi

Khi xe của bạn đang lùi, Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố tạm thời bị tắt.

Tốc độ thấp

Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không được bật ở tốc độ rất thấp, dưới 4 km/giờ (3 dặm/giờ) và vì lý do đó, hệ thống không can thiệp vào các tình huống mà xe của bạn đang đi theo một xe phía trước đang đi rất chậm, ví dụ, khi đỗ xe.

Ưu tiên người lái

Lệnh của người lái luôn được ưu tiên, đó là lý do tại sao Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không can thiệp hoặc tri hoãn cảnh báo/can thiệp trong các tình huống mà người lái đang lái và tăng tốc dứt khoát, kể cả khi không thể tránh khỏi va chạm.

Hành vi lái chủ động và tinh táo có thể làm chậm cảnh báo va chạm và can thiệp để giảm thiểu tối đa cảnh báo không cần thiết.

Thông tin khác**CẢNH BÁO**

- Có thể chậm hoặc không thực hiện cảnh báo và can thiệp phanh nếu tình hình giao thông hoặc ảnh hưởng từ bên ngoài làm cho thiết bị camera và radar không thể phát hiện chính xác người đi bộ, người đi bộ, người đi xe đạp, các con vật lớn hoặc phương tiện.
- Để xe được phát hiện vào buổi tối, cụm đèn pha và đèn sau của xe phải được bật sáng.
- Thiết bị camera và radar có phạm vi phát hiện hạn chế người đi bộ và người đi xe đạp. Hệ thống có thể cảnh báo và can thiệp phanh hiệu quả miễn là tốc độ liên quan dưới 50 km/giờ (30 dặm/giờ). Với phương tiện đứng yên hoặc đi chậm, cảnh báo và can thiệp phanh có hiệu quả khi xe đạt tốc độ lên đến 70 km/giờ (43 dặm/giờ). Việc giảm tốc độ đối với các con vật lớn là nhỏ hơn 15 km/giờ (9 dặm/giờ) và có thể đạt được ở xe đạt tốc độ hơn 70 km/giờ (43 dặm/giờ). Cảnh báo và can thiệp phanh cho các con vật lớn ít hiệu quả hơn ở tốc độ thấp.

- Cảnh báo cho xe đứng yên hoặc đi chậm và các con vật lớn có thể bị tắt do trời tối hoặc tầm nhìn kém
- Cảnh báo và can thiệp phanh cho người đi bộ và người đi xe đạp được tắt ở xe đạt tốc độ lớn hơn 80 km/giờ (50 dặm/giờ).
- Không đặt, dán hoặc gắn bất cứ thứ gì ở bên ngoài hoặc bên trong kính chắn gió phía trước và xung quanh thiết bị camera và radar, điều này có thể can thiệp đến các chức năng phụ thuộc vào camera và radar.
- Vật cản, tuyết, băng hoặc bụi bẩn trong khu vực cảm biến camera có thể làm Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố hoạt động kém hiệu quả, hoàn toàn không hoạt động hoặc có phản ứng không chính xác.

① LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

Hạn chế của Thị trường

Chức năng Lái Xe An toàn trong Thành phố không có ở tất cả các quốc gia. Nếu Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố không xuất hiện trong menu **Settings (Cài đặt)**, xe không được trang bị chức năng này. Đường dẫn tìm kiếm ở phần trên của màn hình trung tâm.

- **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe**





Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Thông báo cho Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố

Nhiều thông báo liên quan đến Chức năng Lái xe An toàn trong

Thành phố có thể được hiển thị trong màn hình người lái.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Thông báo	Ý nghĩa
Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố Tự động can thiệp	Khi Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố phanh hoặc đã thực hiện phanh tự động, một số biểu tượng của màn hình người lái có thể sáng lên liên quan đến thông báo bằng văn bản đang được hiển thị.
Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố Giảm hiệu năng, cần bảo trì	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút

 ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được

Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)

Cảnh báo Va chạm Phía sau

Chức năng Cảnh báo Va chạm Phía sau (RCW) có thể giúp người lái tránh bị một xe đi từ phía sau đâm phải.

RCW được bật tự động mỗi lần động cơ được khởi động.

RCW có thể cảnh báo người lái về một xe đang đi từ phía sau mà sắp va chạm với xe bằng cách nhấp nháy nhanh xi nhan.

Nếu ở tốc độ dưới 30 km/giờ (20 dặm/giờ), chức năng RCW sẽ phát hiện việc xe đang có nguy cơ bị đâm từ phía sau, bộ căng dây đai an toàn có thể kéo căng dây đai an toàn phía trước và bật hệ thống an toàn của Hệ thống Bảo vệ Cổ.

Ngay trước khi va chạm từ phía sau, RCW cũng có thể bật phanh chân để giảm thiểu việc xe tăng tốc lên phía trước trong va chạm. Tuy nhiên, phanh chân chỉ được bật nếu xe đứng yên. Phanh chân nhả ngay lập tức nếu ấn chân ga.

Thông tin liên quan

- Hạn chế của Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)
- Hệ thống Bảo vệ Cổ (trang 45)

Hạn chế của Cảnh báo Va chạm Phía sau

Trong một số trường hợp, RCW có thể khó giúp đỡ người lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm.

Điều này có thể xảy ra, nếu, ví dụ:

- xe đi từ phía sau được phát hiện quá muộn
- xe đi từ phía sau chuyển làn ngay lập tức
- xe đi từ phía sau có tốc độ lớn hơn 80 km/giờ (50 dặm/giờ)
- toa móoc, giá chở xe đạp hoặc thiết bị tương tự được nối với hệ thống điện của xe, chức năng RCW sau đó được tắt tự động.

ⓘ LƯU Ý

Trong một số thị trường, RCW không có cảnh báo bằng xi nhan do quy định giao thông trong nước, trong trường hợp đó, phần chức năng này được tắt.

ⓘ LƯU Ý

Cảnh báo bằng xi nhan để Cảnh báo Va chạm Phía sau được tắt nếu khoảng cách cảnh báo để cảnh báo va chạm trong Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố được cài đặt ở mức thấp nhất là **"Late" (Chậm)**.

Tuy nhiên, chức năng căng trước dây đai an toàn và phanh vẫn hoạt động.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)

BLIS*

Chức năng BLIS⁸⁰ nhằm giúp người lái phát hiện xe đi chéo phía sau và hai bên xe để hỗ trợ khi đi trên đường có mật độ giao thông cao và nhiều làn đường cùng hướng.

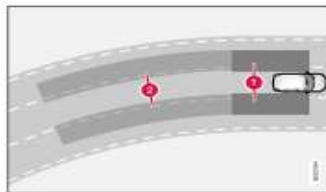
BLIS là một hệ thống hỗ trợ người lái để cảnh báo:

- các xe ở điểm mù của xe
- các xe đang nhanh chóng tiến đến gần ở làn đường bên trái và bên phải gần nhất với xe.



Vị trí của đèn BLIS⁸¹

- 1 Đèn báo
- 2 Chức năng này được bật/tắt bằng nút BLIS ở phần chức năng của màn hình trung tâm.



Nguyên tắc của BLIS

- 1 Vùng trong điểm mù
- 2 Vùng của xe đang nhanh chóng tiến đến gần.

Chức năng BLIS hoạt động ở tốc độ lớn hơn 10 km/giờ (6 dặm/giờ)

Hệ thống được thiết kế để phản ứng khi:

- xe của bạn bị xe khác vượt
- một xe khác đang nhanh chóng tiến đến xe của bạn.

Khi BLIS phát hiện một xe trong Vùng 1 hoặc một xe đang nhanh chóng tiến đến gần trong Vùng 2, đèn báo trên gương cửa ở phía bị ảnh hưởng sẽ sáng liên tục. Nếu người lái bật xi nhan ở cùng phía với cảnh báo, đèn báo sẽ thay đổi từ sáng liên tục thành nhấp nháy với ánh sáng mạnh hơn.

LƯU Ý

Đèn sáng ở phía của xe nếu hệ thống đã phát hiện xe. Nếu xe bị vượt đồng thời ở hai bên, hai đèn sẽ sáng.

**CẢNH BÁO**

- Chức năng BLIS là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Người lái có trách nhiệm chuyển làn một cách an toàn và luôn có phán đoán tốt.
- BLIS không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

»

⁸⁰ Hệ thống Thông tin Cảnh báo Điểm mù

⁸¹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Thông tin liên quan

- Bật/tắt BLIS (trang 370)
- Hạn chế của BLIS (trang 371)
- Khuyến cáo bảo dưỡng cho BLIS (trang 371)
- Thông báo cho BLIS (trang 373)

Bật/tắt BLIS

Chức năng BLIS⁸² có thể được bật/tắt.



Vị trí của đèn BLIS⁸³

- 1 Đèn báo
- 2 Chức năng được bật/tắt bằng nút BLIS ở phần chức năng của màn hình trung tâm.
 - Ấn nhẹ nút BLIS ở phần chức năng.
 - > BLIS được bật/tắt, đèn báo xanh lá cây/xám được hiển thị trong nút.

Nếu BLIS được bật khi khởi động động cơ, chức năng này được xác nhận khi đèn báo gương cửa nhấp nháy một lần.

Nếu BLIS bị tắt khi động cơ bị tắt, nó sẽ tiếp tục bị tắt khi động cơ được khởi động lần tới và sẽ không có đèn báo nào sáng.

Thông tin liên quan

- BLIS* (trang 369)

⁸² Thông tin Cảnh báo Điểm mù

⁸³ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Hạn chế của BLIS

Chức năng BLIS⁸⁴ có thể có hạn chế trong một số tình huống.



Giữ vệ sinh bề mặt được đánh dấu ở phía tay trái và tay phải của xe⁸⁵.

Ví dụ về hạn chế:

- Bụi bẩn, băng và tuyết che phủ cảm biến có thể làm các chức năng hoạt động kém hiệu quả và tắt cảnh báo.
- Chức năng BLIS bị tắt tự động nếu toa móc, giá chở xe đạp hoặc thiết bị tương tự được nối với hệ thống điện của xe.
- Để tối ưu hóa hiệu năng của BLIS, không được gắn giá chở xe đạp, giá để hành lý hoặc thiết bị tương tự vào thanh kéo của xe.

**CẢNH BÁO**

- BLIS không hoạt động trên đoạn đường quanh co.
- BLIS không hoạt động khi xe đang lùi.

Thông tin liên quan

- BLIS* (trang 369)

Khuyến cáo bảo dưỡng cho BLIS

- Để đảm bảo hiệu năng tối ưu, phải giữ vệ sinh bề mặt phía trước của cảm biến.
- Không gắn bất cứ đồ vật, băng dính hoặc nhãn nào trong khu vực của cảm biến.



Giữ vệ sinh bề mặt được đánh dấu ở phía tay trái và tay phải của xe⁸⁶.

Cảm biến cho BLIS được đặt bên trong từng góc của cánh gió/thanh cản sau. Cảm biến cũng được chức năng Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (CTA) và Cảnh báo Va chạm Phía sau sử dụng.

⁸⁴ Thông tin Cảnh báo Điểm mù

⁸⁵ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu xe.

⁸⁶ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu xe.



❶ QUAN TRỌNG

Chỉ gara được sửa chữa các bộ phận của chức năng BLIS và CTA hoặc sửa chữa thanh cản, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- BLIS* (trang 369)
- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)
- Bật/tắt Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 375)
- Hạn chế của Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 375)
- Khuyến cáo bảo dưỡng cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 376)
- Thông báo cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 377)
- Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)

Thông báo cho BLIS

Nhiều thông báo liên quan đến BLIS⁸⁷ có thể được hiển thị trong màn hình người lái.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Thông báo	Ý nghĩa
Cảm biến cảnh báo điểm mù Cần bảo trì	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.
Hệ thống cảnh báo điểm mù tắt Đã gắn toa móc	BLIS và CTA đã bị tắt do toa móc đã được gắn vào hệ thống điện của xe.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút

 ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

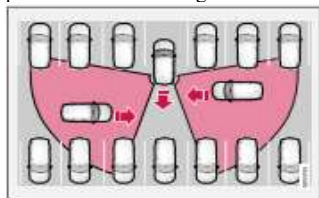
Thông tin liên quan

- BLIS* (trang 369)

⁸⁷ Thông tin Cảnh báo Điểm mù

Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang*

CTA⁸⁸ là một hệ thống hỗ trợ người lái, bổ sung cho BLIS⁸⁹ và được thiết kế để giúp người lái phát hiện phương tiện cắt ngang phía sau xe khi xe đang lùi.



Nguyên tắc của CTA.

CTA bổ sung cho BLIS bằng cách phát hiện phương tiện cắt ngang trong quá trình lùi như khi lùi ra vị trí đỗ xe.

CTA chủ yếu được thiết kế để phát hiện phương tiện. Trong điều kiện thuận lợi, nó cũng có khả năng phát hiện các đối tượng nhỏ như người đi xe đạp và người đi bộ.

CTA chỉ hoạt động nếu xe đi về phía sau hoặc nếu đã chọn số lùi.

Nếu CTA phát hiện có gì đó đang tiến đến từ hai bên, nó sẽ cảnh báo bằng:

- một tín hiệu âm thanh phát ra ở loa bên tay trái hoặc tay phải theo hướng đi của đối tượng.
- một biểu tượng sáng trong đồ họa PAS⁹⁰ trên màn hình.
- một biểu tượng ở phần trên của camera Hỗ trợ lùi.



Biểu tượng sáng cho CTA trong đồ họa PAS trên màn hình⁹¹



CẢNH BÁO

- Chức năng Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Người lái có trách nhiệm chuyển làn một cách an toàn và luôn có phán đoán tốt.
- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Bật/tắt Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 375)
- Hạn chế của Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 375)
- Khuyến cáo bảo dưỡng cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 376)
- Thông báo cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 377)

⁸⁸ Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

⁸⁹ Thông tin Cảnh báo Điểm mù

⁹⁰ Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe: Hệ thống hỗ trợ đỗ xe có cảm biến lùi

⁹¹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Bật/tắt Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

Người lái có thể lựa chọn chức năng CTA⁹² như sau:



Ấn nút **Cross Traffic Alert** (**Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang**) ở phần chức năng của màn hình trung tâm.

- Nút MÀU XÁM, CTA bị tắt.
- Nút MÀU XANH LÁ CÂY, CTA được bật. CTA được bật tự động mỗi lần khởi động động cơ.

Thông tin liên quan

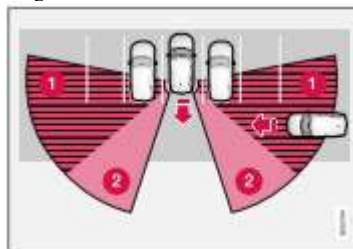
- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)

Hạn chế của Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

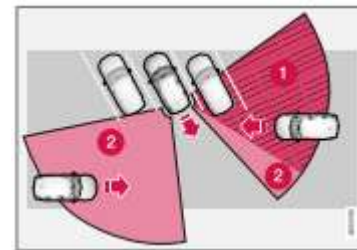
Chức năng CTA⁹³ có thể có hạn chế trong một số tình huống.

CTA không hoạt động tối ưu trong tất cả các tình huống mà có một số hạn chế, ví dụ, cảm biến CTA không thể "nhìn" xuyên qua các xe đã đỗ khác hoặc chướng ngại vật cản đường.

Dưới đây là một số ví dụ về tình huống mà "tầm nhìn" của CTA có thể bị giới hạn và xe tiến đến gần không thể được phát hiện cho đến khi chúng rất gần:



Xe được đỗ sâu bên trong vị trí đỗ xe.



Trong vị trí đỗ xe chéo, CTA có thể hoàn toàn bị "mù" một bên.

❶ Vùng CTA bị mù.

❷ Vùng mà CTA có thể phát hiện/"nhìn".

Tuy nhiên, khi xe của bạn lùi chậm, góc mà xe của bạn tạo thành với xe/vật cản trở thay đổi và vùng bị mù nhanh chóng giảm.



⁹² Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

⁹³ Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

Ví dụ về các hạn chế khác

- Bụi bẩn, băng và tuyết che phủ cảm biến có thể làm các chức năng hoạt động kém hiệu quả và tắt cảnh báo. Xem thêm thông tin trong mục "Khuyến cáo bảo dưỡng cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang".
- CTA bị tắt tự động nếu toa móc, giá đỡ xe đạp hoặc thiết bị tương tự được nối với hệ thống điện của xe.
- Để tối ưu hóa hiệu năng của CTA, không được gắn giá đỡ xe đạp, giá để hành lý hoặc thiết bị tương tự vào thanh kéo của xe.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)
- Khuyến cáo bảo dưỡng cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang (trang 376)

Khuyến cáo bảo dưỡng cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

- Để đảm bảo hiệu năng tối ưu, phải giữ vệ sinh bề mặt phía trước của cảm biến.
- Không gắn bất cứ đồ vật, băng dính hoặc nhãn nào trong khu vực của cảm biến.



Giữ vệ sinh bề mặt được đánh dấu ở phía tay trái và tay phải của xe⁹⁴.

Cảm biến cho CTA được đặt bên trong từng góc của cánh gió/thanh cản sau. Cảm biến cũng được chức năng BLIS⁹⁵ và Cảnh báo Va chạm Phía sau sử dụng.

❗ QUAN TRỌNG

Chỉ gara được sửa chữa các bộ phận của chức năng BLIS và CTA hoặc sửa chữa thanh cản, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)
- BLIS* (trang 369)
- Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)

⁹⁴ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể khác nhau tùy thuộc vào mẫu xe.

⁹⁵ Thông tin Cảnh báo Điểm mù

Thông báo cho Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

Nhiều thông báo liên quan đến CTA⁹⁶ có thể được hiển thị trong màn hình người lái.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Thông báo	Ý nghĩa
Cảm biến cảnh báo điểm mù Cần bảo trì	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.
Hệ thống cảnh báo điểm mù tắt Đã gắn toa móc	BLIS và CTA đã bị tắt do toa móc đã được gắn vào hệ thống điện của xe.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút

 ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)

⁹⁶ Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang

Thông tin Biển báo Giao thông*

Chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI⁹⁷) có thể giúp người lái tuân thủ biển báo giao thông liên quan đến tốc độ và một số biển báo cấm.



Ví dụ về các biển báo có thể đọc được⁹⁸.

RSI có thể cung cấp thông tin về những thứ như tốc độ hiện tại, khi nào bắt đầu/kết thúc đường xe chạy hoặc đoạn đường, khi nào cấm vượt hoặc khi nào đường đi là một chiều.



Ví dụ⁹⁸ về thông tin tốc độ đã phát hiện. Nếu xe đi qua một biển báo giới hạn tốc độ, biển báo sẽ được hiển thị trên màn hình người lái và màn hình kính chắn gió*.

ⓘ LƯU Ý

Trong một số thị trường, chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI) chỉ có khi kết hợp với Dẫn đường Sensus*.



CẢNH BÁO

- Chức năng Thông tin Biển báo Giao thông là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Thông tin Biển báo Giao thông không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Bật/tắt Thông tin Biển báo Giao thông (trang 379)
- Màn hình Thông tin Biển báo Giao thông và biển báo (trang 380)
- Thông tin Biển báo Giao thông và Dẫn đường Sensus (trang 382)
- Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ (trang 382)
- Bật/tắt Cảnh báo tốc độ trong Thông tin Biển báo Giao thông (trang 383)

⁹⁷ Thông tin Biển báo Giao thông

⁹⁸ Biển báo giao thông tùy thuộc vào thị trường, hình ảnh minh họa trong các hướng dẫn này chỉ thể hiện một ít ví dụ.

- Thông tin Biển báo Giao thông có Thông tin Camera Tốc độ (trang 384)
- Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông (trang 385)

Bật/tắt Thông tin Biển báo Giao thông

Có thể lựa chọn chức năng Thông tin Biển báo Giao thông, người lái có thể lựa chọn **Bật** hoặc **Tắt**.



Ấn nút **Road Sign Information (Thông tin Biển báo Giao thông)** trong phần chức năng của màn hình trung tâm.

- Nút MÀU XÁM, RSI bị tắt.
- Nút MÀU XANH LÁ CÂY, RSI được bật.

LƯU Ý

- Nếu chức năng của Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động được bật, thông tin biển báo giao thông được hiển thị trong màn hình người lái kể cả khi RSI⁹⁹ không được bật.
- Để xóa thông tin biển báo giao thông khỏi màn hình người lái, bạn phải tắt tất cả hai Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động và RSI.
- Khi chức năng của Hệ thống Giới hạn Tốc độ Tự động được bật nhưng RSI bị tắt, không có cảnh báo từ RSI. RSI cũng phải được bật để nhận cảnh báo.

Thông tin liên quan

- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)

⁹⁹ Thông tin Biển báo Giao thông, RSI

Màn hình Thông tin Biển báo Giao thông và biển báo

Chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI¹⁰⁰) thể hiện các biển báo giao thông theo các hình thức khác nhau, tùy thuộc vào biển báo và tình huống.



Ví dụ¹⁰¹ về thông tin tốc độ đã phát hiện.

Khi RSI phát hiện một biển báo giao thông về giới hạn tốc độ, màn hình người lái hiển thị biển báo như biểu tượng kết hợp với đèn báo màu trên công tơ mét. Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus*, thông tin liên quan đến tốc độ có thể được lấy từ dữ liệu bản đồ, có nghĩa là màn hình người lái có thể hiển thị hoặc thay đổi thông tin về giới hạn tốc độ mà không cần đi qua biển báo liên quan đến tốc độ.



Một biển báo bổ sung¹⁰¹ như "cấm vượt" có thể được hiển thị cùng với biểu tượng giới hạn tốc độ.



Nếu người lái đi vào đường có biển báo cấm đi ở hai bên đường, biểu tượng của biển báo này¹⁰¹ sẽ nhấp nháy trên màn hình người lái để cảnh báo.

Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus*, thông tin từ dữ liệu bản đồ được sử dụng để xác định xem xe có đang đi sai chiều không. Người lái cũng có thể nhận cảnh báo bằng âm thanh khi lái sai chiều trong đường cấm nếu bật chức năng **Cảnh báo bằng Âm thanh cho Biển báo Giao thông**, xem tiêu đề "Bật/tắt cảnh báo bằng âm thanh" trong mục "Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ".

Giới hạn tốc độ và hết đường cao tốc

Khi RSI phát hiện một "biển báo giới hạn tốc độ gián tiếp" về việc đã hết giới hạn tốc độ hiện tại, ví dụ, khi hết đường cao tốc, một biểu tượng xuất hiện với biển báo giao thông tương ứng trong màn hình người lái.

Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus*, biển báo giới hạn tốc độ trực tiếp thường được hiển thị, biển báo giới hạn tốc độ gián tiếp chỉ được hiển thị nếu dữ liệu bản đồ không có thông tin về giới hạn tốc độ cho đoạn đường đang đi.

Ví dụ về biển báo giới hạn tốc độ gián tiếp¹⁰¹:



Hết tất cả các hạn chế.



Hết đường cao tốc.

Biểu tượng trên màn hình người lái tắt sau 10 - 30 giây và vẫn bị tắt cho đến khi đi qua biển báo liên quan đến tốc độ lần tới.

Thay đổi hạn chế tốc độ

Khi đi qua một biển báo giới hạn tốc độ trực tiếp khi thay đổi giới hạn tốc độ, một biểu tượng có biển báo giao thông tương ứng sẽ xuất hiện trong màn hình người lái.

¹⁰⁰ Thông tin Biển báo Giao thông

¹⁰¹ Biển báo giao thông tùy thuộc vào thị trường, hình ảnh minh họa trong các hướng dẫn này chỉ thể hiện các ví dụ.



Ví dụ về biển báo giới hạn tốc độ trực tiếp¹⁰²

Biểu tượng trên màn hình người lái tắt sau khoảng 5 phút cho đến khi đi qua biển báo liên quan đến tốc độ lần tới. Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus*, biển báo giới hạn tốc độ được hiển thị trên màn hình người lái khi dữ liệu bản đồ chứa thông tin về giới hạn tốc độ cho đoạn đường đang đi, kể cả khi không đi qua biển báo trực tiếp. Nếu không có thông tin trong dữ liệu bản đồ, biển báo sẽ tắt xấp xỉ 3 phút sau khi đi qua biển báo giới hạn tốc độ cuối cùng.

Biển báo bổ sung



Ví dụ về biển báo bổ sung¹⁰³.

Đôi lúc các giới hạn tốc độ khác nhau được báo hiệu cho cùng con đường, biển báo bổ sung thể hiện các trường hợp áp dụng các tốc độ khác nhau, ví dụ, đoạn đường có thể đặc biệt dễ xảy ra tai nạn khi trời mưa và/hoặc sương.

Một biển báo bổ sung liên quan đến trời mưa chỉ được hiển thị nếu đang sử dụng cần gạt nước. Nếu toa móc được nối với hệ thống điện của xe và bạn đi qua một biển báo tốc độ có biển báo bổ sung "toa móc", tốc độ được hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình người lái



Biển báo "Trường học" và "Trẻ em đang chơi đùa"



Một số giới hạn tốc độ chỉ áp dụng sau một số khoảng cách nhất định hoặc ở thời điểm nhất định trong ngày. Nhiều biểu tượng cho biển báo bổ sung ở dưới biểu tượng tốc độ để người lái chú ý. Biểu tượng bổ sung trong màn hình người lái sẽ hiển thị "DIST" hoặc "TIME". Một biểu tượng cho biển báo bổ sung dưới dạng một khung trống dưới biểu tượng tốc độ của màn hình¹⁰³ có nghĩa là RSI đã phát hiện một biển báo bổ sung có thêm thông tin về giới hạn tốc độ hiện nay.

Nếu một biển cảnh báo¹⁰³ "Trường học" hoặc "Trẻ em đang chơi đùa" được đưa vào dữ liệu bản đồ của hệ thống dẫn đường vệ tinh¹⁰³, màn hình người lái hiển thị loại biển báo này.

¹⁰² Biển báo giao thông tùy thuộc vào thị trường, hình ảnh minh họa trong các hướng dẫn này chỉ thể hiện các ví dụ.

¹⁰³ Chỉ ở xe có Dẫn đường Sensus

**Thông tin liên quan**

- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)
- Bật/tắt Thông tin Biển báo Giao thông (trang 379)
- Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ (trang 382)

Thông tin Biển báo Giao thông và Dẫn đường Sensus

Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus, thông tin tốc độ được đọc từ thiết bị dẫn đường trong các trường hợp sau:

- Khi phát hiện biển báo trình bày gián tiếp về giới hạn tốc độ như đường cao tốc, đường hai làn xe và biển báo giới hạn tốc độ trong thành phố.
- Nếu biển báo tốc độ đã phát hiện trước đây được cho là không còn được áp dụng nhưng chưa phát hiện biển báo mới.

① LƯU Ý

Trong một số thị trường, chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI) chỉ có khi kết hợp với Dẫn đường Sensus*.

① LƯU Ý

Nếu sử dụng ứng dụng được tải xuống từ bên thứ ba để dẫn đường, không có hỗ trợ về thông tin liên quan đến tốc độ.

Thông tin liên quan

- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)

Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ

Có thể lựa chọn chức năng phụ **Cảnh báo Giới hạn Tốc độ** cho RSI¹⁰⁴, người lái có thể lựa chọn Bật hoặc Tắt.

Cảnh báo Giới hạn Tốc độ cảnh báo người lái khi vượt quá giới hạn tốc độ áp dụng hoặc "tốc độ tối đa" đã lựa chọn trước, cảnh báo này được lặp lại sau xấp xỉ 1 phút 1 lần trong cùng khu vực giới hạn tốc độ trừ khi người lái giảm tốc độ.

Một cảnh báo mới về vượt quá giới hạn tốc độ, bao gồm cả biển báo nhắc nhở, sẽ chỉ xuất hiện khi xe đến khu vực giới hạn tốc độ mới/khác.



Cảnh báo tốc độ được thể hiện bằng biểu tượng trên màn hình người lái¹⁰⁵ trình bày tốc độ tối đa được cho phép và nhấp nháy tạm thời khi vượt quá tốc độ này.



Cảnh báo tốc độ luôn xuất hiện nếu vượt quá giới hạn tốc độ liên quan đến thông tin camera tốc độ.

¹⁰⁴ Thông tin Biển báo Giao thông

¹⁰⁵ Biển báo giao thông tùy thuộc vào thị trường, hình ảnh minh họa trong các hướng dẫn này chỉ thể hiện các ví dụ.

Cài đặt**Điều chỉnh giới hạn Cảnh báo Tốc độ**

Người lái có thể lựa chọn nhận cảnh báo ở tốc độ cao hơn tốc độ được báo hiệu.

Lựa chọn giới hạn cảnh báo tốc độ như sau:

1. Lựa chọn **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe → Road Sign Information (Thông tin Biển báo Giao thông)** trong phần trên của màn hình người lái.
2. Lựa chọn **Speed Limit Warning (Cảnh báo Giới hạn Tốc độ)**.
 - > Chức năng này được bật và hệ thống lựa chọn giới hạn tốc độ xuất hiện.
3. Điều chỉnh giới hạn Cảnh báo Tốc độ bằng cách ấn mũi tên lên/xuống trên màn hình.



Lưu ý, chức năng này không xem xét điều chỉnh giới hạn tốc độ khi màn hình người lái hiển thị biểu tượng camera tốc độ.

Bật/Tắt cảnh báo bằng âm thanh

Cũng có thể nhận cảnh báo bằng âm thanh liên quan đến Cảnh báo Tốc độ.

Thay đổi cài đặt thành cảnh báo bằng âm thanh như sau:

1. Lựa chọn **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe → Road Sign Information (Thông tin Biển báo Giao thông)** trong phần trên của màn hình người lái.

2. Lựa chọn/bỏ chọn **Road Sign Audio Warning (Cảnh báo bằng Âm thanh cho Biển báo Giao thông)** để bật/tắt cảnh báo bằng âm thanh.

Với chức năng **Road Sign Audio Warning (Cảnh báo bằng Âm thanh cho Biển báo Giao thông)** được bật, người lái cũng được cảnh báo khi lái xe vào đường một chiều/đường cấm đi.

Bật/Tắt cảnh báo bằng camera tốc độ

Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus* và dữ liệu bản đồ chứa thông tin về camera tốc độ, người lái có thể lựa chọn nhận cảnh báo bằng âm thanh khi đến một camera tốc độ.

Thay đổi cài đặt thành cảnh báo bằng âm thanh như sau:

1. Lựa chọn **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe → Road Sign Information (Thông tin Biển báo Giao thông)** trong phần trên của màn hình người lái.
2. Lựa chọn/bỏ chọn **Speed Camera Audio Warning (Cảnh báo bằng Âm thanh cho Camera Tốc độ)** để bật/tắt cảnh báo camera tốc độ bằng âm thanh.

Thông tin liên quan

- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)
- Thông tin Biển báo Giao thông có Thông tin Camera Tốc độ (trang 384)

Bật/tắt Cảnh báo tốc độ trong Thông tin Biển báo Giao thông Chức năng phụ **Cảnh báo Giới hạn Tốc độ** được bật như sau:

1. Lựa chọn **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe → Road Sign Information (Thông tin Biển báo Giao thông)** trong phần trên của màn hình người lái.
2. Lựa chọn **Speed Limit Warning (Cảnh báo Giới hạn Tốc độ)**.
 - > Chức năng này được bật và hệ thống lựa chọn giới hạn tốc độ xuất hiện. (Xem mô tả về "Điều chỉnh giới hạn Cảnh báo Tốc độ" trong mục "Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ").

Thông tin liên quan

- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)
- Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ (trang 382)

Thông tin Biển báo Giao thông có Thông tin Camera Tốc độ

Xe được trang bị RSI¹⁰⁶ và Dẫn đường Sensus có thể cung cấp thông tin về camera tốc độ sắp đi qua trong màn hình người lái.



Thông tin camera tốc độ trong màn hình người lái¹⁰⁷.



Nếu xe vượt qua giới hạn tốc độ đã phát hiện và bật chức năng **Cảnh báo Giới hạn Tốc độ**, cảnh báo tốc độ xuất hiện khi xe đi qua một camera tốc độ, miễn là bản đồ dẫn đường cho khu vực đi qua chứa thông tin về camera tốc độ.

Để biết thêm thông tin về cảnh báo tốc độ liên quan đến camera tốc độ, cũng xem mục "Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ" và "Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông".

LƯU Ý

- Để nhận cảnh báo bằng âm thanh nếu bạn vượt quá tốc độ được yêu cầu, chức năng **Cảnh báo Giới hạn Tốc độ** phải được bật và chức năng phụ **Cảnh báo bằng Âm thanh cho Biển báo Giao thông** phải được cài đặt thành Bật. Cảnh báo bằng âm thanh xuất hiện nếu tốc độ của xe vượt quá tốc độ được chức năng RSI hiển thị trong màn hình người lái.
- Có tùy chọn nhận được cảnh báo bằng âm thanh cho camera tốc độ độc lập với tốc độ của xe và giới hạn tốc độ bị vượt quá và kể cả khi chức năng **Cảnh báo bằng Âm thanh cho Biển báo Giao thông** bị tắt. Xem tiêu đề "**Bật/Tắt cảnh báo camera tốc độ**" trong mục "Thông tin Biển báo Giao thông có cảnh báo và cài đặt tốc độ" và lựa chọn **Speed Camera Audio Warning (Cảnh báo bằng Âm thanh cho Camera Tốc độ)**.
- Thông tin về camera tốc độ trên bản đồ dẫn đường không có cho tất cả thị trường/khu vực.

Thông tin liên quan

- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)
- Thông tin Biển báo Giao thông có Cảnh báo và Cài đặt Tốc độ (trang 382)
- Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông (trang 385)

¹⁰⁶ Thông tin Biển báo Giao thông

¹⁰⁷ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe và thị trường/khu vực.

Hạn chế của Thông tin Biển báo Giao thông

Chức năng Thông tin Biển báo Giao thông (RSI¹⁰⁸) có thể có hạn chế trong một số tình huống.

Ví dụ về các tình huống có thể làm giảm hiệu quả của RSI như sau:

- Biển báo mờ
- Biển báo đặt ở đoạn đường quanh co
- Biển báo quay tròn hoặc hư hỏng
- Biển báo đặt trên cao so với đường
- Biển báo bị che khuất toàn bộ/một phần hoặc đặt ở nơi không thuận lợi
- biển báo bị che phủ hoàn toàn hoặc một phần bởi băng, tuyết và/hoặc bụi bẩn.
- bản đồ đường kỹ thuật số¹⁰⁹ lỗi thời, không chính xác hoặc không có thông tin về tốc độ¹¹⁰

ⓘ LƯU Ý

Chức năng RSI có thể diễn giải một số loại giả lập được nối với ổ cắm điện cho toa môóc là tốc độ được nối. Trong trường hợp này, màn hình n có thể hiển thị thông tin tốc độ không chính x

ⓘ LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị camera của xe mà có một số hạn chế chung, xem mục "Hạn chế của thiết bị camera".

Thông tin liên quan

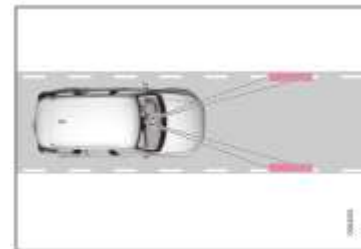
- Thông tin Biển báo Giao thông* (trang 378)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)

Kiểm soát Cảnh báo Người lái

Chức năng Kiểm soát Cảnh báo Người lái (DAC) nhằm giúp người lái nhận biết việc người đó đang dẫn lái một cách thiếu ổn định, ví dụ, nếu người lái bị xao nhãng hoặc bắt đầu ngủ gật.

Mục đích của DAC là phát hiện việc khả năng lái dần mất hiệu quả và nó chủ yếu được dùng cho các con đường lớn. Chức năng này không được dùng khi đi trong thành phố.

Chức năng này được bật khi tốc độ vượt quá 65 km/giờ (40 dặm/giờ) và vẫn bật miễn là tốc độ lớn hơn 60 km/giờ (37 dặm/giờ).



DAC đọc vị trí của xe trong làn đường.



¹⁰⁸ Thông tin Biển báo Giao thông

¹⁰⁹ Ô xe trang bị Dẫn đường Sensus*.

¹¹⁰ Không có thông tin bản đồ có thông tin về tốc độ cho tất cả các khu vực.



Một camera phát hiện các vạch kẻ mép được sơn trên đường và so sánh với độ thẳng của con đường bằng sự di chuyển vô lăng của người lái.



Xe đang được lái chệch khỏi làn đường.



Nếu hành vi lái không còn ổn định, người lái sẽ được cảnh báo bằng biểu tượng này trong màn hình người lái kết hợp với tín hiệu âm thanh và thông báo bằng văn bản **Time to take a break (Đã đến lúc nghỉ giải lao)**.

Nếu xe được trang bị Dẫn đường Sensus* và bật chức năng **Hướng dẫn Dừng Nghỉ**, gợi ý về một nơi phù hợp để nghỉ giải lao cũng được hiển thị (xem mục "Lựa chọn hướng dẫn dừng nghỉ trong trường hợp có cảnh báo từ Kiểm soát Cảnh báo Người lái").

Cảnh báo được lặp lại một lúc sau khi hành vi lái chưa được cải thiện.

CẢNH BÁO

- Chức năng Kiểm soát Cảnh báo Người lái là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Không được sử dụng Kiểm soát Cảnh báo Người lái để kéo dài thời gian lái. Người lái cần lập kế hoạch nghỉ giải lao thường xuyên và đảm bảo họ được nghỉ ngơi phù hợp.
- Kiểm soát Cảnh báo Người lái không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.



CẢNH BÁO

Cần rất chú ý đến cảnh báo từ Kiểm soát Cảnh báo Người lái do một người lái ngủ gật thường không phát hiện ra mình đang ngủ gật.

Nếu báo động kêu hoặc bạn cảm thấy mệt mỏi:

- Dừng xe một cách an toàn sớm nhất có thể và nghỉ ngơi.

Các nghiên cứu đã phát hiện ra rằng lái xe khi mệt mỏi cũng nguy hiểm như là lái xe khi uống rượu hoặc chất kích thích khác.

Thông tin liên quan

- Bật/tắt Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 387)
- Lựa chọn hướng dẫn dừng nghỉ trong trường hợp có cảnh báo từ Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 387)
- Hạn chế của Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 387)

Bật/tắt Kiểm soát Cảnh báo Người lái
 Chức năng Kiểm soát Cảnh báo Người lái (DAC) có thể được bật/tắt.

Bật/Tắt

Để thay đổi cài đặt trong DAC:

1. Ấn nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** ở phần trên của màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn **My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe → Driver Alert Control (Kiểm soát Cảnh báo Người lái)**.
3. Lựa chọn/bỏ chọn **Alertness Warning (Cảnh báo về Sự tỉnh táo)** để bật/tắt DAC.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 385)

Lựa chọn hướng dẫn dừng nghỉ trong trường hợp có cảnh báo từ Kiểm soát Cảnh báo Người lái

Có thể lựa chọn bật/tắt chức năng **Hướng dẫn Dừng Nghỉ**

Ở xe trang bị Dẫn đường Sensus*, người lái có thể bật một hướng dẫn tự động gợi ý một khu vực nghỉ phù hợp khi DAC có cảnh báo.

Để lựa chọn **Hướng dẫn Dừng Nghỉ**:

1. Ấn nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** ở phần trên của màn hình trung tâm.
2. Lựa chọn **My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe → Driver Alert Control (Kiểm soát Cảnh báo Người lái)**.
3. Lựa chọn/bỏ chọn **Rest Stop Guidance (Hướng dẫn Dừng Nghỉ)** để bật/tắt chức năng này.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 385)

Hạn chế của Kiểm soát Cảnh báo Người lái

Chức năng Kiểm soát Cảnh báo Người lái (DAC) có thể có hạn chế trong một số tình huống.

Trong một số trường hợp, hệ thống có thể có cảnh báo cho dù khả năng lái không bị giảm, ví dụ:

- gió mạnh hai bên
- mặt đường có ổ gà.



CẢNH BÁO

Trong một số trường hợp, hành vi lái không bị ảnh hưởng cho dù người lái mệt mỏi, ví dụ, khi sử dụng chức năng Hệ thống Lái Bán Tự động, dẫn đến việc người lái không nhận được cảnh báo từ DAC.

Phải luôn dừng và nghỉ giải lao khi cảm thấy mệt mỏi, dù là chỉ hơi mệt mỏi, bất kể chức năng DAC có cảnh báo hay không

LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị camera của xe mà có một số hạn chế chung, xem mục "Hạn chế của thiết bị camera".

Thông tin liên quan

- Kiểm soát Cảnh báo Người lái (trang 385)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)

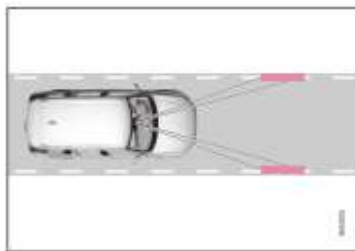
Hỗ trợ đi đúng làn đường

Chức năng của Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường (LKA¹¹¹) để giúp người lái giảm thiểu nguy cơ xe vô tình đi chệch làn đường trên đường cao tốc hoặc các tuyến đường lớn tương tự.

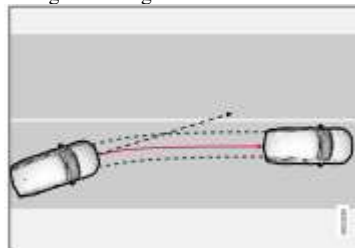
Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường lái xe vào làn đường của mình và/hoặc cảnh báo người lái bằng cách rung vô lăng.

Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường được bật trong phạm vi tốc độ 65 - 200 km/giờ (40 - 125 dặm/giờ) trên đường có vạch kẻ hai bên đường rõ ràng.

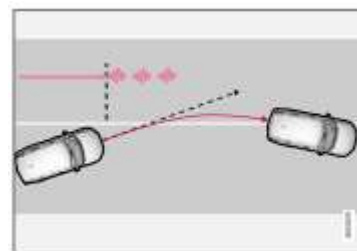
Chức năng này có thể không hoạt động trên các con đường hẹp, trong trường hợp này, nó sẽ ở chế độ chờ. Chức năng này sẽ hoạt động lại khi con đường đủ rộng.



Một camera đọc vạch kẻ hai bên đường của đường/làn đường.



Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường lái xe vào làn đường của mình



Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường cảnh báo bằng cách rung vô lăng¹¹².

Tùy thuộc vào cài đặt, hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường hoạt động theo hình thức sau:

- **Bật Hỗ trợ**¹¹³: Khi xe đang đi đến vạch kẻ làn, LKA sẽ chủ động lái xe lại vào làn bằng cách sử dụng momen xoắn nhẹ với vô lăng.
- **Bật Cảnh báo**¹¹³: Nếu xe chuẩn bị cắt ngang làn, người lái được cảnh báo bằng hình thức rung vô lăng.

¹¹¹ Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

¹¹² Vô lăng rung khác nhau, xe càng ở bên ngoài làn đường lâu, rung càng lâu.

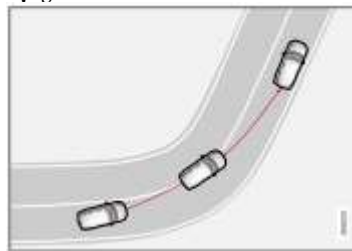
¹¹³ Xem tiêu đề "Các biện pháp hỗ trợ thay thế cho LKA" trong mục "Bật/Tắt Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường".

ⓘ LƯU Ý

Khi bật xi nhan, không thể điều chỉnh hướng lái hoặc cảnh báo từ Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường.

⚠ CẢNH BÁO

- Chức năng Hỗ trợ Đi đúng Làn đường là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Chức năng này không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường không hoạt động

Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường không hoạt động trên các đoạn đường cua gấp.

Trong một số tình huống, hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường cho phép cắt ngang vạch kẻ làn đường mà không cần can thiệp bằng hình thức hỗ trợ lái hoặc cảnh báo, ví dụ, khi sử dụng xi nhan hoặc cua gấp.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái bằng hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 390)
- Hạn chế của Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 391)
- Bật/tắt Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường (trang 390)
- Lựa chọn tùy chọn hỗ trợ để hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 391)
- Biểu tượng và thông báo của hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 392)

- Biểu tượng hỗ trợ đi đúng làn đường trong màn hình người lái (trang 394)

Hỗ trợ lái bằng hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường

Đề hệ thống hỗ trợ lái của LKA¹¹⁴ hoạt động, người lái phải đặt tay trên vô lăng.



Biểu tượng này trong màn hình người lái thể hiện LKA được bật và liên tục kiểm tra việc người lái đã đặt tay lên vô lăng hay chưa.

1. Nếu người lái không đặt tay trên vô lăng, tín hiệu cảnh báo phát ra và thông báo khuyến khích người lái thực hiện lái xe chủ động:

Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường, Sử dụng vô lăng

2. Nếu LKA phát hiện người lái đang không điều khiển xe, thông báo được lặp lại với tín hiệu cảnh báo dài hơn tín hiệu trước.
3. Nếu người lái không bắt đầu lái xe, tín hiệu cảnh báo ngắn ở mức độ khác nhau sẽ phát ra, LKA bị tắt, một biểu tượng khác xuất hiện và thông báo sau được hiển thị.



Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường, Sử dụng vô lăng

LKA sẽ bị tắt cho đến khi người lái bắt đầu lái lại xe.

Tín hiệu cảnh báo dừng kêu và biểu tượng thông tin và thông báo biến mất khi LKA phát hiện người lái đang chủ động lái lại xe.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)

Bật/tắt Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

Có thể lựa chọn chức năng hỗ trợ đi đúng làn đường LKA¹¹⁵, người lái có thể lựa chọn Bật hoặc Tắt.

Bật/Tắt



Ấn nút **Lane Keeping Aid (Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường)** trong phần chức năng của màn hình trung tâm.

- Nút MÀU XÁM, LKA bị tắt.
- Nút MÀU XANH LÁ CÂY, LKA được bật.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)

¹¹⁴ Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

¹¹⁵ Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

Lựa chọn tùy chọn hỗ trợ để hỗ trợ đi đúng làn đường

Người lái có thể lựa chọn cách LKA¹¹⁶ cần phản ứng nếu xe ra khỏi làn đường.

1. Lựa chọn **Settings (Cài đặt) → My Car (Xe của Tôi) → IntelliSafe** trong phần trên của màn hình trung tâm.
2. Trong trường hợp sử dụng **Chế độ Hỗ trợ Đi đúng Làn đường**, lựa chọn cách LKA cần phản ứng:
 - **Hỗ trợ**, người lái được hỗ trợ lái mà không cần cảnh báo.
 - **Tất cả hai**, người lái được cảnh báo và hỗ trợ lái.
 - **Cảnh báo**, chỉ cảnh báo người lái.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)

Hạn chế của Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường

Trong một số điều kiện nhất định, Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường có thể khó giúp người lái một cách chính xác. Trong trường hợp này, khuyến cáo tắt chức năng này.

Ví dụ về các điều kiện đó là:

- đường đang thi công
- điều kiện đường vào mùa đông
- mặt đường xấu
- kiểu lái quá "thể thao"
- thời tiết xấu, tầm nhìn hạn chế
- đường có vạch kẻ đường hai không rõ ràng hoặc không có vạch kẻ đường hai bên
- mép nhon hoặc vạch kẻ ngoài vạch kẻ hai bên làn đường
- khi tay lái trợ lực đang hoạt động ở công suất thấp, ví dụ, trong quá trình làm mát do quá nhiệt (xem mục "Lực lái phụ thuộc vào tốc độ").

① LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị camera của xe mà có một số hạn chế chung, xem mục "Hạn chế của thiết bị camera".

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)
- Lực lái phụ thuộc vào tốc độ (trang 286)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)

¹¹⁶ Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

Biểu tượng và thông báo của hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường

Nhiều biểu tượng và thông báo liên quan đến LKA¹¹⁷ hỗ trợ đi đúng làn đường có thể được hiển thị trên màn hình người lái.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Hệ thống hỗ trợ người lái Chức năng hoạt động kém hiệu quả, Cần bảo trì	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ garage được Volvo ủy quyền.
	Cảm biến kính chắn gió Cảm biến bị che khuất, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng	Khả năng của camera trong việc quét đường đi phía trước xe bị giảm.
	Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường Sử dụng vô lăng	Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường LKA không hoạt động nếu người lái không đặt tay trên vô lăng. Tuân thủ hướng dẫn và lái xe.
	Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường Sử dụng Vô lăng	LKA được cài đặt ở chế độ chờ cho đến khi người lái bắt đầu lái lại xe.

¹¹⁷ Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút  ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Biểu tượng hỗ trợ đi đúng làn đường trong màn hình người lái

LKA¹¹⁸ hỗ trợ người lái được hiển thị bằng biểu tượng trong màn hình người lái, tùy thuộc vào tình huống.



Đây là một số ví dụ về biểu tượng và tình huống mà biểu tượng được hiển thị:

Hoạt động



Hoạt động, vạch kẻ làn đường trong biểu tượng có MÀU TRẮNG.

Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường đang quét một trong hai vạch kẻ làn đường.

Không hoạt động



Không hoạt động, vạch kẻ làn đường trong biểu tượng có MÀU XÁM.

Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường không thể phát hiện vạch kẻ làn đường, tốc độ quá chậm hoặc đường quá hẹp.

Báo hỗ trợ lái/cảnh báo



Hỗ trợ lái/cảnh báo, vạch kẻ làn đường trong biểu tượng có MÀU.

Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường báo hệ thống đang cảnh báo và/hoặc thử lái xe lại vào làn đường.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường (trang 388)

¹¹⁸ Hệ thống Hỗ trợ Đi đúng Làn đường

Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm

Chức năng **Hỗ trợ tránh va chạm** được thiết kế để giúp người lái giảm nguy cơ xe vô tình rời khỏi làn đường và/hoặc va chạm với một xe khác hoặc chướng ngại vật bằng cách chủ động lái xe lại vào làn đường và/hoặc đi lệch hướng.

Chức năng **Hỗ trợ tránh va chạm** bao gồm ba chức năng phụ:

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi lệch khỏi đường
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*

Sau khi tự động bật, màn hình người lái báo hệ thống đã được bật thông qua thông báo bằng văn bản:

- **Hỗ trợ tránh cảnh báo**

Cảnh thiếp tự động**① LƯU Ý**

Người lái luôn là người quyết định về cách lái xe, xe tuyệt đối không tự ra lệnh lái xe.

Thông tin liên quan

- Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Biểu tượng và thông báo Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 404)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi lệch khỏi đường (trang 396)
- Mức độ hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ đi lệch khỏi đường (trang 397)
- Bật tắt hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi lệch khỏi đường (trang 397)
- Hạn chế của hệ thống hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi lệch khỏi đường (trang 398)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện (trang 399)
- Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm với xe tiến đến gần (trang 400)
- Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện (trang 400)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau* (trang 401)
- Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm phía sau* (trang 402)
- Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau (trang 403)

Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm

Có thể lựa chọn chức năng này, người lái có thể lựa chọn **Bật** hoặc **Tắt**.



Chuyển đổi giữa **Bật** và **Tắt** bằng nút này trong phần trên của màn hình trung tâm.

① LƯU Ý

Khi tắt chức năng **Hỗ trợ tránh va chạm**, tất cả chức năng phụ đều bị tắt:

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi lệch khỏi đường
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*

Kể cả khi có thể tắt chức năng này, người lái cần luôn bật chức năng này do nó cải thiện độ an toàn khi lái xe trong hầu hết các trường hợp.





Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)

Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường

Nhiệm vụ của chức năng phụ này là giúp người lái giảm nguy cơ xe vô tình đi chệch khỏi đường bằng cách chủ động lái xe lại vào đường.

Chức năng này hoạt động trong phạm vi tốc độ 65 - 140 km/giờ (40 - 87 dặm/giờ) trên đường có vạch kẻ/vạch làn đường rõ ràng.

Một camera quét mép đường và vạch kẻ được sơn hai bên đường. Nếu xe chuẩn bị ra khỏi hai bên đường, xe sẽ được lái trở lại đường và nếu việc can thiệp bằng hình thức lái không đủ để tránh việc xe đi chệch khỏi đường, phanh cũng được bật.

Tuy nhiên, chức năng này không can thiệp bằng hình thức hỗ trợ lái hoặc can thiệp phanh nếu sử dụng xi nhan và nếu chức năng này phát hiện người lái đang chủ động lái xe, chức năng này sẽ bị chậm kích hoạt.

Sau khi tự động bật, màn hình người lái báo hệ thống đã được bật thông qua thông báo bằng văn bản:

- **Hỗ trợ tránh va chạm**
Can thiệp tự động



CẢNH BÁO

- Chức năng phụ "Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi ra khỏi đường" là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Chức năng này không thể phát hiện rào chắn, đường ray hoặc chướng ngại vật tương tự ở hai bên đường
- "Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi ra khỏi đường" không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

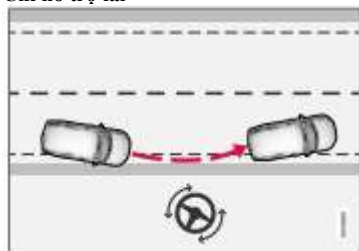
Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)

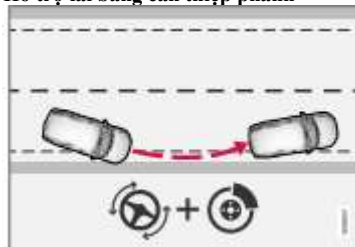
Mức độ hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ đi chệch khỏi đường

Chức năng này có hai mức kích hoạt khi can thiệp:

- Chỉ hỗ trợ lái
- Hỗ trợ lái và can thiệp phanh

Chỉ hỗ trợ lái

Can thiệp bằng hỗ trợ lái.

Hỗ trợ lái bằng can thiệp phanh

Can thiệp bằng hỗ trợ lái và phanh
Can thiệp phanh giúp người lái trong các tình huống mà việc chỉ hỗ trợ lái là không đủ. Lực phanh được điều chỉnh tự động, tùy thuộc vào tình huống tại thời điểm đi chệch ra khỏi đường.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)

Bật tắt hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường

Có thể lựa chọn chức năng này, người lái có thể lựa chọn **Bật** hoặc **Tắt**.



Chuyển đổi giữa **Bật** và **Tắt** bằng nút này trong phần trên của màn hình trung tâm.

① LƯU Ý

Khi tắt chức năng **Hỗ trợ tránh va chạm**, tất cả chức năng phụ đều bị tắt:

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*

Kể cả khi có thể tắt chức năng này, người lái cần luôn bật chức năng này do nó cải thiện độ an toàn khi lái xe trong hầu hết các trường hợp.





Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường (trang 396)

Hạn chế của hệ thống hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường

Trong một số điều kiện nhất định, Hệ thống hỗ trợ đi đúng làn đường có thể khó giúp người lái một cách chính xác. Trong trường hợp này, khuyến cáo tắt chức năng này.

Ví dụ về các điều kiện đó là:

- đường đang thi công
- điều kiện đường vào mùa đông
- đường hẹp
- mặt đường xấu
- kiểu lái quá "thể thao"
- thời tiết xấu, tầm nhìn hạn chế
- đường có vạch kẻ đường hai không rõ ràng hoặc không có vạch kẻ đường hai bên
- mép nhon hoặc vạch kẻ ngoài vạch kẻ hai bên làn đường
- khi tay lái trợ lực đang hoạt động ở công suất thấp, ví dụ, trong quá trình làm mát do quá nhiệt (xem mục "Lực lái phụ thuộc vào tốc độ").

❗ LƯU Ý

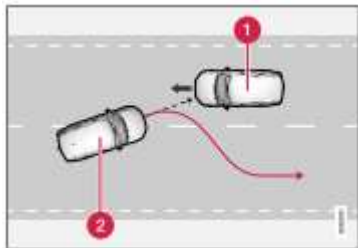
Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Lực lái phụ thuộc vào tốc độ (trang 286)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện

Chức năng này có thể giúp một người lái bị xao nhãng, không chú ý đến việc xe đang đi vào làn đường của xe đang tiến đến gần.



Chức năng này có thể hỗ trợ bằng cách điều khiển xe đi vào làn đường của mình.

❶ Xe tiến đến gần

❷ Xe của bạn

Chức năng này hoạt động trong phạm vi tốc độ 60 - 140 km/giờ (37 - 87 dặm/giờ) trên đường có vạch kẻ/vạch làn đường rõ ràng.

Nếu xe chuẩn bị ra khỏi làn đường của mình, đồng thời một xe khác đang tiến đến gần, chức năng này có thể giúp người lái thực hiện lái xe trở lại làn đường của xe mình.

Tuy nhiên, chức năng này không can thiệp bằng hình thức hỗ trợ lái nếu sử dụng xi nhan và nếu chức năng này phát hiện người lái đang chủ động lái xe, chức năng này sẽ bị chậm kích hoạt.

Sau khi tự động bật, màn hình người lái báo hệ thống đã được bật thông qua thông báo bằng văn bản:

- **Hỗ trợ tránh va chạm**

Can thiệp tự động

⚠️ CẢNH BÁO

- Chức năng phụ "Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm với xe tiến đến gần" là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Hỗ trợ lái chỉ được bật nếu có nguy cơ va chạm cao, vì lý do đó, bạn tuyệt đối không được đợi chức năng này can thiệp.
- Chức năng này không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm với xe tiến đến gần (trang 400)
- Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện (trang 400)

Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm với xe tiến đến gần

Có thể lựa chọn chức năng này, người lái có thể lựa chọn **Bật** hoặc **Tắt**.



Chuyển đổi giữa **Bật** và **Tắt** bằng nút này trong phần trên của màn hình trung tâm.

LƯU Ý

Khi tắt chức năng **Hỗ trợ tránh va chạm**, tất cả chức năng phụ đều bị tắt:

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*

Kể cả khi có thể tắt chức năng này, người lái cần luôn bật chức năng này do nó cải thiện độ an toàn khi lái xe trong hầu hết các trường hợp.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện (trang 399)

Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện

Trong một số tình huống, chức năng này có thể hoạt động kém hiệu quả và không can thiệp trong các trường hợp sau, ví dụ:

- với các phương tiện nhỏ như xe máy
- trên đường mà làn đường không có vạch kẻ làn đường rõ ràng
- nếu một phần lớn của xe đã đi vào làn đường bên cạnh
- ngoài phạm vi tốc độ 60 - 140 km/giờ (37 - 87 dặm/giờ)
- khi tay lái trợ lực đang hoạt động ở công suất thấp, ví dụ, trong quá trình làm mát do quá nhiệt (xem mục "Lực lái phụ thuộc vào tốc độ").

Các tình huống phức tạp khác có thể bao gồm:

- đường đang thi công
- điều kiện đường vào mùa đông
- đường hẹp
- mặt đường xấu
- kiểu lái quá "thể thao"
- thời tiết xấu, tầm nhìn hạn chế

Trong các tình huống khắt khe này, chức năng này có thể khó giúp người lái một cách chính xác. Trong trường hợp này, khuyến cáo tắt chức năng này.

LƯU Ý

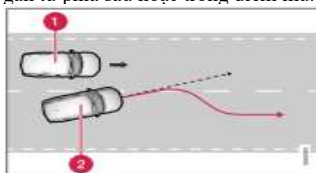
Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện (trang 399)
- Lực lái phụ thuộc vào tốc độ (trang 286)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)

Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*

Nhiệm vụ của chức năng phụ này là giúp người lái bị xao nhãng, không chú ý đến việc xe đang chuẩn bị đi ra khỏi làn đường của mình, đồng thời một xe khác đang tiến đến gần từ phía sau hoặc trong điểm mù.



Chức năng này có thể hỗ trợ bằng cách lái xe vào lại làn đường của mình.

❶ Xe khác trong điểm mù

❷ Xe của bạn

Nếu xe của bạn chuẩn bị ra khỏi làn đường của mình, đồng thời một xe khác đang trong điểm mù hoặc đồng thời một xe khác đang nhanh chóng tiến đến gần trong làn đường bên cạnh, chức năng này có thể giúp người lái lái xe vào lại làn đường của mình.

Chức năng này thậm chí có thể hỗ trợ nếu người lái có ý chuyển làn bằng xi nhan mà không chú ý đến việc một xe khác đang tiến đến.

Chức năng này hoạt động trong phạm vi tốc độ 60 - 140 km/giờ (37 -87 dặm/giờ) trên đường có vạch kẻ/vạch làn đường rõ ràng.

Sau khi tự động bật, màn hình người lái báo hệ thống đã được bật thông qua thông báo bằng văn bản:

Hỗ trợ tránh va chạm**Can thiệp tự động****CẢNH BÁO**

- Chức năng phụ "Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau" là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung để tăng độ an toàn trong quá trình lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Hỗ trợ lái chỉ được bật nếu có nguy cơ va chạm cao, vì lý do đó, bạn tuyệt đối không được đợi chức năng này can thiệp.
- Chức năng này không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.





Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm phía sau* (trang 402)
- Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau (trang 403)

Bật/tắt Hỗ trợ lái trong trường hợp có nguy cơ va chạm phía sau*

Có thể lựa chọn chức năng này, người lái có thể lựa chọn **Bật** hoặc **Tắt**.



Chuyển đổi giữa **Bật** và **Tắt** bằng nút này trong phần trên của màn hình trung tâm.

① LƯU Ý

Khi tắt chức năng **Hỗ trợ tránh va chạm**, tất cả chức năng phụ đều bị tắt:

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ đi chệch khỏi đường
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm trực diện
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau*

Kể cả khi có thể tắt chức năng này, người lái cần luôn bật chức năng này do nó cải thiện độ an toàn khi lái xe trong hầu hết các trường hợp.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau* (trang 401)

Hạn chế của hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau

Trong một số tình huống, chức năng này có thể hoạt động kém hiệu quả và không can thiệp trong các trường hợp sau, ví dụ:

- với các phương tiện nhỏ như xe máy
- nếu một phần lớn của xe đã đi vào làn đường bên cạnh
- trên đường/trong làn đường mà vạch kẻ làn đường không rõ ràng hoặc không có vạch kẻ làn đường
- ngoài phạm vi tốc độ 60 - 140 km/giờ (37 - 87 dặm/giờ)
- khi tay lái trợ lực đang hoạt động ở công suất thấp, ví dụ, trong quá trình làm mát do quá nhiệt (xem mục "Lực lái phụ thuộc vào tốc độ").

Các tình huống phức tạp khác có thể bao gồm:

- đường đang thi công
- điều kiện đường vào mùa đông
- đường hẹp
- mặt đường xấu
- kiểu lái quá "thể thao"
- thời tiết xấu, tầm nhìn hạn chế

Trong các tình huống khẩn cấp này, chức năng này có thể khó giúp người lái một cách chính xác. Trong trường hợp này, khuyến cáo tắt chức năng này.

LƯU Ý

Chức năng này sử dụng thiết bị Camera và Radar kết hợp của xe mà có một số hạn chế chung, xem lần lượt mục "Hạn chế của Thiết bị Camera" và "Hạn chế của Thiết bị Radar".

Cùng với thiết bị camera và radar, chức năng này sử dụng radar hướng về phía sau của xe, có một số hạn chế chung mà người lái cần biết, xem thêm thông tin trong mục "Hạn chế của BLIS".

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)
- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm phía sau* (trang 401)
- Lực lái phụ thuộc vào tốc độ (trang 286)
- Hạn chế của thiết bị camera (trang 351)
- Hạn chế của thiết bị radar (trang 342)
- Hạn chế của BLIS (trang 371)

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Biểu tượng và thông báo Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm

Nhiều biểu tượng và thông báo liên quan đến chức năng này có thể được hiển thị trong màn hình người lái.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Hỗ trợ tránh va chạm Can thiệp tự động	Khi chức năng này được bật, một thông báo được hiển thị cho người lái thể hiện hệ thống đã được bật.
	Cảm biến kính chắn gió Cảm biến bị che khuất, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng	Khả năng của camera trong việc quét đường đi phía trước xe bị giảm.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút  ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ lái khi có nguy cơ va chạm (trang 395)

Hỗ trợ Đỗ xe*

Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe có thể hỗ trợ người lái khi đỗ xe vào không gian hẹp bằng cách hiển thị khoảng cách đến chướng ngại vật thông qua tín hiệu âm thanh kết hợp với hình ảnh đồ họa trong màn hình trung tâm.



Hình ảnh màn hình hiển thị vùng chướng ngại vật và vùng cảm biến.

Màn hình trung tâm hiển thị tổng quan mối quan hệ giữa xe và chướng ngại vật được phát hiện.

Vùng được đánh dấu là vị trí của chướng ngại vật. Biểu tượng xe càng gần với ô vùng được đánh dấu ở phía trước/sau, khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật được phát hiện càng ngắn.

Vùng hai bên đổi màu khi khoảng cách giữa xe và một vật thể giảm xuống.

Khoảng cách đến chướng ngại vật càng ngắn, tín hiệu kêu càng nhanh. Các tiếng khác từ hệ thống âm thanh bị tắt tự động.

Tín hiệu bằng âm thanh cho chướng ngại vật phía trước và hai bên hoạt động khi xe đang di chuyển nhưng dừng lại sau khi xe đã đứng yên trong xấp xỉ 2 giây. Tín hiệu bằng âm thanh cho chướng ngại vật phía sau cũng hoạt động khi xe đứng yên.

Ở khoảng cách xấp xỉ 30 cm (1 ft) từ một chướng ngại vật phía sau hoặc phía trước xe, tín hiệu kêu liên tục và phạm vi quan sát của cảm biến đang hoạt động gần nhất đến biểu tượng xe được lấp đầy.

Ở khoảng cách xấp xỉ 25 cm (0,8 ft) từ một chướng ngại vật đến hai bên, tín hiệu kêu to và phạm vi quan sát của vùng đang hoạt động đổi màu từ DA CAM thành ĐỎ.

Có thể điều chỉnh âm lượng của tín hiệu hỗ trợ đỗ xe trong khi tín hiệu đang phát ra bằng nút [>|] trên bảng điều khiển trung tâm. Cũng có thể thực hiện điều chỉnh trong tùy chọn menu **Settings (Cài đặt)** ở phần trên.

① LƯU Ý

- Trừ vùng gần nhất với biểu tượng xe, cảnh báo bằng âm thanh chỉ có với các vật thể trực tiếp có trên đường đi của xe.

**CẢNH BÁO**

- Chức năng Hỗ trợ Đỗ xe là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Cảm biến đỗ xe có điểm mù ở vị trí không thể phát hiện chướng ngại vật.
- Đặc biệt thận trọng với người và các con vật xung quanh xe.
- Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỗ xe phía trước, sau và dọc hai bên (trang 406)
- Bật/tắt Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 407)
- Hạn chế của Hệ thống hỗ trợ đỗ xe (trang 408)
- Khuyến cáo bảo dưỡng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 409)
- Biểu tượng và thông báo cho Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 410)

Tự động Hỗ trợ Đỗ xe phía trước, sau và dọc hai bên

Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe có các thông số khác nhau, tùy thuộc vào bộ phận của xe đang tiến đến gần chướng ngại vật.

Phía trước



Tín hiệu cảnh báo kêu liên tục ở khoảng cách ít hơn xấp xỉ 30 cm (1 ft) từ một chướng ngại vật¹¹⁹.

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe phía trước được bật tự động khi động cơ được khởi động. Chúng hoạt động ở tốc độ dưới 10 km/giờ (6 dặm/giờ). Phạm vi đo xấp xỉ 80 cm (2,5 ft) phía trước xe.

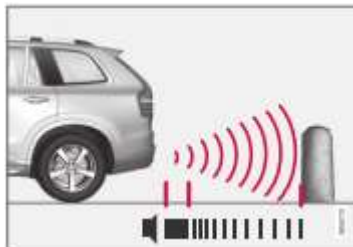
❗ LƯU Ý

Tắt hỗ trợ đỗ xe khi kéo phanh tay hoặc lựa chọn chế độ **P** trong xe có hộp số tự động.

❗ QUAN TRỌNG

Khi lắp đèn phụ, nhớ rằng, chúng không được che khuất cảm biến, đèn phụ có thể được coi là một chướng ngại vật.

Phía sau



Tín hiệu cảnh báo kêu liên tục ở khoảng cách ít hơn xấp xỉ 30 cm (1 ft) từ một chướng ngại vật¹¹⁹.

Cảm biến lùi được bật nếu xe quay về phía sau mà không gài số hoặc khi cần số di chuyển đến vị trí lùi.

Phạm vi đo xấp xỉ 1,5 mét (5 ft) sau xe.

Khi lùi xe có toa móc nối với hệ thống điện của xe, hệ thống hỗ trợ đỗ lùi bị tự động tắt.

❗ LƯU Ý

Khi lùi xe, ví dụ, có toa móc hoặc giá chờ xe đập trên thanh kéo mà không có hệ thống dây nối toa móc chính hãng của Volvo, hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể cần được tắt bằng tay để cảm biến không phản ứng với chúng.

¹¹⁹ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Dọc hai bên

Tín hiệu cảnh báo kêu to ở khoảng cách ít hơn xấp xỉ 25 cm (0,9 ft) từ một chướng ngại vật¹²⁰. Cảm biến hỗ trợ đỗ xe hai bên được bật tự động khi động cơ được khởi động. Chúng hoạt động ở tốc độ dưới 10 km/giờ (6 dặm/giờ). Phạm vi đo xấp xỉ 25 cm (0,8 ft) từ hai bên. Tuy nhiên, diện tích phát hiện của cảm biến hai bên tăng đáng kể khi góc lái của bánh phía trước tăng và khi quay vô lăng, có thể phát hiện chướng ngại vật cách xấp xỉ 90 cm (3 ft) chéo phía sau hoặc phía trước xe (cũng xem mục "Phạm vi quan sát của cảm biến đến hai bên" trong mục có tiêu đề "Phạm vi quan sát của cảm biến từ Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe cho camera đỗ xe").

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 405)
- Phạm vi quan sát của cảm biến từ Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe cho camera đỗ xe (trang 416)

Bật/tắt Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe có thể được bật/tắt.

Bật/Tắt

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe phía trước và hai bên được bật tự động khi động cơ được khởi động. Cảm biến sau bật nếu xe quay về sau hoặc nếu gài số lùi.



Chức năng này được bật/tắt trong phần chức năng ở màn hình trung tâm.

- Ấn nhẹ nút **Park Assist (Hỗ trợ Đỗ xe)** trong phần chức năng.
 - > Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe được bật/tắt, đèn báo MÀU XANH LÁ CÂY/MÀU XÁM được hiển thị trong nút.

Ở xe có trang bị camera hỗ trợ đỗ xe, Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe cũng có thể được bật/tắt từ phần camera liên quan.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 405)

¹²⁰ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Hạn chế của Hệ thống hỗ trợ đỗ xe

Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe không thể phát hiện tất cả mọi thứ trong tất cả các tình huống và có thể hoạt động kém hiệu quả trong một số trường hợp.

Người lái cần hiểu rõ các ví dụ sau về hạn chế của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe.

CẢNH BÁO



Rất chú ý trong khi lùi khi biểu tượng này được hiển thị nếu toa móc, giá đỡ xe đạp hoặc thiết bị tương tự được gắn và đấu nối điện với xe.

Biểu tượng này thể hiện việc cảm biến hỗ trợ đỗ xe phía sau bị **tắt** và sẽ không cảnh báo bất cứ chướng ngại vật nào.

QUAN TRỌNG

Các vật thể, ví dụ, xích, cọc bóng mòng hoặc thanh chắn thấp, có thể nằm trong "vùng tối của tín hiệu" và tạm thời không được cảm biến phát hiện, tiếng rung có thể dừng ngoài dự kiến thay vì chuyển thành tiếng kêu liên tục theo dự kiến.

Cảm biến không thể phát hiện vật thể cao như sàn bốc xếp.

- Trong tình huống đó, đặc biệt chú ý và lái/điều khiển lại xe rất chậm hoặc dừng việc cố đỗ xe, có thể có nguy cơ cao của việc gây hư hỏng cho các phương tiện hoặc đồ vật khác do thông tin từ cảm biến không phải lúc nào cũng đáng tin cậy trong tình huống đó.

QUAN TRỌNG

Trong một số điều kiện, hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể phát ra tín hiệu cảnh báo không chính xác do nguồn âm thanh bên ngoài có cùng tần số siêu âm với hệ thống mà xe hoạt động.

Ví dụ về các nguồn đó bao gồm còi, lốp ướt trên đường nhựa, phanh thủy lực, tiếng ống xả từ xe máy v.v...

LƯU Ý

Do thanh kéo có cấu hình theo hệ thống điện của xe, phần lồi ra của thanh kéo được tính toán khi chức năng này đo khoảng cách đến một vật thể phía sau xe.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 405)

Khuyến cáo bảo dưỡng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

Để chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe hoạt động tối ưu, cảm biến của nó phải được làm sạch thường xuyên bằng nước và nước rửa xe.



Vị trí của cảm biến đỗ xe¹²¹.

ⓘ LƯU Ý

Bụi bẩn, băng và tuyết che phủ cảm biến có thể dẫn đến tín hiệu cảnh báo sai, cảm biến hoạt động kém hiệu quả hoặc không hoạt động.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 405)

¹²¹ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Biểu tượng và thông báo cho Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

Biểu tượng và thông báo của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe có thể được hiển thị trong màn hình người lái và/hoặc màn hình trung tâm.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
		Cảm biến hỗ trợ đỗ xe phía sau bị tắt , vì lý do đó, không có cảnh báo bằng âm thanh cho chương ngại vật/vật thể.
	Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe Cảm biến bị che khuất, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng	Một hoặc nhiều cảm biến của chức năng này bị che khuất, kiểm tra và điều chỉnh sớm nhất có thể.
	Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe Không có, Cảnh báo trì	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút  ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 405)

Camera hỗ trợ đỗ xe*

Camera hỗ trợ đỗ xe có thể hỗ trợ người lái khi đỗ xe vào không gian hẹp bằng cách hiển thị chướng ngại vật bằng hình ảnh camera và hình ảnh đồ họa trong màn hình trung tâm.

Camera hỗ trợ đỗ xe là một chức năng hỗ trợ được bật tự động khi lựa chọn số lùi hoặc bật thủ công thông qua màn hình trung tâm.



Ví dụ về hình ảnh camera¹²²

- ❶ **Zoom (Phóng to)**¹²³: phóng to/thu nhỏ
- ❷ **360° view (quan sát 360°)**: bật/tắt tất cả các camera
- ❸ **PAS***: bật/tắt Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe

- ❹ **Lines (Đường kẻ)**: bật/tắt đường kẻ hỗ trợ đỗ xe
- ❺ **Towbar (Thanh kéo)***: bật/tắt đường kẻ hỗ trợ đỗ thanh kéo^{*124}
- ❻ **CTA***: bật/tắt Hệ thống Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang



¹²² Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

¹²³ Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe bị tắt khi phóng to.

¹²⁴ Không có ở tất cả các thị trường



CẢNH BÁO

- Chức năng camera đỗ xe là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Camera đỗ xe có điểm mù ở vị trí không thể phát hiện chướng ngại vật.
- Đặc biệt thận trọng với người và các con vật xung quanh xe.
- Vật thể/chướng ngại vật trên màn hình hiển thị có thể gần với xe hơn là trên màn hình.
- Camera đỗ xe không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Thông tin liên quan

- Hình ảnh camera của camera đỗ xe (trang 412)
- Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe cho camera đỗ xe (trang 414)
- Phạm vi quan sát của cảm biến từ Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe cho camera đỗ xe (trang 416)
- Khởi động camera hỗ trợ đỗ xe (trang 417)
- Hạn chế của camera hỗ trợ đỗ xe (trang 418)

- Khuyến cáo bảo dưỡng camera đỗ xe (trang 419)
- Biểu tượng và thông báo cho camera hỗ trợ đỗ xe (trang 420)
- Bật/tắt Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 407)
- Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang* (trang 374)

Hình ảnh camera của camera đỗ xe

Chức năng này có thể hiển thị hình ảnh 360° toàn diện và hình ảnh tách biệt của từng camera trong số bốn camera là camera phía sau, phía trước, bên trái hoặc bên phải.

Hình ảnh 360°

"Tầm nhìn" của camera đỗ xe có với diện tích quét xấp xỉ.

Chức năng **hình ảnh 360°** bật tất cả các camera để hiển thị đồng thời bốn phía của xe trên màn hình trung tâm, giúp người lái quan sát những thứ xung quanh xe khi đi ở tốc độ thấp.

Từ hình ảnh 360°, mỗi hình ảnh camera có thể được bật riêng:

- Ấn màn hình của "tầm nhìn" mong muốn của camera, ví dụ, trên bề mặt phía trước/trên camera phía trước.



Một biểu tượng camera trên biểu tượng xe của màn hình trung tâm thể hiện camera đang hoạt động. Nếu xe cũng được trang bị **Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe***, khoảng cách đến chướng ngại vật được phát hiện phát sáng trong các vùng có màu khác nhau.

Camera có thể được bật tự động hoặc bằng tay, xem mục "Khởi động camera hỗ trợ đỗ xe".

Phía sau



Camera hướng về phía sau¹²⁵ được lắp trên biển số.

Camera hướng về phía sau hiển thị một khu vực rộng phía sau. Với một số mẫu xe, có thể nhìn thấy bộ phận của thanh cản và thanh kéo trong một số trường hợp

Các vật thể được hiển thị trong màn hình trung tâm có thể nghiêng một chút, điều này là bình thường.

Phía trước



Camera đỗ xe phía trước¹²⁶ được đặt trên lưới tản nhiệt.

Camera trước có thể hữu ích trên đường ra với tầm nhìn hạn chế sang hai bên, ví dụ, khi có hàng rào cao. Nó hoạt động ở tốc độ đến 25 km/giờ (16 dặm/giờ), sau đó, camera trước bị tắt.

Nếu xe không đạt tốc độ 50 km/giờ (30 dặm/giờ) và tốc độ giảm xuống dưới 22 km/giờ (14 dặm/giờ) trong vòng 1 phút sau khi camera hướng về phía sau đã bị tắt, camera này sẽ được bật lại.



¹²⁵ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

¹²⁶ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Hai bên



Camera hai bên¹²⁷ được đặt trong từng gương cửa.

Camera hai bên có thể hiển thị những thứ dọc từng bên của xe.

Thông tin liên quan

- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)
- Khởi động camera hỗ trợ đỗ xe (trang 417)

Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe cho camera đỗ xe

Camera hỗ trợ đỗ xe hiển thị vị trí của xe liên quan đến những thứ xung quanh bằng cách hiển thị đường kẻ trên màn hình.



Ví dụ¹²⁸

Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe hiển thị tuyến đường dự kiến theo kích thước bên ngoài của xe với góc vô lăng hiện tại, điều này hỗ trợ đỗ xe song song, lùi vào không gian hẹp và khi nổi với toa móc.

Đường kẻ trên màn hình được trình chiếu như khi chúng ở trên mặt đất sau xe và phản ứng trực tiếp với sự di chuyển vô lăng, thể hiện cho người lái biết con đường mà xe sẽ đi và rẽ.

Các đường kẻ hỗ trợ đỗ xe này bao gồm các bộ phận lỗi ra nhiều nhất của xe, ví dụ, thanh kéo, gương cửa và góc.

LƯU Ý

- Khi lùi có toa móc không được đấu nối điện với xe, đường kẻ hỗ trợ đỗ xe trên màn hình hiển thị tuyến đường mà xe sẽ đi, không phải là toa móc.
- Màn hình không hiển thị đường kẻ hỗ trợ đỗ xe khi toa móc được đấu nối điện với hệ thống điện của xe.
- Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe không được hiển thị khi phóng to.

¹²⁷ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi, tùy thuộc vào mẫu xe.

¹²⁸ Hình ảnh chỉ mang tính minh họa, bộ phận có thể thay đổi, tùy thuộc vào mẫu xe.

① QUAN TRỌNG

- Nhớ rằng, khi lựa chọn hình ảnh camera sau, màn hình chỉ hiển thị khu vực phía sau xe. Quan sát hai bên và phía trước xe khi lùi.
- Áp dụng tương tự với các camera ngược lại, lưu ý đến những thứ xảy ra với bộ phận sau của xe khi lựa chọn hình ảnh camera trước.
- Lưu ý rằng đường kẻ hỗ trợ đỗ xe hiển thị tuyến đường **ngắn nhất**, vì lý do đó, đặc biệt chú ý đến hai bên của xe để xe không đâm vào thứ gì khi xoay vô lăng khi tiến lên phía trước hoặc va vào thứ gì khi xoay vô lăng khi lùi.

Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe trong hình ảnh 360°

Hình ảnh 360° có đường kẻ hỗ trợ đỗ xe¹²⁹.

Với hình ảnh 360°, đường kẻ hỗ trợ đỗ xe được hiển thị phía sau, phía trước và hai bên xe (tùy thuộc vào hướng đi):

- Khi lái tiến lên phía trước: Đường kẻ phía trước
- Khi lùi: Đường kẻ hai bên và đường kẻ lùi.

Khi lựa chọn camera trước hoặc sau, đường kẻ hỗ trợ đỗ xe xuất hiện bất kể hướng đi của xe.

Khi lựa chọn camera một bên, đường kẻ hỗ trợ đỗ xe chỉ xuất hiện khi lùi.

Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe*

Thanh kéo có đường kẻ hỗ trợ đỗ xe¹²⁹.

① Towbar (Thanh kéo): bật đường kẻ hỗ trợ đỗ thanh kéo.

② Zoom (Phóng to): phóng to/thu nhỏ.



¹²⁹ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

1. Ấn **Towbar (Thanh kéo)** (1).
- > Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe cho "đường đi" của thanh kéo xuất hiện, đường kẻ hỗ trợ đỗ xe của xe đồng thời biến mất.
 - Đường kẻ hỗ trợ đỗ xe cho xe và thanh kéo không thể được hiển thị đồng thời.
2. Ấn **Zoom (Phóng to)** (2) khi cần lái chính xác hơn.
- > Hình ảnh camera phóng to.
- Thông tin liên quan**
- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)

Phạm vi quan sát của cảm biến từ Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe cho camera đỗ xe

Nếu xe được trang bị hệ thống hỗ trợ đỗ xe, khoảng cách được hiển thị trong hình ảnh 360° có phạm vi quan sát màu cho từng cảm biến phát hiện chướng ngại vật.

Phạm vi quan sát của cảm biến phía sau và phía trước



Màn hình có thể hiển thị phạm vi quan sát cảm biến màu trên biểu tượng xe¹³⁰.

Phạm vi quan sát cho cảm biến khi tiến lên phía trước và lùi đổi màu do khoảng cách đến chướng ngại vật giảm, từ MÀU HỒ PHÁCH qua MÀU DA CAM đến MÀU ĐỎ.

Màu phạm vi quan sát khi lùi	Khoảng cách theo mét (feet)
Vàng	0,6 - 1,5 (2,0 - 4,9)
Da cam	0,3 - 0,6 (1,0 - 2,0)
Đỏ	0 - 0,3 (0 - 1,0)

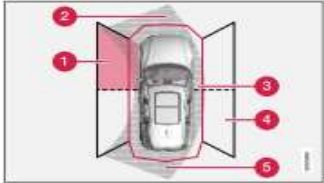
Màu phạm vi quan sát khi tiến lên phía trước	Khoảng cách theo mét (feet)
Vàng	00,6 - 0,8 (2,0 - 2,6)
Da cam	0,3 - 0,6 (1,0 - 2,0)
Đỏ	0 - 0,3 (0 - 1,0)

Với phạm vi quan sát cảm biến MÀU ĐỎ, tín hiệu bằng âm thanh rung thay đổi thành tiếng kêu liên tục.

¹³⁰ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Phạm vi quan sát của cảm biến sang hai bên

Tín hiệu cảnh báo phụ thuộc vào tuyến đường đi dự kiến của xe. Khi xoay vô lăng, có thể cũng có cảnh báo chướng ngại vật chéo phía trước hoặc chéo phía sau xe, không chỉ thẳng phía trước hoặc trực tiếp phía sau.



Các vùng cảm biến mà có thể phát hiện chướng ngại vật¹³¹.

- 1 Phạm vi quan sát của cảm biến phía trước bên tay trái
- 2 Cảm biến chướng ngại vật trong tuyến đường mà xe dự kiến tiến lên phía trước, tùy thuộc vào góc vô lăng
- 3 Vùng có phạm vi quan sát MÀU ĐỎ và tiếng rung to.

4 Phạm vi quan sát của cảm biến phía sau bên tay phải

5 Cảm biến chướng ngại vật trong tuyến đường mà xe dự kiến lùi, tùy thuộc vào góc vô lăng.

Màu của phạm vi quan sát hai bên thay đổi khi khoảng cách đến chướng ngại vật giảm, từ MAU HỒ PHÁCH thành MÀU ĐỎ.

Màu phạm vi quan sát hai bên	Khoảng cách theo mét (feet)
Vàng	0,25 - 0,9 (0,8 - 3,0)
Đỏ	0 - 0,25 (0 - 0,8)

Trong trường hợp phạm vi quan sát cảm biến MAU ĐỎ, tín hiệu bằng âm thanh thay đổi từ rung thành rung mạnh.

Thông tin liên quan

- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)

Khởi động camera hỗ trợ đỗ xe

Camera hỗ trợ đỗ xe tự động khởi động khi gài số lùi hoặc khởi động thủ công bằng một trong các nút chức năng của màn hình trung tâm.

Hình ảnh camera khi lùi

Khi gài số lùi, màn hình hiển thị hình ảnh 360° nếu nó hoặc bất cứ hình ảnh nào hai bên là hình ảnh camera cuối cùng được sử dụng, nếu không, hình ảnh phía sau được hiển thị.

Hình ảnh camera để khởi động camera thủ công



Khởi động camera đỗ xe bằng nút này trong hình ảnh chức năng của màn hình trung tâm. Màn hình ban đầu hiển thị hình ảnh camera cuối cùng được sử dụng. Tuy nhiên, sau mỗi lần động cơ được khởi động, hình ảnh hai bên được hiển thị trước đây được thay thế bằng hình ảnh 360° và hình ảnh phía sau được phóng to trước đây được thay thế bằng hình ảnh phía sau.

Tự động tắt camera

Hình ảnh phía trước tắt khi xe đạt tốc độ 25 km/giờ (16 dặm/giờ) để tránh làm xao nhãng người lái, nó bật lại tự động nếu tốc độ giảm xuống 22 km/giờ (14 dặm/giờ) trong vòng 1 phút, với điều kiện tốc độ chưa vượt quá 50 km/giờ (31 dặm/giờ). Các hình ảnh camera khác bị tắt khi xe đạt 15 km/giờ (9 dặm/giờ) và không được bật lại.



¹³¹ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Thông tin liên quan

- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)

Hạn chế của camera hỗ trợ đỗ xe

Camera hỗ trợ đỗ xe không thể phát hiện tất cả mọi thứ trong tất cả các tình huống và có thể hoạt động kém hiệu quả.

Người lái cần hiểu rõ các ví dụ sau về hạn chế của camera hỗ trợ đỗ xe.



CẢNH BÁO



Rất chú ý trong khi lùi khi biểu tượng này được hiển thị nếu toa móoc, giá chõ xe đạp hoặc thiết bị tương tự được gắn và đầu nối điện với xe.

Biểu tượng này thể hiện việc cảm biến hỗ trợ đỗ xe phía sau bị **tắt** và sẽ không cảnh báo bất cứ chướng ngại vật nào.

ⓘ LƯU Ý

Giá chõ xe đạp hoặc phụ kiện khác gắn trên phía sau của xe có thể che khuất hình ảnh camera.

Các vùng bị mù



Có các vùng "bị mù" giữa phạm vi quan sát của camera.

Trong hình ảnh 360°, chướng ngại vật/vật thể có thể biến mất trong khoảng cách giữa các camera riêng.



CẢNH BÁO

Chú ý đến khả năng của việc kể cả khi chỉ cần một bộ phận tương đối nhỏ của hình ảnh bị che khuất, vùng hình ảnh tương đối lớn cũng có thể bị che khuất, vì lý do đó, một chướng ngại vật không bị phát hiện cho đến khi xe đến rất gần với nó.

Camera bị hỏng

Nếu vùng camera có màu đen và chứa biểu tượng này, điều đó có nghĩa là camera bị hỏng.

Hình ảnh minh họa trình bày ví dụ.



Camera bên tay trái của xe bị hỏng.

Vùng camera màu đen

Vùng camera màu đen cũng được hiển thị trong ví dụ ở dưới nhưng **không có** biểu tượng camera bị hỏng:

- cửa mở
- cốp sau
- gượng cửa gập vào.

Điều kiện ánh sáng

Hình ảnh camera được điều chỉnh tự động theo điều kiện ánh sáng hiện tại. Vì điều này, hình ảnh có thể có độ sáng và chất lượng hơi khác nhau. Điều kiện ánh sáng kém có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

Thông tin liên quan

- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)

Khuyến cáo bảo dưỡng camera đỗ xe

Camera đỗ xe đặt bên trong tấm giữ biển số, trong lưới tản nhiệt và tất cả hai gương cửa cần một số lần bảo dưỡng.

Làm sạch ống kính camera thường xuyên bằng nước hơi ấm và nước rửa xe, cẩn thận để không làm xước ống kính.

① LƯU Ý

Giữ vệ sinh ống kính camera khỏi bụi bẩn, tuyết và băng để đảm bảo hiệu năng tối ưu. Điều này đặc biệt quan trọng trong điều kiện ánh sáng kém.

Thông tin liên quan

- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Biểu tượng và thông báo cho camera hỗ trợ đỗ xe

Biểu tượng và thông báo của camera hỗ trợ đỗ xe có thể được hiển thị trong màn hình người lái và/hoặc màn hình trung tâm.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
		Cảm biến hỗ trợ đỗ xe phía sau bị tắt , vì lý do đó, không có cảnh báo bằng âm thanh cho chướng ngại vật/vật thể.
		Camera bị tắt
	Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe Cảm biến bị che khuất, xem Sách Hướng dẫn Sử dụng	Một hoặc nhiều cảm biến của chức năng này bị che khuất, kiểm tra và điều chỉnh sớm nhất có thể.
	Hệ thống Hỗ trợ Đỗ xe Không có, Cần bảo trì	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách

ấn nhanh nút  ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Camera hỗ trợ đỗ xe* (trang 411)

Tự động Hỗ trợ Đỗ xe*

Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (PAP¹³²) giúp người lái vào hoặc ra khỏi vị trí đỗ xe.



PAP trước tiên kiểm tra xem vị trí có đủ lớn không và nếu đủ lớn, lái xe vào vị trí.

Màn hình trung tâm hiển thị các thao tác khác nhau cần được thực hiện và khi nào cần thực hiện bằng biểu tượng, đồ họa và văn bản.

CẢNH BÁO

- Chức năng PAP là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe và khiến việc lái xe trở nên an toàn hơn, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Đặc biệt thận trọng với người và các con vật xung quanh xe.
- PAP không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

LƯU Ý

Chức năng PAP đo vị trí đỗ xe và lái xe, nhiệm vụ của người lái là:

- quan sát kỹ xung quanh xe
- tuân thủ hướng dẫn trên màn hình trung tâm
- lựa chọn số (lùi/tiến), tiếng “ping” phát ra khi người lái cần chuyển số
- điều khiển và duy trì tốc độ an toàn
- phanh và dừng.

Thông tin liên quan

- Các tình huống đỗ xe áp dụng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 421)
- Đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 422)
- Ra khỏi vị trí đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 425)
- Hạn chế của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 426)
- Khuyến cáo bảo dưỡng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 427)
- Thông báo của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 428)

Các tình huống đỗ xe áp dụng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe PAP¹³³ có thể được sử dụng cho các tình huống đỗ xe khác nhau như sau.

Đỗ xe song song

Nguyên tắc đỗ xe song song.

Chức năng PAP đỗ xe bằng các bước sau:

1. Xác định và đo một vị trí đỗ xe.
2. Xe được lùi vào vị trí đỗ xe.
3. Xe được lái vào vị trí đỗ xe bằng các hình thức lái tiến/lùi.

Sử dụng chức năng **Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)**, PAP cũng có thể hỗ trợ một xe được đỗ song song để xe đi ra khỏi vị trí đỗ xe, xem mục có tiêu đề “Ra khỏi vị trí đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe”.

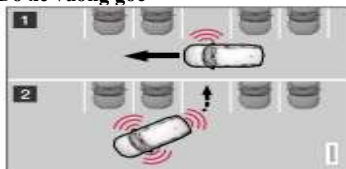


¹³² Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

¹³³ Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

“

Đỗ xe vuông góc



Nguyên tắc đỗ xe vuông góc.

Chức năng PAP đỗ xe bằng các bước sau:

1. Xác định và đo một vị trí đỗ xe.
2. Xe được lùi lái vào vị trí đỗ xe bằng các hình thức lái tiến/lùi.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng **Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)** của PAP không thể hỗ trợ một xe được đỗ vuông góc để xe đó ra khỏi vị trí đỗ xe, chức năng này chỉ được sử dụng cho xe được đỗ song song.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)
- Ra khỏi vị trí đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 425)

Đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe
Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (PAP¹³⁴) giúp người lái đỗ xe thông qua ba bước. Chức năng này cũng giúp người lái điều khiển xe ra khỏi vị trí đỗ xe.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng PAP đo vị trí đỗ xe và lái xe, nhiệm vụ của người lái là:

- quan sát kỹ xung quanh xe
- tuân thủ hướng dẫn trên màn hình trung tâm
- lựa chọn số (lùi/tiền), tiếng “ping” phát ra khi người lái cần chuyển số
- điều khiển và duy trì tốc độ an toàn
- phanh và dừng.

Các biểu tượng, đồ họa và/hoặc văn bản xuất hiện trên màn hình trung tâm khi cần thực hiện các bước khác nhau.

PAP có thể được bật nếu đáp ứng các tiêu chí sau, sau khi động cơ được khởi động:

- Không gắn toa móc vào xe
- Tốc độ phải thấp hơn 30 km/giờ (20 dặm/giờ)

¹³⁴ Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

ⓘ LƯU Ý

Khoảng cách giữa xe và vị trí đỗ xe cần là 0,5 - 1,5 mét (1,6 - 5,0 ft) trong khi PAP đang tìm kiếm vị trí đỗ xe.

Đỗ xe

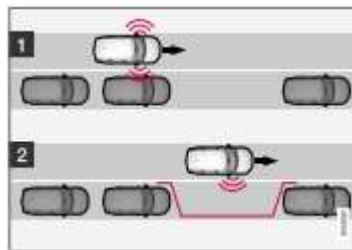
PAP đỗ xe bằng các bước sau:

1. Xác định và đo một vị trí đỗ xe.
2. Xe được lùi vào vị trí đỗ xe.
3. Xe được lái vào vị trí đỗ xe, hệ thống có thể yêu cầu người lái chuyển số.

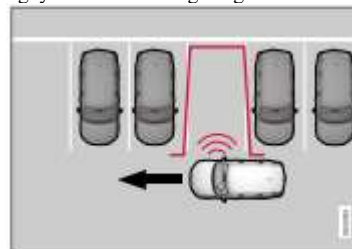
Tìm và đo vị trí đỗ xe

Có thể bật chức năng này trong phần chức năng của màn hình trung tâm.

Cũng có thể truy cập nó từ hình ảnh camera



Nguyên tắc đỗ xe song song.



Nguyên tắc đỗ xe vuông góc.

Thực hiện như sau:

1. Không lái nhanh hơn 30 km/giờ (20 dặm/giờ) khi đỗ xe song song hoặc 20 km/giờ (12 dặm/giờ) khi đỗ xe vuông góc.

2. Ấn nhẹ nút **Park In (Đi vào Vị trí Đỗ xe)** trong phần chức năng hoặc trong hình ảnh camera.
 - > PAP tìm vị trí đỗ xe và kiểm tra xem vị trí đỗ xe có đủ lớn không.
3. Chuẩn bị dừng xe khi hình ảnh đồ họa và thông báo trên màn hình trung tâm thể hiện việc đã tìm được một vị trí đỗ xe phù hợp.
 - > Một cửa sổ pop-up được hiển thị.
4. Lựa chọn **Parallel parking (Đỗ xe song song)** hoặc **Perpendicular parking (Đỗ xe vuông góc)** và lựa chọn số lùi.

ⓘ LƯU Ý

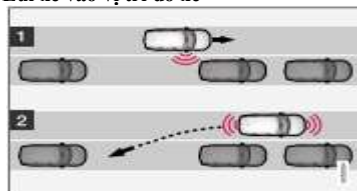
PAP tìm vị trí để đỗ xe, hiển thị hướng dẫn và điều khiển xe đỗ về phía của hành khách nhưng nếu được yêu cầu, xe cũng có thể được đỗ ở phía người lái trên đường:

- Bật xi nhan phía người lái, tiếp theo, hệ thống tìm vị trí đỗ xe ở phía người lái của xe.

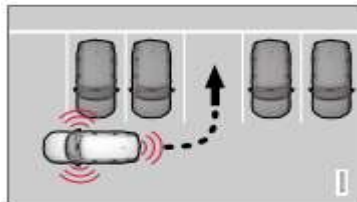


“

Lùi xe vào vị trí đỗ xe



Song song.



Vuông góc.

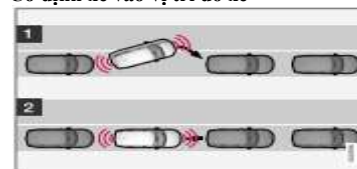
Thực hiện quy trình dưới đây để lùi xe vào vị trí đỗ xe:

1. Kiểm tra xem khu vực phía sau xe có thông thoáng không, tiếp theo, gài số lùi.
2. Lùi chậm và cẩn thận mà không chạm vào vô lăng và không được đi nhanh hơn 7 km/giờ (4 dặm/giờ).
3. Chuẩn bị dừng xe khi hình ảnh đồ họa và thông báo trên màn hình trung tâm hướng dẫn dừng xe.

① LƯU Ý

- Để tay tránh xe vô lăng khi bật chức năng PAP.
- Đảm bảo vô lăng không bị kẹt dưới bất cứ hình thức nào và có thể xoay tự do.
- Để đạt hiệu quả tối ưu, đợi cho đến khi vô lăng được xoay toàn bộ trước khi bắt đầu lái lùi/tiến.

Cố định xe vào vị trí đỗ xe



Song song.



Vuông góc.

Thực hiện như sau:

1. Di chuyển cần số về vị trí **D**, đợi cho đến khi vô lăng đã được xoay và lái chậm về phía trước.

- Chuẩn bị dừng xe khi được đồ họa và thông báo trên màn hình trung tâm hướng dẫn.
- Lựa chọn số lùi và lái chậm về phía sau.
- Chuẩn bị dừng xe khi được đồ họa và thông báo trên màn hình trung tâm hướng dẫn.

Chức năng này bị tắt tự động và đồ họa và thông báo thể hiện việc đã hoàn thành việc đỗ xe. Người lái có thể cần điều khiển vị trí của xe. Chỉ người lái có thể xác định xem xe được đỗ đúng hay không.

① QUAN TRỌNG

Khoảng cách cảnh báo ngắn hơn khi PAP sử dụng cảm biến để so sánh khi chức năng Hỗ trợ Đỗ xe sử dụng cảm biến.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)

Ra khỏi vị trí đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

Chức năng **Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)** cũng giúp người lái ra khỏi vị trí đỗ xe.

① LƯU Ý

Khi ra khỏi vị trí đỗ xe, chức năng **Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)** chỉ được sử dụng cho xe được đỗ song song, nó không hoạt động với xe được đỗ vuông góc.



Chức năng **Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)** được bật trong phần chức năng của màn hình trung tâm hoặc trong phần camera.

Thực hiện như sau:

- Ấn nhẹ nút **Park Out (Ra khỏi Vị trí Đỗ xe)** trong phần chức năng hoặc trong hình ảnh camera.
- Sử dụng xi nhan để lựa chọn hướng mà xe cần rời khỏi vị trí đỗ xe.
- Chuẩn bị dừng xe khi hình ảnh đồ họa và thông báo trên màn hình trung tâm hướng dẫn dừng xe, tuân thủ hướng dẫn như quy trình đỗ xe.

Lưu ý, vô lăng có thể “bị xoay” lại khi sử dụng chức năng này, người lái có thể cần xoay lại vô lăng về góc lái tối đa để ra khỏi vị trí đỗ xe.

Nếu PAP cho rằng người lái có thể ra khỏi vị trí đỗ xe mà không cần điều chỉnh thêm, chức năng này sẽ bị dừng, kể cả khi người lái có thể cho rằng xe vẫn đang trong vị trí đỗ xe.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)

Hạn chế của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đổ xe*

Chức năng Tự động Hỗ trợ Đổ xe PAP¹³⁵ không thể phát hiện tất cả mọi thứ trong tất cả các tình huống và có thể hoạt động kém hiệu quả trong các trường hợp này.



CẢNH BÁO

- Chức năng PAP là một chức năng hỗ trợ người lái bổ sung nhằm mục đích hỗ trợ lái xe, nó không thể xử lý tất cả các tình huống trong tất cả các điều kiện giao thông, thời tiết và đường xá.
- Đặc biệt chú ý đến người và các con vật gần xe.
- Nhớ rằng, phần trước của xe có thể xoay hướng về phía các xe đang tiến đến gần trong quá trình đổ xe,
- Các vật thể được đặt cao hơn khu vực phát hiện của cảm biến sẽ không được đưa vào quá trình tính toán đổ xe, điều này có thể làm cho PAP xoay xe vào vị trí đổ xe quá sớm, cần tránh đổ vào những vị trí đổ xe như vậy vì lý do này.
- PAP không thay thế cho sự tập trung và phán đoán của người lái. Người lái luôn chịu trách nhiệm đảm bảo lái xe an toàn ở tốc độ phù hợp với khoảng cách phù hợp với xe khác và tuân thủ quy tắc và quy định giao thông hiện hành.

Người lái cần hiểu rõ các ví dụ sau về hạn chế của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đổ xe.

Dừng việc đổ xe

Trình tự đổ xe sẽ bị dừng:

- nếu người lái di chuyển vô lăng
- nếu xe đi quá nhanh, trên 7 km/giờ (4 dặm/giờ)
- nếu người lái ấn **Cancel (Hủy bỏ)** trong màn hình trung tâm
- khi đạp phanh chống bó cứng hoặc sử dụng hệ thống Kiểm soát cân bằng điện tử, ví dụ, khi bánh xe mất độ bám đường trên đường trơn trượt.
- khi tay lái trợ lực đang hoạt động ở công suất thấp, ví dụ, trong quá trình làm mát do quá nhiệt (xem mục "Lực lái phụ thuộc vào tốc độ").

Nếu áp dụng, thông báo trên màn hình trung tâm sẽ thể hiện việc đã dừng trình tự đổ xe.

① QUAN TRỌNG

Trong một số điều kiện, PAP không thể tìm được vị trí đổ xe, một lý do có thể là cảm biến bị nhiễu do các nguồn âm thanh bên ngoài có cùng tần số siêu âm với hệ thống của xe.

Ví dụ về các nguồn đó bao gồm còi, lớp ướt trên đường nhựa, phanh thủy lực, tiếng ống xả từ xe máy v.v...

① LƯU Ý

Bụi bẩn, băng và tuyết che phủ cảm biến có thể làm cảm biến hoạt động kém hiệu quả và cản trở việc đo khoảng cách.

Trách nhiệm của người lái

Người lái cần ghi nhớ rằng PAP là một chức năng hỗ trợ, không phải là một chức năng không bao giờ hỏng và hoàn toàn tự động. Người lái phải luôn chuẩn bị sẵn sàng để can thiệp vào bước đổ xe.

¹³⁵ Tự động Hỗ trợ Đổ xe

Cũng có một số chi tiết cần nhớ trong quá trình đỗ xe, ví dụ:

- Người lái luôn chịu trách nhiệm xác định xem vị trí được PAP lựa chọn có phù hợp để đỗ xe không.
- Không sử dụng PAP nếu gắn xích đi trên tuyết hoặc bánh xe dự phòng.
- Không sử dụng PAP nếu hàng hóa nhô ra khỏi xe.
- Mưa to hoặc tuyết có thể làm hệ thống xác định vị trí đỗ xe không chính xác.
- Trong quá trình tìm kiếm và kiểm tra, xác định vị trí đỗ xe, PAP có thể bỏ qua các vật thể nằm sâu trong vị trí đỗ xe.
- Vị trí đỗ xe trên đường hẹp không phải lúc nào cũng khả thi do vị trí cần thiết để đỗ xe có thể không đủ.
- Sử dụng lốp được chấp nhận¹³⁶ có áp suất lốp phù hợp, điều này ảnh hưởng đến khả năng của PAP trong việc đỗ xe.
- PAP dựa vào vị trí của xe đã được đỗ bên cạnh, nếu chúng được đỗ không phù hợp, lốp và mâm của xe có thể bị hư hỏng do tiếp xúc với lề đường.
- Vị trí đỗ xe vuông góc có thể bị bỏ qua hoặc xác định một cách không cần thiết nếu một xe được đỗ đang nhô ra so với các xe được đỗ khác.

- PAP được thiết kế để đỗ trên đường thẳng, không sử dụng trên đường cua gấp hoặc đường quanh co. Vì lý do này, đảm bảo xe nằm song song với vị trí đỗ xe dự kiến khi PAP xác định vị trí đỗ xe.

ⓘ QUAN TRỌNG

Việc thay đổi sang một loại mâm và/hoặc kích thước lốp khác được chấp nhận có thể dẫn đến việc thay đổi chu vi lốp xe, điều này có nghĩa là thông số của hệ thống PAP có thể cần được cập nhật. Tham khảo ý kiến của gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)
- Đỗ xe bằng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe (trang 422)
- Lực lái liên quan đến tốc độ (trang 286)

Khuyến cáo bảo dưỡng Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỗ xe PAP¹³⁷ hoạt động tối ưu, cảm biến hỗ trợ đỗ xe phải được làm sạch thường xuyên bằng nước và nước rửa xe.



Vị trí của cảm biến đỗ xe¹³⁸.

ⓘ LƯU Ý

Bụi bẩn, băng và tuyết che phủ cảm biến có thể dẫn đến tín hiệu cảnh báo sai, cảm biến hoạt động kém hiệu quả hoặc không hoạt động.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỗ xe* (trang 421)

¹³⁶ “Lốp được chấp nhận” là lốp cùng loại và được sản xuất giống với lốp nhà máy được lắp trên xe.

¹³⁷ Tự động Hỗ trợ Đỗ xe

¹³⁸ LƯU Ý: Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

HỖ TRỢ NGƯỜI LÁI

Thông báo của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỡ xe*

Thông báo của Chức năng Tự động Hỗ trợ Đỡ xe PAP¹³⁹ có thể được hiển thị trong màn hình người lái và/hoặc màn hình trung tâm.

Bảng dưới trình bày một số ví dụ.

Thông báo	Ý nghĩa
Hệ thống Hỗ trợ Đỡ xe	Một hoặc nhiều cảm biến của chức năng này bị che khuất, kiểm tra và điều chỉnh
Cảm biến bị che khuất, cần làm sạch	sớm nhất có thể.
Hệ thống Hỗ trợ Đỡ xe	Hệ thống không hoạt động chính xác. Cần liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được
Không có, Cần bảo trì	Volvo ủy quyền.

Có thể xóa một thông báo bằng văn bản bằng cách ấn nhanh nút  ở giữa bàn phím bên phải của vô lăng.

Nếu vẫn còn thông báo: Liên hệ gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Tự động Hỗ trợ Đỡ xe* (trang 421)

¹³⁹ Tự động Hỗ trợ Đỡ xe

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Khởi động xe

Xe được khởi động bằng nút khởi động trong bảng điều khiển bên dưới khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong khoang hành khách.



Nút khởi động trong bảng điều khiển bên dưới.

CẢNH BÁO

Trước khi khởi động:

- Thắt dây đai an toàn.
- Điều chỉnh ghế ngồi, vô lăng và gương.
- Đảm bảo có thể đạp chân phanh hết cỡ.

Chìa khóa điều khiển từ xa không được sử dụng về mặt vật lý khi khởi động xe do xe được trang bị hỗ trợ khởi động từ xa (Khởi động thụ động).

Để khởi động xe:

1. Chìa khóa điều khiển từ xa phải ở bên trong xe. Với xe có chức năng Khởi động Thụ động, chìa khóa cần được đặt ở phía trước khoang hành khách. Với tùy chọn khóa/mở khóa từ xa* của xe, chìa khóa có thể được đặt ở bất cứ nơi nào trong xe.
2. Đạp giữ chân phanh¹ hết cỡ. Với xe sang số tự động, đảm bảo lựa chọn vị trí số P hoặc N. Với xe có hộp số sàn, đảm bảo cần số ở vị trí số mo hoặc đạp chân côn.
3. Vặn nút khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra. Nút điều khiển tự động trở về vị trí ban đầu.

LƯU Ý

Với xe chạy dầu diesel, có thể có độ trễ nhỏ trước khi bắt đầu khởi động.

Khí động cơ được khởi động, động cơ của bộ khởi động làm việc cho đến khi động cơ được khởi động hoặc cho đến khi hệ thống bảo vệ chống quá nhiệt được kích hoạt.



Vị trí đầu đọc dự phòng trong bảng điều khiển bên dưới. Nếu thông báo **Car key not found (Không tìm thấy chìa khóa xe)** được hiển thị trong màn hình người lái khi khởi động, đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên đầu đọc dự phòng và thử khởi động lại xe.

LƯU Ý

Khi đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên đầu đọc dự phòng, đảm bảo rằng không có chìa khóa xe, đồ kim loại hoặc thiết bị điện tử (ví dụ, điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay hoặc bộ sạc) trên đầu đọc dự phòng. Một số chìa khóa xe ở gần nhau trên đầu đọc dự phòng có thể gây nhiễu cho nhau.

¹ Nếu xe đang di chuyển, động cơ có thể được khởi động bằng cách vặn nút khởi động theo chiều kim đồng hồ.

KHOẢNG CÁCH VÀ LÁI XE

❶ QUAN TRỌNG

Nếu động cơ không khởi động sau 3 lần thử, đợi trong 3 phút trước khi thử thêm. Khả năng khởi động tăng lên nếu ắc quy được hồi.

⚠ CẢNH BÁO

Tuyệt đối không lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe trong quá trình lái hoặc kéo.

⚠ CẢNH BÁO

Luôn lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe khi rời khỏi xe và đảm bảo hệ thống điện của xe ở vị trí đánh lửa 0, đặc biệt nếu có trẻ em trong xe.

❷ LƯU Ý

Tốc độ chạy cảm chừng có thể cao hơn đáng kể so với bình thường đối với một số loại động cơ trong quá trình khởi động nguội. Điều này được thực hiện để hệ thống phát thải có thể đạt nhiệt độ vận hành thông thường nhanh nhất có thể để giảm thiểu tối đa khí thải và bảo vệ môi trường.

Thông tin liên quan

- Tắt động cơ xe (trang 431)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)
- Kích nổ bằng một bình ắc quy khác (trang 481)
- Lựa chọn chế độ đánh lửa (trang 433)

Tắt động cơ xe

Xe được tắt động cơ bằng nút khởi động trong bảng điều khiển bên dưới.



Nút khởi động trong bảng điều khiển bên dưới:

Để tắt động cơ xe:

- Vận nút khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra - xe được tắt động cơ. Nút điều khiển tự động trở về vị trí ban đầu.

Cần số cho xe có hộp số tự động không ở vị trí P hoặc xe có thể lăn:

- Vận nút theo chiều kim đồng hồ và giữ cho đến khi xe được tắt động cơ.

Thông tin liên quan

- Khởi động xe (trang 430)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)



KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

- Kích nổ bằng một bình ắc quy khác (trang 481)
- Lựa chọn chế độ đánh lửa (trang 433)

Vị trí công tắc

Hệ thống điện của xe có thể được cài đặt ở nhiều mức/vị trí khác nhau để thực hiện các chức năng có sẵn khác nhau.

Để tạo điều kiện sử dụng một số chức năng hạn chế khi tắt động cơ, hệ thống điện của xe có thể được cài đặt ở ba mức khác nhau gồm 0, I và II. Các mức này được mô tả trong đề mục (vị trí công tắc) trong sách hướng dẫn sử dụng.

Bảng dưới trình bày các chức năng có sẵn trong từng vị trí/mức đánh lửa:

Mức	Chức năng
0	• Đồng hồ đo tổng quãng đường đã đi được, đồng hồ và đồng hồ đo nhiệt độ sáng^A. • Có thể điều chỉnh ghế chỉnh điện*. • Có thể sử dụng cửa sổ điện. • Màn hình trung tâm được khởi động và có thể được sử dụng^A. • Hệ thống thông tin giải trí có thể được sử dụng^A. Trong chế độ này, các chức năng được điều khiển theo thời gian và tắt tự động sau một lúc.
I	• Cửa sổ trời, cửa sổ điện, ổ cắm điện 12 V trong khoang hành khách, Bluetooth, dẫn đường, điện thoại, quạt thông gió và cần gạt nước có thể được sử dụng. • Có thể điều chỉnh ghế chỉnh điện. • Ổ cắm điện 12 V* trong khoang hành lý có thể được sử dụng. Điện được lấy từ ắc quy trong vị trí công tắc này.

Mức	Chức năng
II	- Đèn pha sáng. - Đèn cảnh báo/đèn báo sáng trong 5 giây. - Một số hệ thống khác được bật. Tuy nhiên, chỉ có thể bật sưởi đệm ghế và cửa sổ sau, sau khi xe đã được khởi động. Vị trí đánh lửa này sử dụng nhiều điện từ ắc quy và cần tránh sử dụng vị trí công tắc này!

^A Cũng được bật khi mở cửa.

Thông tin liên quan

- Khởi động xe (trang 430)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)
- Kích nổ bằng một bình ắc quy khác (trang 481)
- Lựa chọn chế độ đánh lửa (trang 433)

Lựa chọn chế độ công tắc

Hệ thống điện của xe có thể được cài đặt ở nhiều mức/vị trí khác nhau để thực hiện các chức năng có sẵn khác nhau.

Lựa chọn vị trí đánh lửa



Núm khởi động trong bảng điều khiển bên dưới.

- Vị trí đánh lửa 0:** Mở khóa xe và để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe.

ⓘ LƯU Ý

Để đạt mức I hoặc II **mà không** khởi động động cơ, không đạp chân phanh hoặc chân côn với xe sang số bằng tay khi cần lựa chọn các vị trí đánh lửa này.

- Vị trí công tắc 1:** Vận núp khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra. Nút điều khiển tự động trở về vị trí ban đầu.
- Vị trí công tắc II:** Vận núp khởi động theo chiều kim đồng hồ và giữ nó trong xấp xỉ 5 giây. Thả núp ra, núp tự động trở về vị trí ban đầu.
- Trở về vị trí công tắc 0:** Để trở về vị trí đánh lửa 0 từ vị trí I và II. Vận núp khởi động theo chiều kim đồng hồ và thả ra. Nút điều khiển tự động trở về vị trí ban đầu.

Thông tin liên quan

- Khởi động xe (trang 430)
- Tắt động cơ xe (trang 431)
- Vị trí công tắc (trang 432)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)
- Kích nổ bằng một bình ắc quy khác (trang 481)

Khóa vô lăng khi người lái say rượu*

Chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu để ngăn người lái xe chịu ảnh hưởng của rượu thực hiện lái xe. Trước khi động cơ có thể được khởi động, người lái phải thực hiện kiểm tra hơi thở để xác định xem người đó có chịu ảnh hưởng của rượu không. Mức độ nồng độ rượu của chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu tuân thủ giá trị giới hạn nồng độ rượu khi lái xe của từng thị trường.

Xe có giao diện đầu nối điện cho các chủng loại và mẫu khác nhau của chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu được Volvo khuyến cáo. Giao diện này tạo điều kiện kết nối chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu và có tùy chọn chức năng tích hợp, bao gồm thông báo liên quan đến chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu trong màn hình chính của xe. Để biết thông tin về chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu cụ thể, vui lòng tham khảo sách hướng dẫn sử dụng từ nhà sản xuất chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu tương ứng.

CẢNH BÁO

Chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu là một chức năng hỗ trợ và không làm giảm trách nhiệm của người lái. Người lái luôn có trách nhiệm tỉnh táo và lái xe an toàn.

Thông tin liên quan

- Bỏ qua vô lăng khi người lái say rượu* (trang 434)
- Trước khi khởi động động cơ có khóa vô lăng khi người lái say rượu (trang 435)
- Khởi động xe (trang 430)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)

Bỏ qua vô lăng khi người lái say rượu*

Trong trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp hoặc nếu chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu, có thể tắt chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu để lái xe.

Để tắt thông qua chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu, xem hướng dẫn riêng cho chức năng khóa cụ thể đó.

Bật bỏ qua chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu (Bỏ qua)

 LƯU Ý
Tất cả hoạt động bật bỏ qua chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu đều được ghi lại và lưu trong bộ nhớ của thiết bị điều khiển chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu. Không được hoàn tác bỏ qua.

Thông báo **Blow into alcolock Bypass instead?** (Bỏ qua chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu?) được hiển thị trên màn hình:

- Nếu "Cancel/Yes" (Hủy bỏ/Có) được hiển thị, lựa chọn bỏ qua bằng cách ấn nút mũi tên bên phải trên bàn phím bên phải của vô lăng và ấn nút O.
- Nếu "Yes" (Có) được hiển thị, lựa chọn bỏ qua bằng cách ấn nút O.

Chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu đang được bỏ qua và xe có thể được khởi động.

Số lần có thể bỏ qua trước khi cần bảo trì được lựa chọn trong quá trình cài đặt chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu.

Thông tin liên quan

- Khóa vô lăng khi người lái say rượu* (trang 434)
- Trước khi khởi động động cơ có khóa vô lăng khi người lái say rượu (trang 435)
- Khởi động xe (trang 430)
- Vị trí công tắc (trang 432)

Trước khi khởi động động cơ có khóa vô lăng khi người lái say rượu

Chức năng khóa vô lăng khi người lái say rượu được bật tự động và sẵn sàng sử dụng khi xe được mở cửa.

Ghi nhớ

Để chức năng này hoạt động và đo chính xác nhất có thể:

- Tránh ăn uống trong xấp xỉ 5 phút trước khi kiểm tra hơi thở.
- Tránh rửa kính chắn gió quá nhiều, còn trong dung dịch nước rửa kính có thể làm kết quả đo không chính xác.

ⓘ LƯU Ý

Sau một thời gian chạy, động cơ có thể được khởi động lại trong vòng 30 phút mà không cần thực hiện kiểm tra hơi thở mới.

Thông tin liên quan

- Bỏ qua vô lăng khi người lái say rượu* (trang 434)
- Khóa vô lăng khi người lái say rượu* (trang 434)
- Khởi động xe (trang 430)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)

Chức năng phanh

Phanh của xe được sử dụng để giảm tốc độ hoặc ngăn xe lăn.

Bên cạnh phanh chân và phanh tay, xe được trang bị một số chức năng hỗ trợ phanh tự động. Các chức năng này có thể hỗ trợ người lái bằng cách người lái không cần đặt chân trên chân phanh khi xe đứng yên để chờ đèn giao thông, khi khởi động lên dốc hoặc khi đổ đèo.

Tùy thuộc vào trang bị của xe, có sẵn các chức năng phanh tự động sau:

- Phanh tự động khi xe đứng yên (Tự động giữ phanh)
- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (Hỗ trợ Khởi hành Ngang dốc)
- Tự động phanh sau va chạm
- Lái xe An toàn trong Thành phố
- Hỗ trợ đổ đèo (Hỗ trợ Đổ đèo)*

Thông tin liên quan

- Phanh chân (trang 435)
- Phanh tay (trang 438)
- Bật và tắt phanh tự động khi xe đứng yên (trang 443)
- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (trang 442)
- Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™) (trang 354)
- Hỗ trợ đổ đèo* (trang 464)

Phanh chân

Phanh chân là một bộ phận của hệ thống phanh.

Xe được trang bị hai mạch phanh. Nếu một mạch phanh bị hỏng, chân phanh sẽ được đạp sâu hơn. Cần áp lực cao hơn để tạo ra tác dụng phanh thông thường.

Bộ trợ lực hơi phanh làm tăng áp lực lên chân phanh của người lái.

⚠ CẢNH BÁO

Bộ trợ lực hơi phanh chỉ hoạt động khi động cơ đang chạy.

Nếu sử dụng phanh chân khi động cơ bị tắt, chân phanh sẽ cứng hơn và phải dùng áp lực lớn hơn để phanh xe.

Ở điều kiện địa hình đồi núi hoặc khi lái xe chờ nhiều đèn, cần nhả phanh bằng phanh động cơ ở chế độ sang số bằng tay. Phanh động cơ được sử dụng hiệu quả nhất nếu sử dụng cùng số khi lên dốc và xuống dốc. Sử dụng chế độ lái Địa hình* để tăng mức phanh động cơ khi lái xe đổ đèo ở tốc độ chậm.

Hệ thống chống bó cứng phanh

Xe có phanh chống bó cứng. Hệ thống Chống Bó cứng Phanh (ABS) ngăn việc bánh xe bị bó cứng trong quá trình phanh và cho phép duy trì kiểm soát vô lăng. Có thể có rung động trong chân phanh khi đạp phanh và điều này là bình thường.

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Thực hiện tự động kiểm tra nhanh hệ thống ABS sau khi xe được khởi động khi người lái nhả phanh chân. Có thể thực hiện thêm kiểm tra tự động hệ thống ở tốc độ thấp. Chân phanh có thể rung lên khi thực hiện kiểm tra này.

Biểu tượng trong màn hình người lái

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Kiểm tra mức dầu phanh. Nếu mức dầu thấp, đổ dầu phanh và kiểm tra nguyên nhân hao hụt dầu phanh.
	Sáng liên tục trong 2 giây khi động cơ được khởi động: Tự động kiểm tra chức năng. Sáng liên tục trong hơn 2 giây: Lỗi hệ thống ABS. Hệ thống phanh thông thường của xe vẫn đang hoạt động nhưng không có chức năng ABS.

CẢNH BÁO

Nếu tất cả hai đèn cảnh báo lỗi phanh và lỗi ABS đều sáng đồng thời, đã xảy ra lỗi trong hệ thống phanh.

- Nếu mức dầu phanh trong két dầu phanh ở mức bình thường trong giai đoạn này, lái xe cần thận đến gara gần nhất và kiểm tra hệ thống phanh, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.
- Nếu mức dầu phanh dưới mức **MIN (TỐI THIỂU)** trong két dầu phanh, không lái xe trước khi nạp dầu phanh. Phải kiểm tra lý do hao hụt dầu phanh.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ phanh (trang 436)
- Phanh tự động khi xe đứng yên (trang 441)
- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (trang 442)
- Phanh trên đường ướt (trang 437)
- Phanh trên đường đá (trang 437)
- Bảo dưỡng hệ thống phanh (trang 437)
- Đèn phanh (trang 158)

Hỗ trợ phanh

Hệ thống hỗ trợ phanh, BAS (Hệ thống Hỗ trợ Phanh) giúp tăng lực phanh trong quá trình phanh, rút ngắn khoảng cách phanh.

Hệ thống này phát hiện cách người lái phanh và tăng lực phanh, khi cần thiết. Có thể tăng mức độ lực phanh khi bật hệ thống ABS. Chức năng này được tạm dừng khi áp lực lên chân phanh giảm.

LƯU Ý

Khi bật BAS, chân phanh hạ thấp hơn một ít so với thông thường, đạp (giữ) chân phanh lâu, nếu cần thiết.

Khi nhả chân phanh, tất cả hoạt động phanh đều dừng lại.

Thông tin liên quan

- Phanh chân (trang 435)

Phanh trên đường ướt

Khi lái xe trong thời gian dài trong điều kiện mưa to mà không phanh, tác dụng phanh có thể chậm hơn một ít khi sử dụng phanh lần tới.

Sau khi rửa xe cũng có thể xảy ra tình huống này. Cần đạp chân phanh mạnh hơn. Bạn cần duy trì khoảng cách lớn hơn đến xe phía trước. Phanh xe dứt khoát sau khi lái xe trên đường ướt hoặc rửa xe. Hoạt động này làm nóng đĩa phanh, làm chúng khô nhanh hơn và bảo vệ khỏi ăn mòn. Chú ý tình hình giao thông hiện tại khi phanh.

Thông tin liên quan

- Phanh chân (trang 435)
- Phanh trên đường đá (trang 437)

Phanh trên đường đá

Khi lái xe trên đường dính muối, một lớp muối có thể tạo thành trên đĩa phanh và tấm lót ổ phanh.

Điều này có thể làm tăng khoảng cách phanh. Bạn cần duy trì khoảng cách an toàn lớn hơn đến xe phía trước. Thêm vào đó, đảm bảo bạn thực hiện hành động dưới đây:

- Phanh nhiều lần để loại bỏ lớp muối. Đảm bảo những người tham gia giao thông khác không gặp nguy hiểm khi bạn phanh.
- Đạp nhẹ chân phanh sau khi lái xe và trước khi bắt đầu hành trình tiếp theo.

Thông tin liên quan

- Phanh chân (trang 435)
- Phanh trên đường ướt (trang 437)

Bảo dưỡng hệ thống phanh

Kiểm tra các bộ phận hệ thống phanh thường xuyên xem có ăn mòn không.

Để giữ xe an toàn và đáng tin cậy nhất có thể, tuân thủ thời gian bảo trì của Volvo được trình bày trong Sách Hướng dẫn Bảo trì và Bảo hành. Tấm lót ổ phanh và đĩa phanh mới và được thay thế không có tác dụng phanh tối ưu cho đến khi chúng bị "mòn" sau vài trăm kilomet (dặm). Khi tác dụng phanh bị giảm, đạp chân phanh mạnh hơn. Volvo khuyến cáo chỉ gắn tấm lót ổ phanh được Volvo chấp nhận.

❶ QUAN TRỌNG

Phải kiểm tra thường xuyên vết mòn trên bộ phận hệ thống phanh.

Liên hệ gara để biết thông tin về quy trình kiểm tra hoặc thuê gara thực hiện kiểm tra, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Phanh chân (trang 435)

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Phanh tay

Phanh tay ngăn xe bị quay tròn khi đứng yên bằng hình thức khóa/bó cứng hai bánh xe bằng cơ học.



Nút điều khiển phanh tay được đặt trong bảng điều khiển bên dưới ghế ngồi.

Có thể nghe thấy tiếng ồn nhỏ của động cơ điện khi kéo phanh tay chạy điện. Cũng có thể nghe thấy tiếng ồn trong quá trình kiểm tra chức năng tự động của phanh tay.

Nếu xe đang đứng yên khi kéo phanh tay, phanh tay chỉ tác dụng lên bánh sau. Nếu kéo phanh tay khi xe đang di chuyển, ví dụ, sử dụng phanh chân thông thường, phanh sẽ có tác dụng lên tất cả bốn bánh. Khi xe gần như đứng yên, chức năng phanh thay đổi sang bánh sau.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt phanh tay (trang 438)
- Đỗ xe trên đường đồi dốc (trang 440)
- Trong trường hợp xảy ra lỗi phanh tay (trang 440)
- Phanh tự động khi xe đứng yên (trang 441)

Bật và tắt phanh tay

Phanh tay ngăn xe bị lăn khi đứng yên.

Bật phanh tay



1. Kéo nút điều khiển lên trên.
 - > Biểu tượng này trong màn hình người lái sáng khi bật phanh tay.
2. Kiểm tra xem xe có đứng yên không.

Biểu tượng trong màn hình người lái

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Biểu tượng này sáng khi bật phanh tay. Nếu biểu tượng này nhấp nháy, đã xảy ra lỗi. Đọc thông báo trong màn hình người lái.

Bật tự động

Phanh tay được bật tự động:

- khi xe được tắt động cơ và cài đặt bật tự động phanh tay được bật trong màn hình trung tâm.
- nếu chức năng Tự động giữ phanh (Phanh tự động khi xe đứng yên) được bật và xe đã đứng yên trong thời gian lâu hơn (5 - 10 phút).
- khi lựa chọn số P khi đi trên đường đồi dốc.

Phanh khẩn cấp

Trong trường hợp khẩn cấp, có thể bật phanh tay khi xe đang di chuyển bằng cách kéo và giữ nút điều khiển. Dừng phanh khi nhả nút điều khiển hoặc đạp chân ga.

LƯU Ý

Tín hiệu âm thanh phát ra khi bật phanh khẩn cấp ở tốc độ cao.

Tắt phanh tay**Tắt bằng tay**

1. Đạp mạnh chân phanh.
2. Ấn nút điều khiển xuống.
 - > Phanh tay nhả ra và biểu tượng này trong màn hình người lái tắt.

Tắt tự động

1. Thắt dây đai an toàn.
2. Đạp mạnh chân phanh.
3. Khởi động xe.
4. Lựa chọn vị trí D hoặc R và đạp chân ga.
 - > Phanh tay nhả ra và biểu tượng trong màn hình người lái tắt.

LƯU Ý

Khi xe được khởi động lần đầu, có thể nhả phanh tay tự động mà không cần thắt dây đai an toàn.

Thông tin liên quan

- Cài đặt bật phanh tay tự động (trang 440)
- Trong trường hợp xảy ra lỗi phanh tay (trang 440)
- Phanh tay (trang 438)
- Đỡ xe trên đường đồi dốc (trang 440)

Cài đặt bật phanh tay tự động

Lựa chọn bật tự động phanh tay khi xe được tắt động cơ.

Thực hiện lựa chọn này trong menu cài đặt trong màn hình trung tâm.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) ➔ Parking Brake and Suspension (Phanh Tay và Giảm xóc)** để lựa chọn hoặc bỏ lựa chọn chức năng **Auto Activate Parking Brake (Tự động Bật Phanh Tay)**.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt phanh tay (trang 438)
- Phanh tay (trang 438)

Đỗ xe trên đường đồi dốc

Luôn sử dụng phanh tay khi đỗ xe trên đường đồi dốc.



CẢNH BÁO

Luôn sử dụng phanh tay khi đỗ xe trên bề mặt nghiêng. Gài số hoặc vị trí P trong hộp số tự động không đủ để giữ xe đứng yên trong tất cả các tình huống.

Nếu xe được đỗ hướng lên đồi:

- Xoay bánh xe **tránh xa** lề đường.

Nếu xe được đỗ hướng xuống đồi:

- Xoay bánh xe **hướng vào** lề đường.

Lái xe lên dốc và chờ nặng

Tải trọng nặng như toa móoc có thể làm ra quay tròn về phía sau, khi nhả phanh tay tự động trên đường đồi dốc. Tránh để điều này xảy ra bằng cách kéo nút điều khiển lên trên trong khi lái xe ra khỏi đường đồi dốc. Nhả nút điều khiển khi động cơ tạo ra lực kéo.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt phanh tay (trang 438)

Trong trường hợp xảy ra lỗi phanh tay

Liên hệ gara được Volvo ủy quyền nếu không thể tắt hoặc bật phanh tay sau một số lần thử.

Tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh phát ra khi lái xe có sử dụng phanh tay.

Nếu xe được đỗ trước khi khắc phục lỗi có thể xảy ra, bánh xe phải được xoay để đỗ xe trên đồi và cần số phải ở vị trí P.

Điện áp của ắc quy thấp

Nếu điện áp của ắc quy thấp, không thể nhả hoặc kéo phanh tay. Đầu nối với ắc quy cho điện nếu điện áp của ắc quy thấp.

Thay thế tấm lót ổ phanh

Tấm lót ổ phanh phía sau phải được thay thế tại gara do thiết kế của phanh tay chạy điện, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Biểu tượng trong màn hình người lái

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Nếu biểu tượng này nhấp nháy, đã xảy ra lỗi. Xem thông báo trong màn hình người lái.
	Lỗi hệ thống phanh. Xem thông báo trong màn hình người lái.
	Thông tin trong màn hình người lái.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt phanh tay (trang 438)
- Ắc quy bộ khởi động (trang 626)
- Chương trình bảo trì Volvo (trang 606)

Phanh tự động khi xe đứng yên

Phanh tự động khi xe đứng yên (Tự động giữ phanh) có nghĩa là người lái có thể nhả chân phanh trong khi duy trì tác dụng phanh khi xe đã dừng để chờ đèn giao thông hoặc tại ngã tư. Khi xe đã dừng, phanh được bật tự động. Chức năng này có thể sử dụng phanh chân hoặc phanh tay để giữ xe đứng yên và nó hoạt động trên tất cả các đoạn đường dốc. Khi lái xe đi, phanh tự động nhả nếu người lái đang thả dây đai an toàn.

ⓘ LƯU Ý

Khi phanh để dừng xe trên đồi dốc lên hoặc dốc xuống, cần đạp chân phanh mạnh hơn một ít trước khi nhả chân phanh để xe không bị quay tròn.

Phanh tay được bật nếu:

- xe được tắt động cơ
- cửa phía người lái được mở
- dây đai an toàn của người lái được nói lỏng
- xe đã đứng yên trong thời gian lâu hơn (5 - 10 phút)

Biểu tượng trong màn hình người lái

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Biểu tượng này sáng khi chức năng này sử dụng phanh chân v.v... để giữ xe đứng yên.
	Biểu tượng này sáng khi chức năng này sử dụng phanh tay để giữ xe đứng yên.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt phanh tự động khi xe đứng yên (trang 442)
- Phanh chân (trang 435)
- Phanh tay (trang 438)
- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (trang 442)

Bật và tắt phanh tự động khi xe đứng yên

Chức năng phanh tự động khi xe đứng yên được bật bằng nút trong bảng điều khiển bên dưới.



- Ấn nút này trong bảng điều khiển bên dưới để bật hoặc tắt chức năng này.
 - > Đèn báo trong nút này sáng khi chức năng này được bật. Chức năng được bật vẫn hoạt động khi xe được khởi động lần tới.

Áp dụng khi tắt



Nếu chức năng này hoạt động và giữ xe bằng phanh chân (Biểu tượng chữ A sáng), phải đạp chân phanh đồng thời ấn nút này để tắt.

- Chức năng này vẫn bị tắt cho đến khi được bật lại.
- Khi chức năng này bị tắt, chức năng hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA) vẫn hoạt động để ngăn xe bị quay tròn về phía sau, khi khởi động ngang dốc.

Thông tin liên quan

- Phanh tự động khi xe đứng yên (trang 441)

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc, Hỗ trợ Khởi hành Ngang dốc (HSA), ngăn xe bị lăn về phía sau, khi khởi động ngang dốc. Khi lùi lên dốc, chức năng này ngăn xe bị lăn về phía sau.

Chức năng này có nghĩa là áp lực chân phanh trong hệ thống phanh vẫn còn trong vài giây khi chân người lái được di chuyển từ chân phanh đến chân ga.

Tác dụng phanh tạm thời giảm dần sau một vài giây hoặc khi người lái bắt đầu lái xe ra.

Chức năng hỗ trợ khởi hành ngang dốc hoạt động kể cả khi chức năng phanh tự động khi xe đứng yên (Tự động giữ phanh) được tắt.

Thông tin liên quan

- Phanh tự động khi xe đứng yên (trang 441)
- Phanh chân (trang 435)

Phanh tự động sau va chạm

Trong trường hợp xảy ra va chạm mà đủ nghiêm trọng để bật bộ căng dây đai an toàn tích hợp và túi khí hoặc nếu phát hiện va chạm với các con vật lớn, phanh của xe được tự động đạp. Chức năng này để ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động của bất cứ va chạm nào sau này. Sau một va chạm nghiêm trọng, có nguy cơ không thể điều khiển và lái xe. Để tránh hoặc giảm nhẹ một va chạm khác có thể xảy ra, hệ thống phanh tự động được bật tự động và phanh xe một cách an toàn.

Đèn phanh và đèn cảnh báo nguy hiểm được bật trong quá trình phanh. Khi xe đã dừng, đèn cảnh báo nguy hiểm tiếp tục nhấp nháy và phanh tay được kéo.

Nếu phanh không phù hợp, ví dụ, nếu có nguy cơ bị xe phía sau đâm vào, hệ thống có thể được ghi đè bằng cách người lái đạp chân ga.

Chức năng này giả sử hệ thống phanh nguyên vẹn sau va chạm.

Chức năng hỗ trợ phanh được đưa vào hệ thống an toàn Cảnh báo Va chạm Phía sau và Thông tin Cảnh báo Điểm mù.

Thông tin liên quan

- Cảnh báo Va chạm Phía sau (trang 368)
- BLIS* (trang 369)

- Chức năng phanh (trang 435)

Hộp số

Hộp số là một phần của hệ thống truyền động (hệ thống truyền động) của xe giữa động cơ và bánh xe. Chức năng của hộp số là thay đổi tỷ số truyền, tùy thuộc vào yêu cầu về tốc độ và công suất.

Xe có hộp số tự động tám cấp. Số lần sang số có nghĩa là momen xoắn và phạm vi công suất của động cơ có thể được sử dụng hiệu quả. Hai số trong hộp số là số tăng tốc để tiết kiệm nhiên liệu khi lái ở tốc độ động cơ ổn định. Cũng có thể lựa chọn số bằng tay. Màn hình người lái hiển thị vị trí số đang được sử dụng.

① QUAN TRỌNG

Kiểm tra nhiệt độ làm việc của hộp số để ngăn hư hỏng bộ phận của hệ thống truyền động. Nếu có nguy cơ quá nóng, biểu tượng cảnh báo sáng trong màn hình người lái và thông báo được hiển thị, tuân thủ khuyến cáo được đưa ra.

Biểu tượng trong màn hình người lái

Nếu xảy ra lỗi trong hộp số, màn hình người lái hiển thị biểu tượng và thông báo.



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Thông tin hoặc thông báo lỗi cho hộp số. Tuân thủ khuyến cáo được đưa ra.
	Hộp số nóng hoặc quá nóng. Tuân thủ khuyến cáo được đưa ra.
	Reduced performance/Acceleration performance reduced (Giảm hiệu năng/Giảm hiệu năng tăng tốc) Trong trường hợp xảy ra lỗi tạm thời trong hệ thống truyền động, xe có thể chạy ở chế độ chạy chậm (Limp home) với hiệu suất động cơ giảm để ngăn hư hỏng hệ thống truyền động.

Thông tin liên quan

- Các vị trí số cho hộp số tự động (trang 444)
- Đèn báo sang số (trang 448)

Các vị trí số cho hộp số tự động

Với hộp số tự động, hệ thống lựa chọn số để hiệu năng lái là tối ưu. Hộp số cũng có chế độ sang số bằng tay.



Màn hình người lái hiển thị vị trí số được chọn:

P, R, N, D hoặc M.

Trong chế độ sang số bằng tay, số đang được sử dụng cũng được hiển thị.

Các vị trí số**Vị trí số đỗ xe - P**

Hộp số được khóa cơ học khi gài số P

Lựa chọn số P khi xe được đỗ hoặc khi khởi động động cơ. Xe phải đứng yên khi lựa chọn vị trí số đỗ xe.

Để lựa chọn một vị trí số khác khi lựa chọn số đỗ xe, phải đạp chân phanh và vị trí đánh lửa phải là II.

Để đỗ xe, kéo phanh tay trước và lựa chọn vị trí số đỗ xe.

⚠ CẢNH BÁO

Luôn sử dụng phanh tay khi đỗ xe trên bề mặt nghiêng. Gài số hoặc vị trí P trong hộp số tự động không đủ để giữ xe đứng yên trong tất cả các tình huống.

ℹ LƯU Ý

Cần số phải ở vị trí P để cho phép khóa và bảo động xe.

Vị trí số lùi - R

Lựa chọn vị trí R để lùi. Xe phải đứng yên khi lựa chọn vị trí số lùi.

Vị trí số mo - N

Không gài số và động cơ có thể được khởi động. Kéo phanh tay nếu xe đang đứng yên và cần số ở vị trí N.

Để có thể thay đổi từ vị trí số mo đến một vị trí số khác, phải đạp chân phanh và vị trí đánh lửa phải là II.

Vị trí số tiến - D

D là vị trí số lái thông thường. Sang số và về số diễn ra tự động dựa trên mức độ tăng tốc và tốc độ. Xe phải đứng yên khi sang số từ vị trí số R sang vị trí số D.

Chế độ sang số bằng tay - M

Có thể lựa chọn chế độ sang số bằng tay vào bất cứ lúc nào khi lái xe. Động cơ của xe phanh khi nhả chân ga.

Lựa chọn chế độ sang số bằng tay bằng cách di chuyển cần số sang ngang từ vị trí số D sang vị trí đầu "+". Màn hình người lái hiển thị số đang được gài tại thời điểm đó.

- Ấn cần số về phía trước đến "+" (cộng) để lên từng số và nhả ra.
- Ấn cần số về phía sau đến "-" (trừ) để lùi từng số và nhả ra.



Chế độ sang số bằng tay trong màn hình người lái².

Hộp số tự động lùi số nếu tốc độ giảm xuống mức thấp hơn mức phù hợp với số được chọn để tránh rung xe hoặc chết máy.

Để trở về sang số tự động, ấn cần số sang ngang về vị trí đầu ở D.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hạn chế sang số (trang 447)
- Sang số bằng lẫy trên vô lăng* (trang 445)
- Chức năng thốc ga (trang 448)
- Đèn báo sang số (trang 448)

Sang số bằng lẫy trên vô lăng*

Lấy trên vô lăng là một bộ phận bổ sung của cần số và để sang số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

Bật lẫy trên vô lăng

Để có thể sang số bằng lẫy trên vô lăng, lẫy phải được bật trước:

- Kéo lẫy về phía vô lăng.
- > Hình trong màn hình người lái báo số hiện tại.



Màn hình người lái khi sang số bằng lẫy trên vô lăng.

² Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

- « Ở vị trí số M, lẫy trên vô lăng được tự động bật.



Màn hình người lái khi sang số bằng lẫy trên vô lăng trong chế độ sang số bằng tay.

Công tắc

Đề sang một số:

- Kéo lẫy về phía sau - phía trước vô lăng và thả ra.



❶ "-": Lựa chọn số thấp hơn tiếp theo.

❷ "+": Lựa chọn số cao hơn tiếp theo.

Mỗi lần kéo cần số đề sang số, miễn là tốc độ động cơ không vượt quá phạm vi cho phép.

Sau mỗi lần sang số, hình trong màn hình người lái thay đổi để hiển thị số hiện tại.

Tắt chức năng này

Tắt bằng tay ở vị trí số D

- Tắt lẫy trên vô lăng bằng cách kéo lẫy bên phải (+) về phía vô lăng và giữ cho đến khi hình về số hiện tại trong màn hình người lái tắt.

Tắt tự động

Trong vị trí số D, lẫy trên vô lăng được tắt sau một lúc nếu chúng không được sử dụng.

Điều này được báo bằng cách hình số hiện tại tắt. Ngoài trừ trong quá trình phanh động cơ, lẫy được bật miễn là đang phanh.

Ở vị trí số M, không tắt tự động.

Thông tin liên quan

- Các vị trí số cho hộp số tự động (trang 444)
- Đèn báo sang số (trang 448)

Hệ thống hạn chế sang số

Hệ thống hạn chế sang số ngăn việc vô ý sang số giữa các vị trí số khác nhau trong hộp số tự động.

Có hai loại hệ thống hạn chế sang số khác nhau gồm hệ thống cơ học và tự động.

Hệ thống hạn chế sang số cơ học



Cần số có thể được di chuyển tự do lên trước và về sau giữa N và D. Các vị trí khác được khóa bằng chốt và được nhả ra bằng nút hạn chế trên cần số.

Khi ấn nút hạn chế, cần số có thể được di chuyển lên trước hoặc về sau giữa P, R, N và D.

Hệ thống hạn chế sang số tự động

Hệ thống hạn chế sang số tự động có hệ thống an toàn đặc biệt.

Từ vị trí số đỗ xe - P

Để lựa chọn vị trí số ngoài vị trí số P, phải đạp chân phanh và vị trí đánh lửa phải là II.

Từ vị trí số mo - N

Nếu cần số ở vị trí N và xe đã đứng yên trong ít nhất 3 giây (bất kể động cơ có chạy hay không), cần số được khóa.

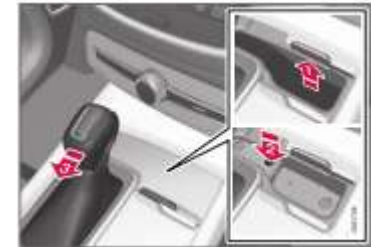
Để có thể di chuyển cần số từ vị trí N đến một vị trí số khác, phải đạp chân phanh và vị trí đánh lửa phải là II.

Thông tin liên quan

- Các vị trí số cho hộp số tự động (trang 444)
- Tắt hệ thống hạn chế sang số tự động (trang 447)

Tắt hệ thống hạn chế sang số tự động

Nếu xe không có điện, hệ thống hạn chế sang số tự động có thể được tắt.



Nếu không thể lái xe, ví dụ, do hết ắc quy, cần số phải được di chuyển đến vị trí N để có thể di chuyển xe.

- ➡ Nâng đệm cao su trong khoang phía trước cần số. Tìm lỗ có nút lò xo ở dưới khoang.
- ➡ Ấn tô vít nhỏ vào lỗ và giữ.
- ➡ Di chuyển cần số đến vị trí N và thả nút ra.
4. Đặt lại đệm cao su vào vị trí.

Thông tin liên quan

- Hệ thống hạn chế sang số (trang 447)
- Các vị trí số cho hộp số tự động (trang 444)

Chức năng kick-down

Sử dụng chức năng thốc ga khi cần tăng tốc tối đa như vượt.

Khi đạp chân ga hết cỡ xuống sàn (ngoài vị trí thường được coi là tăng tốc hết cỡ), gài ngay số thấp. Điều này được gọi là thốc ga.

Nếu thả chân ga khỏi vị trí thốc ga, hộp số tự động tăng một số.

Chức năng an toàn

Để ngăn động cơ bị quá tải, chương trình điều khiển hộp số có hệ thống hạn chế về số bảo vệ. Hộp số không cho phép về số/thốc ga làm tốc độ động cơ đủ cao để gây hư hỏng động cơ. Không có gì thay đổi nếu người lái vẫn cố về số bằng hình thức này khi tốc độ động cơ cao, số ban đầu vẫn được gài.

Khi thốc ga, xe có thể về một hoặc nhiều số một lúc, tùy thuộc vào tốc độ động cơ. Xe tăng số khi động cơ đã đạt tốc độ động cơ tối đa để ngăn hư hỏng động cơ.

Thông tin liên quan

- Các vị trí số cho hộp số tự động (trang 444)

Đèn báo sang số

Đèn báo sang số trong màn hình người lái hiển thị số hiện tại trong quá trình sang số bằng tay và thời gian phù hợp để gài số tiếp theo nhằm tiết kiệm nhiên liệu tối ưu. Với chế độ lái tiết kiệm trong quá trình sang số bằng tay, phải lái ở đúng số và sang số đúng thời điểm.

Đèn báo sang số hiển thị số hiện tại trong màn hình người lái và sử dụng mũi tên đi lên để báo thời gian được khuyến cáo³ để sang số cao hơn.



Đèn báo sang số trong màn hình người lái 12 inch*.

³ Áp dụng với một số thị trường.



Đèn báo sang số trong màn hình người lái 8 inch.

Thông tin liên quan

- Các vị trí số cho hộp số tự động (trang 444)

Dẫn động bốn bánh toàn thời gian*

Dẫn động bốn bánh toàn thời gian, AWD (Dẫn động Bốn Bánh Toàn Thời gian), có nghĩa là xe đang dẫn động tất cả bốn bánh đồng thời để tăng lực kéo.

Để đạt lực kéo tốt nhất có thể, động lực được phân phối tự động đến các bánh xe với độ bám đường tốt nhất. Hệ thống liên tục tính toán nhu cầu momen xoắn cho bánh sau và có thể ngay lập tức tái phân phối một nửa momen xoắn của động cơ đến bánh sau.

Hệ thống dẫn động bốn bánh toàn thời gian cũng có tác dụng ổn định ở tốc độ cao. Trong điều kiện lái thông thường, đa số công suất được truyền đến bánh trước. Khi xe đứng yên, hệ thống dẫn động bốn bánh toàn thời gian luôn được sử dụng để chuẩn bị lực kéo tối đa trong quá trình tăng tốc.

Đặc điểm dẫn động bốn bánh toàn thời gian thay đổi tùy thuộc vào chế độ lái được lựa chọn.

Thông tin liên quan

- Các chế độ lái* (trang 449)
- Kiểm soát lái ở tốc độ thấp* (trang 462)
- Hộp số (trang 443)

Các chế độ lái*

Việc lựa chọn chế độ lái ảnh hưởng đến đặc điểm lái xe để cải thiện trải nghiệm lái xe và tạo điều kiện lái xe trong các tình huống đặc biệt.

Sử dụng chế độ lái để có thể nhanh chóng truy cập nhiều chức năng và cài đặt khác nhau của xe cho các nhu cầu lái xe khác nhau. Các hệ thống dưới đây được điều chỉnh để đem đến đặc điểm lái xe tốt nhất có thể trong từng chế độ lái tương ứng:

- Vô lăng
- Động cơ/hộp số/dẫn động bốn bánh toàn thời gian*
- Phanh
- Giám sát hơi* và giảm chấn
- Màn hình người lái
- Chức năng Khởi động/Dừng
- Cài đặt điều hòa

Lựa chọn chế độ lái phù hợp nhất với điều kiện lái hiện tại. Nhớ rằng, không phải tất cả các chế độ lái đều có sẵn trong tất cả các tình huống.

Các chế độ lái có thể lựa chọn **COMFORT (THOẢI MÁI)**

• Đây là chế độ thông thường của xe. Khi xe khởi động, xe ở chế độ Thoải mái và chức năng Khởi động/Dừng được bật. Các cài đặt này nghĩa là xe đem đến sự thoải mái khi lái, vô lăng nhẹ, hệ thống giảm chấn mềm và thân xe di chuyển mượt mà.

Chế độ lái này là chế độ được chứng nhận về phát thải cacbon dioxit.

ECO (TIẾT KIỆM)

- Điều chỉnh lái xe tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường hơn bằng chế độ Tiết kiệm.

Chế độ lái này nghĩa là chức năng Khởi động/Dừng được bật, khoảng sáng gầm xe được hạ thấp để giảm lực cản gió và giảm công suất của một số cài đặt điều hòa.

Màn hình người lái có đồng hồ ECO, tạo điều kiện lái xe tiết kiệm năng lượng.

OFF ROAD (ĐỊA HÌNH)

- Tối đa hóa lực kéo khi lái xe trong điều kiện địa hình khó khăn và đường xấu.

Chế độ lái có khoảng sáng gầm xe cao, vô lăng nhẹ, dẫn động bốn bánh toàn thời gian có bật hỗ trợ đổ đèo (Hỗ trợ Đổ đèo). Chức năng Khởi động/Dừng được tắt.

Chế độ lái này chỉ có thể được bật ở tốc độ thấp và công tơ mét hiển thị phạm vi giới hạn tốc độ. Nếu vượt quá tốc độ này, chế độ Địa hình được tạm dừng và một chế độ lái khác được bật.

Ở chế độ Địa hình, màn hình người lái có la bàn giữa công tơ mét và đồng hồ đo tốc độ vòng quay của động cơ.

ⓘ LƯU Ý

Chế độ lái này không được thiết kế để sử dụng trên đường công cộng.

ⓘ LƯU Ý

Nếu xe được tắt ở chế độ ĐỊA HÌNH và có khoảng sáng gầm xe cao, xe được hạ khoảng sáng gầm xe ở lần khởi động tới.

ⓘ QUAN TRỌNG

Không được sử dụng chế độ lái ĐỊA HÌNH trong khi lái có tọa móc mà không có đầu nối tọa móc, nếu không, có nguy cơ hư hỏng ống khí.

DYNAMIC (CHỦ ĐỘNG)

- Chế độ lái này nghĩa là xe có tính thể thao hơn và phản ứng nhanh hơn khi tăng tốc.

Sang số nhanh hơn và độc đáo hơn, hộp số ưu tiên số có lực kéo lớn hơn.

Vô lăng phản ứng nhanh hơn, giảm chấn cứng hơn và khoảng sáng gầm xe thấp hơn nghĩa là thân xe phù hợp với đường ô tô để giảm quay tròn trong quá trình rẽ.

Tắt chức năng Khởi động/Dừng.

INDIVIDUAL (CÁ NHÂN)

– Điều chỉnh chế độ lái theo sở thích cá nhân.
 Lựa chọn một chế độ lái để bắt đầu và điều chỉnh cài đặt theo đặc điểm lái xe mong muốn. Các cài đặt này được lưu trong hồ sơ người lái đang sử dụng và có sẵn mỗi lần xe được mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa. Chỉ có chế độ lái cá nhân nếu chế độ lái cá nhân được bật trong màn hình trung tâm.



Phần cài đặt⁴ cho chế độ lái cá nhân.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** ➔ **Individual Drive Mode (Chế độ Lái Cá nhân)** và lựa chọn **Individual Drive Mode (Chế độ Lái Cá nhân)**.

3. Trong **Presets (Cài đặt trước)**, lựa chọn một chế độ lái để bắt đầu từ **Eco (Tiết kiệm)**, **Comfort (Thoải mái)** hoặc **Dynamic (Chủ động)**.

Các điều chỉnh có thể áp dụng với cài đặt:

- **Màn hình Người lái**
- **Lực Lái**
- **Đặc điểm Hệ thống Truyền động**
- **Đặc điểm Phanh**
- **Kiểm soát Giảm xóc**
- **Điều hòa ECO**
- **Khởi động/Dừng.**

Thông tin liên quan

- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)
- Chế độ lái tiết kiệm (trang 452)
- Lái tiết kiệm (trang 465)
- Chức năng Khởi động/Dừng (trang 455)
- Kiểm soát lái ở tốc độ thấp* (trang 462)
- Hỗ trợ độ dốc* (trang 464)
- Dẫn động bốn bánh toàn thời gian* (trang 449)
- Hồ sơ người lái (trang 132)

⁴ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe hoặc phần mềm được cập nhật.

Thay đổi chế độ lái*

Lựa chọn chế độ lái phù hợp nhất với điều kiện lái xe hiện tại.

Thay đổi chế độ lái bằng nút điều khiển trong bảng điều khiển trung tâm.

Nhớ rằng, không phải tất cả chế độ lái đều có trong tất cả các tình huống.

Để thay đổi chế độ lái:



1. Ấn nút điều khiển chế độ lái **DRIVE MODE (CHẾ ĐỘ LÁI)**
 - > Menu popup được mở trong màn hình trung tâm.
2. Vận bánh xe lên trên hoặc xuống dưới cho đến khi thấy chế độ lái mong muốn.

3. Ấn nút điều khiển chế độ lái hoặc chạm nhẹ trực tiếp vào màn hình cảm ứng để xác nhận lựa chọn.

> Chế độ lái được lựa chọn được bảo trong màn hình người lái.

Nếu chế độ lái có màu xám trong menu popup, nó không thể được lựa chọn.

Thông tin liên quan

- Các chế độ lái* (trang 449)
- Bật và tắt chế độ lái tiết kiệm bằng nút chức năng (trang 455)
- Bật và tắt lái ở tốc độ thấp* bằng nút chức năng (trang 463)
- Bật và tắt hỗ trợ đỗ xe* bằng nút chức năng (trang 465)

Chế độ lái tiết kiệm

Chế độ lái tiết kiệm tối ưu hóa đặc điểm lái xe để lái xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường hơn.

Sử dụng chức năng này để tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường.

Các đặc điểm sau được điều chỉnh để lái tiết kiệm:

- Các điểm sang số của hộp số.
- Quản lý động cơ và phản ứng từ chân ga.
- Chức năng thả bánh xe quay tự do Eco Coast được bật và phanh động cơ được tắt khi nhả chân ga ở tốc độ từ 65 đến 140 km/giờ (40 đến 87 dặm/giờ).
- Một số cài đặt của hệ thống điều khiển điều hòa hoạt động ở công suất thấp hoặc bị tắt.
- Chức năng kiểm soát mức* có khoảng sáng gầm xe thấp để giảm lực cản gió.
- Màn hình người lái hiển thị thông tin trong đồng hồ tiết kiệm, tạo điều kiện lái xe thân thiện với môi trường và tiết kiệm nhiên liệu.

Chức năng thả bánh xe quay tự do Eco Coast

Chức năng thả bánh xe quay tự do Eco Coast nghĩa là phanh động cơ dừng trên thực tế, động năng của xe được sử dụng để thả bánh xe quay tự do ở khoảng cách lớn hơn. Khi người lái thả chân ga, hộp số được tự động nhả khớp từ động cơ có tốc độ giảm xuống tốc độ chạy cảm chừng với mức tiêu hao nhiên liệu thấp.

Chức năng này được sử dụng hiệu quả nhất nếu có thể thả bánh xe quay tự do trên đoạn đường dài, ví dụ, đường có độ dốc xuống thấp hoặc có thể dự đoán giảm tốc độ để thả bánh xe quay tự do khi đi vào khu vực có hạn chế tốc độ thấp hơn.

Bật chức năng thả bánh xe quay tự do

Chức năng này được bật khi đạp hết cỡ chân ga kết hợp với các thông số sau:

- Chế độ lái tiết kiệm được bật.
- Cần số ở vị trí D.
- Tốc độ trong phạm vi xấp xỉ 65 đến 140 km/giờ (40 đến 87 dặm/giờ)
- Độ dốc xuống của đường không dốc hơn xấp xỉ 6%.

Màn hình người lái hiển thị **COASTING (XUỐNG DỐC)** khi chức năng thả bánh xe quay tự do đang được sử dụng.

Hạn chế

Chức năng thả bánh xe quay tự do không có nếu:

- Động cơ và/hoặc hộp số không hoạt động với nhiệt độ vận hành thông thường.
- Cần số được di chuyển từ vị trí D và vị trí sang số bằng tay.

- Tốc độ nằm ngoài phạm vi xấp xỉ 65 đến 140 km/giờ (40 đến 87 dặm/giờ)
- Độ dốc xuống của đường dốc hơn xấp xỉ 6%.
- Thực hiện sang số bằng tay với lẫy trên vô lăng.

Dừng và tắt chức năng thả bánh xe quay tự do

Trong một số trường hợp, có thể cần dừng hoặc tắt chức năng này để sử dụng phanh động cơ. Ví dụ về các tình huống này có thể là khi đi trên đường dốc đứng hoặc trước khi chuẩn bị bẻ lái để vượt, điều này để giúp lái xe an toàn nhất có thể.

Dừng chức năng thả bánh xe quay tự do như sau:

- Đạp chân ga hoặc chân phanh.
- Di chuyển cần số về vị trí sang số bằng tay.
- Sang số bằng lẫy trên vô lăng*.

Tắt chức năng thả bánh xe quay tự do như sau:

- Thay đổi chế độ lái* hoặc tắt chế độ lái tiết kiệm trong phần chức năng.

Kể cả khi không có chức năng thả bánh xe quay tự do, có thể thả bánh xe quay tự do với khoảng cách ngắn. Điều này làm giảm mức tiêu thụ nhiên liệu. Tuy nhiên, để tiết kiệm nhiên liệu tối đa, cần bật chức năng thả bánh xe quay tự do và có thể thả bánh xe quay tự do với khoảng cách dài hơn.

Kiểm soát hành trình Eco Cruise

Khi sử dụng kiểm soát hành trình trong chế độ lái tiết kiệm, mức tăng tốc và giảm tốc của xe có thể thấp hơn so với các chế độ lái khác, giúp tiết kiệm thêm nhiên liệu. Điều này có nghĩa là tốc độ của xe có thể cao hơn hoặc thấp hơn một ít so với tốc độ được cài đặt.

- Trên đoạn đường bằng phẳng, tốc độ của xe có thể khác với tốc độ được cài đặt và xe quay tự do.
- Khi lên dốc đường đồi, tốc độ của xe giảm cho đến khi về số, hạn chế tăng tốc để đạt tốc độ được cài đặt.
- Khi xuống dốc mà xe quay tự do, tốc độ của xe có thể cao hơn hoặc thấp hơn một ít so với tốc độ được cài đặt. Chức năng này sử dụng phanh động cơ thông thường để duy trì tốc độ được cài đặt. Phanh chân cũng được sử dụng, nếu cần.



KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Đồng hồ Eco trong màn hình người lái



Đồng hồ Eco trong màn hình người lái 12 inch*.



Đồng hồ Eco trong màn hình người lái 8 inch.
Đồng hồ Eco báo mức tiết kiệm nhiên liệu khi lái xe:

- Khi lái xe tiết kiệm nhiên liệu, đồng hồ hiển thị giá trị thấp với kim ở vùng màu xanh lá cây.
- Khi lái xe không tiết kiệm nhiên liệu, ví dụ, trong quá trình phanh gấp hoặc tăng tốc nhanh, đồng hồ hiển thị giá trị lớn.

Đồng hồ ECO cũng hiển thị cách một người lái so sánh có thể lái xe trong điều kiện lái tương tự. Thông tin này được báo bằng kim ngắn trên đồng hồ.

Điều khiển điều hòa ECO

Trong chế độ lái tiết kiệm, điều khiển điều hòa tiết kiệm được bật tự động trong khoang hành khách để giảm tiêu thụ năng lượng.

ⓘ LƯU Ý

Khi bật chức năng tiết kiệm, một số thông số trong cài đặt hệ thống điều khiển điều hòa được thay đổi và một số chức năng tiêu thụ điện bị giảm. Một số cài đặt có thể được cài đặt lại bằng tay nhưng chỉ có thể khôi phục toàn bộ chức năng điều hòa bằng cách tắt chức năng tiết kiệm hoặc sử dụng chế độ lái Cá nhân* có đầy đủ chức năng điều hòa.

Trong trường hợp gặp khó khăn do sương, ấn nút sấy kính ở nhiệt độ cao nhất với chức năng thông thường.

Thông tin liên quan

- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)
- Bật và tắt chế độ lái tiết kiệm bằng nút chức năng (trang 455)
- Các chế độ lái* (trang 449)
- Lái tiết kiệm (trang 465)
- Chức năng Khởi động/Dừng (trang 455)

Bật và tắt chế độ lái tiết kiệm bằng nút chức năng

Có một nút chức năng cho chế độ lái tiết kiệm trong phần chức năng của màn hình trung tâm trừ khi xe được trang bị nút điều khiển chế độ lái trong bảng điều khiển bên dưới.

Chế độ lái tiết kiệm được tắt khi động cơ được tắt và phải được bật sau mỗi lần động cơ được khởi động. Màn hình người lái hiển thị ECO khi chức năng này được bật.

Lựa chọn chế độ lái tiết kiệm trong phần chức năng của màn hình trung tâm

- Ấn nút Driving Mode ECO (Chế độ Lái Tiết kiệm) để bật hoặc tắt chức năng này.



- > Đèn báo trong nút sáng khi chức năng này được bật.

Thông tin liên quan

- Chế độ lái tiết kiệm (trang 452)
- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)
- Các chế độ lái* (trang 449)

Chức năng Khởi động/Dừng

Với chức năng Khởi động/Dừng, động cơ tắt tạm thời khi xe đã dừng, ví dụ, khi chờ đèn giao thông hoặc đang xếp hàng theo xe khác và tự động khởi động lại khi xe tiếp tục đi.

Chức năng khởi động/dừng làm giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu, góp phần giảm mức phát thải khí thải.

Hệ thống này có thể sử dụng chế độ lái thân thiện với môi trường bằng cách cho phép tự động dừng động cơ xe, khi có thể.

Thông tin liên quan

- Lái bằng chức năng khởi động/dừng (trang 455)
- Điều kiện của chức năng Khởi động/Dừng (trang 457)
- Các chế độ lái* (trang 449)

Lái bằng chức năng khởi động/dừng

Chức năng Khởi động/Dừng tạm thời tắt động cơ khi xe đứng yên và tự động khởi động lại động cơ khi xe tiếp tục đi.

Chức năng Khởi động/Dừng hoạt động khi xe được khởi động và có thể được bật nếu đã đáp ứng một số điều kiện. Màn hình người lái báo chức năng này có sẵn, đang hoạt động hoặc không có sẵn.

Tất cả hệ thống thông thường của xe như chiếu sáng, đài v.v... đều làm việc bình thường kể cả khi động cơ được dừng tự động. Tuy nhiên, một số thiết bị có thể tạm thời giảm hiệu suất, ví dụ, tốc độ quạt của hệ thống điều khiển điều hòa hoặc âm lượng rất lớn trên hệ thống âm thanh.

Tự động dừng

Cần điều kiện dưới đây để động cơ tự động dừng:

- Dừng xe bằng phanh chân và đặt chân lên chân phanh - động cơ tự động dừng.

Ở chế độ lái Tiết kiệm hoặc Thoải mái⁵, động cơ có thể tự động dừng trước khi xe hoàn toàn đứng yên.

Với chức năng kiểm soát hành trình chủ động hoặc Hệ thống Lái Bán Tự động được bật, động cơ sẽ tự động dừng sau xấp xỉ ba giây.

⁵ Chế độ khởi động thông thường.

Tự động khởi động

Cần các điều kiện dưới đây để động cơ tự động khởi động:

- Nhà chân phanh - động cơ sẽ tự động khởi động và bạn có thể tiếp tục lái xe. Khi đi trên đường dốc, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA) sẽ hoạt động để ngăn xe bị quay tròn về phía sau.
- Khi chức năng Tự động Giữ phanh được bật, chức năng tự động khởi động không hoạt động cho đến khi đạp chân ga.
- Khi chức năng kiểm soát hành trình chủ động hoặc Hệ thống Lái Bán Tự động được bật, động cơ sẽ tự động khởi động khi đạp chân ga hoặc ấn nút  trên bàn phím bên trái của vô lăng.
- Duy trì áp lực chân trên chân phanh và ấn chân ga - động cơ tự động khởi động.
- Khi đổ đèo: Thả nhẹ áp suất trên chân phanh để xe bắt đầu lăn đi - động cơ sẽ tự động khởi động sau khi tốc độ tăng một ít.

Biểu tượng trong màn hình người lái

Với màn hình người lái 12 inch*

- Chữ **READY (SẴN SÀNG)** được hiển thị trong đồng hồ đo tốc độ vòng quay của động cơ khi chức năng này có sẵn.
- Kim trong đồng hồ đo tốc độ vòng quay của động cơ chỉ vào **READY (SẴN SÀNG)** khi chức năng này hoạt động và động cơ được tự động dừng.
- Chữ **READY (SẴN SÀNG)** có màu xám khi chức năng này không có sẵn.
- Không có chữ nào được hiển thị khi chức năng này bị tắt.



Chức năng này hoạt động và động cơ được tự động dừng.

Với màn hình người lái 8 inch

Biểu tượng được hiển thị ở mép dưới của công tơ mét.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Biểu tượng màu trắng: Chức năng này có sẵn.
	Biểu tượng màu be: Chức năng này hoạt động và động cơ được tự động dừng.
	Chức năng này không có sẵn, các điều kiện không được thực hiện.
	Không có biểu tượng nào được hiển thị khi chức năng này bị tắt.

Thông tin liên quan

- Tắt tạm thời chức năng Khởi động/Dừng (trang 457)
- Điều kiện của chức năng Khởi động/Dừng (trang 457)
- Chức năng Khởi động/Dừng (trang 455)
- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc (trang 442)
- Phanh tự động khi xe đứng yên (trang 441)

Tắt tạm thời chức năng Khởi động/Dừng

Trong một số tình huống, có thể cần tạm thời tắt chức năng khởi động/dừng.



Tắt bằng nút chức năng Khởi động/Dừng trong phần chức năng của màn hình trung tâm. Đèn báo trong nút được tắt khi chức năng này bị tắt.

Chức năng này được tắt cho đến khi

- chức năng này được bật lại
- chế độ lái thay đổi thành Tiết kiệm hoặc Thoải mái
- xe được khởi động lần tới

Thông tin liên quan

- Lái bằng chức năng khởi động/dừng (trang 455)
- Điều kiện của chức năng Khởi động/Dừng (trang 457)

Điều kiện của chức năng Khởi động/Dừng

Để chức năng Khởi động/Dừng hoạt động, cần đáp ứng nhiều điều kiện.

Nếu có bất cứ điều kiện nào không được đáp ứng, màn hình người lái sẽ báo.

Động cơ không tự động dừng

Động cơ không dừng tự động trong các trường hợp sau:

- Xe chưa đạt xấp xỉ 4 km/giờ (6 dặm/giờ) sau khi khởi động.
- Sau nhiều lần dừng tự động liên tục, tốc độ phải vượt quá xấp xỉ 10 km/giờ (6 dặm/giờ) trước khi tự động dừng lần tới.
- Người lái đã tháo dây đai an toàn.
- Công suất ắc quy bộ khởi động thấp hơn mức tối thiểu cho phép.
- Động cơ không ở nhiệt độ vận hành thông thường.
- Nhiệt độ môi trường dưới -5°C (23°F) hoặc trên xấp xỉ 30°C (86°F).
- Bật sưởi điện kính chắn gió.
- Môi trường trong khoang hành khách khác với giá trị cài đặt.
- Xe lùi.

- Nhiệt độ ắc quy bộ khởi động thấp hơn hoặc cao hơn giá trị giới hạn cho phép.
- Người lái xoay vô lăng.
- Đường rất dốc.
- Ca pô mở.
- Khi lái ở đường trên cao khi động cơ chưa đạt nhiệt độ vận hành.
- Hệ thống ABS đã được bật.
- Trong trường hợp phanh gấp (kể cả khi đã bật hệ thống ABS).
- Nhiều lần khởi động trong một thời gian ngắn làm kích hoạt bảo vệ nhiệt của động cơ bộ khởi động.
- Bộ lọc hạt của hệ thống ống xả đầy⁶.
- Toa móc được nối điện vào hệ thống điện của xe.
- Hộp số không ở nhiệt độ vận hành thông thường.
- Cẩn số ở vị trí M (±)

Động cơ không tự động khởi động

Trong trường hợp sau, động cơ không tự động khởi động sau khi đã tự động dừng:

- Người lái không thắt dây đai an toàn, cần số ở vị trí P và cửa phía người lái mở - phải khởi động thông thường.

⁶ Áp dụng với xe có động cơ diesel.

Động cơ tự động khởi động mà không cần nhả chân phanh

Trong trường hợp sau, động cơ tự động khởi động kể cả khi người lái không nhả chân phanh:

- Độ ẩm cao trong khoang hành khách tạo thành sương trên cửa sổ.
- Môi trường trong khoang hành khách khác với giá trị cài đặt.
- Tạm thời sụt nguồn điện hoặc công suất ắc quy bộ khởi động giảm xuống dưới mức thấp nhất cho phép.
- Đạp liên tục chân phanh.
- Ca pô mở.
- Xe bắt đầu lăn đi hoặc tăng tốc độ một ít nếu xe tự động dừng mà không hoàn toàn đứng yên.
- Khóa dây đai an toàn của người lái được mở khi cần số ở vị trí D hoặc N.
- Cần số được di chuyển từ vị trí D đến R hoặc M ($\pm$).
- Cửa phía người lái được mở khi cần số ở vị trí D - phát ra tiếng "ping" và thông báo thể hiện đang bật đánh lửa.



CẢNH BÁO

Không mở ca pô khi động cơ đã tự động dừng. Tắt động cơ bình thường trước khi nâng ca pô.

Thông tin liên quan

- Chức năng Khởi động/Dừng (trang 455)
- Lái bằng chức năng khởi động/dừng (trang 455)
- Tắt tạm thời chức năng Khởi động/Dừng (trang 457)

Kiểm soát cân bằng* và giảm chấn

Hệ thống kiểm soát cân bằng tự động điều chỉnh đặc điểm giảm xóc và giảm chấn của xe để đảm bảo đem đến sự thoải mái nhất và hiệu năng tối đa khi lái xe. Cũng có thể điều chỉnh cân bằng thủ công để tạo điều kiện chờ đỗ hoặc ra vào xe.

Giảm xóc hơi và giảm chấn

Hệ thống được điều chỉnh theo chế độ lái được lựa chọn và theo tốc độ của xe. Với giảm xóc hơi, khoảng sáng gầm xe được điều chỉnh ở mức thấp hơn khi xe đi với tốc độ cao để giảm lực cản gió và tăng sự cân bằng. Hệ thống giảm chấn thường được cài đặt để đem đến sự thoải mái nhất có thể và được điều chỉnh liên tục, tùy thuộc vào mặt đường, tăng tốc, phanh và rẽ.



Màn hình người lái báo khi đang kiểm soát cân bằng.

Khi cửa hai bên hoặc cốp sau mở, áp dụng các quy trình sau:

- Nếu cửa hai bên mở, chỉ có thể điều chỉnh độ cân bằng lên trên.
- Nếu cốp sau mở, chỉ có thể điều chỉnh độ cân bằng xuống dưới.

Trong quá trình đỗ xe

Trong quá trình đỗ xe, đảm bảo bạn để đủ khoảng cách phía trên và phía dưới xe do khoảng sáng gầm xe có thể thay đổi, ví dụ, tùy thuộc vào nhiệt độ bên ngoài, cách xe chờ tải trọng, sử dụng chế độ chờ tải trọng hoặc chế độ lái được lựa chọn sau khi khởi động.

Có thể điều chỉnh độ cân bằng sau khi xe đã được đỗ. Điều này để thay đổi về độ cao mà có thể xảy ra do thay đổi nhiệt độ trong lò xo hơi khi xe nguội.

Trong quá trình vận chuyển

Trong quá trình vận chuyển xe trên phà, tàu hoặc xe tải, xe phải được buộc xung quanh lớp và không được buộc xung quanh các bộ phận khác của khung xe. Có thể xảy ra sự thay đổi lò xo hơi trong quá trình vận chuyển, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến dây buộc.

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Biểu tượng và thông báo trong màn hình người lái

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Giảm tốc Người dùng tắt	Người dùng tắt giảm tốc đang hoạt động bằng tay.
	Giảm tốc Hiệu năng giảm tạm thời	Hiệu năng của giảm tốc đang hoạt động bị giảm tạm thời do sử dụng hệ thống giảm tốc quá nhiều. Nếu thông báo này xuất hiện thường xuyên (ví dụ, vài lần một tuần), liên hệ gara ^A .
	Giảm tốc Cần bảo trì	Đã xảy ra lỗi. Đến gara ^A sớm nhất có thể.
	Lỗi giảm tốc Dừng an toàn	Đã xảy ra lỗi nghiêm trọng. Dừng an toàn, kéo xe đến gara ^A .

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Giảm xóc Đi chậm	Đã xảy ra lỗi. Nếu thông báo này xuất hiện trong khi lái, liên hệ gara ^A .
	Giảm xóc Tự động điều chỉnh độ cân bằng của xe	Đang điều khiển độ cân bằng đến độ cao mục tiêu.

^A Đến gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Cài đặt kiểm soát cân bằng* (trang 462)
- Các chế độ lái* (trang 449)

Cài đặt kiểm soát cân bằng*

Tắt kiểm soát cân bằng khi xe cần được nâng lên để ngăn xảy ra vấn đề với hệ thống điều chỉnh tự động.

Điều chỉnh độ cân bằng để tạo điều kiện chờ đỗ hoặc ra vào xe.

Điều chỉnh chế độ chờ đỗ



Sử dụng nút trong khoang hành lý để điều chỉnh độ cao phần sau của xe và tạo điều kiện bốc dỡ hành lý hoặc nổi hoặc tháo toa móc.

Cài đặt trong màn hình trung tâm

Hỗ trợ vào xe

Xe có thể được hạ thấp để tạo điều kiện ra vào xe.

Bật hỗ trợ vào xe thông qua màn hình trung tâm:

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.

2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** → **Mirrors and Convenience (Gương và Tiện ích)**

3. Lựa chọn **Easy Entry and Exit Suspension Control (Điều khiển Giảm xóc dễ Ra vào Xe Dễ dàng)**.

> Khi xe được đỗ và tắt động cơ, xe được hạ thấp (dùng kiểm soát cân bằng nếu cửa mở và có thể có độ trễ trước khi tiếp tục kiểm soát cân bằng sau khi đã đóng cửa). Khi xe được khởi động và bắt đầu di chuyển, xe sẽ nâng lên theo cài đặt độ cao cho chế độ lái được lựa chọn.

Tắt Kiểm soát Cân bằng

Trong một số trường hợp, chức năng phải được tắt, ví dụ, xe được nâng bằng kích*. Sự chênh lệch về độ cân bằng khi nâng bằng kích có thể làm hệ thống kiểm soát tự động bắt đầu điều chỉnh độ cao, tạo ra tác dụng nhỏ.

Tắt chức năng này thông qua màn hình trung tâm:

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi)** → **Parking Brake and Suspension (Phanh Tay và Giảm xóc)**.
3. Lựa chọn **Disable Leveling Control (Tắt Kiểm soát Cân bằng)**

Thông tin liên quan

- Kiểm soát cân bằng* và giảm xóc (trang 459)
- Khuyến cáo khi bốc xếp đồ (trang 593)

Kiểm soát lái ở tốc độ thấp*

Chức năng kiểm soát lái ở tốc độ thấp (LSC) tạo ra và tăng lực kéo để lái trên đường địa hình và trên bề mặt trơn trượt như gán lều bạt vào xe và đi trên cỏ hoặc kéo toa móc chờ tàu đến nơi hạ thủy.

Ở xe nút điều khiển chế độ lái*, chức năng này được đưa vào chế độ lái Địa hình.

Chức năng này được sử dụng để lái trên đường có địa hình xấu và lái có toa móc ở tốc độ thấp đến xấp xỉ 40 km/giờ (25 dặm/giờ).

Khi kiểm soát lái ở tốc độ thấp, số thấp và dẫn động bốn bánh toàn thời gian được ưu tiên, giúp tránh trượt bánh xe và tạo ra lực kéo tốt hơn trên tất cả bánh xe. Chân ga phản ứng với hiệu quả thấp hơn để tăng lực kéo và kiểm soát tốc độ ở tốc độ thấp.

Chức năng này được bật cùng với Chức năng Hỗ trợ Đeo đai (HDC), có nghĩa là có thể kiểm soát tốc độ khi đeo đai bằng chân ga, giảm thiểu nhu cầu sử dụng chân phanh. Hệ thống này điều chỉnh tốc độ thấp và ổn định khi đeo đai.

LƯU Ý

Khi LSC có HDC được bật, phản ứng của chân ga và động cơ sẽ thay đổi.

LƯU Ý

Chế độ lái này không được thiết kế để sử dụng trên đường công cộng.

LƯU Ý

Chức năng này bị tắt khi lái ở tốc độ cao và phải được bật lại ở tốc độ thấp, nếu yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt lái ở tốc độ thấp* bằng nút chức năng (trang 463)
- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)
- Hỗ trợ đỗ xe* (trang 464)
- Dẫn động bốn bánh toàn thời gian* (trang 449)

Bật và tắt lái ở tốc độ thấp* bằng nút chức năng

Có một nút chức năng để lái ở tốc độ thấp có Hỗ trợ Đỗ xe trong phần chức năng của màn hình trung tâm trừ khi xe được trang bị nút điều khiển chế độ lái trong bảng điều khiển bên dưới.

Lựa chọn lái ở tốc độ thấp trong phần chức năng của màn hình trung tâm

- Ấn nút **Hill Descent Control (Hỗ trợ Đỗ xe)** để bật hoặc tắt chức năng này.



- > Đèn báo trong nút này sáng khi chức năng này được bật.

Chức năng này được tắt tự động khi động cơ được tắt.

LƯU Ý

Chức năng này bị tắt khi lái ở tốc độ cao và phải được bật lại ở tốc độ thấp, nếu yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Kiểm soát lái ở tốc độ thấp* (trang 462)
- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Hỗ trợ đỗ đèn*

Hỗ trợ đỗ đèn, Hỗ trợ Đỗ đèn (HDC), là một chức năng lái ở tốc độ thấp với chức năng phanh động cơ cải tiến. Chức năng này có thể tăng hoặc giảm tốc độ xe khi đỗ đèn chỉ bằng chân ga mà không sử dụng phanh chân.

Ở xe nút điều khiển chế độ lái*, chức năng này được đưa vào chế độ lái Địa hình.

Hỗ trợ đỗ đèn được sử dụng để lái trên đường có địa hình xấu và tạo điều kiện đỗ đèn trên bề mặt khó đi. Người lái không cần sử dụng chân phanh mà vẫn có thể tập trung lái xe.

CẢNH BÁO

HDC không hoạt động trong tất cả các tình huống mà chỉ được thiết kế là một chức năng hỗ trợ.

Người lái luôn chịu hoàn toàn trách nhiệm đảm bảo rằng xe được lái an toàn.

Chức năng

Chức năng hỗ trợ đỗ đèn cho phép lái xe tiến và lùi ở tốc độ chậm với hệ thống phanh hỗ trợ. Có thể tăng tốc bằng chân ga. Khi nhả chân ga, xe sẽ giảm dần tốc độ, bất kể độ dốc của đèn và không cần sử dụng phanh chân. Đèn phanh được bật khi chức năng này đang hoạt động.

Người lái có thể phanh và giảm tốc độ hoặc dừng xe ở bất cứ thời điểm nào bằng phanh chân.

Chức năng này được bật cùng với Chức năng Kiểm soát Lái ở Tốc độ Thấp (LSC) để tạo thuận lợi khi lái xe và cải thiện lực kéo khi lái trên đường có địa hình xấu và bề mặt trơn trượt. Các hệ thống được thiết kế để sử dụng ở tốc độ thấp đến xấp xỉ 40 km/giờ (25 dặm/giờ).

Các điểm cần ghi nhớ khi lái bằng HDC

- Nếu chức năng này bị tắt trong khi đỗ đèn, tác dụng phanh sẽ giảm dần.
- HDC có thể được sử dụng ở vị trí số D, R và với số 1 hoặc 2 bằng sang số bằng tay.
- Không thể sang số 3 hoặc số cao hơn bằng sang số bằng tay.

LƯU Ý

Khi LSC có HDC được bật, phản ứng của chân ga và động cơ sẽ thay đổi.

LƯU Ý

Chế độ lái này không được thiết kế để sử dụng trên đường công cộng.

LƯU Ý

Chức năng này bị tắt khi lái ở tốc độ cao và phải được bật lại ở tốc độ thấp, nếu yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt hỗ trợ đỗ đèn* bằng nút chức năng (trang 465)
- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)
- Kiểm soát lái ở tốc độ thấp* (trang 462)
- Dẫn động bốn bánh toàn thời gian* (trang 449)

Bật và tắt hỗ trợ đổ đèo* bằng nút chức năng

Có một nút chức năng Hỗ trợ Đổ đèo trong phần chức năng của màn hình trung tâm trừ khi xe được trang bị nút điều khiển chế độ lái trong bảng điều khiển bên dưới.

Lựa chọn hỗ trợ đổ đèo trong phần chức năng của màn hình trung tâm

- Ấn nút **Hill Descent Control (Hỗ trợ Đổ đèo)** để bật hoặc tắt chức năng này.



- > Đèn báo trong nút này sáng khi chức năng này được bật.

Chức năng này được tắt tự động khi động cơ được tắt.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng này bị tắt khi lái ở tốc độ cao và phải được bật lại ở tốc độ thấp, nếu yêu cầu.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ đổ đèo* (trang 464)
- Thay đổi chế độ lái* (trang 452)

Lái tiết kiệm

Lái tiết kiệm và thân thiện hơn với môi trường bằng cách lái linh hoạt, suy nghĩ kỹ và điều chỉnh kiểu lái và tốc độ phù hợp với điều kiện hiện tại.

Lưu ý các thông tin sau:

- Để tiêu thụ ít nhiên liệu hơn, bật chế độ lái tiết kiệm.
- Sử dụng chức năng thả bánh xe quay tự do Eco Coast trong chế độ lái tiết kiệm - dùng phanh tay, có nghĩa là sử dụng động năng của xe để thả bánh xe quay tự do với khoảng cách lớn hơn.
- Khi lái có sang số bằng tay - lái ở số cao nhất có thể, điều chỉnh theo tình hình giao thông và đường xá hiện tại - tốc độ động cơ giảm dần đến mức tiêu thụ nhiên liệu thấp hơn. Sử dụng đèn báo sang số⁷.
- Lái ở tốc độ ổn định và giữ khoảng cách phù hợp với các xe và vật khác để giảm thiểu tối đa việc phanh.
- Lái xe ở tốc độ cao làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu - lực cản gió tăng với tốc độ.
- Máy tính hành trình báo mức tiêu thụ nhiên liệu liên tục có thể hữu ích để lái xe tiết kiệm hơn.
- Không chạy động cơ đến nhiệt độ vận hành ở tốc độ chạy cầm chừng mà lái với tải trọng thông thường ngay sau khi khởi động - động cơ lạnh tiêu thụ nhiều nhiên liệu hơn so với động cơ ấm.



⁷ Áp dụng với một số thị trường.

- Nếu có thể, tránh sử dụng xe để đi với khoảng cách ngắn. Động cơ không có thời gian để đạt nhiệt độ vận hành thông thường, góp phần làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.
- Sử dụng phanh động cơ để giảm tốc độ khi có thể giảm tốc độ mà không gây nguy hiểm đến những người tham gia giao thông khác.
- Lái với áp suất không khí phù hợp trong lốp và kiểm tra thường xuyên - lựa chọn áp suất lốp ECO để đạt kết quả tốt nhất.
- Lựa chọn lốp có thể ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nhiên liệu - tham khảo ý kiến của đại lý về lốp phù hợp.
- Tháo thiết bị không cần thiết ra khỏi xe - tải trọng càng lớn, mức tiêu thụ nhiên liệu càng cao.
- Tải trọng nóc xe và hộp chứa đồ làm tăng lực cản gió, dẫn đến mức tiêu thụ nhiên liệu cao hơn - tháo thùng chứa đồ khi không sử dụng.
- Tránh lái xe khi mở cửa sổ.



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tắt động cơ trong khi di chuyển như đổ dầu, điều này làm tắt các hệ thống quan trọng như tay lái trợ lực và bộ trợ lực hơi phanh.

Thông tin liên quan

- Drive-E - tận hưởng trải nghiệm lái xe thân thiện với môi trường (trang 30)
- Chế độ lái tiết kiệm (trang 452)
- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)

Chuẩn bị cho chuyến đi dài

Trước khi lái xe đi nghỉ hoặc một số loại chuyến đi dài khác, phải kiểm tra các chức năng và thiết bị của xe đặc biệt cẩn thận.

Kiểm tra để đảm bảo:

- động cơ hoạt động bình thường và mức tiêu thụ nhiên liệu bình thường
- không có rò rỉ (nhiên liệu, dầu hoặc dung dịch khác)
- lực phanh trong quá trình phanh là tối ưu
- tất cả các đèn đều hoạt động - điều chỉnh độ cân bằng của đèn pha nếu xe chở nặng.
- lốp có độ sâu và áp suất gần lốp đầy đủ. Đổi sang lốp xe mùa đông khi lái đến khu vực mà mặt đường có khả năng đóng băng tuyết hoặc băng.
- ắc quy bộ khởi động có đủ điện.
- lưới gạt nước hoạt động ở điều kiện tốt
- tam giác cảnh báo và áo phản quang được đặt trong xe - pháp luật yêu cầu ở một số quốc gia.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂ (trang 676)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Lái xe trong mùa đông (trang 467)
- Lái tiết kiệm (trang 465)

- Cài đặt modem xe (trang 539)
- Khuyến cáo khi bốc xếp đồ (trang 593)
- Lái xe kéo toa móc (trang 486)
- Hệ thống Lái Bán Tự động (trang 325)
- Hệ thống Giới hạn Tốc độ (trang 291)
- Bộ vá lốp khẩn cấp (trang 579)

Lái xe trong mùa đông

Đề lái xe trong mùa đông, phải thực hiện kiểm tra xe để đảm bảo có thể lái xe an toàn.

Kiểm tra các điều kiện sau, đặc biệt trước khi mùa lạnh đến:

- Nước làm mát động cơ phải chứa 50% glycol. Hỗn hợp này bảo vệ động cơ khỏi đóng băng xuống xấp xỉ -35°C (-31°F). Để tránh nguy hiểm đến sức khỏe, không được trộn các loại glycol khác nhau.
- Bình nhiên liệu phải được đổ đầy để ngăn ngưng tụ.
- Độ nhớt của dầu động cơ đóng vai trò quan trọng. Dầu có độ nhớt thấp (dầu loãng) tạo điều kiện khởi động trong điều kiện thời tiết lạnh và cũng giảm mức tiêu thụ nhiên liệu trong khi động cơ lạnh.

ⓘ QUAN TRỌNG

Không được sử dụng dầu có độ nhớt thấp để lái xe trong điều kiện khó khăn hoặc trong điều kiện thời tiết nóng.

- Phải kiểm tra điều kiện của ắc quy bộ khởi động và mức sạc. Thời tiết lạnh làm tăng nhu cầu sử dụng ắc quy bộ khởi động và công suất ắc quy bộ khởi động giảm do thời tiết lạnh.
- Sử dụng dung dịch nước rửa kính có chất làm tan băng để tránh hình thành băng trong kết dung dịch nước rửa kính.

Lái xe trong điều kiện đường trơn trượt

Để đạt độ bám đường tối ưu, Volvo khuyến cáo sử dụng lốp xe mùa đông trên tất cả các bánh nếu có nguy cơ xuất hiện tuyết hoặc băng.

ⓘ LƯU Ý

Một số quốc gia có yêu cầu pháp lý về việc sử dụng lốp xe mùa đông. Tất cả các quốc gia đều không cho phép sử dụng lốp có mấu.

Thực hành lái trên bề mặt trơn trượt trong điều kiện được kiểm soát để học cách lái xe trên đường trơn trượt.

Thông tin liên quan

- Bánh xe đi trong mùa đông (trang 577)
- Xích đi trên tuyết (trang 578)
- Phanh trên đường đá (trang 437)
- Phanh trên đường ướt (trang 437)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Ắc quy bộ khởi động (trang 626)
- Thay lưới gạt nước (trang 657)
- Thay cần gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Đổ thêm nước làm mát (trang 618)
- Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ (trang 672)

Lái xe lội nước

Lái xe lội nước nghĩa là xe được lái qua đoạn đường ngập sâu trong nước. Phải rất cẩn thận khi lái xe lội nước.

Xe có thể ở độ sâu tối đa là 45 cm (17 inch) ở tốc độ không lớn hơn tốc độ đi bộ. Cần đặc biệt cẩn thận khi đi qua vùng nước chảy. Trong quá trình lái xe lội nước, duy trì tốc độ thấp và không dừng xe. Khi đã đi qua đoạn đường ngập nước, đạp nhẹ chân phanh và kiểm tra xem có phanh hết cỡ không, ví dụ, nước và bùn có thể làm ướt tấm lót ổ phanh, dẫn đến việc chức năng phanh bị chậm.

- Nếu cần, làm sạch môi tiếp xúc với hệ thống sưởi điện và môi ghép toa móoc sau khi lái xe lội nước và bùn.
- Không để nước ngập quá ngưỡng của xe trong thời gian quá dài, điều này có thể làm hỏng hệ thống điện.

❶ QUAN TRỌNG

- Có thể xảy ra hư hỏng động cơ nếu nước đi vào bộ lọc khí.
- Nếu nước đi vào hệ thống truyền động, nước làm giảm khả năng bôi trơn của dầu, làm giảm tuổi thọ của hệ thống liên quan.
- Hư hỏng bất cứ bộ phận, động cơ, hệ thống truyền động, động cơ tăng áp, bộ phận vi sai hoặc bộ phận bên trong nào do ngập nước, khóa thủy tinh hoặc thiếu dầu đều không được bảo hành.
- Trong trường hợp chết máy do ngập nước, không cố khởi động lại, kéo xe từ nơi ngập nước đến gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền. Nguy cơ hỏng động cơ.

Thông tin liên quan

- Cứu hộ (trang 493)
- Kiểm soát lái ở tốc độ thấp* (trang 462)

Mở và đóng nắp ống dẫn nhiên liệu

Xe phải được mở khóa để mở nắp ống dẫn nhiên liệu⁸.



Trong màn hình người lái, mũi tên cạnh biểu tượng bơm nhiên liệu chỉ phía đặt nắp ống dẫn nhiên liệu của xe.

1. Mở nắp ống dẫn nhiên liệu bằng cách ấn nhẹ phía sau của nắp.
2. Sau khi hoàn thành việc bơm nhiên liệu, đóng nắp bằng cách ấn nhẹ.

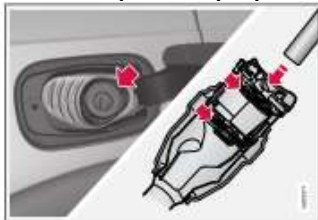
Thông tin liên quan

- Bơm nhiên liệu (trang 469)
- Kiểm tra và bơm nhiên liệu bằng AdBlue® (trang 476)

⁸ Chỉ khóa và mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa, khóa từ xa hoặc thông qua Volvo On Call ảnh hưởng đến trạng thái nắp ống dẫn nhiên liệu.

Bơm nhiên liệu

Bình nhiên liệu có lắp hệ thống ống dẫn nhiên liệu không vò.

Bơm nhiên liệu cho xe tại trạm xăng

Thực hiện bơm nhiên liệu theo hình thức sau.

1. Tắt động cơ xe và mở nắp ống dẫn nhiên liệu.
2. Lựa chọn nhiên liệu phù hợp để sử dụng trong xe theo nhãn nhận biết⁹ bên trong nắp ống dẫn nhiên liệu. Xem thông tin về loại nhiên liệu được chấp nhận và nhãn nhận biết lần lượt trong mục "Xăng" và "Dầu diesel".

3. Lắp vòi bơm vào khe ống dẫn nhiên liệu. Ống bơm có hai khe. Vòi bơm phải được đẩy qua hai khe trước khi bắt đầu bơm nhiên liệu.
4. Không bơm quá đầy mà bơm cho đến khi vòi bơm dừng bơm lần đầu.
 - > Bình nhiên liệu đầy.

LƯU Ý

Nhiên liệu quá đầy trong bình nhiên liệu có thể tràn ra trong điều kiện thời tiết nóng.

Bơm nhiên liệu từ can nhiên liệu

Khi bơm bằng can nhiên liệu, sử dụng phễu trong khối xếp dưới cửa nắp sàn trong khoang hành lý.

1. Mở nắp ống dẫn nhiên liệu.
2. Lắp phễu vào khe ống dẫn nhiên liệu. Ống bơm có hai khe. Ống phễu phải được đẩy qua hai khe trước khi bắt đầu bơm nhiên liệu.

Áp dụng với hệ thống sưởi chạy nhiên liệu*

Tuyệt đối không sử dụng hệ thống sưởi chạy nhiên liệu khi xe đang ở trong khu vực trạm xăng.



Nhãn dán bên trong nắp ống dẫn nhiên liệu.

Thông tin liên quan

- Mở và đóng nắp ống dẫn nhiên liệu (trang 468)
- Xăng (trang 470)
- Dầu diesel (trang 472)
- Bình nhiên liệu cạn và động cơ diesel (trang 473)

⁹ Nhãn nhận biết theo tiêu chuẩn CEN EN16942 đặt bên trong nắp ống dẫn nhiên liệu và sẽ có trên máy bơm nhiên liệu và vòi bơm tương ứng tại các trạm xăng trên khắp Châu Âu muộn nhất là vào cuối năm 2018.

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Xử lý nhiên liệu

Không sử dụng nhiên liệu có chất lượng thấp hơn chất lượng được Volvo khuyến cáo do điều này sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến công suất của động cơ và mức tiêu thụ nhiên liệu.

CẢNH BÁO

Luôn tránh hít phải hơi nhiên liệu và để nhiên liệu bắn vào mắt.

Trong trường hợp nhiên liệu bắn vào mắt, tháo kính áp trùng và rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút và điều trị y tế ngay.

Tuyệt đối không nuốt nhiên liệu. Nhiên liệu như xăng, ethanol sinh học và hỗn hợp của chúng và dầu diesel có độc tính cao và có thể gây thương tật vĩnh viễn hoặc tử vong nếu nuốt phải. Điều trị y tế ngay nếu nuốt phải nhiên liệu.

CẢNH BÁO

Nhiên liệu bắn vào sàn xe có thể gây cháy.

Tắt hệ thống sưởi chạy nhiên liệu trước khi bắt đầu bơm nhiên liệu.

Tuyệt đối không dùng điện thoại di động khi bơm nhiên liệu. Tín hiệu chuông có thể gây ra tia lửa điện và làm cháy hơi xăng, dẫn đến cháy và thương tật.

QUAN TRỌNG

Hỗn hợp nhiều loại nhiên liệu khác nhau hoặc việc sử dụng nhiên liệu không được khuyến cáo sẽ làm mất giá trị bảo hành của Volvo và tất cả hợp đồng dịch vụ bổ sung, điều này áp dụng với tất cả động cơ.

Thông tin liên quan

- Xăng (trang 470)
- Dầu diesel (trang 472)
- Xử lý AdBlue® (trang 475)

Xăng

Xăng là một loại nhiên liệu động cơ được sử dụng cho xe chạy động cơ xăng.

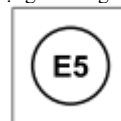
Chỉ sử dụng xăng từ các nhà sản xuất nổi tiếng.

Tuyệt đối không sử dụng nhiên liệu có chất lượng không rõ ràng. Xăng phải đáp ứng tiêu chuẩn EN 228.

Nhãn nhận biết xăng

Nhãn nhận biết theo tiêu chuẩn CEN EN16942 đặt bên trong nắp ống dẫn nhiên liệu và sẽ có trên máy bơm nhiên liệu và vòi bơm tương ứng tại các trạm xăng trên khắp Châu Âu muộn nhất là vào cuối năm 2018.

Đây là các nhãn nhận biết áp dụng với nhiên liệu tiêu chuẩn hiện nay tại Châu Âu. Xăng có nhãn nhận biết sau có thể được sử dụng trong xe có động cơ xăng:



E5 là xăng có tối đa là 2,7% oxy và tối đa 5% thể tích là ethanol.



E10 là xăng có tối đa là 3,7% oxy và tối đa 10% thể tích là ethanol.

❗ QUAN TRỌNG

- Nhiên liệu chứa 10% thể tích là ethanol được cho phép sử dụng.
- Xăng EN 228 E19 (tối đa 10% thể tích là ethanol) được chấp nhận sử dụng.
- Không được phép sử dụng xăng có lượng ethanol cao hơn E10 (tối đa 10% thể tích là ethanol), ví dụ, không được phép sử dụng E85.

Chỉ số octan

- Có thể sử dụng RON 95 để lái thông thường.
- Khuyến cáo sử dụng RON 98 để tối ưu hóa hiệu suất và giảm tối thiểu mức tiêu thụ nhiên liệu.
- Không được sử dụng xăng có chỉ số octan thấp hơn RON 95.

Khi lái ở nhiệt độ hơn +38°C (100°F), khuyến cáo sử dụng nhiên liệu có chỉ số octan cao nhất để tối ưu hóa hiệu suất và tiết kiệm nhiên liệu.

❗ QUAN TRỌNG

- Chỉ sử dụng xăng không chì để tránh làm hư hỏng bộ trung hòa khí thải.
- Không được sử dụng nhiên liệu chứa phụ gia kim loại.
- Không sử dụng bất cứ phụ gia nào chưa được Volvo khuyến cáo.

Thông tin liên quan

- Xử lý nhiên liệu (trang 470)
- Bơm nhiên liệu (trang 469)
- Bộ lọc hạt xăng (trang 471)
- Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂ (trang 676)

Bộ lọc hạt xăng

Xe chạy xăng được lắp bộ lọc hạt xăng để kiểm soát phát thải hiệu quả hơn.

Các hạt trong khí thải được thu gom trong bộ lọc hạt xăng trong quá trình lái thông thường. Trong điều kiện lái thông thường, quá trình tái tạo thụ động diễn ra, làm cho các hạt bị oxy hóa và cháy. Bộ lọc được làm sạch theo hình thức này.

Nếu xe chạy ở tốc độ chậm hoặc liên tục khởi động nguội ở nhiệt độ bên ngoài thấp, có thể cần tái tạo chủ động. Việc tái tạo của bộ lọc hạt là tự động và thường diễn ra trong 10 - 20 phút. Có thể có mùi cháy trong quá trình tái tạo.

Sử dụng hệ thống sưởi khi đỗ xe trong điều kiện thời tiết lạnh, động cơ sẽ đạt nhiệt độ vận hành thông thường nhanh hơn.

Khi lái xe chạy xăng ở khoảng cách ngắn với tốc độ chậm

Công suất của hệ thống kiểm soát phát thải xăng bị ảnh hưởng bởi cách lái xe. Phải lái ở nhiều khoảng cách khác nhau với nhiều tốc độ khác nhau để đạt hiệu suất tối ưu.

Việc thường xuyên lái xe ở khoảng cách ngắn với tốc độ thấp (hoặc trong điều kiện thời tiết lạnh), làm động cơ không đạt nhiệt độ vận hành thông thường, có thể dẫn đến các vấn đề có thể gây hư hỏng và xuất hiện thông báo cảnh báo. Nếu chủ yếu lái xe trong thành phố, phải thường xuyên lái ở tốc độ cao hơn để cho phép hệ thống kiểm soát phát thải xăng tái tạo.



- Cần lái xe ở đường loại A ở tốc độ lớn hơn 60 km/giờ (38 dặm/giờ) trong ít nhất 20 phút giữa các lần bơm nhiên liệu.

Thông tin liên quan

- Xăng (trang 470)

Dầu diesel

Dầu diesel là một loại nhiên liệu động cơ được sử dụng cho xe chạy động cơ dầu diesel.

Chỉ sử dụng dầu diesel từ các nhà sản xuất nổi tiếng. Tuyệt đối không sử dụng nhiên liệu có chất lượng không rõ ràng. Nhiên liệu dầu diesel phải đáp ứng tiêu chuẩn EN 590 hoặc SS 155435. Động cơ dầu diesel nhạy cảm với chất bẩn trong nhiên liệu như thể tích lưu huỳnh và kim loại quá cao.

Nhãn nhận biết

Nhãn nhận biết theo tiêu chuẩn CEN EN16942 đặt bên trong nắp ống dẫn nhiên liệu và sẽ có trên máy bơm nhiên liệu và vòi bơm tương ứng tại các trạm xăng trên khắp Châu Âu muộn nhất là vào cuối năm 2018.

Đây là các nhãn nhận biết áp dụng với nhiên liệu tiêu chuẩn hiện nay tại Châu Âu. Dầu diesel có nhãn nhận biết sau có thể được sử dụng trong xe có động cơ dầu diesel:



B7 là dầu diesel có tối đa 7% thể tích là este metyl axít béo (FAME).

Ở nhiệt độ thấp (thấp hơn 0°C (32°F)), chất kết tủa paraffin có thể hình thành trong nhiên liệu dầu diesel, có thể dẫn đến vấn đề khởi động. Chất lượng nhiên liệu được bán phải được điều chỉnh theo mùa và vùng khí hậu nhưng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nhiên liệu cũ hoặc di chuyển giữa các vùng khí hậu, có thể xuất hiện chất kết tủa paraffin.

Nguy cơ ngưng tụ trong bình nhiên liệu giảm xuống nếu bình nhiên liệu được bơm đầy.

Khi bơm nhiên liệu, kiểm tra xem khu vực xung quanh ống bơm nhiên liệu có sạch không. Tránh để bắn nhiên liệu lên phần sơn. Rửa sạch nhiên liệu bắn ra bằng chất tẩy rửa và nước.

❶ QUAN TRỌNG

Nhiên liệu dầu diesel phải:

- đáp ứng tiêu chuẩn EN 590 và/hoặc SS 155435
- có hàm lượng lưu huỳnh không lớn hơn 10 mg/kg.
- có tối đa 7% thể tích là FAME¹⁰ (B7).

¹⁰ Este Metyl Axit Béo

❶ QUAN TRỌNG

Nhiên liệu loại dầu diesel không được sử dụng:

- Phụ gia chuyên dụng
- Nhiên liệu dầu diesel tàu thủy
- Dầu đốt
- FAME¹¹ và dầu thực vật.

Các nhiên liệu này không đáp ứng yêu cầu theo khuyến cáo của Volvo và làm tăng ăn mòn và hư hỏng động cơ mà không nằm trong phạm vi bảo hành của Volvo.

Thông tin liên quan

- Xử lý nhiên liệu (trang 470)
- Bơm nhiên liệu (trang 469)
- Bình nhiên liệu cạn và động cơ diesel (trang 473)
- Bộ lọc hạt dầu diesel (trang 474)
- Kiểm tra và đổ nhiên liệu bằng AdBlue® (trang 474)
- Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂ (trang 676)

Bình nhiên liệu cạn và động cơ diesel

Sau khi động cơ đã dừng do thiếu nhiên liệu, hệ thống nhiên liệu cần một mức để thực hiện kiểm tra.

Trước khi khởi động xe sau khi bơm dầu diesel vào bình nhiên liệu, thực hiện như sau:

1. Chìa khóa điều khiển từ xa phải ở bên trong xe.
2. Để xe ở vị trí đánh lửa II, vặn núm khởi động theo chiều kim đồng hồ mà không đạp chân phanh hoặc chân côn với xe có hộp số sàn và giữ núm khởi động trong xấp xỉ 4 giây. Thả núm ra để núm tự động trở về vị trí ban đầu.
3. Đợi xấp xỉ 1 phút.
4. Khởi động động cơ.

❷ LƯU Ý

Trước khi bơm nhiên liệu trong trường hợp hết nhiên liệu:

- Dừng xe trên nền phẳng/cân bằng nhất có thể, nếu xe nghiêng, có nguy cơ khí đi vào nhiên liệu.

Các điểm cần nhớ khi bơm dầu diesel bằng can nhiên liệu

Khi bơm dầu diesel bằng can nhiên liệu, sử dụng phễu trong khối xếp dưới cửa nắp sàn trong khoang hành lý. Đảm bảo bạn lắp chặt ống phễu vào ống bơm. Ống bơm có hai khe. Ống phễu phải được đẩy qua hai khe trước khi có thể bắt đầu bơm.

Thông tin liên quan

- Bơm nhiên liệu (trang 469)
- Dầu diesel (trang 472)
- Bộ dụng cụ (trang 571)

¹¹ Nhiên liệu dầu diesel có tối đa 7% thể tích là FAME (B7) được cho phép sử dụng.

Bộ lọc hạt dầu diesel

Xe chạy dầu diesel được lắp bộ lọc hạt để kiểm soát phát thải hiệu quả hơn.

Các hạt trong khí thải được thu gom trong bộ lọc hạt dầu diesel trong quá trình lái thông thường. Khi các điều kiện này được đáp ứng, hệ thống tái tạo bắt đầu đốt các hạt và làm cạn bộ lọc. Để bắt đầu tái tạo, động cơ phải đạt tốc độ vận hành thông thường. Việc tái tạo của bộ lọc hạt là tự động và thường diễn ra trong 10 - 20 phút.

ⓘ LƯU Ý

Hiện tượng dưới đây có thể phát sinh trong quá trình tái tạo:

- có thể thông báo tạm thời việc giảm một ít công suất động cơ
- mức tiêu thụ nhiên liệu có thể tăng lên tạm thời.
- có thể xuất hiện mùi cháy.

Sử dụng hệ thống sưởi khi đỗ xe* trong điều kiện thời tiết lạnh, động cơ sẽ đạt nhiệt độ vận hành thông thường nhanh hơn.

ⓘ QUAN TRỌNG

Nếu bộ lọc chứa đầy hạt, có thể khó khởi động động cơ và bộ lọc bị hỏng. Có nguy cơ sẽ cần thay thế bộ lọc.

Khi lái xe chạy dầu diesel ở khoảng cách ngắn với tốc độ chậm

Công suất của hệ thống kiểm soát phát thải dầu diesel bị ảnh hưởng bởi cách lái xe. Phải lái ở nhiều khoảng cách khác nhau với nhiều tốc độ khác nhau để đạt hiệu suất tối ưu.

Việc thường xuyên lái xe ở khoảng cách ngắn với tốc độ thấp (hoặc trong điều kiện thời tiết lạnh), làm động cơ không đạt nhiệt độ vận hành thông thường, có thể dẫn đến các vấn đề có thể gây hư hỏng và xuất hiện thông báo cảnh báo. Nếu chủ yếu lái xe trong thành phố, phải thường xuyên lái ở tốc độ cao hơn để cho phép hệ thống kiểm soát phát thải xả tái tạo.

- Cần lái xe ở đường loại A ở tốc độ lớn hơn 60 km/giờ (38 dặm/giờ) trong ít nhất 20 phút giữa các lần bơm nhiên liệu.

Thông tin liên quan

- Dầu diesel (trang 472)
- Kiểm soát phát thải bằng AdBlue® (trang 474)
- Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂ (trang 676)

Kiểm soát phát thải bằng AdBlue®¹²

AdBlue là một chất phụ gia được sử dụng trong hệ thống SCR¹³ để giảm phát thải chất độc từ động cơ diesel.

Trong hệ thống SCR, AdBlue và chất khí thải oxit nitơ được chuyển đổi thành nitơ và hơi nước, làm giảm đáng kể phát thải oxit nitơ có hại.

AdBlue

AdBlue là một dung dịch không màu gồm 32,5% urea¹⁴ trong nước khử ion và được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 22241. Nó được đặc biệt phát triển cho công nghệ làm sạch SCR với động cơ dầu diesel.

AdBlue có bình chứa riêng trong xe và được nạp thông qua ống dẫn riêng phía sau nắp ống dẫn nhiên liệu. Mức tiêu thụ phụ thuộc vào kiểu lái, nhiệt độ bên ngoài và nhiệt độ vận hành của hệ thống.

Điều kiện lái xe có AdBlue

Phải luôn có lượng AdBlue phù hợp trong bình chứa trước khi có thể khởi động xe. Hệ thống SCR rất nhạy cảm với chất bẩn.

Hệ thống kiểm soát phát thải liên tục theo dõi mức bình chứa, chất lượng và liều lượng của AdBlue. Nếu có hư hỏng, thông báo được hiển thị trong màn hình người lái.

¹² Nhân hiệu đã đăng ký thuộc Ver-band der Automobilindustrie e.V. (VDA)

¹³ Giảm Xúc tác Chosen lọc

¹⁴ CO(NH₂)₂

❶ QUAN TRỌNG

AdBlue được yêu cầu sử dụng cho chức năng của hệ thống SCR và tuân thủ luật về phát thải. Cấm điều chỉnh hoặc chỉnh sửa hệ thống cung cấp AdBlue dưới bất cứ hình thức nào để không chất phản ứng AdBlue nào được tiêu thụ theo yêu cầu pháp luật về phát thải khí thải. Tất cả hành vi vi phạm đều là vi phạm hình sự và có thể bị khởi tố.

Không được vận hành xe khi bình chứa AdBlue cạn do xe sẽ không còn tuân thủ yêu cầu pháp luật về phát thải khí thải. Xe được trang bị hệ thống cảnh báo để thông báo khi cần nạp AdBlue. Khi mức AdBlue trong bình chứa thấp, cảnh báo được hiển thị để thông báo cần nạp AdBlue.

Thông tin liên quan

- Xử lý AdBlue® (trang 475)
- Kiểm tra và nạp AdBlue® (trang 476)
- Biểu tượng và thông báo của AdBlue® (trang 478)

Xử lý AdBlue®¹⁵

AdBlue chủ yếu gồm nước (xấp xỉ 67,5% nước và 32,5% urea). Dung dịch này không cháy nhưng cần được xử lý cẩn thận do nó có thể gây kích ứng mắt và da.

Các điểm cần ghi nhớ khi xử lý

Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Cần sử dụng găng tay ngăn kích ứng với da nhạy cảm khi xử lý dung dịch này.

⚠ CẢNH BÁO

Thực hiện sơ cứu:

- Hít phải - đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí.
- Tiếp xúc với da - rửa sạch da bằng xà phòng và nước.
- Tiếp xúc với mắt - rửa ngay lập tức bằng nhiều nước.
- Nuốt phải - rửa sạch miệng. Không kích nôn.

Điều trị y tế nếu vẫn còn khó chịu hoặc nếu đã nuốt phải lượng lớn.

Xử lý trong trường hợp tràn đổ

AdBlue tràn đổ ra nền, xe hoặc bề mặt sơn phải được rửa sạch bằng nước. Tránh thải vào hệ thống thoát nước.

Bảo quản

AdBlue phải được bảo quản trong bao bì chính hãng dán kín ở nhiệt độ trên -11°C (12°F) và dưới 30°C (86°F). Dung dịch không được để dưới ánh nắng trực tiếp.

AdBlue đóng băng ở -11°C (12°F) nhưng có thể được sử dụng lại khi dung dịch đã rã đông.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra và nạp AdBlue® (trang 476)
- Kiểm soát phát thải bằng AdBlue® (trang 474)

¹⁵ Nhân hiệu đã đăng ký thuộc Ver-band der Automobilindustrie e.V. (VDA)

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Kiểm tra và nạp AdBlue®¹⁶

Kiểm tra thường xuyên mức AdBlue và nạp nếu thông báo mức AdBlue thấp được hiển thị trong màn hình người lái.

Gara của Volvo nạp AdBlue khi xe được bảo trì, tuy nhiên, nó phải được nạp vài lần giữa các lần bảo trì, tùy thuộc vào kiểu lái. Nếu bình chứa AdBlue được cho phép xả hoàn toàn, không còn có thể khởi động xe.

ⓘ LƯU Ý

Tuyệt đối không lái xe khi bình chứa AdBlue cạn. Nạp bình chứa vào thời điểm phù hợp trước khi nó cạn.

Nếu bình chứa cạn, sẽ không thể khởi động động cơ sau khi tắt động cơ - điều này ít khi xảy ra và nếu xảy ra, gọi hỗ trợ.

Cách duy nhất để có thể khởi động lại sau khi lái xe với bình chứa cạn là nạp AdBlue với lượng bằng lượng tối thiểu được hiển thị trong màn hình người lái.

Kiểm tra mức AdBlue

1.



Mở ứng dụng **Car Status (Trạng thái Xe)** trong phần ứng dụng.

2.



Ấn **Status (Trạng thái)** để hiển thị mức AdBlue.



Hình ảnh đồ họa mức AdBlue trong màn hình trung tâm.

Mỗi con trỏ là xấp xỉ 25% bình chứa đầy.

Khi còn ít hơn 25% trong bình chứa, màu của con trỏ chuyển sang màu hồ phách và khi còn ít hơn 10%, màu của con trỏ chuyển sang màu đỏ.

¹⁶ Nhân hiệu đã đăng ký thuộc Ver-band der Automobilindustrie e.V. (VDA)

Nạp

Khi mức AdBlue bắt đầu xuống thấp, một biểu tượng sáng trong màn hình người lái và thông báo **AdBlue level low (mức AdBlue thấp)** được hiển thị.

1. Mở nắp ống dẫn nhiên liệu bằng cách ấn nhẹ phía sau của nắp.
- 2.



Mở nắp màu xanh của ống bơm nhỏ hơn sử dụng cho AdBlue.

3. Nạp đúng lượng AdBlue¹⁷

Không nạp quá mức bình chứa. Lượng AdBlue có thể được nạp được hiển thị trong ứng dụng **Car Status (Trạng thái của Xe)**.

⚠ CẢNH BÁO

Khi nạp từ máy bơm AdBlue ở trạm xăng, cần sử dụng máy bơm áp dụng với xe khách. Cũng có thể sử dụng máy bơm AdBlue cho xe có trọng tải lớn.

❗ QUAN TRỌNG

Lau sạch AdBlue bị tràn
Đặc biệt cẩn thận để ngăn AdBlue tiếp xúc với mặt sơn của xe. Nếu AdBlue tiếp xúc với da, rửa sạch bằng nhiều nước do dung dịch này có thể ảnh hưởng đến mặt sơn.

Thông tin liên quan

- Xử lý AdBlue® (trang 475)
- Biểu tượng và thông báo của AdBlue® (trang 478)
- Dung tích bình chứa AdBlue® (trang 674)

¹⁷ ISO 22241

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Biểu tượng và thông báo của AdBlue®¹⁸

Hệ thống kiểm soát phát thải liên tục theo dõi mức, chất lượng và định lượng của AdBlue. Nếu có hư hỏng, một thông báo được hiển thị trong màn hình người lái.



Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Mức AdBlue thấp	Mức AdBlue thấp và bình chứa cần nạp.
	Định lượng AdBlue và Chất lượng AdBlue	Hệ thống không hoạt động đúng chức năng. Liên hệ gara ^A để kiểm tra chức năng.

¹⁸ Nhãn hiệu đã đăng ký thuộc Ver-band der Automobilindustrie e.V. (VDA)

Biểu tượng	Thông báo	Ý nghĩa
	Nạp AdBlue	Mức AdBlue rất thấp và bình chứa cần nạp ngay lập tức.
	Cấm khởi động động cơ và ví dụ, nạp tối thiểu 4,5 lít AdBlue	Không thể khởi động xe trước khi nạp AdBlue. Nạp AdBlue với lượng được trình bày trong màn hình người lái hoặc liên hệ gara ^A . Lưu ý: - Xe phải ở mức AdBlue để đồng hồ đo mức có thể đo chính xác lượng AdBlue. - Có thể cần 20 giây sau khi nạp trước khi hệ thống được cập nhật mức chính xác.
	Cấm khởi động động cơ Hoạt động của hệ thống AdBlue cần được cho phép khởi động lại	Hệ thống không hoạt động đúng chức năng. Liên hệ gara ^A để kiểm tra chức năng.

^A Liên hệ gara được Volvo khuyến cáo.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra và nạp AdBlue® (trang 476)
- Xử lý AdBlue® (trang 475)
- Đặt lịch bảo trì và sửa chữa (trang 609)

Quá nhiệt trong động cơ và hệ thống dẫn động

Trong điều kiện đặc biệt, ví dụ, lái xe trong điều kiện đường đồi và khí hậu nóng, động cơ và hệ thống dẫn động có thể bị quá nhiệt, đặc biệt khi chờ nặng.

- Trong trường hợp quá nhiệt, công suất của động cơ có thể bị hạn chế tạm thời.
- Tháo đèn phụ khỏi phía trước lưới tản nhiệt khi lái xe trong điều kiện khí hậu nóng.
- Nếu nhiệt độ trong hệ thống làm mát của động cơ quá cao, biểu tượng thông báo sáng và màn hình người lái hiển thị thông báo **Engine temperature High temperature Stop safely (Nhiệt độ động cơ Nhiệt độ Cao Dừng an toàn)**. Dừng xe một cách an toàn và cho phép động cơ chạy ở tốc độ chậm chùng trong vài phút và để nguội.
- Nếu thông báo **Engine temperature High temperature Turn off engine (Nhiệt độ động cơ Nhiệt độ cao Tắt động cơ)** hoặc **Engine coolant Level low, turn off engine (Mức nước làm mát động cơ thấp, tắt động cơ)** được hiển thị, dừng xe và tắt động cơ.
- Trong trường hợp quá nhiệt trong hộp số, chương trình sang số thay thế sẽ được lựa chọn. Thêm vào đó, chức năng bảo vệ tích hợp được bật, biểu tượng cảnh báo sáng và màn hình người lái hiển thị **Transmission warm Reduce speed to lower temperature (Hệ thống truyền động ấm Giảm tốc độ để hạ nhiệt độ)** hoặc

Transmission hot Stop safely, wait for cooling (Hệ thống truyền động nóng Dừng an toàn, đợi nguội) và các chức năng khác. Tuân thủ khuyến cáo được đưa ra, giảm tốc độ hoặc dừng xe an toàn và cho phép động cơ chạy ở tốc độ chậm chùng trong vài phút để hộp số nguội.

- Nếu xe bị quá nhiệt, có thể tạm thời tắt điều hòa không khí.
- Không tắt động cơ ngay lập tức sau khi bạn dừng xe sau khi lái xe ở địa hình xấu.

ⓘ LƯU Ý

Quạt làm mát của động cơ thường vận hành một lúc sau khi động cơ đã được tắt.

Biểu tượng trong màn hình người lái

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Nhiệt độ động cơ cao. Tuân thủ khuyến cáo.
	Mức nước làm mát thấp. Tuân thủ khuyến cáo.
	Hộp số nóng/quá nhiệt/nguội. Tuân thủ khuyến cáo.

Thông tin liên quan

- Đổ thêm nước làm mát (trang 618)
- Lái xe kéo toa móc (trang 486)
- Chuẩn bị cho chuyến đi dài (trang 466)
- Đèn báo sang số (trang 448)

Quá tải ắc quy bộ khởi động

Các chức năng điện trong xe sử dụng ắc quy bộ khởi động ở các mức khác nhau. Tránh sử dụng vị trí công tắc II khi tắt động cơ xe. Sử dụng vị trí đánh lửa I để ít tiêu thụ điện hơn.

Cũng chú ý đến các phụ kiện khác nhau sử dụng hệ thống điện. Không sử dụng chức năng tiêu thụ nhiều điện khi xe được tắt động cơ. Ví dụ về các chức năng đó là:

- quạt thông gió
- đèn pha
- cần gạt nước
- hệ thống âm thanh (âm lượng cao).

Nếu điện áp của ắc quy bộ khởi động thấp, thông báo được hiển thị trong màn hình người lái. Chức năng tiết kiệm năng lượng tắt một số chức năng hoặc giảm thiểu một số chức năng như quạt gió và/hoặc hệ thống âm thanh.

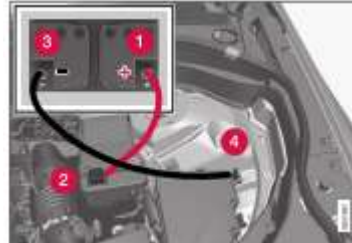
- Trong trường hợp đó, sạc ắc quy bộ khởi động bằng cách khởi động xe và xe chạy trong ít nhất 15 phút, việc sạc ắc quy bộ khởi động có hiệu quả trong quá trình lái hơn là chạy động cơ ở tốc độ cầm chừng khi xe đứng yên.

Thông tin liên quan

- Ắc quy bộ khởi động (trang 626)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)

Kích nổ bằng một ắc quy khác

Nếu ắc quy bộ khởi động bị hết điện, có thể khởi động xe bằng dòng điện từ một ắc quy khác.



Các điểm gắn của dây kích nổ.

Khi kích nổ xe, khuyến cáo thực hiện các bước sau để tránh ngắn mạch hoặc hư hỏng khác:

1. Cài đặt hệ thống điện của xe ở vị trí công tắc 0.
2. Kiểm tra xem ắc quy cho điện có điện áp là 12 V không.
3. Nếu ắc quy cho điện được lắp đặt trên một xe khác - tắt động cơ của xe cho điện và đảm bảo rằng hai xe không chạm vào nhau.

4. Nối một trong các kẹp của dây kích nổ màu đỏ với cực dương (1) của ắc quy cho điện.

1 QUAN TRỌNG

Nối cẩn thận dây cáp khởi động để tránh ngắn mạch với các bộ phận khác trong khoang động cơ.

5. Mở nắp đậy điểm kích nổ dương (2).
6. Nối kẹp còn lại của dây kích nổ màu đỏ với điểm kích nổ dương của xe (2).
7. Nối một trong các kẹp của dây kích nổ màu đen với cực âm của ắc quy cho điện (3).
8. Nối kẹp còn lại của dây kích nổ màu đen trên điểm kích nổ âm của xe (4).
9. Kiểm tra xem các kẹp của dây kích nổ có được nối chắc chắn không để không tạo tia lửa trong quá trình thử khởi động.
10. Khởi động động cơ của "xe cho điện" và để động cơ chạy một vài phút ở tốc độ cao hơn tốc độ cầm chừng khoảng 1500 vòng/phút.

11. Khởi động động cơ trên xe có ắc quy bị hết điện.

❗ QUAN TRỌNG

Không chạm vào các mối nối giữa cáp và xe trong quá trình thử khởi động. Có nguy cơ tạo thành tia lửa điện.

12. Tháo các dây kích nổ theo thứ tự ngược lại - tháo dây đen trước và tháo dây đỏ sau. Đảm bảo rằng không có kẹp nào của dây kích nổ màu đen tiếp xúc với điểm kích nổ dương của xe/cực dương của ắc quy cho điện hoặc kẹp nối với dây kích nổ màu đỏ.

⚠ CẢNH BÁO

- Ắc quy có thể tạo ra khí oxyhydro có khả năng nổ cao. Có thể tạo thành tia lửa nếu dây kích nổ được nối không chính xác và điều này đủ làm nổ ắc quy.
- Không nối dây kích nổ với bộ phận của hệ thống nhiên liệu hoặc bộ phận đang di chuyển. Cần thận với bộ phận nóng của động cơ.
- Ắc quy chứa axit sunphuric có thể gây bỏng nặng.
- Nếu axit sunphuric tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, rửa bằng nhiều nước. Nếu axit bắn vào mắt, điều trị y tế ngay lập tức.
- Tuyệt đối không hút thuốc gần ắc quy.

Thông tin liên quan

- Khởi động xe (trang 430)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Điều chỉnh vô lăng (trang 200)
- Lựa chọn chế độ đánh lửa (trang 433)

Móc kéo*

Xe có thể được trang bị móc kéo để có thể kéo, ví dụ, một toa móoc phía sau xe.

Có thể có nhiều loại móc kéo khác nhau dành cho xe. Liên hệ đại lý của Volvo để biết thêm thông tin chi tiết.

❗ QUAN TRỌNG

Khi tắt động cơ, điện áp ắc quy không đổi đến đầu nối toa móoc có thể tự động tắt để không làm cạn ắc quy bộ khởi động.

❗ QUAN TRỌNG

Cần vệ sinh móc kéo thường xuyên và bôi trơn bằng mỡ bôi trơn để ngăn mài mòn.

❗ LƯU Ý

Khi sử dụng móc có bộ giảm chấn, không được bôi trơn móc kéo.

Điều này cũng áp dụng khi lắp giá đỡ xe đạp được kẹp xung quanh móc kéo.

❗ LƯU Ý

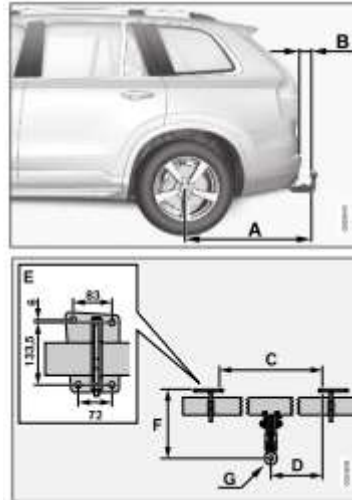
Nếu xe được trang bị móc kéo, không cần giá lắp sau cho mắt kéo.

Thông tin liên quan

- Móc kéo có thể kéo dài và rút ngắn* (trang 484)
- Lái xe kéo toa móc (trang 486)
- Giá đỡ xe đạp gắn toa móc* (trang 489)
- Thông số kỹ thuật của móc kéo* (trang 483)

Thông số kỹ thuật của móc kéo*

Kích thước và điểm gắn móc kéo.



KHỐI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Kích thước, điểm gắn bằng mm (inch)	
A	1476 (58.1)
B	86 (3.4)
C	875 (34.4)
D	437.5 (17.2)
E	Xem hình ảnh ở dưới
F	273 (10.7)
G	Tâm lỗ

Thông tin liên quan

- Móc kéo* (trang 482)
- Công suất kéo và tải trọng móc kéo (trang 668)

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Móc kéo có thể kéo dài và rút ngắn*

Móc kéo có thể kéo dài/rút ngắn luôn được đặt ở nơi dễ lấy và dễ dàng kéo dài hoặc rút ngắn, khi cần. Tại vị trí rút ngắn, móc kéo được giấu kín hoàn toàn.

CẢNH BÁO

Tuân thủ cẩn thận các hướng dẫn về kéo dài và rút ngắn móc kéo.

Kéo dài móc kéo

CẢNH BÁO

Tránh đứng gần thanh cản ở giữa phía sau xe khi kéo dài móc kéo.

1.



Mở cốp sau. Nút kéo dài/rút ngắn móc kéo ở bên tay phải phía sau của khoang hành lý. Một đèn báo trong nút sáng liên tục màu da cam khi bật chức năng kéo dài.

2.



Ấn và nhả nút, chức năng kéo dài sẽ không hoạt động nếu ấn quá lâu.

> Móc kéo sẽ kéo dài và hướng xuống dưới tại vị trí mở khóa, đèn báo nhấp nháy màu da cam.

CẢNH BÁO

Không ấn nút kéo dài/rút ngắn nếu toa móc được gắn với móc kéo.

LƯU Ý

Phải hoàn thành quy trình kéo dài móc kéo trước khi có thể di chuyển móc kéo đến vị trí khóa. Quy trình này có thể kéo dài vài giây. Nếu móc kéo không được cố định ở vị trí khóa, đợi vài giây và thử lại.

3. Di chuyển móc kéo đến vị trí đầu, nơi móc kéo được cố định và khóa, đèn báo sáng liên tục màu da cam.

- Móc kéo đã sẵn sàng sử dụng.

CẢNH BÁO

Cần cố định cáp an toàn của toa móóc vào đai kẹp.

LƯU Ý

Chế độ tiết kiệm điện được bật sau một lúc và đèn báo tắt. Hệ thống được bật lại khi đóng và mở cốp sau. Điều này áp dụng khi kéo dài hoặc rút ngắn móc kéo.

Nếu xe phát hiện toa móóc được nối điện, đèn báo sẽ tắt.

Rút ngắn móc kéo

QUAN TRỌNG

Đảm bảo không có phích cắm hoặc bộ chuyển nguồn trong ổ cắm điện khi rút ngắn móc kéo.

1. Mở nắp cốp sau. Ấn và nhả nút ở bên tay phải phía sau của khoang hành lý, chức năng rút ngắn sẽ không hoạt động nếu ấn nút quá lâu.
 - > Móc kéo tự động hạ thấp ở vị trí mở khóa, đèn báo trong nút nhấp nháy màu da cam.

KHOẢNG VÀ LÁI XE

2.



Khóa móc kéo bằng cách di chuyển về phía sau đến vị trí rút ngắn, nơi khóa móc kéo.

- > Đèn báo sẽ sáng liên tục nếu móc kéo được rút ngắn chính xác.



Thông tin liên quan

- Lái xe kéo toa móóc (trang 486)
- Móc kéo* (trang 482)

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Lái xe kéo toa móc

Khi lái xe kéo toa móc, có một số điểm quan trọng cần lưu ý liên quan đến móc kéo, toa móc và phương thức đặt tải trọng trên toa móc.

Tải trọng phụ thuộc vào trọng lượng không tải của xe. Tổng trọng lượng của hành khách và tất cả phụ kiện như móc kéo sẽ làm giảm trọng tải của xe bằng khối lượng tương ứng.

Xe được cung cấp các thiết bị cần thiết để kéo toa móc:

- Móc kéo của xe phải là loại được chấp nhận.
- Phân bố tải trọng trên toa móc sao cho trọng lượng trên móc kéo tuân thủ tải trọng thanh kéo tối đa được quy định. Tải trọng của móc kéo được tính như một phần của tải trọng xe.
- Tăng áp suất lốp đến mức áp suất được khuyến cáo cho toàn tải.
- Động cơ có tải nặng hơn bình thường khi lái xe kéo toa móc.
- Không kéo toa móc nặng khi xe còn mới. Đợi cho đến khi xe đã đi được ít nhất 1000 km (620 dặm).
- Các phanh chịu tải nhiều hơn thông thường trên các đoạn đường đồi dốc dài. Lùi về số thấp hơn khi sang số bằng tay và điều chỉnh tốc độ.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tốc độ và trọng lượng cho phép.
- Duy trì tốc độ thấp khi lái xe kéo toa móc lên đường dốc dài.
- Trọng lượng toa móc tối đa chỉ áp dụng với chiều cao 1000 mét so với mực nước biển (3280 ft). Ở vị trí cao hơn, công suất động cơ và khả năng leo dốc của xe bị giảm do mật độ không khí giảm và vì lý do đó tải trọng tối đa của toa móc phải được giảm. Trọng lượng của xe và toa móc phải được giảm 10% đối với mỗi 1000 m (3280 ft) (hoặc một phần trọng lượng xe và toa móc).
- Tránh lái xe nối toa móc trên đường dốc hơn 12%.

ⓘ LƯU Ý

Để thuận lợi khi kéo toa móc trên xe có giảm xóc hơi*, lựa chọn:

- Chế độ lái chủ động, hoặc
- **Suspension Control (Kiểm soát Giảm xóc) → Dynamic (Chủ động)** trong chế độ lái Cá nhân.

ⓘ LƯU Ý

Điều kiện thời tiết khắc nghiệt, lái xe kéo toa móc hoặc lái xe trên cao kết hợp với chất lượng nhiên liệu là các yếu tố làm tăng đáng kể mức tiêu thụ nhiên liệu của xe.

Đầu nối toa móc

Cần một bộ chuyển đổi nếu móc kéo của xe có đầu nối 13 chốt và toa móc có đầu nối 7 chốt. Sử dụng bộ chuyển đổi được Volvo chấp nhận. Đảm bảo cáp không bị kéo lên trên mặt đất.

ⓘ QUAN TRỌNG

Khi tắt động cơ, điện áp ổn định của ắc quy đến đầu nối toa móc có thể được tắt tự động để không làm hao ắc quy bộ khởi động.

Trọng lượng toa móc

⚠ CẢNH BÁO

Tuân thủ các khuyến cáo về trọng lượng toa móc, nếu không có thể rất khó điều khiển xe và toa móc trong trường hợp di chuyển đột ngột và phanh gấp.

ⓘ LƯU Ý

Trọng lượng toa móc cho phép tối đa được đưa ra là trọng lượng được Volvo cho phép. Các quy định quốc gia về xe cũng giới hạn trọng lượng và tốc độ toa móc. Móc kéo có thể được chứng nhận về trọng lượng kéo cao hơn so với trọng lượng mà xe có thể kéo trên thực tế.

Kiểm soát độ cân bằng*

Hệ thống kiểm soát độ cân bằng của xe duy trì độ cao ổn định bất kể tải trọng của xe (lên đến trọng lượng cho phép tối đa). Khi xe đứng yên, phía sau của xe hạ xuống một chút, điều này hoàn toàn bình thường.

Khi lái xe ở địa hình đồi dốc và trong điều kiện khí hậu nóng

Trong một số trường hợp, có thể có nguy cơ quá nhiệt khi kéo toa móc. Nếu động cơ và hệ thống dẫn động quá nhiệt, biểu tượng cảnh báo sáng trong màn hình người lái cùng với thông báo.

Hộp số tự động lựa chọn số tối ưu liên quan đến tải trọng và tốc độ động cơ.

Độc đứng

Không khóa hộp số tự động ở số cao hơn số mà động cơ "có thể vận hành", không phải lúc nào việc lái ở số cao với tốc độ động cơ thấp cũng là ý tưởng hay.

Đỗ xe trên dốc

1. Đạp hết cỡ chân phanh.
2. Bật phanh tay.
3. Lựa chọn vị trí số P.
4. Nhả phanh chân.

Khóa bánh xe bằng chêm khi đỗ xe kéo toa móc trên dốc.

Khởi động trên dốc

1. Đạp hết cỡ chân phanh.
2. Lựa chọn vị trí số D.
3. Nhả phanh tay.
4. Nhả chân ga và lái đi.

Thông tin liên quan

- Hỗ trợ cân bằng toa móc* (trang 487)
- Kiểm tra đèn toa móc (trang 488)
- Công suất kéo và tải trọng móc kéo (trang 668)
- Quá nhiệt trong động cơ và hệ thống dẫn động (trang 480)
- Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ (trang 672)

Hỗ trợ cân bằng toa móc*

Chức năng hỗ trợ cân bằng toa móc (TSA¹⁹) để cân bằng xe kéo toa móc trong các tình huống mà toa móc bắt đầu rung lắc. Chức năng này được đưa vào hệ thống cân bằng ESC²⁰.

Lý do rung lắc

Hiện tượng rung lắc có thể xảy ra với bất cứ tổ hợp xe/toa móc nào. Rung lắc thường xảy ra ở tốc độ cao nhưng cũng có nguy cơ xảy ra ở tốc độ thấp nếu toa móc bị quá tải hoặc tải trọng được phân bổ không đúng quy cách, ví dụ, tải trọng quá xa ở phía sau.

Để xảy ra rung lắc, phải có các yếu tố tác động, ví dụ

- Xe kéo toa móc chịu gió mạnh và đột ngột hai bên.
- Xe kéo toa móc đi trên mặt đường không bằng phẳng hoặc ổ gà.

Nếu bắt đầu rung lắc, có thể khó hoặc không thể lái xe. Điều này làm cho việc điều khiển tổ hợp xe/toa móc trở nên khó khăn và bạn có thể có khả năng, ví dụ, đi sai làn đường hoặc toa móc rời ra.

Chức năng hỗ trợ cân bằng toa móc

Chức năng hỗ trợ cân bằng toa móc liên tục theo dõi chuyển động của xe, đặc biệt là chuyển động hai bên. Nếu phát hiện rung lắc, bánh trước sẽ được phanh riêng. Điều này để cân bằng tổ hợp xe/toa móc. Điều này thường đủ để giúp người lái điều khiển được xe.



¹⁹ Hỗ trợ Cân bằng Toa Móc

²⁰ Kiểm soát Cân bằng Điện tử

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Nếu không loại bỏ được rung lắc khi chức năng hỗ trợ cân bằng toa móc can thiệp lần đầu, tổ hợp xe/toa móc được phanh ở tất cả các bánh xe và giảm công suất động cơ. Sau khi đã loại bỏ được đáng kể rung lắc, hệ thống này dừng điều chỉnh và người lái có lại quyền kiểm soát hoàn toàn chiếc xe.

ⓘ LƯU Ý

Chức năng cân bằng bị tắt nếu người lái lựa chọn chế độ Thể thao bằng cách tắt ESC thông qua hệ thống menu trong màn hình trung tâm.

Chức năng hỗ trợ cân bằng toa móc có thể không can thiệp nếu người lái di chuyển mạnh vô lăng để cô xử lý rung lắc do trong trường hợp này, hệ thống không thể xác định được toa móc gây ra rung lắc.



Khi chức năng hỗ trợ cân bằng toa móc đang hoạt động, biểu tượng ESC nhấp nháy trong màn hình người lái.

Thông tin liên quan

- Lái xe kéo toa móc (trang 486)
- Kiểm soát cân bằng điện tử (trang 287)

Kiểm tra đèn toa móc

Khi nối toa móc, kiểm tra xem tất cả đèn toa móc có hoạt động không trước khi đi.

Xi nhan và đèn phanh trên toa móc

Nếu một hoặc nhiều xi nhan hoặc bóng đèn phanh của toa móc bị hỏng, màn hình người lái sẽ hiển thị biểu tượng và thông báo. Người lái phải kiểm tra các đèn khác trên toa móc thủ công trước khi đi.

Biểu tượng	Thông báo
	• Trailer turn indicator Right turn indicator malfunction (Xi nhan của toa móc, Lỗi xi nhan bên phải) • Trailer turn indicator Left turn indicator malfunction (Xi nhan của toa móc, Lỗi xi nhan bên trái)
	Trailer brake light Malfunction (Lỗi đèn phanh của toa móc)

Nếu có bất cứ xi nhan nào của toa móc bị hỏng, biểu tượng xi nhan trên màn hình người lái sẽ nhấp nháy nhanh hơn thông thường.

Đèn sương mù phía sau trên toa móc

Khi nối toa móc, đèn sương mù phía sau có thể không sáng trên xe. Trong trường hợp đó, chức năng đèn sương mù phía sau chuyển sang toa móc. Sau khi bật đèn sương mù phía sau, kiểm tra xem toa móc có được trang bị đèn sương mù phía sau để đi lại an toàn không.

Kiểm tra đèn toa móc***Kiểm tra tự động**

Sau khi nối điện toa móc, có thể kiểm tra xem các đèn toa móc có hoạt động không thông qua kích hoạt đèn tự động. Chức năng này giúp người lái kiểm tra xem các đèn toa móc có hoạt động không trước khi đi.

Phải tắt động cơ để thực hiện kiểm tra.

1. Khi nối toa móc với móc kéo, thông báo **Automatic Trailer Lamp Check (Kiểm tra Đèn Toa Móc Tự động)** hiển thị trên màn hình người lái.
2. Xác nhận thông báo bằng cách ấn nút O trên bàn phím bên phải vô lăng.
 - > Bắt đầu kiểm tra đèn.
3. Ra khỏi xe để kiểm tra chức năng đèn.
 - > Tắt cả các đèn toa móc bắt đầu nhấp nháy - từng đèn sẽ lần lượt sáng.
4. Kiểm tra trực quan để đảm bảo tất cả các đèn trên toa móc đều hoạt động.
5. Sau một lúc, tắt cả các đèn trên toa móc nhấp nháy lại.
 - > Hoàn thành kiểm tra.

Tắt kiểm tra tự động

Có thể tắt chức năng kiểm tra tự động trên màn hình trung tâm.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Lights (Đèn)**.
3. Bỏ lựa chọn **Automatic Trailer Lamp Check (Tự động Kiểm tra Đèn Toa móc)**.

Kiểm tra thủ công

Nếu tắt chức năng kiểm tra tự động, có thể bắt đầu kiểm tra thủ công.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Lights (Đèn)**.
3. Chọn **Manual Trailer Lamp Check (Kiểm tra Đèn Toa móc Thủ công)**.
 - > Bắt đầu kiểm tra đèn. Ra khỏi xe để kiểm tra chức năng đèn.

Thông tin liên quan

- Lái xe kéo toa móc (trang 486)

Giá chở xe đạp gắn toa móc*

Khi sử dụng giá chở xe đạp, khuyến cáo sử dụng giá chở xe đạp được Volvo phát triển.

Điều này để tránh hư hỏng xe và để tăng tối đa sự an toàn có thể trong chuyến đi. Giá chở xe đạp của Volvo được bán tại đại lý được Volvo ủy quyền.

Tuân thủ cẩn thận các khuyến cáo đi kèm giá chở xe đạp.

- Giá chở xe đạp bao gồm tải trọng phải nặng tối đa là 75 kg (165 pound).
- Giá chở xe đạp có thể được thiết kế để chở tối đa là ba xe đạp.

**CẢNH BÁO**

Việc sử dụng không chính xác giá chở xe đạp có thể gây hư hỏng cho móc kéo và xe.

Giá chở xe đạp có thể bị rời ra khỏi móc kéo nếu nó:

- được gắn không chính xác trên móc kéo
- bị quá tải, xem hướng dẫn về trọng lượng tải tối đa của giá chở xe đạp
- được sử dụng để chở đồ không phải là xe đạp.



KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Đặc điểm lái xe bị ảnh hưởng khi gắn giá đỡ xe đạp trên móc kéo, ví dụ, do:

- trọng lượng tăng
- khả năng tăng tốc giảm
- khoảng sáng gầm xe giảm
- khả năng phanh thay đổi.

Khuyến cáo về chất xe đạp lên giá đỡ xe đạp

Khoảng cách giữa trọng tâm và thanh kéo càng lớn, tải trọng trên móc kéo càng lớn.

Chất xe đạp theo khuyến cáo sau:

- Lắp xe đạp nặng nhất ở phía xa nhất so với xe.
- Giữ tải trọng đối xứng và gần với tâm của xe nhất có thể, ví dụ, bằng cách chất xe đạp hướng vào nhau nếu chất nhiều xe đạp.
- Tháo các bộ phận lỏng ra khỏi xe để vận chuyển, ví dụ, giỏ xe đạp, ốc quy, ghế trẻ em. Giảm một phần tải trọng lên móc kéo và giá đỡ xe đạp và giảm một phần lực cản gió, ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nhiên liệu.
- Không sử dụng vải phủ bảo vệ trên xe đạp. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng bề lái, làm giảm tầm nhìn và tăng mức tiêu thụ nhiên liệu và cũng có thể làm tăng tải trọng lên móc kéo.

Thông tin liên quan

- Móc kéo* (trang 482)

Kéo xe

Trong quá trình kéo xe, một xe kéo xe khác phía sau bằng dây kéo.

Tìm hiểu giới hạn tốc độ tối đa theo quy định của luật pháp về kéo xe trước khi bắt đầu kéo.

Chuẩn bị và kéo xe

QUAN TRỌNG

Lưu ý rằng xe luôn được kéo với các bánh lăn về phía trước.

- Không kéo xe khi hộp số tự động ở tốc độ trên 80 km/giờ (50 dặm/giờ) hoặc khoảng cách dài hơn 80 km (50 dặm).

CẢNH BÁO

- Kiểm tra để đảm bảo khóa vô lăng được mở khóa trước khi kéo.
- Phải bật vị trí đánh lửa II, ở vị trí đánh lửa I, tất cả các túi khí đều bị tắt.
- Luôn để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi xe đang được kéo.

CẢNH BÁO

Bộ trợ lực hơi phanh và trợ lực lái không hoạt động khi đã tắt động cơ - đạp chân phanh mạnh hơn khoảng 5 lần và tay lái được sẽ nặng hơn đáng kể so với thông thường.

1. Bật đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm của xe.
2. Buộc chặt dây kéo vào mắt kéo.
3. Tắt khóa vô lăng bằng cách mở khóa xe.
4. Để xe ở vị trí đánh lửa II, xoay núm khởi động theo chiều kim đồng hồ mà không đạp chân phanh hoặc chân côn với xe có hộp số sàn và giữ núm khởi động trong xấp xỉ 4 giây. Thả núm ra, núm tự động trở về vị trí ban đầu.
5. Di chuyển cần số đến vị trí số mo và thả phanh tay.
Nếu điện áp của ắc quy quá thấp, không thể nhả phanh tay. Nối với ắc quy cho điện nếu điện áp của ắc quy quá thấp.
> Xe kéo có thể bắt đầu kéo.
6. Giữ dây kéo căng khi xe kéo giảm tốc độ bằng cách đạp nhẹ chân phanh, tránh giạt mạnh không cần thiết.
7. Chuẩn bị phanh để dừng.

Kích nổ

Không kéo xe để kích nổ động cơ. Sử dụng ắc quy cho điện nếu ắc quy bộ khởi động hết điện và động cơ không khởi động.

QUAN TRỌNG

Bộ trung hòa khí thải có thể bị hỏng khi cố gắng kéo - khởi động động cơ.

Thông tin liên quan

- Lắp và tháo mắt kéo (trang 491)
- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm (trang 159)
- Cứu hộ (trang 493)
- Kích nổ bằng một ắc quy khác (trang 481)
- Lựa chọn chế độ đánh lửa (trang 433)

Lắp và tháo mắt kéo

Sử dụng mắt kéo để kéo. Mắt kéo được bắt vít vào đầu ống nối có ren phía sau nắp bên phải của thanh cản trước hoặc sau.

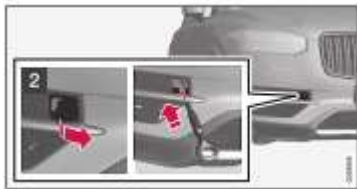
LƯU Ý

Nếu xe được trang bị móc kéo, không có vị trí lắp mắt kéo phía sau.

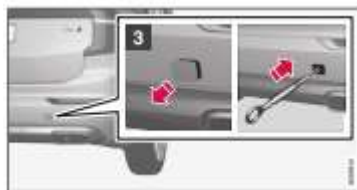
Lắp mắt kéo

1. Lấy mắt kéo ra khỏi khối xốp dưới sàn trong khoang hành lý.

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE



- 2
- Phía trước: Tháo nắp, ấn ngón tay vào vùng đánh dấu.
- > Nắp quay xung quanh tâm và có thể được tháo ra.



- 3
- Phía sau: Tháo nắp, ấn ngón tay vào vùng đánh dấu và đồng thời, gập vào phía/góc đối diện bằng đồng xu hoặc vật tương tự.
- > Nắp quay xung quanh tâm và có thể được tháo ra.

4. Bắt vít mắt kéo vào cho đến khi nó dừng lại.



Bắt vít chặt mắt kéo, ví dụ, bắt ren qua cò lê tháo lắp bu lông tháo lắp bánh xe và sử dụng nó làm đòn bẩy.

① QUAN TRỌNG

Phải bắt vít chặt mắt kéo vào vị trí cho đến khi nó dừng lại.

Các điểm cần nhớ trước khi sử dụng mắt kéo

- Có thể sử dụng mắt kéo để kéo xe lên xe cứu hộ bằng sàn nâng phẳng. Vị trí của xe và khoảng sáng gầm xe quyết định khả năng thực hiện kéo xe.
- Nếu cầu nâng của xe cứu hộ quá dốc hoặc nếu khoảng sáng gầm xe không phù hợp, xe có thể bị hư hỏng nếu bạn cố gắng kéo xe lên bằng mắt kéo.

- Nâng xe bằng thiết bị nâng của xe cứu hộ, nếu cần. Không sử dụng mắt kéo.

⚠ CẢNH BÁO

Không cho phép người/vật ở sau xe cứu hộ khi xe được kéo lên sàn nâng phẳng.

① QUAN TRỌNG

Mắt kéo chỉ được thiết kế để kéo xe trên đường - **không** sử dụng để kéo xe bị kẹt hoặc ra khỏi mương. Liên hệ dịch vụ cứu hộ để được hỗ trợ.

Tháo mắt kéo

- Tháo vít và tháo mắt kéo sau khi sử dụng và đặt về vị trí trong khối xếp.
- Lắp lại nắp vào thanh cản sau khi hoàn thành tháo vít.

Thông tin liên quan

- Kéo xe (trang 490)
- Cứu hộ (trang 493)
- Bộ dụng cụ (trang 571)

Cứu hộ

Đề cứu hộ, xe được kéo đi với sự trợ giúp của một xe khác.

Gọi dịch vụ cứu hộ để hỗ trợ cứu hộ.

Có thể sử dụng mắt kéo để kéo xe lên xe cứu hộ bằng sàn nâng phẳng.

Áp dụng với xe có kiểm soát độ cân bằng*:

Nếu xe được trang bị giảm xóc hơi, phải tắt giảm xóc hơi trước khi nâng xe. Tắt chức năng này thông qua màn hình trung tâm.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **My Car (Xe của Tôi) → Parking Brake and Suspension (Phanh Tay và Giảm xóc)**.
3. Lựa chọn **Disable Leveling Control (Tắt Kiểm soát Độ cân bằng)**.

Vị trí xe và khoảng sáng gầm xe xác định xem có thể kéo xe lên sàn nâng phẳng hay không. Nếu cầu nâng của xe cứu hộ quá dốc hoặc nếu khoảng sáng gầm xe không phù hợp, xe có thể bị hư hỏng nếu bạn cố gắng kéo xe lên. Cần nâng xe bằng thiết bị nâng của xe cứu hộ.

⚠ CẢNH BÁO

Không cho phép người/vật ở sau xe cứu hộ khi xe được kéo lên sàn nâng phẳng.

❶ QUAN TRỌNG

Mắt kéo chỉ được thiết kế để kéo xe trên đường - **không** sử dụng để kéo xe bị kẹt hoặc ra khỏi mương. Liên hệ dịch vụ cứu hộ để được hỗ trợ.

❶ QUAN TRỌNG

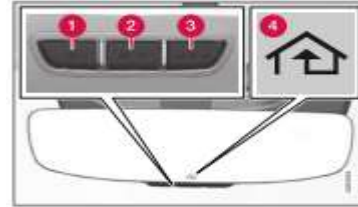
Lưu ý, xe phải luôn được vận chuyển bằng bánh xe quay về phía trước.

Thông tin liên quan

- Lắp và tháo mắt kéo (trang 491)

HomeLink®²¹

HomeLink®²² là một điều khiển từ xa có thể lập trình, được tích hợp trong hệ thống điện của xe, có thể điều khiển từ xa ba thiết bị khác nhau (ví dụ, hệ thống mở cửa gara, hệ thống báo động, chiếu sáng bên ngoài và bên trong xe) và thay thế điều khiển từ xa của chúng.

Thông tin chung

Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, phiên bản có thể thay đổi.

- ❶ Nút 1
- ❷ Nút 2
- ❸ Nút 3
- ❹ Đèn báo

HomeLink® được tích hợp vào gương chiếu hậu trong xe. Bảng điều khiển HomeLink® gồm ba nút có thể lập trình và một đèn báo trong kính gương.



²¹ Áp dụng với một số thị trường.

²² HomeLink và biểu tượng nhà HomeLink là nhãn hiệu đã đăng ký của Gentex Corporation.

Để biết thêm thông tin về HomeLink®, truy cập www.HomeLink.com, www.youtube.com/HomeLinkGentex hoặc gọi đến số điện thoại miễn cước 00 8000 466 354 65 (hoặc số điện thoại miễn cước +49 6838 907 277)²³.

Lưu các nút điều khiển từ xa để lập trình trong tương lai (ví dụ, khi thay đổi sang một xe khác hoặc để sử dụng trong một xe khác). Cũng khuyến cáo xóa lập trình cho các nút khi bán xe.

Thông tin liên quan

- Sử dụng HomeLink®* (trang 496)
- Lập trình HomeLink®* (trang 494)
- Loại HomeLink®* được chấp nhận (trang 497)

Lập trình HomeLink®*²⁴

Tuân thủ các hướng dẫn này để lập trình HomeLink®, cài đặt lại tất cả lập trình hoặc tái lập trình các nút riêng.

LƯU Ý

Ở một số xe, hệ thống đánh lửa phải được bật hoặc ở "vị trí phụ kiện" trước khi HomeLink® có thể được lập trình hoặc sử dụng. Lắp pin mới vào điều khiển từ xa sẽ được HomeLink® thay thế để lập trình nhanh hơn và cải thiện truyền tải tín hiệu vô tuyến, nếu có thể. Các nút HomeLink® cần được cài đặt lại trước khi lập trình.



CẢNH BÁO

Trong khi lập trình HomeLink®, cửa gara hoặc cổng đang được lập trình có thể kích hoạt. Vì lý do này, đảm bảo không có người nào ở gần cửa hoặc cổng trong khi đang thực hiện lập trình. Xe cần ở bên ngoài gara trong khi hệ thống mở cửa gara đang được lập trình.

1. Hướng điều khiển từ xa về phía nút HomeLink® cần lập trình và giữ cách nút xấp xỉ 2 - 8 cm (xấp xỉ 1 - 3 inch). Không che khuất đèn báo trên HomeLink®.

Lưu ý: Khả năng lập trình HomeLink® của một số điều khiển từ xa được cải thiện ở khoảng cách xấp xỉ 15 - 20 cm (xấp xỉ 6 - 12 inch). Nhớ điều này nếu bạn gặp vấn đề khi lập trình.

2. Ấn và giữ hai nút trên điều khiển từ xa và nút cần được tái lập trình trên HomeLink®.

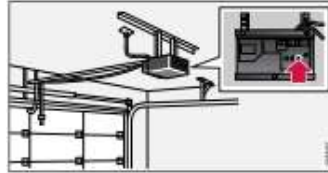
²³ Lưu ý, số điện thoại miễn cước có thể không có tùy thuộc vào nhà mạng.

²⁴ Áp dụng với một số thị trường.

3. Không nhả nút ra cho đến khi đèn báo đã chuyển từ nhấp nháy chậm (xấp xỉ một lần mỗi giây) thành nhấp nháy nhanh (xấp xỉ 10 lần mỗi giây) hoặc sáng liên tục.

> **Nếu sáng liên tục:** Báo đã hoàn thành lập trình. Ấn nút được lập trình hai lần để bật.

Nếu nhấp nháy nhanh: Thiết bị cần được lập trình thành HomeLink® có thể có chức năng bảo mật, yêu cầu thực hiện thêm các bước. Kiểm tra bằng cách ấn nút được lập trình hai lần để xem lập trình có hoạt động không, nếu không, tiếp tục thực hiện các bước sau.



4. Đặt nút lập trình²⁵ lên đầu nhận của cửa gara hoặc thiết bị tương tự. Nó thường được đặt gần giá đỡ ăng ten của đầu nhận.
5. Ấn và thả nút lập trình của đầu nhận một lần. Phải hoàn thành lập trình trong vòng 30 giây kể từ khi ấn nút.
6. Ấn và thả nút trên HomeLink® mà bạn muốn lập trình. Lập lại trình tự ấn/giữ/thả lần thứ hai và kể cả lần thứ ba, tùy thuộc vào mẫu đầu nhận.
 - > Hiện đã hoàn thành việc lập trình và cửa gara, công hoặc thiết bị tương tự cần được bật khi ấn nút lập trình.

Trong trường hợp gặp vấn đề lập trình,

liên hệ HomeLink® theo số điện thoại www.HomeLink.com, www.youtube.com/HomeLinkGentex hoặc gọi đến số điện thoại miễn cước 00 8000 466 354 65 (hoặc số điện thoại miễn cước +49 6838 907 277)²⁶.

Lập trình lại các nút riêng

Để lập trình lại một nút HomeLink® riêng, thực hiện như sau:

1. Ấn nút mong muốn và giữ trong xấp xỉ 20 giây.
2. Sau khi đèn báo trên HomeLink® bắt đầu nhấp nháy chậm, có thể tiếp tục lập trình như bình thường.

Lưu ý: Nếu nút cần lập trình không được lập trình bằng một thiết bị mới, nó sẽ tiếp tục lập trình đã lưu trước đây.

Cài đặt lại các nút HomeLink®

Chỉ có thể cài đặt lại tất cả các nút HomeLink® đồng thời, không phải từng nút riêng. Các nút riêng chỉ có thể được lập trình lại.

- Ấn và giữ các nút ngoài cùng (1 và 3) trên HomeLink® trong xấp xỉ 10 giây.
- > Khi đèn báo thay đổi từ sáng liên tục thành bắt đầu nhấp nháy, các nút được cài đặt lại và bắt đầu được lập trình lại.



²⁵ Ký hiệu và màu nút của mỗi nhà sản xuất là khác nhau.

²⁶ Lưu ý, số điện thoại miễn cước có thể không có tùy thuộc vào nhà mạng.

Thông tin liên quan

- Sử dụng HomeLink®* (trang 496)
- HomeLink®* (trang 493)
- Loại HomeLink®* được chấp nhận (trang 497)

Sử dụng HomeLink®*

Khi HomeLink® được lập trình đầy đủ, nó có thể được sử dụng ở vị trí của điều khiển từ xa riêng bạn đầu.

Ấn nút được lập trình. Cửa gara, cổng, hệ thống báo động hoặc thiết bị tương tự được bật (có thể cần vài giây). Nếu nút được ấn lâu hơn 20 giây, bắt đầu lập trình lại. Đèn báo sáng hoặc nhấp nháy khi đã ấn nút. Điều khiển từ xa ban đầu vẫn có thể được sử dụng song song với HomeLink®, nếu yêu cầu.

ⓘ LƯU Ý

Nếu tắt đánh lửa, HomeLink® sẽ hoạt động trong 30 phút sau khi cửa phía người lái được mở.

Thông tin liên quan

- HomeLink®* (trang 493)
- Lập trình HomeLink®* (trang 494)
- Loại HomeLink®* được chấp nhận (trang 497)

⚠ CẢNH BÁO

- Nếu HomeLink® được sử dụng để điều khiển cửa gara hoặc cổng, đảm bảo không có người nào ở gần cửa hoặc cổng khi chúng đang chuyển động.
- Không sử dụng HomeLink® cho bất cứ cửa gara nào không có chức năng dừng khẩn cấp hoặc đảo ngược an toàn.

Loại HomeLink®* được chấp nhận²⁷

Loại được EU chấp nhận

Gentex Corporation theo đây cam kết rằng Mẫu HomeLink® UAHL5 tuân thủ chỉ thị về thiết bị vô tuyến 2014/53/EU.

Bước sóng mà chức năng của thiết bị vô tuyến hoạt động:

- 433,05MHz-434,79MHz <10mW E.R.P.
- 868,00MHz-868,60MHz <25mW E.R.P.
- 868,70MHz-868,20MHz <25mW E.R.P.
- 869,40MHz-869,65MHz <25mW E.R.P.
- 869,70MHz-870,00MHz <25mW E.R.P.

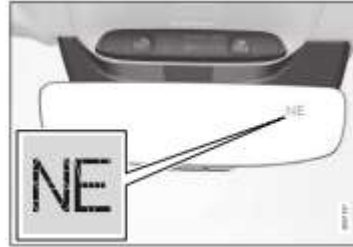
Địa chỉ của người được cấp giấy chứng nhận: Gentex Corporation, 600 Đường North Centennial, Zeeland MI 49464, Hoa Kỳ
Để biết thêm thông tin, truy cập www.support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- HomeLink®* (trang 493)

La bàn*

Góc trên bên phải của gương chiếu hậu có một màn hình tích hợp, hiển thị hướng la bàn mà phía trước của xe đang hướng đến.



Gương chiếu hậu có la bàn.

Tám hướng la bàn khác nhau được hiển thị bằng chữ viết tắt Tiếng Anh: N (Bắc), NE (Đông Bắc), SE (Đông Nam), S (Nam), SW (Tây Nam), W (Tây) và NW (Tây Bắc).

Thông tin liên quan

- Bật và tắt la bàn* (trang 497)
- Căn chỉnh la bàn* (trang 498)

Bật và tắt la bàn*

Góc trên bên phải của gương chiếu hậu có một màn hình tích hợp, hiển thị hướng la bàn mà phía trước của xe đang hướng đến.

Bật và tắt la bàn

La bàn được bật tự động khi xe được khởi động.

Để tắt/bật la bàn bằng tay:

- Ấn nút này ở phía dưới của gương chiếu hậu bằng, ví dụ, kẹp giấy.

Thông tin liên quan

- La bàn* (trang 497)
- Căn chỉnh la bàn* (trang 498)

²⁷ Áp dụng với một số thị trường.

KHỞI ĐỘNG VÀ LÁI XE

Căn chỉnh la bàn*

Trái đất được chia thành 15 vùng từ trường. La bàn cần được căn chỉnh nếu xe được di chuyển giữa nhiều vùng từ trường.

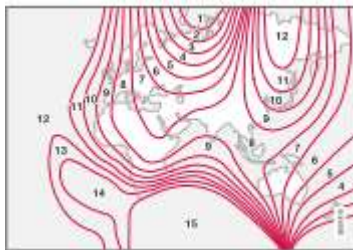
Thực hiện như sau để căn chỉnh:

1. Dừng xe ở khu vực rộng rãi, cách xa các kết cấu thép và đường dây điện cao áp.
2. Khởi động xe và tắt tất cả thiết bị điện (điều hòa không khí, cần gạt nước v.v...) và đảm bảo tất cả các cửa đều được đóng.

LƯU Ý

Có thể căn chỉnh hoạt động không có hiệu quả hoặc không hoạt động nếu không tắt thiết bị điện.

3. Ấn giữ nút dưới gương chiếu hậu trong khoảng 3 giây (ví dụ, sử dụng kẹp giấy). Số lượng vùng từ trường hiện tại được hiển thị.



Vùng từ trường.

4. Ấn nút này liên tục cho đến khi vùng từ trường được yêu cầu (1 - 15) được hiển thị. Xem bản đồ vùng từ trường của la bàn.
5. Đợi cho đến khi màn hình trở về hiển thị ký tự C hoặc ấn giữ nút dưới gương chiếu hậu trong khoảng 6 giây cho đến khi ký tự C được hiển thị.
6. Lái chậm theo vòng tròn ở tốc độ không lớn hơn 10 km/giờ (6 dặm/giờ) cho đến khi hướng la bàn được hiển thị trong màn hình, báo đã hoàn thành căn chỉnh. Lái thêm 2 vòng tròn để tinh chỉnh.

7. **Xe có sườn kính chắn gió*:** Nếu ký tự C được hiển thị trong màn hình khi bật sườn kính chắn gió, thực hiện căn chỉnh theo điểm 6 ở trên có bật sườn kính chắn gió.
8. Lắp lại quy trình trên, nếu cần thiết.

Thông tin liên quan

- La bàn* (trang 497)
- Bật và tắt la bàn* (trang 497)

ÂM THANH, PHƯƠNG TIỆN GIẢI TRÍ VÀ INTERNET

Âm thanh, phương tiện giải trí và Internet

Hệ thống âm thanh và phương tiện giải trí bao gồm trình phát phương tiện giải trí và đài. Bạn cũng có thể kết nối điện thoại thông qua Bluetooth để sử dụng các chức năng rảnh tay hoặc phát nhạc không dây trong xe. Khi xe được kết nối Internet, bạn cũng có thể sử dụng ứng dụng để phát lại phương tiện giải trí.



Tổng quan về âm thanh và phương tiện giải trí
Điều khiển các chức năng bằng giọng nói của bạn, bàn phím trên vô lăng hoặc màn hình trung tâm. Số lượng loa và amply phụ thuộc vào việc hệ thống âm thanh nào được trang bị cho xe.

Cập nhật hệ thống

Hệ thống âm thanh và phương tiện giải trí được liên tục cải tiến. Khi xe được kết nối Internet, có thể tải xuống cập nhật hệ thống để chức năng hoạt động tối ưu, truy cập support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Đài (trang 505)
- Điện thoại (trang 527)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Ứng dụng (trang 502)
- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Sự xao nhãng của người lái (trang 41)
- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tài xế (trang 607)
- Thỏa thuận bản quyền âm thanh và phương tiện giải trí (trang 544)

Cài đặt âm thanh

Hệ thống âm thanh được cài đặt sẵn để phát âm thanh tối ưu nhưng cũng có thể được điều chỉnh.

Âm lượng thường được điều chỉnh bằng nút điều khiển âm lượng ở dưới màn hình trung tâm hoặc bằng bàn phím bên phải vô lăng. Điều này áp dụng, ví dụ, trong quá trình nghe lại nhạc, đài, cuộc gọi đang diễn ra và thông báo về tình hình giao thông.

Phát âm thanh tối ưu

Hệ thống âm thanh được căn chỉnh sẵn để tạo ra âm thanh tối ưu bằng cách xử lý tín hiệu kỹ thuật số. Quá trình căn chỉnh này xem xét đến hệ thống loa, amply, âm thanh trong khoang hành khách, vị trí người nghe v.v... cho từng hệ thống mẫu xe và hệ thống âm thanh. Cũng có căn chỉnh chủ động mà xem xét đến cài đặt điều khiển âm lượng và tốc độ xe.

Sở thích cá nhân

Nhiều cài đặt khác nhau có trong phần trên cùng dưới **Settings (Cài đặt) ➔ Sound (Âm thanh)**, tùy thuộc vào hệ thống âm thanh của xe.

Âm thanh Chất lượng Cao* (Bowkers & Wilkins)

- **Tone (Âm điệu)** - cài đặt âm trầm, âm cao, bộ lọc v.v...
- **Balance (Cân bằng)** - cân bằng giữa loa bên trái/phải và cân bằng giữa loa phía trước/sau.
- **System Volumes (Âm lượng Hệ thống)** - điều chỉnh âm lượng trong nhiều hệ thống khác nhau của xe, ví dụ, **Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)**, **Park Assist (Hỗ trợ Đỗ xe)** và **Phone Ringtone (Nhạc chuông Điện thoại)**

Âm thanh Chất lượng cao Chuyên nghiệp* (Harman Kardon)

- **Equalizer (Bộ lọc)** - cài đặt bộ lọc.
- **Balance (Cân bằng)** - cân bằng giữa loa bên trái/phải và cân bằng giữa loa phía trước/sau.
- **System Volumes (Âm lượng Hệ thống)** - điều chỉnh âm lượng trong nhiều hệ thống khác nhau của xe, ví dụ, **Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)**, **Park Assist (Hỗ trợ Đỗ xe)** và **Phone Ringtone (Nhạc chuông Điện thoại)**

Chất lượng Cao

- **Tone (Âm điệu)** - cài đặt âm trầm, âm cao, bộ lọc v.v...
- **Balance (Cân bằng)** - cân bằng giữa loa bên trái/phải và cân bằng giữa loa phía trước/sau.
- **System Volumes (Âm lượng Hệ thống)** - điều chỉnh âm lượng trong nhiều hệ thống khác nhau của xe, ví dụ, **Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)**, **Park Assist (Hỗ trợ Đỗ xe)** và **Phone Ringtone (Nhạc chuông Điện thoại)**

Thông tin liên quan

- Trải nghiệm âm thanh* (trang 501)
- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Cài đặt nhận dạng giọng nói (trang 144)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)
- Âm thanh, phương tiện giải trí và Internet (trang 500)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Trải nghiệm âm thanh*

Trải nghiệm âm thanh là một ứng dụng thực hiện thêm nhiều cài đặt âm thanh.

Sound Experience (Trải nghiệm Âm thanh) được mở từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm. Các cài đặt dưới đây có thể được xác định tùy thuộc vào hệ thống âm thanh được lắp trong xe:

Âm thanh Chất lượng Cao* (Bowkers & Wilkins)

- **Studio (Phòng thu)** - có thể tối ưu hóa âm thanh cho **Driver (Người lái)**, **All (Tất cả)** và **Rear (Phía sau)**.
- **Individual stage (Sân khấu riêng)** - chế độ âm thanh vòm có cài đặt cường độ và cách âm.
- **Concert hall (Rạp hát)** - phát âm thanh từ Rạp hát Gothenburg.



Tái tạo âm thanh từ Rạp hát Gothenburg.



« **Âm thanh Chất lượng cao Chuyên nghiệp* (Harman Kardon)**

- **Seat Optimisation (Tối ưu hóa Ghế ngồi)** - âm thanh có thể được tối ưu hóa cho **Driver (Người lái)**, **All (Tất cả)** và **Rear (Phía sau)**.
- **Surround (Âm thanh vòm)** - chế độ âm thanh vòm có cài đặt mức độ.
- **Tone (Âm điệu)** - cài đặt âm trầm, âm cao, bộ lọc v.v...

Thông tin liên quan

- Cài đặt âm thanh (trang 500)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)

Ứng dụng

Phần ứng dụng có các ứng dụng để thực hiện một số tính năng của xe.

Trượt từ phải sang trái²⁸ trên màn hình trung tâm để truy cập phần ứng dụng từ phân trang chủ. Các ứng dụng đã tải xuống (ứng dụng của bên thứ ba) và ứng dụng cho các chức năng nhúng như **FM radio (đài FM)** đều có ở đây.



Phần ứng dụng (hình ảnh chung, ứng dụng cơ bản của mỗi thị trường và mẫu xe là khác nhau)

Một số ứng dụng cơ bản luôn có sẵn. Các ứng dụng bổ sung như nghe đài trên trang web và dịch vụ âm nhạc có thể được tải xuống khi xe được kết nối với Internet.

Một số ứng dụng chỉ sử dụng được nếu xe được kết nối với Internet.

²⁸ Áp dụng với xe có vô lăng bên trái. Với xe có vô lăng bên phải, trượt theo hướng ngược lại.

Khởi động ứng dụng bằng cách chạm vào ứng dụng trong phần ứng dụng của màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Tải xuống ứng dụng (trang 503)
- Cập nhật ứng dụng (trang 504)
- Xóa ứng dụng (trang 504)
- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Android Auto* (trang 525)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Dung lượng lưu trữ trên đĩa cứng (trang 543)
- Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu (trang 542)

Tải xuống ứng dụng

Các ứng dụng mới có thể được tải xuống khi xe được kết nối Internet.

ⓘ LƯU Ý

Việc tải xuống dữ liệu có thể ảnh hưởng đến các tính năng truyền tải dữ liệu khác, ví dụ, nghe đài trên Internet. Nếu ảnh hưởng đến các tính năng khác được coi là nghiêm trọng, tải xuống có thể bị gián đoạn. Để xử lý điều này, có thể cần tắt hoặc tạm dừng các tính năng khác.

ⓘ LƯU Ý

Khi tải xuống bằng điện thoại, chú ý nhiều hơn đến cước lưu lượng dữ liệu.

1. Mở ứng dụng **Download Centre** (Trung tâm Tải xuống) trong phần ứng dụng.



2. Lựa chọn **New apps** (Các ứng dụng mới) để mở danh sách các ứng dụng có sẵn nhưng không được cài đặt trong xe.

3. Chạm nhẹ vào dòng một ứng dụng để mở rộng danh sách và lấy thêm thông tin về ứng dụng.
4. Lựa chọn **Install** (Cài đặt) để bắt đầu tải xuống và cài đặt ứng dụng mong muốn.

> Trạng thái tải xuống và cài đặt được hiển thị trong khi đang tải xuống. Thông báo được hiển thị nếu không thể bắt đầu tải xuống tại thời điểm đó. Ứng dụng sẽ vẫn còn trong danh sách và có thể thử bắt đầu tải xuống lại.

Hủy bỏ tải xuống

– Chạm nhẹ vào **Abort** (Hủy bỏ) để hủy bỏ tải xuống đang thực hiện.

Lưu ý, chỉ có thể hủy bỏ tải xuống khi đã bắt đầu giai đoạn cài đặt, điều này không thể bị hủy bỏ.

Thông tin liên quan

- Ứng dụng (trang 502)
- Cập nhật ứng dụng (trang 504)
- Xóa ứng dụng (trang 504)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Dung lượng lưu trữ trên đĩa cứng (trang 543)

Cập nhật ứng dụng

Ứng dụng có thể được cập nhật khi xe được kết nối Internet.

ⓘ LƯU Ý

Việc tải xuống dữ liệu có thể ảnh hưởng đến các tính năng truyền tải dữ liệu khác, ví dụ, nghe đài trên Internet. Nếu ảnh hưởng đến các tính năng khác được coi là nghiêm trọng, tải xuống có thể bị gián đoạn. Để xử lý điều này, có thể cần tắt hoặc tạm dừng các tính năng khác.

ⓘ LƯU Ý

Khi tải xuống bằng điện thoại, chú ý nhiều hơn đến mức lưu lượng dữ liệu.

Nếu ứng dụng đang được cập nhật trong quá trình cập nhật hiện tại, ứng dụng sẽ được khởi động lại để hoàn thành cài đặt.

Cập nhật tất cả

1. Mở ứng dụng **Download Centre (Trung tâm Tải xuống)** trong phần ứng dụng.



2. Lựa chọn **Install all (Cài đặt tất cả)**.

> Bắt đầu cập nhật.

Cập nhật một số

1. Mở ứng dụng **Download Centre (Trung tâm Tải xuống)** trong phần ứng dụng.
2. Lựa chọn **Application updates (Cập nhật ứng dụng)** để mở danh sách các cập nhật có sẵn.
3. Tìm ứng dụng mong muốn và lựa chọn **Install (Cài đặt)**.
> Bắt đầu cập nhật.

Thông tin liên quan

- Ứng dụng (trang 502)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)
- Xóa ứng dụng (trang 504)
- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Xóa ứng dụng

Ứng dụng có thể được xóa khi xe được kết nối Internet.

Một ứng dụng đang được sử dụng phải được đóng để hoàn thành gỡ cài đặt.

1. Mở ứng dụng **Download Centre (Trung tâm Tải xuống)** trong phần ứng dụng.



2. Lựa chọn **Application updates (Cập nhật ứng dụng)** để mở danh sách tất cả ứng dụng đã cài đặt.
3. Tìm ứng dụng mong muốn và lựa chọn **Uninstall (Gỡ cài đặt)** để bắt đầu gỡ cài đặt ứng dụng.
> Khi ứng dụng đã được gỡ cài đặt, ứng dụng đó biến mất khỏi danh sách.

Thông tin liên quan

- Ứng dụng (trang 502)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)
- Cập nhật ứng dụng (trang 504)
- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Đài

Có thể nghe đài tần số AM và FM và đài kỹ thuật số (DAB)*. Khi xe đang trực tuyến, cũng có thể nghe đài trên Internet.



Đài có thể được vận hành bằng nhận dạng giọng nói, bàn phím vô lăng hoặc màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Khởi động đài (trang 505)
- Thay đổi đài tần vô tuyến và đài phát thanh (trang 506)
- Cài đặt kênh phát thanh yêu thích (trang 507)
- Cài đặt đài (trang 508)

- Đài kỹ thuật số* (trang 510)
- Đài RDS (trang 509)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)

Khởi động đài

Khởi động đài từ phần ứng dụng của màn hình trung tâm.

1. Mở đài tần yêu cầu (ví dụ, FM) từ phần ứng dụng.



2. Lựa chọn đài phát thanh.

Thông tin liên quan

- Đài (trang 505)
- Tìm kiếm đài phát thanh (trang 507)



- Thay đổi dải tần vô tuyến và đài phát thanh (trang 506)
- Cài đặt kênh phát thanh yêu thích (trang 507)
- Cài đặt đài (trang 508)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)

Thay đổi dải tần vô tuyến và đài phát thanh

Ở đây có một số hướng dẫn để thay đổi dải tần vô tuyến, danh sách dải tần vô tuyến và đài phát thanh trong danh sách được lựa chọn.

Thay đổi dải tần vô tuyến

Trượt để hiển thị phần ứng dụng trong màn hình trung tâm và lựa chọn dải tần vô tuyến yêu thích (ví dụ, FM) hoặc mở menu ứng dụng của màn hình người lái bằng bàn phím bên phải trên vô lăng và thực hiện lựa chọn từ vị trí đó.

Thay đổi danh sách trong dải tần



1. Ấn Library (Thư viện).

2. Lựa chọn phát lại từ **Stations (Đài phát thanh)**, **Favourites (Mục yêu thích)**, **Genres (Thể loại)** hoặc **Ensembles (Kênh ghép)**²⁹.

3. Chạm nhẹ vào đài phát thanh mong muốn từ danh sách. **Favourites (Mục yêu thích)** - chỉ phát lại các kênh yêu thích đã chọn.

Genres (Thể loại) - chỉ phát lại các kênh đang phát thể loại/loại chương trình đã chọn, ví dụ, nhạc nhẹ hoặc cổ điển.

Thay đổi đài phát thanh trong danh sách đã chọn

- Ấn  hoặc  dưới màn hình trung tâm hoặc bàn phím bên phải của vô lăng.
- > Phần bôi màu di chuyển lên hoặc xuống một vị trí trong danh sách đã chọn.

Bạn cũng có thể thay đổi đài phát thanh trong danh sách đã lựa chọn thông qua màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Đài (trang 505)
- Tìm kiếm đài phát thanh (trang 507)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Cài đặt kênh phát thanh yêu thích (trang 507)
- Cài đặt đài (trang 508)
- Menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 99)

²⁹ Chỉ áp dụng với đài kỹ thuật số (DAB*).

Tìm kiếm đài phát thanh

Đài tự động tạo danh sách các đài phát thanh trong khu vực đang truyền tín hiệu mạnh nhất.



Các thông số bạn có thể tìm kiếm phụ thuộc vào đài tần đã chọn:

- **AM** - đài phát thanh và tần số.
 - **FM** - đài phát thanh, thể loại và tần số.
 - **DAB*** - kênh ghép và đài phát thanh.
1. Ấn **Library (Thư viện)**.
 2. Ấn .
 - > Phần tìm kiếm có bàn phím được mở ra.
 3. Nhập cụm từ tìm kiếm.
 - > Tìm kiếm với mỗi ký tự và kết quả tìm kiếm được hiển thị theo danh mục.

Dò thủ công



Khi thay đổi sang dò thủ công, đài không còn thay đổi được tần số tự động khi tín hiệu kém.

- Ấn **Manual tuning (Dò thủ công)**, kéo nút điều khiển hoặc ấn hoặc . Khi ấn lâu, tìm kiếm nhảy sang đài phát thanh tiếp theo trong đài tần. Cũng có thể sử dụng bàn phím bên phải trên vô lăng.

Thông tin liên quan

- Đài (trang 505)
- Khởi động đài (trang 505)
- Thay đổi đài tần vô tuyến và đài phát thanh (trang 506)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Cài đặt đài (trang 508)

Cài đặt đài phát thanh yêu thích

Có thể thêm kênh phát thanh vào ứng dụng **Radio favourites (Đài phát thanh yêu thích)** và danh sách đài tần vô tuyến yêu thích (ví dụ, FFM). Hướng dẫn về cách thêm và xóa đài phát thanh yêu thích được trình bày ở dưới.

Đài phát thanh Yêu thích



Đài phát thanh Yêu thích hiển thị đài phát thanh yêu thích đã lưu từ tất cả đài tần.

1. Mở ứng dụng **Radio favourites (Đài phát thanh yêu thích)** từ phần ứng dụng.
2. Chạm nhẹ vào đài phát thanh mong muốn trong danh sách để bắt đầu nghe.

Thêm và loại bỏ đài phát thanh yêu thích

- Chạm nhẹ vào để thêm hoặc xóa kênh vào hoặc khỏi đài tần yêu thích và Đài phát thanh Yêu thích.

Khi đài phát thanh yêu thích được lưu từ danh sách đài phát thanh, đài sẽ tự động tìm kiếm tần số tốt nhất nhưng nếu đài phát thanh yêu thích được lưu từ tìm kiếm đài phát thanh thủ công, đài sẽ không tự động thay đổi thành tần số mạnh hơn.

Khi bạn xóa đài phát thanh yêu thích, nó cũng sẽ được loại bỏ khỏi đài tần yêu thích.

Thông tin liên quan

- Đài (trang 505)
- Khởi động đài (trang 505)
- Tìm kiếm đài phát thanh (trang 507)
- Thay đổi đài tần vô tuyến và đài phát thanh (trang 506)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Cài đặt đài (trang 508)
- Menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 99)

Cài đặt đài

Có nhiều chức năng của đài cần bật và tắt.

Hủy bỏ thông báo về tình hình giao thông

Có thể tạm thời làm gián đoạn kênh phát sóng về thông báo giao thông bằng cách chạm nhẹ vào nút O trong bàn phím bên phải vô lăng hoặc bằng cách chạm nhẹ vào **Cancel (Hủy bỏ)** trong màn hình trung tâm.

Bật và tắt các chức năng của đài

Kéo xuống phần trên cùng và lựa chọn **Settings (Cài đặt) → Media (Phương tiện giải trí)** và đài tần vô tuyến mong muốn để xem các chức năng có sẵn.

Đài AM/FM

- **Show Broadcast Information (Hiện thị Thông tin Phát thanh):** hiển thị thông tin về nội dung chương trình, nghệ sĩ v.v...
- **Freeze Program Name (Đóng băng Tên Chương trình):** lựa chọn để dừng hiển thị tên chương trình từ việc cuộn liên tục. Nó đóng băng sau 20 giây.
- **Select Announcements (Lựa chọn Thông báo):**

- **Local Interruptions (Gián đoạn Cục bộ):** gián đoạn phát lại phương tiện giải trí hiện tại và phát thông tin về tắc đường ở khu vực xung quanh. Tiếp tục phát lại phương tiện giải trí trước đó khi hoàn thành thông báo. Chức năng **Local Interruptions (Gián đoạn Cục bộ)** là một phiên bản hạn chế theo khu vực địa lý của chức năng **Traffic Announcements (Thông báo về Tình hình Giao thông)**. Chức năng **Traffic Announcements (Thông báo về Tình hình Giao thông)** phải được bật đồng thời.

- **News (Tin tức):** gián đoạn phát lại phương tiện giải trí hiện tại và phát tin tức. Tiếp tục phát lại phương tiện giải trí trước đó khi hoàn thành phát tin tức.

- **Alert (Báo động):** gián đoạn phát lại phương tiện giải trí hiện tại và gửi báo động về vụ tai nạn nghiêm trọng và thảm họa. Tiếp tục phát lại phương tiện giải trí trước đó khi hoàn thành thông báo.

- **Traffic Announcements (Thông báo về Tình hình Giao thông):** gián đoạn phát lại phương tiện giải trí hiện tại và phát thông tin về tắc đường. Tiếp tục phát lại phương tiện giải trí trước đó khi hoàn thành thông báo.

DAB* (dài kỹ thuật số)

- **Sort Services (Phân loại Hoạt động):** tùy chọn sẽ phân loại các kênh theo bảng chữ cái hoặc số hoạt động.
- **DAB To DAB Handover (Liên kết DAB với DAB):** khởi động chức năng liên kết trong DAB. Nếu mất tín hiệu kênh vô tuyến, một kênh khác sẽ được tìm tự động trong một nhóm kênh khác (kênh ghép).
- **DAB To FM Handover (Liên kết DAB với FM):** khởi động chức năng liên kết giữa DAB và FM. Nếu mất tín hiệu kênh vô tuyến, một tần số FM thay thế sẽ được tìm tự động.
- **Show Broadcast Information (Hiển thị Thông tin Phát thanh):** lựa chọn để hiển thị nội dung phát thanh hoặc loại nội dung phát thanh đã chọn, ví dụ, nghệ sĩ.
- **Show Program Related Images (Hiển thị Hình ảnh Liên quan đến Chương trình):** lựa chọn hiển thị hình ảnh của chương trình trên màn hình hay không.
- **Select Announcements (Lựa chọn Thông báo):** lựa chọn loại thông báo cần nhận trong khi DAB đang phát. Thông báo đã chọn sẽ gián đoạn phát lại phương tiện giải trí hiện tại để phát lại thông báo. Tiếp tục phát lại phương tiện giải trí trước đó khi hoàn thành thông báo.
 - **Alert (Báo động):** gián đoạn phát lại phương tiện giải trí hiện tại và gửi báo động về vụ tai nạn nghiêm trọng và thảm họa. Tiếp tục phát lại phương tiện giải trí trước đó khi hoàn thành thông báo.

- **Traffic Flash (Tin nhanh Giao thông):** nhận thông tin về tắc đường.
- **News Flash (Tin tức Nhanh):** nhận tin tức.
- **Transport Flash (Tin tức Nhanh về Giao thông):** nhận thông tin về giao thông công cộng, ví dụ, thời gian chạy của phà và tàu hỏa.
- **Warning/Services (Cảnh báo/Dịch vụ):** nhận thông tin về sự cố nhỏ so với chức năng Báo động, ví dụ, mất điện.

Thông tin liên quan

- Đài (trang 505)
- Đài kỹ thuật số* (trang 510)
- Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm (trang 120)

Đài RDS

RDS (Hệ thống Dữ liệu Vô tuyến) có nghĩa là đài tự động chuyển thành bộ phát sóng mạnh nhất. RDS có khả năng tiếp nhận, ví dụ, thông tin về giao thông và tìm kiếm một số loại chương trình. RDS liên kết với bộ phát sóng FM vào một mạng. Một bộ phát sóng FM trong mạng đó gửi thông tin để cung cấp cho đài RDS các chức năng sau:

- Chuyển tự động thành bộ phát sóng mạnh nhất nếu tín hiệu trong khu vực kém.
- Tìm kiếm theo danh mục chương trình, ví dụ, loại chương trình hoặc thông tin giao thông.
- Nhận thông tin bằng văn bản về chương trình vô tuyến hiện tại.

① LƯU Ý

Một số đài phát thanh không sử dụng RDS hoặc chỉ sử dụng một phần chức năng.

Khi phát tín tức hoặc thông báo giao thông, đài có thể chuyển kênh, gây gián đoạn nguồn âm thanh đang sử dụng, ví dụ, nếu đầu đĩa CD* đang được sử dụng, nó sẽ bị tạm dừng. Đài trở về kênh và âm lượng trước đó khi loại chương trình đã cài đặt không còn được phát. Để trở về sớm hơn, ấn  trên bàn phím bên phải vô lăng hoặc chạm nhẹ vào **Cancel (Hủy bỏ)** trong màn hình trung tâm.



Thông tin liên quan

- Đài (trang 505)
- Cài đặt đài (trang 508)

Đài kỹ thuật số*

Đài kỹ thuật số (DAB³⁰) là một hệ thống phát thanh kỹ thuật số vô tuyến. Đài hỗ trợ DAB, DAB+ và DMB³¹.



Đài có thể được vận hành bằng nhận dạng giọng nói, bàn phím vô lăng hoặc màn hình trung tâm.



Ứng dụng đài kỹ thuật số được lựa chọn từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm.

Đài kỹ thuật số được phát lại tương tự các đài tần vô tuyến khác như FM. Bên cạnh các tùy chọn đề lựa chọn phát lại từ **Stations (Đài phát thanh)**, **Favourites (Mục yêu thích)** và **Genres (Thể loại)**, cũng có tùy chọn đề lựa chọn phát lại từ các kênh phụ và **Ensembles (Kênh ghép)**. Một kênh ghép cũng là một bộ các kênh vô tuyến (nhóm kênh) phát trên cùng tần số. Trong trường hợp kênh vô tuyến truyền hình ảnh biểu tượng, nó sẽ được tải xuống và hiển thị bên cạnh tên đài phát thanh (thời gian tải xuống khác nhau).

Kênh phụ DAB

Các bộ phận thứ cấp thường được gọi là kênh phụ. Đây là các kênh tạm thời và có thể chứa, ví dụ, bản dịch của chương trình chính sang các ngôn ngữ khác. Các kênh phụ được thể hiện bằng biểu tượng mũi tên trong danh sách kênh.

Thông tin liên quan

- Liên kết giữa đài FM và đài kỹ thuật số* (trang 511)
- Thay đổi dải tần vô tuyến và đài phát thanh (trang 506)
- Tìm kiếm đài phát thanh (trang 507)
- Cài đặt kênh phát thanh yêu thích (trang 507)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Cài đặt đài (trang 508)

³⁰ Phát thanh Kỹ thuật số

³¹ Phát thanh Đa phương tiện Kỹ thuật số

Liên kết giữa đài FM và đài kỹ thuật số*

Chức năng này để đài kỹ thuật số (DAB) chuyển từ kênh có tín hiệu kém hoặc không có tín hiệu thành kênh tương tự trong một nhóm kênh khác (kênh ghép) có tín hiệu tốt hơn trong DAB và/hoặc giữa DAB và FM.

Liên kết DAB với DAB và DAB với FM

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Media (Phương tiện giải trí) → DAB**.
3. Chọn/Bỏ chọn **DAB to DAB Handover (Liên kết DAB với DAB)** và/hoặc **DAB to FM Handover (Liên kết DAB với FM)** để bật/tắt các chức năng tương ứng.

Thông tin liên quan

- Đài kỹ thuật số* (trang 510)
- Đài (trang 505)
- Cài đặt đài (trang 508)

Trình phát phương tiện giải trí

Trình phát phương tiện giải trí có thể phát lại âm thanh từ đầu đĩa CD* và từ nguồn âm thanh bên ngoài được kết nối thông qua cổng USB hoặc Bluetooth. Nó cũng có thể phát lại định dạng video thông qua cổng USB.

Khi xe được kết nối Internet, cũng có thể nghe đài trên trang web, sách nói và dịch vụ âm nhạc thông qua ứng dụng.



Trình phát phương tiện giải trí được vận hành từ màn hình trung tâm nhưng một số chức năng có thể được vận hành bằng bàn phím bên phải vô lăng hoặc điều khiển bằng giọng nói.

Đài được vận hành trong trình phát phương tiện giải trí và được mô tả trong mục riêng.

Thông tin liên quan

- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Điều khiển và thay đổi phương tiện giải trí (trang 513)
- Tìm kiếm phương tiện giải trí (trang 514)
- Ứng dụng (trang 502)
- Đài (trang 505)
- Đầu đĩa CD* (trang 515)
- Video (trang 516)
- Phương tiện giải trí thông qua Bluetooth® (trang 517)
- Phương tiện giải trí thông qua cổng USB (trang 518)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Phát lại phương tiện giải trí

Trình phát phương tiện giải trí được điều khiển từ màn hình trung tâm. Một số chức năng cũng có thể được vận hành bằng bàn phím bên phải vô lăng hoặc điều khiển bằng giọng nói.

Trình phát phương tiện giải trí cũng vận hành dài, được mô tả trong mục riêng.

Khởi động nguồn phương tiện giải trí



Phần ứng dụng (hình ảnh chung, ứng dụng cơ bản của mỗi thị trường và mẫu xe là khác nhau)

CD*

1. Cắm đĩa CD.
2. Mở ứng dụng CD từ phần ứng dụng.
3. Lựa chọn mục cần phát lại.
 - > Bắt đầu phát lại.

Bộ nhớ USB

1. Cắm đĩa bộ nhớ USB.
2. Mở ứng dụng USB từ phần ứng dụng.
3. Lựa chọn mục cần phát lại.
 - > Bắt đầu phát lại.

Máy nghe nhạc Mp3 và iPod®

ⓘ LƯU Ý
Khi bắt đầu phát lại từ iPod, sử dụng ứng dụng iPod (không phải USB). Khi sử dụng iPod làm nguồn phát âm thanh, hệ thống âm thanh và phương tiện giải trí của xe có cấu trúc menu giống với cấu trúc menu riêng của máy nghe nhạc iPod.

1. Kết nối nguồn phương tiện giải trí.
2. Bắt đầu phát lại từ nguồn phương tiện giải trí được kết nối.
3. Mở ứng dụng (iPod, USB) từ phần ứng dụng.
 - > Bắt đầu phát lại.

Thiết bị kết nối Bluetooth

1. Bật Bluetooth trong nguồn phương tiện giải trí.
2. Kết nối nguồn phương tiện giải trí.
3. Bắt đầu phát lại từ nguồn phương tiện giải trí được kết nối.
4. Mở ứng dụng **Bluetooth** từ phần ứng dụng.
 - > Bắt đầu phát lại.

Phương tiện giải trí có kết nối Internet

Phát lại phương tiện giải trí từ ứng dụng kết nối Internet:

1. Kết nối nguồn phương tiện giải trí.
2. Mở ứng dụng hiện tại từ phần ứng dụng.
 - > Bắt đầu phát lại.

Đọc mục riêng về cách tải xuống ứng dụng.

Video

1. Kết nối nguồn phương tiện giải trí.
2. Mở ứng dụng **USB** từ phần ứng dụng.
3. Chạm nhẹ vào tên của mục mong muốn phát lại.
 - > Bắt đầu phát lại.

Apple CarPlay

CarPlay được mô tả trong mục riêng.

Android Auto

Android Auto được mô tả trong mục riêng.

Thông tin liên quan

- Thao tác menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 100)
- Đài (trang 505)
- Điều khiển và thay đổi phương tiện giải trí (trang 513)
- Kết nối thiết bị thông qua cổng USB (trang 518)
- Kết nối thiết bị thông qua Bluetooth® (trang 517)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Video (trang 516)
- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Android Auto* (trang 525)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)

Điều khiển và thay đổi phương tiện giải trí

Việc phát lại phương tiện giải trí có thể được điều khiển bằng điều khiển giọng nói, bàn phím vô lăng hoặc màn hình trung tâm.



Trình phát phương tiện giải trí có thể được vận hành bằng nhận dạng giọng nói, bàn phím vô lăng hoặc màn hình trung tâm.



Âm lượng - xoay núm điều khiển dưới màn hình trung tâm hoặc ấn ▲ ▼ trên bàn phím bên phải vô lăng để tăng hoặc giảm âm lượng.
Chơi/tạm dừng - chạm nhẹ vào hình ảnh của bài hát đang được phát lại, nút bấm vật lý dưới màn hình trung tâm hoặc  trên bàn phím bên phải vô lăng.

Thay đổi bản nhạc/bài hát - chạm nhẹ vào bản nhạc mong muốn trong màn hình trung tâm, ấn  hoặc  dưới màn hình trung tâm hoặc trên bàn phím bên phải vô lăng.

Tua nhanh/tua theo thời gian - chạm nhẹ vào trục thời gian trong màn hình trung tâm, ấn  hoặc  dưới màn hình trung tâm hoặc trên bàn phím bên phải vô lăng.

Thay đổi phương tiện giải trí - lựa chọn từ các nguồn trước đây trong ứng dụng, trong phần ứng dụng, ấn ứng dụng mong muốn hoặc lựa chọn bàn phím bên phải vô lăng thông qua menu ứng dụng



Library (Thư viện) - chạm nhẹ vào nút này để phát lại từ thư viện.



Shuffle (Xáo trộn) - chạm nhẹ vào nút này để xáo trộn thứ tự phát lại.





Similar (Tương tự)

- chạm nhẹ vào nút này để sử dụng Gracenote để tìm kiếm bài hát tương tự trên thiết bị USB và tạo danh sách phát từ thiết bị USB. Danh sách phát có thể chứa tối đa 50 bài hát.



Change device (Thay đổi thiết bị)

- chạm nhẹ vào nút này để chuyển đổi giữa các thiết bị USB khi kết nối một số thiết bị USB.

Thông tin liên quan

- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Tìm kiếm phương tiện giải trí (trang 514)
- Cài đặt âm thanh (trang 500)
- Ứng dụng (trang 502)
- Gracenote® (trang 515)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)

Tìm kiếm phương tiện giải trí

Có thể tìm kiếm theo nghệ sĩ, nhạc sĩ, tên bài hát, album, video, sách nói, danh sách phát và khi xe được kết nối Internet, podcast (phương tiện giải trí kỹ thuật số thông qua Internet).



1. Ấn .
- > Phần tìm kiếm có bàn phím được mở ra.
2. Nhập từ tìm kiếm.
3. Ấn **Search (Tìm kiếm)**.
- > Các thiết bị đã kết nối được tìm kiếm và kết quả tìm kiếm được liệt kê theo danh mục.

Trượt ngang màn hình để hiển thị riêng từng danh mục.

Thông tin liên quan

- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm (trang 125)

Gracenote®

Gracenote xác định nhạc sĩ, album, tên bài hát và hình ảnh liên quan được hiển thị trong quá trình phát lại.

Gracenote MusicID® là tiêu chuẩn nhận dạng âm nhạc.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Media (Phương tiện giải trí)** → **Gracenote®**.
3. Lựa chọn cài đặt cho dữ liệu Gracenote:
 - **Gracenote® Online Search (Tìm kiếm Trực tuyến Gracenote®)** - tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu trực tuyến của Gracenote để phát phương tiện giải trí.
 - **Gracenote® Multiple Results (Nhiều Kết quả Gracenote®)** - lựa chọn cách hiển thị dữ liệu Gracenote nếu có nhiều hơn một kết quả tìm kiếm.
 - 1 - dữ liệu gốc của tập tin được sử dụng.
 - 2 - dữ liệu Gracenote được sử dụng.
 - 3 - dữ liệu Gracenote hoặc dữ liệu gốc có thể được lựa chọn.
 - **None (Không có)** - không có kết quả nào được hiển thị.

Cập nhật Gracenote

Nội dung của cơ sở dữ liệu Gracenote được cập nhật liên tục. Tài xuống bản cập nhật mới nhất để tối ưu hóa chức năng Gracenote. Để biết thông tin và tải xuống, truy cập support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Thỏa thuận bản quyền âm thanh và phương tiện giải trí (trang 544)

Đầu đĩa CD*

Trình phát phương tiện giải trí có thể phát lại đĩa CD có tập tin âm thanh tương thích.



- ❶ Khe đẩy đĩa vào và ra
- ❷ Nút đẩy đĩa ra.

Thông tin liên quan

- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)

Video

Các video trên thiết bị kết nối USB có thể được phát lại bằng trình phát phương tiện giải trí.

Không có hình ảnh nào được hiển thị khi xe bắt đầu di chuyển mà chỉ có âm thanh được phát lại. Hình ảnh chỉ được hiển thị lại khi xe đứng yên.

Thông tin về định dạng tương thích với phương tiện giải trí được trình bày trong mục riêng.

Thông tin liên quan

- Phát video (trang 516)
- Phát lại DivX® (trang 516)
- Cài đặt video (trang 517)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)

Phát video

Video được phát bằng ứng dụng **USB** trong phần ứng dụng.

1. Kết nối nguồn phương tiện giải trí (thiết bị USB).
2. Mở ứng dụng **USB** từ phần ứng dụng.
3. Chạm nhẹ vào tên của mục mong muốn phát lại.
 - > Bắt đầu phát lại.

Thông tin liên quan

- Video (trang 516)
- Phát lại DivX® (trang 516)
- Cài đặt video (trang 517)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)

Phát lại DivX®

Thiết bị có Chứng nhận DivX® phải được đăng ký để phát lại phim video theo yêu cầu (VOD) DivX đã mua.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Chạm nhẹ vào **Video → DivX® VOD** và truy vấn mã đăng ký.
3. Truy cập vod.divx.com để biết thêm thông tin và hoàn thành đăng ký.

Thông tin liên quan

- Video (trang 516)
- Phát video (trang 516)
- Cài đặt video (trang 517)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)

Cài đặt video

Có thể thay đổi một số cài đặt phát lại video, ví dụ, ngôn ngữ.

Khi trình phát video ở chế độ toàn màn hình hoặc bằng cách mở phần trên cùng và ấn **Settings (Cài đặt)** ➔ **Video**, có thể điều chỉnh các nội dung sau: **Audio Language (Ngôn ngữ Âm thanh)**, **Off (Tắt)** và **Subtitte Languge (Ngôn ngữ Phụ đề)**.

Thông tin liên quan

- Video (trang 516)

Phương tiện giải trí thông qua Bluetooth®

Trình phát phương tiện giải trí của xe được trang bị Bluetooth và có thể phát không dây tập tin âm thanh từ các thiết bị Bluetooth bên ngoài như điện thoại di động và máy tính bảng.

Để trình phát phương tiện giải trí có thể phát lại không dây tập tin âm thanh từ thiết bị bên ngoài, thiết bị phải được kết nối trước với xe thông qua Bluetooth.

Thông tin liên quan

- Kết nối thiết bị thông qua Bluetooth® (trang 517)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)

Kết nối thiết bị thông qua Bluetooth®

Kết nối thiết bị Bluetooth® với xe để phát lại không dây phương tiện giải trí và để xe kết nối Internet, nếu có thể.

Một số điện thoại trên thị trường đang có công nghệ Bluetooth® không dây nhưng không phải tất cả các điện thoại đó đều tương thích với xe. Để biết về sự tương thích, truy cập support.volvocars.com.

Quy trình kết nối thiết bị phương tiện giải trí giống với kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth®.

Thông tin liên quan

- Phương tiện giải trí thông qua Bluetooth® (trang 517)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)

Phương tiện giải trí thông qua cổng USB

Nguồn âm thanh bên ngoài, ví dụ, iPod® hoặc máy nghe nhạc MP3, có thể được kết nối với hệ thống âm thanh thông qua cổng USB của xe.

Thiết bị có pin sạc được sạc khi kết nối với USB và đánh lửa ở vị trí I, II hoặc động cơ đang chạy.

Nội dung của nguồn bên ngoài có thể được tải nhanh hơn nếu nó chỉ bao gồm định dạng tương thích. Tập tin video cũng có thể được phát lại thông qua cổng USB.

Một số máy nghe nhạc MP3 có hệ thống tập tin riêng mà xe không hỗ trợ.

Thông tin liên quan

- Kết nối thiết bị thông qua cổng USB (trang 518)
- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Video (trang 516)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Thông số kỹ thuật của thiết bị USB (trang 519)
- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Android Auto* (trang 525)

Kết nối thiết bị thông qua cổng USB

Nguồn âm thanh bên ngoài, ví dụ, iPod® hoặc máy nghe nhạc MP3, có thể được kết nối với hệ thống âm thanh thông qua cổng USB của xe.

Điện thoại phải được kết nối với cổng USB có khung màu trắng (khi có hai cổng USB) khi sử dụng Apple CarPlay® và Android Auto*.



Khe cắm USB (loại A) trong bảng điều khiển bên dưới. Cho phép cáp nằm về phía trước để cáp không bị kẹt khi đóng nắp.

Thông tin liên quan

- Phát lại phương tiện giải trí (trang 512)
- Phương tiện giải trí thông qua cổng USB (trang 518)
- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Thông số kỹ thuật của thiết bị USB (trang 519)
- Thông số kỹ thuật của thiết bị USB (trang 519)

- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Android Auto* (trang 525)

Thông số kỹ thuật của thiết bị USB

Thông số kỹ thuật dưới đây phải được đáp ứng để cho phép đọc nội dung của thiết bị USB.

Không có cấu trúc thư mục nào sẽ được hiển thị trong màn hình trung tâm trong quá trình phát lại.

	Số lượng tối đa
Tập tin	15000
Thư mục	1000
Cấp độ thư mục	8
Danh sách phát	100
Các mục trong danh sách phát	1000
Thư mục con	Không giới hạn

Thông số kỹ thuật của đầu nối USB A

- Ổ cắm loại A
- Phiên bản 2.0
- Nguồn điện áp 5 V
- Nguồn dòng điện tối đa 2,1 A

Thông tin liên quan

- Phương tiện giải trí thông qua cổng USB (trang 518)

Định dạng phương tiện giải trí tương thích

Định dạng tập tin dưới đây phải được sử dụng để phát lại phương tiện giải trí.

Tập tin âm thanh

Định dạng	Đuôi tập tin	Codec
MP3	.mp3	MPEG1 Lớp III, MPEG2 Lớp III, MP3 Pro (tương thích với mp3), MP3 HD (tương thích với mp3)
AAC	.m4a, .m4b, .aac	AAC LC (MPEG-4 phần III Âm thanh), HE-AAC (aacPlus v1/v2)
WMA	.wma	WMA8/9, WMA9/10 Pro
WAV	.wav	LPCM
FLAC	.flac	FLAC

Tập tin video

Định dạng	Đuôi tập tin
MP4	.mp4, .m4v
MPEG-PS	.mpg, .mp2, .mpeg, .m1v

Định dạng	Đuôi tập tin
AVI	.avi
AVI (DivX)	.avi, .divx
ASF	.asf, .wmv
MKV	.mkv

Phụ đề

Định dạng	Đuôi tập tin
SubViewer	.sub
SubRip	.srt
SSA	.ssa

DivX®

Thiết bị có chứng nhận DivX đã được thử nghiệm phát lại video DivX (.divx, .avi) chất lượng cao. Khi bạn nhìn thấy logo DivX, bạn có thể thoải mái xem phim DivX.

Loại	DivX Home Theater
Codec video	DivX, MPEG-4
Độ phân giải	720 x 576
Tốc độ bit	4,8 Mbps
Tỷ lệ khung hình	30 fps
Đuôi tập tin	.divx, .avi
Kích cỡ tập tin tối đa	4 GB
Codec âm thanh	MP3, AC3
Phụ đề	XSUB
Chức năng đặc biệt	Nhiều phụ đề, nhiều âm thanh, tiếp tục phát
Tham chiếu	Đáp ứng tất cả yêu cầu của loại DivX Home Theater. Truy cập divx.com để biết thêm thông tin và công cụ phần mềm để chuyển đổi tập tin của bạn thành video DivX Home Theater.

Thông tin liên quan

- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Video (trang 516)
- Phát lại DivX® (trang 516)

TV*³²

Không có hình ảnh nào được hiển thị sau khi xe đạt một số tốc độ nhất định nhưng sẽ luôn nghe thấy âm thanh. Hình ảnh hiển thị trở lại khi xe gần hoặc hoàn toàn đứng yên.

TV được điều khiển từ màn hình trung tâm. Một số chức năng cũng có thể được điều khiển từ bàn phím bên phải trên vô lăng hoặc bằng nhận dạng giọng nói.



Thông tin liên quan

- Sử dụng TV* (trang 521)
- Cài đặt TV* (trang 521)

³² Áp dụng với một số thị trường.

Sử dụng TV³³

TV được khởi động từ phần ứng dụng. Chạm nhẹ vào ứng dụng TV và lựa chọn kênh.

TV tự động tìm kênh có tín hiệu tốt nhất.

Thay đổi danh sách kênh phát sóng được

1. Ấn **Library (Thư viện)**.
2. Lựa chọn phát lại từ **TV-channels (kênh TV)** hoặc **Favourites (Mục yêu thích)**.
3. Lựa chọn kênh mong muốn.

Thay đổi kênh từ danh sách đã chọn

- Ấn  hoặc  dưới màn hình trung tâm hoặc bàn phím vô lăng.
- > Phần bôi màu di chuyển lên hoặc xuống một vị trí trong danh sách phát đã chọn.

Bạn cũng có thể thay đổi kênh từ màn hình trung tâm.

Mục yêu thích

Một kênh TV có thể được lưu là mục yêu thích:

- Chạm nhẹ vào  để thêm/xóa kênh vào/khỏi danh sách mục yêu thích.

Danh sách chương trình TV

Một danh sách chương trình có sẵn với thông tin về chương trình TV trong 48 tiếng.

- Chạm nhẹ vào **Guide (Danh sách chương trình)** để hiển thị thông tin về chương trình TV.

 LƯU Ý
Nếu xe di chuyển trong quốc gia, ví dụ, từ thành phố đến thành phố, Mục yêu thích có thể không có sẵn do tần số có thể thay đổi.

 LƯU Ý
Hệ thống chỉ hỗ trợ phát sóng TV ở các quốc gia phát định dạng MPEG-2 hoặc MPEG-4 và tuân thủ tiêu chuẩn DVB-T/T2. Hệ thống không hỗ trợ phát tương tự.

Thông tin liên quan

- TV* (trang 520)
- Cài đặt TV* (trang 521)
- Điều khiển đài và phương tiện giải trí bằng giọng nói (trang 144)
- Thỏa thuận bản quyền âm thanh và phương tiện giải trí (trang 544)

Cài đặt TV³⁴

Có tùy chọn thực hiện một số cài đặt trong phần trên cùng hoặc khi TV ở chế độ toàn màn hình.

Khi TV ở chế độ toàn màn hình hoặc bằng cách mở phần trên cùng và ấn **Settings (Cài đặt)** → **Media (Phương tiện giải trí)** → **TV**, có thể điều chỉnh các nội dung sau:

- **Subtitle Language (Ngôn ngữ Phụ đề)**
- **Audio Language (Ngôn ngữ Âm thanh)**

Định dạng hình ảnh

Chạm nhẹ vào **Picture format (Định dạng hình ảnh)** để lựa chọn định dạng cần hiển thị hình ảnh TV.

1. **Auto (Tự động)** - Hình ảnh TV được hiển thị trong định dạng hình ảnh đang được truyền tải.
2. **Auto fill (Tự động lấp đầy)** - Hình ảnh TV được phóng to hết cỡ mà không bị cắt.

Thông tin liên quan

- TV* (trang 520)
- Sử dụng TV* (trang 521)
- Định dạng phương tiện giải trí tương thích (trang 519)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)

³³ Áp dụng với một số thị trường.

³⁴ Áp dụng với một số thị trường.

Apple® CarPlay®**

CarPlay có tùy chọn nghe nhạc, gọi điện, nhận hướng dẫn, gửi/nhận thông báo và sử dụng Siri. Tất cả đều được thực hiện trong khi bạn đang tập trung lái xe.



CarPlay làm việc với thiết bị Apple đã chọn. Nếu xe không hỗ trợ CarPlay, có tùy chọn cài đặt nó. Liên hệ đại lý Volvo để cài đặt CarPlay.

Thông tin về loại ứng dụng được hỗ trợ và mẫu điện thoại tương thích có trên trang web của Apple: www.apple.com/ios/carplay/. Việc sử dụng ứng dụng không tương thích với CarPlay đôi lúc có thể phá vỡ kết nối giữa iPhone và xe. Vui lòng lưu ý, Volvo không chịu trách nhiệm về nội dung trong CarPlay.

Khi sử dụng dẫn đường bằng bản đồ thông qua CarPlay, không có hướng dẫn trong màn hình người lái hoặc màn hình kính chắn gió mà chỉ có trong màn hình trung tâm. Ứng dụng CarPlay có thể được điều khiển thông qua màn hình trung tâm, điện thoại hoặc bàn phím bên phải vô lăng (áp dụng với một số chức năng). Ứng dụng cũng có thể được điều khiển bằng giọng nói với Siri. Ấn nút vô lăng để bắt đầu điều khiển bằng giọng nói với Siri và ấn nhanh để bật chức năng điều khiển bằng giọng nói của xe. Nếu Siri tắt quá sớm, ấn giữ nút vô lăng³⁵.

Bằng cách sử dụng Apple CarPlay, bạn thừa nhận nội dung dưới đây: Apple CarPlay là một dịch vụ được Apple Inc. cung cấp theo các điều khoản và điều kiện của công ty. Volvo Cars không chịu trách nhiệm về Apple CarPlay hoặc tính năng/ứng dụng của nó. Khi sử dụng Apple CarPlay, một số thông tin từ xe của bạn (bao gồm vị trí xe) được chuyển đến iPhone của bạn. Bạn chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bạn hoặc bất cứ người nào khác sử dụng Apple CarPlay với Volvo Cars.

Thông tin liên quan

- Sử dụng Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Cài đặt của Apple® CarPlay®* (trang 524)
- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)

Sử dụng Apple® CarPlay®*

Để sử dụng CarPlay, phải bật điều khiển giọng nói Siri trong điện thoại của bạn. Điện thoại cũng phải có kết nối Internet thông qua Wi-Fi hoặc mạng di động.

Kết nối iPhone và khởi động CarPlay

ⓘ LƯU Ý

CarPlay chỉ có thể được sử dụng nếu Bluetooth bị tắt. Điện thoại hoặc trình phát phương tiện giải trí kết nối với xe thông qua Bluetooth sẽ không có sẵn khi CarPlay được bật. Phải sử dụng nguồn Internet thay thế để kết nối Internet cho ứng dụng của xe. Sử dụng Wi-Fi hoặc modem tích hợp* của xe.

1. Kết nối iPhone với cổng USB. Trong trường hợp có hai cổng USB, cổng có khung màu trắng xung quanh cổng phải được sử dụng.
2. Đọc thông tin trong cửa sổ popup và sau đó chạm nhẹ vào **OK**.
3. Chạm nhẹ vào **Apple CarPlay** trong phần ứng dụng.
4. Đọc các điều khoản và điều kiện và chạm nhẹ vào **Accept (Chấp nhận)** để kết nối.
 - > Phần phụ có CarPlay được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị.

³⁵ Apple và CarPlay là nhãn hiệu đã đăng ký được Apple Inc. sở hữu.

5. Chạm nhẹ vào ứng dụng mong muốn.

> Ứng dụng khởi động.

Khởi động CarPlay

CarPlay được khởi động theo trình tự sau, sau khi iPhone đã được kết nối.

1. Kết nối iPhone với cổng USB. Trong trường hợp có hai cổng USB, cổng có khung màu trắng xung quanh cổng phải được sử dụng.
 - > **Nếu lựa chọn cài đặt khởi động tự động**, tên của điện thoại được hiển thị.
2. Chạm nhẹ vào tên điện thoại - ô Apple CarPlay được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị.
3. Nếu phần phụ có CarPlay không được mở, chạm nhẹ vào **Apple CarPlay** trong phần ứng dụng.
 - > Phần phụ có CarPlay được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị.
4. Chạm nhẹ vào ứng dụng mong muốn.
 - > Ứng dụng khởi động.

CarPlay chạy nền nếu một ứng dụng khác được khởi động trong cùng phần phụ. Để hiển thị lại CarPlay trong phần phụ - chạm nhẹ vào biểu tượng CarPlay trong phần ứng dụng.

Chuyển đổi kết nối giữa CarPlay và iPod CarPlay với iPod

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Tiếp tục đến **Communication (Giao tiếp)** → **Apple CarPlay**.
3. Bỏ chọn ô thiết bị Apple mà không còn khởi động CarPlay tự động khi cáp USB được nối.
4. Ngắt và nối thiết bị Apple với cổng USB.
5. Mở ứng dụng **iPod** từ phần ứng dụng.

iPod với CarPlay

1. Chạm nhẹ vào **Apple CarPlay** trong phần ứng dụng.
2. Đọc thông tin trong cửa sổ popup và sau đó chạm nhẹ vào **OK**.
3. Ngắt và nối thiết bị Apple với cổng USB.
 - > Phần phụ có Apple CarPlay được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị³⁶.

Thông tin liên quan

- Kết nối thiết bị thông qua cổng USB (trang 518)
- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Cài đặt của Apple® CarPlay®* (trang 524)

- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại (Wi-Fi) (trang 538)
- Kết nối xe với Internet thông qua một modem xe (thẻ SIM) (trang 538)
- Nhận dạng giọng nói (trang 141)

³⁶ Apple, CarPlay, iPhone và iPod là nhãn hiệu đã đăng ký được Apple Inc. sở hữu.

Cài đặt của Apple® CarPlay®*

Cài đặt cho thiết bị Apple kết nối với CarPlay³⁷.

Khởi động tự động

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Tiếp tục đến **Communication (Giao tiếp)** ➔ **Apple CarPlay** và lựa chọn cài đặt:
 - Chọn ô - CarPlay khởi động tự động khi cáp USB được nối.
 - Bỏ chọn ô - CarPlay không khởi động tự động khi cáp USB được nối.

Tối đa 20 thiết bị Apple có thể được lưu trong danh sách. Khi danh sách đầy và thiết bị mới được kết nối, thiết bị cũ nhất bị xóa.

Để xóa danh sách này, cài đặt phải được cài đặt lại trong màn hình trung tâm (cài đặt lại về cài đặt gốc).

Âm lượng hệ thống

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Chạm nhẹ vào **Sound (Âm thanh)** ➔ **System Volumes (Âm lượng Hệ thống)** và thực hiện cài đặt sau:
 - **Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)**
 - **Navi Voice Guidance (Dẫn đường bằng Giọng nói)**
 - **Phone Ringtone (Nhạc chuông Điện thoại)**

Thông tin liên quan

- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Sử dụng Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)

Bí quyết sử dụng Apple® CarPlay®*

Dưới đây là một số bí quyết sử dụng CarPlay®.

- Cập nhật iPhone của bạn lên phiên bản hệ điều hành iOS mới nhất và đảm bảo rằng ứng dụng đã được cập nhật.
- Trong trường hợp xảy ra vấn đề với CarPlay, rút điện thoại ra khỏi cổng USB và nối lại, nếu không, thử đóng ứng dụng trên điện thoại không hoạt động và sau đó khởi động lại ứng dụng hoặc thử đóng tắt cả ứng dụng và khởi động lại điện thoại của bạn.
- Nếu ứng dụng không xuất hiện khi CarPlay khởi động (màn hình màu đen), thử thu nhỏ và mở rộng ô CarPlay.
- Việc sử dụng ứng dụng không tương thích với CarPlay đôi lúc có thể phá vỡ kết nối giữa điện thoại và xe. Thông tin về loại ứng dụng được hỗ trợ và mẫu điện thoại tương thích có trên trang web của Apple. Bạn cũng có thể tìm kiếm CarPlay trong App Store để tìm thông tin về ứng dụng tương thích với CarPlay ở thị trường bạn sống.
- CarPlay chỉ làm việc với iPhone³⁸.

³⁷ Apple và CarPlay là nhãn hiệu đã đăng ký được Apple Inc. sở hữu.

³⁸ Apple, CarPlay và iPhone là nhãn hiệu đã đăng ký được Apple Inc. sở hữu.

❗ LƯU Ý

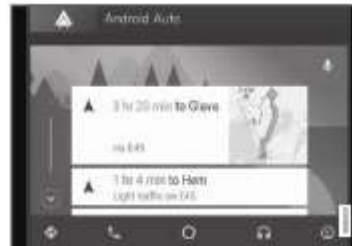
Tính khả dụng và chức năng có thể khác nhau, tùy thuộc vào thị trường.

Thông tin liên quan

- Apple® CarPlay®* (trang 522)

Android Auto*

Android Auto có tùy chọn nghe nhạc, gọi điện, nhận hướng dẫn, gửi/nhận thông báo và sử dụng các ứng dụng được tùy chỉnh cho xe từ một thiết bị Android. Android Auto làm việc với thiết bị Android đã chọn.



Thông tin về loại ứng dụng được hỗ trợ và mẫu điện thoại tương thích có trên trang web: www.android.com/auto/. Với ứng dụng của bên thứ ba, truy cập Google Play. Vui lòng lưu ý, Volvo không chịu trách nhiệm về nội dung trong Android Auto. Android Auto được khởi động từ phần ứng dụng. Sau khi Android Auto đã được khởi động một lần, ứng dụng sẽ được khởi động tự động khi thiết bị được kết nối lần tới. Có thể tắt khởi động tự động theo cài đặt.

❗ LƯU Ý

Khi điện thoại được kết nối với Android Auto, có thể phát đến một trình phát phương tiện giải trí khác thông qua Bluetooth. Bluetooth được bật khi Android Auto đang được sử dụng.

Khi sử dụng dẫn đường bằng bản đồ thông qua Android Auto, không có hướng dẫn trong màn hình người lái hoặc màn hình kính chắn gió mà chỉ có trong màn hình trung tâm.

Android Auto có thể được điều khiển thông qua màn hình trung tâm bằng bàn phím bên phải vô lăng hoặc điều khiển bằng giọng nói. Ấn lâu nút vô lăng để bắt đầu điều khiển bằng giọng nói với Siri và ấn nhanh để tắt.

Bằng cách sử dụng Android Auto, bạn thừa nhận nội dung dưới đây: Android Auto là một dịch vụ được Google cung cấp theo các điều khoản và điều kiện của công ty. Volvo Cars không chịu trách nhiệm về Android Auto hoặc tính năng/ứng dụng của nó. Khi bạn sử dụng Android Auto, xe của bạn truyền một số thông tin (bao gồm vị trí xe) đến điện thoại Android đã kết nối của bạn. Bạn chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bạn hoặc bất cứ người nào khác sử dụng Android Auto.

Thông tin liên quan

- Sử dụng Android Auto* (trang 526)
- Cài đặt Android Auto* (trang 526)

Sử dụng Android Auto*

Để sử dụng ứng dụng **Android Auto**, ứng dụng phải được cài đặt trên điện thoại của bạn và điện thoại phải được kết nối với khe cắm USB của xe.

Lần đầu kết nối Android

1. Kết nối điện thoại Android với khe cắm USB có khung màu trắng.
2. Đọc thông tin trong cửa sổ popup và sau đó chạm nhẹ vào **OK**.
3. Chạm nhẹ vào **Android Auto** trong phần ứng dụng.
4. Đọc các điều khoản và điều kiện và chạm nhẹ vào **Accept (Chấp nhận)** để kết nối.
 - > Phần phụ có Android Auto được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị.
5. Chạm nhẹ vào ứng dụng mong muốn.
 - > Ứng dụng khởi động.

Android đã kết nối trước đây

1. Kết nối điện thoại với cổng USB.
 - > **Nếu lựa chọn cài đặt khởi động tự động**, tên của điện thoại được hiển thị.
2. Chạm nhẹ vào tên điện thoại - ô Android Auto được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị.

3. Nếu cài đặt khởi động tự động không được lựa chọn, mở ứng dụng Android Auto từ phần ứng dụng.

- > Phần phụ có **Android Auto** được mở và ứng dụng tương thích được hiển thị.
4. Chạm nhẹ vào ứng dụng mong muốn.
 - > Ứng dụng khởi động.

Android Auto chạy nền nếu một ứng dụng khác được khởi động trong cùng phần phụ. Để hiển thị lại Android Auto trong phần phụ - chạm nhẹ vào biểu tượng Android Auto trong phần ứng dụng.

Thông tin liên quan

- Android Auto* (trang 525)
- Cài đặt Android Auto* (trang 526)
- Kết nối thiết bị thông qua cổng USB (trang 518)
- Nhận dạng giọng nói (trang 141)

Cài đặt Android Auto*

Cài đặt điện thoại lần đầu kết nối với Android Auto.

Khởi động tự động

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Tiếp tục đến **Communication (Giao tiếp)** ➔ **Android Auto** và lựa chọn cài đặt:
 - Chọn ô - Android Auto khởi động tự động khi cáp USB được nối.
 - Bỏ chọn ô - Android Auto không khởi động tự động khi cáp USB được nối.

Tối đa 20 thiết bị Android có thể được lưu trong danh sách. Khi danh sách đầy và thiết bị mới được kết nối, thiết bị cũ nhất bị xóa.

Phải thực hiện cài đặt lại về cài đặt gốc để xóa danh sách.

Âm lượng hệ thống

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Chạm nhẹ vào **Sound (Âm thanh)** ➔ **System Volumes (Âm lượng Hệ thống)** và thực hiện cài đặt sau:
 - **Voice Control (Điều khiển bằng Giọng nói)**
 - **Navi Voice Guidance (Dẫn đường bằng Giọng nói)**
 - **Phone Ringtone (Nhạc chuông Điện thoại)**

Thông tin liên quan

- Android Auto* (trang 525)
- Sử dụng Android Auto* (trang 526)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)

Bí quyết sử dụng Android Auto*

Dưới đây là một số bí quyết sử dụng Android Auto.

- Đảm bảo ứng dụng của bạn được cập nhật.
- Khi khởi động xe, đợi cho đến khi màn hình trung tâm đã khởi động, kết nối điện thoại và sau đó mở Android Auto từ phần ứng dụng.
- Trong trường hợp xảy ra vấn đề với Android Auto, rút điện thoại Android của bạn ra khỏi cổng USB và kết nối lại thông qua USB, nếu không, thử đóng ứng dụng trên điện thoại và sau đó khởi động lại ứng dụng.
- Khi điện thoại được kết nối với Android Auto, vẫn có thể phát lại phương tiện giải trí đến một trình phát phương tiện giải trí thông qua Bluetooth. Chức năng Bluetooth được bật khi Android Auto được sử dụng.

Thông tin liên quan

- Android Auto* (trang 525)

Điện thoại

Một điện thoại có Bluetooth có thể được kết nối không dây với hệ thống rảnh tay tích hợp của xe.

Hệ thống âm thanh và phương tiện giải trí hoạt động dưới hình thức rảnh tay và tạo điều kiện điều khiển từ xa nhiều chức năng của điện thoại. Điện thoại vẫn có thể được vận hành bằng các phím riêng của mình, kể cả khi nó được kết nối với xe.

Khi điện thoại đã được kết nối trực tuyến và kết nối với xe, nó có thể được sử dụng để gọi điện, gửi/nhận tin nhắn, phát lại không dây phương tiện giải trí và được sử dụng để kết nối với Internet.

Điện thoại được vận hành từ màn hình trung tâm nhưng cũng có thể thông qua nhận dạng giọng nói và menu ứng dụng, được truy cập từ bàn phím bên phải vô lăng.



Tổng quan



- ❶ Micro.
- ❷ Điện thoại.
- ❸ Vận hành điện thoại từ màn hình trung tâm.
- ❹ Bàn phím vận hành các chức năng điện thoại được hiển thị trong màn hình người lái và nhận dạng giọng nói.
- ❺ Màn hình người lái.

Thông tin liên quan

- Quản lý cuộc gọi điện thoại (trang 532)
- Quản lý danh bạ điện thoại (trang 534)
- Quản lý tin nhắn văn bản (trang 533)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)

- Kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 530)
- Kết nối thủ công điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 531)
- Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth (trang 532)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)
- Nhận dạng giọng nói (trang 141)
- Thao tác menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 100)
- Cài đặt âm thanh (trang 500)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth (trang 537)

Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên

Kết nối điện thoại có bật Bluetooth để sau đó có thể gọi điện từ xe, gửi/nhận tin nhắn, phát lại không dây phương tiện giải trí và kết nối xe với Internet.

Có thể kết nối hai thiết bị Bluetooth cùng lúc, trong trường hợp này, một trong số hai thiết bị đó chỉ có thể phát lại không dây. Điện thoại được kết nối gần đây nhất sẽ được kết nối tự động để gọi điện, gửi/nhận tin nhắn, phát lại phương tiện giải trí và kết nối Internet. Có thể thay đổi loại điện thoại cần được sử dụng dưới **Bluetooth Devices (Thiết bị Bluetooth)** thông qua menu cài đặt trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.

Sau khi thiết bị đã được kết nối/đăng ký lần đầu, nó không còn cần kết nối/đăng ký lại mà chỉ cần bật Bluetooth. Có thể lưu tối đa 20 thiết bị Bluetooth đã kết nối trong xe.

Có hai tùy chọn để kết nối, một tùy chọn tìm kiếm điện thoại từ xe hoặc tìm kiếm xe từ điện thoại.

Tùy chọn 1 - tìm kiếm điện thoại từ xe.

1. Kết nối/đăng ký điện thoại thông qua Bluetooth.

2. Mở ô điện thoại trong màn hình trung tâm.
 - Nếu không có điện thoại được kết nối với xe, chạm nhẹ vào **Add phone (Thêm điện thoại)**.
 - Nếu có điện thoại được kết nối với xe, chạm nhẹ vào **Thay đổi** . Trong cửa sổ popup, chạm nhẹ vào **Add phone (Thêm điện thoại)**.
3. Chạm nhẹ vào tên của điện thoại cần được kết nối.
4. Kiểm tra xem mã số được ghi trong xe có khớp với trong điện thoại không. Trong trường hợp đó, lựa chọn chấp nhận ở tất cả hai vị trí.
5. Trên điện thoại, lựa chọn chấp nhận hoặc từ chối bất cứ tùy chọn nào về danh bạ điện thoại và tin nhắn.

ⓘ LƯU Ý

- Chức năng tin nhắn phải được bật trong một số điện thoại.
- Không phải tất cả điện thoại di động đều tương thích hoàn toàn và vì lý do đó, chúng có thể không hiển thị danh bạ và tin nhắn trong xe.

Tùy chọn 2 - tìm kiếm xe từ điện thoại

1. Mở ô điện thoại trong màn hình trung tâm.
 - Nếu không có điện thoại được kết nối với xe, chạm nhẹ vào **Add phone (Thêm điện thoại)** ➔ **Make car discoverable (Kết nối với xe)**.
 - Nếu có điện thoại được kết nối với xe, chạm nhẹ vào **Change (Thay đổi)** . Trong cửa sổ popup, chạm nhẹ vào **Add phone (Thêm điện thoại)** ➔ **Make car discoverable (Kết nối với xe)**.
2. Bật Bluetooth trên điện thoại.
3. Tìm kiếm thiết bị Bluetooth trên điện thoại.
 - > Các thiết bị Bluetooth có sẵn được liệt kê.
4. Lựa chọn tên của xe trên điện thoại.
5. Cửa sổ popup đề kết nối được hiển thị trong xe. Xác nhận kết nối.
6. Kiểm tra xem mã số được ghi trong xe có khớp với trong điện thoại không. Trong trường hợp đó, lựa chọn chấp nhận ở tất cả hai vị trí.
7. Trên điện thoại, lựa chọn chấp nhận hoặc từ chối bất cứ tùy chọn nào về danh bạ điện thoại và tin nhắn.

ⓘ LƯU Ý

- Chức năng tin nhắn phải được bật trong một số điện thoại.
- Không phải tất cả điện thoại di động đều tương thích hoàn toàn và vì lý do đó, chúng có thể không hiển thị danh bạ và tin nhắn trong xe.

ⓘ LƯU Ý

Nếu hệ điều hành của điện thoại được cập nhật, kết nối có thể bị phá vỡ. Trong trường hợp đó, xóa điện thoại khỏi xe và sau đó kết nối lại.

Các điện thoại tương thích

Một số điện thoại trên thị trường hiện có công nghệ Bluetooth không dây nhưng không phải tất cả chúng đều tương thích hoàn toàn với xe. Về sự tương thích, truy cập support.volvocars.com.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 530)
- Kết nối thủ công điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 531)
- Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)



- Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth (trang 532)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth (trang 537)

Kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth

Có thể kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth. Điện thoại phải đã kết nối với xe lần đầu.

Chỉ hai điện thoại được kết nối gần nhất có thể được kết nối tự động.

1. Bật Bluetooth trong điện thoại trước khi cài đặt xe ở vị trí đánh lửa I.
2. Cài đặt xe ở vị trí đánh lửa I hoặc cao hơn.
 - > Điện thoại sẽ kết nối.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 530)
- Kết nối thủ công điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 531)
- Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth (trang 532)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth (trang 537)

- Vị trí đánh lửa (trang 432)

Kết nối thủ công điện thoại với xe thông qua Bluetooth

Có thể kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth. Điện thoại phải đã kết nối với xe lần đầu.

1. Bật Bluetooth trên điện thoại.
2. Mở phần phụ cho điện thoại.
 - > Các điện thoại đã kết nối được liệt kê.
3. Chạm nhẹ vào tên của điện thoại cần kết nối.
 - > Điện thoại sẽ kết nối.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Kết nối tự động điện thoại với xe thông qua Bluetooth (trang 530)
- Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth (trang 532)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth (trang 537)

Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth

Ngắt điện thoại được kết nối Bluetooth khỏi xe bằng cách tắt Bluetooth trên điện thoại của bạn. Khi điện thoại nằm ngoài xe, nó được ngắt kết nối tự động. Nếu xảy ra ngắt kết nối trong cuộc gọi, cuộc gọi sẽ được tiếp tục trên điện thoại.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)
- Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth (trang 532)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)

Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth

Có thể chuyển đổi giữa nhiều điện thoại được kết nối Bluetooth.

1. Mở ô điện thoại.
 - Chạm nhẹ vào **Chnage (Thay đổi)**  hoặc kéo phần trên cùng xuống và chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt) → Communication (Giao tiếp) → Bluetooth Devices (Thiết bị Bluetooth) → Thêm thiết bị**.
 - > Các thiết bị Bluetooth có sẵn được liệt kê.
2. Chạm nhẹ vào điện thoại cần kết nối.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)
- Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth (trang 532)

Gỡ thiết bị được kết nối Bluetooth

Có thể gỡ, ví dụ, điện thoại khỏi danh sách các thiết bị Bluetooth đã đăng ký.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Communication (Giao tiếp) → Bluetooth Devices (Thiết bị Bluetooth)**.
 - > Thiết bị Bluetooth đã đăng ký được liệt kê.
3. Chạm nhẹ vào thiết bị cần gỡ.
4. Chạm nhẹ vào **Remove device (Gỡ thiết bị)** và xác nhận lựa chọn của bạn.
 - > Thiết bị không còn được đăng ký vào xe.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Ngắt kết nối điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Chuyển đổi giữa các điện thoại được kết nối Bluetooth (trang 531)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)

Quản lý cuộc gọi điện thoại

Xử lý cuộc gọi trong xe có điện thoại được kết nối Bluetooth.



Hình ảnh minh họa chung

Thực hiện cuộc gọi điện thoại

1. Mở ô điện thoại.
2. Lựa chọn cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi, nhập số bằng bàn phím hoặc thông qua danh bạ. Có thể tìm kiếm hoặc duyệt trong danh bạ. Chạm nhẹ vào ☆ trong danh bạ để thêm liên lạc dưới **Favourites (Mục yêu thích)**.
3. Ấn để thực hiện cuộc gọi.
4. Chạm nhẹ vào để kết thúc cuộc gọi.

Bạn cũng có thể thực hiện cuộc gọi từ nhật ký cuộc gọi thông qua menu ứng dụng, được truy

cập từ bàn phím bên phải vô lăng .

Thực hiện cuộc gọi nhiều bên

Trong quá trình gọi:

1. Ấn **Add call (Thêm cuộc gọi)**.
2. Lựa chọn thực hiện cuộc gọi từ nhật ký cuộc gọi, mục yêu thích hoặc danh bạ.
3. Chạm nhẹ vào một hàng/dòng trong nhật ký cuộc gọi hoặc chạm nhẹ vào đọc liên hệ trong danh bạ.
4. Chạm nhẹ vào **Swap call (Hoán đổi cuộc gọi)** để chuyển đổi giữa các bên.
5. Chạm nhẹ vào để kết thúc cuộc gọi.

Cuộc gọi hội nghị

Trong cuộc gọi nhiều bên đang thực hiện:

1. Chạm nhẹ vào **Join calls (Tham gia cuộc gọi)** để tham gia cuộc gọi nhiều bên đang thực hiện.
2. Chạm nhẹ vào để kết thúc cuộc gọi.

Cuộc gọi đến

Cuộc gọi đến được hiển thị trong màn hình người lái và màn hình trung tâm. Quản lý cuộc gọi trên bàn phím bên phải vô lăng hoặc trong màn hình trung tâm.

1. Chạm nhẹ vào **Answer (Trả lời)/Reject (Từ chối)**.
2. Chạm nhẹ vào để kết thúc cuộc gọi.

Cuộc gọi đến khi đang gọi điện.

1. Chạm nhẹ vào **Answer (Trả lời)/Reject (Từ chối)**.
2. Chạm nhẹ vào để kết thúc cuộc gọi.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Cuộc gọi riêng tư

- Khi đang gọi điện, ấn **Privacy (Quyền riêng tư)** và lựa chọn cài đặt:
 - **Switch to mobile phone (Chuyển sang điện thoại di động)** - chức năng rảnh tay bị ngắt và cuộc gọi tiếp tục trên điện thoại di động của bạn.
 - **Driver focused (Tập trung vào người lái)** - micro trên nóc phía hành khách bị tắt và cuộc gọi tiếp tục với chức năng rảnh tay của xe.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Thao tác menu ứng dụng trong màn hình người lái (trang 100)
- Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm (trang 125)
- Quản lý danh bạ điện thoại (trang 534)
- Quản lý tin nhắn văn bản (trang 533)
- Cài đặt âm thanh (trang 500)

Quản lý tin nhắn văn bản¹

Xử lý tin nhắn trong xe có điện thoại được kết nối Bluetooth.

Ở một số điện thoại, chức năng tin nhắn phải được bật. Không phải tất cả điện thoại đều tương thích. Trong trường hợp này, chúng không thể hiển thị liên hệ và tin nhắn trong xe. Về sự tương thích, truy cập support.volvocars.com.

Quản lý tin nhắn văn bản trong màn hình trung tâm

Tin nhắn văn bản chỉ được hiển thị trong màn hình trung tâm nếu cài đặt được lựa chọn.



Ấn **Messages (Tin nhắn)** trong phần ứng dụng để quản lý tin nhắn văn bản trong màn hình trung tâm.

Đọc tin nhắn văn bản trong màn hình trung tâm



Ấn biểu tượng này để đọc to tin nhắn.

Gửi tin nhắn văn bản trong màn hình trung tâm²

1. Bạn có thể trả lời tin nhắn hoặc soạn tin nhắn mới.
 - Trả lời tin nhắn - chạm nhẹ vào liên hệ bạn muốn trả lời tin nhắn, sau đó chạm nhẹ vào **Answer (Trả lời)**.
 - Soạn tin nhắn mới - chạm nhẹ vào **Create new (Soạn mới)**. Lựa chọn liên hệ hoặc nhập số.
2. Soạn tin nhắn.
3. Ấn **Send (Gửi)**.

Quản lý tin nhắn văn bản trong màn hình người lái

Tin nhắn văn bản chỉ được hiển thị trong màn hình người lái nếu lựa chọn cài đặt này.

Đọc tin nhắn mới trong màn hình người lái

- Để đọc to tin nhắn - lựa chọn **Read out (Đọc to)** trên bàn phím vô lăng.

Lệnh trả lời trong màn hình người lái

Sau khi đã đọc to tin nhắn văn bản, có thể trả lời nhanh bằng lệnh nếu xe được kết nối Internet.

- Ấn **Answer (Trả lời)** trên bàn phím vô lăng. Đoạn hội thoại về lệnh bắt đầu.

¹ Có ở một số thị trường. Liên hệ đại lý của Volvo để biết thêm thông tin.

² Chỉ một số điện thoại có thể phát tin nhắn từ xe. Về sự tương thích, truy cập support.volvocars.com.

Thông báo tin nhắn

Có thể bật và tắt thông báo trong cài đặt tin nhắn văn bản.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Cài đặt tin nhắn văn bản (trang 534)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm (trang 125)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu (trang 542)

Cài đặt tin nhắn văn bản

Cài đặt tin nhắn văn bản trên điện thoại đã kết nối.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Communication (Giao tiếp)** → **Text Messages (Tin nhắn Văn bản)** và lựa chọn cài đặt:

- **Notification in centre display (Thông báo trong màn hình trung tâm)** - hiển thị thông báo tin nhắn trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm.
- **Notification in driver display (Thông báo trong màn hình người lái)** - hiển thị thông báo trong màn hình người lái và tin nhắn đến có thể được quản lý bằng bàn phím bên phải vô lăng.
- **Text message tone (Nhạc chuông tin nhắn văn bản)** - lựa chọn chuông tin nhắn văn bản đến.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Quản lý tin nhắn văn bản (trang 533)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)

Quản lý danh bạ điện thoại

Khi điện thoại được kết nối với xe bằng Bluetooth, có thể quản lý trực tiếp liên hệ trong màn hình trung tâm. Có thể hiển thị lên đến 3000 liên hệ từ điện thoại đã chọn trong màn hình trung tâm.



- 1 Duyệt giữa các chữ cái và # để tìm liên hệ khớp. Tùy thuộc vào liên hệ hiện tại trong danh bạ điện thoại, chỉ các chữ cái khớp được hiển thị.
- 2 **Search contacts (Tìm kiếm liên hệ)** - chạm nhẹ vào để tìm kiếm số điện thoại của tên trong danh bạ.
- 3 **Favourites (Mục yêu thích)** - chạm nhẹ vào để thêm/xóa liên hệ vào/khỏi danh sách mục yêu thích.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Phân loại

Danh bạ được phân loại theo thứ tự bảng chữ cái nếu có ký tự đặc biệt và số được phân loại bằng #. Có thể phân loại bằng tên hoặc tên đệm và cài đặt này được điều chỉnh trong cài đặt điện thoại.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)
- Điều khiển điện thoại bằng nhận dạng giọng nói (trang 143)
- Nhập ký tự, chữ cái và chữ viết bằng tay vào màn hình trung tâm (trang 125)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)

Cài đặt điện thoại

Khi điện thoại được kết nối với xe, có thể thực hiện các cài đặt sau:

1. **Ấn Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. **Ấn Communication (Giao tiếp) → Phones (Điện thoại)** và lựa chọn cài đặt:
 - **Ringtones (Nhạc chuông)** - lựa chọn nhạc chuông. Có thể sử dụng nhạc chuông từ điện thoại hoặc xe. Một số điện thoại không hoàn toàn tương thích và nhạc chuông của chúng có thể không có để sử dụng trong xe. Về sự tương thích, truy cập support.volvocars.com.
 - **Sort Order (Thứ tự Phân loại)** - lựa chọn thứ tự phân loại danh bạ.

Thông báo cuộc gọi trong màn hình kính chắn gió*

1. **Ấn Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. **Ấn My Car (Xe của Tôi) → Displays (Màn hình) → Head-Up Display Options (Tùy chọn Màn hình Kính chắn gió).**
3. Lựa chọn **Show Phone (Hiển thị Điện thoại).**

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Cài đặt tin nhắn văn bản (trang 534)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)

- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)
- Cài đặt âm thanh (trang 500)

Cài đặt thiết bị Bluetooth

Cài đặt thiết bị có kết nối Bluetooth.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.

2. Ấn **Communication (Giao tiếp)** → **Bluetooth Devices (Thiết bị Bluetooth)** và lựa chọn cài đặt:

- **Add device (Thêm thiết bị)** - bắt đầu ghép đôi một thiết bị mới.
- **Previously paired devices (Thiết bị đã ghép đôi trước đây)** - liệt kê thiết bị đã đăng ký/ghép đôi.
- **Remove device (Gỡ thiết bị)** - gỡ thiết bị đã kết nối.
- **Allowed services for this device (Các dịch vụ cho phép với thiết bị này)** - cài đặt tùy chọn sử dụng thiết bị: gọi điện, gửi/nhận tin nhắn, phát phương tiện giải trí và sử dụng để kết nối Internet.
- **Internet connection (Kết nối Internet)** - kết nối xe với Internet thông qua kết nối Bluetooth.

Thông tin liên quan

- Điện thoại (trang 527)
- Cài đặt điện thoại (trang 535)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)

Xe được kết nối Internet*

Khi xe được kết nối Internet, có thể, ví dụ, sử dụng đài trên trang web và dịch vụ âm nhạc thông qua ứng dụng, tải xuống phần mềm và liên hệ đại lý từ xe.

Xe được kết nối thông qua Bluetooth, Wi-Fi hoặc modem tích hợp* (thẻ SIM) của xe.

Khi xe được kết nối Internet, có thể chia sẻ kết nối Internet (điểm phát sóng Wi-Fi) của xe để các thiết bị khác như máy tính bảng có thể truy cập Internet³.

Trạng thái Internet được báo bằng biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm.



ⓘ LƯU Ý

Dữ liệu được truyền tải khi sử dụng internet (lưu lượng dữ liệu), có thể phát sinh cước.

Việc bật chuyển vùng dữ liệu quốc tế có thể phát sinh thêm cước.

Liên hệ nhà mạng của bạn về cước lưu lượng dữ liệu.

ⓘ LƯU Ý

Khi sử dụng Apple CarPlay, chỉ có thể kết nối xe với Internet bằng Wi-Fi hoặc modem của xe*.

ⓘ LƯU Ý

Khi sử dụng Android Auto, chỉ có thể kết nối xe với Internet bằng Wi-Fi, Bluetooth hoặc modem của xe*.

Đọc Các Điều khoản và Điều kiện Dịch vụ và Chính sách về Quyền riêng tư của Khách hàng tại support.volvocars.com trước khi kết nối xe với Internet.

³ Điều này không áp dụng trong trường hợp kết nối với Wi-Fi.

*Tùy chọn/phụ kiện.

Thông tin liên quan

- Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm (trang 120)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth (trang 537)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại (Wi-Fi) (trang 538)
- Kết nối xe với Internet thông qua một modem xe (thẻ SIM) (trang 538)
- Ứng dụng (trang 502)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)
- Chia sẻ truy cập Internet từ xe thông qua một điểm phát sóng Wi-Fi (trang 540)
- Gỡ mạng Wi-Fi (trang 541)
- Volvo ID (trang 28)
- Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu (trang 542)

Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại đã bật Bluetooth

Tạo kết nối Internet thông qua Bluetooth bằng cách chia sẻ truy cập Internet của điện thoại và truy cập một số dịch vụ trực tuyến trong xe.

1. Để có thể kết nối xe với Internet thông qua điện thoại đã kết nối Bluetooth, điện thoại phải đã được kết nối với xe thông qua Bluetooth lần đầu.
2. Đảm bảo điện thoại của bạn hỗ trợ chia sẻ kết nối và chức năng này được bật. Chức năng này được gọi là "chia sẻ kết nối" trong điện thoại iPhone và "điểm phát sóng cá nhân" trong điện thoại Android. Với iPhone, trang menu "chia sẻ kết nối" cũng phải được mở cho đến khi đã thiết lập kết nối Internet.
3. Nếu điện thoại trước đó đã được kết nối thông qua Bluetooth, ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
4. Ấn **Communication (Giao tiếp) → Bluetooth Devices (Thiết bị Bluetooth)**.
5. Chọn ô **Bluetooth Internet connection (Kết nối Bluetooth Internet)** dưới tiêu đề **Internet connection (Kết nối internet)**.
6. Nếu đã sử dụng một nguồn kết nối khác, xác nhận tùy chọn thay đổi kết nối.
 - > Xe của bạn đang được kết nối Internet thông qua điện thoại đã kết nối Bluetooth.

ⓘ LƯU Ý
Điện thoại và nhà mạng phải hỗ trợ chia sẻ kết nối (chia sẻ kết nối Internet) và thuê bao phải bao gồm dữ liệu.

ⓘ LƯU Ý
Khi sử dụng Apple CarPlay, chỉ có thể kết nối xe với Internet bằng Wi-Fi hoặc modem xe*

Thông tin liên quan

- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Kết nối xe với Internet thông qua một modem xe (thẻ SIM) (trang 538)
- Kết nối điện thoại với xe thông qua Bluetooth lần đầu tiên (trang 528)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại (Wi-Fi) (trang 538)
- Apple® CarPlay®* (trang 522)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)
- Cài đặt thiết bị Bluetooth (trang 536)

Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại (Wi-Fi)

Tạo kết nối Internet thông qua Wi-Fi bằng cách chia sẻ kết nối của điện thoại và truy cập dịch vụ trực tuyến trong xe.

1. Đảm bảo điện thoại của bạn hỗ trợ chia sẻ kết nối và chức năng này được bật. Chức năng này được gọi là "chia sẻ kết nối" trong điện thoại iPhone và "điểm phát sóng cá nhân" trong điện thoại Android. Với iPhone, trang menu "chia sẻ kết nối" cũng phải được mở cho đến khi đã thiết lập kết nối Internet.
2. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
3. Ấn **Communication (Giao tiếp) → Wi-Fi**.
4. Bật/tắt bằng cách chọn/bỏ chọn ô **Wi-Fi**.
5. Nếu đã sử dụng một nguồn kết nối khác, xác nhận tùy chọn thay đổi kết nối.
6. Chạm nhẹ vào tên mạng của mạng cần kết nối.
7. Nhập mật khẩu mạng.
 - > Xe kết nối với mạng.

Lưu ý, một số điện thoại tắt chia sẻ kết nối sau khi ngắt kết nối với xe, ví dụ, khi rời khỏi xe và cho đến lần sử dụng tới. Chia sẻ kết nối trong điện thoại cần được bật lại khi sử dụng lần tới.

Khi điện thoại được kết nối với xe, nó được lưu để sử dụng trong tương lai. Để hiển thị danh sách mạng đã lưu hoặc xóa thủ công mạng đã lưu, truy cập **Settings (Cài đặt) → Communication (Giao tiếp) → Wi-Fi → Saved networks (Mạng đã lưu)**.

ⓘ LƯU Ý

Điện thoại và nhà mạng phải hỗ trợ chia sẻ kết nối (chia sẻ kết nối Internet) và thuê bao phải bao gồm dữ liệu.



Các yêu cầu kỹ thuật và an toàn với kết nối Wi-Fi được mô tả trong mục riêng.

Thông tin liên quan

- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Gỡ mạng Wi-Fi (trang 541)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)
- Công nghệ và bảo mật của Wi-Fi (trang 542)

Kết nối xe với Internet thông qua một modem xe (thẻ SIM)

Với xe trang bị Volvo On Call*, có thể thiết lập kết nối Internet thông qua modem xe và thẻ SIM cá nhân (P-SIM).

Khi xe được kết nối Internet thông qua modem xe, dịch vụ Volvo On Call sẽ sử dụng kết nối này.

1.



Lắp thẻ SIM cá nhân vào khe.

2. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
3. Ấn **Communication (Giao tiếp) → Car Modem Internet (Internet Modem Xe)**.
4. Bật/tắt bằng cách chọn/bỏ chọn ô **Car Modem Internet (Internet Modem Xe)**.

5. Nếu đã sử dụng một nguồn kết nối khác, xác nhận tùy chọn thay đổi kết nối.
6. Nhập mã PIN của thẻ SIM.
 - > Xe kết nối mạng.

Thông tin liên quan

- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)
- Cài đặt modem xe (trang 539)

Cài đặt modem xe⁴

Xe được trang bị một modem có thể được sử dụng để kết nối xe với Internet. Cũng có thể chia sẻ kết nối Internet thông qua Wi-Fi.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Communication (Giao tiếp) ➔ Car Modem Internet (Internet Modem Xe)**.

- **Car modem Internet (Internet Modem Xe)** - lựa chọn sử dụng modem xe làm kết nối Internet.
- **Data usage (Sử dụng dữ liệu)** - chạm nhẹ vào **Reset (Cài đặt lại)** để cài đặt lại bộ đếm lưu lượng dữ liệu đã nhận và gửi.
- **Network (Mạng)**
Select network operator (Lựa chọn nhà mạng) - lựa chọn tự động hoặc thủ công nhà mạng.
Data roaming (Chuyển vùng dữ liệu quốc tế) - nếu chọn ô này, modem xe sẽ thử kết nối Internet khi xe ở nước ngoài và nằm ngoài mạng chủ. Lưu ý, điều này có thể làm tăng nhiều cước. Kiểm tra thỏa thuận chuyển vùng quốc tế về lưu lượng dữ liệu ở nước ngoài với nhà mạng của bạn ở trong nước.

- **SIM card PIN (PIN Thẻ SIM)**
Change PIN (Đổi PIN) - có thể nhập tối đa 4 ký tự.
Disable PIN (Tắt PIN) - lựa chọn mã PIN được yêu cầu để truy cập thẻ SIM.
- **Send request code (Gửi mã yêu cầu)** - được sử dụng để, ví dụ, nạp hoặc kiểm tra số dư trên thẻ trả trước. Chức năng phụ thuộc vào nhà cung cấp.

Thông tin liên quan

- Kết nối xe với Internet thông qua một modem xe (thẻ SIM) (trang 538)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)

⁴ Chỉ áp dụng với xe có Volvo On Call.

Chia sẻ truy cập Internet từ xe thông qua một điểm phát sóng Wi-Fi

Khi xe trực tuyến, kết nối Internet có thể được chia sẻ để cho phép thiết bị khác sử dụng kết nối Internet⁵.



Nhà mạng (thẻ SIM) phải hỗ trợ chia sẻ kết nối (chia sẻ kết nối Internet).

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Communication (Giao tiếp) → Car Wi-Fi Hotspot (Điểm phát sóng Wi-Fi của Xe)**.
3. Chạm nhẹ vào **Network name (Tên mạng)** và đặt tên kết nối đã chia sẻ.
4. Chạm nhẹ vào **Password (Mật khẩu)** và lựa chọn mật khẩu cần nhập trên thiết bị kết nối.
5. Chạm nhẹ vào **Frequency band (Dải tần)** và lựa chọn tần số mà điểm phát sóng truyền tải dữ liệu. Lưu ý, không có lựa chọn dải tần ở tất cả các quốc gia.
6. Bật/tắt bằng cách chọn/bỏ chọn ô **Car Wi-Fi Hotspot (Điểm phát sóng Wi-Fi của Xe)**.
7. Nếu đã sử dụng Wi-Fi làm một nguồn kết nối, xác nhận tùy chọn thay đổi kết nối.
 - > Hiện thiết bị bên ngoài có thể kết nối với chức năng chia sẻ kết nối của xe (điểm phát sóng Wi-Fi).

ⓘ LƯU Ý
Việc bật điểm phát sóng Wi-Fi có thể phát sinh thêm cước từ nhà mạng. Liên hệ nhà mạng của bạn về cước lưu lượng dữ liệu.

Trạng thái kết nối được báo bằng biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm.

Ấn **Connected devices (Thiết bị đã kết nối)** để xem danh sách các thiết bị đã kết nối gần đây.

Thông tin liên quan

- Biểu tượng trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm (trang 120)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)

⁵ Không áp dụng khi xe trực tuyến thông qua Wi-Fi.

Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết nối Internet.

Lượng dữ liệu được truyền tải phụ thuộc vào dịch vụ hoặc ứng dụng đang sử dụng trong xe, ví dụ, việc phát âm thanh có thể cần nhiều dữ liệu, kết nối mạnh và tín hiệu tốt.

Điện thoại với xe

Tốc độ kết nối Internet có thể khác nhau, tùy thuộc vào vị trí của điện thoại trong xe. Di chuyển điện thoại gần hơn với màn hình trung tâm để tăng độ mạnh của tín hiệu. Đảm bảo rằng không có nguồn gây nhiễu giữa chúng.

Điện thoại với nhà mạng

Tốc độ của mạng di động khác nhau, tùy thuộc vào phạm vi phủ sóng ở vị trí hiện tại. Phạm vi phủ sóng kém có thể xảy ra, ví dụ, khi trong đường hầm, miền núi, thung lũng sâu hoặc trong nhà. Tốc độ cũng phụ thuộc vào hợp đồng của bạn với nhà mạng.

LƯU Ý

Trong trường hợp xảy ra vấn đề với lưu lượng dữ liệu, liên hệ nhà mạng.

Khởi động lại điện thoại

Nếu có vấn đề với kết nối Internet, có thể hữu ích khi khởi động lại điện thoại.

Thông tin liên quan

- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Công nghệ và bảo mật của Wi-Fi (trang 542)

Gỡ mạng Wi-Fi

Gỡ mạng không sử dụng.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **Communication (Giao tiếp) → Wi-Fi → Saved networks (Mạng đã lưu)**.
3. Chạm nhẹ vào **Forget (Quên)** dọc mạng cần được gỡ.
4. Xác nhận lựa chọn.
 - > Xe sẽ không còn kết nối với mạng trong tương lai.

Gỡ tất cả các mạng

Tất cả các mạng đều có thể được gỡ đồng thời bằng cách khôi phục lại cài đặt gốc. Vui lòng lưu ý, tất cả dữ liệu người dùng và cài đặt hệ thống được cài đặt lại thành cài đặt gốc.

Thông tin liên quan

- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Không có kết nối Internet hoặc kết nối Internet kém (trang 541)
- Cài đặt lại cài đặt trong màn hình trung tâm (trang 130)
- Kết nối xe với Internet thông qua một điện thoại (Wi-Fi) (trang 538)

Công nghệ và bảo mật của Wi-Fi

Các loại mạng có thể kết nối.

Chỉ có thể kết nối với các loại mạng sau:

- Tần số - 2,4 hoặc 5 GHz⁶.
- Tiêu chuẩn - 802.11 a.b/g/n.
- Loại bảo mật - WPA2-AES-CCMP.

Hệ thống Wi-Fi của xe được thiết kế để xử lý thiết bị Wi-Fi bên trong xe.

Nếu một số thiết bị cùng lúc vận hành trên tần số đó, hiệu năng của chúng có thể giảm.

Thông tin liên quan

- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu

Lần đầu khởi động một số dịch vụ và ứng dụng, cửa sổ popup có đề mục **Terms and conditions (Các điều khoản và điều kiện)** và **Data sharing (Chia sẻ dữ liệu)** có thể được hiển thị.

Mục đích là để thông báo về các điều khoản, điều kiện và chính sách chia sẻ dữ liệu cả người dùng Volvo. Bằng cách chấp nhận chia sẻ dữ liệu, người dùng chấp nhận rằng một số thông tin được gửi từ xe. Điều này được yêu cầu để một số dịch vụ và ứng dụng có thể hoạt động hết công suất.

Chia sẻ

dữ liệu có thể được cài đặt từ menu cài đặt của màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt chia sẻ dữ liệu (trang 542)

Bật và tắt chia sẻ dữ liệu

Chia sẻ dữ liệu cho dịch vụ và ứng dụng được yêu cầu có thể được cài đặt trong menu cài đặt của màn hình trung tâm.

1. Ấn **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng.
2. Ấn **System (Hệ thống)** ➔ **Privacy and data (Quyền riêng tư và dữ liệu)**.
3. Lựa chọn bật hoặc tắt chia sẻ dữ liệu cho dịch vụ riêng và tắt cả ứng dụng.

ⓘ LƯU Ý

Sau khi đến gara của Volvo, bạn có thể cần bật lại chia sẻ dữ liệu để các dịch vụ và ứng dụng trực tuyến hoạt động lại.

Thông tin liên quan

- Điều khoản và điều kiện sử dụng và chia sẻ dữ liệu (trang 542)

⁶ Không có lựa chọn tần số ở tất cả thị trường.

Dung lượng lưu trữ trên đĩa cứng

Có thể xem có bao nhiêu dung lượng trống trên đĩa cứng của xe.

Thông tin lưu trữ của đĩa cứng của xe, bao gồm tổng dung lượng, dung lượng có sẵn và dung lượng được sử dụng cho ứng dụng đã cài đặt có thể được hiển thị. Thông tin có sẵn dưới **Settings (Cài đặt) → System (Hệ thống) → System Information (Thông tin Hệ thống) → Storage (Lưu trữ)**.

Thông tin liên quan

- Ứng dụng (trang 502)

Thỏa thuận bản quyền âm thanh và phương tiện giải trí

Thỏa thuận bản quyền là một thỏa thuận về quyền thực hiện một số hoạt động hoặc quyền sử dụng quyền lợi của một số người theo các điều khoản và điều kiện trong thỏa thuận. Nội dung dưới đây là thỏa thuận của Volvo với nhà sản xuất hoặc nhà phát triển.

Bowers & Wilkins



Bowers & Wilkins và B&W là nhãn hiệu của B&W Group Ltd. Nautilus là nhãn hiệu của B&W Group Ltd. Kevlar là nhãn hiệu đã đăng ký của DuPont.

Dirac Unison®



Dirac Unison đồng tối ưu hóa loa theo tần số, thời gian và không gian để tích hợp và làm trong âm trầm. Nó có thể đem đến những âm thanh chân thực ở những nơi trình diễn cụ thể. Sử dụng thuật toán nâng cao, Dirac Unison điều khiển kỹ thuật số tất cả các loa dựa trên việc đo lường âm thanh có độ chính xác cao. Giống với nhạc trưởng của dàn nhạc, nó đảm bảo loa tạo ra âm thanh đồng nhất và hoàn hảo.

DivX®



DivX®, Chứng nhận DivX® và logo liên quan và nhãn hiệu thuộc DivX, LLC và được sử dụng theo bản quyền.

Thiết bị có Chứng nhận DivX® có thể phát lại tập tin video DivX® Home Theater lên đến 576p (bao gồm .avi, .divx). Tải xuống phần mềm miễn phí tại www.divx.com để tạo, phát lại và phát video kỹ thuật số.

VỀ VIDEO THEO YÊU CẦU CỦA DIVX: Thiết bị có Chứng nhận DivX® này phải được đăng ký để phát lại phim Video theo Yêu cầu (VOD) của DivX đã mua. Nhận mã đăng ký bằng cách đưa mục DivX VOD vào menu cài đặt của thiết bị. Truy cập vod.divx.com để biết thêm thông tin về cách hoàn thành đăng ký.

Sổ bằng sáng chế

Được bảo hộ bởi một hoặc nhiều bằng sáng chế sau của Hoa Kỳ. 7,295,673; 7,460,668; 7,515,710; 8,656,183; 8,731,369; RE45,052.

Gracenote*



Phần nội dung là bản quyền © của Graenote hoặc nhà cungcaaps.

Gracenote, logo Gracenote và hình ảnh logo "Powered by Gracenote" và Gracenote Music ID là nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Gracenote, Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Thỏa thuận Bản quyền Người dùng Cuối của Gracenote®

Chương trình hoặc thiết bị này chứa phần mềm từ Gracenotte, Inc., Emeryville, California, Hoa Kỳ ("Gracenote"). Phần mềm từ Gracenote ("phần mềm Gracenote") kích hoạt chương trình này để nhận dạng đĩa và/hoặc tập tin và nhận thông tin liên quan đến âm nhạc, bao gồm tên, nhạc sĩ, bản nhạc và tiêu đề ("dữ liệu Gracenote") từ máy chủ trực tuyến hoặc cơ sở dữ liệu nhúng (gọi chung là "máy chủ Gracenote") và để thực hiện các hành động khác. Bạn chỉ có thể sử dụng dữ liệu Gracenote theo chức năng người dùng cuối cho chương trình hoặc thiết bị này.

Bạn đồng ý chỉ sử dụng dữ liệu Gracenote, phần mềm Gracenote và máy chủ Gracenote cho mục đích cá nhân phi thương mại. Bạn đồng không chuyển giao, sao chép, chuyển nhượng hoặc phân phát phần mềm Gracenote này hoặc bất cứ dữ liệu Gracenotte nào cho bất cứ bên thứ ba nào. **BẠN ĐỒNG Ý KHÔNG SỬ DỤNG HOẶC KHAI THÁC DỮ LIỆU GRACENOTE, PHẦN MỀM GRACENOTE HOẶC MÁY CHỦ GRACENOTE, TRỪ KHI ĐƯỢC CHO PHÉP TRỰC TIẾP TRONG THỎA THUẬN NÀY.**

Bạn đồng ý rằng quyền sử dụng không độc quyền về phần mềm Gracenote và máy chủ Gracenote

sẽ hết hiệu lực nếu bạn vi phạm các hạn chế này. Nếu bản quyền của bạn hết hiệu lực, bạn đồng ý dừng tất cả hoạt động sử dụng dữ liệu Gracenote, phần mềm Gracenote và máy chủ Gracenote, bao gồm tất cả quyền sở hữu. Trong mọi trường hợp, Gracenote sẽ không có nghĩa vụ thanh toán cho bất cứ thông tin nào bạn cung cấp. Bạn đồng ý rằng Gracenote, Inc có thể thực hiện quyền của công ty theo thỏa thuận này với bạn nhân danh trực tiếp công ty.

Dịch vụ Gracenote sử dụng hệ thống nhận dạng duy nhất để theo dõi các câu hỏi nhằm mục đích thống kê. Mục đích của hệ thống nhận dạng số được chỉ định ngẫu nhiên là để dịch vụ Gracenote đếm các câu hỏi mà không cần biết bất cứ điều gì về việc bạn là ai. Thông tin bổ sung có trên trang web chính sách về quyền riêng tư của dịch vụ Gracenote.

Phần mềm Gracenote và tất cả những thứ được đưa vào dữ liệu Gracenote đều được cấp phép cho bạn "theo đúng bản chất của nó". Gracenote không đảm bảo trực tiếp hay gián tiếp về tính chính xác của dữ liệu Gracenote có trong máy chủ Gracenote. Gracenote có quyền xóa dữ liệu khỏi máy chủ Gracenote hoặc thay đổi danh mục dữ liệu vì bất cứ lý do gì mà Gracenote cho là cần thiết. Không có đảm bảo về việc phần mềm Gracenote hoặc máy chủ Gracenote không mắc lỗi hoặc phần mềm Gracenote hoặc máy chủ Gracenote sẽ hoạt động mà không bị gián đoạn.

Gracenote không có nghĩa vụ cung cấp cho bạn các loại hoặc danh mục dữ liệu mới, cải tiến hoặc bổ sung mà Gracenote có thể cung cấp trong tương lai và công ty có quyền dừng dịch vụ của mình vào bất cứ lúc nào.

GRACENOTE KHUẾC TỪ TẤT CẢ ĐẢM BẢO, BẤT KỂ TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, QUYỀN SỞ HỮU VÀ KHÔNG VI PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ. GRACENOTE KHÔNG ĐẢM BẢO KẾT QUẢ THU ĐƯỢC THÔNG QUA VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM GRACENOTE HOẶC MÁY CHỦ GRACENOTE. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, GRACENOTE SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH HỆ QUA HOẶC BẤT CỨ KHOẢN LỖ LỢI NHUẬN HOẶC DOANH THU NÀO.

© Gracenote, Inc. 2009

Phần mềm Sensus

Phần mềm này sử dụng một phần nguồn từ clib2 và Prex Embedded Real-time OS - Source (Bản quyền (c) 1982, 1986, 1991, 1993, 1994) và Quercus Robusta (Bản quyền (c) 1990, 1993), Hội đồng Quản trị Đại học California. Tất cả hoặc một số phần là từ các tài liệu được American Telephone and Telegraph Co. hoặc Unix System Laboratories, Inc. cấp phép cho Đại học California và được sao chép trong tài liệu này với sự cho phép của UNIX System Laboratories, Inc.



Cho phép tái phân phối và sử dụng dưới dạng nguồn và nhị phân, có hoặc không có chỉnh sửa, miễn là đáp ứng các điều kiện sau: Việc tái phân phối mã nguồn phải có thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới. Việc tái phân phối dưới dạng nhị phân phải sao chép thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới trong văn bản và/hoặc tài liệu được cung cấp khi phân phối. Tên của <TỔ CHỨC> và tên của cộng tác viên đều không thể được sử dụng để xác nhận hoặc quảng bá sản phẩm có nguồn gốc từ phần mềm này khi chưa có sự cho phép cụ thể bằng văn bản. **PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC NGƯỜI NẤM GIỮ BẢN QUYỀN VÀ CỘNG TÁC VIÊN CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIỂU THỤ VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, NGƯỜI NẤM GIỮ BẢN QUYỀN HOẶC CỘNG TÁC VIÊN ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, VÔ Ý, ĐẶC BIỆT, NGOẠI LỆ HOẶC HỆ QUẢ (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN VỚI VIỆC MUA HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) GÂY RA BỞI VÀ TỪ NGHIÑA VỤ, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC CAM KẾT (BAO GỒM THIẾU SÓT HOẶC VI PHẠM KHÁC) PHÁT SINH TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, KỂ CẢ KHI ĐÃ BIẾT VỀ KHẢ NĂNG XÂY RA THIẾT HẠI ĐÓ.**

Phần mềm này dựa trên một phần công việc của Independent JPEG Group.

Phần mềm này sử dụng phần nguồn từ "libtess". Mã Gốc là OpenGL Sample Implementation, Phiên bản 1.2.1, phát hành ngày 26 tháng 01 năm 2000, được phát triển bởi Silicon Graphics, Inc. Mã Gốc thuộc Bản quyền (c) 1991 - 2000 Silicon Graphics, Inc. Bản quyền về bất cứ phần nào được bên thứ ba tạo ra đều được trình bày trong tài liệu này. Mọi Quyền lợi đều được Bảo lưu. Bản quyền (C) [1991 - 2000] Silicon Graphics, Inc. Mọi Quyền lợi đều được Bảo lưu.

Thỏa thuận bản quyền này cấp phép miễn phí cho bất cứ người nào có bản sao của phần mềm này và tập tin tài liệu liên quan ("Phần mềm") sử dụng Phần mềm, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng, sao chép, chỉnh sửa, hợp nhất, xuất bản, phân phối, cấp phép lại và/hoặc bán Phần mềm và cho phép người được cung cấp Phần mềm thực hiện các quyền đó, theo điều kiện sau: Thông báo bản quyền ở trên bao gồm ngày công bố lần đầu và thông báo cấp phép này hoặc dẫn chiếu đến <http://oss.sgi.com/projects/FreeB> sẽ phải được đưa vào tất cả bản sao hoặc các bộ phận quan trọng của Phần mềm.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO DƯỚI BẤT CỨ HÌNH THỨC NÀO, TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIỂU THỤ,

SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, QUYỀN SỞ HỮU VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, SILICON GRAPHICS, INC. KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI HOẶC NGHIÑA VỤ NÀO KHÁC, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC TÀI LIỆU KHÁC, PHÁT SINH TỪ, TRONG HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN PHẦN MỀM HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HOẶC GIAO DỊCH KHÁC VỀ PHẦN MỀM. Trừ khi được đưa vào trong thông báo này, tên của Silicon Graphics, Inc. sẽ không được sử dụng trong quảng cáo hoặc quảng bá việc bán, sử dụng hoặc giao dịch khác về Phần mềm này khi chưa có sự ủy quyền từ trước bằng văn bản từ Silicon Graphics, Inc.

Phần mềm này dựa trên một phần công việc của FreeType Team.

Phần mềm này sử dụng các phần của Thư viện SSLeay: Bản quyền (C) 1995-1998 Eric Young (eay@cryptosoft.com). Mọi quyền lợi đều được bảo lưu.

Phần mềm Linux

Sản phẩm này chứa phần mềm được cấp phép theo Giấy phép Công cộng GNU (GPL) hoặc Giấy phép Công cộng Bên cho thuê GNU (LGPL) v.v...

Bạn có quyền mua, chỉnh sửa và phân phối mã nguồn của phần mềm GPL/LGPL.

Bạn có thể tải xuống miễn phí Mã Nguồn từ trang web sau: http://www.embeddedcarmultimedia.jp/linux/oss/download/TVM_8351_013.

Trang web cung cấp Mã Nguồn "Theo đúng bản chất của nó" và không bảo đảm dưới bất cứ hình thức nào.

Bằng cách tải xuống Mã Nguồn, bạn trực tiếp chịu tất cả rủi ro và trách nhiệm liên quan đến việc tải xuống và sử dụng Mã Nguồn và tuân thủ thỏa thuận người dùng đính kèm từng Mã Nguồn.

Vui lòng lưu ý, chúng tôi không thể trả lời tất cả câu hỏi liên quan đến mã nguồn.

camellia: 1.2.0

Bản quyền (c) 2006, 2007

NTT (Nippon Telegraph and Telephone Corporation).

Mọi quyền lợi đều được bảo lưu.

Cho phép tái phân phối và sử dụng dưới dạng nguồn và nhị phân, có hoặc không có chỉnh sửa, miễn là đáp ứng các điều kiện sau:

1. Việc tái phân phối mã nguồn phải có thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới ở dòng đầu tiên của tập tin này và không được chỉnh sửa..
2. Việc tái phân phối dưới dạng nhị phân phải sao chép thông báo bản quyền ở trên, danh sách điều kiện này và miễn trừ trách nhiệm ở dưới trong văn bản và/hoặc tài liệu được cung cấp khi phân phối.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC NTT CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO

MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, NTT KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, VÔ Ý, ĐẶC BIỆT, NGOẠI LỆ HOẶC HỆ QUẢ (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN VỚI VIỆC MUA HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN HOẶC GIÁN ĐOẠN KINH DOANH) GÂY RA BỐI VẠ TỪ NGHIÃ VỤ, BẤT KỂ TRONG HỢP ĐỒNG, THỎA THUẬN HOẶC CAM KẾT (BAO GỒM THIỂU SÓT HOẶC VI PHẠM KHÁC) PHÁT SINH TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, KỂ CẢ KHI ĐÃ BIẾT VỀ KHẢ NĂNG XÂY RA THIẾT HẠI ĐÓ.

Unicode: 5.1.0

THÔNG BÁO BẢN QUYỀN VÀ CẤP PHÉP

Bản quyền c 1991-2013 Unicode, Inc. Mọi quyền lợi đều được bảo lưu. Được phân phối theo các Điều khoản Sử dụng trong <http://www.unicode.org/copyright.html>. Thỏa thuận bản quyền này cấp phép miễn phí cho bất cứ người nào có bản sao của tập tin dữ liệu Unicode và bất cứ tài liệu liên quan nào ("Tập tin Dữ liệu") sử dụng trong Tập tin Dữ liệu hoặc Phần mềm, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng, sao chép, chỉnh sửa, hợp nhất, xuất bản, phân phối, cấp phép lại và/hoặc bản bản sao của Tập tin Dữ liệu hoặc Phần mềm và cho phép người được cung cấp Tập tin Dữ liệu hoặc Phần mềm thực hiện các quyền đó, miễn là (a) thông

báo bản quyền trên và thông báo cấp phép này có tất cả bản sao của Tập tin Dữ liệu hoặc Phần mềm, (b) tất cả hai thông báo bản quyền và thông báo cấp phép này đều có trong tài liệu liên quan và (c) có thông báo rõ ràng trong từng Tập tin Dữ liệu đã chỉnh sửa hoặc trong Phần mềm và trong tài liệu liên quan đến Tập tin Dữ liệu hoặc Phần mềm mà dữ liệu hoặc phần mềm đã được chỉnh sửa.

TẬP TIN DỮ LIỆU VÀ PHẦN MỀM ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NÓ" MÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO TRỰC TIẾP HAY GIÁN TIẾP, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐẢM BẢO VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM QUYỀN LỢI CỦA BÊN THỨ BA. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, NGƯỜI NẤM GIỮ BẢN QUYỀN HOẶC NGƯỜI NẤM GIỮ ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG THÔNG BÁO NÀY ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG HOẶC THIẾT HẠI NÀO MANG TÍNH ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC HỆ QUẢ HOẶC BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO PHÁT SINH TỪ VIỆC MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỖ LẠI NHUẬN, BẤT KỂ DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG, KHÔNG TUÂN THỦ HOẶC HÀNH ĐỘNG VI PHẠM KHÁC, PHÁT SINH TỪ HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG HOẶC THỰC HIỆN TẬP TIN DỮ LIỆU HOẶC PHẦN MỀM.

Trừ khi được đưa vào trong thông báo này, tên của người nắm giữ bản quyền sẽ không được sử dụng trong quảng cáo hoặc

ÂM THANH, PHƯƠNG TIỆN GIẢI TRÍ VÀ INTERNET

quảng bá việc bán, sử dụng hoặc giao dịch khác về Phần mềm này khi chưa có sự ủy quyền từ trước bằng văn bản của người nắm giữ bản quyền.

Cam kết Phù hợp

DECLARATION OF CONFORMITY
For

CE

Product: Audio-Visual Equipment (AV)

Model: PAV-01

Supplier: (Name) (Address) (City) (Country) (Postal Code)

Manufacturer: (Name) (Address) (City) (Country) (Postal Code)

Standard used for conformity	Conformity assessment
EMC Directive (2014/53/EU)	EMC Directive (2014/53/EU)
LVD Directive (2011/65/EU)	LVD Directive (2011/65/EU)
RoHS Directive (2011/65/EU)	RoHS Directive (2011/65/EU)

Signature of Supplier: (Signature) (Name) (Address) (City) (Country) (Postal Code)

Signature of Manufacturer: (Signature) (Name) (Address) (City) (Country) (Postal Code)

Quốc gia/Khu vực	
Brazil:	 Este equipamento opera em caráter secundário isto é, não tem direito a proteção contra interferência prejudicial, mesmo tipo, e não pode causar interferência a sistemas operando em caráter primário. Para consultas, visite: www.anatel.gov.br
EU:	 Nhà sản xuất: Mitsubishi Electric Corporation Sanda Works 2-3-33, Miwa, Thành phố Sanda, Hyogo, 669-1513, Nhật Bản Mitsubishi Electric Corporation theo đây cam kết rằng loại thiết bị vô tuyến này [Thiết bị Dẫn đường bằng Âm thanh] phù hợp với chỉ thị 2014/53/EU. Để biết thêm thông tin, truy cập support.volvocars.com.
Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất	

«

Quốc gia/Khu vực	
Kazakhstan:	 Tên mẫu: NR 0V Nhà sản xuất: Mitsubishi Electric Corporation Quốc gia xuất khẩu: Nhật Bản

Quốc gia/Khu vực	
Trung Quốc:	1. ■ 使用频率 2.4 - 2.4835 GHz ■ 等效全向辐射功率(EIRP). 天线增益 ~ 10dBi 时 ≤100 mW 或 ≤20 dBm ① ■ 最大功率谱密度. 天线增益 ~ 10dBi 时 ≤20 dBm / MHz(EIRP) ① ■ 载频容限 20 ppm ■ 带外发射功率(在 2.4-2.4835GHz 频段以外) ≤-80 dBm / Hz (EIRP) ■ 杂散发射(辐射)功率(对应载波±2.5 倍信道带宽以外). • ≤-36 dBm / 100 kHz (30 - 1000 MHz) • ≤-33 dBm / 100 kHz (2,4 - 2,4835 GHz) • ≤-40 dBm / 1 MHz (3,4 - 3,53 GHz) • ≤-40 dBm / 1 MHz (5,725 - 5,85 GHz) • ≤-30 dBm / 1 MHz (其它 1 - 12,75 GHz) 2. 不得擅自更改发射频率! 大功率功率(包括额外功率放大器), 不得擅自外接天线或改用其它发射天线- 3. 使用时不得对各种合法的无线电通信业口产生有害干扰-一旦发现有害干扰现象时, 应立即停止使用, 并采取有效措施消除干扰后方可继续使用- 4. 使用微功率无线电设备, 必须忍受各种无线电业口的干扰或工业! 科学及医疗应用设备的辐射干扰- 5. 不得在飞机和机场附近使用 DZ

Quốc gia/Khu vực	
Hàn Quốc:	B 급 기기 (가정용 방송통신기자재) 이 기기는 가정용(B 급) 전자파적합기기로서 주로 가정에서 사용하는 것을 목적으로 하며, 모든 지역에서 사용할 수 있습니다. 해당 무선설비는 전파혼신 가능성이 있으므로 인명안전과 관련된 서비스는 할 수 없습니다
Malaysia:	 Thiết bị này đã được chứng nhận theo Đạo luật Thông tin và Đa phương tiện 1998, Quy định Thông tin và Đa phương tiện (Tiêu chuẩn Kỹ thuật). Để truy xuất số seri của thiết bị, vui lòng truy cập (support.volvocars.com) và tìm kiếm "Kiểm tra Nhân SIRIM". Danh mục thiết bị: Thiết bị dẫn đường cho xe (Bluetooth) Mẫu: NR-0V Loại Chứng nhận Số: RBAY/18A/1015S(15-4067)

Quốc gia/Khu vực	
Mexico:	
Đài Loan:	低功率電波輻射性電機管理辦法 第十二條 經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司⁸商號或使用者均不得擅自 變更頻率⁹加大功率或變更原設計之特性及功能⁶ 第十四條 低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應 立即停用，改善至無干擾時方得繼續使用[^]前項合法通信，指依電信法規定作業之無線 電通信[^]低功率射頻電機須忍受合法通信或工業[^]科學及醫療用電波輻射性電機設備 之干擾⁶

Thông tin liên quan

- Âm thanh, phương tiện giải trí và Internet (trang 500)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Trình phát phương tiện giải trí (trang 511)
- Gracenote® (trang 515)
- Sensus - kết nối và giải trí trực tuyến (trang 34)

*Tùy chọn/phụ kiện.

ECALL

eCall⁷

Xe có thể phát hiện một tai nạn và tự liên hệ trung tâm cứu hộ khẩn cấp gần nhất.

Với xe không có Volvo On Call*, có hệ thống Pan-European eCall theo yêu cầu pháp luật của Châu Âu để phát báo động va chạm tự động và được hỗ trợ nhanh chóng trong các tình huống khẩn cấp

Thông tin liên quan

- Báo động va chạm tự động bằng eCall (trang 556)
- Hỗ trợ khẩn cấp bằng eCall (trang 556)
- Hỗ trợ Dọc đường (trang 557)

Báo động va chạm tự động bằng eCall⁸

Nếu xảy ra va chạm, xe sẽ tự động báo cáo việc này cho trung tâm cứu hộ khẩn cấp gần nhất để nhận được hỗ trợ khẩn cấp.

Khi hệ thống an toàn của xe được bật, ví dụ, trong trường hợp có tai nạn đủ nghiêm trọng để bật bộ căng dây đai an toàn hoặc túi khí, tín hiệu sẽ được tự động gửi đến trung tâm cứu hộ khẩn cấp gần nhất.

1. Một thông báo, chứa vị trí của xe⁹ v.v..., được gửi tự động từ xe đến trung tâm cứu hộ khẩn cấp.
2. Trung tâm cứu hộ khẩn cấp thiết lập liên lạc bằng lời nói với người lái xe và cố tìm hiểu phạm vi va chạm và nhu cầu giúp đỡ.
3. Trung tâm cứu hộ khẩn cấp gửi hỗ trợ cần thiết (cảnh sát, xe cứu thương, kéo xe v.v...).

Nếu không thể thiết lập liên lạc bằng lời nói, trung tâm cứu hộ khẩn cấp sẽ biết vị trí của xe và có thể hỗ trợ bằng hành động phù hợp.

Thông tin liên quan

- eCall (trang 556)
- Hỗ trợ khẩn cấp bằng eCall (trang 556)
- Hỗ trợ Dọc đường (trang 557)

Hỗ trợ khẩn cấp bằng eCall¹⁰

Ấn nút **SOS** để liên hệ với trung tâm bảo trì hoặc trung tâm cứu hộ khẩn cấp gần nhất trong tình huống khẩn cấp.

Để gọi hỗ trợ trong trường hợp ốm đau, mỗi nguy từ bên ngoài đối với xe hoặc hành khách, có thể gửi báo động cho trung tâm cứu hộ khẩn cấp gần nhất bằng cách ấn nút **SOS** trong ít nhất 2 giây. Trung tâm cứu hộ khẩn cấp được thông báo và được cung cấp vị trí của xe¹¹ v.v... và cố thiết lập liên lạc bằng lời nói với người lái để thống nhất về loại hỗ trợ cần thiết.

ⓘ LƯU Ý

Nút **SOS** chỉ được thiết kế để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp và chỉ được sử dụng trong trường hợp ốm đau, mỗi nguy từ bên ngoài đối với xe và hành khách. Nút **ON CALL** phải được sử dụng trong trường hợp xảy ra vấn đề với xe.

Thông tin liên quan

- eCall (trang 556)
- Báo động va chạm tự động bằng eCall (trang 556)
- Hỗ trợ Dọc đường (trang 557)

⁷ Áp dụng với một số thị trường.

⁸ Áp dụng với một số thị trường.

⁹ Áp dụng với một số thị trường.

¹⁰ Áp dụng với một số thị trường.

¹¹ Áp dụng với một số thị trường.

Hỗ trợ Dọc đường¹²

Gọi hỗ trợ nếu bạn gặp vấn đề với xe bằng ấn nút **ON CALL** trong nóc xe.

Ấn nút **ON CALL** trong nóc xe trong ít nhất 2 giây, ví dụ, nếu bạn bị thủng lốp xe, hết nhiên liệu hoặc hết ắc quy. Liên lạc bằng lời nói được thiết lập với công ty hỗ trợ dọc đường để có thể giúp gửi hỗ trợ đến xe.

Thông tin liên quan

- eCall (trang 556)
- Hỗ trợ khẩn cấp bằng eCall (trang 556)

¹² Áp dụng với một số thị trường.

BÁNH XE VÀ LỚP XE

BÁNH XE VÀ LỚP XE

Lốp xe

Cùng với nhiều chức năng khác, chức năng của lốp xe là chở tải trọng, tạo ra độ bám trên mặt đường, giảm xóc và bảo vệ bánh xe khỏi bị mòn.

Lốp xe có ảnh hưởng lớn đến đặc điểm lái xe. Loại lốp, kích thước, áp suất lốp và định mức tốc độ đóng vai trò quan trọng với cách xe hoạt động. Xe được gắn lốp theo nhãn dán thông tin lốp có trên trụ cửa hai bên phía người lái (giữa cửa phía trước và phía sau).

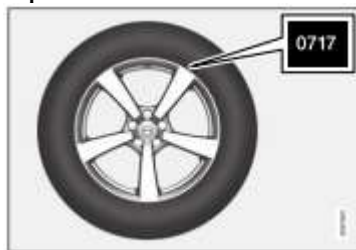
CẢNH BÁO

Lốp bị hỏng có thể làm mất khả năng điều khiển xe.

Lốp được khuyến cáo sử dụng

Khi được giao cho người lái, xe được trang bị lốp chính hãng của Volvo có nhãn VOL¹³ ở hai bên lốp. Trong trường hợp thay lốp, lốp mới cũng phải có nhãn này để duy trì đặc điểm lái xe, sự thoải mái và mức tiêu thụ nhiên liệu.

Lốp mới



Lốp xe nhanh bị hỏng. Sau vài năm, chúng bắt đầu bị bỏ cứng và đồng thời, khả năng/đặc điểm ma sát giảm dần. Vì lý do này, cô gắng thay lốp mới nhất có thể khi bạn thay chúng. Điều này đặc biệt quan trọng với lốp xe đi trong mùa đông. Bốn số cuối trong dãy số có nghĩa là tuần và năm sản xuất. Đây là nhãn DOT (Bộ Giao thông) của lốp và có bốn số, ví dụ, 0717, tương ứng với xe được sản xuất vào tuần 07, năm 2017.

Tuổi thọ của lốp

Tất cả các lốp có tuổi thọ quá 6 năm đều cần được chuyên gia kiểm tra kể cả khi chúng không có dấu hiệu hư hỏng hoặc chưa từng được sử dụng. Chức năng này có thể bị ảnh hưởng. Điều này áp dụng với tất cả các lốp được bảo quản để sử dụng trong tương lai. Ví dụ về các dấu hiệu bên ngoài

để nhận biết lốp không phù hợp để sử dụng là vết nứt hoặc mất màu.

Sử dụng lốp hiệu quả

- Duy trì áp suất phù hợp của lốp
- Tránh khởi động đột ngột, phanh gấp và để lốp kêu rít.
- Lốp xe nhanh bị mòn khi đi ở tốc độ cao.
- Góc đặt bánh xe
- Bánh xe không cân bằng làm giảm hiệu quả sử dụng lốp và sự thoải mái khi lái xe.
- Lốp xe phải có cùng hướng quay trong toàn bộ thời gian sử dụng của chúng.
- Khi bạn thay lốp, lốp có gai tốt nhất phải được lắp trên bánh sau để giảm nguy cơ thừa lái trong quá trình phanh gấp.
- Nếu bạn lái qua vĩa hè hoặc hố sâu, bạn có thể làm hỏng lốp và/hoặc mâm vĩnh viễn.

Quay lốp xe

Xe không có hướng quay lốp xe bắt buộc. Kiểu lái, áp suất lốp, điều kiện khí hậu và đường xá ảnh hưởng đến việc lốp xe nhanh chóng bị hư hỏng và mòn, thậm chí, áp suất lốp phù hợp còn dẫn đến độ mòn lốp cao hơn. Để tránh sự chênh lệch về độ sâu gân lốp và để ngăn chặn dấu hiệu ăn mòn hình thành trên lốp, bánh trước và bánh sau cần được đổi cho nhau. Khoảng cách phù hợp để đổi lần đầu là xấp xỉ 5000 km (xấp xỉ 3100 dặm) và tiếp theo là 10000 km (xấp xỉ 6200 dặm) một lần.

¹³ Có thể có sự chênh lệch về một số kích thước lốp.

Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để kiểm tra nếu bạn không chắc chắn về độ sâu gân lốp. Nếu đã xảy ra chênh lệch lớn về độ mòn (chênh lệch > 1 mm về độ sâu gân lốp) giữa các lốp, lốp bị mòn ít nhất phải được lắp ở phía sau. Thường dễ khắc phục thiếu lái hơn so với thừa lái và thiếu lái là xe tiếp tục đi về phía trước theo đường thẳng hơn là để xe trượt sang một bên, dẫn đến việc có thể hoàn toàn mất khả năng điều khiển xe. Đây là lý do tại sao tuyệt đối không để bánh sau mất độ bám đường trước bánh trước.

Bảo quản bánh xe và lốp xe

Khi bạn bảo quản bánh xe hoàn chỉnh (lốp xe được gắn trên mâm), chúng cần được treo lên hoặc đặt nằm lên hai bên của chúng trên sàn. Lốp không được gắn trên mâm phải được để nằm lên hai bên của chúng hoặc thẳng đứng nhưng không được treo lên.

❗ QUAN TRỌNG

Lốp xe cần được bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát và tối và tuyệt đối không được bảo quản gần dung môi, xăng, dầu v.v...

⚠ CẢNH BÁO

- Kích cỡ mâm và kích cỡ lốp cho chiếc xe Volvo của bạn được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về sự cân bằng và đặc điểm lái xe. Việc kết hợp kích cỡ mâm và kích cỡ lốp trái phép có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến sự cân bằng và đặc điểm lái xe.
- Tất cả hư hỏng bị gây ra do việc gắn kết hợp kích cỡ mâm và kích cỡ lốp trái phép đều không nằm trong phạm vi bảo hành xe mới. Volvo không chịu trách nhiệm về thương vong hoặc bất cứ chi phí nào bị gây ra do việc lắp đặt đó.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Hướng quay của lốp xe (trang 563)
- Dầu hiệu mòn gân lốp trên lốp (trang 563)
- Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 566)
- Bộ vá lốp khẩn cấp (trang 579)
- Ký hiệu kích thước lốp xe (trang 561)
- Loại bánh xe và lốp xe được chấp nhận (trang 678)
- Khuyến cáo khi chờ hàng (trang 593)

Ký hiệu kích thước lốp xe

Ký hiệu kích thước lốp xe, chỉ số tải trọng và định mức tốc độ.

Xe được cho phép sử dụng kết hợp các loại mâm và lốp xe.

Ký hiệu kích thước

Tất cả các lốp đều có ký hiệu kích thước như 235/60 R18 103 H.

235	Chiều rộng lốp (mm)
60	Tỷ lệ giữa chiều cao thành lốp và chiều rộng lốp (%)
R	Bố hướng tâm
18	Đường kính mâm theo inch
103	Mã tải trọng lốp tối đa cho phép, tỷ số tải trọng lốp (LI)
H	Định mức tốc độ tối đa cho phép, định mức tốc độ (SS). (Trong trường hợp này, là 210 km/giờ (130 m/giờ).)

Chỉ số tải trọng

Mỗi lốp xe có một khả năng chở tải trọng và một chỉ số tải trọng (LI). Trọng lượng của xe là cơ sở để tính khả năng chịu tải cần thiết của lốp.



Định mức tốc độ
Mỗi lớp xe có thể chịu được một tốc độ tối đa nhất định. Định mức tốc độ của lớp, SS (Biểu tượng Tốc độ), phải ít nhất tương ứng với tốc độ cao nhất của xe. Bảng dưới trình bày tốc độ tối đa cho phép của từng định mức tốc độ (SS). Ngoại lệ duy nhất của các quy định này là lớp xe đi trong mùa đông¹⁴, lớp này sử dụng định mức tốc độ thấp hơn. Nếu lựa chọn lớp đó, không được lái xe nhanh hơn định mức tốc độ của lớp (ví dụ, có thể lái xe có lớp loại Q ở tốc độ tối đa là 160 km/giờ (100 dặm/giờ)). Tốc độ lái xe cao nhất phụ thuộc vào điều kiện đường xá, không phải là định mức tốc độ của lớp.

LƯU Ý	
Tốc độ tối đa cho phép được trình bày trong bảng.	
Q	160 km/giờ (100 dặm/giờ) (chỉ sử dụng với lớp xe đi trong mùa đông)
T	190 km/giờ (118 dặm/giờ)
H	210 km/giờ (130 dặm/giờ)
V	240 km/giờ (149 dặm/giờ)
W	270 km/giờ (168 dặm/giờ)
Y	300 km/giờ (186 dặm/giờ)

 **CẢNH BÁO**

Chỉ số tải trọng (LI) cho phép thấp nhất của lớp và định mức tải trọng (SS) cho lớp xe của từng biến thể động cơ tương ứng được trình bày trong thông số kỹ thuật trong sách hướng dẫn sử dụng bản in. Nếu sử dụng lớp có chỉ số tải trọng hoặc định mức tốc độ quá thấp, lớp có thể bị quá nhiệt và hư hỏng.

Thông tin liên quan

- Lớp xe (trang 560)
- Ký hiệu kích thước mâm xe (trang 562)
- Loại bánh xe và lớp xe được chấp nhận (trang 678)
- Chỉ số tải trọng lớp cho phép thấp nhất và định mức tốc độ của lớp xe (trang 679)

Ký hiệu kích thước mâm xe

Bánh xe và mâm xe được ký hiệu theo ví dụ trong bảng dưới.

Xe được cho phép sử dụng kết hợp các loại mâm và lớp xe.

Tất cả mâm đều có ký hiệu kích thước, ví dụ, 8Jx18x42.5.

8	Chiều rộng mâm theo inch
J	Loại mặt bích mâm
18	Đường kính mâm theo inch
42,5	Khoảng cách bù theo mm (khoảng cách từ tâm bánh xe đến bề mặt tiếp xúc của bánh xe với trục bánh xe)

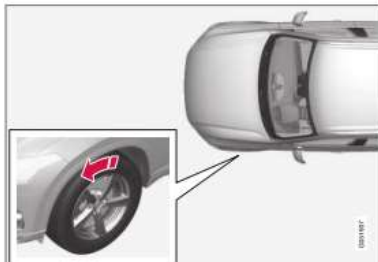
Thông tin liên quan

- Lớp xe (trang 560)
- Ký hiệu kích thước lớp xe (trang 561)
- Loại bánh xe và lớp xe được chấp nhận (trang 678)

¹⁴ Bao gồm loại có và không có chốt kim loại.

Hướng quay của lốp xe

Lốp xe có gân chỉ được thiết kế để quay theo một chiều có hướng quay được đánh dấu bằng mũi tên.



Mũi tên chỉ hướng quay của lốp xe.

- Lốp xe phải luôn quay cùng hướng trong toàn bộ thời gian sử dụng.
- Chỉ được đổi lốp trước và lốp sau cho nhau, tuyệt đối không đổi lốp bên trái và bên phải cho nhau và ngược lại.
- Nếu lốp được gắn không chính xác, đặc điểm phanh, khả năng phanh khi trời mưa và đi vào đoạn đường bùn sẽ bị ảnh hưởng xấu.
- Lốp có độ sâu gân lốp tốt nhất cần luôn được gắn vào phía sau xe (để giảm nguy cơ trượt).

ⓘ LƯU Ý

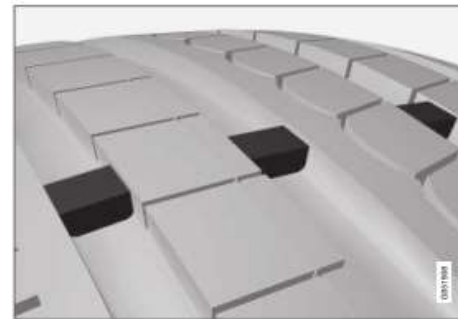
Đảm bảo hai cặp bánh xe đều có cùng loại và kích thước và cũng có cùng vật liệu chế tạo.

Thông tin liên quan

- Lốp xe (trang 560)

Dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp trên lốp

Dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp thể hiện trạng thái của độ sâu gân lốp.



Dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp là đoạn hẹp nhô lên dọc rãnh theo chiều dọc của gân lốp. Ở hai bên lốp chữ TWI (Dấu hiệu Nhận biết Mòn Gân lốp). Khi độ sâu gân lốp giảm xuống 1,6 mm (1/16 inch), gân lốp sẽ bằng với chiều cao của dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp. Thay lốp mới sớm nhất có thể. Nhớ rằng, lốp có độ sâu gân lốp thấp sẽ có độ bám đường rất kém khi trời mưa và tuyết rơi.

Thông tin liên quan

- Lốp xe (trang 560)

Kiểm tra áp suất lốp xe

Áp suất lốp phù hợp giúp cải thiện sự cân bằng khi lái xe, tiết kiệm nhiên liệu và kéo dài thời gian sử dụng của lốp.

Áp suất lốp giảm theo thời gian, đây là hiện tượng bình thường. Áp suất lốp cũng thay đổi tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường. Lái xe có áp suất lốp quá thấp có thể làm quá nhiệt và hư hỏng lốp. Áp suất lốp ảnh hưởng đến sự thoải mái khi di chuyển, tiếng ồn trên đường và đặc điểm lái xe.

Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Sử dụng áp suất lốp được khuyến cáo cho lốp mát để đạt hiệu năng hoạt động tối ưu của lốp và giảm thiểu tối đa độ mòn. Áp suất lốp quá thấp hoặc quá cao có thể gây ra độ mòn không đều trên lốp.



CẢNH BÁO

- Áp suất lốp quá thấp là nguyên nhân phổ biến nhất gây ra hư hỏng lốp và có thể dẫn đến các vết nứt lớn trên lốp, làm giảm khả năng bám đường của lốp và mất khả năng điều khiển xe và nguy cơ bị thương tích cao.
- Lốp có áp suất quá thấp làm giảm khả năng chịu tải của xe.

Lốp nguội

Phải kiểm tra áp suất lốp khi lốp nguội.

Lốp được coi là nguội khi có cùng nhiệt độ với không khí xung quanh.

Nhiệt độ này thường đạt được khi đã đỗ xe trong ít nhất ba giờ.

Sau khi đã lái xấp xỉ 1,6 km (1 dặm), lốp được coi là ấm. Nếu bạn phải lái xa hơn khoảng cách này để bơm lốp, kiểm tra và ghi áp suất lốp và bơm đến mức áp suất lốp phù hợp khi bạn đến trạm bơm.

Khi nhiệt độ bên ngoài thay đổi, áp suất lốp cũng thay đổi. Nhiệt độ giảm 10 độ làm áp suất lốp giảm 1 psi (7 kPa). Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên và điều chỉnh theo áp suất phù hợp ghi trên nhãn thông tin lốp xe hoặc nhãn chứng nhận.

Nếu bạn kiểm tra áp suất lốp khi lốp đang ấm, bạn tuyệt đối không được tháo hơi lốp. Lốp ấm do vừa lăn bánh và áp suất thường tăng cao hơn áp suất được khuyến cáo cho lốp mát. Lốp ấm có áp suất lốp bằng hoặc dưới khuyến cáo cho lốp mát có thể có áp suất quá thấp.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 566)
- Lốp xe (trang 560)

Điều chỉnh áp suất lốp xe

Áp suất lốp giảm theo thời gian, đây là hiện tượng bình thường. Vì lý do đó, phải điều chỉnh áp suất lốp để duy trì áp suất lốp được khuyến cáo.

Sử dụng áp suất lốp được khuyến cáo cho lốp mát để đạt hiệu năng hoạt động tối ưu của lốp và giảm thiểu tối đa độ mòn.

LƯU Ý

Để tránh áp suất lốp không phù hợp, cần kiểm tra áp suất lốp trên lốp mát. "Lốp nguội" có nghĩa là lốp có cùng nhiệt độ với nhiệt độ môi trường (xấp xỉ 3 giờ sau khi lái xe). Sau khi chạy vài kilomet, lốp ấm lên và áp suất tăng.

1. Tháo nắp khỏi van trên một lốp và ấn chặt đồng hồ đo áp suất lốp xuống dưới van.
2. Bơm lốp đến áp suất phù hợp, xem nhãn dán trên trụ cửa phía người lái có áp suất được khuyến cáo cho lốp lắp tại nhà máy.

3. Lắp lại nắp chống bụi.

LƯU Ý

- Sau khi đã bơm lốp, luôn lắp lại nắp chống bụi tránh hư hỏng van do sỏi, bụi v.v...
- Chỉ sử dụng nắp chống bụi bằng nhựa. Nắp chống bụi bằng kim loại có thể bị gỉ và khó tháo.

- Kiểm tra trực quan lốp xe xem có đinh hoặc đồ vật nào có thể làm thủng lốp và gây xì hơi không.
- Kiểm tra thành hai bên xem có lỗ, vết cắt, vết lõm hoặc dấu hiệu bất thường nào không.
- Lắp lại quy trình này cho tất cả các lốp, bao gồm cả lốp dự phòng*.

LƯU Ý

Nếu bạn bơm quá nhiều hơi, xả hơi bằng việc ấn vào chốt kim loại ở giữa van, tiếp theo, kiểm tra lại áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Một số lốp dự phòng cần áp suất lốp cao hơn các lốp khác. Kiểm tra trong bảng áp suất lốp hoặc trên nhãn áp suất lốp.

Thông tin liên quan

- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Bơm lốp xe bằng máy nén từ bộ và lốp xe (trang 583)
- Áp suất lốp được chấp nhận (trang 680)

Áp suất lốp xe được khuyến cáo

Nhãn áp suất lốp trên trụ cửa phía người lái (giữa khung và cửa sau) thể hiện áp suất mà lốp cần được bơm ở điều kiện tải trọng và tốc độ khác nhau.



Nhãn này hiển thị ký hiệu lốp được lắp tại nhà máy trên xe và giới hạn tải trọng cũng như áp suất lốp.

Tăng mức tiết kiệm nhiên liệu bằng áp suất ECO

Với tải trọng nhẹ (tối đa 3 người) và tốc độ 160 km/giờ (100 dặm/giờ), có thể lựa chọn áp suất ECO để tiết kiệm nhiên liệu tối ưu. Tuy nhiên, khuyến cáo sử dụng áp suất lốp thấp hơn nếu cần giảm tiếng ồn và sự thoải mái tối ưu khi di chuyển.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Áp suất lốp được chấp nhận (trang 680)

BÁNH XE VÀ LỚP XE

Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe*

Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe¹⁵ phát ra cảnh báo cùng với biểu tượng đèn báo trong màn hình người lái khi áp suất trong một trong các lốp xe quá thấp.

Biểu tượng	Giải thích
	Biểu tượng này sáng để báo áp suất lốp thấp. Nếu hệ thống gặp sự cố, biểu tượng cảnh báo áp suất lốp sẽ nhấp nháy trong xấp xỉ một phút và vẫn sáng.

Mô tả hệ thống

Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe đo chênh lệch về tốc độ quay giữa các bánh xe khác nhau thông qua hệ thống ABS để có thể xác định xem chúng có áp suất lốp phù hợp hay không. Nếu áp suất lốp quá thấp, thay đổi đường kính lốp và tốc độ quay của lốp sẽ thay đổi. Bằng việc so sánh các lốp xe với nhau, hệ thống có thể xác định một hoặc nhiều lốp có áp suất quá thấp.

Thông tin chung về hệ thống theo dõi lốp xe

Trong thông tin ở dưới, hệ thống theo dõi lốp xe được gọi chung là TPMS.

Mỗi lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng*, cần được kiểm tra một tháng một lần. Khi kiểm tra, lốp cần là lốp nguội và có áp suất khí được nhà sản xuất xe khuyến cáo trên nhãn áp suất lốp hoặc trong bảng áp suất lốp. Nếu lốp xe có kích thước khác với khuyến cáo của nhà sản xuất, tìm mức áp suất khí phù hợp cho các lốp này.

Là một tính năng an toàn bổ sung, hệ thống theo dõi áp suất lốp xe (TPMS) được trang bị cho xe để hiển thị áp suất khí của một hoặc nhiều lốp là quá thấp. Khi biểu tượng đèn báo áp suất thấp sáng, dừng xe và kiểm tra lốp sớm nhất có thể và bơm đến áp suất khí phù hợp.

Lái xe có áp suất lốp quá thấp có thể làm lốp bị quá nhiệt, có thể dẫn đến nổ lốp. Áp suất lốp thấp cũng làm giảm hiệu quả sử dụng nhiên liệu và thời gian sử dụng của lốp và có thể ảnh hưởng đến khả năng điều khiển và dừng xe. Lưu ý, TPMS không thay thế quá trình bảo dưỡng lốp thường xuyên. Người lái có trách nhiệm duy trì áp suất lốp phù hợp, kể cả khi chưa đạt giới hạn áp suất lốp thấp đủ để biểu tượng đèn báo sáng.

Xe cũng được trang bị đèn báo lỗi hệ thống TPMS để báo khi hệ thống không hoạt động chính xác. Đèn báo lỗi hệ thống TPMS được kết hợp với biểu tượng đèn báo cho áp suất lốp thấp.

Khi hệ thống phát hiện lỗi, biểu tượng trong màn hình người lái sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và tiếp tục sáng. Quy trình này sẽ được lặp lại khi khởi động xe cho đến khi lỗi đã được khắc phục. Khi biểu tượng này sáng, khả năng phát hiện hoặc cảnh báo áp suất lốp thấp của hệ thống có thể bị ảnh hưởng.

Lỗi hệ thống TPMS có thể xảy ra vì một số lý do như sau khi thay lốp dự phòng hoặc thay lốp xe hoặc bánh xe mà ngăn chặn TPMS hoạt động chính xác.

Luôn kiểm tra biểu tượng đèn báo TPMS sau khi thay một hoặc nhiều lốp xe để đảm bảo lốp xe hoặc bánh xe mới hoạt động chính xác với TPMS.

Thông báo trên bảng tập lái

Khi áp suất lốp quá thấp, biểu tượng đèn báo áp suất lốp thấp sáng trong màn hình người lái và thông báo được hiển thị.

- **Tyre pressure low Check tyres, calibrate after fill (Áp suất lốp thấp Kiểm tra lốp, căn chỉnh sau khi bơm)**
- **Tyre pressure system Temporarily unavailable (Hệ thống áp suất lốp tạm thời không có)**
- **Tyre pressure system Service required (Hệ thống áp suất lốp Cần bảo trì)**

Thông tin cần ghi nhớ

- Luôn căn chỉnh hệ thống sau khi thay bánh xe hoặc điều chỉnh áp suất lốp. Xem nhãn áp suất lốp trên trụ cửa phía người lái để biết áp suất lốp được khuyến cáo của Volvo.

¹⁵ Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp xe Gián tiếp (ITPMS).

- Nếu bạn thay lốp có kích thước khác với lốp được lắp tại nhà máy, hệ thống phải được căn chỉnh các lốp này để tránh cảnh báo sai.
- Nếu sử dụng lốp dự phòng*, hệ thống theo dõi áp suất lốp xe có thể không hoạt động chính xác do chênh lệch giữa các bánh xe.
- Hệ thống này không thay thế cho sự cần thiết của quá trình kiểm tra và bảo dưỡng lốp thường xuyên.
- Không thể tắt hệ thống theo dõi áp suất lốp xe.
- Căn chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 567)

**CẢNH BÁO**

- Áp suất lốp không phù hợp có thể dẫn đến lốp hoạt động kém hiệu quả, có thể làm người lái mất khả năng điều khiển xe.
- Hệ thống này không thể báo trước hư hỏng lốp đột ngột.

Thông tin liên quan

- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Xem trạng thái áp suất lốp xe trong màn hình trung tâm* (trang 569)
- Cách xử lý trong trường hợp có cảnh báo áp suất lốp xe thấp (trang 570)

Căn chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp xe*

Đề hệ thống theo dõi áp suất lốp xe¹⁶ hoạt động chính xác, phải xác định giá trị tham chiếu cho áp suất lốp. Phải thực hiện điều này mỗi lần thay lốp hoặc thay đổi áp suất lốp.

Ví dụ, khi lái xe có tải trọng nặng hoặc lái ở tốc độ cao trên 160 km/giờ (100 dặm/giờ), cần điều chỉnh áp suất lốp theo giá trị áp suất lốp được khuyến cáo của Volvo. Phải căn chỉnh hệ thống theo quy trình sau:

1. Tắt động cơ xe.
2. Bơm lốp đến áp suất phù hợp, xem nhãn dán trên trụ cửa phía người lái để biết áp suất khuyến cáo cho lốp xe được lắp tại nhà máy.
3. Khởi động xe.
4. Mở ứng dụng **Car Status (Trạng thái của Xe)** trong phản ứng dụng.



¹⁶ Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp xe Gián tiếp (ITPMS).

5. Ấn **TPMS**.



LƯU Ý

Xe phải đứng yên khi bắt đầu căn chỉnh.

6. Ấn **Calibrate (Căn chỉnh)**.

7. Chạm nhẹ vào **OK** để xác nhận áp suất lốp ở tất cả bốn lốp xe đều đã được kiểm tra và điều chỉnh.

8. Chạy xe cho đến khi hoàn thành căn chỉnh. Thực hiện căn chỉnh khi lái xe ở tốc độ trên 35 km/giờ (22 dặm/giờ). Nếu tắt hệ thống đánh lửa của xe trước khi hoàn thành căn chỉnh, lốp trong màn hình trung tâm đổi màu từ xám thành xanh lá cây sau khi khởi động lần tới, kể cả khi chưa hoàn thành căn chỉnh. Thực hiện lại căn chỉnh và hoàn thành căn chỉnh trong cùng chu kỳ vận hành để đảm bảo thực hiện căn chỉnh chính xác.

- > Khi đã thu thập đầy đủ dữ liệu để hệ thống phát hiện áp suất lốp thấp, lỗi trong màn hình trung tâm đổi màu từ xám thành xanh lá cây. Hệ thống không xác nhận thêm về việc hoàn thành căn chỉnh. Nếu quá trình bắt đầu căn chỉnh gặp lỗi, thông báo sau sẽ xuất hiện: **Calibration unsuccessful. Try again (Căn chỉnh không thành công. Thử lại)**.

LƯU Ý

Nhớ luôn căn chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp xe khi bạn đã thay bánh xe hoặc nếu đã thay đổi áp suất lốp xe theo nhãn áp suất lốp hoặc bằng áp suất lốp.

Nếu chưa cài đặt giá trị tham chiếu chính xác, hệ thống có thể không cảnh báo chính xác về áp suất lốp thấp.

Xe phải đang đứng yên khi động cơ chạy để bạn ấn nút căn chỉnh và bắt đầu quá trình căn chỉnh.

CẢNH BÁO

Khí thải chứa cacbon monoxit vô hình và không mùi nhưng có độc tính cao. Vì lý do này, phải luôn thực hiện căn chỉnh bên ngoài hoặc trong gara bằng hệ thống trích lọc khí thải.

Thông tin liên quan

- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Xem trạng thái áp suất lốp xe trong màn hình trung tâm* (trang 569)
- Cách xử lý trong trường hợp có cảnh báo áp suất lốp xe thấp (trang 570)
- Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 566)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Xem trạng thái áp suất lốp xe trong màn hình trung tâm*

Với hệ thống theo dõi áp suất lốp xe¹⁷, trạng thái áp suất lốp có thể được xem trong màn hình trung tâm.

Kiểm tra trạng thái

1. Mở ứng dụng **Car Status** trong phần ứng dụng.



2. Chạm nhẹ vào **TPMS** để hiển thị trạng thái của lốp.



Báo trạng thái

Hình ảnh đồ họa trong màn hình trung tâm hiển thị trạng thái của từng lốp¹⁸.



Lốp màu xanh lá cây:

- Áp suất lốp ở trên giá trị giới hạn để cảnh báo.

Lốp màu vàng:

- Áp suất lốp quá thấp. Dừng và kiểm tra/khắc phục áp suất lốp bằng cách bơm lốp sớm nhất có thể. Căn chỉnh hệ thống sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp.

Tất cả các lốp màu vàng:

- Áp suất quá thấp trong hai hoặc nhiều lốp. Dừng và kiểm tra/khắc phục áp suất lốp bằng cách bơm lốp sớm nhất có thể. Căn chỉnh hệ thống sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp.

Tất cả các lốp màu xám:

- Đang căn chỉnh.
- Trạng thái không rõ.

Cần lái vài phút ở tốc độ trên 35 km/giờ (22 dặm/giờ) để hệ thống hoạt động.

Tất cả các lốp màu xám và có một thông báo:

- **Tyre pressure system Temporarily unavailable (Hệ thống áp suất lốp tạm thời không có).** Biểu tượng đèn báo nhấp nháy và đổi thành sáng liên tục sau xấp xỉ 1 phút. Hệ thống đang không có, bật nhanh.
- **Tyre pressure system Service required (Hệ thống áp suất lốp Cần bảo trì).** Biểu tượng đèn báo nhấp nháy và đổi thành sáng liên tục sau xấp xỉ 1 phút. Hệ thống không hoạt động chính xác, liên hệ gara¹⁹.

Thông tin liên quan

- Căn chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 567)
- Cách xử lý trong trường hợp có cảnh báo áp suất lốp xe thấp (trang 570)
- Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 566)
- Trạng thái của xe (trang 608)

¹⁷ Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp xe Gián tiếp (ITPMS).

¹⁸ Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa. Bố cục có thể thay đổi, tùy thuộc vào mẫu xe hoặc phần mềm được cập nhật.

¹⁹ Khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Cách xử lý trong trường hợp có cảnh báo áp suất lốp xe thấp

Khi hệ thống áp suất lốp²⁰ cảnh báo áp suất lốp thấp, cần thực hiện xử lý.



Kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp khi biểu tượng đèn báo của hệ thống sáng và thông báo **Tyre pressure low** được hiển thị.

1. Tắt động cơ xe.
2. Kiểm tra áp suất lốp trong tất cả bốn lốp bằng đồng hồ đo áp suất.
3. Bơm lốp đến áp suất phù hợp, xem nhãn dán trên trụ cửa phía người lái để biết áp suất được khuyến cáo cho lốp được lắp tại nhà máy.
4. Thực hiện căn chỉnh hệ thống thông qua màn hình trung tâm sau khi điều chỉnh áp suất lốp.
Lưu ý, biểu tượng đèn báo không tắt cho đến khi đã khắc phục áp suất lốp thấp và đã thực hiện căn chỉnh mới.

ⓘ LƯU Ý

Để tránh áp suất lốp không phù hợp, cần kiểm tra áp suất lốp trên lốp nguội. "Lốp nguội" có nghĩa là lốp có cùng nhiệt độ với nhiệt độ môi trường (xấp xỉ 3 giờ sau khi lái xe). Sau khi chạy vài kilomet, lốp ấm lên và áp suất tăng.

ⓘ LƯU Ý

- Sau khi đã bơm lốp, luôn lắp lại nắp chống bụi tránh hư hỏng van do sỏi, bụi v.v...
- Chỉ sử dụng nắp chống bụi bằng nhựa. Nắp chống bụi bằng kim loại có thể bị gỉ và khó tháo.



CẢNH BÁO

- Áp suất lốp không phù hợp có thể dẫn đến lốp hoạt động kém hiệu quả, có thể làm người lái mất khả năng điều khiển xe.
- Hệ thống này không thể báo trước hư hỏng lốp đột ngột.

Thông tin liên quan

- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)

- Căn chỉnh hệ thống theo dõi áp suất lốp xe (trang 567)
- Xem trạng thái áp suất lốp xe trong màn hình trung tâm* (trang 569)
- Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 566)
- Bơm lốp xe bằng máy nén từ bộ vá lốp xe (trang 583)

²⁰ Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp xe Gián tiếp (ITPMS).

Khi thay bánh xe

Có thể thay bánh xe, ví dụ, thành bánh xe đi trong mùa đông hoặc bánh xe dự phòng. Tuân thủ hướng dẫn liên quan khi tháo và lắp bánh xe.

Khi thay thành một kích thước lốp khác

Kiểm tra xem kích thước lốp có được chấp nhận để sử dụng trên xe không.

Liên hệ gara được Volvo ủy quyền để cập nhật phần mềm mỗi lần thay đổi kích thước lốp. Có thể cần tải xuống phần mềm khi thay đổi thành kích thước lớn hơn và nhỏ hơn và khi đổi bánh xe đi trong mùa hè và bánh xe đi trong mùa đông cho nhau.

Thông tin liên quan

- Tháo bánh xe (trang 573)
- Lắp bánh xe (trang 575)
- Loại bánh xe và lốp xe được chấp nhận (trang 678)
- Bộ dụng cụ (trang 571)
- Bánh xe đi trong mùa đông (trang 577)
- Bánh xe dự phòng* (trang 576)
- Bu lông bánh xe (trang 572)

Bộ dụng cụ

Các dụng cụ có thể hữu ích trong quá trình kéo, thay bánh xe hoặc các công việc tương tự được đặt trong khoang hành lý của xe.



Khối xếp dưới sàn khoang hành lý chứa mắt kéo của xe, bộ vá lốp, dụng cụ để tháo nắp nhựa khỏi bu lông bánh xe và một đầu tuýp cho bu lông bánh xe có thể khóa được.

Nếu xe được trang bị bánh xe dự phòng*, sẽ có kích và cờ lê tháo bánh xe cũng như một gói găng tay dùng một lần và túi đựng bánh xe bị hỏng.

Thông tin liên quan

- Khi thay bánh xe (trang 571)
- Kích* (trang 571)

Kích*

Kích có thể được sử dụng để nâng xe lên, ví dụ, để thay bánh xe dự phòng*.



Hình ảnh chỉ là hình ảnh sơ đồ, phiên bản này có thể thay đổi.

① QUAN TRỌNG

- Khi không sử dụng kích, phải đặt nó ở vị trí bảo quản dưới sàn khoang hành lý.
- Kích đi kèm với xe chỉ được thiết kế để sử dụng không thường xuyên trong thời gian ngắn như khi thay bánh xe sau khi nổ lốp. Chỉ sử dụng mẫu kích chuyên dụng để nâng xe lên. Nếu cần nâng xe lên thường xuyên hơn hoặc cần thời gian dài hơn chỉ để thay bánh xe, khuyến cáo sử dụng kích của gara. Trong trường hợp này, tuân thủ hướng dẫn sử dụng đi kèm thiết bị đó.

Kích cần được quay đến đúng vị trí để có không gian.

Các mẫu xe tự cân bằng*

Nếu xe được trang bị tùy chọn giảm xóc hơi, chức năng này phải bị tắt trước khi nâng xe bằng kích.

Thông tin liên quan

- Bộ dụng cụ (trang 571)

Bu lông bánh xe

Bu lông bánh xe được sử dụng để gắn bánh xe vào trục bánh xe.

① QUAN TRỌNG

Phải siết chặt bu lông bánh xe bằng 140 Nm (103 ft. lbs). Siết quá chặt hoặc quá lỏng có thể làm hư hỏng đai ốc và bu lông.

Chỉ sử dụng mẫu đã được Volvo kiểm tra và chấp nhận và là phụ tùng chính hãng của Volvo. Kiểm tra momen xoắn của bu lông bánh xe bằng cờ lê lực.

Không sử dụng dầu bôi trơn trên ren của bu lông bánh xe.

⚠ CẢNH BÁO

Bu lông bánh xe có thể cần được siết chặt lại vài ngày sau khi thay. Chênh lệch nhiệt độ và rung động có thể làm các bu lông không được gắn chặt như nhau.

Khóa bu lông bánh xe*

Trong khối xếp dưới sàn khoang hành lý, có không gian chứa ống bọc bu lông bánh xe có thể khóa được.

Thông tin liên quan

- Tháo bánh xe (trang 573)
- Lắp bánh xe (trang 575)

Tháo bánh xe

Hướng dẫn tháo bánh xe khi thay bánh xe. Phải luôn thực hiện thay bánh xe một cách chính xác.

ⓘ QUAN TRỌNG

- Khi không sử dụng kích, phải đặt nó ở vị trí bảo quản dưới sàn khoang hành lý.
- Kích đi kèm với xe chỉ được thiết kế để sử dụng không thường xuyên trong thời gian ngắn như khi thay bánh xe sau khi nổ lốp. Chỉ sử dụng mẫu kích chuyên dụng để nâng xe lên. Nếu cần nâng xe lên thường xuyên hơn hoặc cần thời gian dài hơn chỉ để thay bánh xe, khuyến cáo sử dụng kích của gara. Trong trường hợp này, tuân thủ hướng dẫn sử dụng đi kèm thiết bị đó.

**CẢNH BÁO**

- Kéo phanh tay và cài đặt cần số ở vị trí Đỡ xe (P).
- Chém bánh xe đứng trên mặt đất bằng khúc gỗ cứng hoặc hòn đá to.
- Kiểm tra xem kích có bị hư hỏng không và ren có được bôi trơn toàn bộ và có sạch không.
- Kiểm tra xem kích có nằm trên bề mặt cứng, cân bằng, không trơn trượt và không bị nghiêng không.
- Phải gắn kích chính xác vào dầm kích.
- Tuyệt đối không đặt bất cứ thứ gì giữa mặt đất và kích và giữa kích và điểm nâng xe.
- Hành khách phải rời khỏi xe khi xe được nâng trên kích.
- Nếu phải thay bánh xe trên đường, hành khách phải đứng ở nơi an toàn.
- Sử dụng kích được thiết kế cho xe khi thay lốp. Sử dụng chân đỡ để cố định xe cho các công việc khác.
- Tuyệt đối không bò dưới xe hoặc một phần thân người dưới xe khi xe được nâng trên kích.

1. Dụng cụ tam giác cảnh báo và bật đèn cảnh báo nguy hiểm khi đang thay lốp trên đường.
2. Kéo phanh tay và gài số P.
Áp dụng cho các xe có **Hệ thống Kiểm soát Độ cân bằng***: Nếu xe được trang bị giảm xóc hơi, phải tắt hệ thống này trước khi nâng xe lên bằng kích*.
3. Lấy ra kích*, cờ lê tháo bánh xe* và dụng cụ tháo nắp nhựa cho bu lông bánh xe được gắn trong khối xốp.



Dụng cụ tháo nắp nhựa trên bu lông bánh xe.

4. Chém phía trước và phía sau các bánh xe mà vẫn đứng trên mặt đất, ví dụ, sử dụng khúc gỗ nặng hoặc hòn đá lớn.

BÁNH XE VÀ LỚP XE

5. Bắt vít mắt kéo với cờ lê tháo bánh xe* cho tới khi siết chặt theo hướng dẫn.



① QUAN TRỌNG

Phải bắt vít mắt kéo vào cờ lê tháo bánh xe* xa nhất có thể..

6. Tháo nắp nhựa khỏi bu lông bánh xe bằng dụng cụ chuyên dụng.
7. Khi xe vẫn đứng trên mặt đất, sử dụng cờ lê tháo bu lông bánh xe/mắt kéo để xoay lại bu lông bánh xe 1/2-1 vòng bằng việc ấn xuống phía dưới (ngược chiều kim đồng hồ).

8. Khi nâng xe, điều quan trọng là kích* hoặc tay nâng phải được đặt vào điểm gắn dưới gầm xe. Biểu hình tam giác trên nắp nhựa để bảo vệ vị trí các điểm kích/nâng. Có hai điểm kích trên mỗi bên của xe. Có một phần thụt vào để đặt kích tại mỗi điểm.



9. Đặt kích trên nền cân bằng, cứng và không trơn trượt dưới điểm kích sẽ được sử dụng.
10. Xoay cho đến khi nó thẳng hàng và tiếp xúc với điểm kích của xe. Kiểm tra để đảm bảo đầu kích (hoặc tay nâng tại gara) được đặt đúng vào vị trí kích để phân tải ở giữa đầu vừa khít với lỗ điểm kích và nền được đặt thẳng đứng dưới điểm kích.

11. Xoay kích để tay kích cách xa hai bên xe nhất có thể mà tại điểm đỡ, tay kích vuông góc với hướng của xe.
12. Nâng xe lên đủ cao để có thể di chuyển tự do bánh xe cần tháo. Tháo bu lông bánh xe và nhấc bánh xe ra.

Thông tin liên quan

- Cài đặt kiểm soát cân bằng* (trang 462)
- Khi thay bánh xe (trang 571)
- Nâng xe (trang 611)
- Kích* (trang 571)
- Bộ dụng cụ (trang 571)
- Lắp bánh xe (trang 575)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Lắp bánh xe

Hướng dẫn lắp bánh xe khi thay bánh xe.

LƯU Ý

Kích đi kèm với xe chỉ được thiết kế để sử dụng không thường xuyên trong thời gian ngắn như khi thay bánh xe sau khi nổ lốp. Chỉ sử dụng mẫu kích chuyên dụng để nâng xe lên. Nếu cần nâng xe lên thường xuyên hơn hoặc cần thời gian dài hơn chỉ để thay bánh xe, khuyến cáo sử dụng kích của gara. Trong trường hợp này, tuân thủ hướng dẫn sử dụng đi kèm thiết bị đó.

**CẢNH BÁO**

- Kéo phanh tay và cài đặt cần số ở vị trí Đỗ xe (P).
- Chém bánh xe đứng trên mặt đất bằng khúc gỗ cứng hoặc hòn đá to.
- Kiểm tra xem kích có bị hư hỏng không và ren có được bôi trơn toàn bộ và có sạch không.
- Kiểm tra xem kích có nằm trên bề mặt cứng, cân bằng, không trơn trượt và không bị nghiêng không.
- Phải gắn kích chính xác vào dầm kích.
- Tuyệt đối không đặt bất cứ thứ gì giữa mặt đất và kích và giữa kích và điểm nâng xe.
- Hành khách phải rời khỏi xe khi xe được nâng trên kích.
- Nếu phải thay bánh xe trên đường, hành khách phải đứng ở nơi an toàn.
- Sử dụng kích được thiết kế cho xe khi thay lốp. Sử dụng chân đỡ để cố định xe cho các công việc khác.
- Tuyệt đối không bò dưới xe hoặc một phần thân người dưới xe khi xe được nâng trên kích.

1. Làm sạch các bề mặt giữa bánh xe và trục bánh xe.
2. Đặt bánh xe vào. Siết chặt tất cả các bu lông bánh xe.

Không sử dụng dầu bôi trơn trên ren của bu lông bánh xe.

3. Hạ xe xuống để tránh làm quay bánh xe.
4. Siết chặt các bu lông bánh xe theo đường chéo. Bu lông bánh xe phải được siết chặt chính xác. Siết chặt đến 140 Nm (103 ft.lbs). Kiểm tra momen xoắn bằng cờ lê lực.



5. Lắp lại các nắp nhựa lên bu lông bánh xe.



⚠ CẢNH BÁO
Bu lông bánh xe có thể cần được siết chặt lại vài ngày sau khi thay. Chênh lệch nhiệt độ và rung động có thể làm các bu lông không được gắn chặt như nhau.

- ℹ LƯU Ý**
- Sau khi đã bơm lốp, luôn lắp lại nắp chống bụi tránh hư hỏng van do sỏi, bụi v.v...
 - Chỉ sử dụng nắp chống bụi bằng nhựa. Nắp chống bụi bằng kim loại có thể bị gỉ và khó tháo.

Thông tin liên quan

- Cài đặt kiểm soát cân bằng* (trang 462)
- Khi thay bánh xe (trang 571)
- Nâng xe (trang 611)
- Kích* (trang 571)
- Bộ dụng cụ (trang 571)
- Tháo bánh xe (trang 573)

Bánh xe dự phòng*

Bánh xe dự phòng, Lốp Dự phòng Tạm thời, có thể được sử dụng để thay thế tạm thời bánh xe thông thường bị thủng.

Lốp dự phòng chỉ được thiết kế để sử dụng tạm thời. Thay bằng bánh xe thông thường sớm nhất có thể.

Đặc điểm lái xe có thể thay đổi khi sử dụng bánh xe dự phòng và giảm khoảng sáng gầm xe. Không rửa xe ở chế độ rửa xe tự động nếu đang sử dụng Phụ tùng Tạm thời.

Phải duy trì áp suất lốp được khuyến cáo, bất kể vị trí của bánh xe dự phòng tạm thời trên xe.

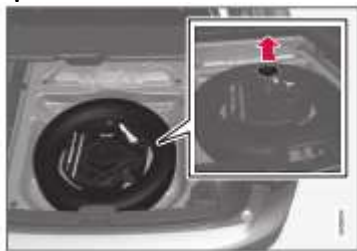
Nếu lốp dự phòng hỏng, có thể mua lốp dự phòng mới từ đại lý của Volvo.

- ⚠ CẢNH BÁO**
- Tuyệt đối không lái nhanh hơn 80 km/giờ (50 dặm/giờ) với xe có bánh xe dự phòng được gắn trên xe.
 - Tuyệt đối không được lái xe lắp nhiều hơn một bánh xe "Dự phòng Tạm thời".
 - Xe có thể có đặc điểm lái khác khi chạy bằng bánh xe dự phòng. Phải thay bánh xe dự phòng bằng bánh xe thông thường sớm nhất có thể.
 - Bánh xe dự phòng nhỏ hơn bánh xe thông thường, ảnh hưởng đến khoảng sáng gầm xe. Chú ý vỉa hè cao và không rửa xe bằng máy.
 - Tuân thủ áp suất lốp được khuyến cáo cho bánh xe dự phòng của nhà sản xuất.
 - Trên xe dẫn động bốn bánh toàn thời gian, có thể bỏ dẫn động trên trục sau.
 - Nếu lắp bánh xe dự phòng vào trục trước, không thể sử dụng xích đi trên tuyết đồng thời.
 - Không được sửa chữa bánh xe dự phòng.

❶ QUAN TRỌNG

Không được lái xe có kích cỡ lốp khác nhau hoặc có lốp dự phòng khác với lốp đi kèm xe. Sử dụng bánh xe có kích cỡ khác nhau có thể gây hư hỏng nghiêm trọng hệ thống truyền động của xe.

Vị trí



Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, hình dáng khối xốp có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe. Khối xốp chứa tất cả dụng cụ để thay bánh xe.

Thông tin liên quan

- Khi thay bánh xe (trang 571)
- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)

Lấy bánh xe dự phòng ra

Tuân thủ hướng dẫn thao tác bánh xe dự phòng.

1. Gập sàn khoang hành lý lên từ phía sau và về phía trước.
2. Tháo đinh vít giữ.
3. Lấy khối xốp có dụng cụ ra.
4. Lấy bánh xe dự phòng ra.

Bảo quản lốp bị thủng

1. Lấy túi bánh xe đựng trong khối xốp ra và đặt bánh xe vào túi.
2. Đặt lại dụng cụ vào đúng vị trí trong khối xốp và nâng lại vào xe.
3. Bắt vít khối xốp bằng đinh vít và gập sàn khoang hành lý xuống.
4. Đặt lốp bị thủng vào khoang hành lý.

Thông tin liên quan

- Bánh xe dự phòng* (trang 576)

Bánh xe đi trong mùa đông

Bánh xe đi trong mùa đông được điều chỉnh sao cho phù hợp với điều kiện đường xá mùa đông.

Volvo khuyến cáo sử dụng bánh xe đi trong mùa đông có kích thước riêng biệt. Kích thước lốp phụ thuộc vào biến thể động cơ. Khi lái xe có bánh xe đi trong mùa đông, phải lắp đúng loại lốp cho tất cả bốn bánh xe.

❶ LƯU Ý

Liên hệ đại lý của Volvo để được tư vấn về mẫu và loại lốp xe phù hợp nhất.

Hướng dẫn thay lốp xe thành lốp xe đi trong mùa đông

Khi thay bánh xe đi trong mùa hè và mùa đông, đánh dấu bên lắp bánh xe, ví dụ, **L** là bên trái và **R** là bên phải.

Lốp gắn đinh

Cần chạy lốp gắn đinh trong mùa đông ở đoạn đường 500 - 1000 km (300 - 600 dặm) để đinh cắm chặt vào lốp xe. Điều này làm tăng tuổi thọ lốp xe, đặc biệt là các mũ đinh.

❶ LƯU Ý

Quy định pháp luật về cách sử dụng lốp gắn đinh phụ thuộc vào từng quốc gia.



Độ sâu gân lốp

Khi đi trên đường phủ băng, tuyết và ở nhiệt độ thấp, lốp xe cần tuân thủ nhiều yêu cầu hơn so với lốp xe đi trong mùa hè. Volvo khuyến cáo không lái xe có lốp xe đi trong mùa đông có độ sâu gân lốp không nhỏ hơn 4 mm (0,15 inch).

Thông tin liên quan

- Khi thay bánh xe (trang 571)
- Lái xe trong mùa đông (trang 467)
- Dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp trên lốp (trang 563)

Xích đi trên tuyết

Sử dụng xích đi trên tuyết và/hoặc lốp xe đi trong mùa đông có thể giúp tăng lực kéo trong điều kiện mùa đông.

CẢNH BÁO

Sử dụng xích đi trên tuyết chính hãng của Volvo hoặc xích có thiết kế tương đương cho mẫu xe, kích thước lốp và mâm. Chỉ được phép sử dụng xích đi trên tuyết **một bên**. Trong trường hợp không chắc chắn về loại xích đi trên tuyết, vui lòng liên hệ gara được Volvo ủy quyền. Xích đi trên tuyết không đúng loại có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho xe và dẫn đến tai nạn.

QUAN TRỌNG

Có thể sử dụng xích đi trên tuyết với các hạn chế sau:

- Volvo không khuyến cáo sử dụng xích đi trên tuyết trên kích thước bánh xe lớn hơn 19 inch.
- Luôn tuân thủ cẩn thận hướng dẫn lắp đặt từ nhà sản xuất. Lắp xích căng nhất có thể và kéo căng xích thường xuyên.
- Chỉ được sử dụng xích đi trên tuyết ở bánh trước (cũng áp dụng với xe dẫn động bốn bánh toàn thời gian).
- Trong một số trường hợp, **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng xích đi trên tuyết như nếu lắp phụ kiện, lốp và bánh xe đã qua sử dụng hoặc "chuyên dụng" mà có kích cỡ khác với lốp và bánh xe chính hãng. Phải duy trì đủ khoảng cách giữa xích và phanh, giảm xóc và các bộ phận của thân xe.
- Kiểm tra quy định địa phương liên quan đến việc sử dụng xích đi trên tuyết trước khi lắp chúng.
- Tuyết đối không được vượt quá tốc độ tối đa được nhà sản xuất xích quy định. Bạn tuyết đối không được vượt quá 50 km/giờ (30 dặm/giờ) trong tất cả các trường hợp.
- Tránh va chạm mạnh, ổ gà hoặc cua gấp khi lái bằng xích đi trên tuyết.

❶ QUAN TRỌNG

- Tránh lái trên bãi đất trống do điều này làm mòn xích đi trên tuyết và lớp xe.
- Việc lái xe có xích đi trên tuyết có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến đặc điểm lái xe. Tránh cua gấp và phanh khi bánh xe đã bó cứng.
- Một số loại xích được siết căng có ảnh hưởng đến các bộ phận phanh và **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng loại xích này.

Bạn có thể đọc thêm thông tin về xích đi trên tuyết từ đại lý của Volvo.

Thông tin liên quan

- Lái xe trong mùa đông (trang 467)

Bộ vá lốp khẩn cấp

Bộ vá lốp khẩn cấp²¹ được sử dụng để vá lốp và kiểm tra cũng như điều chỉnh áp suất trong lốp. Xe được trang bị lốp dự phòng* không có bộ vá lốp.

Bộ vá lốp bao gồm một máy nén và một bình chứa dung dịch keo. Keo được sử dụng vá lốp tạm thời.

❶ LƯU Ý

Dung dịch keo có tác dụng bịt kín vết thủng trên gân lốp nhưng có ít tác dụng bịt kín vết thủng trên thành lốp. Không sử dụng bộ vá lốp khẩn cấp trên lốp có các khe hở, vết nứt lớn hoặc hư hỏng tương tự.

❶ LƯU Ý

Máy nén được sử dụng để vá lốp khẩn cấp tạm thời và được Volvo chấp nhận sử dụng.

Vị trí

Bộ vá lốp khẩn cấp được đặt trong khối xếp dưới sàn khoang hành lý.

**Ngày hết hạn dung dịch keo**

Phải thay bình dung dịch keo nếu đã quá ngày hết hạn (xem nhãn dán trên bình). Xử lý bình cũ như chất thải nguy hại với môi trường.

Thông tin liên quan

- Sử dụng bộ vá lốp xe (trang 580)
- Bơm lốp xe bằng máy nén từ bộ vá lốp xe (trang 583)
- Lốp xe (trang 560)

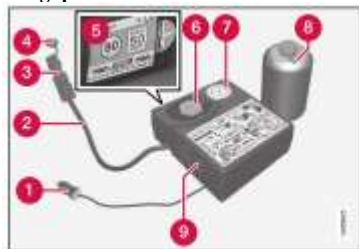
²¹ Bộ Vá Lốp Tạm thời (TMK)

BÁNH XE VÀ LỚP XE

Sử dụng bộ vá lốp xe

Dán vết thủng bằng bộ vá lốp khẩn cấp, Bộ Vá lốp Tạm thời (TMK).

Tổng quan



- ❶ Cáp điện
- ❷ Ống dẫn khí
- ❸ Van giảm áp
- ❹ Nắp bảo vệ
- ❺ Nhãn, tốc độ tối đa cho phép
- ❻ Giá đựng bình (nắp màu da cam)
- ❼ Áp kế
- ❽ Bình dung dịch keo
- ❾ Công tắc

Đầu nối



ⓘ LƯU Ý

Không xé nhãn bình trước khi sử dụng. Nhãn được xé tự động khi bình được bắt vít.

⚠ CẢNH BÁO

Vui lòng nhớ các điểm dưới đây khi sử dụng hệ thống vá lốp:

- Bình dung dịch keo chứa (1) cao su latex, cao su tự nhiên và 2) ethanediol. Các chất này có hại nếu nuốt phải.
- Chất trong bình này có thể gây dị ứng da hoặc có khả năng gây hại cho đường hô hấp, da, hệ thần kinh trung ương và mắt.

Biện pháp thận trọng:

- Bảo quản tránh xa tầm với của trẻ.
- Có hại nếu nuốt phải.
- Tránh tiếp xúc lâu hoặc liên tục với da. Nếu dung dịch keo tiếp xúc với quần áo, bỏ quần áo đó.
- Rửa sạch sau khi xử lý.

Sơ cứu:

- Da: Rửa vùng da bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Điều trị y tế nếu xuất hiện triệu chứng.
- Mắt: Rửa bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút, đôi lúc nâng mí trên và mí dưới. Điều trị y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

- Hít phải: Đưa người tiếp xúc với chất đến nơi thoáng khí. Nếu còn kích ứng, điều trị y tế.
- Nuốt phải: KHÔNG kích nôn trừ khi được cán bộ y tế yêu cầu. Điều trị y tế.
- Tiêu hủy: Tiêu hủy chất này và thùng chứa ở nơi thu gom chất thải nguy hại hoặc đặc biệt.

CẢNH BÁO

- Không tháo bình khi đang sử dụng bộ vá lốp.
 - Không tháo ống dẫn khí khi đang sử dụng bộ vá lốp.
1. Dùng biển tam giác cảnh báo nguy hiểm và bật đèn cảnh báo nguy hiểm nếu đang và lốp trên đường.
Nếu vết thủng do đinh hoặc vật tương tự gây ra, để nguyên đinh hoặc vật tương tự trong lốp. Điều này giúp bịt kín vết thủng.
 2. Tháo nhãn tốc độ cho phép tối đa được gắn trên một phía của máy nén. Gắn nhãn tốc độ tối đa cho phép ở nơi dễ nhìn trên kính chắn gió để nhắc nhở tuân thủ giới hạn tốc độ. Bạn không được lái xe quá 80 km/h (50 dặm/giờ) sau khi đã sử dụng bộ vá lốp khẩn cấp.

3. Kiểm tra để đảm bảo công tắc ở vị trí **0** (Tắt), và xác định vị trí cáp điện và ống dẫn khí.
4. Tháo nắp màu cam ra khỏi máy nén và tháo nút ra khỏi bình dung dịch keo.
5. Bật vít bình chứa đến đáy của giá đựng bình. Bình chứa và giá đựng bình được trang bị chốt xoay ngược để ngăn rò rỉ keo. Khi bắt vít bình chứa vào, không thể tháo vít lại từ giá đựng bình. Phải thực hiện tháo bình ở gara, khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

CẢNH BÁO

Không tháo vít bình chứa, nó được trang bị chốt xoay ngược để ngăn rò rỉ.

6. Tháo vít nắp chống bụi của lốp và bắt vít vào đầu nối van của ống dẫn khí với phần dưới của ren trên van khí của lốp.
Kiểm tra xem van giám áp trên ống dẫn khí có được bắt vít chặt không.

7. Nối cáp điện với ổ cắm 12 V gần nhất và khởi động xe.

LƯU Ý

Đảm bảo rằng không sử dụng bất cứ ổ cắm 12 V nào khác khi máy nén đang hoạt động.

CẢNH BÁO

Không để trẻ em lại trong xe mà không có sự giám sát khi động cơ đang chạy.

CẢNH BÁO

Hít phải khói thải của xe có thể dẫn đến tử vong. Tuyệt đối không để động cơ chạy trong khu vực kín hoặc khu vực không thông gió đầy đủ.



BÁNH XE VÀ LỚP XE

8. Khởi động máy nén bằng cách gạt công tắc về vị trí **I** (Bật).

CẢNH BÁO

Tuyệt đối không đứng cạnh lốp khi máy nén đang chạy. Nếu có các vết nứt hoặc xảy ra bất thường, phải tắt máy nén ngay lập tức. Không được tiếp tục chuyển đi. Gọi trung tâm lốp để được hỗ trợ cứu hộ dọc đường. Volvo khuyến cáo gọi trung tâm lốp được ủy quyền.

LƯU Ý

Khi máy nén khởi động, áp suất có thể tăng lên 6 bar (88 psi) nhưng áp suất sẽ giảm sau xấp xỉ 30 giây.

9. Bơm lốp trong khoảng 7 phút.

QUAN TRỌNG

Không vận hành máy nén lâu hơn 10 phút do nguy cơ quá nhiệt.

10. Tắt máy nén để kiểm tra áp suất trên áp kế. Áp suất tối thiểu là 1,8 bar (22 psi) và tối đa là 3,5 bar (51 psi). Xả khí bằng van giảm áp nếu áp suất lốp quá cao.

CẢNH BÁO

Nếu áp suất dưới 1,8 bar (22 psi), lỗ thủng trong lốp là quá lớn. Không được tiếp tục chuyển đi. Gọi trung tâm lốp để được hỗ trợ cứu hộ dọc đường. Volvo khuyến cáo gọi trung tâm lốp được ủy quyền.

11. Tắt máy nén và tháo cáp điện.

12. Tháo vít ống dẫn khí ra khỏi van của lốp và lắp lại nắp chống bụi trên lốp.

LƯU Ý

- Sau khi đã bơm lốp, luôn lắp lại nắp chống bụi tránh hư hỏng van do sỏi, bụi v.v...
- Chỉ sử dụng nắp chống bụi bằng nhựa. Nắp chống bụi bằng kim loại có thể bị gỉ và khó tháo.

13. Gắn nắp bảo vệ trên ống dẫn khí để tránh rò rỉ dung dịch keo còn lại. Đặt thiết bị đó vào khoang hành lý.

14. Lái ít nhất 3 km (2 dặm) ở tốc độ tối đa là 80 km/giờ (50 dặm/giờ) để dung dịch keo có thể bịt kín lốp và tiếp tục kiểm tra.

CẢNH BÁO

Đảm bảo rằng không có người nào đứng gần xe và bị bắn dung dịch keo khi xe di chuyển. Khoảng cách ít nhất cần là hai mét 7 feet).

15. Tiếp tục kiểm tra:

Nới ống dẫn khí trên van của lốp và bắt vít vào đầu nối van với phía dưới ren của van lốp. Phải tắt máy nén.

16. Đọc áp suất lốp trên áp kế.

- Nếu áp suất lốp dưới 1,3 bar (19 psi), lốp chưa được bơm kín hoàn toàn. Không được tiếp tục chuyển đi. Gọi trung tâm lốp để được hỗ trợ cứu hộ dọc đường.
- Nếu áp suất lốp trên 1,3 bar (19 psi), phải bơm lốp đến áp suất quy định theo nhãn áp suất lốp trên trụ cửa phía người lái (1 bar = 100 kPa = 14,5 psi). Xả khí bằng van giảm áp nếu áp suất lốp quá cao.

LƯU Ý

Phải thay thế bình dung dịch keo và ống dẫn sau khi sử dụng. Volvo khuyến cáo thực hiện thay thế tại gara được Volvo ủy quyền.

CẢNH BÁO

Kiểm tra thường xuyên áp suất lốp.

Volvo khuyến cáo lái xe đến gara gần nhất được Volvo ủy quyền để thay thế/sửa chữa lốp bị hỏng. Thông báo cho gara biết lốp chứa dung dịch keo.

Phải thay thế bình dung dịch keo sau khi sử dụng. Volvo khuyến cáo thực hiện thay thế tại gara được Volvo ủy quyền.

CẢNH BÁO

Quãng đường tối đa để xe có thể chạy bằng lốp chứa dung dịch keo là 200 km (120 dặm).

LƯU Ý

Máy nén là một thiết bị điện. Tuân thủ quy định địa phương liên quan đến quản lý chất thải.

Thông tin liên quan

- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Bộ vá lốp khẩn cấp (trang 579)
- Bơm lốp xe bằng máy nén từ bộ vá lốp xe (trang 583)

Bơm lốp xe bằng máy nén từ bộ vá lốp xe

Có thể bơm lốp đi kèm theo xe bằng máy nén trong bộ vá lốp xe khẩn cấp.

1. Phải tắt máy nén. Đảm bảo công tắc ở vị trí **0** (Tắt) và lấy ra dây cáp điện và ống dẫn khí.
2. Tháo vít nắp chống bụi của lốp và bắt vít vào đầu nối van của ống dẫn khí với phần dưới của ren trên van khí của lốp.
Kiểm tra xem van giảm áp trên ống dẫn khí có được bắt vít chặt không.
3. Nối cáp điện với ổ cắm 12 V gần nhất và khởi động xe.

CẢNH BÁO

Hít phải khói thải của xe có thể dẫn đến tử vong. Tuyệt đối không để động cơ chạy trong khu vực kín hoặc khu vực không thông gió đầy đủ.

CẢNH BÁO

Không để trẻ em lại trong xe mà không có sự giám sát khi động cơ đang chạy.

4. Khởi động máy nén bằng cách gạt công tắc về vị trí **I** (Bật).



“

❶ QUAN TRỌNG

Không vận hành máy nén lâu hơn 10 phút do nguy cơ quá nhiệt.

5. Bơm lốp đến áp suất quy định theo nhãn áp suất lốp trên trụ cửa phía người lái. Xả khí bằng van giảm áp nếu áp suất lốp quá cao.
6. Tắt máy nén. Tháo ống dẫn khí và cáp điện.
7. Lắp lại nắp chống bụi trên lốp.

❷ LƯU Ý

- Sau khi đã bơm lốp, luôn lắp lại nắp chống bụi tránh hư hỏng van do sỏi, bụi v.v...
- Chỉ sử dụng nắp chống bụi bằng nhựa. Nắp chống bụi bằng kim loại có thể bị gỉ và khó tháo.

❸ LƯU Ý

Máy nén là một thiết bị điện. Tuân thủ quy định địa phương liên quan đến quản lý chất thải.

Thông tin liên quan

- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)
- Sử dụng bộ vá lốp xe (trang 580)
- Bộ vá lốp khẩn cấp (trang 579)

CHỖ TẢI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH
KHÁCH

CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Nội thất khoang hành khách

Tổng quan về nội thất và các vị trí chứa đồ của khoang hành khách.

Ghế trước



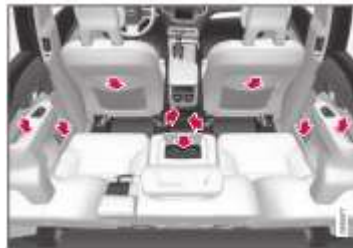
Ngăn chứa đồ ở cánh cửa và vô lăng, hộp đựng cốc* trong ngăn ga lưng của ghế giữa, túi đựng đồ* trên đệm ga lưng của ghế trước và cũng trong ổ cắm điện trong bảng điều khiển bên dưới.



Khu vực chứa đồ có hộp đựng cốc, túi lưới*, ổ cắm điện và cổng USB trong bảng điều khiển bên dưới.

Ghế sau

Hàng ghế thứ hai



Ngăn chứa đồ trong cánh cửa, hộp đựng cốc* trong đệm ga lưng của ghế giữa, túi đựng đồ* trên đệm ga lưng của ghế trước và cũng trong ổ cắm điện trong bảng điều khiển bên dưới.

Hàng ghế thứ ba*



Ngăn chứa đồ và hộp đựng cốc trong cánh cửa hai bên và khu vực chứa đồ giữa các ghế.

⚠ CẢNH BÁO

Đề đồ vật dễ rơi như điện thoại di động, máy ảnh, điều khiển từ xa cho phụ kiện v.v... trong ngăn đựng găng tay hoặc các ngăn khác, nếu không, chúng có thể gây thương tích cho người trong xe trong trường hợp phanh gấp hoặc có va chạm.

❗ QUAN TRỌNG

Nhớ rằng các bề mặt sáng bóng dễ bị xước do đồ vật kim loại. Không đặt chìa khóa, điện thoại và vật dụng khác trên các bề mặt nhạy cảm.

*Tùy chọn/phụ kiện.

CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Thông tin liên quan

- Ổ cắm điện (trang 588)
- Sử dụng hộp đựng găng tay (trang 591)
- Tấm che nắng (trang 592)
- Bảng điều khiển bên dưới (trang 587)
- Kết nối thiết bị thông qua cổng USB (trang 518)

Bảng điều khiển bên dưới

Bảng điều khiển bên dưới được đặt giữa các ghế trước.



- ➊ Ngăn chứa đồ có cửa*. Mở/đóng cửa bằng cách đẩy tay cầm.
- ➋ Ngăn chứa đồ có hộp đựng cốc và ổ cắm 12 V.
- ➌ Ngăn chứa đồ và cổng USB dưới thanh tay.
- ➍ Nút điều khiển điều hòa cho các chức năng điều hòa ghế sau* hoặc ngăn chứa đồ.

⚠ CẢNH BÁO

Đề đồ vật dễ rơi như điện thoại di động, máy ảnh, điều khiển từ xa cho phụ kiện v.v... trong ngăn đựng găng tay hoặc các ngăn khác, nếu không, chúng có thể gây thương tích cho người trong xe trong trường hợp phanh gấp hoặc có va chạm.

① LƯU Ý

Một trong các hệ thống phát hiện của báo động* được đặt dưới hộp đựng cốc của bảng điều khiển bên dưới. Tránh để đồng xu, chìa khóa và đồ vật kim loại khác trong hộp đựng cốc do điều này có thể làm bật báo động.

① QUAN TRỌNG

Nhớ rằng các bề mặt sáng bóng dễ bị xước do đồ vật kim loại. Không đặt chìa khóa, điện thoại và vật dụng khác trên các bề mặt nhạy cảm.

Thông tin liên quan

- Nội thất khoang hành khách (trang 586)
- Ổ cắm điện (trang 588)
- Các nút điều khiển điều hòa (trang 213)

CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Ổ cắm điện

Có hai ổ cắm điện 12 V và một ổ cắm điện 230 V* trong bảng điều khiển bên dưới và có một ổ cắm điện 12 V* trong khoang hành lý.

Nếu xảy ra vấn đề với ổ cắm điện, liên hệ gara, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Ổ cắm điện 12 V



Ổ cắm điện 12 V trong bảng điều khiển bên dưới, ghế trước.

Có thể sử dụng ổ cắm 12 V cho nhiều phụ kiện khác nhau được thiết kế cho ổ cắm này như máy nghe nhạc, hộp làm mát và điện thoại di động.



Ổ cắm điện 12 V trong bảng điều khiển bên dưới, hàng ghế thứ hai.



Ổ cắm điện 12 V trong khoang hành lý*.

Ổ cắm cao áp*



Ổ cắm điện trong bảng điều khiển bên dưới, hàng ghế thứ hai.

Có thể sử dụng ổ cắm cao áp* cho nhiều phụ kiện khác nhau được thiết kế cho ổ cắm này như bộ sạc hoặc máy tính xách tay.

Báo trạng thái, ổ cắm cao áp

Đèn LED²² trên ổ cắm báo trạng thái của ổ cắm.

²² LED (Điốt Phát quang)

CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Báo trạng thái	Nguyên nhân	Cách xử lý
Đèn màu xanh lá cây sáng liên tục	Ổ cắm đang truyền dòng điện đến thiết bị được kết nối.	Không có.
Đèn màu da cam nhấp nháy	Nhiệt độ của bộ đổi điện áp ổ cắm quá cao (do phụ kiện truyền dòng điện quá cao hoặc khoang hành khách quá ẩm).	Tháo phích cắm và để bộ đổi điện áp nguội trước khi lắp lại ổ cắm.
	Phụ kiện đã kết nối truyền quá nhiều dòng điện (gián đoạn hoặc liên tục) hoặc bị hỏng.	Lưu ý: Không thể kết nối phụ kiện với ổ cắm.
Đèn tắt	Ổ cắm không phát hiện việc đã cắm phích cắm.	Kiểm tra xem phích cắm đã được lắp chính xác vào ổ cắm hay chưa.
	Ổ cắm không hoạt động.	Chuyển đổi hệ thống điện của xe thành vị trí đánh lửa thấp nhất I.
	Ổ cắm đã hoạt động nhưng đang bị tắt.	Khởi động động cơ và/hoặc thay ác quy bộ khởi động.

Thông tin liên quan

- Nội thất khoang hành khách (trang 586)
- Sử dụng ổ cắm điện (trang 590)

CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Sử dụng ổ cắm điện

Có thể sử dụng ổ cắm 12 V cho nhiều phụ kiện khác nhau được thiết kế cho ổ cắm này như máy nghe nhạc, hộp làm mát và điện thoại di động.

Có thể sử dụng ổ cắm cao áp* cho nhiều phụ kiện khác nhau được thiết kế cho ổ cắm này như bộ sạc hoặc máy tính xách tay.

Để ổ cắm điện cung cấp dòng điện, hệ thống điện của xe phải được cài đặt ở vị trí đánh lửa thấp nhất I, sau đó, ổ cắm hoạt động, miễn là lượng điện của ắc quy bộ khởi động xuống quá thấp.

Nếu tắt động cơ và khóa xe, ổ cắm sẽ tắt. Nếu tắt động cơ và không khóa xe hoặc khóa mà tắt tạm thời khóa kép, ổ cắm tiếp tục hoạt động thêm bảy phút.

ⓘ LƯU Ý

Nhớ rằng việc sử dụng ổ cắm điện khi tắt động cơ dẫn đến nguy cơ làm cạn lượng điện của ắc quy bộ khởi động, có thể hạn chế hiệu quả hoạt động.

Có thể bật các phụ kiện được kết nối với ổ cắm điện kể cả khi ngắt hệ thống điện của xe hoặc nếu sử dụng điều hòa sẵn. Vì lý do này, ngắt đầu nối khi không sử dụng để tránh làm cạn lượng điện của ắc quy bộ khởi động.



CẢNH BÁO

- Không sử dụng phụ kiện có đầu nối lớn hoặc nặng, chúng có thể gây hư hỏng ổ cắm hoặc bị lỏng khi xe chạy.
- Không sử dụng phụ kiện có thể gây nhiễu, ví dụ, đầu thu vô tuyến hoặc hệ thống điện của xe.
- Đặt phụ kiện ở vị trí mà không có nguy cơ gây thương tích cho người lái hoặc hành khách trong trường hợp phanh gấp hoặc có va chạm.
- Chú ý đến phụ kiện đã kết nối do chúng có thể sinh nhiệt, có thể gây bỏng hành khách hoặc cháy nội thất.

Sử dụng ổ cắm 12 V

1. Tháo nút cao su (bảng điều khiển bên dưới) hoặc gấp nắp (khoang hành lý) phía trước ổ cắm xuống và cắm vào đầu nối phụ kiện.
2. Rút đầu nối phụ kiện và lắp lại nút cao su (bảng điều khiển bên dưới) hoặc gấp nắp (khoang hành lý) lên khi không sử dụng ổ cắm hoặc nếu bỏ lại ổ cắm.

ⓘ QUAN TRỌNG

Công suất tối đa của ổ cắm là 120 W (10 A) trên mỗi ổ cắm.

Sử dụng ổ cắm cao áp

1. Kéo nắp ổ cắm xuống và lắp phích cắm phụ kiện vào.
> Đèn LED²³ trên ổ cắm báo trạng thái.
2. Kiểm tra xem đèn xanh lá cây có sáng liên tục không, tiếp theo, kiểm tra xem có dòng điện ở ổ cắm không.
3. Tháo phụ kiện bằng kéo phích cắm ra, không kéo trên dây cáp.
Kéo nắp lên khi không sử dụng ổ cắm hoặc nếu bỏ lại ổ cắm.

²³ LED (Điốt Phát Quang)

❶ QUAN TRỌNG

Công suất tối đa của ổ cắm là 150 W.

⚠ CẢNH BÁO

Tuyệt đối không tự chỉnh sửa hoặc sửa chữa ổ cắm cao áp. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

⚠ CẢNH BÁO

- Chỉ sử dụng phụ kiện không bị hư hỏng và không gặp lỗi. Phụ kiện phải có dòng điện định mức là 250 V và 50 Hz có đầu nối được thiết kế cho ổ cắm. Phụ kiện phải có nhãn CE, nhãn UL hoặc nhãn an toàn tương đương.
- Tuyệt đối không để ổ cắm, đầu nối hoặc phụ kiện tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng khác. Không chạm vào hoặc sử dụng ổ cắm nếu có dấu hiệu hư hỏng hoặc đã tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng khác.
- Không kết nối ổ cắm ba chân, bộ đổi nguồn hoặc cáp nối dài với ổ cắm do chúng có thể làm hỏng chức năng an toàn của ổ cắm.
- Ổ cắm được trang bị nắp bảo vệ, đảm bảo không có thứ gì rơi ra hoặc làm hỏng ổ cắm, ngăn chặn nắp ổ cắm vận hành. Không để trẻ em trong xe mà không có người giám sát khi ổ cắm hoạt động.

Việc không tuân thủ hướng dẫn được đưa ra ở trên có thể dẫn đến điện giật gây thương vong.

Thông tin liên quan

- Ổ cắm điện (trang 588)
- Nội thất khoang hành khách (trang 586)

Sử dụng hộp đựng găng tay

Hộp đựng găng tay được đặt ở phía hành khác. Có thể dễ dàng hướng dẫn sử dụng bản in và bản đồ trong hộp đựng găng tay. Cũng có khu vực chứa hộp đựng bút và thẻ.



Hộp đựng găng tay và nút mở trong bảng điều khiển trung tâm.

Mở hộp đựng găng tay bằng cách ấn nút mở trên bảng điều khiển trung tâm.

Khóa và mở khóa hộp đựng găng tay

Có thể khóa hộp đựng găng tay, gọi là khóa riêng tư, ví dụ, khi lái xe đi bảo dưỡng, để xe ở khách sạn hoặc nơi tương tự. Khóa riêng tư cũng khóa cốp sau.

*Tùy chọn/phụ kiện.

44

Sử dụng hộp đựng găng tay như một vùng làm mát*

Có thể sử dụng hộp đựng găng tay để làm mát, ví dụ, đồ uống hoặc đồ ăn. Thực hiện làm mát khi hệ thống điều khiển điều hòa hoạt động (ví dụ, khi xe được cài đặt ở vị trí đánh lửa II hoặc khi động cơ đang chạy).



Hình ảnh chi là hình ảnh đồ họa, thiết kế có thể thay đổi.



Bật làm mát.



Tắt làm mát

- Bật hoặc tắt làm mát bằng cách di chuyển nút điều khiển đến vị trí đầu phía khoang hành khách/hộp đựng găng tay.

Thông tin liên quan

- Nội thất khoang hành khách (trang 586)
- Khóa riêng tư (trang 279)

Tấm che nắng

Có các tấm che nắng ở trên nóc phía trước người lái và ghế hành khách phía trước mà có thể được gấp xuống và nghiêng về hai bên, khi cần.



Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, thiết kế có thể thay đổi.

Bật chiếu sáng gương* tự động khi nâng nắp.

Khung gương tích hợp hộp đựng, ví dụ, thẻ hoặc vé.

Thông tin liên quan

- Nội thất khoang hành khách (trang 586)

Khoang hành lý

Xe có khoang hành lý linh hoạt, có thể vận chuyển và cố định các đồ vật lớn.

Bằng cách gấp đệm ngả lưng ở hàng ghế thứ hai và thứ ba* xuống, khoang hành lý sẽ rất rộng. Để tạo điều kiện bốc dỡ hành lý, phần phía sau của xe có thể được hạ thấp bằng chức năng kiểm soát cân bằng*. Sử dụng lỗ luồn dây buộc hành lý hoặc móc kéo để cố định hành lý và nắp khoang hành lý có thể mở rộng* để che hành lý, nếu muốn.

Mất kéo và bộ vá lốp hoặc lốp dự phòng* của xe được đặt dưới sàn khoang hành lý.

Thông tin liên quan

- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)
- Móc cố định (trang 595)
- Lỗ luồn dây buộc hành lý (trang 596)
- Lắp và tháo nắp khoang hành lý* (trang 596)

Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe

Có nhiều thứ cần nhớ khi xếp hành lý lên xe. Tải trọng phụ thuộc vào trọng lượng không tải của xe. Tổng trọng lượng của hành khách và tất cả phụ kiện như móc kéo sẽ làm giảm trọng tải của xe bằng khối lượng tương ứng.

CẢNH BÁO

Đặc điểm lái xe thay đổi tùy thuộc vào trọng lượng và vị trí của tải trọng.

Xếp hành lý trong khoang hành lý

- Đặt hành lý cố định vào đệm ngả lưng của ghế sau.
- Xác định phần giữa của hành lý.
- Cần đặt đồ vật nặng càng thấp càng tốt. Tránh để tải trọng nặng trên đệm ngả lưng thấp.
- Bọc mép sắc nhọn bằng đồ vật mềm để tránh gây hư hỏng vải bọc ghế.
- Cố định tất cả hành lý vào lỗ luôn dây buộc hành lý bằng dây hoặc dây buộc.

CẢNH BÁO

Một đồ vật buộc lỏng, nặng 20 kg (44 pound) có thể gây tác động bằng một vật nặng 1000 kg (2200 pound) khi xảy ra va chạm ở phía trước ở tốc độ 50 km/giờ (30 dặm/giờ).

CẢNH BÁO

Đề khoảng cách 10 cm (4 inch) giữa hành lý và cửa sổ hai bên nếu xe được xếp hành lý lên mép trên cùng của cửa sổ, nếu không, khả năng bảo vệ của rèm bơm hơi được giấu trong tấm lót nóc xe có thể bị giảm.

CẢNH BÁO

Luôn buộc chặt hành lý, nếu không, hành lý có thể rơi, gây thương tích cho người ngồi trong xe trong quá trình phanh gấp. Bọc mép và góc sắc nhọn bằng đồ vật mềm. Tắt động cơ và kéo phanh tay khi bốc/dỡ đồ vật dài, nếu không, bạn có thể vô tình làm đồ vật đổ đẩy cần số về vị trí lái và xe có thể di chuyển.

Tăng diện tích trong khoang hành lý

Để mở rộng khoang hành lý và đơn giản hóa quá trình xếp hành lý, có thể hạ thấp đệm ngả lưng của ghế sau. Lưu ý, đồ vật không được cản trở chức năng của hệ thống WHIPS cho ghế trước nếu có bất cứ đệm ngả lưng nào của ghế sau được gấp xuống.

Kiểm soát cân bằng phần sau* của xe

Phần sau của xe có thể được hạ xuống/nâng lên để tạo chiều cao vận hành tốt hơn cho khoang hành lý của xe hoặc để hỗ trợ khi lắp/tháo tua

móc vào/khởi thanh kéo*.

Thực hiện kiểm soát cân bằng thông qua nút điều khiển ở phía sau, bên phải tấm đỡ hai bên của khoang hành lý.



Nút điều khiển để nâng/hạ phần sau của xe.

Nút điều khiển gồm hai nút - một nút hạ và một nút nâng phần sau của xe. Để nâng hoặc hạ, phải ấn giữ mỗi nút cho đến khi phần sau đạt chiều cao mong muốn.

Không thể nâng phần sau của xe cao hơn chiều cao thông thường.

Trong quá trình lái, chiều cao của phần sau sẽ trở về chiều cao thông thường.



LƯU Ý

Không thể điều chỉnh chiều cao của phần sau, khi mở một hoặc nhiều cửa hoặc nắp ca pô. Điều này không áp dụng với cốp sau.

CẢNH BÁO

Chú ý để đảm bảo không có người, con vật hoặc đồ vật nào dưới xe khi hạ thấp xe. Điều này có thể gây nguy hiểm tính mạng và hư hỏng xe hoặc đồ vật.

Thông tin liên quan

- Lỗ luôn dây buộc hành lý (trang 596)
- Hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ hai (trang 192)
- Tải trọng nóc xe và xếp hành lý trên giá đỡ hành lý (trang 594)
- Kiểm soát cân bằng* và giảm chấn (trang 459)
- Trọng lượng (trang 667)

Tải trọng nóc xe và xếp hành lý trên giá đỡ hành lý

Để xếp hành lý trên nóc xe, khuyến cáo sử dụng giá đỡ hành lý được Volvo phát triển.

Điều này để tránh gây hư hỏng xe và đạt độ an toàn tối đa có thể trong chuyến đi. Giá đỡ hành lý của Volvo được bán tại đại lý được Volvo ủy quyền.

Tuân thủ cẩn thận các hướng dẫn lắp đặt đi kèm giá đỡ.

- Phân phối đều tải trọng trên giá đỡ hành lý. Đặt đồ vật nặng nhất ở dưới.
- Kiểm tra định kỳ xem giá đỡ hành lý và hành lý có được cố định chính xác không. Buộc chặt hành lý bằng dây.
- Nếu hành lý thò ra ở phía trước xe, ví dụ, ca nô hoặc thuyền kayak, lắp mắt kéo vào lỗ phía trước và gắn dây vào.
- Kích cỡ của vùng tiếp xúc với gió và mức tiêu thụ nhiên liệu tăng lên theo kích cỡ của hành lý.
- Lái nhẹ nhàng. Tránh tăng tốc nhanh, phanh gấp và cua gấp.

CẢNH BÁO

Trọng tâm của xe và đặc điểm lái được thay thế bằng tải trọng nóc xe.

Tuân thủ thông số kỹ thuật của xe liên quan đến trọng lượng và tải trọng tối đa cho phép.

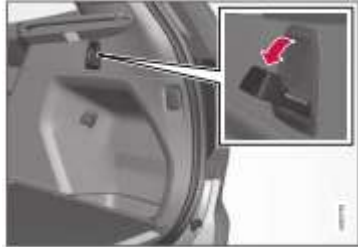
Thông tin liên quan

- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)
- Trọng lượng (trang 667)

Móc cố định

Móc cố định giữ túi giá chờ hành lý ở đúng vị trí và ngăn chúng bị lật và làm rơi đồ đạc ra khoang hành lý.

Đọc hai bên



Có hai móc cố định có thể kéo dài trong tầm đỡ hai bên - một móc cố định trên một phía của khoang hành lý.

⚠ QUAN TRỌNG

Móc cố định có thể giữ tải trọng tối đa là 5 kg (11 lbs).

Dưới nắp sàn²⁴



Có hai móc cố định và một dây nhựa²⁵ trong nắp khoang hành lý, bộ phận của nắp sàn trong khoang hành lý. Dây có thể được gắn ở bốn vị trí khác nhau.

Nâng nắp khoang hành lý lên để sử dụng móc cố định. Thắt túi ở vị trí phù hợp bằng dây nhựa kín. Nếu túi có tay xách và có độ cao phù hợp, treo chúng vào móc.

Thông tin liên quan

- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)
- Lắp và tháo lưới mắt nhô an toàn* (trang 600)
- Lắp và tháo nắp khoang hành lý* (trang 596)

- Lắp và tháo lưới mắt to an toàn* (trang 599)

²⁴ Áp dụng với xe có 5 chỗ.

²⁵ Có thể đặt lại dây nhựa bỏ sung tại đại lý của Volvo.

CHỖ TẢI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Lỗ luồn dây buộc hành lý

Sử dụng lỗ luồn dây buộc hành lý để thắt dây đai neo đồ đạc trong khoang hành lý.



CẢNH BÁO

Đồ vật cứng, sắc và/hoặc nặng lòi ra có thể gây thương tích khi phanh gấp.

Luôn cố định đồ vật lớn và nặng bằng dây đai an toàn hoặc dây buộc hành lý.

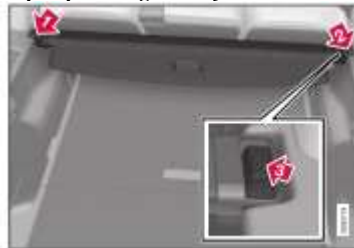
Thông tin liên quan

- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)
- Trọng lượng (trang 667)

Lắp và tháo nắp khoang hành lý*

Khi được kéo dài, nắp khoang hành lý sẽ che hành lý trong khoang hành lý.

Lắp nắp khoang hành lý



Lắp một trong các đầu của nắp khoang hành lý vào lỗ trong tấm đỡ hai bên trong khoang hành lý.



Lắp đầu còn lại vào lỗ trong tấm đỡ hai bên phía đối diện.



Áp đầu xuống hai bên, từng đầu một:

- > Khi nghe tiếng "tách" và nhãn màu đỏ trên từng đầu biến mất, nắp khoang hành lý đã được gắn, kiểm tra xem nắp đã được gắn cố định chưa.

Tháo nắp khoang hành lý

Khi đã thu vào:

1. Ấn nút trên một trong các đầu nắp khoang hành lý đã thu vào và nâng đầu đó ra.
Trong xe có 7 chỗ, nhà chốt khóa dây đai an toàn của hàng ghế thứ ba khỏi móc trên tấm đỡ hai bên.
2. Nghiêng nắp lên trên/ra ngoài một cách cẩn thận.
 - > Đầu còn lại tự động nói lỏng và có thể nâng nắp ra ngoài khoang hành lý.

Thông tin liên quan

- Vận hành nắp khoang hành lý* (trang 597)
- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)

CHỖ TẢI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Vận hành nắp khoang hành lý*

Có hai vị trí kéo dài nắp khoang hành lý - một vị trí che toàn bộ và một vị trí xếp hành lý được kéo dài một phần để dễ đi vào trong khoang hành lý.

Vị trí che toàn bộ

Với xe có 7 chỗ

1.



Treo chốt khóa của dây đai an toàn cho hàng ghế thứ ba lên trên móc được ký hiệu trong tấm đỡ hai bên.



- ➡ Nắm tay cầm và kéo nắp khoang hành lý ra để nó trượt qua tấm đỡ hai bên trong khoang hành lý. Kéo đến một đầu.
- ➡ Khi nắp khoang hành lý được kéo dài để nó che khoang hành lý, đặt chốt gắn nắp khoang hành lý vào rãnh trong tấm đỡ hai bên và thả ra, đồng thời nghiêng nhẹ tay cầm xuống dưới.
- > Nắp khoang hành lý được khóa ở vị trí che toàn bộ.

Với xe có 5 chỗ



- ➡ Nắm tay cầm và kéo nắp khoang hành lý ra để nó trượt qua tấm đỡ hai bên trong khoang hành lý. Kéo đến một đầu.
- ➡ Khi nắp khoang hành lý được kéo dài để nó che khoang hành lý, đặt chốt gắn nắp khoang hành lý vào rãnh trong tấm đỡ hai bên và thả ra, đồng thời nghiêng nhẹ tay cầm xuống dưới.
 - > Nắp khoang hành lý được khóa ở vị trí che toàn bộ.

ⓘ QUAN TRỌNG

Không xếp đồ vật ở trên nắp khoang hành lý.

⚠ CẢNH BÁO

Ở xe có 7 chỗ, tuyệt đối không gắn nắp khoang hành lý khi có hành khách ở ghế sau. Điều này có thể gây thương tích nghiêm trọng trong trường hợp có va chạm.



CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

Chế độ xếp



➡ Từ vị trí thu vào - nắm tay cầm và kéo nắp khoang hành lý ra để nó trượt qua tấm đỡ hai bên trong khoang hành lý. Kéo đến một đầu và đặt chốt gắn nắp khoang hành lý vào rãnh trong tấm đỡ hai bên (nếu nắp khoang hành lý đã ở vị trí che toàn bộ, xem điểm tiếp theo).

➡ Từ vị trí che toàn bộ - nắm tay cầm và đặt chốt gắn nắp khoang hành lý vào rãnh trong tấm đỡ hai bên và thả ra.

> Thu vào cho đến khi nó dừng ở vị trí xếp.

Trong trường hợp tay bạn bị kẹt:



➡ Ở vị trí che toàn bộ mở rộng - đẩy nhẹ phần tay cầm của nắp khoang hành lý lên trên, ví dụ, bằng khuỷu tay.

> ➡ Nắp khoang hành lý thu vào cho đến khi nó dừng ở vị trí xếp.

Để trở về vị trí che toàn bộ từ vị trí xếp.

1. Nắm tay cầm và kéo nắp khoang hành lý ra đến vị trí đầu.

2. Thả nhẹ và nghiêng nhẹ tay cầm xuống.

> Nắp khoang hành lý được khóa ở vị trí che toàn bộ

Thu vào:

1. Từ vị trí che toàn bộ:

Nâng tay cầm lên và kéo về phía sau để tháo chốt gắn khoang hành lý và thả ra.

Từ vị trí xếp:

Nắm tay cầm và kéo nắp khoang hành lý vào rãnh, kéo đến vị trí che toàn bộ. Nâng tay cầm lên và kéo về phía sau để tháo chốt gắn khoang hành lý và thả ra.

2. Thu vào nắp khoang hành lý có chốt gắn ở bên ngoài tấm đỡ hai bên cho đến khi nó dừng ở vị trí thu vào.

Thông tin liên quan

- Lắp và tháo nắp khoang hành lý* (trang 596)

Lắp và tháo lưới mắt to an toàn*

Lưới mắt to an toàn ngăn hành lý và vật nuôi trong khoang hành lý bị văng lên khoang hành khách.

Lưới mắt to an toàn được thử nghiệm nứt vỡ theo yêu cầu pháp luật ECE R17 và đáp ứng yêu cầu về độ bền của Volvo.



Vì lý do an toàn, lưới mắt to an toàn phải luôn được gắn và neo chính xác.

⚠ CẢNH BÁO

Trong mọi trường hợp, không được để bất cứ người nào trong khoang hành lý khi xe đang di chuyển. Điều này để tránh thương tích trong trường hợp phanh gấp hoặc có tai nạn.

Các bộ phận của lưới mắt to an toàn gồm lưới tản nhiệt và hai dây chằng lỏng. Mỗi dây chằng đi kèm nắp đậy vít và có hai ống nhựa cho lưới mắt to an toàn.

⚠ CẢNH BÁO

Chỉ được sử dụng lưới mắt to an toàn ở vị trí phía sau được mô tả trong tài liệu này. Không dùng để gắn trên nóc xe phía sau ghế phía trước cho lưới mắt to an toàn.

⚠ CẢNH BÁO

Vì lý do an toàn, phải hạ thấp hàng ghế thứ ba²⁶ khi lắp lưới mắt to an toàn trong xe.

❗ QUAN TRỌNG

Không thể lắp lưới mắt to bảo vệ đồng thời như nắp khoang hành lý.

Lắp đặt

1. Hạ thấp ghế phía sau và nâng lưới mắt to an toàn vào qua một hoặc nhiều cửa hai bên phía sau thông qua cốp sau, phía cong/lồi của lưới mắt to cần hướng về khoang hành lý trong khi móc trên từng phía hướng lên trên. Không sử dụng dây chằng và ống nhựa trong giai đoạn này.

2.



Đặt một trong các móc của lưới mắt to vào lỗ lớn hơn trên điểm gắn trên nóc (1).

Buộc lưới mắt to gần móc và kéo/trượt nó về phía lỗ nhỏ hơn (2).

> Móc đang được cố định ở đầu điểm gắn trên nóc.

3. Lắp lại các bước ở điểm 2 ở trên để cố định móc còn lại trong điểm gắn trên phía còn lại.

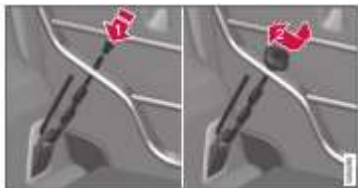
⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo móc của lưới mắt to an toàn được lắp cố định trong điểm gắn trên nóc để lưới mắt to không có nguy cơ bị lỏng ra.

²⁶ Áp dụng với xe có 7 chỗ.

CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

4.



Móc lấy móc của dây chằng qua lỗ luồn dây buộc hành lý ở sàn khoang hành lý từ phía dưới và đặt phần ren qua lỗ gắn dưới của lưới mắt to khoang hành lý từ phía dưới (1).

Trượt ống nhựa trên phần ren của dây chằng, mặt bích ống cần hướng lên trên và đặt nó xuống qua lỗ. Bật vít trên nắp đỉnh vít cho đến khi mép dưới cách lưới mắt to (2) xấp xỉ 5 mm.

5. Lắp lại các bước trong điểm 4 trên phía còn lại.
6. Đặt lưới mắt to an toàn vào giữa và siết chặt hai dây chằng cho đến khi lưới mắt to được cố định chính xác.

Tháo

Tháo lưới mắt to an toàn bằng cách thực hiện các bước trên theo thứ tự ngược lại.

Lưu ý, có thể tháo dây chằng trước khi tháo ống nhựa ra khỏi các lỗ trong lưới mắt to.

Thông tin liên quan

- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)
- Lỗ luồn dây buộc hành lý (trang 596)

Lắp và tháo lưới mắt nhỏ an toàn*

Lưới mắt nhỏ an toàn ngăn hành lý trong khoang hành lý bị văng lên khoang hành khách trong trường hợp phanh gấp.

Lưới mắt nhỏ an toàn được lắp vào bốn điểm gắn.



Vì lý do an toàn, phải luôn siết chặt và neo lưới mắt nhỏ an toàn theo mô tả ở dưới.

Lưới mắt nhỏ được làm từ sợi nylon bền và có thể được cố định ở hai vị trí khác nhau trong xe:

- Lắp phía sau - phía sau hàng ghế thứ hai.
- Lắp phía trước - phía sau ghế phía trước.



CẢNH BÁO

Hành lý trong khoang hành lý phải được neo chặt cũng bằng lưới mắt nhỏ an toàn được lắp chính xác.

Lắp lưới mắt nhô an toàn



CẢNH BÁO

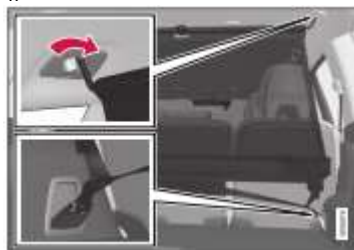
Cần đảm bảo rằng các điểm cố định ở trên của lưới mắt nhô an toàn được lắp chính xác và dây kéo được móc chính xác. Không được sử dụng lưới mắt nhô an toàn bị hỏng.

LƯU Ý

Với điểm gắn hướng về phía trước, lưới mắt nhô an toàn được gắn dễ dàng nhất thông qua một trong các cửa phía sau.

1. Mở lưới mắt nhô an toàn và đảm bảo dây phía trên trong lưới mắt nhô được khóa ở vị trí kéo dài.
2. Móc một móc giữ của lưới mắt nhô vào điểm gắn phía trước hoặc phía sau trên nóc xe có khóa dây neo được xoay về phía bạn.
3. Lấy móc gắn thứ hai của lưới mắt nhô móc vào dầm trên nóc ở phía đối diện. Các móc gắn có dây buộc vào nhau khiến việc lắp trở nên dễ dàng hơn. Chú ý ấn móc giữ lưới mắt nhô về phía trước với từng đầu phía trước của điểm gắn tương ứng trên nóc.

4.



Lắp ở phía sau.

Để lắp ở phía sau:

Khi lắp lưới mắt nhô vào điểm gắn phía sau trên nóc, móc dây neo của lưới mắt nhô an toàn vào mặt sàn phía trước trong khoang hành lý.



Lắp ở phía trước.

Để lắp phía trước:

Khi lắp lưới mắt nhô vào điểm gắn phía trước trên nóc, móc dây neo vào mắt ngoài cùng phía sau ray trượt của ghế, để lắp hơn nếu đệm ngả lưng được nắn thẳng và ghế được di chuyển nhẹ lên phía trước. Chú ý để đảm bảo bạn không ấn mạnh ghế và đệm ngả lưng vào lưới mắt nhô khi chúng di chuyển chúng về vị trí ban đầu, chỉ điều chỉnh cho đến khi ghế hoặc đệm ngả lưng tiếp xúc với lưới mắt nhô.

QUAN TRỌNG

Nếu đẩy mạnh ghế hoặc đệm ngả lưng về phía sau vào lưới mắt nhô an toàn, lưới mắt nhô và điểm gắn trên nóc có thể bị hỏng.



CHỖ TÀI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

44

5. Kéo căng lưới mắt nhò an toàn bằng dây neo.

Tháo lưới mắt nhò an toàn

Có thể tháo và gấp lưới mắt nhò an toàn lên để dang.

1. Giảm độ căng của lưới mắt nhò an toàn bằng cách ấn nút trong khóa dây neo và kéo dây neo ở mỗi bên ra một chút.
2. Ấn vào chốt và tháo móc của dây neo.
3. Tháo điểm gắn trên và thả lưới mắt nhò khỏi điểm gắn trên nóc.
4. Ấn nút đỏ trên dây để thực hiện gấp và cuộn lưới mắt nhò lên. Bảo quản lưới mắt nhò trong hộp đựng.

Thông tin liên quan

- Khuyến cáo khi xếp hành lý lên xe (trang 593)
- Lỗi luôn dây buộc hành lý (trang 596)

Bộ dụng cụ sơ cứu*

Bộ dụng cụ sơ cứu chứa các thiết bị sơ cứu.

Bảo quản bộ dụng cụ sơ cứu phía sau dây cao su nếu xe được trang bị một trong các thiết bị sơ cứu này.



Thông tin liên quan

- Khoang hành lý (trang 592)

Biển tam giác cảnh báo nguy hiểm

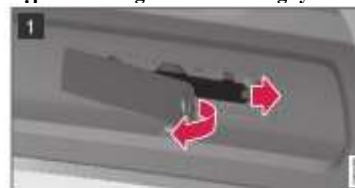
Sử dụng biển tam giác cảnh báo nguy hiểm để cảnh báo các đối tượng tham gia giao thông khác nếu xe đứng yên trên đường.

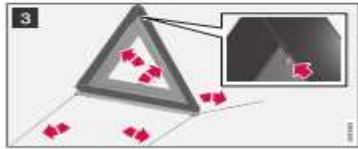
Cũng bật đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm.

Vị trí bảo quản

Biển tam giác cảnh báo nguy hiểm được đặt trong ngăn phía trong của cốp sau.

Gập biển tam giác cảnh báo nguy hiểm lên





1 Mở nắp bằng cách xoay núm một phần tư vòng và kéo nắp ra khỏi giá đỡ ở mép trên và dưới.

Ấn nhẹ nắp cố định biển tam giác cảnh báo nguy hiểm sang bên phải và tháo vỏ.

2 Tháo biển tam giác cảnh báo nguy hiểm ra khỏi vỏ, tháo và đặt hai đầu với nhau.

3 Mở chân đỡ của biển tam giác cảnh báo nguy hiểm.

Tuân thủ các quy định về sử dụng biển tam giác báo nguy hiểm. Đặt biển tam giác cảnh báo nguy hiểm ở vị trí phù hợp với tình hình giao thông.

Đảm bảo rằng biển tam giác cảnh báo nguy hiểm và vỏ được cố định đúng quy cách trong nơi bảo quản và nắp được đóng kín sau khi sử dụng.

Thông tin liên quan

- Khoang hành lý (trang 592)
- Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm (trang 159)

CHỖ TẢI TRỌNG, NGĂN CHỨA ĐỒ VÀ KHOANG HÀNH KHÁCH

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Chương trình bảo trì Volvo

Để giữ xe an toàn và đáng tin cậy nhất có thể, tuân thủ chương trình bảo trì Volvo theo quy định trong Sổ tay Hướng dẫn Bảo trì và Bảo hành.

Volvo khuyến cáo thuê gara được Volvo ủy quyền để thực hiện công việc bảo trì và bảo dưỡng. Các gara của Volvo có nhân lực, dụng cụ chuyên dụng và tài liệu bảo trì để đảm bảo chất lượng dịch vụ cao nhất.

QUAN TRỌNG

Để áp dụng chế độ bảo hành của Volvo, kiểm tra và tuân thủ hướng dẫn trong Sổ tay Hướng dẫn Bảo trì và Bảo hành.

Thông tin liên quan

- Trạng thái của xe (trang 608)
- Đặt lịch bảo trì và sửa chữa (trang 609)
- Kết nối thiết bị với ô chẩn đoán của xe (trang 40)
- Bảo trì hệ thống điều khiển điều hòa (trang 614)
- Bảo dưỡng hệ thống phanh (trang 437)
- Tổng quan về khoang động cơ (trang 615)

Truyền dữ liệu giữa xe và gara thông qua Wi-Fi

Gara của Volvo có mạng Wi-Fi riêng để bảo mật truyền dữ liệu giữa xe của bạn và gara. Xe của bạn sẽ được bảo trì đơn giản và hiệu quả hơn tại gara khi việc truyền thông tin và phần mềm chẩn đoán có thể diễn ra thông qua mạng của gara.

Khi bạn đến gara để bảo trì xe, kỹ thuật viên bảo trì có thể cần kết nối xe của bạn với mạng của gara thông qua Wi-Fi để thực hiện theo dõi lỗi và tải xuống phần mềm. Với loại giao tiếp này, xe chỉ kết nối với mạng của gara. Không thể kết nối xe với một mạng Wi-Fi khác như tại nhà, tương tự như kết nối với mạng của gara.

Kết nối với chìa khóa điều khiển từ xa

Kỹ thuật viên bảo trì thường thực hiện kết nối, sau đó sử dụng các nút của chìa khóa điều khiển từ xa. Đó là lý do tại sao bạn phải đem một chìa khóa có nút bấm khi lái xe đến gara. Ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa để kết nối xe với mạng của gara thông qua Wi-Fi.

Khi xe được kết nối mạng Wi-Fi, biểu tượng  xuất hiện trong màn hình trung tâm

CẢNH BÁO

Không được lái xe khi kết nối với mạng và hệ thống của gara.

Thông tin liên quan

- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Đặt lịch bảo trì và sửa chữa (trang 609)

Trung tâm Tải xuống

Nhiều hệ thống của xe có thể được cập nhật từ màn hình trung tâm khi xe trực tuyến²⁷.



Ứng dụng **Download Centre (Trung tâm Tải xuống)** được khởi động từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm và thực hiện:

- tìm kiếm và cập nhật phần mềm hệ thống
- cập nhật dữ liệu bản đồ Dẫn đường Sensus*
- tải xuống, cập nhật và gỡ cài đặt ứng dụng.

Thông tin liên quan

- Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Tải xuống ứng dụng (trang 503)
- Cập nhật ứng dụng (trang 504)
- Xóa ứng dụng (trang 504)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)

Quản lý cập nhật hệ thống thông qua Trung tâm Tải xuống

Cập nhật hệ thống cho xe trực tuyến và thông tin giải trí có thể được cập nhật thông qua Trung tâm Tải xuống. Có thể thực hiện cập nhật một ứng dụng một lần hoặc tất cả ứng dụng một lần.

Tìm kiếm cập nhật



Nếu có cập nhật, thông báo **New software updates available (Có cập nhật phần mềm mới)** được hiển thị trong thanh trạng thái của màn hình trung tâm.

Để có thể cập nhật hệ thống, xe phải được kết nối Internet²⁸.

- Truy cập **Download Centre (Trung tâm Tải xuống)** trong phần ứng dụng của màn hình trung tâm.

- > Nếu không thực hiện tìm kiếm từ lần cuối cùng hệ thống thông tin giải trí được khởi động, thực hiện tìm kiếm. Không thực hiện tìm kiếm nếu đang thực hiện cài đặt phần mềm.

Một số trên **System updates (Cập nhật hệ thống)** hiển thị số cập nhật có sẵn. Chạm nhẹ một lần để hiển thị danh sách các cập nhật có thể được cài đặt trong xe.

ⓘ LƯU Ý

Việc tải xuống dữ liệu có thể ảnh hưởng đến các tính năng truyền tải dữ liệu khác, ví dụ, nghe đài trên Internet. Nếu ảnh hưởng đến các tính năng khác được coi là nghiêm trọng, tải xuống có thể bị gián đoạn. Để xử lý điều này, có thể cần tắt hoặc tạm dừng các tính năng khác.

ⓘ LƯU Ý

Có thể gián đoạn cập nhật khi tắt đánh lửa và xe dừng lại. Tuy nhiên, cập nhật không cần được hoàn thành trước khi xe dừng lại, điều này do cập nhật được tiếp tục khi xe được sử dụng lần tới.

Cập nhật tất cả phần mềm hệ thống

- Lựa chọn **Install all (Cài đặt tất cả)** ở dưới danh sách.

Nếu không có danh sách, có thể lựa chọn tùy chọn **Install all (Cài đặt tất cả)** ở **System updates (Cập nhật phần mềm)**.

Cập nhật riêng chương trình phần mềm hệ thống

- Lựa chọn **Install (Cài đặt)** cho phần mềm được yêu cầu.



²⁷ Dữ liệu được truyền (lưu lượng dữ liệu) khi sử dụng Internet và điều này có tính phí.

²⁸ Dữ liệu được truyền (lưu lượng dữ liệu) khi sử dụng Internet và điều này có tính phí.

44 Hủy bỏ tải xuống phần mềm

- Chạm nhẹ vào X trong đèn báo hoạt động đã thay thế **Install (Cài đặt)** khi bắt đầu tải xuống.

Lưu ý, không thể hủy bỏ tải xuống khi đã bắt đầu giai đoạn cài đặt.

Tắt tìm kiếm thông tin cập nhật phần mềm

Bật tự động tìm kiếm thông tin để cập nhật phần mềm khi xe được cung cấp từ nhà máy nhưng có thể tắt chức năng này.

1. Chạm nhẹ vào **Settings (Cài đặt)** trong phần trên cùng của màn hình trung tâm.
2. Ấn **System (Hệ thống) → Download Centre (Trung tâm Tải xuống)**.
3. Bỏ chọn **Auto Software Update (Cập nhật Phần mềm Tự động)**.

Thông tin liên quan

- Trung tâm Tải xuống (trang 607)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)

Trạng thái của xe

Trạng thái chung của xe có thể được hiển thị trong màn hình trung tâm cùng với chức năng đặt lịch bảo trì²⁹.



Ứng dụng **Car Status (Trạng thái của Xe)** được khởi động từ phản ứng dụng trong màn hình trung tâm và có bốn tab:

- **Messages (Thông báo)** - thông báo trạng thái
- **Status (Trạng thái)** - kiểm tra mức dầu động cơ và mức AdBlue³⁰
- **TPMS** - kiểm tra áp suất lốp
- **Appointments (Đặt lịch)** - thông tin đặt lịch và thông tin xe³¹.

Thông tin liên quan

- Xử lý thông báo đã lưu từ màn hình người lái (trang 103)
- Kiểm tra và đổ dầu động cơ (trang 617)
- Hệ thống theo dõi áp suất lốp xe* (trang 566)
- Đặt lịch bảo trì và sửa chữa (trang 609)
- Gửi thông tin xe đến gara (trang 610)

- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Kiểm soát phát thải bằng AdBlue® (trang 474)

²⁹ Áp dụng với một số thị trường.

³⁰ AdBlue Áp dụng với xe chạy động cơ diesel.

³¹ Áp dụng với một số thị trường.

Đặt lịch bảo trì và sửa chữa³²

Đây là cách thuận tiện để đặt lịch bảo trì và kiểm tra xe trực tiếp tại gara.

Khi đến lúc bảo trì và trong một số trường hợp khi xe cần sửa chữa, một thông báo sẽ xuất hiện trong màn hình người lái và ở phía trên của màn hình trung tâm. Ngày bảo trì được xác định theo khoảng thời gian, số giờ mà động cơ đã chạy hoặc khoảng cách đi được từ lần bảo trì cuối cùng.

Trước khi có thể bảo trì

- Tạo Volvo ID và đăng ký vào xe.
- Lựa chọn đại lý Volvo mà bạn muốn liên hệ bằng cách truy cập www.volvocars.com và đăng nhập.
- Để gửi và nhận thông tin đặt lịch, phải kết nối xe với Internet³³.

Đặt lịch bảo trì

Điền vào yêu cầu đặt lịch khi có yêu cầu hoặc khi hiển thị thông báo xe cần bảo trì hoặc sửa chữa.



1. Mở ứng dụng **Car Status (Trạng thái của Xe)** từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **Appointments (Hẹn lịch)**.
3. Ấn **Request appointments (Yêu cầu đặt lịch)**.
4. Đảm bảo điền chính xác **Volvo ID**.
5. Đảm bảo điền **Workshop (Gara)** mong muốn.
6. Điền vào trường **Tap to write information to the workshop (Chạm nhẹ để ghi thông tin đến gara)** nếu có bất cứ thứ gì bạn muốn thực hiện trong quá trình kiểm tra xe tại gara hoặc bất cứ thông tin quan trọng nào khác đến gara.

7. Ấn **Send appointment request (Gửi yêu cầu hẹn lịch)**.

- > Bạn sẽ nhận được đề nghị hẹn lịch thông qua email trong hai ngày³⁴.

Bạn cũng sẽ nhận được thông tin tương tự thông qua email và khi bạn truy cập www.volvocars.com và đăng nhập.

Trong một số thị trường, sau khi bạn đã gửi yêu cầu hẹn lịch, thông báo xe cần bảo trì tất trong màn hình người lái.

8. Chạm nhẹ vào **Cancel request (Hủy bỏ yêu cầu)** để hủy bỏ yêu cầu của bạn.

Yêu cầu đặt lịch được gửi từ xe bao gồm thông tin xe để tạo thuận tiện cho quá trình lên kế hoạch bảo trì của gara. Đại lý gửi lại đề xuất đặt lịch kỹ thuật số. Bạn cũng có thể có thông tin về đại lý trong xe và có thể liên hệ với gara bất cứ lúc nào.

Chấp nhận đề nghị hẹn lịch

Khi xe đã nhận được đề nghị hẹn lịch, một thông báo sẽ được hiển thị phía trên màn hình trung tâm.

1. Chạm nhẹ vào thông báo.

³² Áp dụng với một số thị trường.

³³ Dữ liệu được truyền (lưu lượng dữ liệu) khi sử dụng Internet và điều này có tính phí.

³⁴ Khung thời gian này có thể thay đổi tùy thuộc vào thị trường.

2. Nếu chấp nhận đề nghị đặt lịch, chạm nhẹ vào **Accept (Chấp nhận)**, nếu không, chạm nhẹ vào **Send new proposal (Gửi đề xuất mới)** hoặc **Decline (Từ chối)**.

Với một số thị trường, hệ thống này nhắc bạn về thời gian hẹn lịch theo kế hoạch khi đến thời gian hẹn lịch và hệ thống dẫn đường³⁵ cũng có thể đưa bạn đến gara khi đến thời gian hẹn lịch.

Thông tin liên quan

- Trạng thái của xe (trang 608)
- Gửi thông tin xe đến gara (trang 610)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Volvo ID (trang 28)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

Gửi thông tin xe đến gara³⁶

Có thể gửi thông tin về xe vào bất cứ lúc nào, ví dụ, nếu bạn đặt lịch hẹn với gara và muốn giúp gara bằng cách cung cấp cho họ dữ liệu tốt hơn để lập kế hoạch đến gara kiểm tra xe. Việc gửi thông tin xe không giống việc đặt lịch hẹn bảo trì.



1. Mở ứng dụng **Car Status (Trạng thái của Xe)** từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm.
 2. Ấn **Appointments (Hẹn lịch)**.
 3. Ấn **Send car data (Gửi dữ liệu xe)**.
 - > Một thông báo về dữ liệu xe đang được gửi được hiển thị ở phía trên của màn hình trung tâm. Bạn có thể hủy bỏ truyền dữ liệu bằng cách chạm nhẹ X trong đèn báo hoạt động.
- Thông báo được gửi thông qua kết nối Internet³⁷ của xe.

Tất cả đại lý đều có thể truy cập thông tin xe này nếu các đại lý có số khung của xe (VIN³⁸).

Nội dung thông tin xe

Dữ liệu được gửi là thông tin được lưu gần nhất (lần cuối mà xe chạy) và bao gồm thông tin trong các lĩnh vực sau:

- yêu cầu bảo trì
- thời gian từ lần bảo trì cuối cùng
- trạng thái của chức năng
- mức dầu
- thông tin trên đồng hồ đo
- số khung của xe (VIN³⁹)
- phiên bản phần mềm của xe
- dữ liệu chẩn đoán của xe

Thông tin liên quan

- Đặt lịch bảo trì và sửa chữa (trang 609)
- Trạng thái của xe (trang 608)
- Điều hướng trong phần màn hình trung tâm (trang 111)
- Xe được kết nối Internet* (trang 536)

³⁵ Áp dụng với Dẫn đường Sennsus*.

³⁶ Áp dụng với một số thị trường.

³⁷ Dữ liệu được truyền (lưu lượng dữ liệu) khi sử dụng Internet và điều này có tính phí.

³⁸ Số Khung.

³⁹ Số Khung.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Nâng xe

Khi nâng xe, phải lắp kích của xe hoặc kích của gara vào các điểm lắp dưới gầm xe.

Với xe có kiểm soát cân bằng*, giảm xóc hơi, nếu được lắp, hệ thống này phải được tắt trước khi nâng xe. Tất chức năng này thông qua màn hình trung tâm.



CẢNH BÁO

Nếu nâng xe bằng kích của gara, phải đặt kích ở dưới một trong bốn điểm kích. Chú ý để đặt kích của gara vào vị trí mà xe không bị trượt. Đảm bảo để kích được lắp miếng bảo vệ cao su để xe cân bằng và không bị hư hỏng. Luôn sử dụng trục đỡ ba chân hoặc thiết bị tương tự.

LƯU Ý

Volvo khuyến cáo chỉ sử dụng kích thuộc về mẫu xe đang nâng. Nếu lựa chọn kích ngoài kích được Volvo khuyến cáo, tuân thủ hướng dẫn đi kèm thiết bị này.

Kích thông thường của xe chỉ được thiết kế để sử dụng không thường xuyên trong thời gian ngắn như khi thay bánh xe sau khi nổ lốp. Chỉ sử dụng mẫu kích chuyên dụng để nâng xe lên. Nếu cần nâng xe lên thường xuyên hơn hoặc cần thời gian dài hơn chỉ để thay bánh xe, khuyến cáo sử dụng kích của gara. Trong trường hợp này, tuân thủ hướng dẫn sử dụng đi kèm thiết bị đó.



Tam giác trong nắp nhựa bảo vị trí của các điểm nâng (đánh dấu màu đỏ).

Thông tin liên quan

- Tháo bánh xe (trang 573)
- Kích* (trang 571)
- Cài đặt kiểm soát cân bằng* (trang 462)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Mở và đóng nắp ca pô

Có thể mở nắp ca pô bằng tay cầm trong khoang hành khách và tay cầm dưới nắp ca pô.

Mở nắp ca pô



➡ Kéo tay cầm gần bàn đạp để mở nắp ca pô.



➡ Xoay tay cầm dưới nắp ca pô ngược chiều kim đồng hồ để mở nắp ca pô và nâng nắp ca pô.

Cảnh báo - không đóng nắp ca pô



Khi nhả nắp ca pô, biểu tượng cảnh báo và hình ảnh đồ họa trong màn hình người lái sẽ sáng và phát ra nhắc nhở bằng âm thanh. Nếu xe bắt đầu lăn bánh, tín hiệu cảnh báo bằng âm thanh sẽ lặp lại.

ⓘ LƯU Ý

Nếu biểu tượng cảnh báo sáng hoặc nghe thấy tín hiệu cảnh báo cho dù đang đóng nắp ca pô đúng quy cách, liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Đóng nắp ca pô

1. Đẩy nắp ca pô xuống cho đến khi nó bắt đầu hạ xuống.
2. Khi nắp ca pô hạ xuống chốt khóa, đẩy nắp ca pô để đóng hoàn toàn.



CẢNH BÁO

Nguy cơ kẹp tay! Đảm bảo rằng không có vật cản khi đóng nắp ca pô, nếu không, có nguy cơ gây thương tích cá nhân.



CẢNH BÁO

Kiểm tra xem nắp ca pô có khít vào vị trí khi đóng không. Nắp ca pô đóng khít sẽ phát ra âm thanh ở hai bên.



Nắp ca pô không được đóng kín. Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.



Nắp ca pô được đóng kín. Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, bộ phận có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

⚠ CẢNH BÁO

Tuyệt đối không lái xe khi mở nắp ca pô. Nếu có bất cứ dấu hiệu nào về việc nắp ca pô không được đóng đúng quy cách khi xe đang di chuyển, dừng xe ngay và đóng nắp ca pô.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về khoang động cơ (trang 615)
- Nhắc nhở đóng cửa và thắt dây đai an toàn (trang 50)

Bảo trì hệ thống điều khiển điều hòa

Chỉ gara được ủy quyền được bảo trì và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí.

Xử lý sự cố và sửa chữa

Hệ thống điều hòa không khí chứa chất truy vết huỳnh quang. Phải sử dụng ánh sáng cực tím trong quá trình phát hiện rò rỉ.

Volvo khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Xe có môi chất lạnh R134a

⚠ CẢNH BÁO

Hệ thống điều hòa không khí chứa môi chất lạnh cao áp R134a. Chỉ gara được ủy quyền được bảo trì và sửa chữa hệ thống này.

Xe có môi chất lạnh R1234yf

⚠ CẢNH BÁO

Hệ thống điều hòa không khí chứa môi chất lạnh cao áp R1234yf. Theo SAE J2845 (Đào tạo Kỹ thuật viên Bảo trì và Bảo quản An toàn Môi chất lạnh Sử dụng trong Hệ thống Điều hòa Không khí Di động), chỉ kỹ thuật viên đã được đào tạo và chứng nhận được bảo trì và sửa chữa hệ thống môi chất lạnh để đảm bảo sự an toàn của hệ thống.

Thông tin liên quan

- Chương trình bảo trì Volvo (trang 606)

Màn hình kính chắn gió khi thay thế kính chắn gió*

Xe có màn hình kính chắn gió được trang bị một loại kính chắn gió đặc biệt, đáp ứng yêu cầu hiển thị hình ảnh được chiếu lên.

Volvo khuyến cáo bạn liên hệ với gara được Volvo ủy quyền khi thay kính chắn gió. Phải lắp đúng phiên bản kính chắn gió để hình ảnh đồ họa của màn hình kính chắn gió được hiển thị chính xác.

Thông tin liên quan

- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)
- Vệ sinh màn hình kính chắn gió* (trang 644)

Tổng quan về khoang động cơ

Hình ảnh tổng quan thể hiện một số bộ phận liên quan đến bảo trì.



Hình thức của khoang động cơ có thể khác nhau, tùy thuộc vào mẫu xe và biến thể động cơ.

- 1 Bình chứa nước làm mát phụ
- 2 Bình dầu phanh (đặt phía người lái)
- 3 Ống nạp dung dịch nước rửa kính⁴⁰
- 4 Hệ thống điện trung tâm
- 5 Bộ lọc khí
- 6 Ống nạp dầu động cơ

CẢNH BÁO

Nhớ rằng quạt tản nhiệt (đặt ở phía trước khoang động cơ, phía sau két nước làm mát) có thể khởi động hoặc tiếp tục tự động vận hành trong xấp xỉ 6 phút sau khi động cơ đã được tắt.

Luôn yêu cầu gara vệ sinh động cơ, khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền. Có nguy cơ cháy nếu động cơ nóng.

CẢNH BÁO

Hệ thống đánh lửa làm việc ở điện áp rất cao và nguy hiểm. Hệ thống điện của xe phải luôn ở vị trí đánh lửa **0** khi thực hiện công việc trong khoang động cơ. Không chạm vào bugi hoặc bộ bin khi hệ thống điện của xe đang ở vị trí đánh lửa **II** hoặc khi động cơ nóng.

Thông tin liên quan

- Mỡ và đóng nắp ca pô (trang 613)
- Đồ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Đồ thêm nước làm mát (trang 618)
- Cầu chì trong khoang động cơ (trang 633)
- Kiểm tra và đổ dầu động cơ (trang 617)
- Lựa chọn chế độ đánh lửa (trang 432)

⁴⁰ Đồ dung dịch nước rửa kính thường xuyên, ví dụ, khi đổ nhiên liệu.

Dầu động cơ

Phải sử dụng dầu động cơ được chấp nhận để có thể thực hiện bảo trì và bảo hành định kỳ theo khuyến cáo.



Volvo khuyến cáo:



Nếu không thể kiểm tra dầu động cơ thường xuyên và mức dầu giảm xuống quá thấp, điều này có khả năng gây hư hỏng nghiêm trọng động cơ.

① QUAN TRỌNG

Để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thời gian bảo trì động cơ, tất cả các động cơ phải được đổ dầu động cơ tổng hợp chuyên dụng được chấp nhận tại nhà máy. Dầu đã được lựa chọn rất cẩn thận dựa trên thời gian sử dụng, đặc điểm khởi động, mức tiêu thụ nhiên liệu và tác động đến môi trường.

Phải sử dụng dầu động cơ được chấp nhận để có thể thực hiện bảo trì định kỳ theo khuyến cáo. Chỉ sử dụng cấp dầu được quy định để nạp và thay dầu, nếu không, sẽ có khả năng ảnh hưởng đến thời gian sử dụng, đặc điểm khởi động, mức tiêu thụ nhiên liệu và tác động đến môi trường của xe.

Nếu không sử dụng dầu động cơ có cấp và độ nhớt được quy định, các bộ phận liên quan đến động cơ có thể bị hỏng. Volvo Car Corporation sẽ không chịu trách nhiệm về các hư hỏng này. Volvo khuyến cáo thay dầu tại gara được Volvo ủy quyền.

Volvo sử dụng các hệ thống khác nhau để cảnh báo về mức dầu nếu mức dầu quá thấp/cao hoặc trong trường hợp áp suất dầu thấp. Một số biến thể động cơ có cảm biến áp suất dầu và sử dụng biểu tượng cảnh báo áp suất dầu thấp của màn hình người

lái . Các biến thể khác có cảm biến mức dầu khi người lái được thông báo thông qua biểu tượng cảnh báo

của màn hình người lái  và chữ trên màn hình. Một số biến thể có hai hệ thống này. Liên hệ đại lý của Volvo để biết thêm thông tin.

Thay dầu động cơ và bộ lọc dầu định kỳ theo quy định trong Sổ tay Hướng dẫn Bảo trì và Bảo hành. Cho phép sử dụng cấp dầu cao hơn cấp dầu được quy định. Nếu lái xe ở điều kiện bất lợi, Volvo khuyến cáo sử dụng dầu có cấp cao hơn cấp được quy định.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra và đổ dầu động cơ (trang 617)
- Dầu động cơ, thông số kỹ thuật (trang 671)
- Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ (trang 672)

Kiểm tra và đổ dầu động cơ

Mức dầu được đo bằng cảm biến mức dầu điện tử.



Ống nạp⁴¹.

Trong một số trường hợp, có thể cần đổ đầy dầu giữa các kỳ bảo dưỡng.

Không cần xử lý liên quan đến mức dầu động cơ cho đến khi một thông báo được hiển thị trong màn hình người lái.

CẢNH BÁO



Nếu biểu tượng này được hiển thị cùng với thông báo **Engine oil level Service required (Mức dầu động cơ Cần bảo trì)**, lái xe đến gara được Volvo ủy quyền. Mức dầu có thể quá cao.

QUAN TRỌNG



Nếu biểu tượng này được hiển thị cùng với thông báo về mức dầu thấp như **Engine oil level low Refill 1 litre (Mức dầu động cơ thấp Đổ thêm 1 lít)**, chỉ đổ thêm thể tích được quy định, ví dụ, 1 lít (1 quart).

CẢNH BÁO

Không đổ tràn dầu lên ống xả đang nóng do có nguy cơ xảy ra hỏa hoạn.

Xem mức dầu trong màn hình trung tâm

Xem mức dầu bằng đồng hồ đo mức dầu điện tử trong màn hình trung tâm khi đã khởi động xe. Cần kiểm tra mức dầu thường xuyên.



1. Mở ứng dụng **Car Status (Trạng thái của Xe)** từ phần ứng dụng trong màn hình trung tâm.
2. Ấn **Status (Trạng thái)** để hiển thị mức dầu.



Hình ảnh đồ họa thể hiện mức dầu trong màn hình trung tâm.

LƯU Ý

Hệ thống không thể phát hiện trực tiếp các thay đổi khi dầu được đổ đầy hoặc cạn. Phải lái xe xấp xỉ 30 km (20 dặm) và để xe đứng yên trong 5 phút, tắt động cơ và dừng trên nền đất phẳng trước khi mức dầu được báo chính xác.

⁴¹ Động cơ có cảm biến mức dầu điện tử không có que thăm dầu.

ⓘ LƯU Ý

Nếu không đáp ứng đúng các điều kiện về mức dầu (thời gian sau khi tắt động cơ, độ nghiêng của xe, nhiệt độ bên ngoài, v.v...), thông báo **No value available (Không có giá trị khả dụng)** sẽ được hiển thị trên màn hình trung tâm. Điều này không có nghĩa các hệ thống của xe gặp lỗi.

Thông tin liên quan

- Dầu động cơ (trang 616)
- Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ (trang 672)
- Dầu động cơ, thông số kỹ thuật (trang 671)
- Vị trí đánh lửa (trang 432)
- Trạng thái của xe (trang 608)

Đổ thêm nước làm mát

Nước làm mát để làm mát động cơ đốt trong theo đúng nhiệt độ vận hành. Nhiệt được truyền từ động cơ đến nước làm mát có thể được sử dụng để sưởi khoang hành khách.

Khi đổ thêm nước làm mát, tuân thủ hướng dẫn trên nhãn. Tuyệt đối không chỉ đổ thêm nước. Nguy cơ đóng băng tăng lên khi nồng độ nước làm mát quá ít hoặc quá nhiều.

Nếu có nước làm mát ở dưới xe, nếu có khói nước làm mát hoặc đổ thêm hơn 2 lít (xấp xỉ 2 quart), luôn gọi cứu hộ để tránh nguy cơ hư hỏng động cơ do hỏng hệ thống làm mát khi cố khởi động xe.



CẢNH BÁO

Nước làm mát có thể rất nóng. Tuyệt đối không mở nắp khi nước làm mát đang nóng. Nếu cần đổ thêm nước làm mát, tháo vít nắp bình chứa nước làm mát phụ từ từ để hạ áp suất.



Bình chứa nước làm mát phụ.





- 1 Tháo nút cao su bằng cách ấn nó vào trong khoang động cơ.
- 2 Tháo vành trong nắp nhựa bằng cách gấp chốt và xoay vành lên trên.
- 3 Tháo vít nắp và đổ thêm nước làm mát, nếu cần. Mức nước làm mát phải ở giữa dấu **MIN (TỐI THIỂU)** và **MAX (TỐI ĐA)** trên bình chứa nước làm mát phụ.

① QUAN TRỌNG

- Gây hại nếu nuốt phải. Có thể gây tổn thương cơ quan trong cơ thể (thận).
- Sử dụng nước làm mát pha sẵn được Volvo khuyến cáo. Nếu sử dụng nước làm mát, đảm bảo tỷ lệ là 50% nước làm mát, 50% nước với chất lượng phù hợp.
- Không trộn với loại nước làm mát khác.
- Chỉ được sử dụng loại nước làm mát mới khi thay các bộ phận của hệ thống làm mát chính để đảm bảo hệ thống được bảo vệ đầy đủ khỏi ăn mòn.
- Chỉ được chạy động cơ khi có hệ thống làm mát được nạp nước làm mát đầy đủ, nếu không, nhiệt độ quá cao có thể dẫn đến nguy cơ hư hỏng (nứt vỡ) trong đầu xy lanh.
- Hàm lượng chlorine, chloride và muối khác có thể gây ăn mòn trong hệ thống làm mát.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về khoang động cơ (trang 615)
- Nước làm mát, thông số kỹ thuật (trang 673)

Thay bóng đèn

Có thể thay bóng đèn trong đèn pha halogen mà không cần sự hỗ trợ của gara.

Không có đèn pha halogen cho tất cả các mẫu và thị trường. Liên hệ đại lý của Volvo để biết thêm thông tin.

Gara phải thay đèn LED⁴². Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

① LƯU Ý

Để biết thông tin về bóng đèn không được trình bày trong phần này, liên hệ đại lý của Volvo hoặc kỹ thuật viên bảo trì của Volvo được chứng nhận.

Có thể thay bóng đèn trong đèn pha halogen mà không cần sự hỗ trợ của gara. Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp nhựa trên đèn pha.

Có thể với tới bóng đèn cốt khi tháo nắp cao su tròn của đèn pha.

Có thể với tới bóng đèn xi nhan, đèn pha và đèn chạy ban ngày/đèn định vị khi nói lỏng nắp bảo vệ của đèn pha.

⁴² LED (Đi ốt Phát Quang)

Liên hệ với gara⁴³ nếu có lỗi xảy ra ở các bóng đèn khác trong đèn. Nếu lỗi xảy ra ở bóng đèn LED⁴⁴, phải thay toàn bộ cụm đèn.



CẢNH BÁO

Hệ thống điện của xe phải ở vị trí đánh lửa 0 khi thay bóng đèn.



QUAN TRỌNG

Tuyệt đối không chạm ngón tay vào phần thủy tinh của bóng đèn. Mỡ bôi trơn từ ngón tay của bạn bị bay hơi do nhiệt sẽ che phủ lên chóa đèn và gây hư hỏng.



LƯU Ý

Nếu thông báo lỗi vẫn hiển thị sau khi đã thay bóng đèn hỏng, chúng tôi khuyến cáo đưa xe đến gara được Volvo ủy quyền.

LƯU Ý

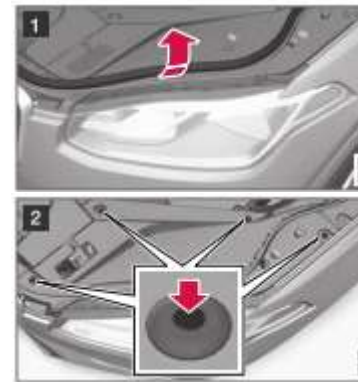
Hệ thống chiếu sáng bên ngoài như đèn pha và đèn phía sau có thể bị động hơi tạm thời bên trong thấu kính. Điều này là hoàn toàn bình thường, toàn bộ hệ thống chiếu sáng bên ngoài được thiết kế để chống chịu được điều này. Hơi động thường thoát ra ngoài vỏ đèn khi bật đèn một thời gian.

Thông tin liên quan

- Các vị trí đèn bên ngoài (trang 622)
- Tháo nắp nhựa để thay thế bóng đèn (trang 620)
- Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha (trang 621)
- Thay bóng đèn cốt (trang 622)
- Thay bóng đèn pha (trang 623)
- Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước (trang 624)
- Thay bóng đèn xi nhan phía trước (trang 624)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)

Tháo nắp nhựa để thay thế bóng đèn

Có thể thay bóng đèn trong đèn pha halogen mà không cần sự trợ giúp của gara nhưng phải tháo nắp nhựa trên đèn pha trước khi có thể thay thế bóng đèn.



Tháo nút cao su bằng cách ấn nó vào trong khoang động cơ.

⁴³ Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền

⁴⁴ LED (Điốt Phát Quang)

- 2 Ấn chốt vào bốn kẹp của nắp nhựa bằng tô vít và cạy nắp ra.

Lắp lại nắp theo thứ tự ngược lại.

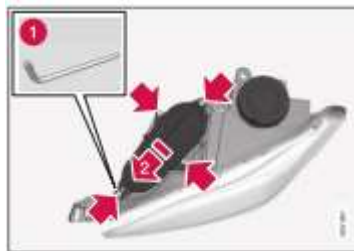
Thông tin liên quan

- Thay bóng đèn (trang 619)
- Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha (trang 621)
- Thay bóng đèn cốt (trang 622)
- Thay bóng đèn pha (trang 623)
- Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước (trang 624)
- Thay bóng đèn xi nhan phía trước (trang 624)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)

Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha

Cố thể với tới hầu hết các bóng đèn pha khi đã tháo nắp hình bầu dục.

Trước khi tháo nắp hình bầu dục, phải tháo nắp nhựa trên đèn pha.



Đèn pha bên trái.

1. Tháo bốn vít của nắp bằng dụng cụ Torx, kích thước T20 (1). Không được tháo vít hoàn toàn, chỉ cần 3-4 vòng là đủ.



Trượt nắp sang một bên.

3. Tháo nắp.

Lắp lại nắp theo thứ tự ngược lại.

Thông tin liên quan

- Thay bóng đèn (trang 619)
- Thay bóng đèn cốt (trang 622)

- Thay bóng đèn pha (trang 623)
- Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước (trang 624)
- Thay bóng đèn xi nhan phía trước (trang 624)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)

Các vị trí đèn bên ngoài

Hệ thống chiếu sáng bên ngoài của xe sử dụng nhiều đèn khác nhau. Gara phải thay đèn LED⁴⁵. Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

Các đèn phía trước (xe có đèn pha halogen)



- ❶ Đèn cốt
- ❷ Đèn pha
- ❸ Đèn chạy ban ngày/đèn định vị
- ❹ Đèn báo
- ❺ Đèn sương mù phía trước/đèn chiếu góc* (LED)

Các đèn phía sau



- ❶ Đèn phanh (LED)
- ❷ Đèn định vị (LED)
- ❸ Đèn lùi⁴⁶
- ❹ Đèn định vị (LED)
- ❺ Xi nhan (LED)
- ❻ Đèn sương mù (LED)
- ❼ Đèn phanh ở giữa, trên cao (LED)

Thông tin liên quan

- Thay bóng đèn (trang 619)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)
- Điều khiển chiếu sáng (trang 148)

Thay bóng đèn cốt

Có thể thay bóng đèn cốt trong đèn pha halogen mà không cần sự hỗ trợ của gara. Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp nhựa trên đèn pha.

❶ QUAN TRỌNG

Tuyệt đối không chạm ngón tay vào phần thủy tinh của bóng đèn. Mỡ bôi trơn từ ngón tay của bạn bị bay hơi do nhiệt sẽ che phủ lên chóa đèn và gây hư hỏng.



Đèn pha bên trái.

1. Tháo nắp cao su hình tròn của đèn pha.

⁴⁵ LED (Đi ốt Phát Quang)

⁴⁶ Liên hệ gara để thay, khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

2. Tháo đầu nối ra khỏi bóng đèn.
3. Tháo bóng đèn bằng cách đẩy nhẹ lên trên và kéo bóng đèn ra.
4. Lắp bóng đèn mới vào đuôi đèn. Chốt dẫn hướng của bóng đèn phải hướng thẳng lên trên.
5. Ấn đầu nối.
6. Lắp lại nắp cao su hình tròn của đèn pha.

Thông tin liên quan

- Các vị trí đèn bên ngoài (trang 622)
- Tháo nắp nhựa để thay bóng đèn (trang 620)
- Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha (trang 621)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)

Thay bóng đèn pha

Có thể thay bóng đèn pha trong đèn pha halogen mà không cần sự hỗ trợ của gara.

Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp nhựa trên đèn pha.

Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp hình bầu dục trên đèn pha.

ⓘ QUAN TRỌNG

Tuyệt đối không chạm ngón tay vào phần thủy tinh của bóng đèn. Mỡ bôi trơn từ ngón tay của bạn bị bay hơi do nhiệt sẽ che phủ lên chóa đèn và gây hư hỏng.



Đèn pha bên trái.

1. Tháo bóng đèn bằng cách xoay chuỗi đèn hướng lên trên và sau đó kéo bóng đèn ra.

2. Cạy cẩn thận nắp nhựa tại vấu cố định đầu nối để vấu cố định nhả ra.
3. Tháo đầu nối ra khỏi bóng đèn.
4. Thay bóng đèn.
5. Lắp bóng đèn vào đuôi đèn và vặn xuống dưới.

Thông tin liên quan

- Các vị trí đèn bên ngoài (trang 622)
- Tháo nắp nhựa để thay bóng đèn (trang 620)
- Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha (trang 621)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)

Thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị phía trước

Có thể thay bóng đèn chạy ban ngày/bóng đèn định vị trong đèn pha halogen mà không cần sự hỗ trợ của gara.

Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp nhựa trên đèn pha.

Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp hình bầu dục trên đèn pha.

❗ LƯU Ý

Bóng đèn chạy ban ngày/đèn định vị sẽ dễ vỡ tới hơn nếu đã tháo bóng đèn pha. Bóng đèn pha được lắp chéo phía trên bóng đèn chạy ban ngày/đèn định vị. Tháo bóng đèn pha bằng cách xoay chuỗi đèn hướng lên trên và sau đó kéo bóng đèn ra.

❗ QUAN TRỌNG

Tuyệt đối không chạm ngón tay vào phần thủy tinh của bóng đèn. Mỡ bôi trơn từ ngón tay của bạn bị bay hơi do nhiệt sẽ che phủ lên chóa đèn và gây hư hỏng.



Đèn pha bên trái.

1. Kéo chuỗi đèn của đèn chạy ban ngày/đèn định vị ra.
2. Tháo bóng đèn bằng cách kéo bóng đèn ra.
3. Thay bóng đèn.
4. Lắp chuỗi đèn vào đuôi đèn và ấn vào vị trí.
5. Nếu đã tháo chuỗi đèn của bóng đèn pha, lắp chuỗi đèn vào đuôi đèn và bắt vít.

Thông tin liên quan

- Các vị trí đèn bên ngoài (trang 622)
- Tháo nắp nhựa để thay bóng đèn (trang 620)
- Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha (trang 621)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)
- Thay bóng đèn pha (trang 623)

Thay bóng đèn xi nhan phía trước

Có thể thay bóng đèn xi nhan trong đèn pha halogen mà không cần sự hỗ trợ của gara.

Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp nhựa trên đèn pha.

Trước khi có thể thay bóng đèn, phải tháo nắp hình bầu dục trên đèn pha.



Đèn pha bên trái.

1. Ấn đồng thời các chốt và kéo chuỗi đèn ra.
2. Thay chuỗi đèn cùng với bóng đèn mới.
3. Lắp chuỗi đèn vào đuôi đèn và ấn vào vị trí

Thông tin liên quan

- Các vị trí đèn bên ngoài (trang 622)
- Tháo nắp nhựa để thay bóng đèn (trang 620)
- Tháo nắp hình bầu dục của đèn pha (trang 621)
- Thông số kỹ thuật bóng đèn (trang 625)

Thông số kỹ thuật bóng đèn

Thông số kỹ thuật áp dụng cho các bóng đèn trong đèn pha halogen.

Liên hệ xưởng sửa chữa nếu xuất hiện lỗi trên các bóng đèn khác⁴⁷.

Chức năng	W ^A	Loại
Đèn cốt	55	H7
Đèn pha	65	H9
Xi nhan phía trước	24	PY24W
Đèn chạy ban ngày/ đèn định vị phía trước	21/5	W21/5W

^A Watt

Thông tin liên quan

- Các vị trí đèn bên ngoài (trang 622)
- Thay bóng đèn (trang 619)

⁴⁷ Khuyến cáo liên hệ gara được Volvo ủy quyền.

Ắc quy bộ khởi động

Hệ thống điện là loại đơn cực và sử dụng khung và vỏ động cơ làm dây dẫn.

Ắc quy bộ khởi động được sử dụng để khởi động hệ thống điện và dẫn động động cơ bộ khởi động cũng như thiết bị điện khác trong xe.

Ắc quy bộ khởi động cần được gara⁴⁸ thay. Xe có máy phát điện xoay chiều điều chỉnh điện áp.

Ắc quy bộ khởi động là ắc quy 12 V, được thiết kế với chức năng khử cacbon dioxit, Khởi động/Dừng, sạc tái tạo và hỗ trợ hoạt động các hệ thống khác nhau của xe.

Tuổi thọ và chức năng của ắc quy bộ khởi động bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như số lần khởi động, xả ắc quy, kiểu lái, điều kiện lái, điều kiện khí hậu v.v...

- Tuyệt đối không ngắt ắc quy bộ khởi động khi động cơ đang chạy.
- Kiểm tra xem cáp nối ắc quy bộ khởi động có được nối chính xác và siết chặt không.

⚠ CẢNH BÁO

- Ắc quy có thể tạo ra khí oxyhydro có khả năng nổ cao. Có thể tạo thành tia lửa nếu dây kích nổ được nối không chính xác và điều này đủ làm nổ ắc quy.
- Không nối dây kích nổ với bộ phận của hệ thống nhiên liệu hoặc bộ phận đang di chuyển. Cần thận với bộ phận nóng của động cơ.
- Ắc quy chứa axit sunphuric có thể gây bỏng nặng.
- Nếu axit sunphuric tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, rửa bằng nhiều nước. Nếu axit bắn vào mắt, điều trị y tế ngay lập tức.
- Tuyệt đối không hút thuốc gần ắc quy.

Các điểm sạc

Khi nối ắc quy bộ khởi động bên ngoài hoặc bộ sạc ắc quy, sử dụng các điểm sạc của xe trong khoang động cơ.

Không được sử dụng cực ắc quy trên ắc quy bộ khởi động của xe trong khoang hành lý.

Trong quá trình sạc, ắc quy bộ khởi động và ắc quy hỗ trợ đều được sạc.



❶ Điểm sạc cực dương

❷ Điểm sạc cực âm

ⓘ QUAN TRỌNG

Khi sạc ắc quy bộ khởi động và ắc quy hỗ trợ, chỉ sử dụng bộ sạc ắc quy hiện đại có điều khiển điện áp sạc. Không được sử dụng chức năng sạc nhanh do nó có thể làm hỏng ắc quy.

⁴⁸ Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

❶ QUAN TRỌNG

Nếu không tuân thủ các hướng dẫn sau, chức năng tiết kiệm năng lượng cho hệ thống thông tin giải trí có thể bị tắt tạm thời và/hoặc thông báo trong màn hình người lái về trạng thái sạc của ắc quy bộ khởi động có thể tạm thời không áp dụng sau khi kết nối ắc quy bộ khởi động bên ngoài hoặc bộ sạc ắc quy:

- Tuyệt đối không được sử dụng cực âm của ắc quy trên ắc quy bộ khởi động của xe để nối ắc quy bộ khởi động bên ngoài hoặc bộ sạc ắc quy, chỉ có thể sử dụng **điểm sạc cực âm của xe làm điểm nối đất**.

❷ LƯU Ý

Tuổi thọ của ắc quy giảm nếu bị xả liên tục. Tuổi thọ của ắc quy bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm điều kiện lái xe và khí hậu. Khả năng khởi động của ắc quy giảm dần theo thời gian và cần được sạc lại nếu không sử dụng xe trong thời gian dài hoặc khi chỉ lái xe ở đoạn đường ngắn. Thời tiết quá lạnh làm giảm khả năng khởi động. Để duy trì ắc quy ở điều kiện tốt, khuyến cáo lái xe ít nhất 15 phút mỗi tuần hoặc nối ắc quy với bộ sạc ắc quy bằng sạc hạn chế tự động. Ắc quy liên tục được sạc đầy có tuổi thọ cao nhất.

Vị trí



Ắc quy bộ khởi động được đặt trong khoang hành lý.

⚠ CẢNH BÁO

Nếu ngắt ắc quy bộ khởi động, phải cài đặt lại chức năng mở và đóng tự động để hoạt động đúng chức năng. Phải thực hiện cài đặt lại để chức năng bảo vệ chống kẹp hoạt động.

Thông số kỹ thuật của ắc quy bộ khởi động

Loại ắc quy	H7 AGM	H8 AGM
Điện áp (V)	12	12
Khả năng khởi động nguội ^A - CCA ^B (A)	800	850

Loại ắc quy	H7 AGM	H8 AGM
Kích cỡ, L x B x H	315 x 175 x 190 mm (12,4 x 6,9 x 7,5 inch)	353 x 175 x 190 mm (13,9 x 6,9 x 7,5 inch)
Công suất (Ah)	80	95

^A Theo tiêu chuẩn EN.

^B Ampe Khởi động Ngủội.

⚠ QUAN TRỌNG

Nếu thay ắc quy, đảm bảo bạn thay bằng ắc quy có cùng kích cỡ, khả năng khởi động ngủội và chủng loại như ắc quy ban đầu (xem nhãn dán trên ắc quy).

Thông tin liên quan

- Biểu tượng trên ắc quy (trang 630)
- Ắc quy hỗ trợ (trang 629)
- Kích nỏ bằng một ắc quy khác (trang 481)

Ắc quy hỗ trợ

Xe có chức năng Khởi động/Dừng cùng với ắc quy bộ khởi động, được trang bị một ắc quy hỗ trợ.

Xe có chức năng Khởi động/Dừng được trang bị hai ắc quy 12 V, một ắc quy bộ khởi động hiệu suất cao để khởi động và một ắc quy hỗ trợ trong trình tự khởi động của chức năng Khởi động/Dừng.



Ắc quy hỗ trợ được đặt trong hộp cạnh thanh giằng.

① LƯU Ý

- Dòng điện trong xe tăng càng cao, phải hoạt động càng nhiều máy phát điện và mức sạc ắc quy - mức tăng tiêu thụ nhiên liệu.
- Khi công suất của ắc quy bộ khởi động giảm xuống dưới mức thấp nhất cho phép, chức năng Khởi động/Dừng bị tắt.

Chức năng Khởi động/Dừng bị giảm hiệu năng tạm thời do dòng điện tăng cao có nghĩa là:

- Động cơ tự động khởi động mà người lái không nâng chân khỏi bàn đạp chân phanh.

Ắc quy hỗ trợ thường không yêu cầu nhiều lần bảo trì hơn so với ắc quy bộ khởi động thông thường. Cần liên hệ gara trong trường hợp có thắc mắc hoặc gặp vấn đề, khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền.

① QUAN TRỌNG

Nếu không tuân thủ các hướng dẫn sau, chức năng Khởi động/Dừng có thể tạm thời dừng hoạt động sau khi kết nối ắc quy bộ khởi động bên ngoài hoặc bộ sạc ắc quy:

- Tuyệt đối không được sử dụng cực âm của ắc quy trên ắc quy bộ khởi động của xe để nối ắc quy bộ khởi động bên ngoài hoặc bộ sạc ắc quy, chỉ có thể sử dụng **điểm sạc cực âm của xe** làm điểm nối đất.

① LƯU Ý

Nếu ắc quy bộ khởi động bị xả quá nhiều đến mức chức năng hệ thống điện của xe không hoạt động bình thường và động cơ sau đó được khởi động bằng kích nổ với ắc quy bên ngoài hoặc bộ sạc ắc quy, chức năng Khởi động/Dừng có thể tiếp tục được bật. Nếu chức năng Khởi động/Dừng tự động dừng động cơ ngay sau đó, động cơ rất có khả năng không thể tự động khởi động do thiếu công suất ắc quy vì ắc quy chưa được sạc lại. Nếu đã kích nổ xe hoặc nếu không có đủ thời gian để sạc ắc quy bằng bộ sạc ắc quy, khuyến cáo tắt tạm thời chức năng Khởi động/Dừng cho đến khi đã sạc ắc quy trong xe. Ở nhiệt độ bên ngoài xấp xỉ +15°C (xấp xỉ 60°F), ắc quy cần được sạc trong ít nhất 1 giờ trong xe. Ở nhiệt độ bên ngoài thấp hơn, thời gian sạc có thể tăng lên 3 - 4 giờ. Khuyến cáo sạc ắc quy bằng bộ sạc ắc quy bên ngoài.

Thông số kỹ thuật của ắc quy hỗ trợ

Điện áp (V)	12
Khả năng khởi động nguội ^A - CCA ^B (A)	170

Kích cỡ, L x B x H	150 x 90 x 130 mm (5,9 x 3,5 x 5,1 inch)
Công suất (Ah)	10

^A Theo tiêu chuẩn EN.

^B Ampe Khởi động Nguội.

① QUAN TRỌNG

Nếu thay ắc quy, đảm bảo bạn thay bằng ắc quy có cùng kích cỡ, khả năng khởi động nguội và chủng loại như ắc quy ban đầu (xem nhãn dán trên ắc quy).

Thông tin liên quan

- Ắc quy bộ khởi động (trang 626)
- Chức năng Khởi động/Dừng (trang 455)
- Biểu tượng trên ắc quy (trang 630)

Biểu tượng trên ắc quy

Có các biểu tượng thông tin và cảnh báo trên ắc quy.

	Sử dụng kính bảo hộ.
	Đọc thêm thông tin trong sách hướng dẫn sử dụng xe.
	Bảo quản ắc quy tránh xa tầm với của trẻ.
	Ắc quy chứa axit ăn mòn.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

	Tránh tia lửa và ngọn lửa.
	Nguy cơ nổ.
	Phải được đưa đi tái chế.

LƯU Ý

Phải tái chế ắc quy bộ khởi động hoặc ắc quy hỗ trợ đã hết điện một cách an toàn với môi trường do ắc quy chứa chì.

Thông tin liên quan

- Ắc quy bộ khởi động (trang 626)
- Ắc quy hỗ trợ (trang 629)

Cầu chì và thiết bị điện trung tâm

Tất cả các chức năng và các bộ phận điện đều được bảo vệ bằng nhiều cầu chì để bảo vệ hệ thống điện trên xe không bị hư hỏng do ngắn mạch hoặc quá tải.



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không được phép sử dụng vật thể lạ hoặc cầu chì có cường độ dòng điện cao hơn giá trị định mức khi thay cầu chì. Điều này có thể làm hư hỏng nghiêm trọng hệ thống điện và có thể gây ra cháy.

Nếu một bộ phận hoặc chức năng điện không hoạt động, có thể là do cầu chì của bộ phận đó tạm thời bị quá tải và bị lỗi. Nếu cầu chì tương tự tiếp tục bị lỗi, có thể xảy ra lỗi trong mạch điện. Volvo khuyến cáo liên hệ với gara được Volvo ủy quyền để kiểm tra.

Vị trí của thiết bị điện trung tâm



Hình ảnh chỉ là hình ảnh đồ họa, hình thức có thể thay đổi tùy thuộc vào mẫu xe.

Thiết bị điện trung tâm nằm trong xe có vô lăng bên trái. Trên xe có vô lăng bên phải, thiết bị điện trung tâm nằm dưới hộp đựng găng tay hai bên.

- ❶ Khoang động cơ
- ❷ Dưới hộp đựng găng tay
- ❸ Khoang hành lý

Thông tin liên quan

- Thay cầu chì (trang 632)
- Cầu chì trong khoang hành lý (trang 639)
- Cầu chì trong khoang động cơ (trang 633)
- Cầu chì dưới hộp đựng găng tay (trang 636)

Thay cầu chì

Tất cả các chức năng và các bộ phận điện đều được bảo vệ bằng nhiều cầu chì để bảo vệ hệ thống điện trên xe không bị hư hỏng do ngắn mạch hoặc quá tải.

1. Xem sơ đồ cầu chì để xác định vị trí cầu chì.
2. Kéo cầu chì ra và kiểm tra từ hai bên cầu chì để quan sát xem phần dây cong có bị đứt hay không.
3. Nếu dây bị đứt, phải thay cầu chì mới có cùng màu và cường độ dòng điện.



CẢNH BÁO

Tuyệt đối không được phép sử dụng vật thể lạ hoặc cầu chì có cường độ dòng điện cao hơn giá trị định mức khi thay cầu chì. Điều này có thể làm hư hỏng nghiêm trọng hệ thống điện và có thể gây ra cháy.



CẢNH BÁO

Liên hệ gara được Volvo ủy quyền về các cầu chì không được trình bày trong sách hướng dẫn sử dụng. Nếu không thực hiện chính xác, có thể gây hư hỏng nghiêm trọng hệ thống điện.

Thông tin liên quan

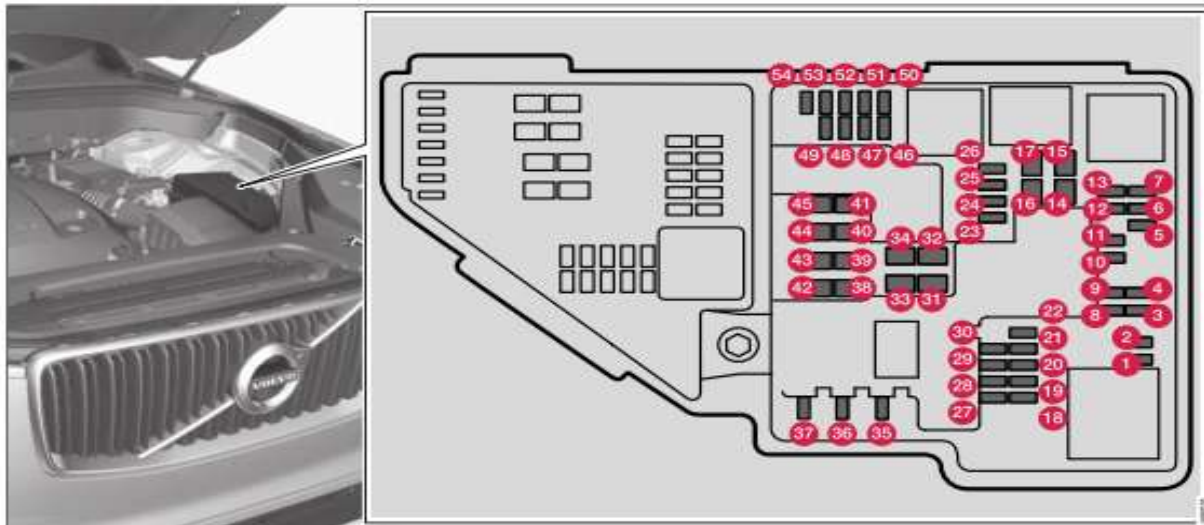
- Cầu chì và thiết bị điện trung tâm (trang 631)
- Cầu chì trong khoang hành lý (trang 639)
- Cầu chì trong khoang động cơ (trang 633)

- Cầu chì dưới hộp đựng găng tay (trang 636)

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Cầu chì trong khoang động cơ

Cầu chì trong khoang động cơ bảo vệ các chức năng của động cơ, phanh và các chức năng khác.



»»

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

«

Các kẹp bên trong nắp sẽ hỗ trợ thực hiện quy trình tháo và lắp cầu chì.

Hộp cầu chì cũng chứa nhiều cầu chì dự phòng.

Vị trí

Bên trong nắp là một nhãn hiển thị vị trí của các cầu chì.

- Cầu chì 1 - 13, 18 - 30, 35 - 37 và 46 - 54 là loại "Micro"
- Cầu chì 14 - 17, 31 - 34 và 38 - 45 là loại "MCase" và cần được gara⁴⁹ thay.

	Chức năng	Cường độ dòng điện
1	-	-
2	-	-
3	-	-
4	Bô bin (động cơ xăng); Bugi (động cơ xăng)	15
5	Van điện từ cho máy bơm dầu động cơ, Ly hợp van điện từ xoay chiều; Cảm biến lam đa, trung tâm (động cơ xăng); Cảm biến lam đa, phía sau (động cơ xăng)	15

	Chức năng	Cường độ dòng điện
6	Bộ điều chỉnh chân không; Van; Van xung đầu ra (động cơ diesel)	7,5
7	Mô-đun điều khiển động cơ; Cơ cấu chấp hành; Bộ bướm ga; Van EGR (động cơ diesel); Cảm biến vị trí turbo (động cơ diesel); Van tăng áp (động cơ xăng)	20
8	Module điều khiển động cơ (ECM)	5
9	-	-
10	Van điện từ (động cơ xăng); Van; Van hằng nhiệt cho hệ thống làm mát động cơ (động cơ xăng); bơm làm mát EGR (động cơ diesel); Module điều khiển xông máy (động cơ diesel)	10
11	Nắp con lăn tấm hướng gió module điều khiển; Nắp con lăn kết nước làm mát module điều khiển; Cuộn ro le xung đầu xa (động cơ diesel)	5
12	-	-
13	Module điều khiển động cơ (ECM)	20
14	Động cơ bộ khởi động	Shunt
15	Động cơ bộ khởi động	40

	Chức năng	Cường độ dòng điện
16	Bộ sủi lọc nhiên liệu (động cơ diesel)	30
17	-	-
18	-	-
19	-	-
20	-	-
21	-	-
22	-	-
23	-	-
24	Ổ cắm 12 V trên bảng điều khiển bên dưới, phía trước	15
25	Ổ cắm 12 V trên bảng điều khiển bên dưới, chỗ để chân cho hàng ghế thứ hai	15
26	Ổ cắm 12 V trong khoang hành lý*	15
27	-	-
28	Đèn pha bên trái, một số biến thể của LED ^A	15
29	Đèn pha bên phải, một số biến thể của LED ^A	15

⁴⁹ Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

*Tùy chọn/phụ kiện.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

	Chức năng	Cường độ dòng điện
30	-	-
31	Sưởi kính chắn gió phía bên trái	Shunt
32	Sưởi kính chắn gió phía bên trái	40
33	Nước rửa đèn pha*	25
34	Nước rửa kính chắn gió	25
35	Module điều khiển hệ thống truyền động	15
36	Còi	20
37	Còi báo động*	5
38	Module điều khiển hệ thống phanh (van, phanh tay)	40
39	Cần gạt nước	30
40	Nước rửa cửa sổ sau	25
41	Sưởi kính chắn gió phía bên phải	40
42	Hệ thống sưởi khi đỗ xe*	20
43	Thiết bị điều khiển cho hệ thống phanh (máy bơm ABS)	40
44	-	-

	Chức năng	Cường độ dòng điện
45	Sưởi kính chắn gió phía bên phải	Shunt
46	Được cung cấp khi bật khóa điện: Module điều khiển động cơ; Bộ phận hộp số; Hệ thống trợ lực lái điện; Module điện tử trung tâm; Module điều khiển hệ thống phanh	5
47	-	-
48	Đèn pha bên phải	7,5
	Đèn pha bên phải, một số biến thể của LED ^a	15
49	Khóa vô lăng khi người lái say rượu	5
50	-	-
51	Module điều khiển ắc quy	5
52	Túi khí	5
53	Đèn pha bên trái	7,5
	Đèn pha bên trái, một số biến thể của LED ^a	15
54	Cảm biến chân ga	5

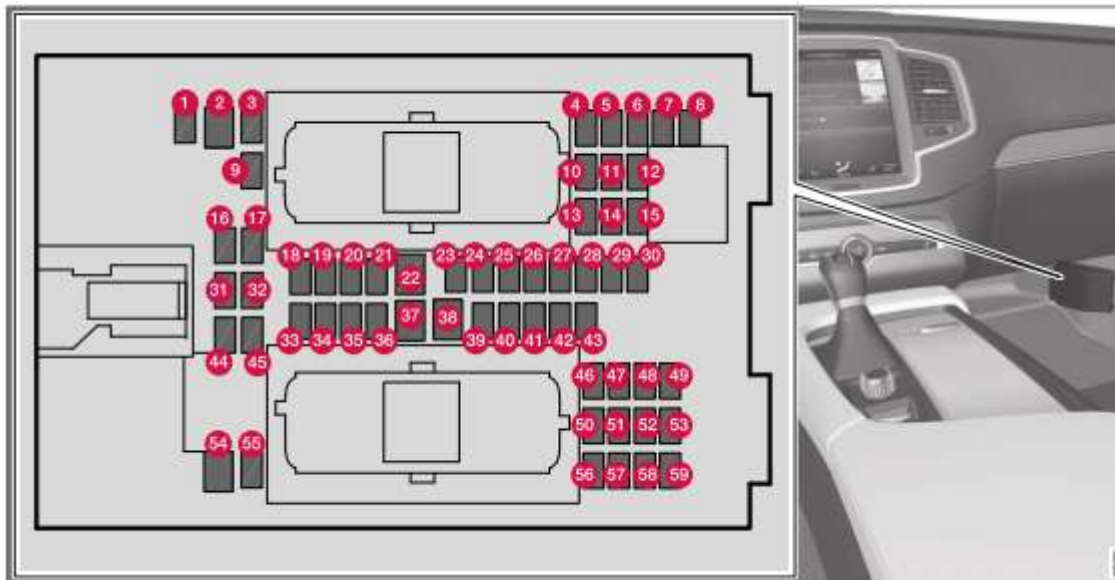
^a LED (Đi ốt Phát Quang)

Thông tin liên quan

- Cầu chì và thiết bị điện trung tâm (trang 631)
- Thay cầu chì (trang 632)

Cầu chì dưới hộp đựng găng tay

Cầu chì dưới hộp đựng găng tay bảo vệ ổ cắm điện, màn hình và module cửa cùng với các chức năng khác.



BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Các kẹp bên trong nắp sẽ hỗ trợ thực hiện quy trình tháo và lắp cầu chì.

Hộp cầu chì trong khoang động cơ cũng chứa nhiều cầu chì dự phòng.

Vị trí

- Cầu chì 1, 3 - 21, 23 - 36, 39 - 53 và 55 - 59 là loại "Micro"
- Cầu chì 2, 22, 37 - 38 và 54 là loại "MCASE" và cần được gara⁵⁰ thay.

	Chức năng	Cường độ dòng điện
1	-	-
2	Ổ cắm điện trên bảng điều khiển bên dưới, chỗ để chân cho ghế sau*	30
3	-	-
4	Cảm biến chuyển động*	5
5	Trình phát phương tiện giải trí	5
6	Màn hình người lái	5
7	Bàn phím trong bảng điều khiển trung tâm	5
8	Cảm biến mặt trời	5

	Chức năng	Cường độ dòng điện
9	Module điều khiển sensus	20
10	-	-
11	Module vô lăng	5
12	Module nút khởi động và điều khiển phanh tay	5
15	Module vô lăng để sườn vô lăng*	15
16	-	-
17	-	-
18	-	-
19	Module điều khiển cho hệ thống điều khiển khí hậu	10
20	Khóa vô lăng	7,5
21	Ổ chân đoán lỗi OBDII	10
22	Màn hình trung tâm	5
23	Module quạt cho hệ thống điều khiển điều hòa, phía trước	40

	Chức năng	Cường độ dòng điện
25	CÔNG USB	5
26	Điều khiển hệ thống chiếu sáng; Chiếu sáng nội thất; Đèn cốt của gương chiếu hậu trong xe; * Cảm biến mưa và ánh sáng*; Bàn phím trên bảng điều khiển bên dưới, chỗ để chân của ghế sau*; Ghế chỉnh điện phía trước*; Bảng điều khiển trên cửa sau; Module quạt điều khiển điều hòa trái/phải	7,5
27	Module điều khiển chức năng hỗ trợ người lái	5
28	Nóc cửa sổ trời có rèm che nắng*	20
29	Màn hình kính chắn gió*	5
30	Chiếu sáng khoang hành khách	5
31	-	-
32	Màn hình trong bảng điều khiển trên nóc xe (Nhắc tắt dây đai an toàn/Đèn báo túi khí trên ghế hành khách phía trước)	5
33	-	-

⁵⁰ Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

44

	Chức năng	Cường độ dòng điện
32	Cảm biến độ ẩm	5
33	Module cửa trong cửa sau bên phải	20
34	Cầu chì trong khoang hành lý	10
35	Module điều khiển cho xe trực tuyến; Module điều khiển cho Volvo On Call	5
36	Module cửa trong cửa sau bên trái	20
37	Module điều khiển âm thanh (ampli) (một số biến thể)	40
38	Module quạt cho hệ thống điều khiển điều hòa, phía sau*	40
39	Module cho ăng ten đa tần	5
40	Module tạo sự thoải mái cho ghế (massage), phía trước*	5
41	Khóa vô lăng khi người lái say rượu	5
42	Cần gạt nước phía sau	15
43	Module điều khiển máy bơm nhiên liệu	15
44	-	-

	Chức năng	Cường độ dòng điện
45	-	-
46	Sưởi ghế, phía người lái, phía trước	15
47	Sưởi ghế, phía hành khách, phía trước	15
48	Máy bơm nước làm mát	10
49	-	-
50	Module cửa trong cửa bên trái phía trước	20
51	Module điều khiển giảm xóc (khung chủ động)*	20
52	-	-
53	Module điều khiển sensus	20
54	-	-
55	-	-
56	Module cửa trong cửa bên phải phía trước	20
57	-	-

	Chức năng	Cường độ dòng điện
58	TV* (một số thị trường)	5
59	Cầu chì chính cho cầu chì 9, 53 và 58	15

Thông tin liên quan

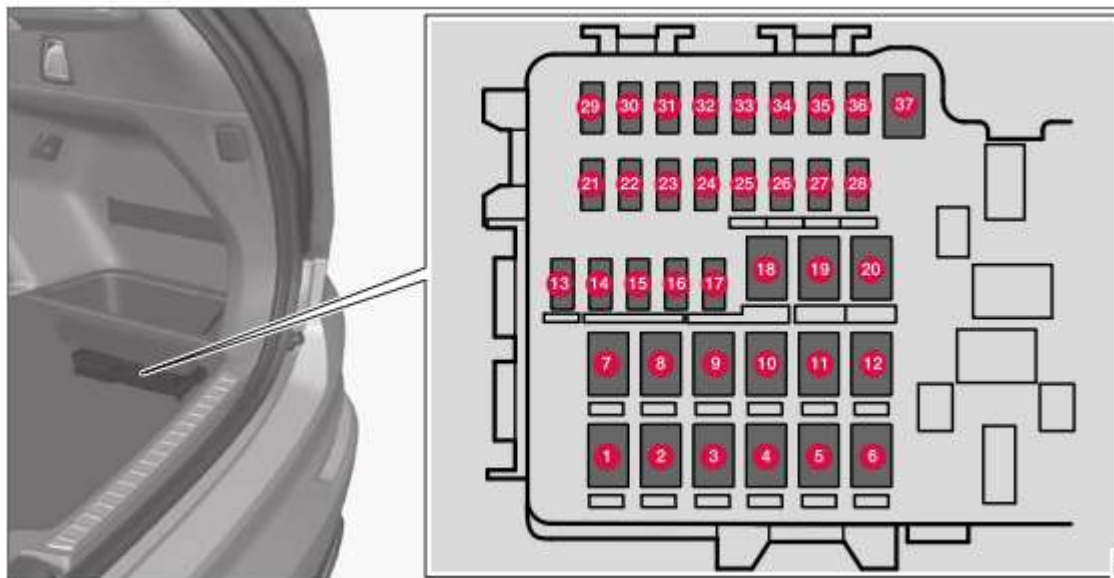
- Cầu chì và thiết bị điện trung tâm (trang 631)
- Thay cầu chì (trang 632)

*Tùy chọn/phụ kiện.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Cầu chì trong khoang hành lý

Cầu chì trong khoang hành lý sẽ bảo vệ ghế chỉnh điện, túi khí và bộ căng dây đai an toàn cùng với các chức năng khác.



Thiết bị điện trung tâm được đặt dưới khoang chứa hành lý bên phải.

Các kẹp bên trong nắp sẽ hỗ trợ thực hiện quy trình tháo và lắp cầu chì.

Hộp cầu chì trong khoang động cơ cũng chứa nhiều cầu chì dự phòng.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Vị trí

- Cầu chì 13 - 17 và 21 - 36 là loại "Micro"
- Cầu chì 1 - 12, 18 - 20 và 37 là loại "MCCase" và cần được gara⁵¹ thay.

	Chức năng	Cường độ dòng điện
❶	Sấy cửa sổ phía sau	30
❷	-	-
❸	Máy nén cho giảm xóc hơi*	40
❹	Hệ thống sưởi điện bổ sung bên phải phía sau*	30
❺	-	-
❻	Hệ thống sưởi điện bổ sung bên trái phía sau*	15 30
❼	-	-
❽	Module điều khiển khử nito oxit (động cơ diesel)	30
❾	Cốp sau chạy điện*	25
❿	Ghế hành khách phía trước chỉnh điện*	20

	Chức năng	Cường độ dòng điện
❶	Module điều khiển thanh kéo*	40
❷	Module bộ căng trước dây đai an toàn bên phải	40
❸	Cuộn rơ le bên trong	5
❹	Module điều khiển khử nito oxit (động cơ diesel)	15
❺	Module phát hiện di chuyển chân* (để mở cốp sau chạy điện)	5
❻	Khóa vô lăng khi người lái say rượu, cổng USB/cổng phụ kiện	5
❼	Module hạ đệm ngả lưng trong hàng ghế thứ ba*	20
❽	Module điều khiển thanh kéo	25
❽	Module phụ kiện	40
❿	Ghế người lái chỉnh điện*	20
❿	Module bộ căng trước dây đai an toàn bên trái	40
❿	Camera đỗ xe*	5
❿	-	-

	Chức năng	Cường độ dòng điện
❶	-	-
❷	-	-
❸	-	-
❹	Module điều khiển túi khí và bộ căng dây đai an toàn	5
❺	-	-
❻	Sưởi ghế bên trái phía sau*	15
❼	-	-
❽	Thông tin Cảnh báo Điểm mù (BLIS)*: module điều khiển, âm thanh đảo ngược bên ngoài	5
❽	-	-
❽	Module bộ căng trước dây đai an toàn	5
❽	Cơ cấu chấp hành cho khí thải (động cơ xăng, một số biến thể động cơ)	5
❽	-	-
❽	Module điều khiển Dẫn động Bốn bánh Toàn Thời gian (AWD)	15

⁵¹ Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền.

44

	Chức năng	Cường độ dòng điện
	Sưởi ghế bên phải phía sau*	15
	-	-

Thông tin liên quan

- Cầu chì và thiết bị điện trung tâm (trang 631)
- Thay cầu chì (trang 632)

*Tùy chọn/phụ kiện.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

Vệ sinh nội thất

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

❗ QUAN TRỌNG

- Một số họa tiết của quần áo có màu (ví dụ, quần bò đen và quần áo da lộn) có thể làm bẩn vải bọc ghế. Nếu điều này xảy ra, phải vệ sinh và xử lý các bộ phận này của vải bọc ghế sớm nhất có thể.
- Tuyệt đối không sử dụng các dung môi mạnh như dung dịch nước rửa kính, xăng tinh khiết hoặc rượu trắng hoặc cồn đậm đặc để vệ sinh nội thất do điều này có thể làm hỏng vải bọc ghế và vật liệu nội thất khác.
- Tuyệt đối không trực tiếp phun chất làm sạch lên các bộ phận có nút bấm và nút điều khiển điện. Lau bằng giẻ thấm chất làm sạch.
- Các đồ vật nhọn và khóa quần áo có thể làm hỏng vải bọc ghế.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)

- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh màn hình trung tâm

Bụi bẩn, vết bẩn và mỡ từ ngón tay có thể ảnh hưởng đến hiệu năng hoạt động và khả năng hiển thị của màn hình trung tâm. Vệ sinh màn hình thường xuyên bằng giẻ vi sợi.



Để vệ sinh màn hình trung tâm:

1. Tắt màn hình trung tâm bằng cách ấn lâu nút trang chủ.
2. Lau màn hình bằng giẻ vi sợi đi kèm hoặc sử dụng một giẻ vi sợi khác có chất lượng tương đương. Cần lau màn hình bằng vải vi sợi sạch và khô, lau nhẹ theo vòng tròn. Thấm giẻ vi sợi bằng nước, nếu cần.
3. Bật màn hình bằng cách ấn nhanh nút trang chủ.

❶ QUAN TRỌNG

Giẻ vùi sợi được sử dụng để vệ sinh màn hình trung tâm phải không dính cát và bụi bẩn.

❶ QUAN TRỌNG

Khi vệ sinh màn hình trung tâm, chỉ ấn nhẹ lên màn hình. Ấn mạnh có thể làm hỏng màn hình.

❶ QUAN TRỌNG

Không phun trực tiếp bất cứ chất lỏng hoặc hóa chất kiềm nào lên màn hình trung tâm. Không sử dụng chất làm sạch cửa sổ, chất làm sạch khác, sol khí, dung môi, cồn, amoniac hoặc chất làm sạch chứa chất ăn mòn.

Tuyệt đối không sử dụng vải có tính ăn mòn, khăn giấy hoặc giấy lụa, chúng có thể làm xước màn hình trung tâm.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)
- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)

- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh màn hình kính chắn gió*

Lau nhẹ kính bọc màn hình bằng giẻ sạch và khô. Làm ẩm một ít giẻ vùi sợi, nếu cần.

Tuyệt đối không sử dụng chất tẩy rửa mạnh vết bẩn. Có thể sử dụng chất làm sạch chuyên dụng từ đại lý của Volvo để vệ sinh các vết bẩn khó làm sạch hơn.

Thông tin liên quan

- Bật và tắt màn hình kính chắn gió* (trang 139)
- Màn hình kính chắn gió* (trang 138)

*Tùy chọn/phụ kiện.

Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

Vải bọc ghế và vải bọc trần

Tuyệt đối không cạo hoặc cọ vết bẩn do điều này có khả năng làm hỏng vải bọc ghế. Tuyệt đối không sử dụng chất tẩy rửa mạnh do điều này có khả năng làm mất màu vải bọc ghế.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)
- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh dây đai an toàn

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

Dây đai an toàn

Sử dụng nước và chất tẩy rửa tổng hợp. Chất làm sạch đồ dệt chuyên dụng được bán tại đại lý của Volvo. Đảm bảo dây đai an toàn khô ráo trước khi thu vào.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

Thảm khâu và thảm lót sàn

Tháo thảm để vệ sinh riêng thảm lót sàn và thảm khâu. Sử dụng máy hút bụi để làm sạch bụi bẩn. Mỗi thảm khâu được cố định bằng chốt.

Tháo thảm khâu bằng cách nắm thảm khâu ở mỗi chốt và nâng thảm thẳng lên.

Lắp thảm khâu vào vị trí bằng cách ấn thảm khâu vào từng chốt.

CẢNH BÁO

Chỉ sử dụng một thảm khâu ở mỗi ghế và kiểm tra trước khi khởi hành xem thảm ghế người lái có được gắn và cố định chặt vào chốt để thảm không bị kẹp vào cạnh và dưới bàn đạp không.

Khuyến cáo sử dụng chất làm sạch đồ dệt chuyên dụng cho vết bẩn trên thảm lót sàn sau khi hút bụi. Cần vệ sinh thảm lót sàn bằng chất được đại lý của Volvo khuyến cáo.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)



- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh da bọc

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

Da bọc*

Da bọc của Volvo được xử lý để duy trì hình thức ban đầu.

Da bọc là một sản phẩm tự nhiên, thay đổi và được phủ một lớp màu đẹp theo thời gian. Cần vệ sinh và xử lý thường xuyên để duy trì đặc tính và màu sắc của da. Volvo cung cấp một sản phẩm kết hợp - Bộ Chăm sóc/Lau chùi Da Volvo để vệ sinh và xử lý da bọc nhằm duy trì lớp bảo vệ da khi sử dụng theo hướng dẫn.

Để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất, Volvo khuyến cáo vệ sinh và bôi kem bảo vệ một đến bốn lần mỗi năm (hoặc nhiều hơn, nếu yêu cầu). Bộ Chăm sóc/Lau chùi Da Volvo được bán tại đại lý của Volvo.

Vệ sinh da bọc

1. Bôi chất làm sạch da lên miếng xốp ẩm và bóp cho đến khi tạo thành bọt.
2. Sử dụng miếng xốp để lau vết bẩn theo hình tròn.

3. Làm ẩm toàn bộ vết bẩn bằng miếng xốp, để miếng xốp thấm vết bẩn mà không cọ xát.
4. Lau vết bẩn bằng giẻ mềm và để da khô hoàn toàn.

Bảo vệ da bọc

1. Bôi một lượng nhỏ chất bảo vệ da vào giẻ và lau nhẹ miếng da theo hình tròn.
 2. Để khô trong khoảng 20 phút.
- Bảo vệ da bọc để tránh ảnh hưởng từ bức xạ cực tím của mặt trời.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)
- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh vô lăng bọc da

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

Vô lăng bọc da

Da cần được đề hờ. Tuyệt đối không phủ vô lăng bọc da bằng nhựa bảo vệ. Chúng tôi khuyến cáo sử dụng Bộ Chăm sóc/Lau chùi Da Volvo để vệ sinh vô lăng bọc da. Làm sạch bụi bẩn v.v... trước bằng miếng xốp hoặc giẻ ẩm.

ⓘ QUAN TRỌNG

Các đồ vật sắc nhọn, ví dụ, nhai, có thể làm hỏng da trên vô lăng.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)
- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)
- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe (trang 647)

Vệ sinh các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe

Chỉ sử dụng chất làm sạch và sản phẩm chăm sóc xe được Volvo khuyến cáo. Vệ sinh thường xuyên và xử lý ngay vết bẩn để đạt hiệu quả vệ sinh cao nhất. Phải hút bụi trước khi sử dụng chất làm sạch.

Các bộ phận nhựa, kim loại và gỗ bên trong xe

Khuyến cáo sử dụng vải sợi nhỏ hoặc giẻ vi sợi thấm ít nước, được bán tại đại lý của Volvo, để vệ sinh các bộ phận và bề mặt bên trong xe.

Không cào hoặc cọ vết bẩn. Tuyệt đối không sử dụng chất tẩy rửa mạnh.

ⓘ QUAN TRỌNG

Không sử dụng dung môi chứa cồn khi vệ sinh kính màn hình người lái.

ⓘ QUAN TRỌNG

Nhớ rằng, bề mặt sáng bóng dễ bị xước. Vệ sinh các bề mặt này bằng giẻ vi sợi sạch, khô, lau nhẹ theo hình tròn. Thấm giẻ vi sợi bằng một ít nước sạch, nếu cần.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh nội thất (trang 643)
- Vệ sinh màn hình trung tâm (trang 643)

- Vệ sinh vải bọc ghế và tấm lót nóc xe (trang 645)
- Vệ sinh dây đai an toàn (trang 645)
- Vệ sinh thảm lót sàn và thảm khâu (trang 645)
- Vệ sinh da bọc (trang 646)
- Vệ sinh vô lăng bọc da (trang 647)

Vệ sinh bên ngoài

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này để vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe. Thực hiện vệ sinh ở nơi vệ sinh xe có thiết bị tách dầu và sử dụng nước rửa xe.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

Đánh bóng và bôi sáp

Đánh bóng và đánh bóng xe bằng sáp nếu lớp sơn bị mờ hoặc để bảo vệ thêm cho lớp sơn. Xe không cần được đánh bóng cho đến khi xe đã được sử dụng ít nhất trong một năm. Tuy nhiên, có thể đánh bóng xe bằng sáp trong thời gian này. Không đánh bóng hoặc đánh bóng xe bằng sáp dưới ánh nắng trực tiếp, bề mặt đang được đánh bóng cần có nhiệt độ tối đa là 45°C (113°F).

- Rửa sạch và sấy khô toàn bộ xe trước khi bạn bắt đầu đánh bóng hoặc bôi sáp. Lau sạch vết nhựa đường và hắc ín bằng chất làm sạch hắc ín hoặc rượu trắng. Các vết bẩn khó tẩy rửa hơn có thể được làm sạch bằng keo đánh bóng được thiết kế để sơn xe.
- Đánh bóng trước bằng nước nóng và sau đó bôi sáp lỏng hoặc rắn. Tuân thủ cẩn thận về đóng gói. Một số chế phẩm có thể chứa nước bóng và sáp.

① QUAN TRỌNG

Tránh bôi sáp và đánh bóng trên nhựa và cao su. Khi sử dụng chất tẩy mỡ trên nhựa và cao su, chỉ cọ nhẹ, nếu cần. Sử dụng miếng xốp mềm. Đánh bóng viền trang trí sáng bóng có thể ăn mòn hoặc làm hỏng lớp bề mặt sáng bóng. Không được sử dụng chất đánh bóng chứa chất ăn mòn.

① QUAN TRỌNG

Chỉ sử dụng sản phẩm xử lý sơn được Volvo khuyến cáo. Các sản phẩm xử lý khác như miếng dán, hàn, bảo vệ, dán bóng hoặc sản phẩm tương tự có thể làm hỏng lớp sơn. Volvo không bảo hành hư hỏng lớp sơn do các sản phẩm xử lý đó.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

Rửa xe thủ công

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này để dễ vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe. Thực hiện vệ sinh ở nơi vệ sinh xe có thiết bị tách dầu và sử dụng nước rửa xe.

Rửa xe thủ công

Khi rửa xe, nhớ các bước sau:

- Tránh rửa xe dưới ánh nắng trực tiếp. Điều này có thể làm khô chất tẩy rửa hoặc sáp và gây ăn mòn.
- Làm sạch phân chim khô lớp sơn sớm nhất có thể. Chúng chứa các chất làm hỏng và mất màu lớp sơn nhanh chóng, ví dụ, sử dụng giấy mềm hoặc miếng xốp thấm nhiều nước. Khuyến cáo đến gara được Volvo ủy quyền để làm sạch mảng sơn bị mất màu.
- Rửa gầm xe, bao gồm vỏ bánh xe và thanh cản.
- Rửa toàn bộ xe cho đến khi bụi bẩn hòa tan đã được làm sạch để giảm nguy cơ làm xước xe. Không phun trực tiếp vào khóa.
- Sử dụng chất tẩy dầu mỡ lạnh trên bề mặt rất bẩn. Lưu ý, trong trường hợp này, không được để mặt trời chiếu vào bề mặt đó.

- Rửa bằng miếng xốp, nước rửa xe và nhiều nước hơi ấm.
- Vệ sinh lưới gạt nước bằng dung dịch xà phòng hơi ấm hoặc nước rửa xe.
- Lau khô xe bằng miếng da sạch, mềm hoặc thiết bị gạt nước. Nếu bạn tránh để mặt trời hong khô giọt nước, bạn sẽ làm giảm nguy cơ vết nước còn đọng trên xe.
- Sau khi rửa xe, hắc ín từ nhựa đường có thể còn dính trên xe. Sử dụng chất làm sạch hắc ín để làm sạch vết hắc ín sau khi đã rửa xe.

CẢNH BÁO

Luôn để gara vệ sinh động cơ. Có nguy cơ cháy nếu động cơ nóng.

QUAN TRỌNG

Đèn pha bản hoạt động kém hiệu quả. Vệ sinh chúng thường xuyên, ví dụ, khi đổ nhiên liệu. Không sử dụng bất cứ chất làm sạch nào có tính ăn mòn mà sử dụng nước và miếng xốp mềm.

LƯU Ý

Hệ thống chiếu sáng bên ngoài như đèn pha và đèn phía sau có thể bị động hơi tạm thời bên trong thấu kính. Điều này là hoàn toàn bình thường, toàn bộ hệ thống chiếu sáng bên ngoài được thiết kế để chống chịu được điều này. Hơi động thường thoát ra ngoài vỏ đèn khi bật đèn một thời gian.

QUAN TRỌNG

- Đảm bảo cửa sổ trời* và tấm che nắng được đóng trước khi rửa xe.
- Tuyệt đối không sử dụng chất đánh bóng có đặc tính ăn mòn trên cửa sổ trời.
- Tuyệt đối không sử dụng sáp có gờ cao su xung quanh cửa sổ trời.

QUAN TRỌNG

Nhớ làm sạch bụi bẩn khỏi lỗ thoát nước trong cửa và ngưỡng cửa sau khi rửa xe.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)



- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)
- Cài đặt bật phanh tay tự động (trang 440)

Rửa xe tự động

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này để dễ vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe.

Rửa xe tự động là phương thức rửa xe dễ dàng và nhanh chóng nhưng không thể rửa sạch tất cả bộ phận của xe. Khuyến cáo rửa xe thủ công để đạt hiệu quả làm sạch cao nhất hoặc rửa xe thủ công cùng với rửa xe tự động.

ⓘ LƯU Ý

Volvo khuyến cáo không được rửa xe tự động trong vài tháng đầu (do lớp sơn chưa cứng hoàn toàn).

ⓘ QUAN TRỌNG

Trước khi lái xe đi rửa xe tự động, tắt chức năng phanh tự động khi đứng yên và tự động kéo phanh tay. Nếu không tắt các chức năng này, hệ thống phanh sẽ bị kẹt khi xe đứng yên hoặc xe sẽ không thể di chuyển.

ⓘ QUAN TRỌNG

Về rửa xe khi xe được kéo lên phía trước bằng bánh xe đang quay, áp dụng trình tự sau:

1. Trước khi rửa xe, đảm bảo tắt cảm biến mưa tự động, nếu không, có nguy cơ cảm biến khởi động và làm hỏng tay cần gạt nước.
2. Đảm bảo gấp gương cửa vào, cố định tất cả đèn phụ, gấp hoặc tháo ăng ten, nếu không, chúng có thể bị hỏng do rửa xe tự động.
3. Lái xe đến nơi rửa.
4. Tắt chức năng "Tự động phanh khi xe đứng yên" bằng nút  trên bảng điều khiển bên dưới.
5. Tắt chức năng "Tự động kéo phanh tay" thông qua phần trên cùng của màn hình trung tâm.
6. Tắt động cơ bằng cách xoay núm khởi động trong bảng điều khiển bên dưới theo chiều kim đồng hồ. Giữ núm đúng vị trí trong ít nhất 2 giây.

Xe sẵn sàng được rửa.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)

- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

Rửa xe bằng áp suất cao

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này dễ để vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe. Thực hiện vệ sinh ở nơi rửa xe có thiết bị tách dầu. Sử dụng nước rửa xe.

Rửa xe bằng áp suất cao

Khi rửa xe bằng áp suất cao, sử dụng vòi phun và đảm bảo vòi phun không gần bề mặt xe quá 30 cm (13 inch). Không phun trực tiếp vào khóa.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

Vệ sinh lưới gạt nước

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này dễ để vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe. Thực hiện vệ sinh ở nơi rửa xe có thiết bị tách dầu. Sử dụng nước rửa xe.

Lưới gạt nước

Nhựa đường, bụi và cặn muối trên lưới gạt nước cũng như côn trùng, băng v.v... trên kính chắn gió làm giảm thời gian sử dụng của lưới gạt nước.

Khi vệ sinh, cài đặt lưới gạt nước ở vị trí bảo trì.

ⓘ LƯU Ý

Rửa lưới gạt nước và kính chắn gió thường xuyên bằng dung dịch xả phòng với nước hơi ấm hoặc nước rửa xe. Không sử dụng bất cứ dung môi mạnh nào.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)



BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ

- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

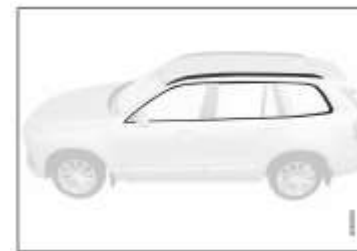
Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này để dễ vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe. Thực hiện vệ sinh ở nơi vệ sinh xe có thiết bị tách dầu và sử dụng nước rửa xe.

Bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài

Khuyến cáo sử dụng chất làm sạch chuyên dụng được bán tại đại lý của Volvo để làm sạch và chăm sóc bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su có màu, ví dụ, viền trang trí sáng bóng. Khi sử dụng chất làm sạch đó, phải tuân thủ cẩn thận hướng dẫn.

Tránh rửa xe bằng chất tẩy rửa có giá trị pH dưới 3,5 hoặc trên 11,5. Điều này có thể làm mất màu bộ phận nhôm được oxy hóa anot* trong hình. Chúng tôi không khuyến khích sử dụng chất đánh bóng có tính ăn mòn trong hình.



Cần rửa các bộ phận bằng chất làm sạch có giá trị pH từ 3,5 đến 11,5.

❶ QUAN TRỌNG

Tránh bôi sáp và đánh bóng trên nhựa và cao su. Khi sử dụng chất tẩy mỡ trên nhựa và cao su, chỉ cọ nhẹ, nếu cần. Sử dụng miếng xốp mềm. Đánh bóng viền trang trí sáng bóng có thể ăn mòn hoặc làm hỏng lớp bề mặt sáng bóng. Không được sử dụng chất đánh bóng chứa chất ăn mòn.

*Tùy chọn/phụ kiện.

❶ QUAN TRỌNG

Tránh rửa xe bằng chất làm sạch có giá trị pH dưới 3,5 hoặc trên 11,5. Điều này có thể làm mất màu bộ phận nhôm được oxy hóa anot như giá nóc xe và xung quanh cửa sổ hai bên.

Tuyệt đối không sử dụng chất đánh bóng kim loại trên bộ phận nhôm oxy hóa anot, điều này có thể làm mất màu và phá hủy phần xử lý bề mặt.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

Vệ sinh mâm xe

Cần rửa xe ngay khi xe bị bẩn. Điều này dễ để vệ sinh xe hơn do bụi bẩn chưa dính chắc vào xe. Nó cũng giảm nguy cơ xước và giữ sạch xe. Thực hiện vệ sinh ở nơi vệ sinh xe có thiết bị tách dầu và sử dụng nước rửa xe.

Mâm xe

Chỉ sử dụng chất làm sạch mâm xe được Volvo khuyến cáo.

Chất tẩy rửa mạnh để làm sạch mâm xe có thể làm hỏng bề mặt và gây vết bẩn trên mâm nhôm mạ crom.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)
- Chống gỉ (trang 653)

Chống gỉ

Xe có hệ thống bảo vệ chống ăn mòn hiệu quả.

Hệ thống bảo vệ chống ăn mòn cho thân xe bao gồm lớp bảo vệ kim loại trên tấm kim loại, lớp sơn chất lượng cao, lớp phủ kim loại nhỏ bảo vệ chống ăn mòn, bộ phận nhựa bảo vệ, chất chống gỉ bổ sung và chống ăn mòn trên diện tích tiếp tục. Trong khung, các bộ phận tiếp xúc của hệ thống giám sát cho bánh xe đều làm từ nhôm đúc chống ăn mòn.

Kiểm tra và bảo dưỡng

Hệ thống bảo vệ chống ăn mòn của xe thường không yêu cầu bảo dưỡng nhưng cần giữ sạch xe để giảm nguy cơ ăn mòn. Phải luôn tránh sử dụng dung dịch vệ sinh kiềm hoặc axit mạnh trên các bộ phận trang trí sáng bóng. Cần làm sạch các mảnh dăm ngay khi phát hiện.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh bên ngoài (trang 648)
- Đánh bóng và bôi sáp (trang 648)
- Rửa xe thủ công (trang 649)
- Rửa xe tự động (trang 650)
- Rửa xe bằng áp suất cao (trang 651)
- Vệ sinh lưới gạt nước (trang 651)

- Vệ sinh bộ phận trang trí, bộ phận nhựa và cao su bên ngoài (trang 652)
- Vệ sinh mâm xe (trang 653)

Lớp sơn của xe

Lớp sơn bao gồm nhiều lớp sơn và là một bộ phận quan trọng của hệ thống chống gỉ của xe và cần được kiểm tra thường xuyên.

Loại hư hỏng lớp sơn phổ biến nhất là mảnh dăm, vết xước và vết rách trên mép sườn, cửa và thanh cản. Để tránh gỉ sắt, cần khắc phục lớp sơn hỏng ngay.

Thông tin liên quan

- Sơn lại lớp sơn nhỏ bị hỏng (trang 654)
- Mã màu (trang 655)

Sơn lại lớp sơn nhỏ bị hỏng

Sơn là một bộ phận quan trọng của hệ thống chống gỉ của xe và cần được kiểm tra thường xuyên. Loại hư hỏng lớp sơn phổ biến nhất là mảnh dăm, vết xước và vết rách, ví dụ, trên mép sườn, cửa và thanh cản.

Sửa lớp sơn bị hỏng

Để tránh gỉ sắt, cần khắc phục lớp sơn hỏng ngay.

ⓘ LƯU Ý

Khi sửa lớp sơn, bề mặt phải sạch và khô. Nhiệt độ bề mặt cần ít nhất là 15°C (59°F).

Các vật liệu có thể cần thiết

- Sơn lót⁵², sơn lót chuyên dụng trong lọ xịt sử dụng cho, ví dụ, thanh cản phủ nhựa.
- Sơn liên kết và sơn bóng, có trong lọ xịt hoặc nút/chổi sơn⁵³.
- Băng keo.
- Giấy nhám⁵⁴.

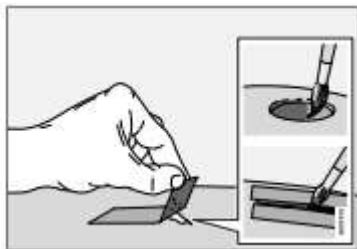
Nếu lớp sơn hỏng chưa chạm đến phần kim loại, có thể quét sơn trực tiếp sau khi đã làm sạch bề mặt.

⁵² Nếu yêu cầu.

⁵³ Tuân thủ hướng dẫn đi kèm gói bút/chổi sơn.

⁵⁴ Nếu yêu cầu.

BẢO DƯỠNG VÀ BẢO TRÌ



1. Dán một miếng băng keo lên bề mặt sơn hỏng. Bóc băng keo để làm sạch lớp sơn bị mờ.
Nếu lớp sơn hỏng chạm đến bộ phận kim loại, việc sử dụng sơn lót là phù hợp. Trong trường hợp hư hỏng bề mặt nhựa, cần sử dụng sơn lót dính để có hiệu quả tốt hơn, phun vào nắp lọ xịt và chải nhẹ.
2. Trước khi sơn, có thể đánh bóng nhẹ bằng chất đánh bóng rất mịn, nếu yêu cầu (ví dụ, nếu có mép không cân bằng). Bề mặt được làm sạch hoàn toàn và để khô.
3. Khuấy đều sơn lót và quét bằng bàn chải mịn, que diêm hoặc thiết bị tương tự. Hoàn thiện bằng sơn liên kết và sơn đánh bóng sau khi sơn lót đã khô.

Với vết xước, thực hiện như mô tả ở trên nhưng đánh dấu xung quanh vùng bị sơn hỏng để bảo vệ lớp sơn không bị hỏng.

Bút sơn và sơn phun được bán tại đại lý của Volvo.

ⓘ LƯU Ý

Nếu mảnh dăm chưa đi vào bộ phận kim loại và lớp sơn chưa hỏng vẫn còn, quét sơn liên kết và sơn đánh bóng ngay sau khi đã làm sạch bề mặt.

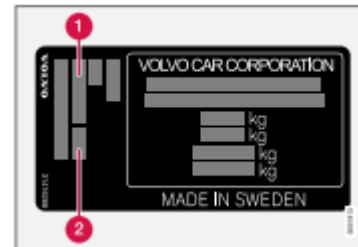
Thông tin liên quan

- Lớp sơn của xe (trang 654)
- Mã màu (trang 655)

Mã màu

Mã màu

Nhãn mã màu được đặt trên trụ cửa sau bên phải của xe và nhìn thấy khi mở cửa phía sau bên phải.



- ❶ Mã màu bên ngoài
 - ❷ Tất cả mã màu bên ngoài phụ
- Phải sử dụng đúng màu.

Thông tin liên quan

- Lớp sơn của xe (trang 654)
- Sơn lại lớp sơn nhỏ bị hỏng (trang 654)

Thay lưới gạt nước, cửa sổ phía sau

Lưới gạt nước thực hiện gạt nước ra khỏi kính chắn gió và cửa sổ phía sau. Cùng với dung dịch rửa kính, chúng làm sạch cửa sổ và đảm bảo tầm nhìn để lái xe. Có thể thay lưới gạt nước của kính chắn gió và cửa sổ phía sau.

Thay lưới gạt nước, cửa sổ phía sau



Nâng tay cần gạt nước khỏi cửa sổ và kéo phần dưới của lưỡi sang bên phải.

- ➡ Nắm phần giữa của tay cần gạt nước và nâng khỏi kính chắn gió đến vị trí khóa.

ⓘ LƯU Ý

Có vị trí khóa ở một nửa góc mở rộng mà cần gạt nước bị cản lại, khóa này ngăn tay cần gạt nước rơi vào kính chắn gió. Tay cần gạt nước phải được kéo về phía khóa để thay lưới gạt nước.

- ➡ Nắm phần dưới của lưỡi và kéo sang bên phải cho đến khi lưỡi rơi lỏng khỏi tay.

3. Ấn lưới gạt nước mới vào vị trí. Bạn cần nghe thấy tiếng tách. Kiểm tra xem nó đã được lắp đặt chắc chưa.
4. Hạ tay cần gạt nước.

ⓘ QUAN TRỌNG

Kiểm tra lưới thường xuyên. Bỏ qua bảo dưỡng làm giảm thời gian sử dụng của lưới gạt nước.

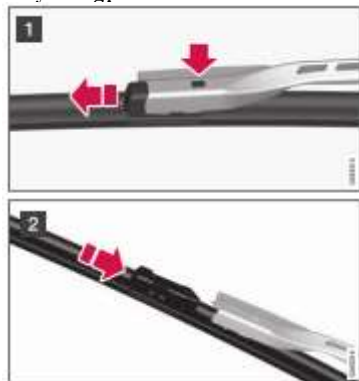
Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Độ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước cần bảo trì (trang 658)
- Thay lưới gạt nước (trang 657)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)
- Lưới gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)

Thay lưỡi gạt nước

Lưỡi gạt nước thực hiện gạt nước ra khỏi kính chắn gió và cửa sổ phía sau. Cùng với dung dịch rửa kính, chúng làm sạch cửa sổ và đảm bảo tầm nhìn để lái xe. Có thể thay lưỡi gạt nước của kính chắn gió và cửa sổ phía sau.

Thay lưỡi gạt nước



1. Gập tay cần gạt lên khi nó ở vị trí bảo trì. Bật/tắt vị trí bảo trì thông qua phần chức năng trong màn hình trung tâm khi xe đứng yên và cần gạt nước không bật. Ấn nút đặt trên điểm gắn lưỡi gạt nước và kéo thẳng ra song song với tay cần gạt.

2. Trượt lưỡi gạt mới cho đến khi nghe thấy tiếng “tách”.

3. Kiểm tra xem lưỡi đã được lắp đặt chắc chưa.

4. Gập lại tay cần gạt về phía kính chắn gió.

Lưỡi gạt nước có các chiều dài khác nhau



ⓘ LƯU Ý

Khi thay lưỡi gạt nước, lưu ý chúng có chiều dài khác nhau. Lưỡi trên phía người lái dài hơn phía hành khách.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đổ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Cần gạt nước cần bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)

Cần gạt nước ở vị trí bảo trì

Trong một số trường hợp, phải cài đặt lưỡi gạt nước ở vị trí bảo trì (vị trí thẳng đứng), ví dụ, khi thay.



Lưỡi gạt nước ở vị trí bảo trì.

Để thay, vệ sinh hoặc nâng lưỡi gạt nước (ví dụ, để cào băng ra khỏi kính chắn gió), lưỡi gạt nước phải ở vị trí bảo trì.

ⓘ QUAN TRỌNG

Trước khi thay lưỡi gạt nước ở vị trí bảo trì, đảm bảo chúng không bị đóng băng.

Bật/tắt chế độ bảo trì

Có thể bật/tắt chế độ bảo trì khi xe đứng yên và cần gạt nước không bật. Chế độ bảo trì được bật/tắt thông qua phần chức năng trong màn hình trung tâm.



Ấn nút **Wiper Service Position (Vị trí Bảo trì Cần gạt nước)**. Đèn báo trong nút sáng khi bật chế độ bảo trì. Sau khi bật, cần gạt nước di chuyển để đứng thẳng. Để tắt chế độ bảo trì, ấn lại **Wiper Service Position (Vị trí Bảo trì Cần gạt nước)**. Đèn báo trong nút tắt khi chế độ bảo trì bị tắt.

Lưỡi gạt nước cũng có thể thoát vị trí bảo trì nếu:

- Bật gạt nước kính chắn gió.
- Bật rửa kính chắn gió.
- Bật cảm biến mưa.
- Lái xe.

ⓘ QUAN TRỌNG

Nếu lưỡi gạt nước ở vị trí bảo trì đã được gấp lên từ kính chắn gió, chúng phải được gấp lại xuống kính chắn gió trước khi bật gạt nước, rửa kính chắn gió hoặc cảm biến mưa cũng như trước khi lái. Điều này để tránh làm xước lớp sơn trên nắp ca pô.

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)
- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Đổ dung dịch nước rửa kính (trang 659)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần lưỡi gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)

Đổ dung dịch nước rửa kính

Dung dịch nước rửa kính được sử dụng để vệ sinh đèn pha và kính chắn gió cũng như cửa sổ phía sau. Phải sử dụng dung dịch nước rửa kính có chất chống đóng băng khi nhiệt độ xuống dưới điểm đóng băng.



Dung dịch nước rửa kính được đổ vào két chứa có nắp màu xanh da trời. Két chứa được sử dụng để rửa kính chắn gió, rửa cửa sổ sau và rửa đèn pha*.

① LƯU Ý

Khi còn xấp xỉ 1 lít (1 qt) dung dịch nước rửa kính trong két chứa, thông báo **Washer fluid Level low, refill** (Mức dung dịch nước rửa kính thấp, đổ thêm) được hiển thị trong màn hình người lái cùng với biểu tượng .

Cấp được quy định: Dung dịch nước rửa kính được Volvo khuyến cáo có chất bảo vệ chống đóng băng trong thời tiết lạnh và cho nhiệt độ dưới điểm đóng băng.

① QUAN TRỌNG

Sử dụng dung dịch nước rửa kính chính hãng của Volvo hoặc dung dịch tương đương có pH khuyến cáo là 6 đến 8 khi pha loãng (ví dụ, 1:1 với nước trung tính).

① QUAN TRỌNG

Sử dụng dung dịch nước rửa kính có chất chống đóng băng khi nhiệt độ xuống dưới điểm đóng băng để tránh dung dịch đóng băng trong máy bơm, két chứa và ống dẫn.

Thể tích:

- Xe có rửa đèn pha: 5,5 lít (5,8 qt).
- Xe không có rửa đèn pha: 3,5 lít (3,7 qt).

Thông tin liên quan

- Sử dụng cảm biến mưa (trang 175)
- Sử dụng chức năng rửa kính chắn gió và đèn pha (trang 177)
- Sử dụng chức năng tự động rửa kính chắn gió phía sau trong quá trình lùi (trang 179)

- Sử dụng chức năng bộ nhớ của cảm biến mưa (trang 176)
- Sử dụng cần gạt nước và chức năng rửa cửa sổ phía sau (trang 178)
- Cần gạt nước ở vị trí bảo trì (trang 658)
- Thay lưỡi gạt nước (trang 657)
- Thay cần lưỡi gạt nước, cửa sổ phía sau (trang 656)
- Sử dụng cần gạt nước (trang 174)
- Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính (trang 174)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu về chủng loại xe

Các nhãn dán trong xe chứa thông tin như số khung, ký hiệu về chủng loại xe, mã màu v.v...

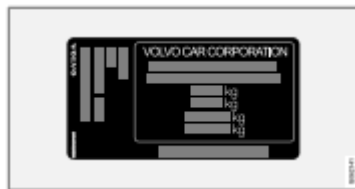
Vị trí các nhãn dán



Hình ảnh minh họa chỉ là hình ảnh đồ họa, chi tiết có thể thay đổi tùy thuộc vào thị trường và mẫu xe.

Việc nắm rõ về ký hiệu chủng loại xe, mã số nhận dạng xe và số động cơ có thể tạo điều kiện cho việc liên hệ với đại lý được ủy quyền của Volvo khi có thắc mắc về xe và khi đặt mua phụ tùng và phụ kiện.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



❶ Nhãn dán ký hiệu chủng loại xe, mã số nhận dạng xe, tải trọng tối đa cho phép và mã nhận biết màu ngoại thất và số chứng nhận chủng loại. Nhãn dán được gắn trên trụ cửa và có thể nhìn thấy khi mở cửa phía sau bên phải.



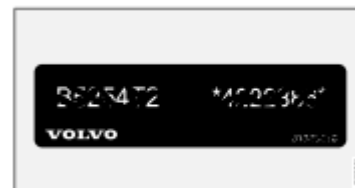
❷ Nhãn dán hệ thống điều hòa không khí cho xe có môi chất lạnh R1234yf.



❸ Nhãn dán cho hệ thống điều hòa không khí cho xe có môi chất lạnh R134a.



❹ Nhãn dán cho hệ thống sưởi khi đỗ xe.



❺ Mã động cơ và số seri động cơ.



❻ Nhãn dán cho dầu động cơ.

44



6 Nhãn dán ký hiệu loại hộp số và số seri.



7 Nhãn dán số khung - VIN (Số Khung).

Thông tin chi tiết về xe được trình bày trong giấy tờ đăng ký xe.

① LƯU Ý

Các nhãn dán được minh họa trong sách hướng dẫn sử dụng không phải là bản sao chính xác của các nhãn dán trong xe. Các nhãn dán thể hiện hình thức và vị trí tương đối trong xe. Có thể tìm thấy thông tin xe cụ thể ở các nhãn dán trên xe.

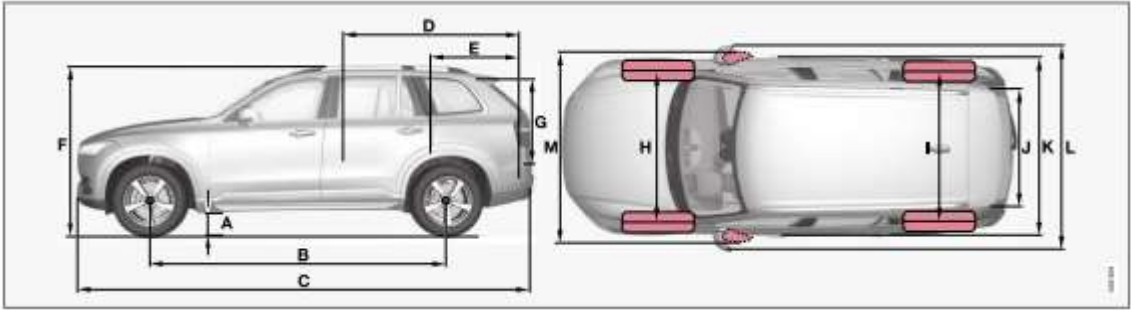
Thông tin liên quan

- Điều hòa không khí, thông số kỹ thuật (trang 674)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước

Có thể đọc các thông tin về chiều dài, chiều cao xe v.v... trong bảng.



	Kích thước	mm	inch
A	Khoảng sáng gầm xe	227	8,9
B	Khoảng cách giữa hai trục bánh xe	2984	117,5
C	Chiều dài	4950	194,9
D	Chiều dài từ ghế thứ nhất đến đuôi xe, tính từ sàn, ghế gập	2040 1260 ^B	80,3 49,6 ^B
E	Chiều dài từ ghế thứ hai đến đuôi xe, tính từ sàn	1220 ^C 554 ^D	48,0 ^C 21,8 ^D

	Kích thước	mm	inch
F	Chiều cao ^E	1776	69,9
G	Chiều cao tải	816	32,1
H	Vệt bánh xe trước ^F	1665 ^G 1673 ^H	65,6 ^G 65,9 ^H
	Vệt bánh xe trước ^I	1668 ^G 1676 ^H	65,7 ^G 66,0 ^H

	Kích thước	mm	inch
I	Vệt bánh sau ^F	1667 ^G 1675 ^H	65,6 ^G 65,9 ^H
	Vệt bánh sau ^I	1671 ^G 1679 ^H	65,8 ^G 66,1 ^H
J	Chiều rộng tải, tính từ sàn	1192	46,9

44

	Kích thước	mm	inch
K	Chiều rộng	1923 ^J	75,7 ^J
		1931 ^K	76,0 ^K
		1958 ^L	77,1 ^L
L	Chiều rộng bao gồm gương cửa	2140	84,3
M	Chiều rộng bao gồm gương cửa gập vào	2008	79,1

^A Ổ trọng lượng không tải + 2 người. (Hơi khác nhau, tùy thuộc vào kích thước lốp, tùy chọn khung v.v...)

^B Từ hàng ghế thứ hai với xe có 7 chỗ*.

^C Xe có 5 chỗ.

^D Xe có 7 chỗ.

^E Bao gồm ăng ten trên nóc xe đối với trọng lượng không tải.

^F Xe không có giảm xóc hơi.

^G Áp dụng với xe có bánh 18 và 19 inch.

^H Áp dụng với xe có bánh 20, 21 và 22 inch.

^I Xe có giảm xóc hơi.

^J Chiều rộng thân xe.

^K Chiều rộng xe có bánh 18 và 19 inch.

^L Chiều rộng xe có bánh 20, 21 và 22 inch.

Thông tin liên quan

- Trọng lượng (trang 667)

Trọng lượng

Có thể đọc thông tin tổng trọng lượng xe tối đa v.v... trên nhãn dán trong xe.

Trọng lượng không tải bao gồm người lái, bình chứa nhiên liệu đầy 90% và các loại dung dịch.

Trọng lượng hành khách, phụ kiện và tải trọng móc kéo (khi móc toa móc) sẽ ảnh hưởng đến khả năng chịu tải và không được tính vào trọng lượng không tải.

Tải trọng tối đa cho phép = Tổng trọng lượng xe - Trọng lượng không tải.

ⓘ LƯU Ý

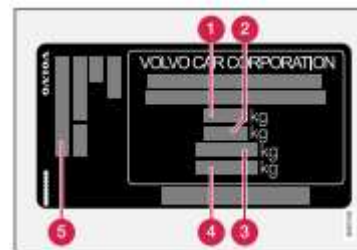
Trọng lượng không tải trong tài liệu này áp dụng với các xe phiên bản tiêu chuẩn, ví dụ, xe không có các thiết bị hoặc phụ kiện bổ sung. Điều này có nghĩa là, với mỗi phụ kiện thêm vào, khả năng chịu tải của xe sẽ giảm tương ứng với trọng lượng của phụ kiện.

Các ví dụ về việc phụ kiện giảm khả năng chịu tải là các cấp thiết bị khác nhau (ví dụ, Động lực, Động lượng, Dao động) và các phụ kiện khác như móc kéo, giá chờ hành lý, hộp đựng đồ, hệ thống âm thanh, đèn phụ, hệ thống GPS, bộ sưởi chạy nhiên liệu, lưới mắt to an toàn, thảm, nắp khoang hành lý, ghế chỉnh điện v.v...

Cân xe là phương thức xác định trọng lượng không tải của xe bạn.

⚠ CẢNH BÁO

Đặc điểm lái xe thay đổi tùy thuộc vào khả năng chịu tải của xe và phương thức phân bố tải trọng.



Nhãn dán được đặt trên trụ cửa và sẽ nhìn thấy được khi mở cửa phía sau bên phải.

- ❶ Tổng trọng lượng tối đa của xe
- ❷ Trọng lượng truyền động tối đa (xe + toa móc)
- ❸ Tải trọng tối đa của cầu trước
- ❹ Tải trọng tối đa của cầu sau
- ❺ Cấp thiết bị

Tải trọng tối đa: Xem giấy tờ đăng ký xe.

Tải trọng tối đa trên nóc xe: 100 kg.

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Công suất kéo và tải trọng móc kéo (trang 668)

Công suất kéo và tải trọng móc kéo

Có thể đọc thông tin về công suất kéo và tải trọng móc kéo khi lái xe nối toa móc trong bảng.

Trọng lượng tối đa của toa móc có phanh

ⓘ LƯU Ý
Khuyến cáo sử dụng bộ giảm chấn trên móc kéo cho toa móc có trọng lượng trên 1800 kg.

Động cơ	Mã động cơ ^A	Hộp số	Trọng lượng tối đa của toa móc có phanh (kg)	Tải trọng tối đa của móc kéo (kg)
T5 AWD	B4204T20	Tự động	2400	110 ^B 140 ^C
T5 AWD	B4204T23	Tự động	2400	110 ^B 140 ^C
T5 AWD	B4204T26	Tự động	2400	110 ^B 140 ^C
T6 AWD	B4204T27	Tự động	2700	110 ^B 140 ^C
T6 AWD	B4204T29	Tự động	2700	110 ^B 140 ^C
D5 AWD	D4204T23	Tự động	2700	110 ^B 140 ^C

^A Mã động cơ, số bộ phận và số seri được ghi trên động cơ.

^B Áp dụng với xe có 7 chỗ.

^C Áp dụng với xe có 5 chỗ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

❶ QUAN TRỌNG

Khi lái xe có toa móc, cho phép vượt tổng trọng lượng xe (bao gồm tải trọng móc kéo) tối đa 100 kg (220 lbs), miễn là tốc độ giới hạn ở 100 km/giờ (62 dặm/giờ). Phải tuân thủ yêu cầu pháp luật của quốc gia về xe kết hợp như tốc độ v.v...

Trọng lượng tối đa của toa móc không phanh

Trọng lượng tối đa của toa móc không phanh (kg)	Tải trọng móc kéo tối đa (kg)
750	50

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Trọng lượng (trang 667)
- Lái xe kéo toa móc (trang 486)
- Hỗ trợ cân bằng toa móc* (trang 487)

Thông số kỹ thuật động cơ

Có thể đọc thông số kỹ thuật động cơ (công suất v.v...) đối với mỗi lựa chọn động cơ tương ứng trong bảng.

LƯU Ý

Không phải tất cả động cơ đều có ở mọi thị trường.

Động cơ	Mã động cơ ^A	Công suất (kW/vòng/phút)	Công suất (mã lực/vòng/phút)	Công suất định mức tối đa (kW/vòng/phút)	Công suất định mức tối đa (mã lực/vòng/phút)	Mô men xoắn (Nm/vòng/phút)	Số lượng xi lanh
T5 AWD	B4204T20	183/5500	249/5500	-	-	350/1500-4500	4
T5 AWD	B4204T23	187/5500	254/5500	208/5500	282/5500	350/1500-4800	4
T5 AWD	B4204T26	184/5500	250/5500	-	-	350/1800-4800	4
T6 AWD	B4204T27	235/5700	320/5700	262/5700	356/5700	400/2200-5400	4
T6 AWD	B4204T29	228/5700	310/5700	-	-	400/2200-5100	4
D5 AWD	D4204T23	173/4000	235/4000	-	-	480/1750-2250	4

^A Mã động cơ, số bộ phận và số seri được ghi trên động cơ.

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Dầu động cơ, thông số kỹ thuật (trang 671)
- Nước làm mát, thông số kỹ thuật (trang 673)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Dầu động cơ, thông số kỹ thuật

Có thể đọc cấp và dung tích của dầu động cơ đối với từng loại động cơ tương ứng trong bảng.

Volvo khuyến cáo sử dụng:



Động cơ	Mã động cơ ^A	Cấp dầu	Dung tích, bao gồm bộ lọc dầu (lít, xấp xỉ)
T5 AWD	B4204T20	Castrol Edge Professional V 0W-20 hoặc VCC RBS0-2AE 0W-20	5,6
T5 AWD	B4204T23		5,6
T5 AWD	B4204T26		5,6
T6 AWD	B4204T27		5,6
T6 AWD	B4204T29		5,6
D5 AWD	D4204T23	Castrol Edge Professional V 0W-20 hoặc VCC RBS0-2AE 0W-20	5,6

^A Mã động cơ, số bộ phận và số seri được ghi trên động cơ.

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Kiểm tra và đổ dầu động cơ (trang 617)
- Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ (trang 672)
- Dầu động cơ (trang 616)

Điều kiện lái xe bất lợi đối với dầu động cơ

Các điều kiện lái xe bất lợi có thể gây ra hiện tượng nhiệt độ dầu hoặc mức tiêu thụ dầu cao bất thường. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện lái xe bất lợi.

Phải kiểm tra mức dầu thường xuyên hơn đối với các chuyến đi dài:

- kéo nhà lưu động hoặc toa móoc
- trong vùng núi
- ở tốc độ cao
- ở điều kiện nhiệt độ lạnh dưới -30°C (-22°F) hoặc nóng trên $+40^{\circ}\text{C}$ ($+104^{\circ}\text{F}$).

Các ví dụ trên cũng áp dụng với khoảng cách lái xe ngắn hơn trong điều kiện nhiệt độ thấp.

Lựa chọn loại dầu động cơ tổng hợp đầy đủ cho các điều kiện lái xe bất lợi. Nó có chức năng bảo vệ bổ sung cho động cơ.

Volvo khuyến cáo sử dụng:

**① QUAN TRỌNG**

Để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thời gian bảo trì động cơ, tất cả các động cơ phải được đổ dầu động cơ tổng hợp chuyên dụng được chấp nhận tại nhà máy. Dầu đã được lựa chọn rất cẩn thận dựa trên thời gian sử dụng, đặc điểm khởi động, mức tiêu thụ nhiên liệu và tác động đến môi trường.

Phải sử dụng dầu động cơ được chấp nhận để có thể thực hiện bảo trì định kỳ theo khuyến cáo. Chỉ sử dụng cấp dầu được quy định để nạp và thay dầu, nếu không, sẽ có khả năng ảnh hưởng đến thời gian sử dụng, đặc điểm khởi động, mức tiêu thụ nhiên liệu và tác động đến môi trường của xe.

Nếu không sử dụng dầu động cơ có cấp và độ nhớt được quy định, các bộ phận liên quan đến động cơ có thể bị hỏng. Volvo Car Corporation sẽ không chịu trách nhiệm về các hư hỏng này. Volvo khuyến cáo thay dầu tại gara được Volvo ủy quyền.

Thông tin liên quan

- Dầu động cơ, thông số kỹ thuật (trang 671)
- Dầu động cơ (trang 616)

Nước làm mát, thông số kỹ thuật

Cấp quy định: Nước làm mát pha sẵn được Volvo chấp nhận. Nếu nước làm mát đậm đặc, trộn với 50% nước⁵⁵. Tham khảo ý kiến đại lý của Volvo nếu không chắc chắn.

Chỉ được sử dụng nước làm mát được Volvo chấp nhận để ngăn hệ thống làm mát hoạt động kém hiệu quả, vấn đề về động cơ v.v...



CẢNH BÁO

Nguy hiểm khi nuốt phải. Có thể gây tổn thương cơ quan trong cơ thể (thận). Sản phẩm chứa ethylene glycol, chất ức chế, emetic, nước v.v...

Thông tin liên quan

- Đồ thêm nước làm mát (trang 618)

Dầu hộp số, thông số kỹ thuật

Không cần thay dầu hộp số ở các điều kiện lái xe thông thường. Tuy nhiên, việc này có thể cần thiết trong các điều kiện lái xe bất lợi.

Hộp số tự động

Dầu hộp số được quy định:	AW1
----------------------------------	-----

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)

Dầu phanh, thông số kỹ thuật

Dung môi trong hệ thống phanh thủy lực được gọi là dầu phanh và được sử dụng để truyền áp lực từ, ví dụ, chân phanh thông qua xy lanh phanh chính đến một hoặc nhiều xy lanh phụ, tác động lên phanh cơ học.

Cấp quy định: Dầu phanh của Volvo hoặc dầu tương đương tuân thủ Dot 4, 5.1 và ISO 4925, cấp 6.

ⓘ LƯU Ý

Khuyến cáo gara được Volvo ủy quyền thay hoặc nạp dầu phanh.

Thông tin liên quan

- Tổng quan về khoang động cơ (trang 615)

⁵⁵ Chất lượng nước phải đáp ứng tiêu chuẩn STD 1285.1.

Bình nhiên liệu, thể tích

Có thể đọc thông tin về dung tích bình nhiên liệu trong bảng dưới.

	Tất cả các mẫu
Lít (xấp xỉ)	71 ^A
Gallon của Hoa Kỳ (xấp xỉ)	18,8

^A Một số thị trường có 60 lít.

Thông tin liên quan

- Bơm nhiên liệu (trang 469)

Dung tích bình chứa AdBlue^{®56}

Dung tích bình chứa chất phụ gia AdBlue là xấp xỉ 11,7 lít.

Thông tin liên quan

- Kiểm tra và nạp AdBlue[®] (trang 476)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điều hòa không khí, thông số kỹ thuật

Hệ thống điều khiển điều hòa của xe sử dụng môi chất lạnh R1234yf hoặc R134a, tùy thuộc vào thị trường. Thông tin về môi chất lạnh sử dụng cho hệ thống điều khiển điều hòa của xe được in trên nhãn dán bên trong nắp ca pô.

Có thể đọc thông tin về cấp và dung tích quy định của các dung dịch và dầu bôi trơn trong hệ thống điều khiển điều hòa ở bảng dưới đây.

Nhãn dán điều hòa không khí

Nhãn dán dành cho R134a



⁵⁶ Nhãn hiệu đã đăng ký thuộc Ver-band der Automobilindustrie e.V. (VDA)

Nhãn dán cho R1234yf



Giải thích biểu tượng của R1234yf

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Thận trọng
	Hệ thống điều hòa không khí di động (MAC)
	Loại dầu bôi trơn

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Cần một kỹ thuật viên đã qua đào tạo và được chứng nhận để thực hiện bảo trì hệ thống điều hòa không khí di động (MAC).
	Môi chất lạnh dễ cháy

Môi chất lạnh

Xe có môi chất lạnh R134a

Trọng lượng	Cấp quy định
750 g (11,65 lbs)	R134a
1000 g ^A (2,20 lbs ^A)	

^A Áp dụng với xe có điều hòa không khí cho hàng ghế thứ ba*.

CẢNH BÁO
Hệ thống điều hòa không khí có môi chất lạnh được điều áp R134a. Hệ thống này chỉ được bảo trì và sửa chữa bởi gara được ủy quyền.

Xe có môi chất lạnh R1234yf

Trọng lượng	Cấp quy định
650 g (900 g ^A)	R1234yf

^A Áp dụng với xe có điều hòa không khí cho hàng ghế thứ ba*.

CẢNH BÁO
Hệ thống điều hòa không khí chứa môi chất lạnh được điều áp R1234yf. Theo SAE J2845 (Đào tạo Kỹ thuật viên Bảo trì và Bảo quản An toàn Môi chất lạnh Sử dụng trong Hệ thống Điều hòa Không khí Di động), chỉ kỹ thuật viên đã qua đào tạo và được chứng nhận được bảo trì và sửa chữa hệ thống môi chất lạnh để đảm bảo sự an toàn của hệ thống.

Dầu máy nén

Thể tích	Cấp quy định
60 ml (2,03 fl. oz)	PAG SP-A2
80 ml ^A (2,7 fl. oz)	

^A Áp dụng với xe có điều hòa không khí cho hàng ghế thứ ba*.

Bộ bay hơi

QUAN TRỌNG
Tuyệt đối không sửa chữa hay thay bộ bay hơi của hệ thống điều hòa không khí bằng bộ bay hơi đã qua sử dụng. Một bộ bay hơi mới phải được chứng nhận và dán nhãn theo SAE J2842.

Thông tin liên quan

- Bảo trì hệ thống điều khiển điều hòa (trang 614)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂
Mức tiêu thụ nhiên liệu trong xe được đo bằng lít mỗi 100 km và phát thải CO₂ tính bằng gam CO₂ mỗi km.

Giải thích

CO ₂	gam CO ₂ /km
	lít/100 km

	Lái xe trong thành phố
	Lái xe trên đường ô tô
	Lái xe trên đường hỗn hợp
	Định mức lốp để chống trượt bánh xe theo chỉ thị EU số 1222/2009

man	Hộp số sàn
aut	Hộp số tự động

① LƯU Ý

Nếu thiếu dữ liệu mức tiêu thụ nhiên liệu và phát thải, cần tìm trong phụ lục đính kèm.

								
			CO ₂		CO ₂		CO ₂	
T5 AWD (B4204T26)	aut	B	220	9,5	164	7,0	184	7,9
		C	237	10,2	161	7,0	189	8,1
T6 AWD (B4204T29)	aut	B	239	10,3	157	6,8	187	8,1
		C	240	10,3	165	7,1	192	8,3
D5 AWD (D4204T23)	aut	B	176	6,7	148	5,6	158	6,0
		C	188	7,2	147	5,6	162	6,2

Giá trị mức tiêu thụ nhiên liệu và phát thải trong bảng trên căn cứ theo chu trình lái xe đặc biệt của EU (xem ở dưới), áp dụng với các xe có trọng lượng không tải của phiên bản cơ sở và không có thiết bị bổ sung.

Trọng lượng xe có thể tăng tùy thuộc vào mức thiết bị.

Điều này cùng với mức tải trọng của xe đều làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu và phát thải CO₂.

Có một số lý do làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu so với giá trị trong bảng. Các ví dụ bao gồm:

- Nếu xe được trang bị thiết bị bổ sung, ảnh hưởng đến trọng lượng xe.
- Kiểu lái.
- Nếu khách hàng sử dụng bánh xe lớn hơn loại được lắp tiêu chuẩn trên phiên bản cơ sở của mẫu xe, lực cản lăn sẽ tăng.
- Tốc độ cao làm tăng sức cản của gió.
- Chất lượng nhiên liệu, điều kiện đường xá và giao thông, thời tiết và điều kiện của xe.

Sự kết hợp của các ví dụ trên có thể dẫn đến mức tiêu thụ tăng đáng kể.

Có thể có các sai lệch lớn về mức tiêu thụ nhiên liệu nếu so với chu trình lái xe của EU (xem ở dưới) được sử dụng trong chứng nhận xe và căn cứ theo số liệu tiêu thụ trong bảng. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo các quy định.

① LƯU Ý

Điều kiện khí hậu khắc nghiệt, lái xe có toa móc hoặc lái xe trên cao kết hợp với chất lượng nhiên liệu là các yếu tố có thể ảnh hưởng đáng kể đến mức tiêu thụ nhiên liệu của xe.

Chu trình lái xe của EU

Số liệu về mức tiêu thụ nhiên liệu chính thức căn cứ theo hai chu trình lái xe được chuẩn hóa trong môi trường phòng thí nghiệm ("Chu trình lái xe của EU), tất cả đều tuân thủ Quy định EU Số 692/2008 và Quy định EU Số 715/2007 (Euro 5/ Euro 6), 2017/1151 và 2017/1153. Do các chu trình lái xe cũng được sử dụng để kiểm soát chất lượng, có các yêu cầu chặt chẽ về thực hiện lặp lại thử nghiệm. Thử nghiệm được thực hiện một cách có kiểm soát và chỉ áp dụng với các chức năng cơ bản của xe (ví dụ, điều hòa không khí, đài v.v... được tắt). Kết quả các số liệu chính thức thường không đại diện cho giá trị mà khách hàng thu được trong quá trình sử dụng thực tế. Các quy định bao gồm chu trình lái xe cho "Lái xe trong thành phố" và "Lái xe trên đường ô tô".

- **Lái xe trong thành phố** - bắt đầu đo khi khởi động người động cơ. Mô phỏng lái xe.
- **Lái xe trên đường ô tô** - xe được tăng tốc và phanh ở tốc độ 0 - 120 km/giờ (0 - 75 dặm/giờ). Mô phỏng lái xe.

Giá trị chính thức khi lái xe trên đường hỗn hợp được trình bày trong bảng là sự kết hợp kết quả của chu trình lái xe "Lái xe trong thành phố" và "Lái xe trên đường ô tô" theo yêu cầu pháp lý.

Để tính mức phát thải cacbon dioxit (mức phát thải CO₂) trong hai chu trình lái xe, khí thải được thu gom. Lượng khí thải này được phân tích sau đó để xác định mức phát thải CO₂.

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Trọng lượng (trang 667)
- Lái tiết kiệm (trang 465)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại bánh xe và lốp xe được chấp nhận

Ở một số quốc gia, không phải tất cả các kích cỡ được chấp nhận đều được ghi trong giấy tờ đăng ký hoặc giấy tờ khác.

Bảng dưới trình bày tất cả các loại mâm và lốp được chấp nhận.

✓ = Được chấp nhận

Động cơ		hộp số sàn/tự động	235/60R18 8x18x42,5	235/55R19 8x19x42,5	275/45R20 ^A 9x20x38,5	275/40R21 ^A 9x21x38,5	275/35R22 ^A 9x22x38,5
T5 AWD	B4204T20	hộp số tự động	✓	✓	✓	✓	✓
T5 AWD	B4204T23	hộp số tự động	✓	✓	✓	✓	✓
T5 AWD	B4204T26	hộp số tự động	✓	✓	✓	✓	✓
T6 AWD	B4204T27	hộp số tự động	✓	✓	✓	✓	✓
T6 AWD	B4204T29	hộp số tự động	✓	✓	✓	✓	✓
D5 AWD	D4204T23	hộp số tự động	✓	✓	✓	✓	✓

^A Chỉ áp dụng với xe có phần mở rộng vòng cung bánh xe

Thông tin liên quan

- Chỉ số tải trọng lốp cho phép thấp nhất và định mức tốc độ của lốp xe (trang 679)
- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Ký hiệu kích thước lốp xe (trang 561)
- Ký hiệu kích thước mâm xe (trang 562)

Chỉ số tải trọng lớp cho phép thấp nhất và định mức tốc độ của lớp xe

Bảng dưới trình bày chỉ số tải trọng cho phép tối thiểu (LI) và định mức tốc độ (SS).

Động cơ		hộp số sàn/tự động	Chỉ số tải trọng cho phép tối thiểu (LI) ^A	Định mức tốc độ cho phép tối thiểu (SS) ^B
T5 AWD	B4204T20	hộp số tự động	101 (104 ^D)	V ^C
T5 AWD	B4204T23	hộp số tự động	101 (104 ^D)	V ^C
T5 AWD	B4204T26	hộp số tự động	101 (104 ^D)	V ^C
T6 AWD	B4204T27	hộp số tự động	101 (104 ^D)	V ^C
T6 AWD	B4204T29	hộp số tự động	101 (104 ^D)	V ^C
D5 AWD	D4204T23	hộp số tự động	101 (104 ^D)	V ^C

^A Chỉ số tải trọng của lớp ít nhất phải bằng hoặc lớn hơn giá trị được trình bày trong bảng.

^B Định mức tốc độ của lớp ít nhất phải bằng hoặc lớn hơn giá trị được trình bày trong bảng.

^C Xe có bộ giới hạn tốc độ tối đa là 210 km/giờ (130 dặm/giờ) phải có ít nhất định mức tốc độ H.

^D Tải trọng bổ sung (Tải trọng Bổ sung).

Thông tin liên quan

- Loại bánh xe và lốp xe được chấp nhận (trang 678)
- Áp suất lốp được chấp nhận (trang 680)
- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Ký hiệu kích thước lốp xe (trang 561)
- Ký hiệu kích thước mâm xe (trang 562)

Áp suất lốp được chấp nhận

Có thể đọc thông tin áp suất lốp được chấp nhận cho từng loại động cơ tương ứng trong bảng.

ⓘ LƯU Ý
Không phải tất cả các động cơ, lốp hoặc sự kết hợp giữa động cơ và lốp đều có sẵn tại mọi thị trường.

Động cơ	Kích thước lốp	Tốc độ	Tải trọng, 1 - 3 người		Tải trọng tối đa		Áp suất ECO ^A
			Trước (kPa) ^a	Sau (kPa)	Trước (kPa)	Sau (kPa)	Trước/sau (kPa)
Tất cả động cơ	235/60 R18	0 - 160 km/giờ (0 - 100 dặm/giờ)	240	240	270	270	270
	235/55 R19	160+ km/giờ (100+ dặm/giờ)	240	240	270	270	-
	275/40 R21						
	275/35 R22						
	275/45 R20	0 - 160 km/giờ (0 - 100 dặm/giờ)	240	220	270	270	270
		160+ km/giờ (100+ dặm/giờ)	240	240	270	270	-
Lốp Dự phòng Tạm thời		tối đa 80 km/giờ (tối đa 50 dặm/giờ)	420	420	420	420	-

^A Lái tiết kiệm

^B Tại một số quốc gia, đơn vị “bar” được sử dụng cùng với đơn vị SI “Pascal”; 1 bar = 100 kPa.

Thông tin liên quan

- Ký hiệu về chủng loại xe (trang 662)
- Kiểm tra áp suất lốp xe (trang 564)
- Loại bánh xe và lốp xe được chấp nhận (trang 678)
- Áp suất lốp xe được khuyến cáo (trang 565)

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

1, 2, 3 v.v...			
4WD	449	lỗi theo dõi	321
A		chức năng	308
A/C (Điều hòa không khí)	228	quản lý tốc độ	312, 313
ABS		vượt	318, 319
phanh chống bó cứng	435	cảm biến radar	341
ACC - Kiểm soát hành trình chủ động	308, 311, 312, 313, 314, 316, 318, 319, 320, 321, 322, 323	cài đặt khoảng thời gian	314, 316
Phụ kiện và thiết bị bổ sung	39	AdBlue	474
lắp đặt	39	bơm	476
Đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động	156	vận hành	475
Đèn pha chủ động	154	Biểu tượng và thông báo	478
Hỗ trợ Đỗ xe Chủ động	421, 422, 425, 426, 427, 428	thể tích bình chứa	674
		Hệ thống sưởi bổ sung (Hệ thống sưởi phụ)	239
		Điều chỉnh vô lăng	200
		Ăng ten	
chức năng	421, 422, 426, 427, 428	vị trí	269
Hạn chế	426	Túi khí	51
vận hành	422, 425	Bật/tắt	54
Biểu tượng và thông báo	428	phía người lái	52
Vì sai Kiểm soát Tốc độ	287	phía hành khách	53, 54
Điều chỉnh đặc điểm lái xe	286, 449	Túi khí, xem Túi khí	51
Kiểm soát Hành trình Chủ động	308, 311, 312, 313, 314, 316, 318, 319, 320, 321, 322, 323	Điều hòa không khí	228
thay đổi chức năng kiểm soát hành trình	322	Điều hòa không khí, dung dịch	
		thể tích và cấp	674
		Hệ thống điều hòa không khí	202, 213
		sửa chữa	614
		Phân bố không khí	208
		Cửa gió	208, 209
		thay đổi	208
		chống đóng băng	220
		Tái lưu thông	219
		bảng tùy chọn	210
		Chất lượng không khí	205, 206
		dị ứng và hen suyễn	206
		bộ lọc khoang hành khách	207
		Tái lưu thông không khí	219
		Bảo động	281
		tắt	282
		cảm biến di chuyển và góc nghiêng	281
		giảm mức báo động	283
		Khóa vô lăng khi người lái say rượu	434, 435
		Chất kích thích dị ứng và hen suyễn	206
		Dẫn động Bốn bánh Toàn Thời gian (AWD)	449
		Đèn nội thất	162
		Android Auto	525, 526, 527
		Apple CarPlay	522, 524
		Đèn báo chủ xe	160
		Ứng dụng	502
		Hỗ trợ khi có nguy cơ va chạm	395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404
		Âm thanh và phương tiện giải trí	500
		Cài đặt âm thanh	500, 534
		điện thoại	535
		phát phương tiện giải trí	512, 513
		Tín nhắn văn bản	534

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Điều khiển điều hòa tự động	219	B	Dầu phanh	
Tự động giữ phanh	441	Đệm ngã lưng	cáp	673
Phanh tự động	441	ghế trước, điều chỉnh	Các chức năng phanh	435
bật và tắt	442		Đèn phanh	435
sau va chạm	443	ghế sau, điều chỉnh	Phanh	435
Rửa xe tự động	650	ghế sau, hạ thấp	Hệ thống phanh chống bó cứng, ABS	435
Các lần rửa xe tự động	650	Hộp đựng túi	tự động phanh khi dừng yên	441
Tự động dừng động cơ		Ắc quy	hệ thống hỗ trợ phanh, BAS	436
tự động dừng	455	Kích nổ	đèn phanh	158
Hộp số tự động	444	bảo dưỡng	hệ thống phanh	435
thóc ga	448	quá tải	đèn phanh khẩn cấp	158
dầu	673	khởi động	phanh tay	438
toa móoc	486	hỗ trợ	bảo dưỡng	437
Khóa tự động	273	các biểu tượng trên ắc quy	trên đường đá	437
		biểu tượng cảnh báo	trên đường ướt	437
Khóa lại tự động	245, 267	Giả chờ xe đạp	Hệ thống phanh	
Bộ giới hạn tốc độ tự động	295, 297, 298, 299	gắn thanh kéo	dầu	673
Hệ thống sưởi phụ	239	BLIS	bóng đèn, thông số kỹ thuật	625
AWD, Dẫn động Bốn bánh	449		tắt khóa vô lăng khi người lái say rượu	434
Toàn Thời gian		Bluetooth	C	
		kết nối	Cảm biến camera	364
		kết nối xe với Internet	Thiết bị camera	350, 354
		điện thoại	Chăm sóc xe	648, 649, 650, 651, 652, 653
		cài đặt	Da bọc	646
		Nắp ca pô, mở		
		Đặt lịch bảo trì và sửa chữa		
		Hỗ trợ phanh		
		sau va chạm		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Các chức năng của xe		phần chức năng	118	Vệ sinh	645, 647
trong màn hình trung tâm	118	Bàn phím	122	tự động rửa xe	650
Khoang hành lý	592	thông báo	136, 137	rửa xe	648, 649, 650, 651, 652, 653
ô cảm điện	588, 590	vận hành	108, 111, 115, 120	màn hình trung tâm	643
chiếu sáng	161	tổng quan	105	Vải bọc ghế	643, 645, 646
điểm gắn	596	cài đặt	128, 129	mâm	653
lưới bảo vệ	600	tắt và thay đổi âm lượng	127	Dây đai an toàn	645
Nắp khoang hành lý	596, 597	các biểu tượng trong thanh trạng thái	120	vải bọc	643, 645, 646, 647
Lưới mắt to trong khoang hành lý	599	các phần	111	Vệ sinh mâm xe	653
lưới mắt nhỏ trong khoang hành lý	600	Thay đổi chủ sở hữu	130	Vệ sinh lưới gạt nước	651
lái xe đi bảo trì	466	Kiểm tra mức dầu động cơ	617	Làm sạch Không khí*	205
Chìa khóa xe pin yếu	249	Kiểm tra mức	459	Gói Làm sạch Không khí Trong xe*	206
Modem xe		An toàn trẻ em	59	Điều khiển điều hòa	202, 213
kết nối xe với Internet	538	Khóa an toàn trẻ em	272	tự động điều chỉnh	219
cài đặt	539	Ghế trẻ em	59, 60, 63, 64	màn hình trung tâm	213
Trạng thái của xe	608	ghế trẻ em tích hợp	72	hiệu suất	203
Áp suất lốp	569	các điểm gắn ghế i-Size/ISOFIX	62	điều khiển quạt	224, 225
Vải bọc ghế xe	643, 645, 646, 647	các điểm gắn dưới	61	Đồ xe	230
Rửa xe	648, 649, 650, 651, 652, 653	định vị/lắp	63, 64	ghế sau	213
Bộ chuyển đổi xúc tác		bảng vị trí	66	cảm biến	203
Cứu hộ	491	bảng ghế i-Size	68	điều khiển nhiệt độ	226, 227
Đầu đọc CD	515	bảng ghế ISOFIX	69	điều khiển bằng giọng nói	204
khóa trung tâm	270	Các điểm gắn trên	61	các vùng	202
Màn hình trung tâm		Phanh Lái Xe An toàn trong Thành phố khi có xe	363	Hệ thống điều khiển điều hòa	
		tiền đến gần			
thay đổi hình thức	127	Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố ở	360, 361	Môi chất lạnh	674
		đoạn đường giao nhau			
vệ sinh	643	Chức năng Lái xe An toàn trong Thành phố khi	362	Đồng hồ, điều chỉnh	89
		ngăn chặn bề lái			
điều khiển điều hòa	213	Lái xe An toàn trong Thành phố (City Safety™)	354, 355, 357, 358, 364, 367	Phát thải CO ₂	676
				Va chạm	44, 46, 51, 58

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Cảnh báo va chạm	354, 368	Nắp		Bộ lọc hạt diesel	474
Hệ thống cảnh báo va chạm		khoang hành lý	597	Đài kỹ thuật số (DAB)	510
Phát hiện người đi bộ	358	Đảm, xem va chạm	44	Kích thước	665
Cảm biến radar	341	Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang - CTA	374, 375, 376, 377	Thanh kéo	483
Mã màu, son	655	Kiểm soát hành trình	299, 300	đèn cốt	152
Mã màu	655	tắt	303	Que thăm dầu, điện tử	617
Bảng táp lô kết hợp	79	quản lý tốc độ	300, 301	Xi nhan	155
cài đặt	83	tắt tạm thời	302, 303	Các xi nhan	155
La bàn	497	CTA - Cảnh báo Phương tiện Cắt ngang	374, 375, 376, 377	hướng quay	563
căn chỉnh	498	Chính sách quyền riêng tư của khách hàng	38	Tắt bộ hạn chế cần số	447
Hơi động trong đèn pha	649, 650, 651, 652	Phát hiện người đi xe đạp	358	Màn hình	
Kết nối xe với Internet		CZIP (Gói Làm sạch Không khí Trong xe)	206	thông tin người lái	79
không có kết nối hoặc kết nối yếu	541	D		Chiếu sáng màn hình	162
thông qua thiết bị di động (WiFi)	538	Dữ liệu		Cảnh báo Khoảng cách	304, 305, 306
thông qua modem xe	538	ghi	37	Hạn chế	307
thông qua điện thoại (Bluetooth)	537	truyền giữa xe và gara	606	DivX®	516
Kết nối điện thoại	528	Đầu nối liên kết dữ liệu	40	Gương cửa	167, 169
Chiếu sáng nút điều khiển	162	Chia sẻ dữ liệu	542	Mở	168
Nước làm mát	673	Đèn chạy ban ngày	152	cài đặt lại	169
Nước làm mát, nạp	618	Khóa chốt	284	lưu vị trí	184, 185
Hệ thống làm mát		tắt	284	Drive-E	
quá nhiệt	480	Tan băng	220	Triết lý về môi trường	30
Đèn chiếu góc	157	Diesel	472	Kiểm soát Cảnh báo Người lái	385
Kiểm soát Lực kéo Góc	287	hết nhiên liệu	473	vận hành	387
				Màn hình người lái	79
				menu ứng dụng	99, 100

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

thông báo	101	Chế độ ECO	452	Khoang động cơ	
cài đặt	83	bật bằng nút chức năng	455	nước làm mát	618
Hiệu năng lái xe	87, 88	Lái tiết kiệm	452, 465	Dầu động cơ	616
Hồ sơ người lái	132	Áp suất ECO	565, 680	tổng quan	615
sửa	133, 134, 135	Phanh tay chạy điện	438	Kiểm soát phanh động cơ	287
lựa chọn	133	Ổ cắm điện	588	Dầu động cơ	616, 672
hệ thống hỗ trợ người lái	286	sử dụng	590	điều kiện lái xe bất lợi	672
Dẫn động		Hệ thống điện	626	nap	617
hộp số	443	đèn phanh khẩn cấp	158	bộ lọc	616
Lái xe		Thiết bị cấp cứu		cấp và thẻ tích	671
hệ thống làm mát	480	bộ dụng cụ sơ cứu	602	Thông số kỹ thuật động cơ	670
có toa móc	486	biển tam giác cảnh báo	602	Nhiệt độ động cơ	
Lái tiết kiệm	465	Bộ vá lốp khẩn cấp	580	cao	480
Lái xe lợi nước	468	thực hiện, kiểm tra theo dõi	580	Môi trường	30
Chế độ lái	449	vị trí	579	Thông báo lỗi	
thay đổi	452	tổng quan	579	Kiểm soát Hành trình Chủ động	323
ECO		Bơm lốp	583	xem Thông báo và biểu tượng	323, 339
Lái xe có toa móc		dụng dịch keo	579	Thông báo lỗi trong BLIS	373
tải trọng móc kéo	668	Kiểm soát phát thải	474	Hàm lượng ethanol	470
công suất kéo	668	Phát thải cacbon dioxide	676	Kích thước bên ngoài	665
E		Động cơ			
eCall	556	tắt	631		
Điều hòa ECO	452	quá nhiệt	480		
		khởi động	430		
		chức năng Khởi động/Dừng	455		
		Phanh động cơ	435, 464		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

F						G	
Quạt		điều chỉnh ghế hành khách từ ghế người lái	191			Hộp số	443
Phân bổ không khí	208	Đệm đỡ thắt lưng	190			tự động	444
Cửa gió	209	thông báo	186, 187, 188			Các vị trí số	
Nút điều khiển	224, 225	nút điều khiển đa chức năng	186, 187, 188, 189, 190			hộp số tự động	444
Lỗi theo dõi của cảm biến camera	351, 354	Đệm đỡ hai bên	189			Bộ hạn chế cần số	447
Vận chuyển bằng phà	459	lưu vị trí	184, 185			tắt	447
Sơ cứu	602	FSC, dán nhãn sinh thái	26			Đèn báo sang số	448
Bộ dụng cụ sơ cứu	602	Nhiên liệu	470, 472			Kính	
Đường ngập	468	mức tiêu thụ nhiên liệu	676			kính dán an toàn/kính cường lực	164
Dung dịch, dung tích	659, 674	đèn báo	470, 472			Hộp đựng găng tay	591
Dung dịch và dầu	673, 674	đồng hồ đo nhiên liệu	84			Gracenote®	515
Đèn sương mù		Nạp nhiên liệu				Tổng trọng lượng xe	667
phía trước	157	nạp	469			GSI - Hỗ trợ cần số	448
phía sau	157	nạp ống dẫn nhiên liệu	468			H	
Phanh chân	435	Bình nhiên liệu				Phanh tay	438
Bổn C	459	thể tích	674			Rửa xe thủ công	649
Ghế trước		Hơi nhiên liệu	470			Đĩa cứng	
Điều khiển điều hòa	213	Hộp cầu chì	631			dung lượng	543
Quạt	224	Cầu chì				Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm	159
		thay	632			HDC	464
sưởi	215, 216	Thông tin chung	631			Đèn pha	
Nhiệt độ	226	trong khoang hành lý	539			điều chỉnh độ cao	150
Thông gió	217	trong khoang động cơ	633				
Ghế trước, chỉnh thủ công	182	dưới hộp đựng găng tay	636				
Ghế trước, chỉnh điện	183						
điều chỉnh ghế	183						

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Điều khiển đèn pha	148, 162	Hỗ trợ khởi hành ngang dốc		Chiếu sáng bảng táp lô	162
Cân bằng đèn pha	150	Hỗ trợ Khởi hành Ngang dốc (HSA)	442	Tổng quan về bảng táp lô	
Đèn pha		Hỗ trợ Khởi hành Ngang dốc	442	xe có vô lăng bên trái	76
nắp	621	HomeLink®	493	xe có vô lăng bên phải	77
đệm tựa đầu	194	chương trình	494	Bảng táp lô và nút điều khiển	76, 77
Màn hình kính chắn gió		sử dụng	496	Ghế trẻ em tích hợp	72
bật và tắt	139	Thời gian chiếu sáng an toàn	159	hạ xuống	73
vệ sinh	644	Còi	199	nâng lên	73
cài đặt	140	I		IntelliSafe	
lưu vị trí	140, 184, 185	IAQS (Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe)	206	Hỗ trợ người lái	33
thay kính chắn gió	615	IC (Rèm Bơm khí)	57	Hệ thống Chất lượng Không khí Trong xe	206
Màn hình kính chắn gió	138	ID, Volvo	28	Chiếu sáng trong xe	160, 162
Vòi phun nước sấy kính	174	Số khung	41	Gương chiếu hậu trong xe	167
Hệ thống sưởi	237	Vị trí đánh lửa	432, 433	Chống chói	168
hệ thống sưởi phụ	239	Hệ thống khóa chống trộm	256	Gạt nước ngắt quãng	175
hệ thống sưởi khi đỗ xe	238	Hệ thống khóa chống trộm		Internet, xem xe được kết nối Internet	536
Sưởi		Hệ thống khóa chống trộm	256	Xe được kết nối Internet	
ghế	215, 216	Biểu tượng đèn báo	90	đặt lịch bảo trì và sửa chữa	609
vô lăng	218	Chế độ lái cá nhân	449	gửi thông tin xe	610
Cửa sổ	222, 223	Rèm bơm khí	57	cập nhật hệ thống	607
Điều chỉnh độ cao	459, 462	Rèm Bơm khí	57	Kết nối iPod®	518
Nhiệt độ động cơ cao	480	Màn hình thông tin	79, 83	IPTMS - Hệ thống Theo dõi Áp suất Lốp xe	566
				Gián tiếp	
Rửa xe bằng áp suất cao	651	Hệ thống thông tin giải trí (Âm thanh và phương tiện giải trí)	500		
Hỗ trợ đỗ dèo	464				
bật bằng nút chức năng	465				
Hỗ trợ Đỗ dèo	463, 464, 465				

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

J		Đèn		đèn chạy ban ngày	152
Kích	571	thay	619	đèn cốt	152
Thông kê chuyển đi	87	vị trí	622	xi nhan	155
Kích nổ	481	thông số kỹ thuật	625	chiếu sáng màn hình	162
K		toa móc	488	đèn phanh khẩn cấp	158
Trọng lượng không tải	667	Hỗ trợ đi đúng làn đường		đèn sương mù	157
Chìa khóa	243	vận hành	390, 391	Đèn nhấp nháy cảnh báo nguy hiểm	159
Bàn phím	122, 125	Hỗ trợ đi đúng làn đường - Hỗ trợ Đi đúng Làn đường (LKA)	388, 390, 391, 392, 394	cân bằng đèn pha	150
thay đổi ngôn ngữ	125	Hỗ trợ Đi đúng Làn đường (LKA)	388, 390, 391, 392, 394	chiếu sáng an toàn	159
Điều khiển từ xa		Ngôn ngữ	128	chiếu sáng bảng táp lô	162
Khóa/mở khóa	267	Da bọc, hướng dẫn rửa xe	646	trong khoang hành khách	160, 162
cài đặt	268	Kiểm soát cân bằng		các vị trí đèn	622
màn hình cảm ứng	266	cài đặt	462	đèn pha	153, 154
Bàn phím trong vô lăng	199	Thỏa thuận bản quyền	93, 544	đèn định vị	151
Móc chìa khóa	243	Dụng cụ nâng	571	đèn sương mù phía sau	157
L		Chiếu sáng		cài đặt	149
Nhãn		đèn điều chỉnh góc chiếu chủ động	156	Chiếu sáng, thay bóng đèn	619
vị trí	662	đèn báo chủ xe	160	đèn chạy ban ngày/đèn định vị	
Kính dán an toàn	164	chiếu sáng tự động, khoang hành khách	160	phía trước	624
		Đèn pha tự động	154	đèn cốt	622
		đèn phanh	158	xi nhan phía trước	624
		bóng đèn, thông số kỹ thuật	625	nới lỏng nắp hình bầu dục	621
		nút điều khiển	148, 160, 162	đèn pha	623
		chiếu sáng nút điều khiển	162	tháo nắp nhua	620
		đèn chiếu góc	157	Hạn chế của Chức năng Kiểm soát	387
				Bảo động Người lái	
				Chế độ chạy chậm	443
				Giá chờ hành lý	594

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Xếp hành lý		bảo dưỡng		O	
Thông tin chung	593	Chống gỉ	653	chỉ số octane	470
lỗ luồn dây buộc hành lý	596	Tải trọng tối đa của nóc xe	667	Dầu, cũng xem Dầu động cơ	671, 672
hành lý dài	593	Trình phát phương tiện giải trí	511, 512, 513	Mức dầu thấp	617
Móc xếp	595	định dạng tập tin tương thích	519	Xe trực tuyến	536
Lỗ luồn dây buộc hành lý		điều khiển bằng giọng nói	144	không có kết nối hoặc kết nối yếu	541
khoang hành lý	596	Thông báo và biểu tượng		Tùy chọn/phụ kiện	23
Khóa		Kiểm soát Hành trình Chủ động	323	Công suất	670
khóa	245	Cảnh báo Va chạm bằng Phanh Tự động	367	đồng hồ nhiệt độ bên ngoài	89
mở khóa	245	Thông báo trong BLIS	373	Quá nhiệt	480, 486
Bu lông bánh xe có thể khóa được	572	Thông báo trong màn hình	101, 136	Hỗ trợ Vượt	318, 319, 335, 336
Xác nhận khóa	242	quản lý	102, 136	Thông tin chủ sở hữu	18
cài đặt	243	đã lưu	103, 137	Sách hướng dẫn sử dụng	23
Khóa/mở khóa		Đồng hồ		dán nhãn sinh thái	26
cốp sau	247, 268	đồng hồ nhiên liệu	84	trong màn hình trung tâm	19, 20
Ắc quy yếu điện		Quãng đường đã đi được	84	trong điện thoại di động	22
Ắc quy	481	Động cơ		P	
Hạ phần phía sau	593	động hơi trong đèn pha	648, 650	PACOS (Công tắc Tắt Túi khí của Hành khách)	54
Kiểm soát tốc độ thấp	462	Điện thoại di động, xem Điện thoại	528	Lấy trên vô lăng	199
bật bằng nút chức năng	463	Đèn rọi	161	Lớp sơn	
M		Cảm biến chuyển động	281	mã màu	655
Đèn pha	153, 154	N		hồng lớp sơn và sơn lại	654, 655
Duy trì điều hòa thoải mái	235	Lưới			
khởi động/tắt	235	khoang hành lý	600		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Cửa sổ trời		Bên trong khoang hành khách	586	Hỗ trợ đỗ xe di động	421, 422, 425, 426, 427, 428
mở và đóng	171	ổ cắm điện	588	- PAP	648
bảo vệ chống kẹp	164	hộp đựng găng tay	591	Đánh bóng	151
rèm che nắng	170, 173	Tấm che nắng	592	Cốp sau chạy điện	273
vị trí thông gió	172	bảng điều khiển bên dưới	587	Cửa sổ trời chạy điện	170
PAP - Hỗ trợ Đỗ xe Chủ động	421, 422, 425, 426, 427, 428	Chiếu sáng khoang hành khách		Chế độ tiết kiệm điện	481
Hỗ trợ Đỗ xe	405, 406, 407, 408, 409, 410	tự động	160	Ghế chỉnh điện	183
chức năng	405, 406, 407	Thông tin cá nhân (Chính sách quyền riêng tư của khách hàng)	38	Cửa sổ chỉnh điện	165, 166
Camera hỗ trợ đỗ xe	411, 412, 414, 416, 418, 419, 420	xăng	470	bảo vệ chống kẹp	164
cài đặt	417	Bộ lọc hạt xăng	471	Điều hòa sẵn	230
Hạn chế của camera hỗ trợ đỗ xe	418	Điện thoại	527	khởi động/tắt	231
Hệ thống hỗ trợ đỗ xe cho camera hỗ trợ đỗ xe	414	Cuộc gọi	532, 534	Bộ hẹn giờ	232
Đỗ xe		đổi sang một điện thoại khác	531	Chính sách quyền riêng tư (Chính sách quyền riêng tư của khách hàng)	38
trên dốc	440	kết nối	528	Khóa riêng tư	279
Phanh tay	438	kết nối tự động	530	Bật/tắt	279
bật và tắt	438	kết nối thủ công	531	Lưới mắt to bảo vệ	599
tự động bật	440	ngắt kết nối	531	Lưới mắt nhỏ bảo vệ	600
ắc quy yếu điện	440	gỡ	532	Bơm lốp	583
Điều hòa khi đỗ xe	230	tin nhắn văn bản	533	Thùng lốp	579
Biểu tượng và thông báo	236	điều khiển bằng giọng nói	143		
Hệ thống sưởi khi đỗ xe	238	Hệ thống Lái Bán	325, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 335, 336, 337, 338, 339		
Công tắc Tắt Túi khí của Hành khách	54	Tự động vượt	335, 336		
Bộ lọc khoang hành khách	207	Bảo vệ chống kẹp	164		
Bộ lọc khoang hành khách (Hệ thống sưởi khi đỗ xe)	238	cài đặt lại	165		
		Mã PIN	539		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

R					
Cảm biến radar	311, 341	hạ gối tựa đầu	192, 198	Chìa khóa điều khiển từ xa	243
Hạn chế	342	Nhiệt độ	226	thay pin	249
Thiết bị radar	341	Gương chiếu hậu và gương cửa		kết nối với hồ sơ người lái	134
Đài	505	la bàn	497, 498	lưới chia khóa có thể tháo rời	254
thay đổi tần số vô tuyến và đài phát thanh	506	Chống chói	168	mất	252
DAB	510	cửa	167, 169	phạm vi hoạt động	248
		chính điện/gập vào được	169	Hệ thống chia khóa điều khiển từ xe,	257
				loại được chấp nhận	
tìm kiếm đài phát thanh	507	sưởi	223	Cập nhật hệ thống	607
cài đặt	508	bên trong xe	167	Cài đặt lại, đồng hồ đo hành trình	87
khởi động	505	cửa sổ phía sau		Cài đặt lại gương cửa	169
điều khiển bằng giọng nói	144	sưởi	223	Khôi phục cài đặt	130
Đài yêu thích	507	Nước rửa kính	178, 179	thay đổi chủ sở hữu	130
Cảm biến mưa	175, 176	Cần gạt nước	178, 179	Hồ sơ người lái	135
Chức năng ghi nhớ của cảm biến mưa	176	Khuyến cáo trong quá trình lái xe	466	Gương cửa chỉnh điện gập vào được	169
Nâng xe	611	Khuyến cáo về xếp hành lý	593	Camera lùi	411, 412, 414, 416, 417, 418, 419, 420
Nâng phần phía sau	593	Cứu hộ	493	Cảm biến lùi	405, 406, 407, 408, 409, 410
Cửa phía sau		Chìa khóa Đò	252		
rèm che nắng	167	cài đặt	253	Bảo vệ chống trượt ra	396, 397, 398
Ghế phía sau		Môi chất lạnh	614	khởi đường	
				Thông tin biển báo giao thông	378, 379, 380, 382
điều chỉnh theo chiều dọc	195	hệ thống điều khiển điều hòa	674	Hạn chế	385
				vận hành	380, 382, 383, 384
điều chỉnh độ nghiêng của đệm ngả lưng	196	Nạp nhiên liệu	469	Hệ thống Kiểm soát Chống lật	287
Điều khiển điều hòa	213	AdBlue	476	Tải trọng nóc xe, khối lượng tối đa	667
vào/ra	197	Tái tạo	471, 474	RSC (Hệ thống Kiểm soát Chống lật)	287
Quạt	225	Điều khiển từ xa HomeLink®		Hết nhiên liệu	
gối tựa đầu	194	lập trình được	493	diesel	473
sưởi	216	Hệ thống khóa chống trộm điều khiển từ xa	256		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Chống gi	653	cảm biến		khởi động	292
S		Chất lượng không khí	207	tắt tạm thời	293
An toàn	44	Điều khiển điều hòa	203	Định mức tốc độ, lốp xe	561
phụ nữ có thai	44	Sensus		Kiểm soát quay	287
Chế độ an toàn	58	kết nối và giải trí	34	Hệ thống cân bằng	
khởi động/di chuyển	58	Dẫn đường Sensus	382	toa móc	487
Dung dịch keo	579	Vị trí bảo trì	658	Hệ thống kiểm soát cân bằng và	287,
				lực kéo	290
Ghế ngồi, xem Ghế ngồi	182	Chương trình bảo trì	606	vận hành	289
Dây đai an toàn	46	Cài đặt thời gian	306	Hệ thống cân bằng	287
thắt/tháo	47	Cài đặt		Vết bẩn	643, 645, 646, 647
phụ nữ có thai	44	Danh mục	131	Khởi động/Dừng	
nhắc nhở thắt dây đai an toàn	50	bối cảnh	129	chức năng của xe	455
bộ căng dây đai an toàn	48	Cài đặt lại	130	tắt	457
Dây đai an toàn, xem Dây đai an toàn	46	Túi khí hai bên	56	Lái xe	455
Nhắc nhở thắt dây đai an toàn	50	Hệ thống Bảo vệ Chống Tác động Hai bên	56, 57	Hạn chế	457
bộ căng dây đai an toàn		Thẻ SIM	539	Khởi động động cơ	430
Cài đặt lại	49	SIPS (Hệ thống Bảo vệ Chống Tác động Hai bên)	56, 57	sau va chạm	58
Bộ căng dây đai an toàn	48	Trượt	467	Khởi động xe	430
Ghế ngồi		điều kiện lái xe trơn trượt	467	Trợ lái khi có nguy cơ va chạm	
sưởi	215, 216	Cập nhật phần mềm	37	395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403,	404
				Trợ lái khi có nguy cơ va chạm	399,
ghế phía trước chỉnh tay	182	Bộ lọc muối than	474	với xe phía trước	400
ghế phía trước chỉnh điện	183	Trải nghiệm âm thanh	501	Trợ lái khi có nguy cơ va	401, 402,
				chạm với xe phía sau	403
lưu vị trí	184, 185	bánh xe dự phòng	576,	Lực đánh lái, liên quan đến tốc độ	286
			577		
Thông gió	217	Camera tốc độ	384	Mức độ lực đánh lái, xem Lực	286
				đánh lái	
bảo vệ cổ	45	Hệ thống giới hạn tốc độ	291, 294, 295, 299		
		tắt	294		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Khóa vô lăng	199	Biểu tượng		Hệ thống phát hiện góc nghiêng	281
Vô lăng	199, 200	biểu tượng đèn báo	90	Dụng cụ	571
sưởi	218	biểu tượng cảnh báo	92	Phần trên cùng	128
bàn phím	199	Biểu tượng và thông báo		Chức năng thông khí toàn bộ	243
lẫy	199	Kiểm soát Hành trình Chủ động	323	Thanh kéo	482
điều chỉnh vô lăng	200	trường trạng thái màn hình trung tâm	120	gập được	484
Lẫy trên vô lăng	445	Cảnh báo Va chạm bằng Phanh Tự động	367	thông số kỹ thuật	483
Miếng dán		điều hòa khí đỗ xe	236	Kéo	490, 493
vị trí	662	Biểu tượng và thông báo Hỗ trợ khi có nguy cơ va chạm	404	Công suất kéo và tải trọng móc kéo	668
Mảnh dăm và vết xước	654, 655	cập nhật hệ thống	607	Mắt kéo	491
Chức năng khởi động/dừng	455	T		Kiểm soát lực kéo	287
Vị trí đề đỗ	586	Cốp sau		Thông tin giao thông	508
hộp đựng găng tay	591	Khóa/mở khóa	247, 268	Toa môóc	487
Tâm che nắng	592	mở/đóng bằng cách di chuyển chân	277	cáp	486
bảng điều khiển bên dưới	587	chạy điện	273	lái xe có toa môóc	486
Rèm che nắng		mở khóa từ bên trong	271	Đèn	488
cửa sổ trời	170, 173	Nhiệt độ		đánh võng	487
bảo vệ chống kẹp	164	Điều khiển	226, 227	Hỗ trợ cân bằng toa môóc	288, 487
Cửa phía sau	167	trải nghiệm	203	Hệ thống truyền động	443
Cửa sổ trời		Phụ tùng thay thế tạm thời		Dầu truyền động	
bảo vệ chống kẹp	164	bánh xe dự phòng	576	cáp	673
Tâm che nắng	592	Các điều khoản và điều kiện		Gân lốp	563
chiếu sáng gương	161	dịch vụ	38	Độ sâu gân lốp	563, 577
Ắc quy hỗ trợ	629	người dùng	542	Dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp	563
Đang tắt động cơ	431			Máy tính hành trình	84, 86
Tắt động cơ	431			Đồng hồ đo hành trình	84

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Đồng hồ đo hành trình, cài đặt lại	87	Lốp xe	560	V	
Xử lý sự cố		kích thước	678	Thông gió	208, 209
Kiểm soát Hành trình Chủ động	321	hướng quay	563	ghế ngồi	217
TSA - hỗ trợ cân bằng toa móc	487	lắp đặt	575	Bộ giảm chấn	482
TSA - Hỗ trợ cân bằng toa móc	288	áp suất	680	Video	516, 518
Bảng điều khiển bên dưới	587	vá lốp	579	cài đặt	517
Phát hiện đường hầm	152	tháo	573	Điều khiển bằng giọng nói	
TV	520	quay	560	Điều khiển điều hòa	204
cài đặt	521	thông số kỹ thuật	678, 679, 680	điện thoại	143
xem	521	bảo quản	560	đài và phương tiện giải trí	144
Loại được chấp nhận		độ sâu gân lốp	577	cài đặt	144
hệ thống radar	346	dấu hiệu nhận biết mòn gân lốp	563	Nhận dạng giọng nói	141
thiết bị vô tuyến	349	theo dõi áp suất lốp xe	566	Đánh dấu VOL	560
hệ thống chìa khóa điều khiển từ xa	257	bảng áp suất lốp xe	680	Volvo ID	28
Ký hiệu về chủng loại xe	662	lốp xe đi trong mùa đông	577	tạo và đăng ký	28
Kích thước lốp	561, 571	U		W	
Chỉ số tải trọng lốp	561	Đơn vị	128	Đèn cảnh báo	
Áp suất lốp		Mở khóa		Kiểm soát Hành trình Chủ động	311
Điều chỉnh	564	cài đặt	247	hệ thống kiểm soát cân bằng và lực kéo	287
Kiểm tra	564	bảng lược chia khóa	255	Đèn cảnh báo	
nhãn dán	565	USB		Túi khí - SBS	92
khuyến cáo	565	giắc kết nối phương tiện giải trí	518	Máy phát điện không cấp điện	92
Theo dõi áp suất lốp	566			Lỗi trong hệ thống phanh	92
hành động	570			Áp suất dầu thấp	92
Căn chỉnh	567				
Trạng thái	569				
Bảng áp suất lốp	680				

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

Kéo phanh tay	92	Bánh xe		Lưỡi gạt nước	174
nhắc nhở thắt dây đai an toàn	92	lắp đặt	575	thay	656, 657
ắc quy bộ khởi động không sạc	92	tháo	573	Vị trí bảo trì	658
Cảnh báo	92	xích đi trên tuyết	578	Lưỡi gạt nước và dung dịch nước rửa kính	174
Âm thanh cảnh báo		Bánh xe và lốp xe			
Phanh tay	440	kích thước được chấp nhận	678		
Biểu tượng cảnh báo	92	chỉ số tải trọng lốp xe và định mức tốc độ	561, 679		
An toàn	44	bảo vệ cổ	45		
Biển báo tam giác nguy hiểm	602	Hệ thống Bảo vệ Cổ	45		
Dung dịch nước rửa kính	174, 659	WHIPS (Hệ thống Bảo vệ Cổ)	45		
Vòi phun nước rửa kính, sương	174	Wi-Fi			
Nước rửa kính		kết nối xe với Internet	538		
Đèn pha	177	xóa mạng	541		
cửa sổ phía sau	178, 179	chia sẻ kết nối mạng, điểm phát sóng	540		
dung dịch nước rửa kính, nạp	659	công nghệ và bảo mật	542		
kính chắn gió	177	Cửa sổ			
Bôi sáp	648	rèm che nắng	167		
Trọng lượng		Cửa sổ và kính	164		
trọng lượng không tải	667	Kính chắn gió			
Bu lông bánh xe	572	sưởi	222		
khóa được	572	hình ảnh được chiếu	138, 140		
Thay bánh xe	571	Rửa kính chắn gió	177		
Mâm xe, kích thước	562	Cần gạt nước	174		
Mâm xe		cảm biến mưa	175, 176		
vệ sinh	653	Lái xe trong mùa đông	467		
		Lốp xe đi trong mùa đông	577		
		Bánh xe đi trong mùa đông	577		

CHỈ MỤC THEO THỨ TỰ BẢNG CHỮ CÁI

V O L V O

TP 25781 (English Int.), AT 1817, MY 19, Bản quyền © 2000 - 2018 Volvo Car Corporation